

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Văn Tân

QUAN HỆ TRUNG QUỐC - LIÊN BANG NGA
(2012 - 2024)

LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

Hà Nội - 2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Nguyễn Văn Tân

QUAN HỆ TRUNG QUỐC - LIÊN BANG NGÀ
(2012 - 2024)

Chuyên ngành: Trung Quốc học

Mã số: 9310608.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐÔNG PHƯƠNG HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS.TS. Nguyễn Thị Quế

2. TS. Ngô Tuấn Thắng

XÁC NHẬN NCS ĐÃ CHỈNH SỬA THEO QUYẾT NGHỊ
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN

Chủ tịch hội đồng đánh giá
Luận án Tiến sĩ

Người hướng dẫn khoa học

PGS.TS. Bùi Thành Nam

PGS.TS. Nguyễn Thị Quế

Hà Nội - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án tiến sĩ "Quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)" là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi, có sự hỗ trợ từ tập thể giáo viên hướng dẫn là PGS.TS. Nguyễn Thị Quế và TS. Ngô Tuấn Thắng. Những thông tin, số liệu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét và đánh giá được nghiên cứu sinh thu thập từ nhiều nguồn khác nhau, có nguồn gốc rõ ràng, thể hiện trong phần Tài liệu tham khảo. Các kết quả nghiên cứu trong luận án do tôi tìm hiểu, phân tích một cách trung thực, khách quan. Các kết quả này chưa từng được công bố trong bất kỳ nghiên cứu nào khác.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Văn Tân

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến: Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Khoa Đông phương học, các giảng viên, các nhà sư phạm đã tận tình tham gia quản lý, giảng dạy, giúp đỡ, cung cấp tài liệu, hướng dẫn tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Đặc biệt tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Nguyễn Thị Quế và TS. Ngô Tuấn Thắng đã tận tình giúp đỡ, hướng dẫn đề tài, định hướng các vấn đề nghiên cứu trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận án.

Mặc dù tôi đã có nhiều cố gắng, song chắc chắn luận án không tránh khỏi những sai sót, rất mong nhận được sự đóng góp, chỉ dẫn, giúp đỡ của quý Thầy Cô giáo để tôi sửa chữa, hoàn thiện luận án của mình.

Trân trọng cảm ơn!

Nghiên cứu sinh

Nguyễn Văn Tân

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

MỤC LỤC 1

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT 4

DANH MỤC CÁC BẢNG 5

MỞ ĐẦU 6

1. Lý do chọn đề tài 6

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu 8

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 9

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu 9

5. Đóng góp của Luận án 11

6. Nguồn tài liệu tham khảo 12

7. Bố cục của Luận án 12

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU 14

1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến Luận án..... 14

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của

Trung Quốc 14

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của

Liên bang Nga 20

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga... 27

1.2. Khái quát tình hình nghiên cứu và những vấn đề Luận án cần tiếp tục
nghiên cứu..... 33

1.2.1. Khái quát tình hình nghiên cứu 33

1.2.2. Những vấn đề Luận án cần tiếp tục nghiên cứu..... 38

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN

QUAN HỆ TRUNG QUỐC - LIÊN BANG NGA (2012 - 2024)..... 40

2.1. Cơ sở lý luận 40

2.1.1. Một số khái niệm 40

2.1.2. Khung phân tích của Luận án 68

2.2. Các nhân tố tác động đến quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024).....	72
2.2.1. Tình hình thế giới, khu vực và quan điểm, chính sách của một số nước lớn về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)	72
2.2.2. Tình hình Trung Quốc, Liên bang Nga và chính sách đối ngoại của hai nước đối với nhau (2012 - 2024)	82
2.2.3. Vai trò của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Liên bang Nga Putin trong quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024).....	97
2.2.4. Khái quát quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga trước năm 2012.....	104
Tiểu kết chương 2	109
Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ TRUNG QUỐC - LIÊN BANG NGÀ (2012 - 2024).....	111
3.1. Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao	111
3.2. Trên lĩnh vực kinh tế.....	120
3.2.1. Về thương mại	120
3.2.2. Về đầu tư	130
3.2.3. Về năng lượng	134
3.3. Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh.....	139
3.3.1. Về quốc phòng.....	139
3.3.2. Về an ninh.....	150
3.4. Trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục - du lịch.....	154
3.4.1. Về văn hoá.....	154
3.4.2. Về giáo dục.....	158
3.4.3. Về du lịch.....	163
Tiểu kết chương 3	166
Chương 4. NHẬN XÉT, TRIỂN VỌNG QUAN HỆ TRUNG QUỐC - LIÊN BANG NGÀ ĐẾN NĂM 2030 VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM	169
4.1. Nhận xét quan hệ Trung Quốc – Liên bang Nga (2012 - 2024).....	169
4.1.1. Thành tựu và hạn chế của quan hệ Trung Quốc và Liên bang Nga (2012 - 2024).....	169

4.1.2. Đặc điểm quan hệ Trung Quốc và Liên bang Nga (2012 - 2024)	188
4.1.3. Tác động của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga đối với hai nước, thế giới, khu vực và Việt Nam	195
4.2. Triển vọng quan hệ hai nước đến năm 2030	218
4.2.1. Cơ sở dự báo	218
4.2.2. Các kịch bản	223
4.3. Khuyến nghị cho Việt Nam	229
4.3.1. Trong quan hệ với nước lớn	229
4.3.2. Trước quan hệ Trung Quốc và Liên bang Nga	231
4.3.3. Trong quan hệ với Trung Quốc và Liên bang Nga	232
Tiểu kết chương 4	238
KẾT LUẬN	241
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN	
QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	248
TÀI LIỆU THAM KHẢO	249
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu và từ viết tắt	Tiếng Anh	Tiếng Việt
1	BRI	Belt and Road Initiative	Vành đai, Con đường
2	BRICS	Brazil, Russia, India, China, and South Africa	Brazil, Russia, India, China, and South Africa
3	CPC	Communist Party of China	Đảng Cộng sản Trung Quốc
4	SCO	Shanghai Cooperation Organization	Tổ chức Hợp tác Thượng Hải
5	ADMM	ASEAN defence - military meeting	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN
6	ASEAN	Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
7	FDI	Foreign Direct Investment	Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài
8	CNPC	China National Petroleum Corporation	Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.1: Kim ngạch thương mại Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024) ...	121
Bảng 3.2: Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường Liên bang Nga (2012 - 2024)	124
Bảng 3.3: Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Liên bang Nga sang thị trường Trung Quốc (2012 - 2024).....	126
Bảng 3.4: Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Trung Quốc và Liên bang Nga sang nhau (2012 – 2024)	131
Bảng 3.5: Tổng khối lượng và giá trị thương mại dầu khí Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)	135
Bảng 3.6: Số lượng sinh viên Liên bang Nga học tại Trung Quốc (2012 - 2024)	159
Bảng 3.7: Số lượng sinh viên Trung Quốc học tại Liên bang Nga (2012 - 2024)	160
Bảng 3.8: Thống kê lượng khách du lịch giữa Trung Quốc và Liên bang Nga (2012 - 2024)	164

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trên bản đồ chính trị thế giới, Trung Quốc và Liên bang Nga đều là những nước lớn, có ảnh hưởng quan trọng đối với trật thế giới, khu vực, cũng như với Việt Nam. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực hiện ngày càng có nhiều biến động khó lường, quan hệ Trung - Nga cũng đang có nhiều thay đổi. Quan hệ Trung - Nga hiện nay được coi là “mối quan hệ đặc biệt” khi hai nước trong tuyên bố chung trong chuyến thăm Trung Quốc năm 2024 của Tổng thống Putin về một mối quan hệ hợp tác “không giới hạn”. Xu hướng mối quan hệ này có khả năng sẽ tác động đến quá trình hình thành một trật tự thế giới mới. Vì vậy, mối quan hệ đối tác chiến lược Trung - Nga hiện đang trở thành tâm điểm chú ý của các nhà nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam.

Năm 2012, Chủ tịch Tập Cận Bình lên nắm quyền và sự trở lại chính trường của Tổng thống Putin đã đánh dấu một sự khởi đầu cho quan hệ hai nước trong thập niên thứ hai của thế kỷ XXI. Hai vị lãnh đạo được cho là có tương đồng về phong cách lãnh đạo với những chính sách quyết đoán trong cách thức triển khai mục tiêu chiến lược quốc gia đã mang lại một luồng gió mới trong quan hệ song phương Trung - Nga, khiến cho mối quan hệ này ngày càng trở lên nồng ấm, gắn kết hơn. Tính chất của mối quan hệ này không những được các nhà nghiên cứu, giới học giả đánh giá là giai đoạn tốt nhất trong lịch sử, mà còn được chính các lãnh đạo cấp cao hai nước đưa ra như tuyên bố của Tổng thống Putin trong cuộc gặp Chủ tịch Tập Cận Bình ngày 30/12/2022 đã nêu rõ: *“Mối quan hệ Nga - Trung Quốc là hình mẫu cho sự hợp tác chân thành trong thế kỷ XXI. Mối quan hệ hai nước đang ở mức tốt nhất trong lịch sử”* [Кремль, 2022]. Hoặc như trong Tuyên bố chung giữa hai nước ngày 04/2/2022 về *“Tình hữu nghị giữa hai nhà nước là không giới hạn, không có lĩnh vực hợp tác ‘bị cấm’”* [中国外交部, 2022].

Tính chất mối quan hệ gắn kết này càng được thể hiện rõ nét khi cả hai nước hiện nay đều có chung sức ép từ phía Mỹ và các nước đồng minh của Mỹ. Dường như sức ép từ phía Mỹ và các nước đồng minh là chất xúc tác giúp cho sự ngày càng gần gũi hơn giữa Trung Quốc và Nga, nhất là sau các sự kiện cả Trung

Quốc và Nga có xung đột lợi ích với Mỹ và các đồng minh như vấn đề bán đảo Crimea (2014), xung đột thương mại Mỹ - Trung (2018) và xung đột quân sự Nga - Ukraina (2022). Đặc biệt, mối quan hệ Trung - Nga được thể hiện một cách rõ nét qua cuộc hội đàm giữa Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin tại Bắc Kinh vào ngày 16/5/2025, trong đó hai bên tái khẳng định cam kết chiến lược nhằm mở rộng và làm sâu sắc hơn quan hệ song phương trên các lĩnh vực chủ chốt. Việc kim ngạch thương mại song phương tăng gần 25%, đạt 227 tỷ USD, không chỉ phản ánh hiệu quả hợp tác kinh tế thực chất mà còn khẳng định vai trò trung tâm của Trung Quốc trong chiến lược hướng Đông của Liên bang Nga [Quân đội Nhân dân, 2024]. Mặc dù quan hệ Trung - Nga thể hiện sự gắn kết và nồng ấm bên ngoài, thực chất đây vẫn là quan hệ giữa hai cường quốc láng giềng - vừa chia sẻ nhiều lợi ích chung, vừa tồn tại không ít mâu thuẫn lịch sử. Cho đến nay, giữa hai nước vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết và tiếp tục cạnh tranh trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, những tồn tại và cạnh tranh giữa hai nước hiện chưa được đặt là mục tiêu mang tính cấp bách và mang tính ưu tiên cần phải giải quyết ngay. Do mối quan hệ Trung - Nga luôn ẩn chứa, tồn tại đan xen sự hợp tác và cạnh tranh nên Luận án sẽ thông qua việc sử dụng lăng kính của ngành khu vực học, đất nước học, Trung Quốc học, kết hợp với lý thuyết của chuyên ngành quan hệ quốc tế như: chủ nghĩa Hiện thực, chủ nghĩa Tự do, chủ nghĩa Kiến tạo và chủ nghĩa Marx, đồng thời tiến hành làm rõ những khái niệm liên quan đến mối quan hệ hai nước Trung - Nga như: lợi ích quốc gia, quyền lực, hệ thống cấu trúc quốc tế, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, cạnh tranh địa chính trị... để làm rõ hai mặt vừa hợp tác, vừa cạnh tranh của mối quan hệ Trung - Nga hiện nay.

Việt Nam đã từng trải qua và quan sát một cách sâu sắc những biến động trong quan hệ giữa Trung Quốc với Liên Xô trước đây, cũng như với Liên bang Nga hiện nay, trong đó những chuyển biến này có ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh quốc gia của Việt Nam. Trên cơ sở đó, có thể khẳng định rằng quan hệ Trung - Nga luôn tạo ra những tác động đáng kể, cả trực tiếp lẫn gián tiếp, đối với môi trường an ninh - đối ngoại của Việt Nam. Ngày nay, cả Trung Quốc và Nga đều là

những đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam, vì vậy việc nghiên cứu quan hệ Trung - Nga luôn được đặt ra như một nhu cầu cấp thiết đối với các nhà nghiên cứu Việt Nam bởi nó có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Việc nghiên cứu quan hệ Trung - Nga sẽ giúp Việt Nam lý giải được bản chất của mối quan hệ này, qua đó dự báo những ảnh hưởng từ sự hợp tác hoặc cạnh tranh giữa các cường quốc, nhất là quan hệ tam giác Mỹ - Trung - Nga, từ đó đưa ra được các chủ trương, chính sách, biện pháp phù hợp, phục vụ hiệu quả nhiệm vụ đảm bảo an ninh quốc gia, lợi ích dân tộc. Ngoài ra, việc nghiên cứu mối quan hệ Trung - Nga sẽ giúp Việt Nam có được bài học kinh nghiệm thực tế trong việc cân bằng quan hệ Nga và Trung Quốc khi quan hệ hai nước trước những diễn biến mới của tình hình thế giới hiện nay luôn có những sự thay đổi từ cạnh tranh, đối đầu sang hợp tác sâu rộng và ngược lại..... Do đó, việc triển khai những nghiên cứu vừa cơ bản, vừa hệ thống, chuyên sâu về quan hệ Trung - Nga, nhằm cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn để phục vụ cho công tác tham mưu, tư vấn chính sách đối ngoại với hai quốc gia hiện là đối tác đặc biệt quan trọng của Việt Nam càng trở thành một nhiệm vụ cấp thiết hơn bao giờ hết.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, nên tác giả chọn đề tài ***“Quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)”*** làm luận án tiến sĩ chuyên ngành Trung Quốc học.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận, nhân tố tác động, Luận án làm rõ thực trạng mối quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga từ năm 2012 đến năm 2024 trên các lĩnh vực: chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và văn hoá - xã hội - du lịch, từ đó rút ra nhận xét, dự báo triển vọng và khuyến nghị cho Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu trên, Luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- *Thứ nhất*, Luận án hệ thống hoá cơ sở lý luận và khung phân tích quan hệ quốc tế song phương và đánh giá các nhân tố tác động đối với quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024.

- *Thứ hai*, Luận án làm rõ sự vận động của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga trên các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và văn hoá - giáo dục - du lịch giai đoạn 2012 - 2024.

- *Thứ ba*, Luận án đưa ra nhận xét về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga bao gồm: thành tựu, hạn chế, đặc điểm, đánh giá những tác động của mối quan hệ này đến hai nước, thế giới, khu vực và Việt Nam giai đoạn 2012 - 2024. Đồng thời dự báo quan hệ giữa hai nước đến năm 2030 và khuyến nghị cho Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của Luận án là Quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi thời gian nghiên cứu*: Đề tài tập trung phân tích quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024 (năm 2012 là năm diễn ra Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Cộng sản Trung Quốc khi Chủ tịch Tập Cận Bình lên nắm quyền và việc Tổng thống Putin trở lại chính trường làm tổng thống, thời gian năm 2024 là năm hai nước kỷ niệm 75 năm ngày hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao và cũng là năm kết thúc nhiệm kỳ thứ 5 của Tổng thống Putin). Đồng thời, Luận án tham khảo một số mốc tiền đề trước đó (như thời kỳ 1991 - 2011) để làm rõ sự chuyển đổi chiến lược.

- *Phạm vi không gian nghiên cứu*: Đề tài tập trung phân tích mối quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Liên bang Nga.

- *Phạm vi nội dung nghiên cứu*: Đề tài tập trung phân tích quan hệ song phương Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024 trên một số lĩnh vực chủ yếu như: chính trị - ngoại giao (Nhà nước), kinh tế, quốc phòng - an ninh, và văn hoá - giáo dục - du lịch.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Đề tài sử dụng lý thuyết của ngành khu vực học, đất nước học, Trung Quốc học, lịch sử học, địa chính trị, địa chiến lược và không gian chiến lược, và quan hệ

quốc tế (chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa Marx - Lênin và các khái niệm liên quan như: lợi ích quốc gia, quyền lực, hệ thống cấu trúc quốc tế, quan hệ đối tác chiến lược, cạnh tranh địa chiến lược...) làm lăng kính để đánh giá, nhận diện thực trạng quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga trong giai đoạn 2012 - 2024.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sẽ sử dụng linh hoạt các phương pháp nghiên cứu của các ngành khu vực học, đất nước học (Trung Quốc học), quốc tế học, sử học, chính trị học, kinh tế học... để làm rõ bản chất quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn từ năm 2012 - 2024, cụ thể là:

- Phương pháp phân tích định tính: nghiên cứu tài liệu, chính sách, tuyên bố ngoại giao giữa Trung Quốc và Liên bang Nga và các số liệu thứ cấp khác.

- Phương pháp phân tích so sánh: so sánh chính sách đối ngoại của Trung Quốc và Liên bang Nga trong từng giai đoạn.

- Phương pháp phân tích tài liệu: sử dụng các báo cáo chính phủ, bài viết học thuật, báo chí chính thống và tài liệu quốc tế để phân tích về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga.

- Phương pháp phân tích diễn ngôn (discourse analysis): nghiên cứu tuyên bố chính trị, báo cáo của lãnh đạo hai nước và truyền thông để phân tích chính sách đối ngoại của hai nước.

- Phương pháp phân tích dữ liệu định lượng phụ trợ: thống kê về thương mại, quốc phòng, đầu tư, năng lượng giữa hai nước phục vụ làm căn cứ phân tích thực trạng quan hệ hai nước trên các lĩnh vực.

- Phương pháp tổng hợp, phương pháp lịch sử (đồng đại và lịch đại) nhằm phân tích mối quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga tại các thời điểm lịch sử, sự kiện và trên các lĩnh vực khác nhau.

- Phương pháp dự báo: phục vụ dự báo quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga đến năm 2030.

Những phương pháp nghiên cứu kể trên sẽ được kết hợp và vận dụng đan xen, linh hoạt trong Luận án.

5. Đóng góp của Luận án

5.1. Đóng góp về khoa học

(1) Luận án nghiên cứu các nhân tố tác động đến quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hoá, giáo dục, du lịch, đồng thời, đánh giá thành tựu, hạn chế, tác động của cặp quan hệ này đối với mỗi quốc gia, thế giới, khu vực và Việt Nam.

(2) Nghiên cứu trường hợp quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga cũng góp phần làm rõ đặc điểm quan hệ giữa hai nước lớn đối với nhau.

(3) Luận án góp phần làm rõ đặc điểm chính sách đối ngoại của Trung Quốc với các nước láng giềng trong tổng thể chiến lược gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực và trên thế giới. Luận án góp phần nhận diện rõ hơn quá trình tương tác cũng như lối tư duy và cách thức Trung Quốc gia tăng quan hệ với các nước láng giềng, trong đó có Liên bang Nga. Từ đó, Luận án góp phần hiểu rõ hơn về đất nước Trung Quốc, tư duy và truyền thống đối ngoại của người Trung Quốc.

(4) Luận án góp phần làm rõ thực trạng đối ngoại của Trung Quốc với các nước láng giềng ở khu vực, trong đó có Liên bang Nga. Trên cơ sở đó, ta có thể rút ra được những bài học lịch sử nhằm thích ứng tốt hơn với những chuyển biến trong quan hệ giữa các nước lớn có tác động trực tiếp đối với Việt Nam, như trường hợp quan hệ Trung Quốc và Liên bang Nga.

5.2. Đóng góp về thực tiễn

Quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga có ý nghĩa thực tiễn quan trọng đối với thế giới, khu vực nói chung và Việt Nam nói riêng, bởi đây là hai cường quốc đều có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và có tác động lớn đối với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực, nhất là đối với sự nghiệp bảo đảm an ninh quốc gia nói chung và toàn vẹn lãnh hải tại khu vực Biển Đông nói riêng.

(1) Nghiên cứu này sẽ cung cấp những luận chứng khoa học tham khảo cho quá trình hoạch định chính sách ngoại giao của Việt Nam - một nước tầm trung luôn chịu ảnh hưởng trước những tác động của cặp quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga khi hai nước này trong chiều dài lịch sử luôn tồn tại sự hợp tác và cạnh tranh với nhau.

(2) Nghiên cứu sẽ là nguồn tư liệu tham khảo có giá trị cho công tác nghiên cứu và giảng dạy trong nước liên quan đến chuyên ngành Trung Quốc học nói chung và mối quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga nói riêng. Ngoài ra, Luận án góp phần hệ thống hoá và cập nhật tư liệu về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga từ năm 2012 đến năm 2024 trên các lĩnh vực, cung cấp tư liệu trong lĩnh vực nghiên cứu về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga ở nước ta trong thời gian tới.

6. Nguồn tài liệu tham khảo

Nguồn tài liệu phục vụ cho nghiên cứu của Luận án bao gồm:

Nhóm thứ nhất: Nguồn tư liệu gốc bao gồm các văn kiện của Chính phủ hai nước Trung Quốc và Liên bang Nga: các hiệp định, hiệp ước, tuyên bố chung, phát biểu của lãnh đạo hai Nhà nước, hai Chính phủ, hoặc các báo cáo tổng hợp, tài liệu đánh giá của các bộ ngành,... được đăng tải chính thức trên website của Bộ Ngoại giao, Chính phủ hai nước, hoặc website cơ quan phát ngôn của Nhà nước, Chính phủ hai nước, báo cáo tổng hợp, tài liệu đánh giá của các bộ ngành Trung Quốc và Liên bang Nga.

Nhóm thứ hai: Tài liệu thứ cấp (các công trình nghiên cứu đã công bố) bao gồm các công trình nghiên cứu, bài viết nghiên cứu của các học giả trong nước và ngoài nước liên quan tới chính sách và quan hệ Trung Quốc và Liên bang Nga đối với nhau được viết hoặc dịch ra bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Nga đã được công bố.

7. Bố cục của Luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục và Tài liệu tham khảo, nội dung chính của Luận án được chia thành 4 chương, bao gồm:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Tác giả hệ thống hóa lại các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan đến những nội dung của Luận án. Từ đó, chỉ ra những khoảng trống để cập nhật, bổ sung vấn đề Luận án cần tiếp tục nghiên cứu.

Chương 2. Cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)

Xuất phát từ góc nhìn của ngành khu vực học, đất nước học, Trung Quốc học và một số lý thuyết về quan hệ quốc tế, chính trị học, Luận án phân tích cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến mối quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024 để thấy rõ hơn cơ sở hình thành và bản chất mối quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024.

Chương 3. Thực trạng quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)

Chương này tập trung phân tích sự vận động của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga trên một số lĩnh vực chủ yếu như: chính trị - ngoại giao, kinh tế, quốc phòng - an ninh và văn hoá - giáo dục - du lịch giai đoạn 2012 - 2024.

Chương 4. Nhận xét, Triển vọng quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga đến năm 2030 và khuyến nghị cho Việt Nam

Chương này Luận án tập trung nhận xét, đánh giá tác động của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024. Đồng thời, Luận án dự báo quan hệ hai nước đến năm 2030 và đưa ra một số khuyến nghị cho Việt Nam.

Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Những công trình nghiên cứu liên quan đến Luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Trung Quốc

Dưới thời Chủ tịch Tập Cận Bình, chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã trải qua những chuyển biến sâu rộng và phức tạp, phản ánh sự thích ứng linh hoạt trước bối cảnh quốc tế biến động, đồng thời thể hiện tham vọng xác lập vị thế cường quốc toàn cầu với tầm ảnh hưởng ngày càng mở rộng. Hàng loạt công trình nghiên cứu của các học giả ở nhiều quốc gia khác nhau đã cố gắng giải mã nội hàm, động lực, mục tiêu, cùng những tác động và hệ quả của quá trình chuyển dịch này. Mặc dù xuất phát từ các bối cảnh, hệ quy chiếu học thuật và lợi ích quốc gia riêng, song những nghiên cứu này có thể được hệ thống hóa theo một số chủ đề chính, cho phép rút ra một bức tranh tương đối toàn diện về chính sách đối ngoại Trung Quốc trong giai đoạn nắm quyền của Chủ tịch Tập Cận Bình.

Tư duy ngoại giao của Trung Quốc từ thời Đặng Tiểu Bình đến thời Tập Cận Bình có sự kế thừa và đổi mới. Một trong những nội dung cốt lõi được nhiều học giả nhắc đến là sự chuyển dịch quan trọng trong tư duy đối ngoại của Trung Quốc kể từ thời Đặng Tiểu Bình đến thời Tập Cận Bình. Chính sách đối ngoại Trung Quốc chịu ảnh hưởng từ giá trị truyền thống, chẳng hạn như triết lý “Hòa hợp” (和合) xuất phát từ Nho giáo. Tác giả Tăng Khánh Đông (2013) nhấn mạnh rằng triết lý này thấm nhuần trong chiến lược “trỗi dậy hòa bình” khi Trung Quốc khuyến khích sử dụng đối thoại, thương lượng và hợp tác để giảm thiểu xung đột. Tuy vậy, khi chuyển sang giai đoạn “ngoại giao nước lớn đặc sắc Trung Quốc”, khía cạnh “hòa hợp” được Trung Quốc diễn giải linh hoạt, kết hợp với những động lực hiện đại như phát huy sức mạnh kinh tế, công nghệ và thể chế để tạo vị thế dẫn dắt trong hệ thống quốc tế [曾庆栋, 2013, tr.61-63].

Trong giai đoạn Đặng Tiểu Bình, tư tưởng “giấu mình chờ thời” nhấn mạnh việc hạn chế đối đầu, tập trung phát triển sức mạnh nội tại. Tuy nhiên, đến giai đoạn Tập Cận Bình, các học giả như Sørensen (2015) và Berkofsky (2016) nhận thấy sự chuyển biến sang chiến lược “phấn đấu vươn lên”, thể hiện sự chủ động hơn nhiều

trong xác lập vai trò toàn cầu [Sørensen, 2015, tr.53-69 và Berkofsky, 2016, tr.109-128]. Trong khi đó, tác giả Lê Văn Mỹ tại Việt Nam cũng hệ thống hóa các giai đoạn phát triển chính sách đối ngoại Trung Quốc, từ “giấu mình chờ thời” sang “ngoại giao nước lớn” và sau đó là “trỗi dậy hòa bình”, trước khi định hình thành “ngoại giao nước lớn đặc sắc Trung Quốc” dưới thời Tập Cận Bình [Lê Văn Mỹ, 2018, tr.26-34]. Trong quá trình này, các tác giả như: Sørensen (2015), Nguyễn Nhâm (2018) và Hoàng Huệ Anh (2022) đã cho rằng “Giấc mộng Trung Hoa” do Tập Cận Bình đề xuất trở thành trung tâm tư tưởng, là cơ sở để định hình tầm nhìn chiến lược dài hạn. “Giấc mộng Trung Hoa” thể hiện khát vọng phục hưng của Trung Quốc, giành lại hào quang từ quá khứ, trở nên hùng mạnh, thịnh vượng và được tôn trọng, vươn mình từ cường quốc khu vực trở thành siêu cường toàn cầu không chỉ về kinh tế và quân sự, mà còn về vị thế chính trị, văn hóa và giá trị. Ngoài ra, các tác giả này cũng đề cập nhiều đến khái niệm “Cộng đồng chung vận mệnh”. Khái niệm này thể hiện mong muốn của Trung Quốc xây dựng một hệ thống quan hệ quốc tế dựa trên hợp tác cùng có lợi, chia sẻ lợi ích phát triển, đồng thời giảm thiểu ảnh hưởng của các cường quốc ngoài khu vực, đặc biệt là Mỹ, trong việc chi phối các vấn đề khu vực [Sørensen, 2015, tr.53-69; Nguyễn Nhâm, 2018, tr.67-72; Hoàng Huệ Anh, 2022].

Nhìn chung, các nghiên cứu trên cho thấy tư duy đối ngoại của Trung Quốc đã thoát khỏi trạng thái bị động, thận trọng, để chuyển sang tự tin, chủ động, với tầm nhìn dài hạn về việc định hình môi trường quốc tế. Sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng truyền thống (hòa hợp, hài hòa) và các khái niệm hiện đại (Giấc mộng Trung Hoa, Cộng đồng chung vận mệnh) làm nổi bật tinh thần “kế thừa và đổi mới” trong tư duy chiến lược đối ngoại của Trung Quốc.

Các Sáng kiến của Trung Quốc đã trở thành công cụ trong ngoại giao kinh tế. Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của chính sách đối ngoại chủ động dưới thời Tập Cận Bình là việc Trung Quốc chủ động đề xuất, triển khai hàng loạt sáng kiến chiến lược với quy mô và tầm ảnh hưởng lớn. Tiêu biểu và thường được nhắc đến nhất là Sáng kiến “Vành đai, Con đường” (BRI). Theo tác giả Mikhalev (2016), BRI không chỉ là dự án kết nối hạ tầng xuyên lục địa, mà còn là chiến lược ngoại giao,

kinh tế nhằm thiết lập không gian kinh tế và chính trị rộng lớn, gắn kết chặt chẽ nhiều khu vực, tạo ra không gian chung về vận mệnh giữa các quốc gia [МИХАИЛЁВ, 2016, tr.88-103].

Nhiều học giả xem BRI là bước đi nhằm tái cấu trúc trật tự quốc tế, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các thể chế do phương Tây kiểm soát. Tác giả Portyakov (2019) tập trung phân tích ý nghĩa kinh tế - chính trị của BRI và nhận định rằng Trung Quốc không chỉ tìm kiếm lợi ích kinh tế, mà còn muốn khẳng định vai trò trung tâm trong quản trị kinh tế toàn cầu. Các thể chế tài chính mới do Trung Quốc dẫn dắt, như Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á (AIIB) hay Ngân hàng Phát triển Mới BRICS, được coi là công cụ để thay đổi cán cân quyền lực kinh tế, tài chính quốc tế, giảm bớt vị thế độc tôn của phương Tây [ПОРТЯКОВ, 2019, tr.44-68]. Song song với BRI, Trung Quốc còn mở rộng việc sử dụng “ngoại giao kinh tế” thông qua đầu tư, viện trợ phát triển, xây dựng các khu vực thương mại tự do thí điểm. Điều này cho phép nước này gây ảnh hưởng lên các nước đang phát triển, tạo dựng “vòng tròn bạn bè” rộng khắp thế giới. Tác giả Dương Sấm (2015) nhấn mạnh rằng kinh tế và thương mại trở thành “cầu nối” để Trung Quốc tiếp cận, thiết lập quan hệ lâu dài, cân bằng chiến lược [杨闯, 2015, tr.82-86]. Tuy nhiên, một số học giả cũng cảnh báo về nguy cơ “ngoại giao bẫy nợ” (debt-trap diplomacy), trong đó Trung Quốc có thể lợi dụng sự phụ thuộc kinh tế để giành ảnh hưởng chính trị, định hướng chính sách đối nội và đối ngoại của phía đối tác [Trần Thị Hải Yến, Đặng Thị Thúy Hà, 2020, tr.3-12].

Bằng các sáng kiến này, Trung Quốc chủ trương đóng vai trò như một bên cung ứng hàng hóa công toàn cầu, từ tài chính, hạ tầng, đến an ninh phi truyền thống, nhằm tăng cường tính chính danh của mình như một cường quốc có trách nhiệm. Sự linh hoạt trong triển khai các sáng kiến chiến lược giúp Trung Quốc điều chỉnh trọng tâm, phạm vi hoạt động tùy theo bối cảnh và khi cần thiết có thể phối hợp kinh tế với ngoại giao chính trị, an ninh, văn hóa để đạt mục tiêu dài hạn.

Chính sách ngoại giao của Trung Quốc là sự kết hợp giữa hợp tác kinh tế mềm dẻo với mục tiêu bảo vệ chủ quyền mang tính cứng rắn. Dù nhấn mạnh sự hợp tác và phát triển, Trung Quốc vẫn coi việc bảo vệ lợi ích cốt lõi và chủ quyền quốc

gia là nguyên tắc bất di bất dịch. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng Trung Quốc thể hiện lập trường cứng rắn trong các tranh chấp lãnh thổ, nhất là tại Biển Đông và Biển Hoa Đông, cũng như vấn đề Đài Loan, Tây Tạng. Tác giả Đỗ Tiến Sâm (2013) phân tích sự kết hợp giữa cứng rắn trong bảo vệ chủ quyền (như xây dựng hạ tầng quân sự, điều tàu tuần tra tại Biển Đông) và mềm dẻo trong kinh tế, đầu tư, đối thoại. Cách tiếp cận này tạo nên một dạng “ngoại giao hai mặt”, trong đó hợp tác không loại trừ lẫn nhau. Trong khi đó, các tác giả Sørensen (2015) và Denisov (2017) nêu bật xu hướng “xác lập giới hạn đỏ” nhằm ngăn chặn sự can thiệp của bên ngoài, khẳng định chủ quyền và kiểm soát trên thực địa [Sørensen, 2015, tr.53-69 và ДЕНИСОВ, 2017, tr.83-98]. Theo đó, chính sách đối ngoại của Trung Quốc vừa mang tính “mềm dẻo” trong hợp tác kinh tế, vừa hàm chứa nguy cơ xung đột khi lợi ích cốt lõi bị đe dọa.

Chính sách “Ngoại giao láng giềng” dưới thời Tập Cận Bình được tác giả Dương Văn Lợi (2018) phân tích kỹ lưỡng, nhấn mạnh ba đặc điểm: nâng cao vị thế ngoại giao với láng giềng, thúc đẩy “giá trị châu Á” và chuyển từ “duy trì ổn định” sang “duy trì quyền lực”. Mặc dù nâng cao hợp tác kinh tế, văn hóa, thúc đẩy phương châm “thân, thành, huệ, dung”, nhưng Trung Quốc vẫn không ngừng khẳng định yêu sách chủ quyền trên Biển Đông, gây mâu thuẫn với mục tiêu xây dựng lòng tin với các đối tác. Hệ quả là, dù kinh tế có thể thắt chặt quan hệ, tranh chấp lãnh thổ và tuyến đường hàng hải chiến lược vẫn cản trở tiến trình hợp tác toàn diện, làm dấy lên nghi ngại về tính chất hòa bình trong “trời dậy hòa bình” của Trung Quốc [Dương Văn Lợi, 2018, tr.64-69]. Trong bối cảnh này, tác giả Nguyễn Nhâm (2018) đặt vấn đề về mâu thuẫn giữa lời nói và hành động. Dưới khái niệm “Quan hệ quốc tế kiểu mới”, Trung Quốc đề cao phát triển hòa bình, an ninh tổng thể, trách nhiệm toàn cầu. Tuy nhiên, việc liên tục gia tăng ngân sách quốc phòng, tiến hành bồi đắp đảo nhân tạo, quân sự hóa Biển Đông lại làm dấy lên lo ngại khu vực. Điều này cho thấy, tuy Trung Quốc muốn đóng vai trò cường quốc có trách nhiệm, nhưng họ vẫn sẵn sàng dùng sức mạnh cứng khi lợi ích cốt lõi bị đe dọa, phản ánh tính hai mặt trong chính sách đối ngoại [Nguyễn Nhâm, 2018, tr.67-72].

Trung Quốc sử dụng tổng hợp các dạng thức quyền lực nhằm mở rộng ảnh hưởng trên phạm vi toàn cầu. Bên cạnh chính trị và an ninh, quan hệ kinh tế đối ngoại trở thành trung tâm trong chính sách đối ngoại Trung Quốc. Sáng kiến BRI, AIIB và các hình thức hợp tác kinh tế khác là công cụ chiến lược để Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng, tạo ra một hệ thống kinh tế liên kết chặt chẽ với Trung Quốc ở vị trí trung tâm [Portyakov, 2019, tr.44-68]. Thông qua việc thúc đẩy thương mại, đầu tư, viện trợ phát triển, xây dựng hạ tầng, Trung Quốc không chỉ mưu cầu lợi ích kinh tế mà còn muốn giành thế thượng phong về chính trị, làm suy yếu thế độc tôn của Mỹ, giảm thiểu khoảng cách với các cường quốc kinh tế truyền thống. Tuy nhiên, “ngoại giao kinh tế” không tồn tại độc lập mà gắn chặt với các dạng thức quyền lực khác. Trước bối cảnh quốc tế đa cực, phức tạp, Trung Quốc không chỉ sử dụng quyền lực cứng (quân sự) hay quyền lực mềm (văn hóa, truyền thông), mà còn khai thác “quyền lực sắc bén” (sharp power) để tác động vào dư luận và thể chế chính trị của các nước khác. Tác giả DeLisle (2020) chỉ ra rằng khi quyền lực cứng và quyền lực mềm đều có giới hạn, Trung Quốc chuyển sang “chiến tranh chính trị”, lợi dụng thông tin, đầu tư chiến lược, mạng xã hội và cộng đồng người Hoa hải ngoại để gây ảnh hưởng kín đáo lên môi trường chính trị nước ngoài [DeLisle, 2020, tr.174-194].

Việc kết hợp các loại hình quyền lực từ kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, đến thông tin đã tạo nên sự linh hoạt, uyển chuyển của chính sách đối ngoại Trung Quốc. Ghiselli (2018) còn đề cập đến lĩnh vực an ninh phi truyền thống như chống khủng bố, cướp biển, thiên tai, nơi Trung Quốc cũng gia tăng vai trò, sử dụng lực lượng quân sự và bán quân sự để bảo vệ công dân và lợi ích kinh tế ở nước ngoài. Đây là sự mở rộng phạm vi can thiệp của Trung Quốc ra ngoài khu vực truyền thống, phản ánh tham vọng toàn cầu của Trung Quốc [Ghiselli, 2018, tr.611-625]. Nhờ vậy, Trung Quốc có thể vừa quảng bá hình ảnh cường quốc trách nhiệm khi cung cấp hàng hóa công như phát triển hạ tầng, hỗ trợ kinh tế vừa sử dụng thủ đoạn tinh vi để giành ảnh hưởng chính trị, giảm thiểu khả năng các nước khác liên kết với đối thủ và từng bước xây dựng trật tự quốc tế có lợi cho Trung Quốc.

Sự chủ động và quyết đoán trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã tạo ra những tác động phức tạp, thu hút sự quan tâm và phản ứng từ cộng đồng quốc tế. Sự trỗi dậy của Trung Quốc không chỉ mở ra cơ hội hợp tác về kinh tế, hạ tầng và thương mại cho nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển, mà còn gây ra những nghi ngại về ý định dài hạn của Trung Quốc. Câu hỏi đặt ra là liệu Trung Quốc có cố gắng “viết lại luật chơi” quốc tế theo hướng có lợi cho mình, ép buộc các quốc gia yếu hơn và thách thức vị thế của Mỹ cùng các nước phương Tây hay không. Hai tác giả Trần Thị Hải Yến và Đặng Thị Thúy Hà (2020) đã chỉ ra rằng: chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” của Mỹ có thể được xem như một phản ứng trực tiếp nhằm cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc. Mỹ cùng các đồng minh và đối tác khác như Nhật Bản, Úc, Ấn Độ và EU đều tìm cách ngăn chặn những tác động tiêu cực từ Sáng kiến BRI, hạn chế “quyền lực sắc bén” của Trung Quốc và xây dựng các sáng kiến cạnh tranh nhằm duy trì cân bằng quyền lực toàn cầu [Trần Thị Hải Yến và Đặng Thị Thúy Hà, 2020, tr.3-12].

Đối với các nước láng giềng như Việt Nam, thách thức trở nên phức tạp hơn. Về mặt kinh tế, hợp tác với Trung Quốc mang lại nhiều lợi ích, nhưng về an ninh, đặc biệt là trong vấn đề Biển Đông, Việt Nam phải thể hiện sự cứng rắn và thận trọng. Nghiên cứu của các tác giả Đỗ Tiến Sâm (2013), Lê Văn Mỹ (2018) và Hoàng Huệ Anh (2021) cùng nhiều học giả khác tại Việt Nam đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hiểu rõ chiến lược của Trung Quốc để từ đó xây dựng các chính sách đối ngoại, quốc phòng và kinh tế phù hợp. Việt Nam cần tận dụng cơ hội hợp tác đồng thời duy trì cảnh giác, đa dạng hóa quan hệ quốc tế nhằm tránh sự phụ thuộc và bảo đảm độc lập trong các quyết định chiến lược. Đối với các nước đang phát triển khác cũng phải đối mặt với tình huống tương tự khi chào đón đầu tư và viện trợ từ Trung Quốc nhưng đồng thời lo ngại về sự phụ thuộc và mất cân bằng quyền lực. Trong khi đó, các nước Mỹ, Nhật Bản và EU đang nỗ lực đa dạng hóa chuỗi cung ứng, duy trì ưu thế công nghệ và cải thiện quan hệ với các đối tác khu vực nhằm đối phó với sự ảnh hưởng của Trung Quốc. Điều này cho thấy, dù Trung Quốc có ý đồ tạo dựng một trật tự quốc tế mới, nhưng trật tự đó đang bị thử thách bởi các động thái kiềm chế và cạnh tranh từ các cường quốc khác.

Hệ quả của các chiến lược ngoại giao của Trung Quốc đã khiến quan hệ quốc tế đang diễn ra ở một cục diện phức tạp và đa tầng. Trung Quốc không chỉ nổi lên như một cường quốc kinh tế mà còn là một chủ thể tích cực trong việc hoạch định luật chơi mới, triển khai chiến tranh chính trị, sử dụng quyền lực sắc bén và can thiệp vào các lĩnh vực an ninh phi truyền thống. Điều này đã thay đổi nhận thức của nhiều quốc gia về vai trò và mục đích của Trung Quốc. Mâu thuẫn giữa việc Trung Quốc tự quảng bá hình ảnh “hòa bình, hợp tác” và thực tế hành động cứng rắn trong các tranh chấp, cùng với việc can thiệp tinh vi vào môi trường chính trị của các quốc gia khác, đã tạo ra sự nghi ngờ và làm tăng khả năng cạnh tranh chiến lược, đặc biệt là với Mỹ.

Tổng thể, các nghiên cứu về chính sách đối ngoại Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình cho thấy một hiện tượng chuyển dịch lớn, từ thận trọng sang chủ động, từ né tránh và chậm sang khẳng định vị thế, từ hợp tác có giới hạn sang tham vọng tái định hình trật tự quốc tế. Tư tưởng và chiến lược được định hướng bởi khát vọng “Giấc mộng Trung Hoa”, khái niệm “Cộng đồng chung vận mệnh” và triết lý “hòa hợp” cải biên, kết hợp cùng việc sử dụng các công cụ sáng kiến chiến lược như BRI, AIIB để thiết lập môi trường quốc tế có lợi cho Trung Quốc. Tuy nhiên, sự kết hợp giữa kinh tế, chính trị, an ninh, văn hóa, thông tin, cùng việc Trung Quốc sẵn sàng sử dụng cả “quyền lực cứng” lẫn “quyền lực sắc bén” cho thấy chính sách đối ngoại Trung Quốc là rất linh hoạt và thực dụng. Các tranh chấp chủ quyền, xung đột lợi ích cốt lõi và toan tính địa chính trị làm giảm tính “hòa bình” được tuyên bố, dẫn đến tình trạng nhiều quốc gia nghi ngờ tính chân thực của khẩu hiệu “trỗi dậy hòa bình”. Việc Mỹ và các đồng minh đề ra chiến lược “Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương” tự do và rộng mở để đối trọng với BRI, hay các phản ứng cảnh giác, phòng ngừa từ các nước nhận đầu tư của Trung Quốc, cho thấy hệ quả đối ngoại của Trung Quốc không phải luôn được thuận lợi.

1.1.2. Những công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Liên bang Nga

Dưới thời Liên bang Nga hậu Xô viết, chính sách đối ngoại của Nga đã trải qua nhiều giai đoạn chuyển dịch, phản ánh sự linh hoạt và khả năng thích ứng trước môi trường quốc tế ngày càng phức tạp. Kể từ sau khủng hoảng Ukraine năm 2014, những thay đổi trong định hướng chiến lược của Nga càng trở nên rõ nét, nhất là khi

Nga đối mặt với các biện pháp trừng phạt từ Mỹ và EU, buộc nước này phải tìm kiếm các đối trọng và không gian chiến lược mới. Các nghiên cứu của nhiều học giả đã đề cập toàn diện đến quá trình này. Việc nghiên cứu tài liệu từ các học giả sẽ cho phép có một cái nhìn xuyên suốt, hệ thống hơn về cách thức Nga tái định hình vai trò của mình trong trật tự quốc tế, từ quan điểm tư tưởng - chiến lược, đến các công cụ kinh tế - an ninh và cuối cùng là những tính toán địa chính trị nhằm xử lý thách thức từ phương Tây và tận dụng cơ hội tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương cũng như không gian Á-Âu rộng lớn.

Chiến lược Á-Âu và xu hướng “Hướng Đông”. Một trong những điểm nhấn trong chính sách đối ngoại Nga là xu hướng “Hướng Đông” sau khủng hoảng Ukraine 2014. Tác giả Mankoff (2015) từ góc nhìn phương Tây phân tích “Nga xoay trục sang châu Á” như một phần của chiến lược phát triển kinh tế và giảm sự phụ thuộc vào thị trường, công nghệ phương Tây. Trong đó, quan hệ Nga-Trung là tâm điểm, nhất là về hợp tác năng lượng. Tuy nhiên, Nga cũng cố gắng cân bằng ảnh hưởng Trung Quốc bằng quan hệ với Ấn Độ, Việt Nam, Nhật Bản. Chiến lược này thể hiện tham vọng của Nga trong việc duy trì vị thế cường quốc toàn cầu, định hình trật tự khu vực theo hướng có lợi cho mình [Mankoff, 2015, tr.65-87].

Góc nhìn từ Trung Quốc, tác giả Mã Bác (2017) nhận định chiến lược "Chuyển hướng sang phương Đông" của Nga nổi lên rõ sau khủng hoảng Ukraine. Bốn mục tiêu chính của chiến lược bao gồm: phát triển kinh tế thông qua xuất khẩu năng lượng, thu hút đầu tư vào khu vực Viễn Đông; đa dạng hóa quan hệ ngoại giao giảm phụ thuộc phương Tây; thu hẹp khoảng cách phát triển giữa phía Tây và Đông nước Nga; và khẳng định Nga như một quốc gia châu Á - Thái Bình Dương trong trật tự quốc tế mới. Tuy nhiên, tác giả Mã Bác cũng chỉ rõ các thách thức: nguồn lực tài chính hạn chế, mâu thuẫn lợi ích với các nước trong khu vực và căng thẳng nội bộ trong việc triển khai chiến lược [马博, 2017, tr.49-75].

Sau một thời gian tương tác không hiệu quả, Nga nhận thức được việc trông cậy vào phương Tây không còn bền vững, nhất là khi phải chịu các biện pháp trừng phạt kinh tế. Thay vào đó, Nga chọn chuyển hướng sang châu Á - Thái Bình Dương, coi đây là “trụ cột quan trọng” trong chiến lược toàn cầu. Chính sách “Hướng Đông”

này nhằm tìm kiếm đối trọng với phương Tây, tận dụng cơ hội kinh tế và chính trị do khu vực châu Á đang trỗi dậy [Luu Thị Thúy Hồng, 2018]. Tác giả Nguyễn An Hà (2018) nhấn mạnh rằng ba trụ cột của chính sách Hướng Đông của Nga bao gồm: (1) thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương (đặc biệt Trung Quốc, Ấn Độ, Việt Nam, Nhật Bản); (2) đa dạng hóa quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư; (3) tăng cường vai trò của Nga trong các thể chế khu vực. Chính sách này được xem như một công cụ giúp Nga giảm sự phụ thuộc vào phương Tây, đồng thời mở rộng không gian chiến lược sang vùng Viễn Đông - khu vực giàu tiềm năng phát triển [Nguyễn An Hà, 2018, tr.4-12].

Như vậy, chiến lược Á-Âu và “Hướng Đông” của Nga không đơn thuần là xoay chuyển địa kinh tế mà còn hàm ý sâu xa về địa chính trị. Nga muốn xây dựng thế cân bằng mới, khẳng định vị thế cường quốc Á-Âu, đóng vai trò trung tâm trong không gian mở rộng từ châu Âu sang châu Á. Bằng cách này, Nga đề phòng bị cô lập bởi phương Tây, tận dụng tiềm năng phát triển từ châu Á, đồng thời củng cố vai trò trong trật tự đa cực.

Sự chuyển đổi trong chiến lược và tư tưởng chính sách đối ngoại của Nga. Các phân tích từ nhiều nguồn đều ghi nhận sự chuyển hóa quan trọng trong tư duy chiến lược của Nga sau khi Liên Xô sụp đổ. Giai đoạn đầu những năm 1990, Nga tìm cách hội nhập vào hệ thống quốc tế do phương Tây dẫn dắt, thể hiện qua nỗ lực xây dựng quan hệ hợp tác với Mỹ, EU và tổ chức quốc tế phương Tây. Tuy nhiên, theo thời gian, khi nhận ra sự khác biệt về lợi ích và gặp phải nhiều trở ngại, Nga dần chuyển sang con đường cân bằng đa cực, khôi phục vị thế cường quốc toàn cầu theo hướng riêng [Kumar, 2018, tr.210-226].

Tác giả Phan Anh Dũng (2018), cho rằng: dưới thời Tổng thống Vladimir Putin, Nga tìm cách củng cố vị thế trung tâm trong hệ thống quốc tế đa cực, vừa kế thừa di sản Liên Xô, vừa tái định nghĩa bản sắc chiến lược thông qua mô hình “Nhà nước Á-Âu”. Quan niệm này kết hợp các giá trị truyền thống và hiện đại, phản ánh mong muốn của Nga trong việc khôi phục tầm ảnh hưởng không chỉ ở không gian hậu Xô viết mà còn vươn ra toàn cầu. Việc hình thành Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) và các quan hệ đối tác với Trung Á, Trung Quốc, Ấn Độ cũng nằm trong ý

đồ này [Phan Anh Dũng, 2018, tr.17-26]. Tư tưởng Á-Âu và quan niệm đa cực trở thành động lực chính để Nga thoát khỏi tư duy “thân phương Tây” của thập niên 1990. Giai đoạn sau năm 2007, đặc biệt sau khủng hoảng Ukraine 2014, đánh dấu sự chuyển biến từ hợp tác sang đối đầu với phương Tây. Nga khẳng định chủ quyền, tìm kiếm vị thế cường quốc qua việc đối phó trực tiếp với các sức ép chính trị, kinh tế bên ngoài. Từ đây, tư tưởng ngoại giao của Nga mang sắc thái quyết đoán hơn, dựa vào chủ nghĩa dân tộc, tinh thần Á-Âu, nhấn mạnh tính đa trung tâm và bác bỏ sự độc tôn quyền lực của Mỹ và NATO [Kumar, 2018, tr.210-226 và Herd, 2018, tr.20-28].

Ở góc độ tư tưởng, các học giả Trung Quốc như: Âu Dương Hường Anh (2020) phân tích bối cảnh triết học và văn hóa ảnh hưởng đến chính sách đối ngoại Nga. Theo tác giả, bốn tư tưởng cốt lõi: chủ nghĩa thần bí, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa Mác và tinh thần không tưởng (là xu hướng lý tưởng hóa vai trò và sứ mệnh toàn cầu của quốc gia này, thể hiện qua việc theo đuổi các mục tiêu vượt quá năng lực thực tế, đặt nặng yếu tố lịch sử và bản sắc dân tộc, trong khi xem nhẹ những giới hạn về kinh tế, quân sự và ngoại giao) đã tạo nên nền tảng triết học cho ngoại giao Nga. Nga không chỉ xem đối ngoại là công cụ địa chính trị mà còn là “nghĩa vụ đạo đức” nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, bản sắc dân tộc và sứ mệnh toàn cầu [欧阳向英, 2020, tr.100-126]. Trong bối cảnh này, sự thay đổi chiến lược không chỉ phản ánh điều chỉnh ngoại giao thuần túy mà còn có nghĩa là tái tạo bản sắc quốc gia. Nga khẳng định vai trò kế thừa Liên Xô, coi mình là cường quốc lịch sử với “quốc gia kế thừa đế quốc”. Vị thế kế thừa này vừa đem lại di sản hạ tầng quân sự, tầm ảnh hưởng quốc tế, vừa tạo áp lực duy trì ảnh hưởng hậu Xô viết. Tất cả hòa quyện vào quá trình chuyển đổi chiến lược của Nga, từ “giấu mình” hòa nhập với phương Tây đến khẳng định một “con đường Nga” riêng, hiện thực hóa tư tưởng đa cực và tinh thần Á-Âu [雷建锋, 2019, tr.3-35].

Quan hệ kinh tế và thể chế đa phương trong chính sách đối ngoại Nga. Chính sách đối ngoại Nga dưới thời Tổng thống Putin không chỉ dừng lại ở địa chính trị, mà còn gắn bó chặt chẽ với công cụ kinh tế và hợp tác thể chế đa phương. Qua đây, Nga cố gắng phát huy “ngoại giao kinh tế” để củng cố vị thế quyền lực toàn cầu. Việc tham gia tích cực vào APEC, thúc đẩy quan hệ kinh tế chặt chẽ với

ASEAN, cũng như tăng cường hợp tác với Trung Quốc trong BRI là những minh chứng điển hình nhất [Nguyễn An Hà, 2018, tr.4-12]. Trong bối cảnh bị trừng phạt, Nga coi việc đa dạng hóa thị trường, tìm kiếm đối tác mới là giải pháp quan trọng để giảm thiểu thiệt hại, bù đắp cho sự suy giảm hợp tác với phương Tây. Chính sách kinh tế đối ngoại này gắn liền với tư tưởng Á-Âu, qua đó Nga xây dựng Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) để tạo dựng khối liên kết kinh tế khu vực, thúc đẩy hội nhập trong không gian hậu Xô viết [Phan Anh Dũng, 2018, tr.17-26].

Tác giả Trung Quốc Phùng Thiệu Lôi (2021) phân tích cấu trúc và chu kỳ chính sách ngoại giao Nga, nhấn mạnh rằng quan hệ kinh tế và thể chế đa phương phản ánh sự chuyển dịch từ thế giới đơn cực sang đa cực. Nga tham gia các cơ chế như BRICS, SCO nhằm xây dựng hệ thống quản trị toàn cầu mới, công bằng hơn, giảm ảnh hưởng của phương Tây [冯绍雷, 2021, tr.33-41]. Qua hợp tác với Trung Quốc, Ấn Độ và các nước đang phát triển, Nga cố gắng định vị mình như một nhân tố quan trọng trong các thị trường năng lượng, vũ khí, hạ tầng, tài chính toàn cầu. nỗ lực này cũng hướng đến việc nâng cao vai trò của Nga trong các thị trường quốc tế, tận dụng “quyền lực mềm” qua văn hóa, giáo dục, truyền thông và “quyền lực cứng” qua vũ khí, năng lượng, để định hình quan hệ kinh tế - ngoại giao. Bằng việc đa dạng hóa quan hệ thể chế đa phương, Nga muốn vượt qua sự cô lập, tạo ra không gian linh hoạt khi quan hệ với phương Tây trở nên căng thẳng [Kortunov, 2021, tr.1-3].

Tác giả Mankoff (2015) cũng nhắc đến việc Nga mở rộng quan hệ thương mại, đầu tư với châu Á như một biện pháp kinh tế quan trọng. Xuất khẩu năng lượng sang Trung Quốc, xây dựng hạ tầng ở Viễn Đông, phát triển tuyến đường vận tải Á-Âu tạo ra kết nối kinh tế, qua đó Nga vừa thúc đẩy phát triển nội địa, vừa gia tăng ảnh hưởng đối ngoại. Nhờ các thể chế đa phương, Nga tạo lập được “mạng lưới bạn bè”, giảm bớt sự phụ thuộc một chiều, nâng cao sức mặc cả trên bàn cờ quốc tế [Mankoff, 2015, tr.65-87].

Nhìn chung, các nghiên cứu trên đã nhấn mạnh vai trò trung tâm của kinh tế và thể chế đa phương trong chính sách đối ngoại Nga. Kinh tế không chỉ là công cụ mưu cầu lợi ích vật chất, mà còn là phương tiện xây dựng vị thế và ảnh hưởng chiến lược, từng bước hiện thực hóa tầm nhìn đa cực, với Nga đóng vai trò quan trọng trong quản trị toàn cầu.

Vai trò của không gian truyền thống hậu Xô viết và vấn đề chủ quyền quốc gia. Một chủ đề quan trọng trong các nghiên cứu về chính sách đối ngoại Nga là sự tương tác với không gian hậu Xô viết và mối quan hệ cạnh tranh với phương Tây. Sau khi Liên Xô tan rã, Nga xem không gian hậu Xô viết là vùng ảnh hưởng tự nhiên, “sân sau” chiến lược. Tuy nhiên, việc NATO và EU mở rộng sang Đông Âu đã tạo ra xung đột lợi ích, dẫn đến khủng hoảng Ukraine năm 2014, đánh dấu bước ngoặt trong quan hệ Nga - phương Tây [Kumar, 2018, tr.210-226 và Herd, 2018, tr.20-28]. Sự kiện Crimea sáp nhập vào Nga năm 2014 làm bùng nổ căng thẳng, trừng phạt kinh tế, cô lập chính trị từ phía Mỹ và EU. Trước tình hình đó, Nga điều chỉnh chiến lược, nhấn mạnh bảo vệ chủ quyền quốc gia, duy trì tầm ảnh hưởng trong không gian hậu Xô viết. Nga coi đây là “giới hạn đỏ” không thể nhân nhượng, việc NATO tiến gần biên giới Nga bị xem là đe dọa an ninh quốc gia [Lavrov, 2022].

Theo tác giả Lôi Kiến Phong (2019), với tư cách “quốc gia kế thừa đế quốc” buộc Nga phải nỗ lực duy trì ảnh hưởng tại không gian hậu Xô viết. Đây không chỉ là vấn đề quyền lực mà còn liên quan đến bản sắc lịch sử, ý thức hệ và tinh thần dân tộc. Chính sách đối ngoại của Nga ở khu vực này mang tính linh hoạt: vừa rắn đe cứng rắn (trong trường hợp Ukraine), vừa hợp tác hòa dịu với một số nước Trung Á thông qua EAEU [雷建锋, 2019, tr.3-35]. Tác giả Herd (2018) phân tích rằng: sự kết hợp giữa yếu tố nội tại và đối ngoại đã hình thành chiến lược “gây bất ổn” nhằm bảo vệ chế độ, khẳng định vị thế cường quốc. Các bước đi như can thiệp quân sự vào Syria, đối đầu với phương Tây ở Đông Âu, tuy gây căng thẳng, nhưng lại củng cố hình ảnh một nước Nga không chấp nhận bị áp đặt “luật chơi” từ bên ngoài, quyết tâm giữ vững chủ quyền và lợi ích quốc gia [Herd, 2018, tr.20-28]. Nga cũng nỗ lực định hình trật tự khu vực khác như EAEU nhằm tạo ra không gian hội nhập kinh tế nội khối, giảm bớt sự cám dỗ của EU với các nước hậu Xô viết [Phan Anh Dũng, 2018, tr.17-26]. Đồng thời, Nga tìm đối tác xa hơn (châu Á, Trung Đông, châu Phi, Mỹ Latinh) để cân bằng đối phó với phương Tây, thể hiện rõ trong phát biểu của Ngoại trưởng Nga Lavrov (2022) về việc thúc đẩy trật tự đa cực, chủ quyền và độc lập chiến lược cho các quốc gia.

Các yếu tố nội tại, văn hóa - tư tưởng và công cụ triển khai chính sách đối ngoại Nga. Ngoài các động lực địa chính trị và kinh tế, nhiều nghiên cứu nhấn mạnh các yếu tố nội tại, văn hóa - tư tưởng và công cụ triển khai chính sách đối ngoại của Nga. Theo Âu Dương Hường Anh (2020), tư tưởng ngoại giao Nga chịu ảnh hưởng từ nhiều nguồn: chủ nghĩa thần bí, chủ nghĩa dân tộc, tinh thần không tưởng, chủ nghĩa Mác đã tạo ra một triết lý ngoại giao phức tạp. Nga coi chính sách đối ngoại không chỉ là thủ thuật chính trị mà còn là nhiệm vụ đạo đức, trách nhiệm lịch sử, sứ mệnh văn minh. Điều này giải thích việc Nga sẵn sàng chấp nhận chi phí kinh tế, đối đầu với phương Tây, để bảo vệ bản sắc, lợi ích cốt lõi [欧阳向英, 2020, tr.100-126].

Hệ thống chính trị nội tại của Nga được mô tả như một “nhà nước phức hợp” trong đó quyền lực tập trung vào tay lãnh đạo tối cao, linh hoạt sử dụng các thực thể phi chính thức. Chiến lược “gây bất ổn” đối thủ hay triển khai công cụ an ninh - kinh tế linh hoạt giúp Nga duy trì chế độ, đối phó trừng phạt, gây sức ép địa chính trị [Herd, 2018, tr.20-28]. Chủ nghĩa dân tộc, kiểm soát truyền thông và khai thác cộng đồng người Nga ở nước ngoài cũng là công cụ tạo nên “quyền lực mềm” độc đáo, dù chưa được khai thác tối ưu [Kortunov, 2021, tr.1-3]. Thêm vào đó, Nga chú trọng kết hợp “ngoại giao kinh tế” và “ngoại giao an ninh”. Kinh tế được sử dụng như công cụ phục vụ mục tiêu chiến lược: hợp tác năng lượng với Trung Quốc, bán vũ khí cho nhiều nước, xuất khẩu công nghệ quân sự và thúc đẩy đầu tư hạ tầng. Song song với đó, “ngoại giao an ninh” được thể hiện qua hợp tác quân sự, tham gia diễn đàn an ninh khu vực, triển khai lực lượng ở Trung Đông, nhằm củng cố hình ảnh cường quốc quân sự và làm đòn bẩy trong đàm phán quốc tế [Nguyễn An Hà, 2018, tr.4-12].

Phân tích từ phía học giả Nga như Drobinin (2022) và Ngoại trưởng Nga Lavrov (2022) cũng khẳng định vai trò của lịch sử, truyền thống, cũng như tầm quan trọng của việc dựa vào quá khứ để định hình tương lai. Nga rút ra bài học từ lịch sử, sử dụng chúng làm kim chỉ nam xây dựng chiến lược, thích ứng với trật tự đa cực, củng cố mối quan hệ đối tác đa dạng nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia lâu dài [Drobinin, 2022, tr.1-6 và Lavrov, 2022].

Như vậy, các nghiên cứu trên đã nhấn mạnh rằng chính sách đối ngoại Nga không phải là loạt phản ứng ngẫu nhiên mà dựa trên nền tảng tư tưởng, văn hóa, lịch sử, hệ thống chính trị nội tại. Công cụ triển khai linh hoạt, kết hợp giữa quyền lực cứng (quân sự, năng lượng), quyền lực mềm (văn hóa, truyền thông) và quyền lực kinh tế (thương mại, đầu tư) giúp Nga thích ứng trước biến động, dù đối mặt không ít hạn chế và thách thức.

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga

Quan hệ Trung - Nga đã trải qua nhiều biến động, phản ánh sự điều chỉnh chiến lược của hai cường quốc trong bối cảnh trật tự quốc tế biến đổi không ngừng. Từ hợp tác kinh tế, năng lượng, an ninh đến cạnh tranh ảnh hưởng tại Trung Á và Viễn Đông, mối quan hệ này được định hình bởi các động lực chiến lược, áp lực từ phương Tây và những toan tính chính trị thực dụng. Việc nâng cấp quan hệ lên “Đối tác Chiến lược Toàn diện trong Thời đại Mới” cho thấy nỗ lực của cả hai nước trong việc định hình trật tự quốc tế đa cực, đồng thời bộc lộ những mâu thuẫn tiềm ẩn về lợi ích và quyền lực. Có thể nói quan hệ Trung - Nga luôn nhận được sự quan tâm rất lớn của các học giả trên thế giới, dưới đây tác giả sẽ khái quát các nghiên cứu chính đánh giá về tổng thể quan hệ Trung - Nga.

Động lực chiến lược và tiến trình lịch sử trong quan hệ Trung - Nga. Các nghiên cứu đều thống nhất rằng quan hệ Trung - Nga có nguồn gốc lịch sử sâu xa, trải qua nhiều biến động từ thời kỳ Xô viết cho đến giai đoạn hậu Chiến tranh Lạnh. Việc thiết lập “Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện” và nâng cấp lên thành “Đối tác Chiến lược Toàn diện trong Thời đại Mới” là kết quả của quá trình tái định hình quan hệ giữa hai cường quốc, trong bối cảnh trật tự quốc tế biến động và áp lực từ phương Tây. Tác giả Đặng Minh Đức (2016) phân tích rằng: sau khủng hoảng Ukraine năm 2014, Nga chuyển mạnh sang phía Đông, tăng cường hợp tác kinh tế, an ninh với Trung Quốc nhằm giảm phụ thuộc vào phương Tây. Quan hệ Trung - Nga mang tính chất “vừa hợp tác, vừa cạnh tranh”, phản ánh lợi ích quốc gia riêng biệt của hai bên trong một cấu trúc quyền lực khu vực và toàn cầu đang chuyển dịch. Tính chất vừa chiến lược, vừa linh hoạt, không phải liên minh bền chặt mà là đối tác hữu ích, cũng được nhiều nghiên cứu đồng thuận [Đặng Minh Đức, 2016, tr.4-14].

Trong khi đó, các tác giả Vũ Thụy Trang và Trần Hải Yến (2017) cũng nhận định rằng: khủng hoảng Ukraine là chất xúc tác quan trọng, thúc đẩy Nga xích lại gần Trung Quốc. Mỗi quan hệ này phát triển qua nhiều giai đoạn, từ hợp tác bình thường, đến “Đối tác Hợp tác Chiến lược” năm 2011, rồi “Đối tác Chiến lược Toàn diện” năm 2014 và hiện nay là “Đối tác Chiến lược Toàn diện trong Thời đại Mới” năm 2024 [Vũ Thụy Trang, Trần Hải Yến, 2017, tr.16-25]. Quá trình nâng cấp quan hệ thể hiện sự mở rộng về phạm vi hợp tác, đi từ song phương đến tương tác trên trường quốc tế, củng cố vai trò của Trung - Nga như hai lực lượng quan trọng trong việc đối phó sức ép từ Mỹ và phương Tây [赵鸣文, 2023, tr.22-39].

Ở góc độ lịch sử và tư tưởng, học giả Trung Quốc như Lôi Kiến Phong (2019) và Âu Dương Hướng Anh (2020) phân tích rằng quan hệ Trung - Nga chịu ảnh hưởng từ bối cảnh quốc tế nhiều biến động, di sản lịch sử Xô - Trung và định hướng chiến lược lâu dài. Trung Quốc và Nga cùng chia sẻ lợi ích trong việc hạn chế bá quyền phương Tây, phản đối sự đơn cực do Mỹ dẫn dắt [雷建锋, 2019, tr.3-35; 欧阳向英, 2020, tr.100-126]. Nhìn chung, các nghiên cứu này cho thấy quan hệ Trung - Nga không phải là một liên minh chính thức, mà thiên về đối tác chiến lược thực dụng, linh hoạt, dựa trên sự hội tụ lợi ích trong việc đối phó với trật tự quốc tế do phương Tây chi phối. Hai nước liên tục điều chỉnh chính sách, nâng cấp quan hệ, phản ánh mong muốn thích ứng với các thách thức địa chính trị và kinh tế toàn cầu.

Hợp tác kinh tế, năng lượng - sự bất cân xứng trong quan hệ Trung - Nga. Một trong những khía cạnh được nghiên cứu nhiều nhất là hợp tác kinh tế và năng lượng trong quan hệ Trung - Nga. Sau năm 2014, khi Nga chịu lệnh trừng phạt từ phương Tây, Trung Quốc nổi lên như đối tác kinh tế quan trọng, giúp Nga đa dạng hóa thị trường, giảm sự phụ thuộc vào châu Âu. Tác giả Nguyễn Thị Ánh Thuận (2018) cho rằng, quan hệ kinh tế Nga - Trung từ sau 2014 đã có sự phát triển vượt bậc trong thương mại, đầu tư, hạ tầng. Quan hệ được nâng cấp lên Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện với các dự án kết nối như liên kết giữa Sáng kiến BRI của Trung Quốc với Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) của Nga. Tuy nhiên, tác giả cũng lưu ý sự bất cân xứng kinh tế: Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn mạnh,

trong khi Nga ở thế yếu hơn, phụ thuộc vào việc xuất khẩu năng lượng và nguyên liệu. Về năng lượng, tác giả Nguyễn Thị Ánh Thuận tiếp tục cho rằng, trong hợp tác năng lượng Trung - Nga, hai bên đều đạt được mục tiêu của riêng mình khi Trung Quốc cần nguồn cung năng lượng ổn định, còn Nga cần thị trường và đầu tư. Dự án đường ống dẫn dầu ESPO, các thỏa thuận khí đốt khổng lồ, hợp tác về dầu mỏ, khí hóa lỏng... đánh dấu quan hệ năng lượng sâu sắc. Tuy nhiên, bất đồng về giá cả, điều kiện thanh toán và cạnh tranh ngầm về ảnh hưởng tại Trung Á tạo ra mặt trái của quan hệ này [Nguyễn Thị Ánh Thuận, 2018, tr.33-44].

Dưới góc nhìn của các học giả Trung Quốc, tác giả Quách Hiểu Quỳnh trong cuốn sách *"Hợp tác kinh tế và thương mại Trung - Nga trong kỷ nguyên mới: Xu hướng mới và vấn đề mới"* (2021) cho thấy hợp tác kinh tế thương mại Trung - Nga có xu hướng cơ chế hóa, tối ưu hóa cấu trúc thương mại, mở rộng đầu tư và dịch vụ. Tuy vậy, sự mất cân đối trong cơ cấu thương mại, chậm phát triển thương mại dịch vụ và ảnh hưởng COVID-19 là những thách thức cần giải quyết [郭晓琼, 2021]. Nhìn chung, hợp tác kinh tế và năng lượng là điểm sáng trong quan hệ Trung - Nga, mang tính tương hỗ và động lực phát triển. Tuy nhiên, sự bất cân xứng về quy mô kinh tế, khả năng công nghệ và sự phụ thuộc ngày càng lớn của Nga vào Trung Quốc cũng như việc Trung Quốc tận dụng vị thế để mở rộng ảnh hưởng là những thách thức dài hạn. Quan hệ kinh tế này vừa là cơ hội vừa là nguồn tiềm tàng bất đồng, đặt ra yêu cầu điều chỉnh chính sách nhằm duy trì cân bằng.

Hợp tác và cạnh tranh ảnh hưởng khu vực Trung Á và Viễn Đông. Bên cạnh kinh tế, hợp tác an ninh, quân sự, khoa học kỹ thuật và ảnh hưởng khu vực là trọng tâm của nhiều nghiên cứu. Sau năm 2014, quan hệ Trung - Nga được thúc đẩy qua các cuộc tập trận chung, trao đổi công nghệ quân sự, điều mà trước đây Nga còn thận trọng. Tính chất hợp tác an ninh thể hiện qua việc hai nước ủng hộ nhau tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, phối hợp lập trường trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) và đối phó với áp lực quân sự từ Mỹ và đồng minh. Hai bên gia tăng tần suất tập trận chung, trao đổi công nghệ quốc phòng, thương vụ bán vũ khí là biểu hiện rõ nét của quan hệ an ninh sâu sắc [Vũ Thụy Trang & Trần Hải Yến (2017, tr.42-47)]. Tương tự, tác giả Đặng Hoàng Hà & Trần Quỳnh Trang (2017) phân tích

chính sách của Trung Quốc đối với Nga, nhấn mạnh vai trò phối hợp trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh nhằm thách thức trật tự phương Tây. Tuy vậy, hai nước vẫn giữ thái độ thận trọng: Nga lo ngại ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc ở Viễn Đông, Trung Á và việc Trung Quốc không hoàn toàn dựa vào Nga trong chiến lược đối ngoại toàn cầu [Đặng Hoàng Hà, Trần Quỳnh Trang, 2017, tr.43-48].

Ngoài khía cạnh hai nước tăng cường hợp tác, quan hệ Trung - Nga luôn tồn tại sự cạnh tranh ngầm. Tác giả Thái Văn Long (2015) đã phân tích quan điểm và phản ứng của Nga với sáng kiến BRI của Trung Quốc. Việc Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng kinh tế và cơ sở hạ tầng qua BRI, đặc biệt tại Trung Á, tạo ra cạnh tranh với Nga. Nga đã thành lập EAEU để duy trì vai trò lãnh đạo trong không gian hậu Xô viết nhằm đối trọng với BRI. Quan hệ Trung - Nga trong khu vực Trung Á vừa mang tính hợp tác (phối hợp tại SCO), vừa có yếu tố cạnh tranh ngầm, khi mỗi nước đều muốn định hình trật tự khu vực phù hợp với lợi ích của mình [Thái Văn Long, 2015, tr.4-10]. Tác giả Trung Quốc Dương Lệ (2019) cũng đã phân tích sự hợp nhất giữa Sáng kiến BRI của Trung Quốc và Chiến lược phát triển Viễn Đông của Nga, cho thấy khu vực Viễn Đông là không gian hợp tác kinh tế và kết nối giao thông, năng lượng giữa hai nước. Tuy nhiên, vấn đề “Thuyết mới đe dọa Trung Quốc” trong dư luận Nga và lo ngại về di cư người Hoa tại Viễn Đông cho thấy tồn tại sự căng thẳng và nghi kỵ [杨莉, 2019, tr.76-81].

Quan hệ Trung – Nga chịu sự tác động từ bối cảnh quốc tế và khủng hoảng Ukraine. Một loạt nghiên cứu nhấn mạnh tác động từ khủng hoảng Ukraine năm 2014, các lệnh trừng phạt của phương Tây và bối cảnh quốc tế biến động đến quan hệ Trung - Nga. Sự kiện này được coi là bước ngoặt quan trọng, thúc đẩy Nga “chuyển hướng sang châu Á” và tăng cường quan hệ với Trung Quốc, tạo điều kiện cho Trung Quốc tận dụng cơ hội mở rộng ảnh hưởng. Cuộc khủng hoảng Ukraine (2014) đã làm rõ hơn chiến lược của Nga khi xích lại gần Trung Quốc. Việc bị cô lập về kinh tế và chính trị buộc Nga tìm kiếm thị trường, vốn và đối tác thay thế ở phương Đông. Trung Quốc, với tiềm lực kinh tế, trở thành lựa chọn hấp dẫn. Đổi lại, Trung Quốc có thể khẳng định vị thế trong các dự án hợp tác, tăng cường vai trò tại Trung Á và Viễn Đông Nga [Đặng Minh Đức, 2016, tr.4-14].

Ở góc độ học giả phương Tây, Maria Raquel Freire (2021) phân tích quan hệ Trung - Nga hợp tác nhằm đối phó với “trật tự do Mỹ dẫn dắt”, nhưng mối quan hệ mang tính đối tác linh hoạt, không phải liên minh chặt chẽ. Khủng hoảng Ukraine khiến Nga tìm đến Trung Quốc như đối trọng trước áp lực phương Tây, nhưng sự bất cân xứng, khác biệt mục tiêu khiến liên minh dài hạn khó hình thành [Maria Raquel Freire, 2021, tr.53-65]. Ngoài ra, sau khủng hoảng Crimea, Nga đã chuyển trọng tâm đối ngoại, trọng điểm sang châu Á, coi Trung Quốc là đối tác chiến lược. Quan hệ này dựa trên nhu cầu cân bằng quyền lực, giảm thiểu sức ép đơn cực của Mỹ. Tuy nhiên, các yếu tố ngò vạc chiến lược, bất cân xứng, thiếu niềm tin tuyệt đối vẫn luôn tồn tại trong quan hệ Trung - Nga [Chandra Rekha, 2016, tr.145-177]. Bên cạnh đó, tác giả Samuel Charap, John Drennan và Pierre Noël (2017) phân tích quan hệ Trung - Nga như một mô hình quan hệ các cường quốc mới. Sau xung đột Ukraine, Nga đẩy mạnh quan hệ với Trung Quốc, nhưng vẫn giữ khoảng cách, tránh lệ thuộc hoàn toàn. Trung Quốc cũng không coi Nga là trung tâm chiến lược, mà xem Nga như một đối tác thuận lợi trong lúc định hình trật tự đa cực [Samuel Charap, John Drennan và Pierre Noël, 2017, tr.25-42].

Như vậy, các nghiên cứu trên chỉ ra rằng khủng hoảng Ukraine và áp lực phương Tây là chất xúc tác lớn cho quan hệ Trung - Nga. Trong bối cảnh này, hai nước tăng cường hợp tác, chia sẻ lợi ích trong nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, các yếu tố ngăn cản hình thành một liên minh bền vững vẫn tồn tại: bất cân xứng kinh tế, nghi kỵ chiến lược, khác biệt ưu tiên đối ngoại. Quan hệ Trung - Nga trong bối cảnh hiện tại chủ yếu dựa trên tính toán chiến lược linh hoạt, lợi ích song trùng trong đối phó với phương Tây, hơn là dựa trên niềm tin chiến lược lâu dài.

Triển vọng quan hệ Trung - Nga trong việc định hình trật tự thế giới mới. Với tất cả các yếu tố về lịch sử, động lực chiến lược, hợp tác kinh tế - an ninh và tác động từ khủng hoảng Ukraine, câu hỏi đặt ra là triển vọng tương lai của quan hệ Trung - Nga sẽ ra sao và nó sẽ ảnh hưởng thế nào đến trật tự thế giới? Về phía Nga, hai tác giả M.L. Titarenko và V.E. Petrovsky (2016) trong cuốn sách “*Nga, Trung Quốc và Trật tự thế giới mới: Lý thuyết và thực tiễn*” đã có sự nghiên cứu toàn diện về Trung Quốc mang tính thông sử. Cuốn sách này đã đưa ra những dự báo chiến

lược về sự phát triển của Trung Quốc trong tương lai, đồng thời đánh giá xu thế phát triển của quan hệ Trung - Nga tới năm 2050. Những phân tích này cho thấy Trung Quốc đang ngày càng trở thành một đối tác quan trọng của Nga trong việc định hình trật tự thế giới mới, đặc biệt là trong bối cảnh căng thẳng gia tăng với phương Tây. Cũng theo tác giả M.L. Titarenko (2006) trong cuốn *“Trung Quốc - Nga 2050: Chiến lược cùng phát triển”* đã trình bày tiến trình lịch sử quan hệ Trung - Nga dựa trên các cơ sở lý thuyết và thực tiễn quan hệ hai nước trên tất cả các mặt, các lĩnh vực. Tác giả đã đưa ra những nhận định khoa học về triển vọng hợp tác của Nga với Trung Quốc, đặc biệt là thông qua việc triển khai Khuôn khổ hợp tác kinh tế Á - Âu và chính sách "hướng Đông". Cuốn sách này không chỉ phân tích các yếu tố lịch sử và lý thuyết, mà còn đánh giá các động lực và thách thức trong quan hệ song phương, giúp độc giả hiểu rõ hơn về cơ sở và tiềm năng hợp tác giữa hai quốc gia. Mặt khác, chính giới Nga vẫn quan ngại về sự thống trị của Trung Quốc trong khu vực, sợ rằng kinh tế Nga sẽ trở thành “nhà cung cấp nguyên liệu” cho Trung Quốc, đặt ra vấn đề cân bằng lợi ích.

Các tác giả Hình Quảng Thành và Sơ Đông Mai trong cuốn sách *“Quan hệ Trung - Nga: phát triển toàn diện và phối hợp chiến lược”* (2023) nhấn mạnh rằng Trung Quốc và Nga đều kỳ vọng vào một trật tự đa cực, giảm thiểu sự áp đặt từ bên ngoài, thúc đẩy đa phương hóa, giải quyết tranh chấp thông qua đối thoại và hợp tác. Hai nước coi nhau là đối tác trong việc thúc đẩy quản trị toàn cầu, cải cách thể chế kinh tế, tài chính quốc tế và hợp tác trong các tổ chức quốc tế. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng mâu thuẫn lợi ích chiến lược, bất cân bằng kinh tế và tác động từ biến động quốc tế luôn có thể cản trở quan hệ [邢广程, 初冬梅, 2023]. Tác giả Dương Lệ (2019) cho rằng việc khai thác tiềm năng hợp nhất giữa BRI và Chiến lược phát triển Viễn Đông của Nga có thể mở ra một vành đai kinh tế xuyên biên giới Đông Bắc Á, làm sâu sắc thêm quan hệ chiến lược Trung - Nga. Song, để đạt được điều đó, hai bên cần vượt qua rào cản định kiến, quản lý tốt sự bất đối xứng và nghi kỵ. Các giải pháp như tăng cường lòng tin chính trị, tối ưu hóa cơ cấu thương mại, thúc đẩy hợp tác lâu dài trong các dự án chiến lược được đề xuất [杨莉, 2019, tr.76-81].

Các học giả phương Tây như Maria Raquel Freire (2021) và Jo Inge Bekkevold, Bobo Lo (2018) nhận định rằng sự hội tụ Trung - Nga có thể thúc đẩy trật tự đa cực, tạo điều kiện cho cả hai nước đóng vai trò quan trọng hơn trong chính trị thế giới. Tuy nhiên, triển vọng liên minh chặt chẽ khó thành hiện thực do khác biệt căn bản về ưu tiên chính sách, tầm nhìn toàn cầu. Thay vào đó, một quan hệ đối tác linh hoạt, không ràng buộc, có thể tồn tại lâu dài, để hai bên luôn có lựa chọn điều chỉnh theo hoàn cảnh [Maria Raquel Freire, 2021, tr.53-65 và Jo Inge Bekkevold, Bobo Lo, 2018].

Nhìn chung, có thể thấy từ góc độ Nga, hợp tác với Trung Quốc là cơ hội, nhưng Nga vẫn cố gắng giữ thế “cân bằng” không để trở thành vệ tinh kinh tế của Trung Quốc. Từ phía Trung Quốc, quan hệ với Nga là một phần trong bức tranh đối ngoại đa dạng. Trung Quốc không chỉ quan hệ với Nga, mà còn tìm cách giữ kênh giao tiếp với Mỹ, EU, Ấn Độ, Nhật Bản và các nước khác, để tối đa hóa lợi ích. Tổng hợp lại, triển vọng tương lai cho thấy quan hệ Trung - Nga tiếp tục là một đối tác chiến lược quan trọng, hỗ trợ lẫn nhau trong bối cảnh trật tự thế giới đang phân mảnh. Hai nước cùng phản đối độc quyền bá quyền, thúc đẩy đa cực, linh hoạt phối hợp trong các diễn đàn quốc tế. Nhưng mỗi quan hệ này không phải không có rào cản: bất cân xứng kinh tế, nghi kỵ về ảnh hưởng khu vực, cạnh tranh tiềm tàng trong việc định hình chính sách đối ngoại dài hạn.

1.2. Khái quát tình hình nghiên cứu và những vấn đề Luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Khái quát tình hình nghiên cứu

Thứ nhất, các nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Trung Quốc đã sử dụng các sáng kiến và chính sách như “Ngoại giao nước lớn”, “Ngoại giao láng giềng” và “Vành đai, Con đường”... để làm rõ những quan điểm, chủ trương và quá trình thay đổi về đường lối đối ngoại của Trung Quốc trong hơn 10 năm qua dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình. Đặc biệt, trong nhiệm kỳ thứ hai của Chủ tịch Tập Cận Bình (2017 - 2022), các chiến lược này nhằm hiện thực hóa “Giấc mộng Trung Hoa” và đưa Trung Quốc lên ngôi vị số một thế giới. Các nghiên cứu đã luận giải sự ngày càng quyết đoán của Trung Quốc trong chính sách đối ngoại. Với sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ, Trung Quốc có xu hướng cạnh tranh với Mỹ trên phạm vi toàn

cầu, nhằm thay thế Mỹ trở thành lãnh đạo thế giới trong tương lai. Sự quyết đoán này phản ánh không chỉ tham vọng mở rộng ảnh hưởng quốc tế của Trung Quốc mà còn là phản ứng trước áp lực và thách thức từ phía Mỹ và các quốc gia phương Tây. Nhìn chung, các nghiên cứu này cung cấp một cái nhìn toàn diện và sâu sắc về sự chuyển đổi và mục tiêu chiến lược trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Qua đó, chúng ta thấy rõ sự kết hợp giữa việc duy trì quan hệ ngoại giao hòa bình với các nước láng giềng và nỗ lực mở rộng ảnh hưởng kinh tế và chính trị trên toàn cầu thông qua Sáng kiến “Vành đai, Con đường”. Điều này cho thấy một Trung Quốc ngày càng tự tin và chủ động trong việc định hình trật tự thế giới mới.

Thứ hai, các nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Nga đã tổng kết quá trình biến đổi trong chính sách ngoại giao của Nga trong hơn 30 năm qua kể từ khi Liên Xô sụp đổ. Các nghiên cứu này cho thấy chính sách đối ngoại của Nga đã trải qua một sự chuyển hướng triệt để, từ việc lấy phương Tây làm trung tâm đến việc đoạn tuyệt hoàn toàn với phương Tây. Tiếp theo là giai đoạn Nga chuyển hướng sang Châu Á với “Chính sách hướng Đông”, chính sách này đã làm rõ những thay đổi và điều chỉnh trong chiến lược ngoại giao của Nga trong những năm gần đây. Chính sách này thể hiện nỗ lực của Nga trong việc tìm kiếm đối tác mới và giảm sự phụ thuộc vào phương Tây. Hiện nay, Nga đã phát triển một quan hệ đối tác chiến lược chặt chẽ với Trung Quốc, đặc biệt sau các lệnh trừng phạt từ Mỹ và các nước phương Tây sau những xung đột với Ukraine. Các nghiên cứu nhấn mạnh rằng sự hợp tác Nga - Trung Quốc không chỉ là một biện pháp đối phó với áp lực từ phương Tây mà còn là một chiến lược dài hạn nhằm củng cố vị thế của cả hai quốc gia trên trường quốc tế. Nhìn chung, các nghiên cứu này đã làm rõ quá trình chuyển biến và điều chỉnh trong chính sách đối ngoại của Nga, từ việc tìm kiếm sự cân bằng chiến lược giữa phương Tây và châu Á, đến việc xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc. Sự thay đổi này phản ánh nỗ lực của Nga trong việc định hình lại vị thế quốc tế của mình và đối phó với những thách thức toàn cầu hiện nay.

Thứ ba, các nghiên cứu về quan hệ Trung - Nga đã tập trung đánh giá về quan hệ hợp tác lẫn cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nga trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, an ninh, kinh tế, giáo dục, năng lượng,... Các nghiên cứu chỉ ra rằng, mặc dù hai nước vẫn đang trong trạng thái cạnh tranh với nhau trên nhiều lĩnh vực,

nhưng trước sức ép chung từ Mỹ, cả hai đã cam kết tạo dựng quan hệ đối tác chiến lược nhằm kiềm chế quyền bá chủ của Mỹ và tạo ra một trật tự thế giới mới. Trong hai thập kỷ qua, sự gắn kết lẫn cạnh tranh giữa Chiến lược “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc và Chính sách “Hướng Đông” của Nga đã thúc đẩy hợp tác ngày càng sâu rộng giữa hai quốc gia. Đặc biệt, trong lĩnh vực quân sự, Trung Quốc và Nga đã tăng cường hợp tác để đối phó với áp lực từ Mỹ và các nước phương Tây. Sự hợp tác này không chỉ giúp hai quốc gia củng cố an ninh quốc gia mà còn tạo ra một “liên minh” mạnh mẽ đối phó với các thách thức quốc tế. Các nghiên cứu nhấn mạnh rằng, mặc dù có sự cạnh tranh, nhưng lợi ích chung trong việc chống lại sức ép từ phương Tây đã thúc đẩy Trung Quốc và Nga xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược bền vững và hiệu quả hơn. Tóm lại, các nghiên cứu về quan hệ Trung - Nga đã làm rõ cả mặt hợp tác và cạnh tranh trong mối quan hệ song phương. Qua đó, chúng ta thấy được cách hai quốc gia này tận dụng mối quan hệ đối tác chiến lược để củng cố vị thế quốc tế của mình và đối phó với những thách thức chung từ phía Mỹ và các quốc gia phương Tây.

Thứ tư, giới học giả Việt Nam nhìn nhận quan hệ Trung - Nga dưới góc độ là đối tác chiến lược toàn diện, vừa hợp tác vừa cạnh tranh. Sau khủng hoảng Ukraine 2014, mối quan hệ này được thúc đẩy bởi nhu cầu chung trong việc đối phó với phương Tây, gia tăng hợp tác kinh tế, năng lượng và an ninh. Các học giả nhấn mạnh sự bất cân xứng về kinh tế, lo ngại về di cư và cạnh tranh ảnh hưởng tại Trung Á. Trung Quốc được cho là bên hưởng lợi nhiều hơn, trong khi Nga đối mặt nguy cơ phụ thuộc. Quan hệ này phản ánh nỗ lực định hình trật tự quốc tế mới của hai cường quốc. Mặt khác, nếu như các nghiên cứu của học giả Trung Quốc và Nga chủ yếu trình bày khái quát và diễn tiến của mối quan hệ hai nước trên nhiều lĩnh vực, thì các học giả phương Tây lại tập trung luận giải sâu hơn về sự gắn kết giữa Chiến lược “Vành đai, Con đường” của Trung Quốc và Chính sách “Hướng Đông” của Nga. Các nghiên cứu phương Tây đã nhấn mạnh sự ngày càng gắn kết giữa Trung Quốc và Nga trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong lĩnh vực quân sự, nhằm chống lại áp lực chung từ Mỹ và các nước phương Tây. Họ luận giải rằng, sự hợp tác chiến lược này không chỉ nhằm đối phó với các thách thức hiện tại mà còn nhằm thay đổi

trật tự thế giới theo hướng có lợi cho cả hai quốc gia trong tương lai. Các học giả phương Tây phân tích rằng, thông qua sự kết hợp giữa Chiến lược “Vành đai, Con đường” và Chính sách “Hướng Đông”, Trung Quốc và Nga đã xây dựng một mối quan hệ đối tác chiến lược mạnh mẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, chính trị, an ninh và quốc phòng. Sự hợp tác quân sự giữa hai nước được xem là một yếu tố quan trọng, thể hiện qua các cuộc tập trận chung, trao đổi công nghệ quốc phòng và phối hợp chiến lược. Nhìn chung, các nghiên cứu của học giả phương Tây đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc về cách mà Trung Quốc và Nga sử dụng sự gắn kết chiến lược này để đối phó với sự bá quyền của Mỹ và các nước phương Tây. Qua đó, họ cũng làm rõ cách mà hai quốc gia này cố gắng định hình lại trật tự thế giới trong tương lai theo hướng có lợi cho mình, tạo ra một “liên minh” mạnh mẽ và bền vững đối phó với những thách thức toàn cầu.

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga, song cho đến nay vẫn chưa có một nghiên cứu nào thực sự toàn diện, có tính hệ thống và chiều sâu, tập trung phân tích giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2024 - thời kỳ chứng kiến nhiều chuyển biến quan trọng trong quan hệ song phương Trung Quốc - Liên bang Nga. Cụ thể:

Thứ nhất, những nghiên cứu toàn diện và hệ thống về bản chất quan hệ Trung - Nga còn khá khiêm tốn so với nhu cầu nhận thức hiện nay. Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Nga có sức ảnh hưởng lớn và có nhiều tác động chi phối đến trật tự an ninh, chính trị thế giới nói chung, đồng thời ảnh hưởng đến quan hệ giữa Việt Nam với Nga và Trung Quốc nói riêng. Đặc biệt, trong bối cảnh Trung Quốc đang có tranh chấp với Việt Nam về vấn đề Biển Đông, việc nghiên cứu kỹ lưỡng và toàn diện về quan hệ Trung - Nga trở nên vô cùng cấp thiết. Tính cấp thiết này càng trở nên rõ ràng hơn khi xem xét các sự kiện gần đây: Chủ tịch Tập Cận Bình lên nắm quyền và Tổng thống Putin trở lại chính trường vào năm 2012, việc Nga sáp nhập bán đảo Crimea vào năm 2014, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung bắt đầu từ năm 2018 và xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine năm 2022. Những sự kiện này không chỉ có tiềm năng thay đổi trật tự thế giới mà còn tác động trực tiếp đến quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Nga.

Hiện tại, việc nghiên cứu về quan hệ Trung - Nga cần phải được thực hiện một cách hệ thống và toàn diện, đặc biệt là sau các sự kiện nổi bật nêu trên. Các nghiên cứu cần phải đi sâu vào phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ giữa hai quốc gia, từ chính trị, kinh tế, an ninh, đến văn hóa và xã hội. Ngoài ra, việc đánh giá tác động của quan hệ Trung - Nga đối với các quốc gia khác, đặc biệt là Việt Nam, cũng cần được chú trọng. Nhìn chung, nhu cầu về những nghiên cứu toàn diện và hệ thống về quan hệ Trung - Nga là rất lớn và cấp thiết. Chúng ta cần có những nghiên cứu sâu rộng để hiểu rõ hơn về sự ảnh hưởng của mối quan hệ này đối với trật tự thế giới và các quốc gia liên quan, đồng thời xây dựng chiến lược phù hợp để đối phó với các thách thức và cơ hội mà mối quan hệ này mang lại.

Thứ hai, hiện nay chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá cụ thể về tác động của mối quan hệ Trung - Nga đối với hai nước, thế giới, khu vực và Việt Nam. Đặc biệt, từ sau khi Trung Quốc điều chỉnh chiến lược ngoại giao, chú trọng hơn vào các đối tác láng giềng, đặc biệt là Nga, nhằm cân bằng trước sức ép từ Mỹ và các nước phương Tây, do đó nhu cầu về các nghiên cứu này thật sự trở nên cấp thiết. Do vậy, đề tài nghiên cứu này có nhiệm vụ nhận diện và đánh giá những tác động (cả tích cực và tiêu cực) của mối quan hệ Trung - Nga đối với các yếu tố hiện nay. Điều này bao gồm việc phân tích cách mỗi quan hệ này ảnh hưởng đến cả hai quốc gia, khu vực và thế giới, cũng như tác động đến Việt Nam trong bối cảnh hiện tại. Từ những đánh giá này, nghiên cứu sẽ đưa ra các gợi mở chính sách cho Việt Nam trong việc xây dựng và phát triển mối quan hệ với Trung Quốc và Nga trong thời gian tới. Việc nghiên cứu tác động của mối quan hệ Trung - Nga không chỉ giúp hiểu rõ hơn về các động lực và chiến lược của hai quốc gia này mà còn giúp Việt Nam xác định được các cơ hội và thách thức tiềm năng trong tương lai. Qua đó, Việt Nam có thể xây dựng các chính sách đối ngoại hiệu quả hơn, đồng thời củng cố vị thế và lợi ích của mình trong bối cảnh quốc tế ngày càng phức tạp.

Thứ ba, mặc dù các cơ quan và nhà nghiên cứu Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu về quan hệ Trung - Nga từ sau Chiến tranh Lạnh đến nay, nhưng phần lớn mới chỉ dừng lại ở các bài viết đăng trên các tạp chí, với phạm vi nghiên cứu tập trung vào các lĩnh vực riêng rẽ và ở những giai đoạn nhất định. Trong các

nghiên cứu của Việt Nam, tác giả chưa thấy có một công trình nào tập trung đi sâu nghiên cứu toàn diện về quan hệ Trung - Nga từ năm 2012 đến 2024, cũng như phân tích và đánh giá mối quan hệ này dưới góc độ lý thuyết quan hệ quốc tế, khu vực học, đất nước học, Trung Quốc học... Đặc biệt, trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện nay có nhiều biến động và thay đổi lớn, việc nghiên cứu toàn diện và hệ thống về quan hệ Trung - Nga là vô cùng cần thiết. Từ năm 2012, khi Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Putin đều nắm quyền, mối quan hệ giữa hai quốc gia này đã có những chuyển biến quan trọng. Sự kiện Nga sáp nhập bán đảo Crimea vào năm 2014, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung bắt đầu từ năm 2018 và cuộc xung đột quân sự của Nga tại Ukraine vào năm 2022 đã làm thay đổi cục diện thế giới và ảnh hưởng mạnh mẽ đến quan hệ Trung - Nga. Do đó, một nghiên cứu toàn diện về quan hệ Trung - Nga từ năm 2012 đến 2024, với sự phân tích dưới các góc độ lý thuyết quan hệ quốc tế, khu vực học và đất nước học, Trung Quốc học sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc và toàn diện hơn về mối quan hệ này. Điều này không chỉ giúp hiểu rõ hơn về động lực và xu hướng phát triển của quan hệ Trung - Nga mà còn cung cấp cơ sở cho việc xây dựng các chính sách phù hợp, đáp ứng những thách thức và cơ hội trong bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay. Xuất phát từ thực tế trên, tôi chọn đề tài nghiên cứu "***Quan hệ Trung Quốc - Liên Bang Nga (2012 – 2024)***" với mong muốn lấp khoảng trống đó và đóng góp thêm một số gợi mở chính sách cho Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc và Liên bang Nga trong thời gian tới.

1.2.2. Những vấn đề Luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Trên cơ sở đa dạng về các lĩnh vực nghiên cứu, các cách tiếp cận cũng như cách luận giải vấn đề, những kết quả nghiên cứu từ những công trình trước đây trở thành nguồn tham khảo quý giá cho quá trình khảo cứu tư liệu để thực hiện Luận án. Do đó, từ góc nhìn của chuyên ngành Trung Quốc học và lăng kính của lý thuyết quan hệ quốc tế, Luận án sẽ giải quyết một số vấn đề cụ thể như sau:

Thứ nhất, quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024 phát triển như thế nào về cả chiều rộng và chiều sâu?

Thứ hai, những nhân tố quốc tế, khu vực và quốc gia nào tác động đến mối quan hệ này?

Thứ ba, mối quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga có phải là một liên minh thực sự hay chỉ là hợp tác chiến lược tạm thời?

Thứ tư, đặc điểm nổi bật và giới hạn của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga là gì?

Thứ năm, quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga tác động ra sao đến cục diện quốc tế, khu vực, hai nước và lợi ích của Việt Nam?

Thứ sáu, quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga từ nay cho đến năm 2030 sẽ vận động theo xu hướng nào?

Thứ bảy, Việt Nam nên định hình chính sách đối ngoại như thế nào trong bối cảnh quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga hiện nay?

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ TRUNG QUỐC - LIÊN BANG NGÀ (2012 - 2024)

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Một số khái niệm

2.1.1.1. Khái niệm về Lợi ích quốc gia

Lợi ích quốc gia là một trong những khái niệm trung tâm của khoa học chính trị và quan hệ quốc tế, gắn liền với quá trình ra quyết định đối ngoại của các quốc gia. Mặc dù khái niệm này đã xuất hiện trong nhiều trước tác tư tưởng từ rất sớm, nội hàm và phạm vi của nó luôn được nhận thức khác nhau, tùy thuộc vào cách tiếp cận lý thuyết. Từ chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo cho đến các trường phái phê phán như chủ nghĩa Marx-Lenin, mỗi khuynh hướng học thuật đều nhấn mạnh những khía cạnh riêng biệt của lợi ích quốc gia. Trong bối cảnh quan hệ Trung - Nga (2012 - 2024), việc tìm hiểu về lợi ích quốc gia không chỉ dừng ở các yếu tố vật chất (như kinh tế, an ninh), mà còn liên quan đến yếu tố phi vật chất (như bản sắc, giá trị). Chính sự đa chiều của khái niệm lợi ích quốc gia đã giúp giải thích vì sao hai cường quốc này lại đi đến hợp tác chiến lược trong nhiều lĩnh vực và đối phó với sức ép từ bên ngoài.

* *Chủ nghĩa hiện thực cho rằng, lợi ích quốc gia gắn liền với an ninh và quyền lực.* Theo đó, các quốc gia tham gia vào hệ thống quốc tế như những chủ thể cạnh tranh trong một môi trường vô chính phủ, nơi không có thực thể nào đứng trên tất cả để đảm bảo an ninh chung. Trong trạng thái tự nhiên, con người (và suy rộng ra là quốc gia) luôn phải đối diện với nguy cơ xung đột để sinh tồn [Hobbes, 1651]. Không có một chính quyền trung ương đủ mạnh, các cá nhân hoặc cộng đồng buộc phải tự chủ để bảo đảm an ninh, dẫn đến tình trạng “chiến tranh của mọi người chống lại mọi người.” Tác giả Kenne Waltz trong *Theory of International Politics* (1979) khẳng định: “cấu trúc vô chính phủ của hệ thống quốc tế khiến các quốc gia không thể tin tưởng hoàn toàn lẫn nhau, buộc họ phải hành động vì lợi ích an ninh trước tiên” [Waltz, 1979]. Tác giả Henry Kissinger, trong *Diplomacy* (1994), cũng nhấn mạnh rằng: không có quốc gia nào, dù lớn hay nhỏ, có thể trông cậy hoàn toàn

vào sự bảo đảm từ bên ngoài, khiến họ phải tự nắm lấy vận mệnh và lợi ích sinh tồn của mình và tuân theo nguyên tắc tự cứu [Kissinger, 1994].

Theo đó, các quốc gia sẽ chủ yếu tập trung vào việc xây dựng năng lực quân sự, củng cố liên minh dựa trên sức mạnh. Đối với Trung Quốc và Nga trong giai đoạn 2012 - 2024, việc theo đuổi lợi ích an ninh và quyền lực thể hiện qua các chính sách quân sự - quốc phòng được đẩy mạnh. Theo đó, cả hai quốc gia đều tăng chi tiêu quốc phòng, hiện đại hóa vũ khí trang bị, đồng thời ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác quân sự song phương. Những hoạt động này giúp Trung Quốc và Nga củng cố khả năng “răn đe” trước sức ép từ phương Tây, khẳng định “quyền can thiệp” tại các khu vực có lợi ích chiến lược quan trọng [Thayer, 2017]. Dưới lăng kính hiện thực, các hành động này phản ánh nhu cầu tự cường, gia tăng sức mạnh để bảo đảm lợi ích quốc gia khỏi những đe dọa tiềm tàng từ phía Mỹ và các đồng minh. Đây cũng là cách để hai cường quốc này nâng cao vị thế trong trật tự quốc tế, vốn mang tính cạnh tranh cao giữa các trung tâm quyền lực.

** Chủ nghĩa tự do cho rằng, lợi ích quốc gia được thông qua sự hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau.* Trái với quan điểm bi quan của chủ nghĩa hiện thực về một hệ thống quốc tế vô chính phủ, chủ nghĩa tự do khẳng định rằng: các quốc gia có thể theo đuổi và đạt được lợi ích quốc gia một cách hiệu quả hơn thông qua hợp tác, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế. Việc tôn trọng luật pháp quốc tế và xây dựng các thể chế chung có thể giúp con người vượt qua “tình trạng tự nhiên” mang tính xung đột, hướng tới một nền hòa bình bền vững [Kant, 1795]. Tác giả Michael Doyle nhấn mạnh vai trò của “cộng đồng các nước có quan hệ kinh tế sâu rộng” – những quốc gia này ít có xu hướng sử dụng vũ lực chống lại nhau, bởi tính liên kết về thương mại và đầu tư khiến chi phí xung đột trở nên quá cao [Doyle, 1983]. Hơn nữa, những thiết chế quốc tế minh bạch, có quy tắc rõ ràng sẽ thúc đẩy lòng tin giữa các nước thành viên, tạo ra nền tảng ổn định và giảm bớt động cơ xung đột [Ikenberry, 2011].

Trong quan hệ Trung - Nga, có thể thấy nhiều minh chứng thể hiện tầm quan trọng của hợp tác kinh tế theo tinh thần tự do. Trước hết, Trung Quốc gia tăng đầu tư vào ngành năng lượng và cơ sở hạ tầng tại Nga, nhằm tìm kiếm một nguồn cung dầu khí lâu dài và ổn định. Ngược lại, Nga coi Trung Quốc là thị trường tiêu thụ

chiến lược, giúp mở rộng đầu ra cho dầu mỏ và khí đốt, đặc biệt trong bối cảnh chịu sức ép cạnh tranh từ phương Tây. Bên cạnh đó, hai nước tích cực phối hợp triển khai các dự án liên vùng, đáng chú ý là sự kết nối giữa Liên minh Kinh tế EAEU và Sáng kiến BRI, tạo thuận lợi cho thương mại xuyên biên giới và đầu tư song phương. Qua các hợp tác này, Trung Quốc và Nga không chỉ gia tăng lợi ích kinh tế riêng lẻ, mà còn thiết lập cơ chế phụ thuộc lẫn nhau, nâng cao chi phí của bất kỳ hành động xung đột nào, từ đó duy trì sự ổn định trong quan hệ song phương. Tư duy “cùng thắng” (win-win) - một đặc trưng quan trọng của chủ nghĩa tự do được thể hiện rõ nét, cho thấy lợi ích quốc gia có thể được hiện thực hóa và bền vững hơn nhờ vào hợp tác, chia sẻ lợi ích thay vì chỉ dựa trên sức mạnh ép buộc.

* *Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh đến vai trò của bản sắc và diễn ngôn trong việc bảo đảm lợi ích quốc gia.* Khác với chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự do - hai cách tiếp cận thường ưu tiên phân tích yếu tố vật chất như quyền lực hoặc kinh tế, chủ nghĩa kiến tạo khẳng định rằng: lợi ích quốc gia không phải một thực thể cố định, mà được kiến tạo thông qua các tương tác xã hội, quy tắc, ý tưởng, diễn ngôn và bản sắc [Onuf, 1989]. Fredrik Kratochwil, trong *Rules, Norms, and Decisions* (1989), cũng cho rằng: các chuẩn mực, quy tắc và diễn giải tập thể có thể biến đổi cách một quốc gia nhìn nhận lợi ích của mình, khiến lợi ích không còn là dữ kiện bất biến, mà là một quá trình xác lập phụ thuộc vào bối cảnh xã hội [Kratochwil, 1989].

Áp dụng quan điểm kiến tạo vào giai đoạn 2012 - 2024, dễ nhận thấy Trung Quốc và Nga thường xuyên tái khẳng định những giá trị và mục tiêu chung, qua đó hình thành một bản sắc song phương đặc thù. Các tuyên bố ngoại giao của hai nước thường đề cập đến tinh thần tôn trọng chủ quyền và xây dựng thế giới đa cực. Các diễn ngôn này xuất hiện liên tục trong các bài phát biểu của lãnh đạo cấp cao, các Tuyên bố chung Nga – Trung và được lặp lại trong nhiều hội nghị khu vực, như Diễn đàn Kinh tế Phương Đông hay Diễn đàn BRI. Thông qua việc lặp đi lặp lại và nhất quán về nội dung diễn ngôn, Trung Quốc và Nga dần tự nhìn nhận mình như những đối tác “cùng chí hướng,” coi việc bảo vệ chủ quyền và đa dạng hóa trật tự quốc tế là mục tiêu chung. Tương tự, Trung Quốc và Nga, thông qua bản sắc “phản

đối bá quyền phương Tây,” có xu hướng coi nhau là “người bạn” cùng chia sẻ lợi ích cốt lõi và viễn cảnh an ninh. Kết quả là sự mở rộng hợp tác về kinh tế, đầu tư hạ tầng, an ninh - quốc phòng và điều phối lập trường chung trên các diễn đàn quốc tế như SCO, Liên hợp Quốc.

* *Chủ nghĩa Marx-Lenin nhìn nhận lợi ích quốc gia từ khía cạnh cạnh tranh kinh tế và đấu tranh giai cấp.* Chủ nghĩa Marx-Lenin, trái ngược với ba cách tiếp cận truyền thống nêu trên, giải thích lợi ích quốc gia chủ yếu qua tương quan kinh tế và đấu tranh giai cấp. Karl Marx, trong *Das Kapital* (1867), phân tích cách chủ nghĩa tư bản vận hành thông qua việc tích lũy tư bản và bóc lột lao động, làm gia tăng mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và vô sản [Marx, 1867]. Tiếp nối quan điểm này, Vladimir Lenin, trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* (1917), nhấn mạnh rằng: “các cường quốc tư bản, nhằm tìm kiếm lợi nhuận ngày càng lớn, không ngừng bành trướng ra thị trường nước ngoài, dẫn đến xung đột lợi ích với những quốc gia có định hướng xã hội chủ nghĩa hoặc đang phát triển” [Lenin, 1917]. Theo Lenin, sự chi phối của các tập đoàn độc quyền (monopoly capital) không chỉ giới hạn trong biên giới quốc gia, mà còn vươn tầm ảnh hưởng toàn cầu, tạo ra các hình thức “lệ thuộc” mới trong quan hệ quốc tế.

Từ góc nhìn này, quan hệ Trung – Nga có thể được hiểu như một liên minh nhằm giảm bớt sự phụ thuộc vào các định chế tài chính phương Tây - nơi các tập đoàn tư bản chiếm ưu thế. Việc Trung Quốc đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, mua lại các công ty công nghệ và phát triển các dự án lớn như BRI, AIIB không chỉ thể hiện tham vọng vươn lên về kinh tế, mà còn nhằm khai thông các kênh giao thương độc lập hơn so với hệ thống tài chính - ngân hàng do Mỹ và châu Âu chi phối. Về phía Nga, chính sách bán năng lượng dài hạn cho Trung Quốc với giá ưu đãi, hay cố gắng tìm kiếm thị trường mới ở châu Á - Thái Bình Dương, thể hiện mong muốn thoát ly dần khỏi các biện pháp trừng phạt kinh tế từ phương Tây. Đồng thời, qua việc tham gia vào các tổ chức như BRICS và SCO, cả Trung Quốc và Nga mong muốn xây dựng những quy tắc kinh tế - thương mại riêng, ít chịu sự áp đặt từ các thể chế “tư bản” như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) hoặc Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) - nơi phương Tây giữ vai trò chi phối.

** Khác với cách nhìn thực dụng phổ biến trong các học thuyết phương Tây, khoa học chính trị Trung Quốc tiếp cận khái niệm “lợi ích quốc gia” từ một hệ giá trị mang tính tích hợp - nơi quyền lực, bản sắc, đạo lý và vai trò toàn cầu cùng hiện diện. Theo đó, lợi ích quốc gia không chỉ được xem là công cụ đảm bảo sinh tồn hay sức mạnh quốc gia, mà còn là biểu hiện của sự ổn định chính trị nội bộ, phục hưng dân tộc và kiến tạo trật tự quốc tế mới phù hợp với đặc điểm văn hóa - lịch sử của Trung Quốc.*

Trong tư tưởng chính trị Trung Quốc, lợi ích quốc gia không thuần túy được xác định trên cơ sở quyền lực hay kinh tế, mà là một hệ giá trị tích hợp giữa đạo lý, trật tự và ổn định lâu dài. Tư tưởng Nho giáo đóng vai trò nền tảng cho quan niệm này, với trọng tâm đặt vào “Đạo” - tức những nguyên tắc luân lý và trật tự xã hội vượt lên trên nhu cầu cá nhân hay lợi ích vật chất. Khổng Tử từng nhấn mạnh: “君子谋道不谋食。耕也，馁在其中矣；学也，禄在其中矣。君子忧道不忧贫。” (Người quân tử lo đạo chứ không lo ăn; làm ruộng có thể đói, học đạo ắt có lộc; người quân tử ưu tư về đạo lý, không bận tâm nghèo đói) [《论语·卫灵公篇》, 中华书局, 1999]. Quan điểm này vẫn được tiếp nối trong thời hiện đại, khi Trung Quốc khẳng định mình là quốc gia có trách nhiệm toàn cầu “中国将始终做世界和平的建设者、全球发展的贡献者、国际秩序的维护”(Trung Quốc luôn là người kiến tạo hòa bình thế giới, người đóng góp cho phát triển toàn cầu và người bảo vệ trật tự quốc tế) [央广网, 2024].

Khác với phương Tây luôn ưu tiên vai trò kinh tế thị trường hoặc cạnh tranh quyền lực, thì Trung Quốc coi việc duy trì an ninh chính trị và tư tưởng là trụ cột sống còn của lợi ích quốc gia. Trong tư duy chính trị Trung Quốc đương đại, lợi ích quốc gia được đồng nhất với sự ổn định chế độ. Chủ tịch Tập Cận Bình nhấn mạnh “要建设更高水平平安中国，把捍卫国家政治安全摆在首位，维护国家政权安全、制度安全、意识形态安全。” (Chúng ta phải xây dựng một Trung Quốc an toàn hơn ở cấp độ cao hơn, đặt việc bảo vệ an ninh chính trị quốc gia lên hàng đầu và bảo vệ an ninh của chế độ, hệ thống và hệ tư tưởng nhà nước.) [联合早报, 2025]. Điều này lý giải tại sao trong quan hệ Trung - Nga, việc duy trì ổn định chính trị đóng vai trò như nền tảng cho sự tin cậy và phối hợp chiến lược.

Tư tưởng “共赢” (Cùng thắng) phản ánh cách Trung Quốc xác định lợi ích quốc gia thông qua hợp tác thay vì đối đầu. Được kế thừa từ triết lý “和而不同” (Sự hòa hợp trong sự khác biệt), tư tưởng này đề cao sự khác biệt trong hòa hợp và phát triển cùng có lợi. Chủ tịch Tập Cận Bình nhấn mạnh tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2022 rằng hòa bình, hợp tác và cùng có lợi là con đường chính đáng cho nhân loại. Ông kêu gọi các quốc gia phát triển trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và hợp tác trong khác biệt. Trung Quốc cam kết bảo vệ trật tự quốc tế, phản đối chủ nghĩa đơn phương, bá quyền và thúc đẩy Cộng đồng chung vận mệnh [中华人民共和国中央人民政府, 2022]. Quan hệ Trung - Nga vì thế không đơn thuần là đối sách địa chính trị mà còn là mô hình thể hiện cách Trung Quốc hiện thực hóa lợi ích quốc gia thông qua quan hệ song phương ổn định, tôn trọng chủ quyền và đối thoại bình đẳng.

Lợi ích quốc gia được định hình bởi khái niệm “核心利益” (Lợi ích cốt lõi) - tập hợp các yếu tố mà Trung Quốc coi là bất khả xâm phạm. Bao gồm chủ quyền, an ninh, toàn vẹn lãnh thổ, chế độ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội, những yếu tố này được xác lập rõ ràng trong văn kiện chính thức “新时代的中国国家安全” (An ninh Quốc gia của Trung Quốc trong thời đại mới) [中华人民共和国中央人民政府, 2025]. Theo đó, đối với Trung Quốc, quan hệ với Nga là cơ chế giúp bảo vệ và mở rộng không gian các lợi ích cốt lõi này, thông qua củng cố môi trường chính trị - kinh tế ổn định, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược với phương Tây gia tăng.

Ngoài ra, lợi ích quốc gia còn được xác định trong quá trình Trung Quốc tái định vị vai trò quốc tế và thúc đẩy trật tự đa cực. Dưới định hướng “Phục hưng dân tộc Trung Hoa”, Trung Quốc đặt mục tiêu vừa bảo vệ lợi ích hiện hữu, vừa chủ động định hình lại cán cân toàn cầu. Báo cáo Đại hội XIX nhấn mạnh: “Trung Quốc tích cực tham gia cải cách và xây dựng hệ thống quản trị toàn cầu, thực hành khái niệm quản trị toàn cầu về tham vấn, cùng xây dựng và chia sẻ, kiên trì chủ nghĩa đa phương thực sự, thúc đẩy dân chủ hóa quan hệ quốc tế và thúc đẩy quản trị toàn cầu theo hướng công bằng và hợp lý hơn.” [中华人民共和国中央人民政府, 2022]. Trong mối quan hệ với Nga, Trung Quốc có được một đối tác chiến lược cùng chí hướng - từ đó giảm thiểu áp lực đối đầu trực tiếp với phương Tây và từng bước mở rộng ảnh hưởng trên bình diện toàn cầu.

Dưới góc nhìn từ Trung Quốc, khái niệm lợi ích quốc gia phản ánh sự giao thoa giữa đạo lý phương Đông và chiến lược hiện đại, giữa bảo tồn bản sắc và kiến tạo sức mạnh mềm và sức mạnh cứng. Trong quan hệ Trung - Nga, lợi ích quốc gia không chỉ được bảo vệ mà còn được nâng tầm thông qua các chiến lược hợp tác sâu rộng, phản ánh rõ định hướng vươn lên của Trung Quốc trong cấu trúc quyền lực toàn cầu đang tái định hình.

** Dưới góc nhìn của Nga, lợi ích quốc gia được hiểu là sự tổng hòa giữa việc bảo vệ an ninh và chủ quyền lãnh thổ, thúc đẩy phát triển kinh tế trên nền tảng tự chủ, giữ gìn bản sắc văn hóa – văn minh dân tộc, đồng thời chủ động định hình và thúc đẩy một trật tự quốc tế đa cực.* Trong diễn ngôn chính thức, Nga xác định lợi ích quốc gia là bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh của nhà nước và xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, gìn giữ giá trị tinh thần - văn hoá truyền thống và khẳng định vị thế cường quốc độc lập trong một trật tự thế giới đa trung tâm. Các trụ cột này được nêu rõ trong Chiến lược An ninh Quốc gia 2021 - văn kiện chiến lược cơ bản của Nga về lợi ích và ưu tiên quốc gia, do Tổng thống ban hành theo Sắc lệnh số 400 ngày 02/7/2021. Văn kiện nhấn mạnh mối liên hệ hữu cơ giữa an ninh quốc gia và phát triển bền vững, đặt nhiệm vụ bảo vệ “các giá trị tinh thần và đạo đức truyền thống của Nga”, củng cố đoàn kết xã hội và khả năng chống chịu trước sức ép từ bên ngoài như các ưu tiên chiến lược dài hạn. Dưới góc nhìn an ninh - quyền lực, lợi ích quốc gia của Nga xoay quanh yêu cầu duy trì năng lực răn đe quân sự đáng tin cậy, chiều sâu phòng thủ chiến lược và tính tự chủ trong hoạch định chính sách. Sau khi phê chuẩn Chiến lược An ninh 2021, Nga khẳng định đây là khung định hướng tối cao cho mọi chính sách nhằm vô hiệu hóa đe dọa và tạo lập điều kiện đạt các mục tiêu phát triển quốc gia, qua đó giữ vai trò “bản hiến chương” thực thi lợi ích sống còn của nhà nước Nga trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt. [Kremlin, 2021].

Ở bình diện đối ngoại, Khái niệm Chính sách Đối ngoại Nga năm 2023 xác quyết lợi ích quốc gia của Nga gắn với việc định hình “trật tự thế giới công bằng, đa cực”, đề cao bình đẳng chủ quyền, không can thiệp và tôn trọng đa dạng văn minh. Đồng thời khẳng định bản sắc “quốc gia - nền văn minh” với quyền tự chọn mô

hình phát triển và hệ giá trị riêng. Văn kiện nhấn mạnh ưu tiên phát triển “Đại không gian” Á-Âu, làm sâu sắc liên kết kinh tế - hạ tầng và sử dụng các cơ chế đa phương như BRICS để giảm lệ thuộc vào các định chế do phương Tây dẫn dắt. Những hướng đi này, được Nga xem là thiết yếu để bảo vệ lợi ích chiến lược lâu dài [Lê Thế Mẫu, 2023].

Trong Thông điệp Liên bang 2024, Tổng thống Putin tiếp tục cụ thể hoá lợi ích quốc gia qua các mục tiêu: bảo đảm chủ quyền kinh tế - công nghệ, nội địa hóa năng lực sản xuất then chốt, nâng cao phúc lợi người dân và phát triển vùng lãnh thổ. Đồng thời củng cố trạng thái sẵn sàng quốc phòng trước sức ép quân sự - trừng phạt. Thông điệp nhấn mạnh “sự phát triển có chủ quyền” như điều kiện tiên quyết để Nga giữ vị thế bình đẳng trong trật tự quốc tế đang biến đổi. [Thông điệp Liên bang Nga, 2024]

Theo đó, quan niệm của Nga về lợi ích quốc gia kết hợp bốn nội dung: (i) an ninh - chủ quyền (răn đe, phòng thủ, ổn định nội trị); (ii) phát triển kinh tế - công nghệ có chủ quyền (giảm phụ thuộc, nâng sức chống chịu); (iii) bản sắc văn minh và giá trị truyền thống (củng cố đoàn kết xã hội, tính chính danh); và (iv) đa cực - liên kết Á-Âu (mở rộng không gian chiến lược qua hợp tác song/đa phương ngoài phương Tây). Cấu trúc này không chỉ phản ánh ưu tiên vật chất (an ninh, kinh tế), mà còn kết tinh yếu tố phi vật chất (giá trị, bản sắc), tạo nên một khung lợi ích quốc gia mang tính tích hợp - định chế hóa trong Chiến lược An ninh 2021, cụ thể hóa qua Khái niệm Chính sách Đối ngoại 2023 và được cập nhật hàng năm trong các Thông điệp Liên bang 2023 và 2024.

Từ quan niệm của Nga về lợi ích quốc gia, có thể thấy trong giai đoạn 2012 - 2024, quan hệ Trung - Nga được Nga định vị như một cấu phần chiến lược nhằm hiện thực hóa đồng thời các ưu tiên an ninh, phát triển, giá trị và vị thế quốc tế. Trước hết, ở bình diện an ninh - chủ quyền, hợp tác quốc phòng và điều phối lập trường trong các vấn đề khu vực giúp Nga củng cố năng lực răn đe, mở rộng chiều sâu phòng thủ chiến lược, nhất là trước sức ép từ phương Tây. Về kinh tế - công nghệ, các dự án như đường ống khí đốt “Sức mạnh Siberia” hay kết nối EAEU - BRI được xem là hạ tầng chiến lược, tạo điều kiện giảm phụ thuộc vào thị trường và

công nghệ do phương Tây chi phối, qua đó hiện thực hóa mục tiêu “phát triển có chủ quyền” nêu trong Thông điệp Liên bang 2024. Ở khía cạnh giá trị - bản sắc, Nga coi Trung Quốc là đối tác cùng chia sẻ nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, không áp đặt mô hình phát triển, qua đó củng cố tính chính danh của mô hình chính trị - văn minh Nga. Cuối cùng, trong định hướng đa cực và liên kết Á-Âu, hợp tác với Trung Quốc được nhìn nhận như trụ cột để mở rộng “Đại không gian” Á-Âu, thúc đẩy cải cách thể chế quốc tế và khẳng định Nga là một trung tâm quyền lực độc lập trong trật tự toàn cầu đang tái định hình.

Tóm lại, lợi ích quốc gia là một khái niệm có chiều sâu, được tiếp cận qua nhiều góc độ lý thuyết khác nhau. Từ chủ nghĩa hiện thực với việc tập trung vào an ninh và quyền lực, đến chủ nghĩa tự do với niềm tin vào hợp tác và thể chế, từ chủ nghĩa kiến tạo với bản sắc và diễn ngôn, cho đến chủ nghĩa Marx-Lenin với việc nhấn mạnh quan hệ kinh tế và đấu tranh giai cấp.

Đến góc nhìn từ Trung Quốc, chúng ta thấy lợi ích quốc gia là sự kết hợp giữa đạo lý, bản sắc và chiến lược vươn lên trong trật tự toàn cầu mới. Mỗi trường phái đều đem lại những ánh nhìn riêng để giải thích động cơ hành động của các quốc gia. Trong bối cảnh quan hệ Trung - Nga (2012 - 2024), các góc nhìn trên đều có thể kết hợp, làm nổi bật cách thức hai quốc gia này theo đuổi lợi ích. Một mặt, họ không ngừng củng cố tiềm lực quốc phòng, sẵn sàng chống lại sức ép từ bên ngoài. Mặt khác, họ nhấn mạnh đến tầm quan trọng của hợp tác kinh tế, tạo dựng liên kết thương mại và đầu tư để cùng hưởng lợi. Họ cũng liên tục tái khẳng định bản sắc chung, “lập trường” chung thông qua các diễn ngôn về thế giới đa cực và đề cao sự tôn trọng chủ quyền. Cuối cùng, cả hai cố gắng thoát khỏi vòng kìm tỏa của các trung tâm tư bản chủ nghĩa truyền thống, nhằm xây dựng một trật tự kinh tế ít chịu chi phối hơn.

Và đến góc nhìn từ Nga, lợi ích quốc gia được xác định là sự kết hợp giữa bảo vệ an ninh - chủ quyền, phát triển kinh tế có chủ quyền, duy trì bản sắc văn minh và thúc đẩy trật tự đa cực. Trong bối cảnh quan hệ Trung - Nga (2012 - 2024), Nga coi hợp tác với Trung Quốc là phương tiện vừa củng cố năng lực răn đe chiến lược, vừa mở rộng không gian kinh tế - công nghệ ngoài quỹ đạo phương Tây. Mặt

khác, Nga nhấn mạnh sự tương đồng về nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và quyền lựa chọn mô hình phát triển, qua đó củng cố tính chính danh trong môi trường quốc tế cạnh tranh. Cuối cùng, Nga xem liên kết Á-Âu và các cơ chế như BRICS, SCO là công cụ mở rộng ảnh hưởng, giảm phụ thuộc vào các thể chế tài chính - thương mại truyền thống, phù hợp với mục tiêu bảo vệ và nâng tầm lợi ích quốc gia.

2.1.1.2. Khái niệm về Quyền lực

Khái niệm quyền lực là một khái niệm cơ bản nhưng đầy thách thức đối với các học giả nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học chính trị nói chung và chính trị quốc tế nói riêng. Cùng với sự phát triển của các lý thuyết quan hệ quốc tế, khái niệm quyền lực cũng không ngừng được phát triển với những nội hàm và ngoại diên đa dạng.

** Chủ nghĩa hiện thực nhấn mạnh vai trò của quyền lực cứng và cho rằng: quyền lực là yếu tố cốt lõi xác định hành vi của các quốc gia. Quyền lực bao gồm sức mạnh quân sự, tài nguyên kinh tế và công nghệ. Những yếu tố này là phương tiện chính để các quốc gia đạt được và duy trì an ninh cũng như lợi ích quốc gia. Hans Morgenthau cho rằng: trong một hệ thống vô chính phủ, các quốc gia phải dựa vào sức mạnh, đặc biệt là sức mạnh quân sự, để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của mình, và chính trị quốc tế là một cuộc đấu tranh không ngừng vì quyền lực [Morgenthau, 1948]. Trong tác phẩm "History of the Peloponnesian War" tác giả Thucydides chỉ ra rằng: các quốc gia hành động dựa trên lợi ích quốc gia hơn là đạo đức hay lý tưởng [Thucydides, 1954]. Trong khi đó, John Mearsheimer lập luận rằng: trong một hệ thống vô chính phủ, các quốc gia sẽ luôn nỗ lực để tăng cường quyền lực của mình nhằm đảm bảo an ninh [Mearsheimer, 2001]. Ngoài ra, E. H. Carr, trong "The Twenty Years' Crisis" chỉ ra rằng: chính trị quốc tế bị chi phối bởi cuộc đấu tranh không ngừng giữa các quốc gia để đạt được quyền lực và ảnh hưởng, và rằng: lý tưởng chủ nghĩa chỉ là những ảo tưởng trong bối cảnh thực tế [Carr, 1939]. Các quan điểm này cho thấy rằng: quyền lực là yếu tố cốt lõi quyết định hành vi của các quốc gia trong hệ thống quốc tế, và việc duy trì quyền lực là một ưu tiên hàng đầu trong chiến lược đối ngoại của các quốc gia. Theo quan điểm trên có thể thấy, trong giai đoạn 2012 - 2024, Trung Quốc và Nga đã đầu tư mạnh mẽ vào việc củng cố*

sức mạnh quân sự và phát triển kinh tế. Trước áp lực từ phương Tây, Nga đã tăng cường hợp tác quân sự với Trung Quốc. Trong khi đó, Trung Quốc đã sử dụng quan hệ với Nga như một đối tác chiến lược nhằm cân bằng sức mạnh với Mỹ và các nước phương Tây.

** Chủ nghĩa tự do nhấn mạnh vai trò của quyền lực mềm, hợp tác quốc tế và sự phụ thuộc lẫn nhau sẽ định hình hành vi của các quốc gia. Joseph Nye đã phát triển khái niệm quyền lực mềm, được định nghĩa là "khả năng thu hút và thuyết phục thay vì ép buộc" [Nye, 2004]. Điều này bao gồm việc sử dụng văn hóa, giá trị chính trị và chính sách ngoại giao để ảnh hưởng các quốc gia khác. Quyền lực mềm giúp các quốc gia xây dựng mối quan hệ bền vững và tạo dựng sự ảnh hưởng mà không cần dùng đến sức mạnh quân sự. Robert Keohane và Joseph Nye phát triển khái niệm "liên kết phức hợp," nhấn mạnh sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trong các lĩnh vực như kinh tế, môi trường và an ninh khi cho rằng: các quốc gia có thể tăng cường quyền lực thông qua hợp tác quốc tế và sự tham gia vào các tổ chức quốc tế [Keohane & Nye, 1977]. Theo đó, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Nga có thể được xem như một ví dụ điển hình của việc sử dụng quyền lực mềm, hợp tác quốc tế và sự phụ thuộc lẫn nhau để duy trì ổn định và thúc đẩy lợi ích chung. Trung Quốc đã tận dụng quyền lực mềm thông qua Sáng kiến BRI để thúc đẩy hợp tác kinh tế và ngoại giao với Nga và các quốc gia khác, trong khi Nga gia tăng ảnh hưởng thông qua các sự kiện quốc tế như World Cup 2018. Trung Quốc và Nga đã tăng cường hợp tác qua các tổ chức như Tổ chức các nền kinh tế mới nổi lớn (BRICS) và Tổ chức SCO để đối phó với sức ép từ phương Tây và củng cố ổn định khu vực. Trung Quốc và Nga đã thực hiện điều này thông qua các dự án đầu tư và thỏa thuận thương mại, giảm sự phụ thuộc vào thị trường phương Tây.*

** Chủ nghĩa kiến tạo tập trung vào vai trò của quyền lực xã hội, diễn ngôn và bản sắc trong việc định hình hành vi của các quốc gia. Alexander Wendt cho rằng: các cấu trúc xã hội như bản sắc và chuẩn mực ảnh hưởng lớn đến cách các quốc gia hiểu và hành xử với nhau. Ông cho rằng: quyền lực không chỉ là khả năng vật chất mà còn bao gồm khả năng định hình ý tưởng và niềm tin chung [Wendt, 1999]. Michel Foucault, cho rằng: quyền lực được thực hiện thông qua diễn ngôn,*

không chỉ là ép buộc mà còn là khả năng định hình nhận thức con người [Foucault, 1975]. Như vậy, chủ nghĩa kiến tạo cung cấp cái nhìn mới về quyền lực, nhấn mạnh tầm quan trọng của các yếu tố phi vật chất như bản sắc, chuẩn mực và diễn ngôn trong quan hệ quốc tế. *Theo đó, quan hệ giữa Trung Quốc và Nga giai đoạn 2012 - 2024 có thể được xem xét qua các yếu tố phi vật chất như quyền lực xã hội, diễn ngôn và bản sắc.* Trung Quốc và Nga xây dựng bản sắc chung, phản đối bá quyền phương Tây và tôn trọng chủ quyền, tạo một “liên minh” chống lại ảnh hưởng của Mỹ. Quyền lực diễn ngôn, giúp Trung Quốc và Nga định hình khái niệm về trật tự thế giới đa cực qua diễn ngôn về “an ninh” và “chủ quyền”. Qua đó, quan hệ Trung Quốc - Nga giai đoạn này thể hiện sự hợp tác chiến lược dựa trên quyền lực xã hội và chuẩn mực quốc tế, tạo đối trọng với phương Tây.

* *Chủ nghĩa Marx-Lenin phân tích quyền lực quốc tế qua lăng kính kinh tế, đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa đế quốc.* Karl Marx trong tác phẩm “*Das Kapital*” đã nhấn mạnh quyền lực kinh tế là yếu tố quyết định cấu trúc xã hội và quan hệ quốc tế, dựa trên sự bóc lột và tích lũy tư bản, tạo ra bất bình đẳng quyền lực giữa giai cấp tư sản và vô sản. Do đó, đấu tranh giai cấp là động lực lịch sử chính, diễn ra không chỉ trong một quốc gia mà còn ở cấp độ toàn cầu giữa các nước tư bản và xã hội chủ nghĩa [Marx, 1867]. *Theo đó, quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga phát triển mạnh mẽ, với hợp tác năng lượng và thương mại giúp giảm phụ thuộc vào phương Tây, củng cố vị thế quốc tế của họ.* Hai nước xã hội chủ nghĩa hợp tác chống lại sự thống trị của các quốc gia tư bản của Mỹ và các nước Phương Tây. Trung Quốc và Nga đã sử dụng các dự án như BRI và EAEU nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế và giảm thiểu sự bóc lột từ phương Tây. Ngoài ra, Trung Quốc và Nga xây dựng đối tác chiến lược qua cơ chế BRICS và SCO, tạo mặt trận chống lại áp đặt của phương Tây. Quan hệ này nhằm xây dựng hệ thống quốc tế công bằng, giảm phụ thuộc phương Tây và tăng cường lợi ích chung, tạo đối trọng với các nước tư bản chủ nghĩa.

* *Trong tư duy chính trị truyền thống Trung Quốc, khái niệm quyền lực được đặt trong mối quan hệ hài hòa giữa đạo lý, trật tự và tính chính đáng, kết hợp giữa sức mạnh cứng (quân sự, kinh tế) và sức mạnh mềm (giá trị, ảnh hưởng tư tưởng).* Trong bối cảnh hiện đại, Trung Quốc tiếp tục kế thừa và điều chỉnh khái niệm này,

phản ánh qua sự vận dụng linh hoạt giữa quyền lực truyền thống, chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc và mục tiêu Phục hưng dân tộc Trung Hoa.

Quyền lực trong tư tưởng truyền thống Trung Quốc luôn gắn với khái niệm “道” - Đạo và “正名” - Chính danh. Khổng Tử nhấn mạnh rằng người cầm quyền phải dùng đạo lý để dẫn dắt dân chúng, thay vì cưỡng chế: “道之以德，齐之以礼，有耻且格” (Dùng đức mà dẫn dắt, dùng lễ mà điều chỉnh, dân sẽ biết hổ thẹn và tự sửa mình) [《论语·为政》，中华书局，1999]. Như vậy, quyền lực không chỉ là quyền uy, mà phải dựa trên tính chính danh và sự chấp nhận của xã hội. Quan điểm này tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng đến cách Trung Quốc định hình vai trò lãnh đạo trong nội trị và đối ngoại. Trong tư duy đương đại, Trung Quốc không tách biệt quyền lực cứng và quyền lực mềm, mà kết hợp cả hai để tối ưu hóa ảnh hưởng chiến lược. Chủ tịch Tập Cận Bình từng khẳng định: “Việc xây dựng hình ảnh là nhằm thúc đẩy năng lực truyền thông quốc tế, kể tốt câu chuyện Trung Quốc, truyền tải tốt tiếng nói Trung Quốc, thể hiện với thế giới một Trung Quốc chân thực, đa chiều và toàn diện, qua đó nâng cao sức mạnh mềm văn hóa quốc gia và ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa” [新华网，2023]. Như vậy, quyền lực không chỉ được đo bằng khả năng quân sự hay kinh tế, mà còn bằng sức thuyết phục, khả năng kiến tạo chuẩn mực và ảnh hưởng về nhận thức.

Ngoài ra, Trung Quốc đặc biệt chú trọng đến “quyền lực thể chế”, tức khả năng thiết lập, vận hành và cải cách các quy tắc quốc tế theo hướng có lợi cho trật tự do Trung Quốc dẫn dắt. Trong Báo cáo Đại hội XIX, Trung Quốc nhấn mạnh mục tiêu: “以中国特色大国外交推动构建新型国际关系” (Lấy ngoại giao nước lớn mang đặc sắc Trung Quốc làm động lực thúc đẩy xây dựng quan hệ quốc tế kiểu mới.) [新华社，2025]. Điều này cho thấy quyền lực, trong cách hiểu của Trung Quốc, không chỉ là khả năng “áp đặt” mà còn là năng lực “thiết lập”, “dẫn dắt” và “định hình” tương lai toàn cầu.

Khái niệm “quyền lực” trong tư duy Trung Quốc là sự tổng hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa đạo lý và thực dụng, giữa sức mạnh cứng và mềm. Trung Quốc không theo đuổi bá quyền theo nghĩa phương Tây, mà hướng đến quyền lực kiến tạo - vừa bảo vệ lợi ích quốc gia, vừa thúc đẩy một trật tự quốc tế “ổn định,

công bằng và đa cực”, trong đó vai trò của Trung Quốc là trung tâm nhưng không đối đầu. Theo đó, trong quan hệ Trung - Nga giai đoạn 2012 - 2024, quyền lực được thể hiện không qua việc tranh giành vị thế lãnh đạo tuyệt đối, mà qua sự phối hợp chiến lược mềm dẻo. Trung Quốc nhận thức rõ rằng trong bối cảnh cạnh tranh với phương Tây, một trục liên kết cân bằng với Nga giúp tăng cường vị thế, phân tán áp lực và mở rộng ảnh hưởng mà không làm tổn hại đến nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau. Điều này cho thấy cách vận dụng quyền lực của Trung Quốc mang tính phòng thủ chiến lược nhưng đồng thời hướng tới tái cấu trúc không gian quyền lực toàn cầu.

** Quan niệm của Nga về quyền lực mang tính toàn diện, kết hợp sức mạnh quân sự - quốc phòng với năng lực kinh tế, công nghệ và tài chính tự chủ, đồng thời tận dụng quyền lực mềm và khả năng định hình trật tự quốc tế đa cực để bảo vệ và mở rộng lợi ích quốc gia trong môi trường cạnh tranh toàn cầu.* Trong văn kiện Chiến lược An ninh Quốc gia 2021, quyền lực được hiểu là tổng hòa các yếu tố: năng lực quân sự - quốc phòng, độc lập kinh tế - công nghệ và chủ quyền tài chính, để bảo vệ an ninh quốc gia trước can thiệp bên ngoài. Tài liệu quy định rõ việc nâng cấp năng lực công nghiệp quốc phòng, phát triển hạ tầng công nghệ lõi, mở rộng hệ thống thanh toán hợp pháp và nội tệ là nền tảng bảo đảm sức mạnh quốc gia toàn diện [Kremlin, 2021].

Từ góc độ ngoại giao chiến lược, Khái niệm Chính sách Đối ngoại 2023 của Nga xác định quyền lực không chỉ là rắn đe quân sự mà còn là khả năng “định hình” trật tự quốc tế thông qua xây dựng các liên minh đa cực như BRICS và SCO, đồng thời thiết lập “Đại không gian” Á-Âu để tăng ảnh hưởng toàn cầu, thách thức trật tự phương Tây dần dấy [United States Institute of Peace, 2023]. Về quyền lực mềm, Nga từ khi bổ sung vào văn kiện đối ngoại năm 2013 đã chính thức tích hợp các công cụ như ngoại giao văn hóa, truyền thông và sinh viên quốc tế vào khái niệm quyền lực mềm nhằm nâng cao ảnh hưởng không cưỡng ép mà thuyết phục được các nước khác [Vietnamplus, 2012].

Ngoài ra, Học thuyết Primakov đặt quyền lực chiến lược của Nga trên nền tảng địa chính trị: Nga như một “quốc gia - nền văn minh” độc lập, không để trật tự đơn cực do Mỹ thống trị và thúc đẩy thế giới đa trung tâm thông qua hợp tác chiến lược với Trung Quốc và Ấn Độ [New Eastern Outlook, 2024].

Đối với Nga, quyền lực không chỉ là sức mạnh quân sự truyền thống mà còn bao gồm năng lực công nghệ - kinh tế - tài chính độc lập, khả năng định hình cấu trúc quốc tế và xây dựng ảnh hưởng mềm qua văn hoá và thông tin. Quan niệm này phản ánh một cách tiếp cận toàn diện, nhằm đảm bảo và mở rộng lợi ích quốc gia trong hệ thống quốc tế đầy cạnh tranh.

Theo đó, giai đoạn 2012 - 2024, Nga nhìn nhận quan hệ với Trung Quốc như một trụ cột chiến lược để củng cố quyền lực quốc gia trên cả bốn phương diện. Về quyền lực cứng, hợp tác quân sự - quốc phòng giúp tăng năng lực răn đe và bảo vệ chiều sâu phòng thủ trước sức ép từ phương Tây. Về kinh tế - công nghệ, các dự án như “Sức mạnh Siberia” và kết nối EAEU – BRI giảm phụ thuộc vào thị trường phương Tây, thúc đẩy phát triển “có chủ quyền.” Ở khía cạnh quyền lực mềm, hợp tác văn hóa, giáo dục và truyền thông củng cố hình ảnh “đối tác cùng chí hướng” và tăng ảnh hưởng trong các diễn đàn như BRICS, SCO. Từ góc độ địa chính trị, liên kết với Trung Quốc là bước đi then chốt trong mục tiêu thúc đẩy “Đại không gian Á-Âu” và xây dựng trật tự đa cực, nơi Nga giữ vai trò một cực quyền lực độc lập.

Tóm lại, khái niệm quyền lực là một yếu tố trung tâm trong quan hệ quốc tế, với nhiều hướng phát triển dựa trên các lý thuyết chính trị và kinh tế khác nhau. Các trường phái tư tưởng chính như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa Marx-Lenin hay cách nhìn của Trung Quốc đã cung cấp những cách tiếp cận đa dạng để hiểu và phân tích quyền lực trong bối cảnh quốc tế. *Chủ nghĩa hiện thực* tập trung vào quyền lực cứng, như sức mạnh quân sự và tài nguyên kinh tế, coi đó là phương tiện chính để bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì an ninh trong hệ thống quốc tế vô chính phủ. Trung Quốc và Nga đã sử dụng quyền lực cứng để củng cố vị thế, tạo nên một đối trọng chiến lược với sự thống trị của phương Tây, đặc biệt trong giai đoạn 2012 - 2024, khi cả hai quốc gia hợp tác để tối đa hóa quyền lực và đảm bảo an ninh. Ngược lại, *chủ nghĩa tự do* nhấn mạnh quyền lực mềm, hợp tác quốc tế và sự phụ thuộc lẫn nhau. Quyền lực mềm thông qua văn hóa, giá trị và chính sách ngoại giao được dùng để thu hút và thuyết phục, tạo ra mối quan hệ bền vững mà không cần dùng đến vũ lực. Trung Quốc và Nga đã xây dựng quan hệ đối tác dựa trên lợi ích chung và hợp tác trong các tổ chức quốc tế

như BRICS và SCO, thúc đẩy một trật tự quốc tế hòa bình và ổn định hơn. *Chủ nghĩa kiến tạo* tập trung vào các yếu tố phi vật chất như bản sắc, chuẩn mực và diễn ngôn. Quyền lực được xây dựng và duy trì thông qua ý tưởng và niềm tin xã hội. Trung Quốc và Nga sử dụng diễn ngôn về một trật tự thế giới đa cực và chủ quyền quốc gia để củng cố quan hệ đối tác và tăng cường vị thế quốc tế, trong đó bản sắc và chuẩn mực đóng vai trò quan trọng trong định hình cách hiểu và hành xử của họ. *Chủ nghĩa Marx-Lenin* nhìn nhận quyền lực thông qua quyền lực kinh tế, đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa đế quốc. Hai quốc gia này hợp tác để chống lại sự thống trị kinh tế và chính trị của phương Tây, thúc đẩy một hệ thống công bằng hơn. Hợp tác Trung Quốc và Nga không chỉ nhằm tăng cường lợi ích kinh tế mà còn đối phó với các hình thức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc phương Tây. Đến cách nhìn của Trung Quốc nhìn nhận quyền lực là sự tổng hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa đạo lý và thực dụng, giữa sức mạnh cứng và mềm. Cuối cùng góc nhìn của Nga về quyền lực là tổng hòa sức mạnh cứng, năng lực kinh tế - công nghệ độc lập, ảnh hưởng mềm về văn hóa - thông tin và vị thế địa chính trị, nhằm bảo vệ chủ quyền, mở rộng không gian chiến lược và định hình trật tự quốc tế đa cực có lợi cho mình.

2.1.1.3. Khái niệm về Hệ thống cấu trúc quốc tế

* *Chủ nghĩa hiện thực nhìn nhận hệ thống cấu trúc quốc tế là một môi trường vô chính phủ, nơi không có thẩm quyền tối cao để điều tiết hành vi của các quốc gia.* Trong bối cảnh này, các quốc gia phải tự bảo vệ mình và theo đuổi lợi ích quốc gia một cách độc lập. Đặc điểm vô chính phủ này dẫn đến sự cạnh tranh giữa các quốc gia do thiếu vắng một quyền lực trung ương để điều tiết các xung đột [Waltz, 1979]. Trong một hệ thống vô chính phủ, các quốc gia luôn tìm cách gia tăng quyền lực để bảo đảm an ninh của mình. Theo đó, các quốc gia hành động dựa trên lợi ích quốc gia, cụ thể là duy trì và mở rộng quyền lực của mình, hơn nữa khả năng kiểm soát hành vi của quốc gia khác sẽ là động lực chính cho chính sách quốc gia [Morgenthau, 1948]. *Theo đó, cả Trung Quốc và Nga đã sử dụng quyền lực và chiến lược để bảo vệ lợi ích quốc gia trong một môi trường cạnh tranh.* Cả hai quốc gia đã tìm cách gia tăng sức mạnh quân sự và kinh tế để tự bảo vệ và đảm bảo an ninh quốc gia. Đối diện với áp lực từ NATO và các cường quốc phương Tây, Nga đã hợp

tác với Trung Quốc để tăng cường vị thế của mình trong hệ thống quốc tế. Trong khi đó, Trung Quốc coi mối quan hệ với Nga là một phần của chiến lược quốc gia nhằm đối phó với sự hiện diện quân sự của Mỹ ở châu Á - Thái Bình Dương.

** Chủ nghĩa tự do có cách tiếp cận khác biệt so với chủ nghĩa hiện thực khi nhấn mạnh vai trò của hợp tác quốc tế, các thể chế quốc tế trong việc duy trì hòa bình và ổn định toàn cầu. Chủ nghĩa tự do cho rằng: hợp tác quốc tế là nền tảng để duy trì hòa bình và ổn định. Các quốc gia có thể hợp tác để giải quyết các vấn đề chung, từ đó giảm thiểu xung đột và xây dựng mối quan hệ hòa bình. Robert Keohane và Joseph Nye đã phát triển khái niệm "liên kết phức hợp" (Complex interdependence) nhằm nhấn mạnh rằng: các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau trong các lĩnh vực kinh tế, môi trường và an ninh [Keohane & Nye, 1977]. Hợp tác quốc tế qua các thể chế như Liên Hợp Quốc (UN), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các hiệp ước khu vực giúp các quốc gia giải quyết xung đột một cách hòa bình và đạt được lợi ích chung. Theo đó, quan hệ giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn từ 2012 đến 2024 là một ví dụ điển hình về hợp tác quốc tế để đạt được các mục tiêu chung. Hai nước đã tăng cường hợp tác trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong các tổ chức quốc tế như BRICS và SCO. Những tổ chức này không chỉ giúp hai nước thúc đẩy thương mại và đầu tư mà còn tạo ra các cơ chế đối thoại để giải quyết các vấn đề khu vực và quốc tế một cách hòa bình. Từ đó, hai quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau trong các lĩnh vực kinh tế và an ninh. Theo đó, Nga cung cấp năng lượng cho Trung Quốc, trong khi Trung Quốc đầu tư vào cơ sở hạ tầng và công nghệ tại Nga. Sự hợp tác này đã giảm thiểu nguy cơ xung đột và thúc đẩy sự ổn định khu vực.*

** Chủ nghĩa kiến tạo coi hệ thống quốc tế là một cấu trúc xã hội, nơi các quan hệ và tương tác giữa các quốc gia được hình thành dựa trên các quan niệm và chuẩn mực xã hội chung. Các cấu trúc xã hội, bao gồm các bản sắc và chuẩn mực, định hình cách mà các quốc gia hiểu và hành xử với nhau, tình trạng vô chính phủ là do các quốc gia tạo ra, cho thấy rằng: tính chất của hệ thống quốc tế không phải là cố định mà được xây dựng từ các ý tưởng và niềm tin xã hội. [Wendt, 1999]. Theo đó, quan hệ giữa Trung Quốc và Nga được củng cố bởi một bản sắc chung, thể hiện sự phản đối sự bá quyền của phương Tây và tôn trọng chủ quyền quốc gia.*

Cả Trung Quốc và Nga đều coi mình là những lực lượng đối trọng với ảnh hưởng của Mỹ và phương Tây, từ đó thúc đẩy một bản sắc chung trong việc bảo vệ chủ quyền và thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực.

** Chủ nghĩa Marx-Lenin cung cấp một cách nhìn độc đáo về hệ thống cấu trúc quốc tế khi tập trung vào vai trò của quyền lực kinh tế và đấu tranh giai cấp trong việc hình thành và duy trì hệ thống này. Theo quan điểm này, hệ thống quốc tế được định hình bởi các mối quan hệ kinh tế và sự bất bình đẳng giữa các giai cấp và quốc gia. Trong hệ thống quốc tế, các quốc gia tư bản chủ nghĩa phát triển sử dụng quyền lực kinh tế để kiểm soát và khai thác tài nguyên từ các quốc gia kém phát triển, tạo ra một hệ thống quyền lực toàn cầu không công bằng. [Marx, 1867]. Theo đó, lịch sử của mọi xã hội cho đến nay là lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp và điều này mở rộng ra cả trong quan hệ quốc tế. Hệ thống quốc tế được coi là một sân khấu của sự cạnh tranh và xung đột giữa các lực lượng sản xuất (chủ nghĩa tư bản) và lực lượng lao động (giai cấp công nhân). Theo quan điểm này, quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga từ năm 2012 đến năm 2024 đã phát triển mạnh mẽ với nhiều thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng, cơ sở hạ tầng và thương mại. Trung Quốc và Nga đã tăng cường hợp tác kinh tế để giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường phương Tây và tạo ra một hệ thống kinh tế song phương có lợi cho cả hai quốc gia. Điều này giúp củng cố vị thế của họ trong hệ thống quốc tế và tạo ra một đối trọng với ảnh hưởng của các quốc gia tư bản chủ nghĩa phương Tây. Trung Quốc và Nga, hai quốc gia có hệ thống chính trị theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đã hợp tác để chống lại sự thống trị của các quốc gia tư bản chủ nghĩa phương Tây. Sự hợp tác này không chỉ về mặt kinh tế mà còn về mặt chính trị và quân sự, như việc cùng nhau phản đối các biện pháp trừng phạt của phương Tây và tổ chức các cuộc tập trận quân sự chung.*

** Trung Quốc tiếp cận hệ thống quốc tế không chỉ như một cấu trúc vật chất dựa trên quyền lực, mà còn như một không gian lịch sử – đạo lý có thể cải tạo, qua đó vừa phê phán chủ nghĩa bá quyền, vừa đề cao công bằng và hướng tới việc kiến tạo Cộng đồng vận mệnh chung của nhân loại. Trung Quốc bác bỏ trật tự quốc tế đơn cực do phương Tây dẫn dắt, thay vào đó cổ vũ cho một hệ thống đa cực, dân*

chủ hóa quan hệ quốc tế và tôn trọng văn minh đa dạng. Quản trị toàn cầu cần tuân thủ nguyên tắc cùng bàn bạc, cùng xây dựng, cùng hưởng lợi; thúc đẩy xây dựng trật tự quốc tế công bằng và hợp lý hơn [求是网, 2020]. Trung Quốc cho rằng hệ thống quốc tế không bất biến, mà có thể được tái cấu trúc thông qua cải cách thể chế và phát triển sức mạnh toàn diện của các nước đang lên. Theo đó, Trung Quốc mong muốn thúc đẩy hệ thống quản trị toàn cầu phát triển theo hướng công bằng và hợp lý hơn. Điều này cho thấy Trung Quốc nhìn nhận cấu trúc quốc tế như một quá trình động, có thể được dẫn dắt và điều chỉnh chứ không phải thực tại cố định cần thích nghi thụ động [新华网, 2022]. Ngoài ra, trong tư duy chiến lược, Trung Quốc đề xuất xây dựng hệ thống cấu trúc quốc tế mới dựa trên nguyên tắc không can thiệp, hợp tác cùng thắng và tôn trọng lẫn nhau. Đây là mô hình “quy tắc đối trọng” với hệ thống phương Tây vốn dựa trên thể chế áp đặt và lợi ích độc quyền. Tư tưởng này được thể hiện qua Sáng kiến “Vành đai và Con đường”, “Tổ chức Hợp tác Thượng Hải” và quan hệ với Nga. Điều này giúp Trung Quốc cùng Nga thúc đẩy định hình cấu trúc khu vực và quốc tế từ ngoài biên của hệ thống do phương Tây kiểm soát.

Tóm lại, dưới góc nhìn từ Trung Quốc, hệ thống cấu trúc quốc tế không chỉ là không gian phân bổ quyền lực, mà còn là thực thể văn hóa - chính trị có thể được điều chỉnh dựa trên đạo lý, lợi ích toàn cầu và sức mạnh sáng tạo của các quốc gia đang trỗi dậy. Cách nhìn này lý giải vì sao Trung Quốc vừa phản biện hệ thống hiện hữu, vừa chủ động tạo lập không gian mới cho vai trò và ảnh hưởng của mình, trong đó hợp tác với Nga là một mắt xích chiến lược quan trọng.

** Nga nhìn nhận Hệ thống quốc tế không chỉ như một sân khấu quyền lực cố hữu, mà còn là một cấu trúc chủ quyền đa cực mà nước này tích cực định hình theo hướng địa chính trị và văn minh. Theo Chiến lược An ninh Quốc gia 2021, Nga tự xác định vai trò là một trung tâm độc lập, không lệ thuộc vào trật tự do phương Tây dẫn dắt, đồng thời thúc đẩy hợp tác đa phương có lợi nhằm bảo vệ chủ quyền trước sự cạnh tranh quyền lực toàn cầu [Anna Shakirova, 2021]. Khái niệm Chính sách Đối ngoại 2023 đặt tư tưởng “đa cực” làm trọng tâm, trong đó Nga tự xác định vị thế là một “quốc gia - nền văn minh” có vai trò dẫn dắt, đồng thời thúc đẩy hình thành một trật tự quốc tế công bằng hơn thông qua việc xây*

dựng “Đại không gian Á-Âu” và tăng cường liên minh với các trung tâm quyền lực khác như Trung Quốc, Ấn Độ, BRICS cùng các quốc gia thuộc Thế giới Phương Nam. Khái niệm Chính sách đối ngoại này phản ánh nỗ lực xây dựng một bản sắc văn minh Nga - chủ quyền và đa cực - như một cấu trúc xã hội mới trong quốc tế, qua đó định hình chuẩn mực và trật tự bằng diễn ngôn chiến lược và hợp tác xây dựng, thay vì áp đặt đơn phương [Lukas Baake, 2023]. Tóm lại, Nga không xem hệ thống quốc tế là một cấu trúc bất biến. Ngược lại, quốc gia này coi hệ thống là một không gian có thể tái cấu trúc, nơi Nga chủ động thúc đẩy mô hình đa cực, khẳng định bản sắc văn minh, và nâng cao vị thế như một trung tâm quyền lực toàn cầu độc lập và tự cường.

Dựa trên quan niệm của Nga về hệ thống cấu trúc quốc tế, có thể thấy rằng trong giai đoạn 2012 - 2024, Nga nhìn nhận quan hệ với Trung Quốc như một mắt xích chiến lược trong tiến trình định hình trật tự đa cực và khẳng định vai trò “quốc gia-nền văn minh” độc lập. Về phương diện địa chính trị, Nga coi hợp tác với Trung Quốc là công cụ mở rộng “Đại không gian Á-Âu”, tạo đối trọng hiệu quả với các trung tâm quyền lực phương Tây. Hai nước phối hợp chặt chẽ trong các diễn đàn đa phương như BRICS và SCO để thúc đẩy các nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, không can thiệp và bình đẳng giữa các quốc gia. Về khía cạnh bản sắc, Nga đánh giá cao sự tương đồng về lập trường chiến lược với Trung Quốc trong phản đối bá quyền và cải cách hệ thống quản trị toàn cầu theo hướng công bằng hơn. Hợp tác kinh tế - năng lượng và các dự án hạ tầng chiến lược song phương vừa tăng cường khả năng chống chịu của Nga trước trừng phạt, vừa giúp củng cố liên kết Á-Âu như một cấu trúc thay thế, ít chịu chi phối từ các thể chế phương Tây. Như vậy, trong nhận thức của Nga, quan hệ với Trung Quốc không chỉ mang tính song phương, mà còn là trụ cột quan trọng để thúc đẩy tầm nhìn về một hệ thống quốc tế đa cực, nơi cả hai cùng giữ vai trò trung tâm trong việc định hình luật chơi toàn cầu.

2.1.1.4. Khái niệm về Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện

Khái niệm "Đối tác chiến lược toàn diện" (Comprehensive strategic partnership) trong quan hệ quốc tế đề cập đến mối quan hệ hợp tác sâu rộng và đa dạng giữa hai hoặc nhiều quốc gia, nhằm thúc đẩy các lợi ích chung trên nhiều lĩnh vực như chính

trị, kinh tế, an ninh, văn hóa và khoa học công nghệ. Quan hệ này không chỉ dừng lại ở mức độ hợp tác bình thường mà còn mang tính chất chiến lược, dài hạn và bao trùm nhiều khía cạnh của quan hệ song phương.

** Theo quan điểm của chủ nghĩa hiện thực, mối quan hệ giữa các quốc gia chủ yếu được thúc đẩy bởi lợi ích quốc gia với trọng tâm là cân bằng quyền lực trong một hệ thống quốc tế vô chính phủ, nơi không có một quyền lực trung ương để điều tiết hành vi của các quốc gia.* Trong một hệ thống vô chính phủ, các quốc gia hành động chủ yếu để bảo vệ lợi ích và an ninh của mình, dẫn đến sự cạnh tranh quyền lực giữa các quốc gia [Kenneth Waltz, 1979]. Theo đó, mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga, được xây dựng nhằm đối phó với ảnh hưởng của Mỹ và NATO tại châu Á và châu Âu. Mối quan hệ này cho phép hai quốc gia phối hợp hành động để đối mặt với các mối đe dọa chung, từ đó bảo vệ lợi ích và an ninh của mình. Điều này được thể hiện rõ ràng qua việc Trung Quốc và Nga thực hiện các cuộc tập trận quân sự chung và hợp tác về công nghệ quân sự, nhằm tăng cường sức mạnh quân sự của mình trước những mối đe dọa từ bên ngoài. Hợp tác này không chỉ giúp nâng cao khả năng quốc phòng mà còn củng cố vị thế của hai quốc gia trong hệ thống quốc tế mà còn là một công cụ để cả hai quốc gia củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế và đối phó với áp lực từ các cường quốc phương Tây.

** Theo quan điểm của chủ nghĩa tự do, mối quan hệ giữa các quốc gia trong quan hệ quốc tế được xây dựng trên cơ sở hợp tác đa chiều và sự phụ thuộc lẫn nhau, qua đó thúc đẩy hòa bình và thịnh vượng toàn cầu thông qua hợp tác kinh tế và các thể chế quốc tế* [Keohane và Nye, 1977]. Theo đó, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện sẽ càng phụ thuộc vào nhau trong nhiều lĩnh vực như kinh tế, môi trường và an ninh. Từ quan điểm của chủ nghĩa tự do, mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Liên bang Nga cũng được xây dựng trên cơ sở hợp tác đa chiều và sự phụ thuộc lẫn nhau, đặc biệt thông qua các thỏa thuận kinh tế và sự phối hợp trong các tổ chức quốc tế như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) và Nhóm BRICS, nhằm thúc đẩy hòa bình và thịnh vượng trong khu vực và toàn cầu. Sự tham gia tích cực của Trung Quốc và Nga vào các tổ chức quốc tế và khu vực này không chỉ củng cố quan hệ giữa hai quốc gia mà còn góp phần vào sự ổn định và hợp tác toàn cầu.

** Theo lý thuyết của chủ nghĩa kiến tạo, các quốc gia không chỉ hành động vì những lợi ích thực tế mà còn vì các giá trị, niềm tin mà họ chia sẻ và trong quan hệ quốc tế, bản sắc và các chuẩn mực xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc định hình hành vi của các quốc gia [Wendt, 1999]. Theo quan điểm này có thể thấy mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga có thể được giải thích qua lăng kính của chủ nghĩa kiến tạo, khi hai quốc gia này củng cố mối quan hệ thông qua diễn ngôn về trật tự thế giới đa cực và sự phản đối sự bá quyền của phương Tây. Những thông điệp này không chỉ giúp định hình nhận thức của công chúng mà còn củng cố sự hợp tác giữa hai quốc gia, từ đó tạo ra một liên minh chiến lược mạnh mẽ trước các thách thức quốc tế. Cả Trung Quốc và Nga đều tự nhận mình là những người bảo vệ chủ quyền quốc gia và tìm cách thiết lập một trật tự thế giới đa cực, điều này không chỉ định hình cách họ hành xử mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác chiến lược trong các lĩnh vực quan trọng.*

** Theo quan điểm của chủ nghĩa Marx-Lenin, mối quan hệ giữa các quốc gia thường được định hình bởi quyền lực kinh tế và đấu tranh giai cấp, với mục tiêu chính là chống lại sự thống trị của các quốc gia tư bản chủ nghĩa và bảo vệ lợi ích của giai cấp lao động [Marx, K., 1867]. Từ góc độ của chủ nghĩa Marx-Lenin, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Liên bang Nga có thể được hiểu là một liên kết nhằm đối phó với sự thống trị của các quốc gia tư bản chủ nghĩa và bảo vệ lợi ích của giai cấp lao động, thông qua việc củng cố quyền lực kinh tế và đấu tranh giai cấp. Mối quan hệ đối tác này đã thúc đẩy sự đoàn kết và hợp tác giữa hai quốc gia trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc và tư bản chủ nghĩa. Sự hợp tác không chỉ tăng cường sức mạnh chính trị và kinh tế của các quốc gia tham gia mà còn đóng góp vào việc xây dựng một trật tự quốc tế công bằng hơn. Đặc biệt, trong trường hợp của Trung Quốc và Nga, sự hợp tác này không chỉ dừng lại ở các lĩnh vực kinh tế, mà còn mở rộng sang các lĩnh vực chính trị và quân sự, giúp củng cố sự hiện diện của cả hai quốc gia trên trường quốc tế.*

** Trung Quốc tái định nghĩa quan hệ đối tác chiến lược không chỉ là hợp tác thực dụng vì lợi ích cốt lõi, mà còn lồng ghép chiều sâu văn hóa - tư tưởng, hướng tới mô hình hợp tác quốc tế dung hòa giữa lợi ích và đạo nghĩa.*

Trong ngôn ngữ ngoại giao Trung Quốc, “全面战略合作伙伴关系” - Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện không chỉ mang hàm nghĩa hợp tác thực chất trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng, mà còn thể hiện mức độ tin cậy chính trị cao và sự tương thích về tầm nhìn chiến lược giữa hai quốc gia. Trung Quốc chính thức sử dụng thuật ngữ này để định danh quan hệ với Nga từ năm 2011, phản ánh sự nâng cấp về tính chất, phạm vi và chiều sâu hợp tác. Trong tuyên bố chung năm 2023, Trung - Nga khẳng định “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Trung - Nga đang ở giai đoạn tốt đẹp nhất trong lịch sử” [中国外交部, 2023].

Khái niệm “全面” (Toàn diện) từ góc nhìn Trung Quốc, không chỉ đề cập đến sự bao trùm các lĩnh vực, mà còn là sự cộng hưởng về nguyên tắc, niềm tin và định hướng tương lai. Tư tưởng “和而不同” (Hòa nhi bất đồng) của Nho gia được xem là nền tảng lý luận cho việc duy trì quan hệ đối tác mà không cần đồng hóa thể chế, phản ánh cách Trung Quốc xây dựng mô hình quan hệ quốc tế đa nguyên, dựa trên sự tôn trọng khác biệt. Điều này lý giải vì sao Trung - Nga có thể duy trì quan hệ chiến lược sâu sắc dù có sự khác biệt về mô hình chính trị và lịch sử tương tác.

Ngoài ra, đối tác chiến lược toàn diện trong chính sách ngoại giao Trung Quốc còn là một công cụ phản ứng linh hoạt trước sự thay đổi cấu trúc quốc tế. Quan hệ với Nga được đặt vào vị trí trụ cột để tạo đối trọng với các khối do phương Tây dẫn dắt. Khái niệm này không dừng ở hợp tác đối phó, mà mang tính kiến tạo. Trung Quốc đề xuất mô hình quan hệ đối tác như một cơ chế “đồng thiết kế” trật tự quốc tế công bằng hơn. Chủ tịch Tập Cận Bình nhấn mạnh rằng, “trên cơ sở kiên trì nguyên tắc không liên minh, cần mở rộng kết giao bạn bè, hình thành mạng lưới quan hệ đối tác rộng khắp toàn cầu” [习近平外交思想和新时代中国外交, 2023].

Tóm lại, trong cách tiếp cận từ Trung Quốc, “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện” không chỉ là định chế hợp tác liên quốc gia, mà là biểu hiện của tư duy đối ngoại dung hợp giữa đạo lý truyền thống và chiến lược hiện đại. Việc định vị quan hệ với Nga theo mô hình này thể hiện rõ mục tiêu kép của Trung Quốc: vừa củng cố thế đối trọng trước áp lực địa - chính trị, vừa xây dựng khuôn mẫu hợp tác mới mang bản sắc Á Đông trong môi trường quốc tế đa cực. Theo đó, hợp tác với Nga trong khuôn khổ đối tác chiến lược toàn diện được Trung Quốc xem là cơ chế then chốt để gia tăng ảnh hưởng khu vực và toàn cầu, đồng thời bảo vệ lợi ích cốt

lỗi mà không cần can thiệp trực diện vào xung đột. Quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 là minh chứng cho cách Trung Quốc sử dụng ngoại giao đối tác như một công cụ vừa phòng thủ vừa mở rộng không gian chiến lược.

** Nga coi Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc là trụ cột định hình trật tự đa cực công bằng.* Nga đánh giá “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện” với Trung Quốc là một trục chính trị – chiến lược trọng yếu, được xây dựng nhằm đạt được lợi ích song phương toàn diện và định hướng hệ thống trong một trật tự quốc tế đang tái cấu trúc. Điều này thể hiện qua những định hướng và thỏa thuận sau: Theo Khái niệm Chính sách Đối ngoại 2023, Nga khẳng định sẽ tăng cường “quan hệ hợp tác toàn diện và chiến lược” với Trung Quốc như một cơ chế chiến lược nhằm bảo vệ lợi ích chung và duy trì ổn định trong môi trường quốc tế bất định. Trong một tuyên bố chung năm 2019, lãnh đạo hai nước đã phê chuẩn tuyên bố tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, trong đó cam kết xây dựng mối quan hệ song phương bình đẳng, cùng có lợi và không hướng đến bất kỳ bên thứ ba nào. Đây là điểm nhấn quan trọng trong cách Nga định hình quyền lực và quan hệ chiến lược với Trung Quốc. Quan hệ được nâng cấp lên tầm “đối tác chiến lược toàn diện thời đại mới” từ năm 2019, đánh dấu một bước ngoặt về chiều sâu và phạm vi hợp tác, phản ánh nhu cầu đối phó chung với áp lực từ bên ngoài, đặc biệt là từ Phương Tây [Nghiên cứu chiến lược, 2023].

Tóm lại, Nga nhìn nhận Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc như một công cụ toàn diện để: Tăng cường an ninh và ổn định chiến lược trong một hệ thống quốc tế hỗn loạn; Mở rộng hợp tác kinh tế và công nghệ nhằm nâng cao khả năng phát triển có chủ quyền; Thiết lập một cấu trúc quyền lực mới, nơi Nga có thể phối hợp linh hoạt và cùng định hình luật chơi toàn cầu với Trung Quốc, hỗ trợ mục tiêu đa cực hóa trật tự quốc tế. Trong cách tiếp cận của Nga, “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện” với Trung Quốc là mối quan hệ chiến lược sâu rộng, vừa là cơ chế tăng cường vị thế, vừa là nền tảng để cùng định hướng lại trật tự quốc tế theo hướng công bằng và cân bằng quyền lực lâu dài.

2.1.1.5. Khái niệm về Cạnh tranh địa chiến lược

Khái niệm "Cạnh tranh địa chiến lược" (geostrategic competition) đề cập đến việc các quốc gia hoặc các nhóm quốc gia sử dụng vị trí địa lý, tài nguyên và các

yếu tố liên quan để tranh giành quyền lực, ảnh hưởng và lợi ích trong hệ thống quốc tế. Cạnh tranh địa chiến lược thường diễn ra dưới các hình thức như kiểm soát lãnh thổ, thiết lập căn cứ quân sự, kiểm soát các tuyến đường thương mại và xây dựng các liên minh quốc tế. Để hiểu rõ hơn về khái niệm này, chúng ta sẽ xem xét nó từ các góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế khác nhau sau:

** Chủ nghĩa hiện thực nhấn mạnh rằng: hệ thống quốc tế là vô chính phủ, và các quốc gia hành xử dựa trên lợi ích quốc gia để đảm bảo sự tồn tại của mình.* Trong bối cảnh này, cạnh tranh địa chiến lược là điều không thể tránh khỏi khi các quốc gia nỗ lực tối đa hóa quyền lực và an ninh. Theo đó, các cường quốc luôn tìm cách tối đa hóa quyền lực của mình để đảm bảo an ninh trước những mối đe dọa tiềm tàng [Mearsheimer, 2001]. Trung Quốc và Nga đã hợp tác chặt chẽ để đối phó với áp lực từ phương Tây và tăng cường an ninh quốc gia. Cả hai quốc gia đều tăng cường hiện diện quân sự ở các khu vực chiến lược, đồng thời tổ chức các cuộc tập trận quân sự chung để thể hiện sự đoàn kết và tăng cường khả năng phòng thủ trước các mối đe dọa bên ngoài. Trung Quốc, thông qua sáng kiến BRI và việc mở rộng ảnh hưởng tại Biển Đông nhằm tìm cách kiểm soát các tuyến đường thương mại quan trọng và qua đó phục vụ mục tiêu bảo vệ lợi ích quốc gia. Còn Nga, với vị trí địa lý chiến lược và nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đã tận dụng các tuyến đường năng lượng và phát triển cơ sở hạ tầng để củng cố vị thế của mình trong khu vực. Hợp tác giữa Trung Quốc và Nga đã tạo ra một nền tảng vững chắc để kiểm soát và khai thác tài nguyên hiệu quả, đồng thời đối phó với các thách thức từ các cường quốc khác.

** Chủ nghĩa tự do nhấn mạnh rằng: hợp tác quốc tế và các thể chế quốc tế có thể giúp giảm thiểu cạnh tranh và xung đột trong hệ thống quốc tế.* Tuy nhiên, cạnh tranh địa chiến lược vẫn tồn tại khi các quốc gia nỗ lực bảo vệ và thúc đẩy lợi ích của mình trong một môi trường quốc tế ngày càng phụ thuộc lẫn nhau. Sự phụ thuộc lẫn nhau trong kinh tế và an ninh có thể thúc đẩy hợp tác quốc tế [Keohane & Nye, 1977]. Tuy nhiên, sự phụ thuộc lẫn nhau này cũng có thể dẫn đến cạnh tranh địa chiến lược khi các quốc gia nỗ lực kiểm soát các nguồn lực và tuyến đường quan trọng để đảm bảo lợi ích quốc gia. Quan hệ giữa Trung Quốc và Nga đã chứng kiến sự gia tăng hợp tác trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là năng lượng và thương mại. Hai quốc gia này đã ký kết nhiều thỏa thuận về cung cấp dầu khí và phát triển cơ sở

hạ tầng, tạo ra một mạng lưới kinh tế phụ thuộc lẫn nhau, từ đó giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường phương Tây và thúc đẩy lợi ích chung.

** Chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh vai trò của các yếu tố phi vật chất như bản sắc, chuẩn mực, và diễn ngôn trong việc hình thành và duy trì cạnh tranh địa chiến lược. Các yếu tố này có thể định hình cách mà các quốc gia nhìn nhận và hành xử trong hệ thống quốc tế. Các cấu trúc xã hội, bao gồm các bản sắc và chuẩn mực, định hình cách mà các quốc gia hiểu và hành xử với nhau [Wendt, 1999]. Trong bối cảnh cạnh tranh địa chiến lược, bản sắc và chuẩn mực quốc gia có thể thúc đẩy hoặc kiềm chế sự cạnh tranh. Trong quan hệ giữa Trung Quốc và Nga, cả hai quốc gia đều chia sẻ bản sắc là những cường quốc không muốn bị áp đảo bởi ảnh hưởng của phương Tây. Họ đều ủng hộ một trật tự quốc tế đa cực và nhấn mạnh tầm quan trọng của chủ quyền quốc gia. Điều này đã thúc đẩy sự hợp tác giữa Trung Quốc và Nga trong nhiều lĩnh vực, từ quân sự đến kinh tế, nhằm đối phó với áp lực từ Mỹ và các đồng minh phương Tây.*

** Chủ nghĩa Marx-Lenin nhìn nhận cạnh tranh địa chiến lược qua lăng kính của quyền lực kinh tế và đấu tranh giai cấp. Theo quan điểm này, các quốc gia tư bản chủ nghĩa cạnh tranh để kiểm soát tài nguyên và thị trường nhằm tối đa hóa lợi nhuận và duy trì sự thống trị của giai cấp tư sản. Trong bối cảnh quốc tế, điều này có nghĩa là các quốc gia xã hội chủ nghĩa sẽ hợp tác để chống lại sự thống trị của các quốc gia tư bản chủ nghĩa. Quan hệ giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn từ 2012 đến 2024 là một ví dụ điển hình. Hai quốc gia này đã hợp tác để đối phó với áp lực từ phương Tây và thúc đẩy một trật tự quốc tế công bằng hơn, đồng thời bảo vệ lợi ích của mình trước sự cạnh tranh từ các cường quốc tư bản chủ nghĩa. Cả Trung Quốc và Nga đều coi mình là những quốc gia lớn đang chống lại sự áp đảo của các cường quốc phương Tây và sự hợp tác giữa họ nhằm tạo ra một mặt trận thống nhất để thúc đẩy lợi ích chung và bảo vệ chủ quyền quốc gia.*

** Từ góc nhìn Trung Quốc, cạnh tranh địa chiến lược không chỉ là tranh giành ảnh hưởng, mà là quá trình định hình cấu trúc khu vực và củng cố vị thế quốc gia trong tiến trình Phục hưng dân tộc. Trung Quốc tiếp cận cạnh tranh địa chiến lược không chỉ từ yếu tố quyền lực cứng (quân sự, địa lý), mà còn từ quyền lực mềm và quyền lực định chế. Trong Sách trắng “Trung Quốc và thế giới trong kỷ*

nguyên mới” (2019), Chính phủ Trung Quốc nhấn mạnh rằng cạnh tranh toàn cầu hiện nay không chỉ giới hạn ở đối đầu quân sự, mà mở rộng sang các lĩnh vực như mô hình phát triển, quản trị toàn cầu và phân bổ trật tự quốc tế. Trung Quốc coi việc cạnh tranh địa chiến lược là tất yếu trong bối cảnh trật tự quốc tế đang tái cấu trúc. Từ đó, Trung Quốc định vị lại chiến lược toàn cầu của mình không phải để giành bá quyền, mà để “thiết lập lại sự công bằng chiến lược” giữa các trung tâm quyền lực [中国政, 2019].

Tóm lại, trong tư duy chiến lược Trung Quốc, cạnh tranh địa chiến lược là một hiện tượng tất yếu của quá trình dịch chuyển quyền lực toàn cầu. Tuy nhiên, cách tiếp cận của Trung Quốc mang màu sắc phòng thủ chủ động, kết hợp hài hòa giữa thực lực cứng và công cụ mềm, trong đó quan hệ đối tác với Nga đóng vai trò trung tâm để cân bằng áp lực, mở rộng không gian chiến lược và định hình lại trật tự quốc tế theo hướng đa cực và công bằng hơn.

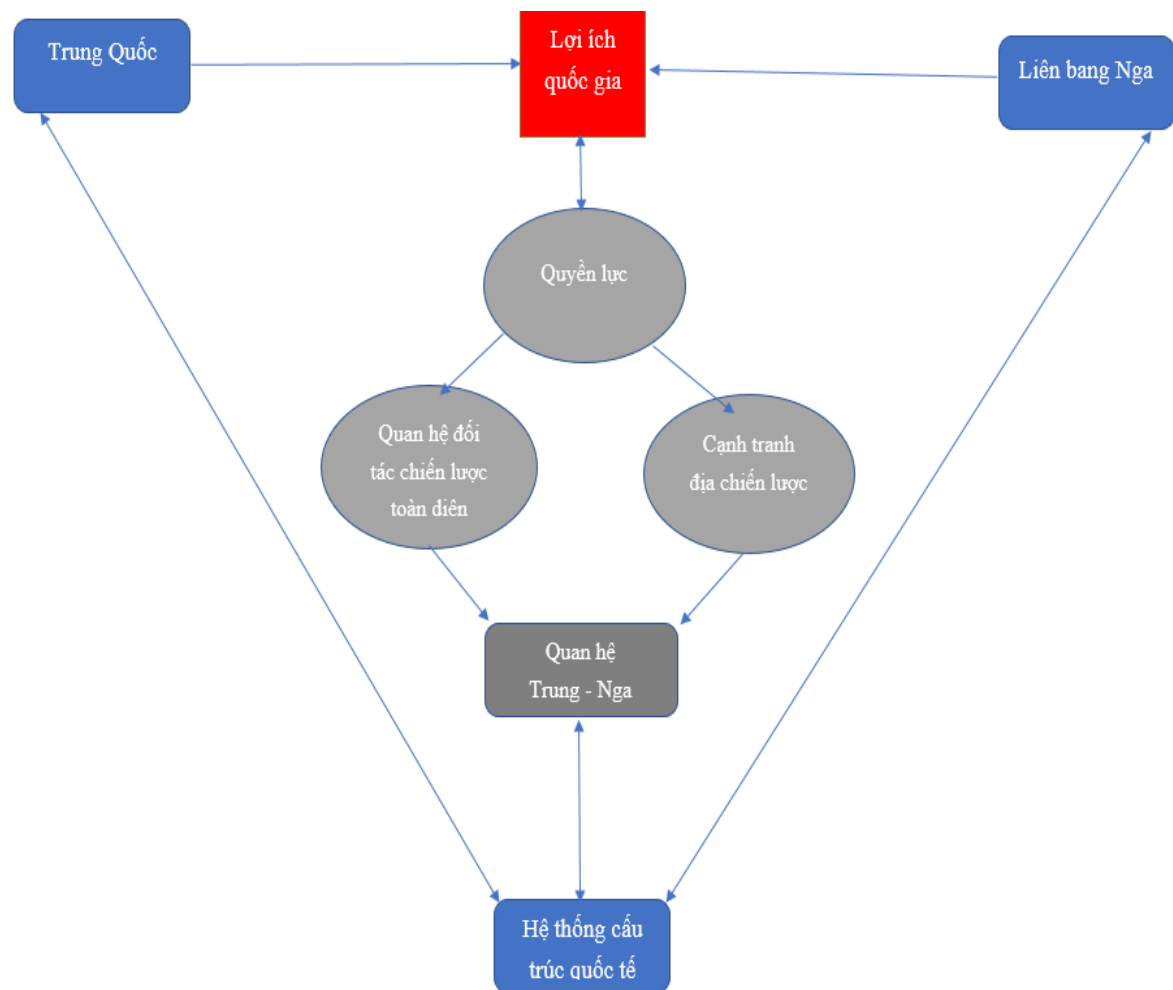
** Quan niệm của Nga về cạnh tranh địa chiến lược là một chiến trường toàn diện, nơi quyền lực được tranh giành thông qua kiểm soát không gian, tài nguyên và ảnh hưởng toàn cầu và quan hệ với Trung Quốc là trọng tâm chiến lược để đối phó với trật tự đơn cực.* Trước hết, Nga đã chủ động định vị mình trong cấu trúc đa cực đang tái hình theo hướng "chống lại sự thống trị phương Tây", thông qua hợp tác sâu rộng với Trung Quốc và các cường quốc khác như một đối trọng địa chiến lược. Một minh chứng rõ nét là dự án khí đốt Power of Siberia, nối Siberia với Trung Quốc, không chỉ là một tuyến xuất khẩu năng lượng mà còn là công cụ địa chiến lược, giúp Nga giảm phụ thuộc vào thị trường châu Âu và đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh bị phương Tây trừng phạt [Global Institute for National Capability, 2024]. Thêm vào đó, việc phát triển Tuyến hàng hải Bắc Cực (Northeast Passage) cùng Trung Quốc - thường gọi là "Ice Silk Road" đã thể hiện rõ mục tiêu của Nga trong việc kiểm soát các tuyến vận tải chiến lược mới, đồng thời tăng cường ảnh hưởng trong kiến trúc toàn cầu, đặc biệt trong điều kiện biến đổi khí hậu [John C. K. Daly, 2024]. Tóm lại, Nga nhận thức Cạnh tranh địa chiến lược là một cuộc đấu không chỉ về quyền lực quân sự hay kinh tế, mà còn về quyền kiểm soát địa hình, năng lực nội sinh và mối liên kết chiến lược khu vực. Trong bối cảnh này, Trung - Nga không chỉ hợp tác, mà cùng kiến tạo một trục quyền lực thực sự đối trọng với phương Tây.

Quan hệ Trung Quốc - Nga từ năm 2012 đến 2024 là một ví dụ điển hình về sự tương tác phức tạp giữa các khái niệm trong quan hệ quốc tế, bao gồm lợi ích quốc gia, quyền lực, hệ thống cấu trúc quốc tế, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, cạnh tranh địa chiến lược. Mỗi quan hệ này không chỉ phản ánh các lý thuyết chính trong quan hệ quốc tế mà còn thể hiện góc nhìn của chuyên ngành Trung Quốc học được thể hiện qua cách hai cường quốc sử dụng các khái niệm này để củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế. Theo đó, quan hệ Trung - Nga được định hình bởi sự kết hợp giữa quyền lực cứng và quyền lực mềm. Trung Quốc và Nga đã sử dụng sức mạnh quân sự và kinh tế để đối phó với sự thống trị của phương Tây. Trong khi Trung Quốc tập trung vào Sáng kiến BRI để mở rộng ảnh hưởng toàn cầu, Nga tận dụng lợi thế năng lượng để củng cố vị thế chiến lược của mình. Mỗi quan hệ này phản ánh một hệ thống quốc tế vô chính phủ, nơi các quốc gia phải tự tìm kiếm sự cân bằng quyền lực để bảo vệ lợi ích quốc gia. Hơn nữa, quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn này thể hiện rõ nét sự cạnh tranh địa chiến lược khi cả hai quốc gia cùng hợp tác để đối phó với các thách thức từ phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Hai nước đã thiết lập các thỏa thuận quân sự và kinh tế nhằm tăng cường an ninh và kiểm soát các tuyến đường chiến lược. Sự hợp tác này giúp cả Trung Quốc và Nga nâng cao vị thế trong hệ thống quốc tế, đồng thời tạo ra một “liên minh” chiến lược nhằm đối phó với áp lực từ bên ngoài. Ngoài ra, quan hệ Trung - Nga không chỉ được củng cố bởi các yếu tố vật chất như kinh tế và quân sự mà còn bởi yếu tố phi vật chất như bản sắc, diễn ngôn, tư duy về đạo đức, lễ nghĩa. Cả hai quốc gia đã xây dựng một bản sắc chung, phản đối sự bá quyền của phương Tây và thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực. Điều này đã định hình cách hai quốc gia hiểu và hành xử với nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác chiến lược. Cuối cùng, sự hợp tác giữa Trung Quốc và Nga còn được xem như một ví dụ điển hình của hệ thống cấu trúc quốc tế dựa trên hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau. Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện của họ đã được xây dựng trên cơ sở hợp tác đa chiều, từ kinh tế, quân sự đến chính trị. Điều này không chỉ giúp hai quốc gia củng cố vị thế của mình mà còn đóng góp vào việc định hình lại trật tự quốc tế. Quan hệ Trung Quốc - Nga trong hơn một thập kỷ qua là minh chứng cho sự phức tạp và đa chiều của các khái niệm quan hệ quốc tế. Mỗi quan hệ này cho thấy cách các quốc gia sử dụng quyền lực, hợp tác và cạnh

tranh để bảo vệ lợi ích quốc gia và tăng cường vị thế quốc tế. Sự tương tác giữa các khái niệm này không chỉ giúp củng cố quan hệ song phương mà còn góp phần định hình lại cấu trúc và động lực của hệ thống quốc tế trong thế kỷ XXI.

2.1.2. Khung phân tích của Luận án

Với đối tượng nghiên cứu là quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012-2024), luận án sử dụng khung phân tích nhấn mạnh yếu tố trọng tâm là lợi ích quốc gia nhằm thể hiện quan hệ hợp tác sâu rộng hay cạnh tranh ngầm đều trên cơ sở đặt lợi ích quốc gia lên trên hết.



Hình 1.2. Khung phân tích Quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)

Nguồn: Tác giả luận án

Lợi ích quốc gia là yếu tố khởi đầu và động lực chính của quan hệ Trung - Nga giai đoạn 2012 - 2024. Lợi ích quốc gia là nền tảng để phân tích quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Nga, thể hiện qua các mục tiêu chính trị, kinh tế, an

ninh và giá trị phi vật chất như bản sắc quốc gia. Lý thuyết hiện thực khẳng định lợi ích quốc gia chủ yếu xoay quanh an ninh và quyền lực, trong khi chủ nghĩa kiến tạo nhấn mạnh vai trò của diễn ngôn và bản sắc trong việc định nghĩa lợi ích quốc gia. Trong khi đó, từ góc nhìn Trung Quốc, lợi ích quốc gia là sự kết hợp giữa đạo lý truyền thống và chiến lược hiện đại, được thúc đẩy qua hợp tác sâu rộng, đặc biệt với Nga, nhằm củng cố vị thế trong trật tự toàn cầu đang biến đổi. Theo đó, Trung Quốc và Nga đều coi lợi ích quốc gia là động lực chính cho sự hợp tác lẫn cạnh tranh trong giai đoạn 2012-2024, khi cả hai tìm cách đảm bảo vị thế trong một trật tự quốc tế ngày càng phức tạp. Sự chồng lấn lợi ích, như bảo vệ chủ quyền và chống lại ảnh hưởng từ phương Tây, đặt nền móng cho các bước đi chiến lược tiếp theo trong quan hệ song phương.

Quyền lực là công cụ để bảo vệ và mở rộng lợi ích quốc gia. Quyền lực được hiểu là công cụ mà Trung Quốc và Nga sử dụng để hiện thực hóa lợi ích quốc gia của mình. Trong giai đoạn này, cả hai quốc gia đã triển khai quyền lực cứng (quân sự và kinh tế) lẫn quyền lực mềm (ngoại giao và văn hóa). Theo chủ nghĩa hiện thực, việc gia tăng sức mạnh quân sự, như hiện đại hóa vũ khí và tổ chức tập trận chung, là cách hai nước củng cố vị thế trước sức ép từ phương Tây. Đồng thời, quyền lực mềm, thông qua Sáng kiến BRI của Trung Quốc và các sự kiện quốc tế như World Cup 2018 của Nga, được triển khai nhằm tăng cường ảnh hưởng quốc tế. Quyền lực ở đây không chỉ đơn thuần là sức mạnh cưỡng chế mà còn là khả năng định hình nhận thức và diễn ngôn toàn cầu. Trong khi đó, từ góc nhìn Trung Quốc, quan niệm quyền lực là sự hòa hợp giữa đạo lý và thực dụng, giữa truyền thống và hiện đại. Trong quan hệ với Nga (2012 - 2024), Trung Quốc không tranh giành vị thế lãnh đạo mà phối hợp chiến lược linh hoạt nhằm cân bằng phương Tây, gia tăng ảnh hưởng và tái cấu trúc trật tự toàn cầu theo hướng đa cực, ổn định và công bằng.

Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện là yếu tố thúc đẩy ổn định quan hệ Trung - Nga. Hợp tác chiến lược giữa Trung Quốc và Nga được định hình bởi sự phụ thuộc lẫn nhau trong các lĩnh vực như kinh tế, an ninh và chính trị. Theo chủ nghĩa tự do, sự hợp tác này phản ánh tính liên kết phức hợp khi cả hai quốc gia cần nhau để đối phó với các thách thức chung, từ lệnh trừng phạt của phương Tây đến sự cạnh tranh trong thị trường năng lượng. Các thỏa thuận song phương về năng

lượng, sáng kiến kết nối giữa BRI và EAEU, cũng như các cơ chế phối hợp trong BRICS và SCO, minh chứng cho tư duy "cùng thắng" (win-win). Hợp tác chiến lược không chỉ củng cố ổn định quan hệ song phương mà còn giúp cả hai quốc gia đạt được lợi ích lâu dài trong hệ thống quốc tế. Theo góc nhìn từ Trung Quốc, khái niệm “Đối tác chiến lược toàn diện” không chỉ là khuôn khổ hợp tác, mà là công cụ dung hòa đạo lý và chiến lược hiện đại. Quan hệ với Nga giai đoạn 2012 - 2024 minh chứng cho cách tiếp cận này: vừa tạo thế đối trọng địa chính trị, vừa mở rộng ảnh hưởng theo mô hình hợp tác mang bản sắc Á Đông, tránh đối đầu trực diện nhưng vẫn bảo vệ lợi ích cốt lõi.

Cạnh tranh địa chiến lược là giới hạn tự nhiên của quan hệ Trung - Nga. Bên cạnh hợp tác, cạnh tranh địa chiến lược là yếu tố không thể bỏ qua trong quan hệ Trung - Nga. Theo chủ nghĩa hiện thực, cạnh tranh là điều tất yếu trong hệ thống quốc tế vô chính phủ, nơi các quốc gia luôn tìm cách tối đa hóa quyền lực và lợi ích của mình. Trong giai đoạn này, Trung Quốc và Nga có những lợi ích mâu thuẫn tại các khu vực chiến lược như Trung Á, Bắc Cực và châu Á - Thái Bình Dương. Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng thông qua BRI, trong khi Nga cố gắng duy trì vai trò trung tâm tại khu vực Á - Âu. Sự chồng lấn lợi ích này dẫn đến những xung đột tiềm tàng, phản ánh bản chất cạnh tranh trong quan hệ song phương. Trong khi đó, từ góc nhìn Trung Quốc, cạnh tranh địa chiến lược là hệ quả tất yếu của dịch chuyển quyền lực toàn cầu, không chỉ dựa vào sức mạnh cứng mà còn kết hợp quyền lực mềm và định chế. Thay vì theo đuổi bá quyền, Trung Quốc hướng đến thiết lập lại sự công bằng chiến lược. Trong đó, quan hệ với Nga đóng vai trò trung tâm để cân bằng áp lực và định hình trật tự thế giới đa cực.

Hệ thống cấu trúc quốc tế định hình và bị định hình bởi quan hệ Trung - Nga. Hệ thống cấu trúc quốc tế không chỉ cung cấp bối cảnh mà còn ảnh hưởng đến chiến lược và hành vi của cả Trung Quốc và Nga. Trong bối cảnh trật tự quốc tế hiện tại, sự bá quyền của Mỹ và các đồng minh phương Tây là động lực chính thúc đẩy hai nước xích lại gần nhau. Quan hệ Trung - Nga không chỉ phản ứng với cấu trúc quốc tế mà còn tham gia định hình lại trật tự này, hướng tới một hệ thống đa cực. Các cơ chế hợp tác trong BRICS, SCO và các dự án kinh tế song phương đều phản ánh nỗ lực chung của hai quốc gia nhằm giảm sự phụ thuộc vào phương Tây

và xây dựng một cấu trúc quốc tế công bằng hơn. Từ góc nhìn Trung Quốc, hệ thống quốc tế không chỉ là cấu trúc quyền lực mà còn là không gian có thể cải tạo dựa trên đạo lý và lợi ích chung. Nước này phản biện trật tự đơn cực phương Tây và thúc đẩy mô hình đa cực công bằng, tôn trọng đa dạng văn minh. Hợp tác với Nga là mắt xích chiến lược giúp Trung Quốc tái định hình cấu trúc khu vực và toàn cầu.

Khung phân tích quan hệ Trung - Nga (2012-2024) được xây dựng trên cơ sở năm khái niệm cốt lõi: lợi ích quốc gia, quyền lực, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, cạnh tranh địa chiến lược và hệ thống cấu trúc quốc tế. Mỗi khái niệm đóng vai trò như một trụ cột lý thuyết, không chỉ giải thích động lực và hành vi của hai quốc gia mà còn làm sáng tỏ các xu hướng lớn trong quan hệ quốc tế hiện đại. Theo đó, Lợi ích quốc gia được xác định là điểm xuất phát, chi phối toàn bộ các quyết định và chiến lược của cả Trung Quốc lẫn Nga. Quyền lực, với cả hai hình thái cứng và mềm, là công cụ quan trọng để hiện thực hóa lợi ích này trong bối cảnh quốc tế đầy cạnh tranh. Trong khi đó, Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và Cạnh tranh địa chiến lược thể hiện hai khía cạnh đồng thời tồn tại trong quan hệ song phương: sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế và an ninh song song với những xung đột tiềm tàng tại các khu vực chiến lược. Trong khi đó, Hệ thống cấu trúc quốc tế, vừa là bối cảnh vừa là kết quả của sự vận động trong quan hệ Trung - Nga, không chỉ tạo áp lực thúc đẩy hợp tác giữa hai quốc gia mà còn bị định hình bởi các sáng kiến và chiến lược của họ. Qua đó, Trung Quốc và Nga không chỉ phản ứng trước những thay đổi trong trật tự quốc tế mà còn chủ động tham gia tái cấu trúc trật tự này, hướng tới một hệ thống đa cực công bằng hơn.

Khung phân tích này nhấn mạnh rằng quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn 2012-2024 không phải là mối quan hệ đơn chiều. Thay vào đó, đây là một mối quan hệ đa chiều và phức tạp, nơi các yếu tố hợp tác, cạnh tranh và tương tác với bối cảnh quốc tế đan xen lẫn nhau. Việc nghiên cứu mối quan hệ này thông qua năm khái niệm trên không chỉ làm rõ bản chất của quan hệ Trung - Nga mà còn cung cấp một nền tảng lý luận hữu ích để phân tích các liên minh chiến lược khác trong bối cảnh quốc tế đầy biến động của thế kỷ XXI. Khung phân tích này cũng gợi ý rằng, trong tương lai, mối quan hệ song phương này có thể tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc định hình trật tự quốc tế mới.

2.2. Các nhân tố tác động đến quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)

2.2.1. Tình hình thế giới, khu vực và quan điểm, chính sách của một số nước lớn về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)

2.2.1.1. Tình hình thế giới và khu vực

Giai đoạn từ năm 2012 đến 2024 chứng kiến nhiều thay đổi quan trọng trên trường quốc tế, khi thế giới bước vào một kỷ nguyên mới với nhiều thách thức và cơ hội. Những vấn đề nổi bật trong giai đoạn này bao gồm sự nổi lên của các nền kinh tế mới, cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự thay đổi trong các mối đe dọa an ninh toàn cầu. Những biến động này đã định hình lại cấu trúc quyền lực thế giới và tạo ra những xu hướng mới trong quan hệ quốc tế.

Sự nổi lên của các nền kinh tế mới. Từ năm 2012, các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil và Nga đã đóng vai trò ngày càng quan trọng trong nền kinh tế toàn cầu. **Trung Quốc** đã vượt qua Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình khoảng 6 - 7% mỗi năm trong suốt thập kỷ [RFE/RL, 2010]. Trung Quốc không chỉ mở rộng ảnh hưởng kinh tế mà còn thúc đẩy các sáng kiến quốc tế như BRI nhằm tạo ra mạng lưới kết nối thương mại toàn cầu. **Ấn Độ**, với dân số hơn 1,4 tỷ người, đã trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 6 - 7% hàng năm [Worldbank, 2023]. Nền kinh tế Ấn Độ đã có những cải cách quan trọng nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghệ thông tin và dịch vụ tài chính. **Brazil** cũng có những bước phát triển quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp và khai thác tài nguyên, mặc dù gặp nhiều thách thức về chính trị và kinh tế. Brazil đã nổi lên như một trong những quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới [Constanza Valdes, 2022].

Như trên có thể thấy, sự nổi lên của các nền kinh tế mới đã thúc đẩy quan hệ Trung - Nga theo hướng hợp tác chặt chẽ hơn, đặc biệt trong bối cảnh Nga chịu trừng phạt từ phương Tây sau năm 2014. Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng kinh tế và sáng kiến BRI tạo cơ hội để Nga tăng cường kết nối thương mại, đầu tư và năng lượng. Tuy nhiên, sự phát triển của các nền kinh tế mới cũng làm gia tăng cạnh tranh, nhất là tại khu vực Trung Á, nơi cả hai nước đều muốn duy trì ảnh hưởng.

Sự cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc. Giai đoạn này cũng chứng kiến sự cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Mỹ, Trung Quốc và Nga. Mỹ, dù vẫn giữ vị thế siêu cường, đã phải đối mặt với nhiều thách thức từ sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự hồi phục của Nga. **Quan hệ Mỹ - Trung** đã trở thành một trong những mối quan hệ phức tạp nhất thế giới. Trong khi hai quốc gia này là đối tác thương mại lớn, họ cũng là đối thủ cạnh tranh gay gắt trong nhiều lĩnh vực, từ công nghệ đến an ninh mạng. Các chính sách thương mại và an ninh của Mỹ dưới thời Tổng thống Donald Trump đã dẫn đến cuộc chiến thương mại kéo dài với Trung Quốc, ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế toàn cầu [Anshu Siripurapu & Noah Berman, 2024]. **Nga**, dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Vladimir Putin, đã tìm cách khôi phục lại ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế. Sau sự kiện sáp nhập Crimea năm 2014 và cuộc chiến với Ukraine năm 2022, Nga đã phải chịu nhiều biện pháp trừng phạt kinh tế từ phương Tây, nhưng đồng thời cũng đã tăng cường quan hệ với Trung Quốc và các nước châu Á.

Trước sức ép từ Mỹ, đặc biệt là các lệnh trừng phạt kinh tế sau sự kiện Crimea (2014) và cuộc chiến với Ukraine (2022), Nga đã xích lại gần Trung Quốc để giảm phụ thuộc vào phương Tây. Trong khi đó, cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung cũng khiến Trung Quốc tìm kiếm đối tác chiến lược mới, trong đó Nga đóng vai trò quan trọng về năng lượng và an ninh.

Sự phát triển của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa, đã thay đổi cách thức hoạt động của nền kinh tế và xã hội toàn cầu. Công nghệ thông tin và truyền thông đã trở thành động lực chính thúc đẩy sự phát triển kinh tế, tạo ra những ngành nghề và mô hình kinh doanh mới [Jacques Bughin, Jeongmin Seong, 2018]. *Trí tuệ nhân tạo* (AI) đã bắt đầu được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực và dự kiến sẽ tạo ra hàng triệu việc làm mới cũng như đòi hỏi các kỹ năng chuyên môn cao hơn từ lực lượng lao động. Tuy nhiên, cuộc cách mạng này cũng đặt ra nhiều thách thức, bao gồm mất việc làm do tự động hóa và sự bất bình đẳng trong tiếp cận công nghệ. *An ninh mạng* trở thành một vấn đề toàn cầu khi các cuộc tấn công mạng ngày càng tinh vi và có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng đối với an ninh quốc gia và kinh tế.

Các cuộc tấn công vào các hệ thống tài chính và cơ sở hạ tầng quan trọng đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc bảo vệ an ninh mạng trong kỷ nguyên số [Jim Boehm, James Kaplan, and Wolf Richter, 2020].

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ Trung - Nga giai đoạn 2012 - 2024, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ và an ninh mạng. Trung Quốc với lợi thế trong trí tuệ nhân tạo, viễn thông và tự động hóa đã trở thành đối tác quan trọng của Nga trong việc phát triển công nghệ và giảm sự phụ thuộc vào phương Tây. Trong khi đó, Nga với bối cảnh bị Mỹ và các đồng minh gia tăng các lệnh trừng phạt, đã tăng cường hợp tác với Trung Quốc trong các lĩnh vực như an ninh mạng, phát triển AI và công nghệ quân sự. Tuy nhiên, sự chênh lệch về trình độ công nghệ cũng tạo ra những thách thức, khi Nga phải đối mặt với nguy cơ phụ thuộc vào Trung Quốc trong các lĩnh vực chiến lược.

Sự thay đổi trong các mối đe dọa an ninh toàn cầu. Bên cạnh các mối đe dọa an ninh truyền thống, thế giới cũng đang phải đối mặt với nhiều mối đe dọa an ninh phi truyền thống, bao gồm biến đổi khí hậu, khủng bố và dịch bệnh. *Biến đổi khí hậu* đã trở thành một thách thức lớn đối với toàn cầu, khi nhiệt độ trung bình của trái đất tiếp tục tăng, gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan và đe dọa đến an ninh lương thực [Unfccc, 2021]. *Khủng bố* tiếp tục là mối đe dọa lớn với sự hoạt động của các tổ chức khủng bố như IS và Al-Qaeda. Các quốc gia đã phải tăng cường hợp tác quốc tế để đối phó với nguy cơ khủng bố và ngăn chặn tài trợ cho các hoạt động khủng bố [Bruce Hoffman, 2016]. *Dịch bệnh*, đặc biệt là đại dịch Covid-19, đã gây ra những tác động sâu rộng đến kinh tế và xã hội toàn cầu. Đại dịch này đã làm gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, khiến hàng triệu người mất việc làm và làm suy giảm tăng trưởng kinh tế ở nhiều quốc gia [Mo Azizi & Shutterstock, 2020].

Trước những thách thức như khủng bố, an ninh mạng và đặc biệt là đại dịch Covid-19, hai nước đã tăng cường phối hợp trong lĩnh vực y tế, an ninh và chuỗi cung ứng. Nga và Trung Quốc cũng mở rộng hợp tác quân sự, chia sẻ thông tin tình báo nhằm đối phó với các mối đe dọa chung, bao gồm cả áp lực từ phương Tây. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu và an ninh lương thực đã thúc đẩy hợp tác về năng lượng và nông nghiệp giữa hai nước.

Sự thay đổi lãnh đạo và những tác động đến chính trị quốc tế. Giai đoạn này cũng chứng kiến sự thay đổi lãnh đạo ở nhiều quốc gia quan trọng, ảnh hưởng đáng kể đến chính sách đối ngoại và cục diện quốc tế. Mỹ đã trải qua bốn đời tổng thống: Barack Obama, Donald Trump, Joe Biden và Donald Trump nhiệm kỳ 2, với những thay đổi lớn trong chính sách đối ngoại. Dưới thời Tổng thống Trump, Mỹ đã rút khỏi nhiều thỏa thuận quốc tế quan trọng, gây ra nhiều bất đồng với các đồng minh [Richard Wike, Jacob Poushter, Laura Silver, Janell Fetterolf and Mara Mordecai, 2021]. Trung Quốc, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình, đã áp dụng chính sách đối ngoại "Trỗi dậy hòa bình" nhằm tăng cường ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế, đồng thời thúc đẩy sáng kiến BRI để mở rộng ảnh hưởng kinh tế [James McBride, Noah Berman, and Andrew Chatzky, 2023]. Trong khi đó, Nga với sự trở lại của Vladimir Putin trong vai trò Tổng thống, đã tập trung vào việc củng cố quyền lực trong nước và mở rộng ảnh hưởng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cũng như tăng cường quan hệ với Trung Quốc.

Sự thay đổi lãnh đạo toàn cầu giai đoạn 2012 - 2024 đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến quan hệ Trung - Nga, đặc biệt trong bối cảnh Mỹ có những biến động lớn về chính sách đối ngoại. Dưới sự lãnh đạo ổn định của Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Putin, quan hệ Trung - Nga ngày càng được củng cố nhằm đối phó với áp lực từ phương Tây. Mỹ dưới thời Tổng thống Trump và Tổng thống Biden đã có những chính sách cứng rắn với cả Trung Quốc và Nga, do đó đã thúc đẩy hai nước xích lại gần nhau hơn trong các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng và ngoại giao. Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng với sáng kiến BRI, trong khi Nga tăng cường vai trò tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, tạo ra sự phối hợp chiến lược giữa hai nước.

Từ năm 2012 đến 2024, thế giới đã trải qua nhiều biến động lớn với sự nổi lên của các nền kinh tế mới, cạnh tranh quyền lực giữa các cường quốc, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự thay đổi trong các mối đe dọa an ninh toàn cầu. Những thách thức và cơ hội này đã định hình lại cấu trúc quyền lực thế giới, đồng thời mở ra nhiều xu hướng mới trong quan hệ quốc tế. Các quốc gia cần tăng cường hợp tác và đối thoại để giải quyết các vấn đề toàn cầu và đảm bảo sự phát triển bền vững trong một thế giới ngày càng gắn kết.

2.2.1.2. Quan điểm, chính sách của một số nước lớn về quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)

** Quan điểm, chính sách của Mỹ và các nước phương Tây*

Từ năm 2012 đến năm 2024, quan hệ giữa Trung Quốc và Liên bang Nga đã trở thành một trong những vấn đề chính trong chính trị quốc tế, thu hút sự chú ý đặc biệt từ nhiều quốc gia, trong đó có Mỹ và các nước phương Tây. Với vai trò là siêu cường toàn cầu, Mỹ luôn theo dõi sát sao các động thái và chính sách ngoại giao của các quốc gia lớn khác, đặc biệt là những quốc gia có khả năng thách thức vị thế của mình. Quan điểm của Mỹ và các nước phương Tây về quan hệ Trung Quốc - Nga trong giai đoạn này phản ánh mối lo ngại về sự gia tăng hợp tác chiến lược giữa hai cường quốc Á - Âu tác động tiềm tàng đối với an ninh, kinh tế, năng lượng... và cục diện thế giới do Mỹ dẫn đầu.

Hợp tác quân sự Trung - Nga sẽ làm giảm ưu thế quân sự của Mỹ. Một trong những mối lo ngại lớn nhất của Mỹ là sự tăng cường hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga. Kể từ năm 2012, hai quốc gia này đã thực hiện nhiều cuộc tập trận quân sự chung quy mô lớn, nổi bật nhất là cuộc tập trận "Vostok 2018". Cuộc tập trận này, diễn ra vào tháng 9 năm 2018, có sự tham gia của hàng chục nghìn binh sĩ và hàng ngàn thiết bị quân sự từ cả hai bên [Michael Kofman, 2018]. Đây là một trong những hoạt động quân sự chung lớn nhất của Nga và Trung Quốc kể từ Chiến tranh Lạnh. Cuộc tập trận này đã gửi đi một thông điệp mạnh mẽ về sự hợp tác quân sự chặt chẽ giữa hai quốc gia này. Mỹ xem sự hợp tác quân sự này như một mối đe dọa tiềm tàng đối với sự ổn định và an ninh khu vực. Sự kết hợp giữa sức mạnh quân sự của Nga và Trung Quốc có thể tạo ra một thách thức lớn đối với lợi ích chiến lược của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu. Hơn nữa, việc hai quốc gia này tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực như phát triển vũ khí công nghệ cao và hệ thống phòng thủ tên lửa cũng làm gia tăng mối lo ngại về khả năng quân sự đối với Mỹ [Richard Weitz, 2021].

Quan hệ kinh tế và năng lượng Trung - Nga sẽ làm giảm hiệu quả các lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây với Nga. Quan hệ kinh tế và năng lượng giữa Trung Quốc và Nga cũng là một yếu tố quan trọng mà Mỹ theo dõi sát sao. Từ năm

2012, kim ngạch thương mại Trung - Nga đã tăng mạnh, đạt mức kỷ lục 190 tỷ USD vào năm 2022 và dự kiến vượt 300 tỷ năm 2024. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc Nga trở thành nhà cung cấp năng lượng lớn cho Trung Quốc, với các dự án quan trọng như đường ống dẫn khí Power of Siberia được khởi công và hoàn thành trong giai đoạn này. Theo đó, Mỹ lo ngại rằng sự hợp tác kinh tế mạnh mẽ giữa Nga và Trung Quốc có thể làm suy yếu các biện pháp trừng phạt kinh tế mà phương Tây áp đặt lên Nga sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 và cuộc chiến với Ukraine từ năm 2022. Sự phụ thuộc ngày càng lớn của Nga vào thị trường Trung Quốc để xuất khẩu năng lượng và các hàng hóa khác đã giúp Nga duy trì ổn định kinh tế bất chấp các biện pháp trừng phạt [Maxim Trudolyubov, 2024]. Điều này không chỉ giảm hiệu quả của các biện pháp trừng phạt mà còn làm gia tăng sự tự tin của Nga trong các hành động quân sự và chính trị trong tương lai.

Ảnh hưởng chính trị và ngoại giao của quan hệ Trung - Nga sẽ làm giảm ảnh hưởng, vai trò dẫn dắt của Mỹ trên trường quốc tế. Mỹ cũng lo ngại về việc Nga và Trung Quốc tăng cường ảnh hưởng chính trị và ngoại giao trên trường quốc tế. Hai nước Trung Quốc và Nga đã hợp tác chặt chẽ trong nhiều tổ chức quốc tế và khu vực, như UN, SCO, BRICS. Sự hợp tác này không chỉ nhằm mục đích bảo vệ lợi ích của họ mà còn nhằm đối phó với ảnh hưởng của Mỹ và các đồng minh phương Tây [Syed Nasir Hassan, 2024]. Trong UN, Nga và Trung Quốc thường xuyên phối hợp để ngăn chặn các nghị quyết mà họ cho là can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia có chủ quyền. Điều này đã dẫn đến sự bế tắc trong việc giải quyết một số cuộc khủng hoảng quốc tế, chẳng hạn như tình hình tại Syria và Ukraine. Việc hai nước này sử dụng quyền phủ quyết trong Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc đã làm giảm hiệu quả của các nỗ lực ngoại giao quốc tế và tạo ra sự căng thẳng trong quan hệ quốc tế [Rebecca Barber, 2019].

Sự cạnh tranh và đối đầu chiến lược giữa Mỹ và các nước phương Tây với “liên minh” Trung - Nga. Mỹ coi sự hợp tác chiến lược giữa Nga và Trung Quốc như một phần của cuộc cạnh tranh và đối đầu chiến lược rộng lớn hơn. Chính quyền Mỹ từ thời Tổng thống Barack Obama đã thực hiện chiến lược "xoay trục sang châu Á" nhằm đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc và duy trì sự hiện diện quân sự và

kinh tế của Mỹ trong khu vực. Chiến lược này đã được tiếp nối và mở rộng dưới thời các chính quyền sau đó. Trong bối cảnh này, việc Nga và Trung Quốc hợp tác chặt chẽ hơn đã làm gia tăng mối lo ngại về việc hình thành một liên minh chống Mỹ và phương Tây. Mỹ lo ngại rằng sự hợp tác này có thể dẫn đến việc tăng cường các hoạt động quân sự, kinh tế và chính trị nhằm thách thức trật tự quốc tế do Mỹ dẫn đầu. Hơn nữa, sự phối hợp giữa Nga và Trung Quốc trong việc phát triển các công nghệ quân sự tiên tiến và các hệ thống phòng thủ tên lửa có thể làm giảm ưu thế quân sự của Mỹ [Dmitry Gorenburg, Elizabeth Wishnick, Brian Waidelich, Paul Schwartz, 2023].

Để đối phó với sự tăng cường hợp tác giữa Nga và Trung Quốc, Mỹ đã thực hiện nhiều biện pháp chiến lược. Một trong những biện pháp quan trọng là tăng cường hợp tác với các đồng minh và đối tác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và châu Âu. Mỹ đã củng cố các liên minh quân sự như NATO và tăng cường quan hệ đối tác với các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ và Australia. Mỹ cũng đã đẩy mạnh các nỗ lực ngoại giao nhằm đối phó với ảnh hưởng của Nga và Trung Quốc. Trong khuôn khổ UN và các tổ chức quốc tế khác, Mỹ đã phối hợp với các đồng minh để ngăn chặn các hành động can thiệp của Nga và Trung Quốc. Đồng thời, Mỹ đã tăng cường áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế và hạn chế thương mại đối với Nga và Trung Quốc nhằm làm suy yếu khả năng kinh tế của họ và ngăn chặn sự phát triển của các công nghệ quân sự tiên tiến.

Theo đó, một trong những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy quan hệ Trung Quốc – Liên bang Nga phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 2012–2024 chính là chính sách đôi đầu kép từ phía Mỹ. Sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014, Mỹ và phương Tây đã áp đặt hàng loạt lệnh trừng phạt kinh tế đối với Nga, khiến nước này phải tìm kiếm các đối tác chiến lược khác để giảm thiểu thiệt hại, trong đó Trung Quốc nổi lên như lựa chọn ưu tiên hàng đầu. Cùng thời điểm, chiến tranh thương mại Mỹ – Trung bùng nổ năm 2018, với việc Mỹ áp thuế hàng trăm tỷ USD lên hàng hóa Trung Quốc, tạo ra động lực để Trung Quốc cũng phải tìm kiếm thêm không gian hợp tác quốc tế để ứng phó. Đỉnh điểm là sau khi Nga phát động chiến dịch quân sự vào Ukraine năm 2022, Nga càng bị cô lập khỏi phương Tây, và phụ

thuộc sâu sắc hơn vào Trung Quốc cả về năng lượng, công nghệ và thị trường. Trong bối cảnh cả Nga và Trung Quốc đều bị Mỹ siết chặt bằng các biện pháp trừng phạt, thuế quan và cạnh tranh chiến lược, hai quốc gia này đã xích lại gần nhau hơn trên nền tảng “kẻ thù của kẻ thù là bạn”. Điều này giúp củng cố quan hệ song phương một cách toàn diện từ kinh tế, quân sự cho đến ngoại giao, ... khiến quan hệ Trung – Nga ngày càng mang tính chiến lược, gắn bó sâu sắc hơn bao giờ hết.

** Quan điểm, chính sách của Ấn Độ*

Quan điểm của Ấn Độ về quan hệ Trung Quốc - Nga trong giai đoạn này phản ánh sự phức tạp của mối quan hệ ba bên, bao gồm các vấn đề an ninh, cạnh tranh kinh tế và chiến lược.

Hợp tác an ninh và quân sự Trung - Nga sẽ đe dọa đến an ninh biên giới Trung - Ấn. Một trong những mối lo ngại lớn nhất của Ấn Độ là sự gia tăng hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga. Các cuộc tập trận chung quy mô lớn như "Vostok 2018" sẽ làm đẩy lên mối lo ngại về an ninh cho Ấn Độ, đặc biệt trong bối cảnh tranh chấp biên giới kéo dài giữa Ấn Độ và Trung Quốc. Việc Trung Quốc và Nga phát triển công nghệ quân sự tiên tiến và hệ thống phòng thủ tên lửa có thể tạo ra thách thức lớn đối với an ninh của Ấn Độ. Hơn nữa, sự gia tăng hiện diện quân sự của Trung Quốc tại các khu vực chiến lược gần Ấn Độ, như Biển Đông và khu vực Ấn Độ Dương, cũng làm tăng mối lo ngại về an ninh khu vực [Paul N. Schwartz, 2021].

Quan hệ kinh tế và năng lượng Trung - Nga sẽ ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của Ấn Độ. Quan hệ kinh tế và năng lượng giữa Trung Quốc và Nga là một yếu tố quan trọng mà Ấn Độ theo dõi chặt chẽ. Kim ngạch thương mại giữa hai nước đã đạt mức kỷ lục 240 tỷ USD vào năm 2023, thể hiện sự hợp tác kinh tế mạnh mẽ. Nga trở thành nhà cung cấp năng lượng lớn cho Trung Quốc thông qua các dự án như đường ống dẫn khí Power of Siberia. Ấn Độ lo ngại rằng sự hợp tác kinh tế mạnh mẽ giữa Nga và Trung Quốc có thể làm giảm khả năng cạnh tranh của mình trên thị trường năng lượng và các lĩnh vực khác. Sự phụ thuộc ngày càng lớn của Nga vào Trung Quốc có thể làm thay đổi các dòng chảy thương mại toàn cầu và ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế của Ấn Độ [Nivedita Kapoor & Tanvi Madan, 2024]. Điều này trở nên quan trọng hơn khi Ấn Độ cũng đang tìm cách mở rộng quan hệ kinh tế và thương mại với cả Nga và Trung Quốc.

Ảnh hưởng chính trị và ngoại giao của quan hệ Trung - Nga sẽ làm giảm ảnh hưởng của Ấn Độ trong các cơ chế hợp tác chung. Hai nước Trung Quốc và Nga đã hợp tác chặt chẽ trong nhiều tổ chức quốc tế và khu vực như UN, SCO, BRICS. Sự hợp tác này không chỉ nhằm bảo vệ lợi ích của họ mà còn có ảnh hưởng tiêu cực đến các quốc gia khác, bao gồm cả Ấn Độ. Trong khuôn khổ BRICS và SCO, Ấn Độ đã phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng lớn từ phía Trung Quốc và Nga trong việc định hình các chính sách và chiến lược của tổ chức này. Sự hợp tác chặt chẽ giữa Nga và Trung Quốc có thể làm giảm ảnh hưởng của Ấn Độ và tạo ra sự mất cân bằng trong các quyết định quan trọng. Điều này đòi hỏi Ấn Độ phải tăng cường nỗ lực ngoại giao và củng cố quan hệ đối tác với các quốc gia khác trong và ngoài khu vực [Shreya Upadhyay, 2022].

Sự cạnh tranh và cân bằng chiến lược giữa Ấn Độ và đối tác với sự hợp tác Trung - Nga. Với vai trò là một cường quốc khu vực và nền kinh tế đang phát triển nhanh, Ấn Độ có mối quan tâm đặc biệt đến việc duy trì sự ổn định và cân bằng quyền lực trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Việc Nga và Trung Quốc hợp tác chặt chẽ hơn đã làm gia tăng mối lo ngại về việc hình thành một liên minh chống lại Ấn Độ và các đối tác của mình. Trong bối cảnh này, Ấn Độ đã thực hiện nhiều biện pháp để đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự hồi sinh của Nga, bao gồm việc tăng cường quan hệ đối tác với các quốc gia khác trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và các đối tác toàn cầu như Mỹ, Nhật Bản, và Australia (Quad) [Subhan T. Jadhav, 2024].

Để đối phó với sự gia tăng hợp tác giữa Nga và Trung Quốc, Ấn Độ đã thực hiện nhiều biện pháp chiến lược. Một trong những biện pháp quan trọng là tăng cường hợp tác với các đồng minh và đối tác trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và toàn cầu. Ấn Độ đã củng cố quan hệ đối tác với các quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Australia, và các nước ASEAN. Ấn Độ cũng đã đẩy mạnh các nỗ lực ngoại giao nhằm đối phó với ảnh hưởng của Nga và Trung Quốc. Trong khuôn khổ Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế khác, Ấn Độ đã phối hợp với các đối tác để ngăn chặn các hành động can thiệp của Nga và Trung Quốc, đồng thời tăng cường các biện pháp trừng phạt kinh tế và hạn chế thương mại đối với các hành động gây bất ổn của hai

nước này. Quan điểm của Ấn Độ về quan hệ Trung Quốc - Nga từ năm 2012 đến 2024 là sự kết hợp của lo ngại về an ninh, cạnh tranh kinh tế và cân bằng chiến lược. Sự gia tăng hợp tác giữa Trung Quốc và Nga không chỉ tạo ra thách thức đối với Ấn Độ mà còn làm thay đổi trật tự quốc tế, ảnh hưởng đến các nguyên tắc và quy tắc đã được thiết lập. Để đối phó với những thay đổi này, Ấn Độ cần phải duy trì sự linh hoạt trong chiến lược đối ngoại và củng cố quan hệ đối tác toàn cầu.

** Quan điểm, chính sách của Nhật Bản*

Với vai trò là một cường quốc kinh tế và quân sự quan trọng ở châu Á, Nhật Bản đặc biệt chú ý đến sự hợp tác giữa hai nước láng giềng này. Quan điểm của Nhật Bản về quan hệ Trung Quốc - Nga trong giai đoạn này phản ánh sự lo ngại về an ninh, kinh tế và các vấn đề chiến lược.

Sự gia tăng hợp tác quân sự Trung - Nga sẽ đe dọa đến an ninh quốc gia, nhất là các vùng biển hiện đang tranh chấp với Trung Quốc. Các cuộc tập trận chung quy mô lớn, chẳng hạn như "Vostok 2018" đã làm dấy lên lo ngại về an ninh cho Nhật Bản, đặc biệt trong bối cảnh các tranh chấp lãnh thổ kéo dài giữa Nhật Bản và Trung Quốc, như vấn đề quần đảo Senkaku/Điếu Ngư. Nhật Bản lo ngại rằng sự hợp tác quân sự chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nga có thể làm gia tăng căng thẳng khu vực và đe dọa đến an ninh quốc gia của mình. Việc Trung Quốc và Nga phát triển các công nghệ quân sự tiên tiến và hệ thống phòng thủ tên lửa có thể tạo ra một thách thức lớn đối với an ninh của Nhật Bản. Hơn nữa, sự gia tăng hiện diện quân sự của Trung Quốc tại các khu vực chiến lược gần Nhật Bản, như Biển Hoa Đông và Biển Đông, cũng làm gia tăng mối lo ngại về an ninh khu vực [Takahashi Kosuke, 2024].

Sự phát triển quan hệ kinh tế Trung - Nga sẽ ảnh hưởng đến vị thế của Nhật Bản trong khu vực. Mặc dù Trung Quốc và Nga đều có mối quan hệ kinh tế đáng kể với Nhật Bản, nhưng sự gia tăng hợp tác kinh tế giữa họ có thể ảnh hưởng đến vị thế của Nhật Bản trong khu vực. Cụ thể, việc Trung Quốc và Nga tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng và cơ sở hạ tầng có thể làm suy yếu sự phụ thuộc của hai quốc gia này vào thị trường Nhật Bản, đồng thời củng cố vị thế của họ trong khu vực.

Sự gia tăng quan hệ chiến lược Trung - Nga sẽ khiến các chính sách ngoại giao của Nhật Bản đối với Trung Quốc và Nga trở nên phức tạp hơn. Nhật Bản phải đối mặt với áp lực trong việc cân bằng mối quan hệ giữa Mỹ - đồng minh chiến lược quan trọng và Trung Quốc - đối tác kinh tế lớn. Nếu mối quan hệ giữa Trung Quốc và Nga tiếp tục phát triển mạnh mẽ, Nhật Bản có thể gặp khó khăn trong việc duy trì sự cân bằng này, đặc biệt khi đối mặt với các vấn đề khu vực như chương trình hạt nhân của Triều Tiên, một vấn đề mà cả Nga và Trung Quốc đều có ảnh hưởng đáng kể.

Nhật Bản cũng có những bước đi chiến lược nhằm đối phó với mối đe dọa tiềm tàng từ sự hợp tác Trung - Nga như việc tăng cường hợp tác với các quốc gia trong khu vực Ấn Độ - Thái Bình Dương, bao gồm Ấn Độ và Australia, cũng như mở rộng quan hệ với các quốc gia ASEAN. Các hoạt động này không chỉ nhằm đảm bảo an ninh quốc gia mà còn tạo ra một liên minh đối trọng với sự ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga trong khu vực.

2.2.2. Tình hình Trung Quốc, Liên bang Nga và chính sách đối ngoại của hai nước đối với nhau (2012 - 2024)

2.2.2.1. Tình hình Trung Quốc và Liên bang Nga (2012 - 2024)

**** Tình hình Trung Quốc (2012 - 2024)***

Sau hơn bốn thập kỷ mở cửa và cải cách, Trung Quốc đã nổi lên như một cường quốc toàn cầu với những thành tựu nổi bật về kinh tế, quân sự và ngoại giao. Tuy nhiên, quốc gia này cũng đối mặt với nhiều thách thức đáng kể trong hành trình phát triển của mình.

Những thành tựu đã đạt được:

Thứ nhất, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế quan trọng, chứng minh sự vươn lên mạnh mẽ trong nền kinh tế toàn cầu. Năm 2010, Trung Quốc vượt qua Nhật Bản để trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Mỹ. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc từ năm 2012 đến 2022 duy trì ở mức cao, khoảng từ 6,5% đến 9%. Trong giai đoạn 2013 - 2018, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình của Trung Quốc đạt 7,1%, so với mức tăng trưởng toàn cầu là 2,6% và của các nền kinh tế đang phát triển là 4%. Trong giai đoạn năm 2020 - 2021, tốc độ tăng trưởng GDP

trung bình đạt 5,1%, dẫn đầu hầu hết các nền kinh tế thế giới. GDP của Trung Quốc đạt 14,7 nghìn tỷ USD vào năm 2020, bằng 70% so với Mỹ (21 nghìn tỷ USD vào năm 2020). Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, Trung Quốc là nền kinh tế lớn duy nhất trên thế giới đạt mức tăng trưởng 2,3% [Nguyễn Long, 2022]. Trung Quốc không chỉ phát triển mạnh mẽ về quy mô mà chất lượng nền kinh tế cũng rất phát triển. Ngành công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ đã chứng kiến sự phát triển vượt bậc, với sự xuất hiện của nhiều tập đoàn công nghệ lớn như Huawei, Tencent và Alibaba. Sự phát triển này đã thúc đẩy nền kinh tế số ngày càng mạnh mẽ, tạo ra hàng triệu việc làm mới và gia tăng năng suất lao động. Trung Quốc cũng đã đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng, bao gồm đường bộ, đường sắt cao tốc, cảng biển và sân bay. Sáng kiến BRI là một ví dụ điển hình về mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc ra toàn cầu thông qua các dự án cơ sở hạ tầng lớn.

Thứ hai, trên cơ sở tiềm lực kinh tế và chính sách ngoại giao, Trung Quốc đã liên tục tăng ngân sách quốc phòng và thúc đẩy cải cách quân sự. Quốc gia này đặt mục tiêu trở thành cường quốc hải quân vào năm 2049, không chỉ đảm bảo khả năng phòng thủ mà còn triển khai lực lượng ngoài phạm vi lãnh thổ nhằm hiện thực hóa các học thuyết và chiến lược quân sự của Trung Quốc. Trong giai đoạn 2013 - 2021, chi tiêu quân sự của Trung Quốc đã tăng gấp 2,5 lần, từ hơn 115 tỷ USD vào năm 2013 lên tới hơn 290 tỷ USD vào năm 2021[新华社, 2023]. Xu hướng tăng mức chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc có xu hướng tăng mạnh với số liệu năm 2024 cho thấy chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc đạt 541 tỷ USD. [Peter Robertson, 2024]. Quân đội Trung Quốc đã được hiện đại hóa với việc đầu tư vào công nghệ quân sự tiên tiến, bao gồm tên lửa đạn đạo, máy bay chiến đấu tàng hình và tàu sân bay. Điều này đã cải thiện đáng kể khả năng tác chiến và sức mạnh răn đe của Trung Quốc

Thứ ba, Trung Quốc đã thay đổi chính sách đối ngoại từ "giấu mình chờ thời" sang "ngoại giao nước lớn" và ngoại giao láng giềng nhằm gia tăng ảnh hưởng quốc tế. Trung Quốc tích cực tham gia tại nhiều cơ chế đa phương, thiết lập các cơ chế mới và tập hợp lực lượng mới. Sáng kiến BRI, khởi xướng vào năm 2013, nhằm kết nối các quốc gia châu Á, châu Phi và châu Âu thông qua các dự án cơ sở hạ tầng, từ đó

thúc đẩy thương mại và đầu tư. Sáng kiến này đã thu hút hàng trăm tỷ USD đầu tư và có sự tham gia của hơn 140 quốc gia và tổ chức quốc tế. Trung Quốc còn thúc đẩy "Ngoại giao nước lớn kiểu mới" nhằm xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia lớn khác, bao gồm Nga, Ấn Độ và Liên minh châu Âu.

Những thách thức và khó khăn:

Thứ nhất, thách thức và khó khăn nội tại. Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu kinh tế lớn trong những thập kỷ gần đây. Trung Quốc hiện đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng như: *Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc đang có dấu hiệu chậm lại* do nhiều yếu tố, trong đó có các bất ổn trong cấu trúc kinh tế và sự mất cân đối nghiêm trọng giữa các khu vực. Sự tăng trưởng nhanh chóng trong quá khứ đã dẫn đến một nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào đầu tư cơ sở hạ tầng và xuất khẩu, gây ra nhiều vấn đề như nợ công cao và tình trạng quá tải tài sản [World Bank, 2022]. Ngoài ra, *môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng* là một trong những hệ quả của sự phát triển công nghiệp không bền vững. Trung Quốc đang đối mặt với các vấn đề môi trường nghiêm trọng, đặc biệt là ô nhiễm không khí và nước, khiến cho sức khỏe cộng đồng bị đe dọa và tạo ra áp lực lớn đối với chính phủ trong việc cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường [Harvard School of Public Health, 2020]. *Các vấn đề dân tộc và tôn giáo cũng là nguồn gốc của nhiều mâu thuẫn tại các khu vực như Tây Tạng và Tân Cương.* Sự bất mãn từ các nhóm dân tộc thiểu số do các biện pháp kiểm soát gắt gao của chính phủ Trung Quốc đã làm gia tăng căng thẳng, gây ra nhiều vụ xung đột [World Bank, 2022]. Đặc biệt, chính sách ngoại giao quyết liệt của Trung Quốc với các nước láng giềng đã dẫn đến sự kiềm chế từ Mỹ và phương Tây, đồng thời thúc đẩy xu hướng "bài xích Trung Quốc" trong cộng đồng quốc tế [Harvard School of Public Health, 2020]. Cuối cùng, *đại dịch COVID-19 đã tác động nặng nề đến nền kinh tế Trung Quốc.* Các biện pháp phong tỏa nghiêm ngặt đã làm suy giảm hoạt động kinh tế trong nước và làm gia tăng xu hướng dịch chuyển đầu tư ra khỏi Trung Quốc. Điều này đe dọa vị thế "công xưởng thế giới" của Trung Quốc và gây ra nhiều khó khăn cho quá trình phục hồi kinh tế hậu đại dịch.

Thứ hai, thách thức và khó khăn trong quan hệ với Nga. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2024, quan hệ Trung - Nga đã phát triển vượt bậc nhưng cũng đối

diện với nhiều thách thức phức tạp. Dù có sự hợp tác sâu rộng về chính trị, quân sự và kinh tế, sự bất cân xứng trong lợi ích và chiến lược của hai quốc gia này đã tạo ra những khó khăn đáng kể.

Thách thức trong quan hệ kinh tế: Trung Quốc và Nga đã đạt được nhiều tiến bộ trong hợp tác kinh tế, đặc biệt sau khi Nga phải đối mặt với các biện pháp trừng phạt từ phương Tây sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014. Thương mại song phương giữa hai nước đã tăng từ 88 tỷ USD năm 2012 lên mức kỷ lục 190 tỷ USD vào năm 2022. Tuy nhiên, Nga ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc như một thị trường xuất khẩu lớn, đặc biệt là về năng lượng. Trung Quốc hiện nhập khẩu 19% dầu và 25% than từ Nga, với than chiếm gần một nửa lượng tiêu thụ năng lượng của Trung Quốc. Sự phụ thuộc này tạo ra một mối quan hệ kinh tế mất cân đối và tiềm ẩn nhiều rủi ro khi Trung Quốc có thể gặp phải sức ép từ phương Tây nếu tiếp tục tăng cường hợp tác với Nga trong bối cảnh xung đột Ukraine tiếp diễn [Clara Fong & Lindsay Maizland, 2024].

Sự cạnh tranh về ảnh hưởng khu vực: Mặc dù cả Trung Quốc và Nga đều coi Trung Á là khu vực chiến lược, lợi ích của họ tại đây không hoàn toàn đồng nhất. Trung Quốc tập trung vào phát triển kinh tế và thương mại thông qua Sáng kiến BRI, trong khi Nga chủ yếu quan tâm đến duy trì an ninh và ổn định chính trị tại các quốc gia thuộc Liên Xô cũ. Mặc dù hai quốc gia đã tránh được xung đột trực tiếp, sự cạnh tranh ngầm về ảnh hưởng tại Trung Á vẫn là một thách thức dai dẳng, đặc biệt trong bối cảnh ảnh hưởng của phương Tây suy giảm trong khu vực [Clara Fong & Lindsay Maizland, 2024].

Hợp tác quân sự và những giới hạn: Trung Quốc và Nga đã tăng cường hợp tác quân sự, đặc biệt từ sau năm 2014 với hàng loạt cuộc tập trận chung và giao dịch vũ khí. Tuy nhiên, kể từ năm 2020, hợp tác này có dấu hiệu chững lại do Trung Quốc đã phát triển khả năng tự chủ về công nghệ quân sự, trong khi Nga đang đối mặt với những khó khăn trong duy trì các hoạt động quân sự quốc tế do xung đột và chiến tranh với Ukraine. Dù vậy, các cuộc tập trận chung vẫn diễn ra thường xuyên và trở nên phức tạp hơn, phản ánh sự phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa hai quân đội [RAND, 2021].

Thách thức về ngoại giao và địa chính trị: Xung đột Nga - Ukraine đã đặt Trung Quốc vào một tình thế khó xử. Mặc dù Trung Quốc không công khai ủng hộ Nga, nhưng cũng không lên án hành động của Nga. Điều này phản ánh sự thận trọng của Trung Quốc trong việc duy trì mối quan hệ với Nga mà không làm tổn hại đến lợi ích kinh tế và ngoại giao toàn cầu của mình. Đồng thời, sự bất đồng về một số vấn đề như địa chính trị tại Bắc Cực hay vấn đề an ninh hạt nhân cũng có thể trở thành những điểm mâu thuẫn trong tương lai [Dmitry Gorenburg, Elizabeth Wishnick, Brian Waidelich, Paul Schwartz, 2023].

Nhìn chung, mối quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024, mặc dù có sự phát triển vượt bậc, vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức lớn. Các yếu tố như sự phụ thuộc kinh tế, cạnh tranh ảnh hưởng khu vực, giới hạn trong hợp tác quân sự và những vấn đề địa chính trị có thể tạo ra những biến động khó lường trong mối quan hệ này.

Thứ ba, thách thức trong cạnh tranh chiến lược với Mỹ: Trong giai đoạn từ 2012 đến 2024, quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ đã trở nên căng thẳng hơn bao giờ hết, với sự cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt giữa hai cường quốc. Một trong những yếu tố chính trong sự căng thẳng này là chiến lược “Xoay trục sang châu Á” của Mỹ, được khởi xướng dưới thời chính quyền Obama nhằm đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Chiến lược này không chỉ tăng cường hiện diện quân sự của Mỹ tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương mà còn củng cố quan hệ với các đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc và Philippines. Các hoạt động này đã tạo ra một rào cản lớn cho tham vọng của Trung Quốc trong việc kiểm soát Biển Đông và mở rộng ảnh hưởng ở khu vực [U.S. Naval Institute Staff, 2024]. Các hành động của Trung Quốc tại Biển Đông, bao gồm xây dựng các đảo nhân tạo và quân sự hóa khu vực, đã gặp phải sự phản đối quyết liệt từ Mỹ và các đồng minh. Từ năm 2014 đến 2019, số lượng các cuộc tuần tra tự do hàng hải (FONOPs) của Hải quân Mỹ xung quanh các khu vực tranh chấp ở Biển Đông đã tăng đáng kể, từ vài lần mỗi năm dưới thời Obama lên hơn một chục lần mỗi năm dưới thời Trump. Điều này cho thấy sự gia tăng căng thẳng quân sự giữa hai nước, đặc biệt khi Trung Quốc tiếp tục cố gắng củng cố tuyên bố chủ quyền của mình [Oriana Skylar Mastro, 2020].

Mỹ cũng đã tăng cường quan hệ với các quốc gia Đông Bắc Á và Đông Nam Á, đồng thời triển khai hệ thống phòng thủ tên lửa THAAD ở Hàn Quốc, khiến Trung Quốc lo ngại về an ninh khu vực. Ngoài ra, Mỹ đã áp dụng các biện pháp kinh tế và công nghệ nhằm kiềm chế Trung Quốc, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao như trí tuệ nhân tạo và viễn thông. Những động thái này không chỉ thách thức trực tiếp “Giấc mộng Trung Hoa” mà còn làm gia tăng áp lực lên Trung Quốc trong việc duy trì vị thế của mình trong hệ thống quốc tế [Ryan Hass, 2021].

Để đối phó với áp lực từ Mỹ, Trung Quốc đã tìm cách thắt chặt quan hệ với Nga, xây dựng một liên minh chiến lược để đối trọng lại sự áp đảo của Mỹ. Từ năm 2014, Trung Quốc và Nga đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác quân sự và năng lượng, đồng thời tổ chức các cuộc tập trận chung và tăng cường trao đổi công nghệ quốc phòng. Tuy nhiên, quan hệ này vẫn tồn tại những giới hạn nhất định, đặc biệt khi lợi ích quốc gia của hai nước không phải lúc nào cũng đồng nhất [Scott Kennedy, 2024]. Nhìn chung, sự cạnh tranh chiến lược giữa Trung Quốc và Mỹ từ năm 2012 đến 2024 đã trở thành một trong những yếu tố quan trọng nhất định hình quan hệ quốc tế hiện nay. Với việc cả hai nước đều gia tăng sức ép lên nhau, Trung Quốc phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia của mình trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ Mỹ.

Sau hơn bốn thập kỷ mở cửa và cải cách, Trung Quốc đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật về kinh tế, quân sự, và ngoại giao, khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế. Tuy nhiên, quốc gia này cũng phải đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng trong hành trình phát triển. Về mặt nội tại, những bất ổn kinh tế, môi trường và xung đột dân tộc đang đặt ra những rủi ro tiềm tàng cho sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng, nợ công cao và sự bất mãn từ các nhóm dân tộc thiểu số là những vấn đề không thể xem nhẹ [World Bank, 2022]. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế, quan hệ giữa Trung Quốc và Mỹ đã trở nên căng thẳng, với sự gia tăng xung đột về kinh tế, quân sự và ngoại giao. Mỹ đã triển khai chiến lược “Xoay trục sang châu Á” nhằm ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc, đồng thời tăng cường quan hệ với các đồng minh trong khu vực. Các hành động này đã tạo ra một rào cản lớn đối với tham vọng của Trung

Quốc tại Biển Đông và khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Để đối phó, Trung Quốc đã thắt chặt quan hệ với Nga, xây dựng một liên minh chiến lược nhằm đối trọng lại sự áp đảo của Mỹ. Tuy nhiên, mối quan hệ này cũng tiềm ẩn nhiều thách thức do sự khác biệt về lợi ích quốc gia giữa hai cường quốc. Nhìn chung, Trung Quốc đang đối mặt với nhiều thách thức từ cả bên trong lẫn bên ngoài, đòi hỏi một chiến lược dài hạn và linh hoạt để duy trì sự ổn định và tiếp tục phát triển trên con đường trở thành cường quốc toàn cầu.

** Tình hình Liên bang Nga (2012 - 2024)*

Sau khi Liên Xô tan rã vào năm 1991, Nga đã trải qua một giai đoạn đầy biến động về chính trị, kinh tế và xã hội. Những năm đầu của thập kỷ 1990 được đánh dấu bởi sự suy giảm kinh tế nghiêm trọng và những nỗ lực chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường. Dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Boris Yeltsin, Nga đã áp dụng các biện pháp cải cách mạnh mẽ, trong đó có chính sách "liệu pháp sốc", nhằm thiết lập một nền kinh tế thị trường. Tuy nhiên, những chính sách này đã dẫn đến những khó khăn kinh tế sâu sắc với GDP của Nga giảm khoảng 40% trong giai đoạn từ 1991 đến 1998 [VnEconomy, 2019].

Những thành tựu đạt được:

Thứ nhất, trên lĩnh vực kinh tế: Trong những năm 1990, Nga phải đối mặt với lạm phát cao, thất nghiệp lan rộng và sự sụp đổ của nhiều ngành công nghiệp. Chính sách "liệu pháp sốc", được khuyến nghị bởi các chuyên gia phương Tây và các tổ chức quốc tế như IMF, đã loại bỏ các kiểm soát giá và nhanh chóng tự do hóa nền kinh tế. Kết quả là lạm phát tăng vọt, với giá cả tăng 2.520% vào năm 1992 [Nghiên cứu Biển Đông, 2016]. Đồng thời, việc chuyển đổi từ một hệ thống kinh tế tập trung sang thị trường tự do đã dẫn đến tình trạng mất cân đối lớn trong nền kinh tế, làm gia tăng sự bất bình đẳng và nghèo đói. Khi Tổng thống Vladimir Putin lên nắm quyền vào cuối năm 1999, Nga đang ở trong tình trạng suy thoái kinh tế nghiêm trọng với hệ thống tài chính và hạ tầng kinh tế bị tàn phá. Tuy nhiên, một trong những yếu tố giúp Nga phục hồi nhanh chóng là sự gia tăng mạnh mẽ của giá dầu toàn cầu. Từ năm 1998 đến 2008, giá dầu đã tăng gần tám lần, từ 13 USD lên 97 USD mỗi thùng. Điều này đã mang lại nguồn thu khổng lồ cho ngân sách nhà nước, giúp Nga củng cố lại

nền kinh tế và cải thiện đáng kể mức sống của người dân. Trong giai đoạn này, Nga đã đạt được mức tăng trưởng kinh tế ấn tượng với GDP tăng từ 1,3 nghìn tỷ USD vào năm 2000 lên 1,7 nghìn tỷ USD vào năm 2020 [Sergey Guriyev, 2019].

Một trong những thành tựu quan trọng nhất của Tổng thống Putin là sự ổn định kinh tế mà ông đã mang lại cho nước Nga sau giai đoạn hỗn loạn thập kỷ 1990. Nhờ vào việc quản lý hiệu quả nguồn thu từ dầu mỏ và khí đốt, Nga đã có thể tăng cường đầu tư vào hạ tầng và các chương trình xã hội. Tuy nhiên, sự phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu năng lượng cũng trở thành một thách thức lớn. Khi giá dầu giảm mạnh vào cuối những năm 2000, nền kinh tế Nga cũng phải đối mặt với những khó khăn mới, dẫn đến tăng trưởng chậm lại [F. Joseph Dresen, 2024].

Thứ hai, trên lĩnh vực quân sự: Dưới thời Tổng thống Putin, Nga đã tiến hành hiện đại hóa quân đội và phát triển nhiều công nghệ quân sự tiên tiến. Trong suốt hai thập kỷ qua, Nga đã đầu tư mạnh mẽ vào lực lượng vũ trang với ngân sách quốc phòng hàng năm luôn nằm trong top 5 thế giới. Các khoản đầu tư này đã cho phép Nga phát triển và triển khai nhiều hệ thống vũ khí hiện đại, bao gồm các tên lửa đạn đạo xuyên lục địa (ICBM), tàu ngầm hạt nhân và máy bay chiến đấu tàng hình [Ben Aris and Ivan Tkachev, 2019]. Ngoài ra, Nga cũng đã trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu vũ khí lớn nhất thế giới với các khách hàng chính như Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam. Xuất khẩu vũ khí không chỉ mang lại nguồn thu lớn mà còn giúp Nga duy trì ảnh hưởng quân sự và chính trị trên toàn cầu [F. Joseph Dresen, 2024].

Thứ ba, trên lĩnh vực ngoại giao: Nga dưới thời Putin đã thực hiện chính sách đối ngoại quyết đoán và thực dụng. Từ năm 1999, Nga đã tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia châu Á như Trung Quốc và Ấn Độ, đồng thời mở rộng ảnh hưởng tại Trung Đông và Bắc Phi. Sự can thiệp quân sự vào Syria vào năm 2015 là một ví dụ điển hình cho thấy Nga sẵn sàng bảo vệ lợi ích chiến lược của mình ở khu vực này. Bên cạnh đó, Nga cũng đã mở rộng ảnh hưởng tại các tổ chức khu vực như SCO và BRICS, qua đó củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế. Tuy nhiên, Nga cũng phải đối mặt với nhiều thách thức trong chính sách đối ngoại, đặc biệt là mối quan hệ căng thẳng với phương Tây sau sự kiện Crimea và

các cuộc xung đột ở Ukraine. Các biện pháp trừng phạt kinh tế của Mỹ và EU đã gây ra những khó khăn lớn cho nền kinh tế Nga, đặc biệt là trong việc tiếp cận các nguồn vốn quốc tế và công nghệ tiên tiến. Mặc dù vậy, Nga đã tìm cách giảm bớt tác động của các lệnh trừng phạt bằng cách tăng cường quan hệ với các đối tác phi phương Tây, đặc biệt là ở châu Á và Trung Đông [Dmitri Trenin, 2019].

Nhìn chung, dưới sự lãnh đạo của Vladimir Putin, Nga đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc khôi phục và phát triển nền kinh tế, củng cố sức mạnh quân sự và mở rộng ảnh hưởng toàn cầu. Tuy nhiên, những thách thức lớn vẫn còn tồn tại, bao gồm sự phụ thuộc vào xuất khẩu năng lượng, sự chậm trễ trong cải cách kinh tế và mối quan hệ căng thẳng với phương Tây. Những vấn đề này sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến triển vọng phát triển của Nga trong những năm tới.

Những thách thức và khó khăn:

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu dưới sự lãnh đạo của Vladimir Putin, Nga vẫn đối diện với nhiều thách thức nội tại, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế và an ninh quốc gia.

Thứ nhất, sự phụ thuộc vào xuất khẩu năng lượng. Nga là một trong những quốc gia có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú nhất thế giới, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt. Tuy nhiên, sự phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu năng lượng đã trở thành một thách thức lớn đối với Nga. Trong suốt nhiều năm, năng lượng chiếm phần lớn nguồn thu của Nga, khiến nền kinh tế này dễ bị tổn thương trước những biến động của thị trường dầu mỏ và khí đốt toàn cầu. Khi giá dầu giảm mạnh vào cuối thập kỷ 2000, nền kinh tế Nga bị ảnh hưởng nặng nề, làm giảm tăng trưởng và gây ra các vấn đề tài chính nghiêm trọng [Harriett Baldwin, 2023]. Hơn nữa, các biện pháp trừng phạt từ phương Tây do cuộc xung đột ở Ukraine đã làm gia tăng áp lực lên nền kinh tế Nga. Những biện pháp này đã cản trở Nga tiếp cận các thị trường quốc tế, gây khó khăn trong việc duy trì dòng chảy thu nhập từ năng lượng [Mitchell Orenstein, 2023]. Để ứng phó, Nga đã tìm cách mở rộng quan hệ kinh tế với các đối tác mới như Trung Quốc và Ấn Độ, tuy nhiên điều này chỉ giúp Nga giải quyết một phần khó khăn và sự phụ thuộc vào xuất khẩu năng lượng vẫn là một điểm yếu cơ bản của nền kinh tế Nga [Ensec Coe, 2022].

Thứ hai, cải cách kinh tế chậm chạp và sự thiếu đa dạng hóa. Một thách thức khác là sự chậm trễ trong cải cách kinh tế và thiếu đa dạng hóa cơ cấu kinh tế. Mặc dù chính phủ Nga đã nhận thức được tầm quan trọng của việc đa dạng hóa nền kinh tế, nhưng các biện pháp cải cách vẫn chưa đạt được hiệu quả mong muốn. Nền kinh tế Nga vẫn phụ thuộc nặng nề vào ngành năng lượng, trong khi các ngành công nghiệp khác chưa phát triển mạnh mẽ [Ben Aris and Ivan Tkachev, 2019]. Sự kiểm soát của nhà nước trong nhiều lĩnh vực kinh tế và việc thiếu các cải cách chính trị cần thiết đã kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân và đầu tư nước ngoài. Điều này dẫn đến khó khăn trong việc thu hút đầu tư và thúc đẩy tăng trưởng bền vững, đồng thời làm giảm sự cạnh tranh và sáng tạo trong nền kinh tế [Can Kasapoğlu, 2024].

Bên cạnh những khó khăn nội tại, Nga còn phải đối mặt với nhiều thách thức từ bên ngoài, đặc biệt là trong quan hệ quốc tế và an ninh quốc gia.

Thứ nhất, quan hệ căng thẳng với Mỹ và phương Tây: Quan hệ giữa Nga và Mỹ, cùng với các nước phương Tây, đã trở nên ngày càng căng thẳng trong thập kỷ qua. Sau sự kiện Nga sáp nhập Crimea vào năm 2014 và can thiệp quân sự vào Ukraine 2022, Mỹ và EU đã áp đặt nhiều biện pháp trừng phạt kinh tế lên Nga. Các biện pháp này không chỉ gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế Nga mà còn làm gia tăng sự cô lập của nước này trên trường quốc tế [Mitchell Orenstein, 2023]. Ngoài ra, sự mở rộng của NATO về phía Đông và việc Mỹ triển khai các hệ thống phòng thủ tên lửa tại châu Âu đã làm gia tăng căng thẳng với Nga. Điều này buộc Nga phải tăng cường chi tiêu quốc phòng và tiến hành nhiều cuộc tập trận quân sự quy mô lớn nhằm đối phó với các mối đe dọa an ninh từ NATO [Enec Coe, 2022]. Những động thái này không chỉ làm gia tăng chi phí quân sự mà còn tạo thêm gánh nặng tài chính cho Nga trong bối cảnh kinh tế bị suy yếu.

Thứ hai, quan hệ phức tạp với Trung Quốc. Mặc dù quan hệ đối tác chiến lược giữa Nga và Trung Quốc đã được củng cố trong những năm gần đây, nhưng sự phụ thuộc ngày càng tăng vào Trung Quốc cũng đặt ra những thách thức mới cho Nga. Trong bối cảnh bị phương Tây cô lập, Nga đã phải dựa vào Trung Quốc để bù

đắp cho sự mất mát từ các thị trường truyền thống [F. Joseph Dresen, 2024]. Sự cân bằng trong mối quan hệ với Trung Quốc là một bài toán khó đối với Nga. Trung Quốc là một đối tác thương mại và đầu tư quan trọng, nhưng sự chênh lệch về quy mô kinh tế và sức mạnh đàm phán giữa hai nước khiến Nga rơi vào thế yếu hơn trong mối quan hệ này. Bên cạnh đó, sự hợp tác giữa Nga và Trung Quốc trong các dự án như Power of Siberia đã mang lại lợi ích kinh tế, nhưng cũng đẩy Nga vào tình thế phụ thuộc nhiều hơn vào Trung Quốc [Dmitri Trenin, 2019].

Thứ ba, các thách thức quốc tế khác: Ngoài Mỹ và Trung Quốc, Nga còn phải đối mặt với nhiều thách thức khác trên trường quốc tế như quan hệ với các nước láng giềng như: Ukraine, Ba Lan và các quốc gia vùng Baltic đã trở nên căng thẳng do những bất đồng về lãnh thổ và an ninh. Các quốc gia này đã tăng cường hợp tác với NATO và Mỹ để đối phó với những mối đe dọa từ Nga, tạo ra một vành đai an ninh bao quanh Nga [Harriett Baldwin, 2023]. Bên cạnh đó, Nga cũng phải đối phó với các thách thức phi truyền thống như biến đổi khí hậu, an ninh mạng và chủ nghĩa khủng bố. Các cuộc tấn công mạng từ cả trong và ngoài nước đã tạo ra nguy cơ đáng kể cho hạ tầng cơ sở và các hệ thống thông tin của Nga, trong khi các hoạt động của các nhóm cực đoan tiếp tục là một mối đe dọa đối với an ninh nội địa [Can Kasapoğlu, 2024].

Từ khi Liên Xô tan rã vào năm 1991 đến nay, Nga đã trải qua một hành trình đầy biến động và thách thức. Dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Vladimir Putin, Nga đã đạt được những thành tựu quan trọng trong việc khôi phục nền kinh tế, hiện đại hóa quân đội và mở rộng ảnh hưởng quốc tế. Tuy nhiên, những thách thức và khó khăn vẫn còn rất lớn, đặc biệt là trong bối cảnh nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu năng lượng, cùng với sự chậm trễ trong cải cách và đa dạng hóa kinh tế. Các vấn đề nội tại này, kết hợp với mối quan hệ căng thẳng với phương Tây và sự phụ thuộc ngày càng tăng vào Trung Quốc, đã đặt Nga vào một tình thế khó khăn. Trên trường quốc tế, Nga tiếp tục phải đối mặt với sự cô lập từ các biện pháp trừng phạt của Mỹ và EU, đồng thời đối phó với các mối đe dọa an ninh từ NATO và các quốc gia láng giềng. Quan hệ với Trung Quốc, dù là một cứu cánh trong bối cảnh bị phương Tây cô lập, nhưng cũng đem lại những thách thức mới khi Nga ngày càng

phải phụ thuộc vào Trung Quốc để duy trì ổn định kinh tế và địa chính trị. Trong tương lai, để duy trì vị thế và ổn định, Nga sẽ cần phải tìm ra những giải pháp hiệu quả để giải quyết các thách thức nội tại, giảm thiểu sự phụ thuộc vào xuất khẩu năng lượng và tìm cách đa dạng hóa nền kinh tế. Đồng thời, Nga cũng cần phải cân bằng quan hệ với các cường quốc khác như Trung Quốc và đối phó với các thách thức từ phương Tây một cách khôn ngoan hơn. Sự phát triển bền vững của Nga trong những năm tới sẽ phụ thuộc vào khả năng vượt qua những thách thức này.

2.2.2.2. Chính sách đối ngoại của hai nước đối với nhau (2012 - 2024)

** Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Liên bang Nga*

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Nga giai đoạn 2012 - 2024 thể hiện sự nhất quán coi Nga là đối tác trụ cột để cùng bảo vệ lợi ích cốt lõi, thúc đẩy hợp tác toàn diện và định hình trật tự quốc tế đa cực công bằng hơn.

Trong giai đoạn 2012 - 2024, chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Liên bang Nga được định hình trên cơ sở đường lối “ngoại giao nước lớn mang đặc sắc Trung Quốc”, được quán triệt và phát triển liên tục qua các kỳ Đại hội XVIII, XIX và XX của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Các văn kiện Đại hội nhấn mạnh yêu cầu mở rộng mạng lưới đối tác toàn cầu, thúc đẩy “quan hệ quốc tế kiểu mới” và xây dựng “Cộng đồng chung vận mệnh nhân loại”. Theo đó Trung Quốc xác định Nga là một trong những đối tác trụ cột trong cấu trúc đối ngoại tổng thể. Sau Đại hội XVIII, Trung Quốc chính thức định vị quan hệ với Nga đạt “mức cao chưa từng có” với sự dẫn dắt trực tiếp của nguyên thủ hai nước; Đại hội XX tiếp tục khẳng định mục tiêu giữ vững hòa bình, thúc đẩy phát triển chung và củng cố cộng đồng chung vận mệnh như định hướng chiến lược xuyên suốt cho hợp tác song phương.

Về phương diện định tính quan hệ, Trung Quốc và Nga đã nâng cấp lên “Đối tác hợp tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới” từ năm 2019, và “Quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Trung Quốc - Liên bang Nga trong thời đại mới” năm 2024, đồng thời khẳng định nguyên tắc “không liên minh, không đối đầu, không nhằm vào bên thứ ba” và cam kết hỗ trợ các lợi ích cốt lõi của nhau. Nguyên tắc này được duy trì nhất quán và tái khẳng định trong các tuyên bố chung năm 2022 và 2024, với nhấn

mạnh rằng quan hệ song phương “vượt ra ngoài mô hình liên minh quân sự - chính trị thời Chiến tranh Lạnh” và hướng tới thúc đẩy đa cực hóa, dân chủ hóa quan hệ quốc tế [Ministry of Foreign Affairs People Republic of China, 2024].

Về liên kết chiến lược phát triển, từ năm 2015, Trung Quốc chủ động thúc đẩy “đối nối” Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) với tiến trình hội nhập của Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) do Nga dẫn dắt, tạo nền tảng thể chế cho hợp tác trong lĩnh vực hạ tầng, logistics, tài chính và công nghiệp ở quy mô Á-Âu. Các thỏa thuận song phương giai đoạn 2019 - 2024 cụ thể hóa hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng (dầu khí, LNG, điện), hạt nhân dân dụng, hàng không, vũ trụ, kinh tế số, đồng thời gia tăng tỷ trọng thanh toán bằng đồng nội tệ nhằm củng cố “chủ quyền kinh tế - tài chính” của hợp tác song phương trước những biến động của môi trường quốc tế. Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, hai nước tăng cường cơ chế tham vấn chiến lược, mở rộng hợp tác quốc phòng thông qua đối thoại cấp cao, diễn tập liên hợp, tuần tra chung và phối hợp trong các lĩnh vực chống khủng bố, an ninh mạng, thực thi pháp luật. Trên bình diện đa phương, Trung Quốc coi Nga là đối tác trọng yếu trong Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), BRICS và G20, cùng phối hợp bảo vệ vai trò trung tâm của Liên Hợp Quốc, phản đối các biện pháp trừng phạt đơn phương và thúc đẩy cải cách hệ thống quản trị toàn cầu [外交部, 2019].

Về nguyên tắc, chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Nga quán triệt các chuẩn tắc mà Trung Quốc đề xuất, bao gồm tôn trọng chủ quyền, không can thiệp công việc nội bộ, cùng thắng và cùng kiến tạo trật tự quốc tế công bằng, hợp lý hơn. Đây cũng là nội dung xuyên suốt trong diễn ngôn ngoại giao về “Cộng đồng chung vận mệnh nhân loại” được khẳng định tại các kỳ Đại hội Đảng của Trung Quốc [外交部, 2022].

Tổng thể, trong giai đoạn 2012 - 2024, chính sách đối ngoại của Trung Quốc đối với Nga thể hiện ở ba phương diện chính: (i) định vị quan hệ ở mức cao nhất về chính trị - an ninh với nguyên tắc “không liên minh/không đối đầu”; (ii) đối nối chiến lược phát triển BRI - EAEU, mở rộng hợp tác thực chất về năng lượng, công nghệ cao và tài chính; (iii) phối hợp định hình môi trường thể chế quốc tế theo

hướng đa cực, dựa trên luật pháp quốc tế và vai trò trung tâm của Liên Hợp Quốc. Những định hướng này được khẳng định và cụ thể hóa trong hệ thống văn kiện chính thức của Trung Quốc và các tuyên bố chung cấp nguyên thủ với Nga trong giai đoạn 2012 - 2024.

** Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga đối với Trung Quốc*

Trong giai đoạn 2012 - 2024, chính sách đối ngoại của Liên bang Nga đối với Trung Quốc được định hình trong bối cảnh quan hệ quốc tế biến động sâu sắc, đặc biệt là sự cạnh tranh chiến lược giữa Nga và phương Tây. Từ góc nhìn chiến lược, Nga coi Trung Quốc là đối tác trụ cột trong việc thúc đẩy một trật tự quốc tế đa cực, bảo vệ nguyên tắc bình đẳng chủ quyền và chống lại các hành động đơn phương từ các cường quốc phương Tây.

Cơ sở pháp lý và định hướng chiến lược của chính sách này được thể hiện rõ trong Chiến lược An ninh Quốc gia Liên bang Nga 2021 và Khái niệm Chính sách Đối ngoại Liên bang Nga 2023. Trong Chiến lược An ninh Quốc gia 2021, Nga xác định ưu tiên “làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác toàn diện và hợp tác chiến lược với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” như một trong những hướng đi chiến lược nhằm bảo đảm an ninh quốc gia, ổn định khu vực và phát triển kinh tế có chủ quyền. Văn kiện này nhấn mạnh Trung Quốc là một trong những đối tác chủ chốt trong “đại không gian Á - Âu” mà Nga hướng tới, đồng thời coi hợp tác Nga - Trung là yếu tố then chốt để giảm thiểu tác động của các lệnh trừng phạt và sức ép chính trị - kinh tế từ phương Tây [Chiến lược An ninh Quốc gia Liên bang Nga, 2021]

Khái niệm Chính sách Đối ngoại 2023 đã đi xa hơn khi đặt quan hệ Nga - Trung vào khuôn khổ “Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới”, nhấn mạnh nguyên tắc không liên minh quân sự, không đối đầu và không nhằm vào bên thứ ba, nhưng duy trì phối hợp chiến lược mật thiết trên các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc, BRICS và Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO). Văn kiện này cũng khẳng định hợp tác với Trung Quốc là một phương tiện để định hình “kiến trúc an ninh Á-Âu ổn định và công bằng”, đồng thời mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực năng lượng, hạ tầng, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo [The Ministry of Foreign Affairs of the Russia Federation, 2023].

Bên cạnh khung định hướng chiến lược, các tuyên bố chung cấp nguyên thủ giai đoạn 2019 - 2024, đặc biệt là Tuyên bố chung năm 2019 về “Đối tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới” và Tuyên bố tháng 5/2024 về “Làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới”, đã thể chế hóa tầm nhìn chung của hai nước về một trật tự quốc tế đa cực và công bằng. Trong các văn kiện này, Nga tái khẳng định coi Trung Quốc là ưu tiên hàng đầu trong định hướng chính sách đối ngoại Á - Âu, đồng thời nhấn mạnh sự “tin cậy chiến lược” giữa hai nước là nền tảng cho hợp tác lâu dài [Tuyên bố chung Nga - Trung Quốc 2019, 2024].

Trong giai đoạn 2012 - 2024, chính sách đối ngoại của Liên bang Nga đối với Trung Quốc thể hiện sự điều chỉnh chiến lược sâu sắc trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn và sức ép trừng phạt ngày càng gia tăng từ phương Tây. Sau các biến cố bước ngoặt như khủng hoảng Ukraine năm 2014 và chiến sự năm 2022, Nga chủ động đẩy mạnh quan hệ với Trung Quốc như một trụ cột đối ngoại nhằm duy trì ổn định kinh tế - an ninh và bảo vệ không gian chiến lược của mình. Trong Khái niệm Chính sách Đối ngoại của Liên bang Nga năm 2023, Trung Quốc được xác định là “trung tâm quyền lực toàn cầu có chủ quyền”, đồng thời Nga cam kết phát triển quan hệ đối tác toàn diện và hợp tác chiến lược trong mọi lĩnh vực với Trung Quốc, phản ánh mức độ ưu tiên chưa từng có trong định hướng đối ngoại của Nga.

Trên thực tế, chiến lược “hướng Đông” được Nga triển khai mạnh mẽ từ năm 2012 đã trở nên cấp thiết hơn khi Nga đối mặt với sự cô lập từ phương Tây, khiến Trung Quốc trở thành đối tác kinh tế, năng lượng chủ chốt và là nhân tố hỗ trợ quan trọng trong tiến trình thích ứng của Nga trước các cú sốc địa chính trị. Cùng với đó, hợp tác Nga - Trung trong các tổ chức như: BRICS, SCO và các cơ chế hợp tác Á - Âu cho thấy Nga đang tìm kiếm sự cân bằng chiến lược và thúc đẩy một trật tự quốc tế đa cực, nơi các cường quốc ngoài phương Tây có tiếng nói và quyền tự chủ lớn hơn.

Tóm lại, chính sách đối ngoại của Nga đối với Trung Quốc giai đoạn 2012 - 2024 nhất quán dựa trên ba trụ cột: (i) củng cố quan hệ chính trị - chiến lược để bảo vệ lợi ích cốt lõi và đối trọng với sức ép phương Tây; (ii) mở rộng hợp tác kinh tế - công nghệ nhằm duy trì tăng trưởng và phát triển có chủ quyền; và (iii) phối hợp

trong các diễn đàn đa phương để định hình trật tự quốc tế đa cực, công bằng và ổn định. Đây là mối quan hệ mang tính chiến lược lâu dài, phản ánh sự hội tụ lợi ích và tầm nhìn chung của Nga và Trung Quốc trong thế kỷ XXI.

2.2.3. Vai trò của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Liên bang Nga Putin trong quan hệ Trung - Nga (2012 - 2024)

2.2.3.1. Vai trò của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình

Chủ tịch Tập Cận Bình xuất thân trong một gia đình chính trị danh giá. Cha ông, Tập Trọng Huân, là một trong những nhà cách mạng kỳ cựu của Đảng Cộng sản Trung Quốc, người từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền sau Cách mạng năm 1949. Tuy nhiên, gia đình ông gặp nhiều khó khăn trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa (1966-1976), khi cha ông bị thanh trừng và mất chức, còn bản thân ông Tập bị gửi về vùng nông thôn để cải tạo lao động. Những năm tháng sống và làm việc ở nông thôn đã giúp ông học hỏi tính kiên nhẫn và khả năng đối mặt với nghịch cảnh, điều này sau này ảnh hưởng sâu sắc đến phong cách lãnh đạo của ông. Chủ tịch Tập Cận Bình tiếp tục theo học tại Đại học Thanh Hoa, một trong những ngôi trường danh tiếng nhất của Trung Quốc, nơi ông học chuyên ngành kỹ thuật hóa học và sau này tham gia vào các khóa đào tạo về lý thuyết Marx-Lenin. Đây là cơ sở để ông bước chân vào con đường chính trị đầy gian nan trong những năm tiếp theo (Osnos, 2015).

Sự nghiệp chính trị của Chủ tịch Tập Cận Bình bắt đầu từ các vị trí ở cấp địa phương. Ông đã trải qua thời gian dài công tác tại Phúc Kiến, nơi ông từng giữ các vị trí quan trọng như Phó Chủ tịch thành phố Hạ Môn và Bí thư thành ủy Phúc Châu. Trong giai đoạn này, ông được biết đến với khả năng quản lý khéo léo, chú trọng vào cải cách kinh tế và phát triển quan hệ với các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là từ Đài Loan (Facts and Details, 2024). Sau khi đạt được nhiều thành công tại Phúc Kiến, ông được chuyển công tác sang tỉnh Chiết Giang và sau đó là Thượng Hải. Tại đây, ông đã tạo được dấu ấn với các chính sách cải cách và chống tham nhũng. Nhờ những thành tựu này, ông đã được thăng chức nhanh chóng và trở thành một ứng cử viên sáng giá cho các vị trí lãnh đạo cao hơn trong Đảng Cộng sản Trung Quốc (Cambridge Core, 2021).

Phong cách lãnh đạo quyết đoán với khả năng vượt qua nghịch cảnh nhằm đạt được các mục tiêu của Chủ tịch Tập Cận Bình. Giai đoạn từ năm 2012 đến 2024 chứng kiến sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình. Từ việc định hình lại nền kinh tế đến việc củng cố quyền lực quân sự và ngoại giao, Chủ tịch Tập Cận Bình đã đóng vai trò quan trọng trong việc biến Trung Quốc thành một cường quốc toàn cầu. Vai trò của ông không chỉ giới hạn ở việc lãnh đạo quốc gia mà còn mang tầm ảnh hưởng lớn trong việc định hình trật tự quốc tế.

Dưới đây, tác giả xin nêu một số thành tựu nổi bật trong giai đoạn từ 2012 đến 2024 nhằm thể hiện vai trò to lớn của Chủ tịch Tập Cận Bình trong chiến lược “phục hưng Trung Quốc”.

Thứ nhất, Chiến lược "Giấc mộng Trung Hoa": Ngay từ khi lên nắm quyền, Chủ tịch Tập Cận Bình đã xác định chiến lược phát triển quốc gia với khái niệm "Giấc mộng Trung Hoa", nhằm khôi phục vị thế của Trung Quốc như một cường quốc toàn cầu vào giữa thế kỷ XXI. Khái niệm này nhấn mạnh sự thịnh vượng, sức mạnh quốc gia và sự phục hưng dân tộc Trung Hoa. Chiến lược này không chỉ là khẩu hiệu mà còn đi kèm với những mục tiêu cụ thể để đạt được sự phát triển toàn diện về kinh tế, quân sự và ngoại giao [Xie Tao, 2017].

Thứ hai, cải cách quân sự và hiện đại hóa lực lượng vũ trang: Về quân sự, Chủ tịch Tập Cận Bình đã thực hiện những cải cách sâu rộng nhằm hiện đại hóa Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA). Dưới sự chỉ đạo của ông, PLA đã tái cấu trúc để trở thành một lực lượng quân sự hiện đại, có khả năng thực hiện các nhiệm vụ quốc tế và bảo vệ lợi ích của Trung Quốc trên toàn cầu. Ngân sách quốc phòng của Trung Quốc liên tục tăng, đạt khoảng 250 tỷ USD vào năm 2020, chỉ đứng sau Mỹ. Điều này đã cho phép Trung Quốc phát triển các công nghệ quân sự tiên tiến như tên lửa đạn đạo, máy bay chiến đấu tàng hình và tàu sân bay. Một trong những mục tiêu quan trọng của Chủ tịch Tập Cận Bình là biến Trung Quốc thành một cường quốc hải quân toàn cầu. Điều này được thể hiện qua việc đầu tư mạnh mẽ vào hạm đội tàu sân bay và các loại tàu chiến hiện đại, giúp Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng ra các khu vực chiến lược như Biển Đông và Thái Bình Dương. Sự hiện diện của Hải quân Trung Quốc đã gia tăng đáng kể, thể hiện tham vọng của

Trung Quốc trong việc kiểm soát các tuyến đường biển quan trọng và bảo vệ lợi ích quốc gia [Mary Glantz & Carla Freeman, 2024].

Thứ ba, chính sách ngoại giao và chiến lược "Ngoại giao nước lớn": Trên mặt trận ngoại giao, Chủ tịch Tập Cận Bình đã chuyển từ chiến lược "giấu mình chờ thời" của các lãnh đạo trước đây sang chiến lược "ngoại giao nước lớn". Ông đã đẩy mạnh vai trò của Trung Quốc trong các tổ chức quốc tế và đóng góp vào việc xây dựng các tiêu chuẩn toàn cầu trong nhiều lĩnh vực, từ biến đổi khí hậu đến an ninh mạng. Chủ tịch Tập Cận Bình cũng tập trung xây dựng một "Cộng đồng chung vận mệnh" toàn cầu, nhằm thúc đẩy một trật tự quốc tế mới do Trung Quốc dẫn dắt [Dr Yu Jie, 2024].

Thứ tư, tăng cường quan hệ với Nga: Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Vladimir Putin, quan hệ Trung Quốc - Nga đã được củng cố mạnh mẽ, đặc biệt trong bối cảnh cả hai quốc gia đều phải đối mặt với áp lực từ phương Tây. Hai nước đã ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác chiến lược, đặc biệt là trong các lĩnh vực năng lượng và quân sự. Cuộc chiến ở Ukraine từ năm 2022 đã đẩy mạnh thêm mối quan hệ giữa hai quốc gia. Nga đã tìm kiếm sự hỗ trợ từ Trung Quốc để đối phó với các biện pháp trừng phạt từ phương Tây và Trung Quốc đã cung cấp cho Nga các nguồn tài chính và thị trường tiêu thụ, đồng thời củng cố quan hệ đối tác chiến lược [Mary Glantz & Carla Freeman, 2024].

Thứ năm, đối phó với sự cạnh tranh và áp lực từ Mỹ: Trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ Mỹ, Chủ tịch Tập Cận Bình đã triển khai nhiều biện pháp chiến lược để củng cố vị thế của Trung Quốc. Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, 5G và năng lượng sạch, nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh so với Mỹ. Ngoài ra, Trung Quốc cũng mở rộng ảnh hưởng của mình tại các khu vực chiến lược như châu Phi, Mỹ Latinh và Trung Đông thông qua các dự án hạ tầng và cung cấp hỗ trợ tài chính cho các quốc gia đối tác [Xie Tao, 2017]. Tuy nhiên, chính sách ngoại giao quyết đoán của Trung Quốc cũng đã gặp phải sự phản đối từ các nước phương Tây và các quốc gia láng giềng. Các tranh chấp lãnh thổ tại Biển Đông và Biển Hoa Đông, cùng với các biện pháp trừng phạt kinh tế từ Mỹ và EU, đã tạo ra nhiều thách thức cho Trung Quốc trong việc thực hiện chiến lược "Giấc mộng Trung Hoa" [Robert Sutter, 2021].

2.2.3.2. Vai trò của Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin

Sự nghiệp chính trị của Tổng thống Putin bắt đầu từ việc làm cố vấn cho Thị trưởng Saint Petersburg Anatoly Sobchak, một trong những nhà cải cách nổi bật thời hậu Xô viết. Nhờ khả năng quản lý xuất sắc, Putin nhanh chóng thăng tiến trong chính quyền thành phố, và vào năm 1996, ông được chuyển đến Moskva để làm việc cho Chính phủ trung ương Nga. Tại đây, ông đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng, trong đó có vai trò lãnh đạo Cơ quan An ninh Liên bang (FSB), tổ chức kế thừa của KGB. Với khả năng quản lý và lãnh đạo nổi bật, Putin được Tổng thống Boris Yeltsin bổ nhiệm làm Thủ tướng vào năm 1999 và chỉ một năm sau đó, ông trở thành Tổng thống Nga (Galeotti, 2018).

Phong cách lãnh đạo cứng rắn, quyết đoán của Vladimir Putin, đặc biệt từ năm 2012 đến 2024, được định hình bởi sự kiểm soát chặt chẽ chính trị và việc khôi phục tầm ảnh hưởng của Nga trên trường quốc tế. Putin đã áp dụng mô hình lãnh đạo mang tính cá nhân hóa cao, tập trung quyền lực vào tay mình và thắt chặt kiểm soát đối với các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp lớn. Ông tái cấu trúc hệ thống an ninh, đảm bảo sự trung thành tuyệt đối của quân đội và các cơ quan an ninh, đặc biệt là trong các tình huống bất ổn quốc tế. Về đối ngoại, Putin đã thể hiện rõ nét phong cách lãnh đạo cứng rắn thông qua các chính sách ngoại giao quyết đoán. Sự sáp nhập Crimea vào năm 2014 và sự can thiệp quân sự vào Syria và đưa quân tấn công vào Ukraine năm 2022 là những minh chứng rõ nét cho tham vọng của ông trong việc khôi phục vị thế cường quốc của Nga. Trong cuộc chiến Ukraine từ năm 2022, Putin đã thể hiện lập trường không khoan nhượng, bất chấp các lệnh trừng phạt kinh tế từ phương Tây (Galeotti, 2018). Putin cũng đã tăng cường xây dựng hình ảnh của mình như một nhà lãnh đạo bảo vệ lợi ích quốc gia, khôi phục niềm tự hào dân tộc Nga. Thông qua việc kiểm soát các phương tiện truyền thông, ông đã tạo dựng hình ảnh mạnh mẽ của mình trong mắt người dân, đặc biệt là thông qua các chiến dịch tuyên truyền về các thành tựu quốc phòng và kinh tế. Putin đã sử dụng phong cách lãnh đạo cứng rắn, quyền lực tập trung và quản lý chặt chẽ để duy trì sự ổn định chính trị và thúc đẩy sự phát triển của Nga trong bối cảnh quốc tế đầy thách thức (Sakwa, 2020).

Dưới đây, tác giả xin nêu một số thành tựu nổi bật trong giai đoạn từ 2012 đến 2024 của Tổng thống Putin trong lãnh đạo nhằm khôi phục lại hình ảnh nước Nga.

Thứ nhất, chính sách đối ngoại giúp tái định hình vai trò toàn cầu của Nga. Kể từ khi trở lại vị trí Tổng thống vào năm 2012, Tổng thống Putin đã tập trung vào việc tái khẳng định vai trò của Nga trên trường quốc tế. Một trong những chính sách quan trọng là "Chính sách hướng Đông" nhằm tăng cường quan hệ với các quốc gia châu Á như Trung Quốc và Ấn Độ. Chính sách đối ngoại của Putin cũng thể hiện rõ sự thách thức với trật tự quốc tế do phương Tây dẫn dắt. Thông qua các hành động quân sự tại Ukraine, Nga đã khẳng định quyền lợi và sự ảnh hưởng của mình trong khu vực, đồng thời thách thức hệ thống đa cực mà Mỹ và các nước phương Tây đang nỗ lực duy trì. Cuộc chiến ở Ukraine, mà Nga coi là bảo vệ lợi ích cốt lõi của mình là biểu hiện rõ nhất của chiến lược này [Heather Ashby & Mary Glantz, 2023]. Không chỉ dừng lại ở châu Á, Tổng thống Putin còn mở rộng tầm ảnh hưởng của Nga tại Trung Đông. Việc cung cấp vũ khí cho các quốc gia trong khu vực đã giúp Nga củng cố vị thế của mình, đồng thời trở thành một đối trọng quan trọng với phương Tây trong cuộc đua giành ảnh hưởng tại đây [Anna Borshchevskaya, 2024].

Thứ hai, cải cách kinh tế nhằm giảm thiểu hệ quả của các lệnh trừng phạt kinh tế từ phương Tây: Dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Putin, Nga đã tận dụng tài nguyên thiên nhiên phong phú, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt để thúc đẩy nền kinh tế. Trong bối cảnh bị các biện pháp trừng phạt kinh tế từ phương Tây sau sự kiện sáp nhập Crimea vào năm 2014, Nga đã gặp nhiều khó khăn, nhưng cũng có cơ hội để định hướng lại nền kinh tế của mình. Năm 2020, khi đại dịch COVID-19 bùng phát và giá dầu giảm mạnh, nền kinh tế Nga đã chịu nhiều tác động tiêu cực với GDP giảm 3,1%. Tuy nhiên, chính phủ Nga đã nhanh chóng thực hiện các chính sách đa dạng hóa nền kinh tế, giảm sự phụ thuộc vào xuất khẩu năng lượng. Điều này đã giúp tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống còn 4,3% vào năm 2021, mức thấp nhất trong gần ba thập kỷ. Sự cải thiện này là minh chứng cho hiệu quả của các cải cách kinh tế mà Tổng thống Putin đã thực hiện trong suốt nhiệm kỳ của mình [Thomas Graham, 2023].

Thứ ba, hiện đại hóa lực lượng vũ trang: Một trong những ưu tiên hàng đầu của Tổng thống Putin trong giai đoạn 2012 - 2024 là cải cách quân sự và hiện đại hóa lực lượng vũ trang Nga. Ngân sách quốc phòng đã được tăng cường đáng kể, đạt 65,1 tỷ USD vào năm 2020, đưa Nga trở thành một trong ba quốc gia có chi tiêu quốc phòng lớn nhất thế giới. Dưới sự lãnh đạo của Putin, Nga đã phát triển nhiều hệ thống vũ khí hiện đại, bao gồm tên lửa siêu thanh Avangard và tên lửa đạn đạo liên lục địa Sarmat, qua đó khẳng định vị thế của mình như một cường quốc quân sự hàng đầu thế giới. Ngoài việc nâng cao năng lực quốc phòng, Nga còn đẩy mạnh xuất khẩu vũ khí ra thị trường quốc tế, trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu vũ khí lớn nhất thế giới. Các đối tác quan trọng như Ấn Độ, Trung Quốc và nhiều quốc gia khác đã giúp Nga không chỉ tăng cường nguồn thu ngoại tệ mà còn củng cố vị thế chính trị và quân sự toàn cầu [Anna Borshchevskaya, 2024].

Thứ tư, kiên định các mục tiêu trong cuộc chiến với Ukraine nhằm bảo vệ lợi ích cốt lõi của nước Nga: Cuộc chiến với Ukraine, bắt đầu từ năm 2022 là một trong những thách thức lớn nhất đối với Tổng thống Putin trong giai đoạn 2012 - 2024. Chiến dịch quân sự này đã dẫn đến một loạt biện pháp trừng phạt kinh tế mạnh tay từ phương Tây, gây tổn hại nặng nề cho nền kinh tế Nga. Lạm phát tại Nga đã tăng lên mức 12,5% vào năm 2022, ảnh hưởng lớn đến đời sống người dân [Heather Ashby & Mary Glantz, 2023]. Cuộc chiến cũng đẩy Nga vào một cuộc chạy đua vũ trang mới với ngân sách quốc phòng tăng lên mức 70,6 tỷ USD vào năm 2023. Để đối phó với các biện pháp trừng phạt và giữ vững vị thế của mình, Tổng thống Putin đã tìm kiếm sự hỗ trợ từ các đối tác chiến lược như Trung Quốc và Iran. Mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc không chỉ giúp Nga duy trì sự ổn định kinh tế mà còn tạo ra một liên minh mạnh mẽ để đối phó với các áp lực từ phương Tây. Các thỏa thuận quân sự với Iran cũng giúp Nga củng cố sức mạnh quân sự, đảm bảo khả năng tiếp tục cuộc xung đột trong thời gian dài [Anna Borshchevskaya, 2024]. Mặc dù cuộc chiến với Ukraine đã gây ra nhiều tổn thất về người và của, nhưng Tổng thống Putin vẫn kiên quyết giữ vững lập trường của mình với mục tiêu bảo vệ lợi ích cốt lõi của Nga. Cuộc chiến này đã tạo ra một môi trường an ninh phức tạp và đầy thách thức cho Nga, đồng thời làm gia tăng căng thẳng địa chính trị toàn cầu.

Thứ năm, xây dựng tốt mối quan hệ với Trung Quốc: Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2024, mối quan hệ giữa Nga và Trung Quốc dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Vladimir Putin đã phát triển mạnh mẽ và trở thành một trụ cột quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nga. Putin đã nhận thức rõ tầm quan trọng của việc xây dựng quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh Nga ngày càng bị cô lập bởi các biện pháp trừng phạt của phương Tây. Quan hệ giữa hai nước đã được nâng cấp lên "Đối tác chiến lược toàn diện" vào năm 2012 và liên tục được củng cố thông qua các thỏa thuận hợp tác trong nhiều lĩnh vực như năng lượng, kinh tế và quốc phòng. Thương mại song phương đã tăng trưởng đều đặn, với kim ngạch đạt 147 tỷ USD vào năm 2021, 190 tỷ USD năm 2022, 240 tỷ USD năm 2023 và dự kiến vượt 300 tỷ năm 2024. Trung Quốc không chỉ trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Nga mà còn là một nguồn tài chính và công nghệ quan trọng, giúp Nga giảm thiểu tác động từ các biện pháp trừng phạt của phương Tây.

Thứ sáu, chống lại các lệnh trừng phạt của Mỹ và phương Tây: Một trong những thách thức lớn nhất mà Tổng thống Putin phải đối mặt trong giai đoạn 2012 - 2024 là các lệnh trừng phạt kinh tế từ Mỹ và các nước phương Tây. Các biện pháp trừng phạt này bắt đầu từ năm 2014 sau sự kiện Nga sáp nhập Crimea và gia tăng đáng kể sau cuộc chiến ở Ukraine vào năm 2022. Các lệnh trừng phạt đã ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế Nga, đặc biệt trong các lĩnh vực như tài chính, năng lượng và công nghệ. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Putin, Nga đã triển khai một loạt biện pháp để giảm thiểu tác động của các lệnh trừng phạt này. Tổng thống Putin đã đẩy mạnh chiến lược hướng Đông, mở rộng quan hệ với các quốc gia không thuộc phương Tây như Trung Quốc, Ấn Độ và các nước Trung Đông. Nhờ vào sự hợp tác với Trung Quốc, Nga đã có thể tiếp tục xuất khẩu năng lượng và nhận được sự hỗ trợ tài chính cần thiết. Đồng thời, Nga cũng đã thúc đẩy chính sách tự lực tự cường, tăng cường sản xuất nội địa, giảm sự phụ thuộc vào công nghệ và tài nguyên từ phương Tây. Việc duy trì quan hệ với các đối tác này đã giúp Nga ổn định kinh tế và tiếp tục các hoạt động quân sự, bất chấp các áp lực quốc tế. Kết quả là, dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, Tổng thống Putin vẫn giữ vững sự ổn định của Nga và củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế [Anna Borshchevskaya, 2024].

2.2.4. Khái quát quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga trước năm 2012

Quan hệ giữa Trung Quốc và Liên bang Nga trước năm 2012 là một quá trình phức tạp và đầy thách thức, phản ánh sự chuyển mình từ mối quan hệ căng thẳng trong thời kỳ Liên Xô đến một đối tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới. Khi Liên Xô tan rã vào năm 1991, Trung Quốc và Nga đã phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc xây dựng lại mối quan hệ song phương. Tuy nhiên, qua thời gian, cả hai quốc gia đã thành công trong việc tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự hợp tác chiến lược và kinh tế, góp phần định hình cục diện chính trị toàn cầu và khu vực.

Giai đoạn 1: Từ 1991 - 1996: Thiết lập quan hệ và xây dựng lòng tin: Sau sự tan rã của Liên Xô vào cuối năm 1991, Trung Quốc và Nga đã nhanh chóng thiết lập lại quan hệ ngoại giao chính thức vào ngày 27/12/1991. Sự kiện này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng, khi cả hai quốc gia nhận ra tầm quan trọng của việc xây dựng mối quan hệ mới dựa trên sự hợp tác và bình đẳng. Trước đó, quan hệ giữa Trung Quốc và Liên Xô đã trải qua nhiều căng thẳng do những khác biệt về ý thức hệ và chính sách đối ngoại trong những năm 1960 và 1970. Việc thiết lập lại quan hệ với Nga được coi là một bước đi chiến lược nhằm củng cố vị thế của cả hai quốc gia trong bối cảnh quốc tế đầy biến động. Trong giai đoạn 1991 - 1996, Trung Quốc và Nga đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng trong việc xây dựng lòng tin và giải quyết các vấn đề tồn tại từ thời kỳ Liên Xô. Năm 1992, hai nước ký kết “Tuyên bố chung về cơ sở quan hệ giữa Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Nga” mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ ngoại giao. Đến năm 1996, quan hệ giữa hai nước đã được nâng cấp lên thành "Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược bình đẳng, tin cậy" thể hiện mong muốn thúc đẩy hợp tác trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong bối cảnh quốc tế đầy biến động [Guihai Guan, 2022]. Một trong những thành tựu nổi bật trong giai đoạn này là việc hai nước đồng ý giảm bớt lực lượng quân sự dọc theo biên giới chung, thông qua Hiệp định về các biện pháp xây dựng lòng tin trong lĩnh vực quân sự tại các khu vực biên giới, được ký kết vào năm 1996. Điều này không chỉ giúp giảm căng thẳng quân sự giữa hai quốc gia mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của mối quan hệ song phương trong các lĩnh vực khác [ChinaPower Project, 2022].

Giai đoạn 2: Từ 1996 - 2001: Hợp tác và giải quyết các vấn đề biên giới:

Trong giai đoạn từ 1996 đến 2001, Trung Quốc và Nga tiếp tục nỗ lực giải quyết các tranh chấp biên giới kéo dài. Các cuộc đàm phán kéo dài giữa hai bên đã đạt được kết quả quan trọng vào năm 2001 với việc ký kết Hiệp ước láng giềng thân thiện, hữu nghị và hợp tác. Hiệp ước này không chỉ giải quyết các tranh chấp biên giới còn tồn tại mà còn đánh dấu sự kết thúc của những xung đột kéo dài hàng thập kỷ, tạo điều kiện cho sự hợp tác sâu rộng hơn giữa hai quốc gia [ChinaPower Project, 2022]. Ngoài ra, hai nước cũng đã tăng cường hợp tác trên các diễn đàn đa phương như Tổ chức SCO, được thành lập vào năm 2001. SCO không chỉ là một nền tảng hợp tác an ninh mà còn là biểu tượng của sự hợp tác giữa các quốc gia Á - Âu trong việc duy trì ổn định khu vực và đối phó với các mối đe dọa chung như chủ nghĩa khủng bố và cực đoan [Guihai Guan, 2022].

Giai đoạn 3: Từ 2001 - 2012: Tăng cường hợp tác chiến lược và kinh tế:

Giai đoạn từ năm 2001 đến trước năm 2012 đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ trong quan hệ giữa Trung Quốc và Nga. Một trong những thành tựu quan trọng nhất trong giai đoạn này là việc:

Thứ nhất, hai nước đã giải quyết hoàn toàn các tranh chấp biên giới còn lại thông qua Hiệp định bổ sung về phần phía Đông biên giới Trung - Nga năm 2004. Việc này đã mở đường cho sự hợp tác sâu rộng hơn trong các lĩnh vực khác như năng lượng, kinh tế và quốc phòng. Về kinh tế, thương mại song phương giữa hai nước đã tăng trưởng đáng kể. Từ năm 2000 đến 2010, thương mại giữa Trung Quốc và Nga đã tăng sáu lần, từ 8 tỷ USD lên 55,5 tỷ USD. Kết quả này đã phản ánh sự gia tăng đáng kể trong sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế giữa hai nước. Năm 2009, hai nước đã ký kết Hiệp định Hợp tác giữa vùng Đông Bắc Trung Quốc và vùng Viễn Đông Nga, nhằm hỗ trợ phát triển các khu vực giáp ranh thông qua các chính sách và cơ chế thuận lợi. Thêm vào đó, dự án đường ống dẫn khí đốt Power of Siberia, bắt đầu từ năm 2011 là minh chứng cho sự hợp tác năng lượng chiến lược giữa hai nước, giúp Nga mở rộng thị trường xuất khẩu và đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định cho Trung Quốc. Hợp tác

năng lượng giữa hai nước cũng được củng cố thông qua nhiều thỏa thuận dài hạn về cung cấp dầu mỏ và khí đốt. Ví dụ, năm 2009, sau nhiều năm đàm phán, Nga đã bắt đầu cung cấp dầu mỏ cho Trung Quốc thông qua một thỏa thuận dài hạn và một dự án xây dựng đường ống dẫn dầu từ Đông Siberia đến Trung Quốc bắt đầu hoạt động vào năm 2011.

Thứ hai, quan hệ quân sự giữa Trung Quốc và Nga đã có những bước phát triển đáng kể trong giai đoạn này. Hai nước đã tổ chức cuộc tập trận quân sự chung đầu tiên vào năm 2005, mang tên "Peace Mission 2005," với sự tham gia của hơn 10.000 binh sĩ từ cả hai bên. Cuộc tập trận này không chỉ giúp nâng cao khả năng phối hợp quân sự mà còn gửi đi một thông điệp mạnh mẽ về sự hợp tác an ninh chặt chẽ giữa hai nước. Ngoài ra, Trung Quốc đã trở thành một trong những khách hàng lớn nhất của Nga trong lĩnh vực mua bán vũ khí. Tổng giá trị các hợp đồng vũ khí giữa hai nước đã tăng lên đáng kể trong thập niên 2000, với việc Trung Quốc mua từ Nga nhiều loại vũ khí hiện đại, bao gồm máy bay chiến đấu, tàu ngầm và hệ thống phòng không. Điều này không chỉ củng cố khả năng quân sự của Trung Quốc mà còn giúp Nga duy trì vị thế của mình trong thị trường vũ khí toàn cầu.

Thứ ba, Trung Quốc và Nga đã hợp tác chặt chẽ trong nhiều tổ chức quốc tế, đặc biệt là trong khuôn khổ SCO và BRICS. Cả hai quốc gia đều chia sẻ quan điểm về việc duy trì trật tự quốc tế đa cực và chống lại sự ảnh hưởng của phương Tây. Trong SCO, hai nước đã phối hợp chặt chẽ để đối phó với các mối đe dọa an ninh khu vực như chủ nghĩa khủng bố và cực đoan, đồng thời thúc đẩy hợp tác kinh tế và văn hóa giữa các quốc gia thành viên. Trong khuôn khổ BRICS, Trung Quốc và Nga đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của các nền kinh tế mới nổi và chống lại sự thống trị của các quốc gia phương Tây trong hệ thống tài chính quốc tế. Năm 2011, hai nước đã cùng các thành viên khác của BRICS khởi động các sáng kiến nhằm giảm sự phụ thuộc vào đồng USD Mỹ và thúc đẩy thương mại nội khối.

Tóm lại, giai đoạn trước năm 2012, quan hệ Trung - Nga đã phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là thương mại, đầu tư, năng lượng và quốc phòng.

Những thành tựu này đã tạo nền tảng vững chắc để hai nước tiếp tục mở rộng hợp tác trong giai đoạn 2012 - 2024, góp phần định hình cục diện địa chính trị và kinh tế khu vực.

Các cơ sở lý luận và những nhân tố tác động đến quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024 đã được trình bày một cách chi tiết, làm rõ nền tảng phát triển của mối quan hệ này dựa trên các khái niệm liên quan. Việc phân tích các khái niệm như lợi ích quốc gia, quyền lực, quan hệ đối tác chiến lược, cạnh tranh địa chiến lược và hệ thống cấu trúc quốc tế đã giúp làm sáng tỏ cách Trung Quốc và Nga điều chỉnh và tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện của mình trong bối cảnh quốc tế phức tạp và nhiều biến động. Quan hệ Trung Quốc - Nga trong giai đoạn này được xây dựng trên nền tảng lý thuyết quan hệ quốc tế, đặc biệt là chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa kiến tạo và chủ nghĩa Marx - Le Nin. Theo chủ nghĩa hiện thực, các quốc gia hành xử dựa trên lợi ích quốc gia và quyền lực, điều này được thể hiện rõ qua việc Trung Quốc và Nga tăng cường hợp tác quân sự và chính trị nhằm đối phó với áp lực từ phương Tây, đặc biệt là từ Mỹ và NATO. Ngược lại, Chủ nghĩa tự do nhấn mạnh vào hợp tác quốc tế và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia, điều này được thể hiện qua việc hai nước tăng cường quan hệ kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng và công nghệ, thông qua các thỏa thuận và dự án hợp tác quy mô lớn. Trong khi đó, Chủ nghĩa kiến tạo lại tập trung vào các yếu tố phi vật chất như bản sắc, chuẩn mực và diễn ngôn, điều này được thể hiện qua sự liên kết giữa hai nước trong việc thúc đẩy trật tự thế giới đa cực và chống lại sự bá quyền của phương Tây. Cuối cùng, chủ nghĩa Marx - Le Nin lại tập trung vào sự đấu tranh giữa các giai cấp.

Những nhân tố cũng góp phần định hình quan hệ Trung Quốc - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024. Theo đó, những biến động của tình hình thế giới và khu vực, sự trỗi dậy của các nền kinh tế mới nổi, cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, và những thay đổi trong các mối đe dọa an ninh toàn cầu đã tạo ra những cơ hội và thách thức mới cho quan hệ Trung - Nga. Đặc biệt, việc Mỹ và các nước phương Tây gia tăng áp lực lên Nga sau sự kiện Crimea năm 2014 và cuộc chiến Ukraine từ năm 2022 đã thúc đẩy Nga tìm kiếm các đối tác chiến lược mới, trong đó Trung Quốc trở thành

một lựa chọn quan trọng. Chiều ngược lại, Trung Quốc cũng coi Nga là một đối tác chiến lược quan trọng trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt với Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên toàn cầu.

Các yếu tố tác động đến quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 cho thấy có thể phân thành hai nhóm chủ yếu. Thứ nhất là các nhân tố bên trong, bao gồm: định hướng phát triển và ưu tiên chiến lược của từng quốc gia; những thách thức nội tại về kinh tế, chính trị và xã hội; cùng với các điều chỉnh trong chính sách đối ngoại cả ở cấp song phương lẫn khu vực. Trong nhóm này, luận án tập trung làm rõ các chuyển động từ phía Trung Quốc, phù hợp với hướng tiếp cận của nghiên cứu chuyên ngành Trung Quốc học. Thứ hai là các nhân tố bên ngoài, trong đó nổi bật là sự biến đổi của môi trường khu vực và quốc tế; các điều chỉnh chính sách của Mỹ qua ba nhiệm kỳ tổng thống; cùng các diễn biến từ các nhóm nước lớn như EU, Nhật Bản, Ấn Độ. Những yếu tố này tạo bối cảnh chiến lược định hình hành vi của cả Trung Quốc và Nga, đặc biệt trong các thời điểm then chốt như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, khủng hoảng Ukraine 2022. Trên cơ sở phân tích tổng hợp, luận án cho rằng: trong giai đoạn nghiên cứu, các tác nhân bên ngoài đóng vai trò kích hoạt xu hướng phối hợp, trong khi giới hạn nội tại là yếu tố kìm hãm khả năng tiến xa hơn trong hợp tác chiến lược. Nhận định này hình thành tiền đề phương pháp cho việc xây dựng kịch bản ở phần dự báo quan hệ hai nước thời gian tới.

Quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga từ năm 2012 đến 2024 đã phát triển một cách mạnh mẽ và toàn diện, dựa trên nền tảng lý luận vững chắc và các yếu tố thực tiễn thúc đẩy. Sự hợp tác giữa hai quốc gia không chỉ giúp họ củng cố vị thế trong hệ thống quốc tế mà còn tạo ra một liên minh chiến lược mạnh mẽ để đối phó với các thách thức từ phương Tây. Tuy nhiên, quan hệ này cũng đối mặt với những thách thức tiềm tàng, bao gồm sự cạnh tranh ngầm giữa hai nước về ảnh hưởng ở khu vực Trung Á và những bất đồng trong việc phân chia lợi ích từ các dự án hợp tác chung. Nhìn chung, chương này đã cung cấp một cái nhìn toàn diện và sâu sắc về cơ sở lý luận và thực tiễn của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024, giúp định hình các chiến lược và hành động cụ thể của hai quốc gia trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện này.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã trình bày một cách hệ thống và toàn diện cơ sở lý luận, khung khái niệm và các nhân tố tác động định hình quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024. Việc phân tích năm khái niệm trung tâm như: Lợi ích quốc gia, Quyền lực, Hệ thống cấu trúc quốc tế, Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và Cạnh tranh địa chiến lược đặt dưới góc nhìn Trung Quốc và Nga đã làm rõ nền tảng lý luận cho mỗi quan hệ này, đồng thời cho thấy cách mỗi bên định vị và điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình trong bối cảnh biến động sâu sắc của hệ thống quốc tế.

Từ góc nhìn Trung Quốc học, quan hệ Trung - Nga được nhận diện như một mối quan hệ chiến lược tổng hợp, kết tinh giữa lợi ích quốc gia, đạo lý chính trị truyền thống và tư duy thiết lập trật tự quốc tế mới. Đối với Trung Quốc, đây không chỉ là quan hệ song phương nhằm ứng phó với áp lực từ phương Tây, mà còn là một mô hình hợp tác kiểu mới: dung hòa giữa ổn định nội bộ và mở rộng ảnh hưởng đối ngoại, hiện thực hóa mục tiêu “Phục hưng dân tộc” thông qua ngoại giao đối tác và triển khai mạng lưới quyền lực mềm - cứng cân bằng tại các khu vực chiến lược. Quan hệ này còn phản ánh tham vọng của Trung Quốc trong việc định hình Sáng kiến “Cộng đồng chung vận mệnh nhân loại” và xây dựng một trật tự quốc tế đa cực mang định hướng Á Đông và phi phương Tây.

Từ phía Nga, các văn kiện chiến lược như Chiến lược An ninh Quốc gia 2021 và Khái niệm Chính sách Đối ngoại 2023 đã xác định Trung Quốc là một đối tác chiến lược ưu tiên, không chỉ vì yếu tố kinh tế - năng lượng mà còn bởi vai trò hỗ trợ Nga phá thế cô lập từ phương Tây, mở rộng hợp tác tại “đại không gian Á-Âu” và phối hợp trong các thể chế như BRICS+, SCO. Nga coi trọng quan hệ này như một đòn bẩy chiến lược nhằm bảo vệ chủ quyền, duy trì bản sắc và gia tăng ảnh hưởng toàn cầu.

Khung lý luận của chương đã cho thấy rõ sự tương tác của bốn trường phái lớn: Chủ nghĩa hiện thực: lý giải việc hai nước tăng cường hợp tác quân sự - chính trị và xây dựng năng lực tự chủ kinh tế - công nghệ để đối phó áp lực từ Mỹ và NATO. Chủ nghĩa tự do: giải thích xu hướng mở rộng hợp tác kinh tế - thương mại, đặc biệt trong năng lượng, cơ sở hạ tầng và công nghệ cao, thông qua các thỏa

thuận và dự án quy mô lớn. Chủ nghĩa kiến tạo: nhấn mạnh vai trò bản sắc và diễn ngôn, thể hiện ở sự đồng thuận trong thúc đẩy trật tự đa cực, phản đối bá quyền và ủng hộ cải cách quản trị toàn cầu. Cuối cùng, Chủ nghĩa Marx–Lenin bổ sung lăng kính phân tích đối kháng giữa các cực quyền lực, phản ánh sự liên minh chiến lược dựa trên lập trường chống lại áp đặt từ trật tự phương Tây.

Ngoài cơ sở lý luận, chương này cũng phân tích sâu các nhân tố bối cảnh như: Biến động địa chính trị: Khủng hoảng Crimea (2014) và xung đột Nga - Ukraine (2022) đã làm thay đổi căn bản cấu trúc quan hệ Nga - phương Tây, thúc đẩy Nga tìm kiếm đối tác chiến lược ở phương Đông, mà trọng tâm là Trung Quốc. Cạnh tranh Mỹ - Trung: leo thang trên toàn cầu và tại châu Á - Thái Bình Dương khiến Trung Quốc coi Nga là nhân tố quan trọng để duy trì thế cân bằng chiến lược. Xu thế đa cực và sự trỗi dậy của các nền kinh tế mới nổi: tạo cơ hội để hai nước phối hợp lập trường, gia tăng ảnh hưởng trong các thể chế quốc tế và xây dựng các cơ chế hợp tác song song với trật tự do phương Tây dẫn dắt. Cuộc cùng, cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi năng lượng toàn cầu: vừa mở ra hợp tác mới (hạ tầng, công nghệ, năng lượng) vừa tạo ra cạnh tranh ảnh hưởng ở các khu vực chiến lược như Trung Á và Bắc Cực.

Qua phân tích, chương này kết luận rằng quan hệ Trung - Nga giai đoạn 2012 - 2024 là một cấu trúc hợp tác chiến lược linh hoạt, vừa mang tính bổ trợ lẫn nhau sâu sắc, vừa tiềm ẩn cạnh tranh ngầm. Hợp tác nổi bật ở năng lượng, quốc phòng, hạ tầng và điều phối lập trường ngoại giao; trong khi cạnh tranh tập trung vào ảnh hưởng tại Trung Á và phân bổ lợi ích từ các dự án lớn. Nhìn chung, chương 2 đã đặt nền tảng lý luận và bối cảnh thực tiễn vững chắc để các chương tiếp theo phân tích cụ thể hơn về các hình thức hợp tác - cạnh tranh, đánh giá hiệu quả chiến lược, và dự báo triển vọng quan hệ Trung - Nga trong thời gian tới. Đây là một phần bản lề của luận án, đảm bảo tính nhất quán và logic học thuật, đồng thời phản ánh rõ nét cách Trung Quốc định hình và vận dụng quan hệ với Nga như một công cụ chiến lược quan trọng trong quá trình vươn lên thành cường quốc toàn diện.

Chương 3. THỰC TRẠNG QUAN HỆ TRUNG QUỐC - LIÊN BANG NGA (2012 - 2024)

Chương này tập trung trình bày, đánh giá thực trạng quan hệ Trung Quốc – Liên bang Nga theo các bước chuyển chính, gắn với biến đổi trong nước của mỗi bên và với diễn biến trong quan hệ hai nước với Mỹ và các nước phương Tây. Năm 2012, quá trình củng cố lãnh đạo ở Trung Quốc cùng chu kỳ cầm quyền mới tại Nga, trong bối cảnh Mỹ “xoay trục” sang châu Á - Thái Bình Dương, tạo tiền đề cho xu hướng tăng cường điều phối chiến lược giữa hai nước khi tần suất tiếp xúc cấp cao và đàm phán năng lượng tăng. Năm 2017, sau Đại hội XIX ở Trung Quốc và tình trạng trừng phạt kéo dài đối với Nga, quan hệ chuyển sang giai đoạn củng cố cơ chế phối hợp, thể hiện ở sự kết nối giữa Sáng kiến BRI và Liên minh EAEU, mở rộng hợp tác quốc phòng và thương mại tăng ổn định. Năm 2020, khi cú sốc COVID-19 và cạnh tranh công nghệ Mỹ - Trung đã làm nổi bật liên kết năng lượng và xu hướng thanh toán bằng nội tệ, qua đó gia tăng mức độ phụ thuộc lẫn nhau ở các lĩnh vực thiết yếu. Năm 2022, chiến sự Ukraine cùng các vòng trừng phạt mới của phương Tây đối với Nga dẫn tới gia tốc tái định hướng kinh tế, năng lượng về phía Trung Quốc, trong khi Trung Quốc vẫn giữ lập trường không liên minh. Các bước chuyển nêu trên được lượng hóa và minh họa bằng các chỉ báo về tần suất tiếp xúc cấp cao, cường độ liên kết kinh tế - năng lượng và mức độ đồng thuận tại các diễn đàn đa phương, qua đó củng cố kết luận: quan hệ Trung - Nga hợp tác ngày càng sâu nhưng không hình thành liên minh phòng thủ.

3.1. Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao

Từ năm 2012 đến năm 2024, mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga đã trải qua một giai đoạn phát triển mạnh mẽ và liên tục được củng cố. Trong bối cảnh toàn cầu đầy biến động, đặc biệt là những thách thức từ phía phương Tây và các biến động trong khu vực, sự hợp tác chặt chẽ giữa hai quốc gia đã trở thành một nhân tố quan trọng góp phần duy trì ổn định khu vực và định hình lại trật tự thế giới. Các cuộc gặp cấp cao giữa Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Vladimir Putin đã đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng và phát triển

mối quan hệ đối tác chiến lược này. Thông qua các cuộc gặp cấp cao, hai bên không chỉ đạt được những thỏa thuận quan trọng về kinh tế và năng lượng mà còn củng cố các cam kết chiến lược về quốc phòng, an ninh, văn hóa và giáo dục.

Trong giai đoạn từ 2012 đến 2024, Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Vladimir Putin đã có tổng cộng hơn 40 cuộc gặp cấp cao [Bonny Lin, Brian Hart, Samantha Lu, and Yu-Jie (Grace) Liao, 2023 & Cao Desheng, 2024]. Đây là con số ấn tượng, cho thấy tần suất và sự quan tâm đặc biệt của cả hai nhà lãnh đạo đối với việc duy trì và phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia. Các cuộc gặp này không chỉ diễn ra ở Trung Quốc và Nga mà còn ở nhiều quốc gia khác, trong khuôn khổ các diễn đàn quốc tế như SCO và BRICS. Đặc biệt, từ năm 2021 đến 2024, khi đại dịch COVID-19 bùng phát và tình hình quốc tế ngày càng phức tạp, các cuộc gặp trực tuyến giữa hai nhà lãnh đạo đã trở thành một phương thức quan trọng để tiếp tục duy trì đối thoại và hợp tác. Điều này cho thấy sự linh hoạt và quyết tâm của cả hai nhà lãnh đạo trong việc thúc đẩy quan hệ đối tác song phương, bất chấp những trở ngại về địa lý và ngoại giao.

Các cuộc gặp giữa Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Vladimir Putin từ năm 2012 đến 2024 đã đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố và phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga. Thông qua các cuộc gặp, hai bên không chỉ đạt được những thỏa thuận quan trọng mà còn xây dựng được lòng tin và sự gắn kết mạnh mẽ giữa hai quốc gia. Mối quan hệ đối tác chiến lược đã giúp cả hai nước vượt qua những thách thức lớn từ phía phương Tây, đồng thời tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự hợp tác lâu dài và bền vững. Trong suốt giai đoạn từ 2012 - 2024, cả Trung Quốc và Nga đều phải đối mặt với nhiều thách thức từ phía phương Tây, đặc biệt là các lệnh trừng phạt kinh tế và áp lực chiến lược. Sự hợp tác chặt chẽ giữa hai quốc gia đã giúp cả Trung Quốc và Nga đối phó hiệu quả với những thách thức, từ đó bảo vệ được lợi ích quốc gia và củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế. Việc tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, năng lượng và quốc phòng đã giúp hai nước giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường và đối tác phương Tây, đồng thời mở ra những cơ hội hợp tác mới với các quốc gia khác trên thế giới.

Bên cạnh các chuyến thăm cấp cao, giai đoạn 2012 - 2024 đánh dấu sự phát triển vượt bậc trong quan hệ Trung - Nga, thể hiện qua hàng loạt tuyên bố chung và các cuộc đối thoại quan trọng. Trên cơ sở quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, hai quốc gia không chỉ mở rộng hợp tác song phương mà còn gia tăng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Các tuyên bố chung và đối thoại cấp cao trong giai đoạn này phản ánh sự hợp tác đa lĩnh vực, bao gồm chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và văn hóa. Trong bối cảnh trật tự thế giới đang chuyển dịch theo hướng đa cực, Trung Quốc và Nga đã phối hợp nhằm củng cố vị thế của mình trong hệ thống quốc tế. Quan hệ song phương giữa hai nước được củng cố thông qua nhiều tuyên bố mang tính định hướng chiến lược, góp phần định hình cấu trúc địa chính trị khu vực và toàn cầu.

Ngày 26/5/2012, trong bối cảnh quốc tế phức tạp, Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào đã thăm chính thức Nga, đánh dấu một giai đoạn quan trọng trong quan hệ song phương. Tại đây, hai bên đã ký *"Tuyên bố chung về tăng cường hợp tác chiến lược"*, nhằm củng cố quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Tuyên bố này không chỉ nhấn mạnh sự tin cậy lẫn nhau, mà còn khẳng định cam kết chung trong việc thúc đẩy hợp tác chính trị, kinh tế và an ninh. Văn kiện này thể hiện rõ quyết tâm của hai nước trong việc xây dựng một cấu trúc an ninh khu vực và toàn cầu cân bằng hơn, phản ánh sự đồng thuận về lợi ích chiến lược trước những thách thức quốc tế. Đồng thời, tuyên bố đặt nền tảng vững chắc cho các hợp tác sâu rộng sau này, góp phần nâng cao vị thế của cả Trung Quốc và Nga trên trường quốc tế. Việc ký kết không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược của lãnh đạo hai nước mà còn là biểu hiện cụ thể của nỗ lực định hình quan hệ đối tác lớn giữa hai cường quốc Á - Âu trong thế kỷ 21 [Đỗ Thị Thụy Vũ, 2024].

Ngày 22/3/2013, trong chuyến thăm chính thức đầu tiên tới Moscow, Nga sau khi nhậm chức, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ký *"Tuyên bố chung về chính sách đối ngoại toàn cầu"*. Tuyên bố này đánh dấu bước tiến quan trọng trong hợp tác chiến lược giữa hai quốc gia, tập trung vào việc phối hợp trong các vấn đề quốc tế, đặc biệt tại Liên Hợp Quốc. Hai bên nhấn mạnh cam kết thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực, công bằng và bình

đẳng hơn, phản ánh sự đồng thuận chiến lược trước các thách thức toàn cầu và khu vực. Bối cảnh ký kết diễn ra khi cả Trung Quốc và Nga đều đối mặt với áp lực quốc tế và đang tìm cách gia tăng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Tuyên bố này không chỉ củng cố quan hệ đối tác toàn diện giữa hai nước, mà còn thể hiện quyết tâm chung trong việc định hình cấu trúc quyền lực thế giới theo hướng cân bằng, minh bạch và bền vững hơn. Đây là minh chứng rõ nét cho sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa hai cường quốc Á - Âu, góp phần định hướng hợp tác lâu dài và nâng cao vai trò của họ trong các diễn đàn quốc tế [Sarah Lain, 2015].

Ngày 20/5/2014, tại Thượng Hải, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin ký "*Tuyên bố chung năm 2014*", đánh dấu bước tiến quan trọng trong quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước. Tuyên bố được đưa ra trong bối cảnh quốc tế phức tạp, với những thách thức từ cạnh tranh địa chính trị, khủng hoảng kinh tế toàn cầu và bất ổn khu vực. Tuyên bố nhấn mạnh việc củng cố hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực chiến lược, từ kinh tế, năng lượng, khoa học công nghệ đến quốc phòng và ngoại giao. Hai bên tái khẳng định ủng hộ vai trò trung tâm của Liên Hợp Quốc, kêu gọi cải cách hệ thống quản trị kinh tế toàn cầu và phản đối can thiệp vào công việc nội bộ quốc gia. Đặc biệt, các sáng kiến như thanh toán bằng nội tệ, phát triển hạ tầng xuyên biên giới và đảm bảo an ninh mạng đã được chú trọng. Ngoài ra, hai nước cam kết tăng cường hội nhập khu vực thông qua cơ chế hợp tác BRICS, SCO và Liên minh Kinh tế Á-Âu. Tuyên bố không chỉ phản ánh mối quan hệ đối tác tin cậy và chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nga mà còn định hình một trật tự quốc tế mới. Đây là bước đi chiến lược nhằm nâng cao vị thế của hai quốc gia, tạo cơ sở vững chắc để ứng phó với các thách thức toàn cầu và thúc đẩy ổn định khu vực Á - Âu [Chnblogger, 2014].

Ngày 8/5/2015, tại Moscow, Trung Quốc và Nga đã ký "*Tuyên bố chung về hợp tác Con đường Tơ lụa*" trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực Á - Âu gia tăng. Tuyên bố này đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc tích hợp Sáng kiến BRI của Trung Quốc với Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU) do Nga dẫn đầu. Động lực thúc đẩy tuyên bố là sự chuyển dịch quyền lực kinh tế từ Tây sang Đông

và áp lực địa chính trị gia tăng, đặc biệt đối với Nga, cũng như nhu cầu mở rộng hợp tác quốc tế của Trung Quốc. Nội dung tuyên bố nhấn mạnh sự thống nhất chiến lược trong việc xây dựng không gian kinh tế Á - Âu toàn diện, với các mục tiêu cụ thể như kết nối hạ tầng, mở rộng thương mại, đầu tư và phát triển các dự án trọng điểm về giao thông, năng lượng và kỹ thuật số. Đây là nền tảng để tăng cường lợi thế cạnh tranh kinh tế của khu vực. Tuyên bố này mang ý nghĩa sâu sắc trong việc củng cố quan hệ chiến lược giữa Trung Quốc và Nga, đồng thời định hình một trật tự kinh tế mới tại khu vực Á - Âu. Đối với Nga, đây là cơ hội mở rộng vai trò lãnh đạo khu vực và giảm phụ thuộc vào phương Tây. Đối với Trung Quốc, tuyên bố hỗ trợ chiến lược BRI, thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu, khẳng định vai trò trung tâm trong cấu trúc quyền lực kinh tế mới [Nilov Roman, 2024].

Ngày 25/6/2016, tại Bắc Kinh, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ký “*Tuyên bố chung Trung - Nga năm 2016*”, đánh dấu 20 năm quan hệ đối tác chiến lược và 15 năm Hiệp ước Láng giềng Hữu nghị, Hợp tác. Tuyên bố được đưa ra trong bối cảnh trật tự quốc tế biến động mạnh mẽ với các áp lực từ phương Tây và khủng hoảng địa chính trị, phản ánh quyết tâm của hai nước trong việc củng cố quan hệ đối tác chiến lược để đối phó với thách thức toàn cầu và khu vực. Nội dung tuyên bố tập trung vào hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực quan trọng như chính trị, kinh tế, năng lượng, quốc phòng và văn hóa. Hai bên cam kết thúc đẩy thương mại song phương đạt 200 tỷ USD vào năm 2020, tăng cường hợp tác năng lượng và tích hợp giữ Sáng kiến BRI của Trung Quốc với Liên minh Kinh tế Á-Âu do Nga dẫn đầu. Tuyên bố này không chỉ củng cố mối quan hệ Trung-Nga mà còn góp phần định hình trật tự quốc tế đa cực, giảm sự phụ thuộc vào phương Tây và thúc đẩy ổn định khu vực Á - Âu. Đối với Trung Quốc, đây là cơ hội mở rộng sáng kiến BRI, trong khi với Nga, tuyên bố này giúp củng cố vai trò lãnh đạo khu vực và đối trọng trước các áp lực quốc tế [新华社, 2016].

Ngày 4/7/2017, tại Moscow, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ký “*Tuyên bố chung về Làm sâu sắc Quan hệ Đối tác Toàn diện và Hợp tác Chiến lược*” trong bối cảnh quốc tế đầy biến động với áp lực

địa chính trị từ phương Tây. Tuyên bố này thể hiện quyết tâm của cả hai nước trong việc củng cố quan hệ song phương và gia tăng ảnh hưởng trên trường quốc tế. Nội dung tuyên bố nhấn mạnh sự hợp tác toàn diện trên các lĩnh vực trọng yếu, bao gồm chính trị, kinh tế, năng lượng, an ninh và văn hóa. Hai bên tái khẳng định liên kết chiến lược giữa Sáng kiến BRI và Liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU). Các sáng kiến hợp tác như tăng cường kết nối cơ sở hạ tầng, mở rộng thương mại song phương, phát triển các dự án năng lượng và giao thông đã được ưu tiên. Tuyên bố này không chỉ thúc đẩy quan hệ Trung - Nga lên tầm cao mới mà còn tạo nền tảng cho ổn định chiến lược khu vực Á - Âu và định hình trật tự quốc tế đa cực. Đối với Nga, đây là cơ hội củng cố vai trò lãnh đạo khu vực. Với Trung Quốc, tuyên bố hỗ trợ chiến lược BRI, đồng thời mở rộng ảnh hưởng toàn cầu. Tuyên bố này đánh dấu một bước tiến quan trọng trong xây dựng mô hình hợp tác quốc tế kiểu mới, dựa trên bình đẳng và lợi ích chung [Chinaruslaw, 2020].

Trong chuyến thăm Nga vào tháng 6/2019, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ký *"Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới"*. Tuyên bố này đánh dấu một giai đoạn phát triển mới trong quan hệ song phương, phản ánh sự gắn kết chiến lược giữa hai cường quốc trong bối cảnh áp lực gia tăng từ Mỹ và các nước phương Tây. Tuyên bố thiết lập khuôn khổ hợp tác toàn diện, tập trung vào các lĩnh vực quan trọng như kinh tế, năng lượng, khoa học công nghệ và an ninh. Hai bên cam kết thúc đẩy phối hợp trong các vấn đề quốc tế, thúc đẩy cải cách hệ thống quản trị toàn cầu và bảo vệ lợi ích chung. Điểm nhấn nổi bật là sự hợp tác trong công nghệ cao, bao gồm trí tuệ nhân tạo và kinh tế số, cùng với cam kết tăng cường giao lưu văn hóa và nhân dân. Ý nghĩa của tuyên bố vượt ra ngoài quan hệ song phương, thể hiện sự tin cậy lẫn nhau và khẳng định vai trò trung tâm của Trung Quốc và Nga trong việc định hình trật tự quốc tế đa cực, dựa trên luật pháp quốc tế và các nguyên tắc công bằng. Đây là bước tiến quan trọng, đặt nền móng cho một kỷ nguyên mới trong hợp tác Trung -Nga, đồng thời tạo yếu tố ổn định trong bối cảnh quốc tế đầy biến động. Tuyên bố này phản ánh tầm nhìn chiến lược và cam kết lâu dài của hai quốc gia trong việc định hình thế kỷ 21 [Tuyên bố chung năm 2019].

Ngày 11/9 năm 2020, tại Moscow, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị đã gặp người đồng cấp Nga Sergei Lavrov trong khuôn khổ một cuộc họp của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), hai bên đã ra “*Tuyên bố chung năm 2020*” nhằm nhấn mạnh hợp tác toàn diện đối phó COVID-19, ủng hộ WHO, phản đối chính trị hóa đại dịch và kêu gọi tăng cường hợp tác quốc tế trong khủng hoảng y tế toàn cầu. Tuyên bố này phản ánh sự gắn kết chiến lược giữa hai quốc gia, đồng thời là biểu tượng của sự đoàn kết quốc tế trong bối cảnh bất ổn sâu sắc. Đại dịch COVID-19 bùng phát toàn cầu đã gây sức ép nghiêm trọng lên hệ thống y tế và kinh tế của các quốc gia, trong đó có Nga và Trung Quốc. Trước tình hình đó, hai nước đối mặt với nhu cầu cấp bách trong việc kiểm soát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và duy trì ổn định kinh tế - xã hội thông qua hợp tác song phương. Hai bên đã thực hiện nhiều bước hợp tác cụ thể, bao gồm chia sẻ dữ liệu y tế và kinh nghiệm phòng chống dịch, cung cấp hỗ trợ thiết bị y tế và cùng phát triển vaccine. Sự phối hợp này không chỉ giúp kiểm soát hiệu quả dịch bệnh trong nước mà còn tăng cường uy tín quốc tế của cả hai quốc gia. Hợp tác ứng phó COVID-19 đã củng cố lòng tin chiến lược giữa Trung Quốc và Nga, đồng thời gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự đoàn kết quốc tế. Tuyên bố này thể hiện vai trò lãnh đạo của hai nước trong việc giải quyết các thách thức toàn cầu, góp phần định hình trật tự thế giới mới sau đại dịch, với trọng tâm là trách nhiệm và hợp tác quốc tế [Tuyên bố chung năm 2020].

Tháng 7/2021, Đối thoại Nga - Trung 2021 do Hội đồng Quan hệ Quốc tế Nga (RIAC), Viện Nghiên cứu Viễn Đông (Viện Hàn lâm Khoa học Nga) và Viện Nghiên cứu Quốc tế thuộc Đại học Phục Đán (Trung Quốc) công bố. Công bố này diễn ra trong bối cảnh 20 năm ký kết “*Hiệp ước Láng giềng Hữu nghị và Hợp tác*”, đồng thời đối mặt với những biến động quốc tế do đại dịch COVID-19, căng thẳng địa chính trị và cạnh tranh quyền lực toàn cầu. Đối thoại năm 2021 nhằm củng cố quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, làm sâu sắc hơn hợp tác song phương trong bối cảnh áp lực từ phương Tây về các vấn đề nhân quyền, chính trị và kinh tế. Nga và Trung Quốc cùng chia sẻ quan điểm về nhu cầu thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực, công bằng hơn. “Đối thoại Nga - Trung năm 2021” tập trung vào các chủ đề cải cách Liên Hợp Quốc, biến đổi khí hậu và quản trị công nghệ cao, đồng thời mở rộng hợp

tác song phương về kinh tế, khoa học và quốc phòng. Đối thoại đã làm nổi bật sự đồng thuận chiến lược giữa hai nước trong việc thúc đẩy các giá trị bình đẳng, chủ quyền quốc gia và hợp tác đa phương. Nga và Trung Quốc cam kết gia tăng giao lưu văn hóa, khoa học và đầu tư, nhấn mạnh vai trò của hợp tác kinh tế và quốc phòng như các trụ cột chính trong quan hệ song phương. Đối thoại Nga - Trung 2021 không chỉ củng cố mối quan hệ giữa hai nước mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự đoàn kết trước áp lực từ phương Tây. Đây là nền tảng để định hình một trật tự quốc tế mới dựa trên các nguyên tắc công bằng và bình đẳng, thể hiện sự chuyển dịch quan trọng trong quan hệ quốc tế thế kỷ 21 [Đối thoại Nga - Trung 2021].

Ngày 4/2/2022, trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống Nga Vladimir Putin nhân dịp khai mạc Thế vận hội Mùa đông Bắc Kinh, Nga và Trung Quốc đã ký *"Tuyên bố chung giữa Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Nga về Quan hệ Quốc tế và Phát triển Bền vững Toàn cầu trong Kỷ nguyên Mới"*. Tuyên bố này đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, phản ánh sự hợp tác sâu rộng trong bối cảnh quốc tế đầy biến động với những thách thức an ninh và cạnh tranh địa chính trị gia tăng. Tuyên bố được đưa ra khi trật tự quốc tế đang tái cấu trúc, với các căng thẳng gia tăng giữa các cường quốc và áp lực từ phương Tây đối với cả Nga và Trung Quốc. Hai nước tìm cách định hình một thế giới đa cực, công bằng và dân chủ hơn, khẳng định vai trò của mình trong cấu trúc quyền lực toàn cầu mới. Tuyên bố tái khẳng định cam kết hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế, năng lượng, công nghệ cao và an ninh, đồng thời thúc đẩy liên kết chiến lược giữa Sáng kiến BRI và Liên minh Kinh tế Á-Âu. Cả hai quốc gia nhấn mạnh vai trò trung tâm của Liên Hợp Quốc và sự cần thiết của cải cách hệ thống quản trị toàn cầu. Tuyên bố củng cố lòng tin chiến lược giữa Nga và Trung Quốc, định vị hai nước như các trụ cột chính trong việc xây dựng các nguyên tắc quan hệ quốc tế mới. Đồng thời, nó phản ánh tham vọng chung của hai cường quốc Á-Âu trong việc giảm sự phụ thuộc vào các cấu trúc quyền lực truyền thống do phương Tây chi phối, thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực [Tuyên bố chung năm 2022].

Ngày 21/3/2023, tại Moscow, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ký *"Tuyên bố chung về việc làm sâu sắc hơn quan hệ"*

đối tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới". Sự kiện này diễn ra trong bối cảnh quốc tế biến động mạnh mẽ, với sự chuyển dịch quyền lực và các thách thức địa chính trị ngày càng gia tăng, khẳng định vai trò trung tâm của mối quan hệ Trung - Nga trong việc định hình trật tự quốc tế mới. Quan hệ Trung - Nga tiếp tục phát triển ổn định bất chấp áp lực từ phương Tây, đồng thời đối mặt với các vấn đề toàn cầu như an ninh khu vực, biến đổi khí hậu và cạnh tranh kinh tế. Hai nước hợp tác chặt chẽ trong bối cảnh trật tự quốc tế truyền thống bị thách thức bởi xu hướng đa cực hóa. Tuyên bố nhấn mạnh sự hợp tác toàn diện trong các lĩnh vực như chính trị, kinh tế, quốc phòng và văn hóa, đồng thời tái khẳng định cam kết phối hợp tại các cơ chế đa phương như Liên Hợp Quốc, BRICS và Tổ chức SCO. Đặc biệt, sự tích hợp giữa BRI và EAEU được coi là trọng tâm chiến lược, góp phần thúc đẩy kết nối kinh tế khu vực Á - Âu. Tuyên bố củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga, không chỉ tăng cường vai trò và ảnh hưởng của hai quốc gia trên trường quốc tế mà còn gửi thông điệp mạnh mẽ về việc xây dựng một trật tự thế giới đa cực, công bằng và bền vững. Đây là minh chứng cho sự gắn kết chiến lược giữa hai cường quốc, góp phần định hình các nguyên tắc mới trong quan hệ quốc tế và thúc đẩy hòa bình, ổn định toàn cầu trong kỷ nguyên mới [Tuyên bố chung năm 2023].

Ngày 16/5/2024, tại Bắc Kinh, Trung Quốc, nhân dịp kỷ niệm 75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin đã ra *"Tuyên bố chung về làm sâu sắc hơn quan hệ đối tác chiến lược toàn diện phối hợp trong kỷ nguyên mới"* tại Moscow. Tuyên bố này phản ánh sự gắn kết chiến lược và tầm nhìn chung của hai quốc gia trong bối cảnh quốc tế tiếp tục đối mặt với những thách thức địa chính trị và cạnh tranh quyền lực lớn. Tuyên bố khẳng định cam kết tăng cường hợp tác trên nhiều lĩnh vực, bao gồm kinh tế, năng lượng, nông nghiệp, công nghệ cao và đổi mới sáng tạo. Hai bên tái khẳng định vai trò trung tâm của các cơ chế quốc tế như Liên Hợp Quốc, BRICS và Tổ chức SCO trong việc thúc đẩy một trật tự thế giới công bằng và dân chủ hơn. Đồng thời, tuyên bố nhấn mạnh tầm quan trọng của đối thoại và đàm phán để giải quyết các xung đột toàn cầu, đặc biệt là vấn đề Ukraine và các thách thức an ninh khác.

Tuyên bố này minh chứng cho sự bền vững của quan hệ Trung - Nga, bất chấp áp lực từ các bên thứ ba. Về kinh tế, sự hợp tác sâu rộng trong lĩnh vực năng lượng và công nghệ cao không chỉ thúc đẩy tăng trưởng mà còn giảm sự phụ thuộc vào các thị trường phương Tây. Trên trường quốc tế, tuyên bố củng cố vai trò lãnh đạo của Trung Quốc và Nga trong việc thúc đẩy trật tự đa cực và cải cách hệ thống quản trị toàn cầu. Tuyên bố chung năm 2024 không chỉ khẳng định mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước mà còn gửi thông điệp mạnh mẽ về hòa bình và hợp tác. Đây là bước đi chiến lược nhằm củng cố ảnh hưởng của cả Trung Quốc và Nga trong hệ thống quốc tế, góp phần định hình một trật tự toàn cầu bền vững, công bằng và dân chủ trong tương lai [VTV, 2024].

Tóm lại, giai đoạn 2012 - 2024 đánh dấu sự phát triển vượt bậc trong quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga, với nhiều tuyên bố chung quan trọng, từ chính trị, kinh tế đến quốc phòng, an ninh và văn hóa. Sự hợp tác giữa hai nước không chỉ củng cố quan hệ song phương mà còn góp phần định hình trật tự quốc tế đa cực mới. Trong bối cảnh áp lực từ phương Tây và những thách thức toàn cầu gia tăng, Trung Quốc và Nga đã thể hiện vai trò lãnh đạo trong việc thúc đẩy cải cách hệ thống quốc tế, xây dựng quan hệ quốc tế công bằng, dựa trên luật pháp và nguyên tắc đa phương. Các tuyên bố như "Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới" năm 2019 và các văn kiện khác đã phản ánh sự gắn kết chiến lược và tầm nhìn dài hạn của hai quốc gia. Quan hệ đối tác này không chỉ mang ý nghĩa chiến lược trong khu vực Á - Âu mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ về hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững trong một thế giới đang chuyển mình. Điều này khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của Trung Quốc và Nga trên trường quốc tế.

3.2. Trên lĩnh vực kinh tế

3.2.1. Về thương mại

Hoạt động trao đổi thương mại song phương Trung - Nga phát triển tích cực từ năm 2012 đến 2024. Kể từ khi trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Nga năm 2011, Trung Quốc luôn giữ vững vị trí này đến hiện tại. Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Trung Quốc, kim ngạch xuất nhập khẩu song phương đã tăng 60%

từ 87,4 tỷ USD năm 2012 lên 190,27 tỷ USD năm 2022. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Nga trong 13 năm liên tiếp. Trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Nga đạt 115 tỷ USD, tăng 4,1% so với năm 2023. Ở chiều ngược lại, Trung Quốc nhập khẩu từ Nga tổng giá trị 129 tỷ USD, không thay đổi so với năm trước. Tổng kim ngạch thương mại song phương giữa hai nước trong năm 2024 đạt 244,8 tỷ USD, tăng nhẹ so với 240,1 tỷ USD của năm 2023 (Xem bảng 3.1).

Bảng 3.1: Kim ngạch thương mại Trung - Nga (2012 - 2024)

Đơn vị: Tỷ USD

Năm	Trung Quốc xuất khẩu sang Nga	Nga xuất khẩu sang Trung Quốc	Tổng kim ngạch
2012	51,7	35,8	87,4
2013	53,2	35,6	88,8
2014	50,9	37,5	88,4
2015	35,0	28,6	63,6
2016	38,1	28,0	66,1
2017	48,0	39,0	87,0
2018	52,2	56,1	108,3
2019	54,1	56,8	111,0
2020	54,9	49,1	104,0
2021	72,7	68,0	140,7
2022	76,12	114,15	190,3
2023	144,8	92,9	240,0
2024	115,8	129	244,8

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các báo cáo của trang web Bộ thương mại Nga (<https://russian-trade.com/reports-and-reviews>).

Năm 2012, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Nga đạt kỷ lục mới, đạt 88,16 tỷ USD, tăng 11,2% so với năm trước [中华人民共和国中央人民政府, 2013]. Năm 2013, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Nga đạt 89,21 tỷ

USD, gấp hơn 10 lần so với năm 2000. Năm 2014, kim ngạch thương mại hai nước đạt 88,40 tỷ USD, giảm 0,46% so với năm 2013. Trong đó, xuất khẩu của Nga sang Trung Quốc là 37,51 tỷ USD, tăng 125,4%, chiếm 7,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của Nga. Trung Quốc xuất khẩu sang Nga là 50,89 tỷ USD, giảm 1,6% so với năm 2013. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Nga và Nga là thị trường xuất khẩu thứ hai của Trung Quốc [Bộ Thương mại Nga, 2016].

Năm 2015, trao đổi thương mại giữa Trung Quốc và Nga giảm mạnh 28%, nguyên nhân chủ yếu được giải thích bởi sự mất giá của đồng Rúp cùng với việc dầu rớt giá trong năm này. Đồng Rúp mất giá hơn một nửa kể từ vụ khủng hoảng Crimea năm 2014 khiến khả năng nhập khẩu hàng hóa của Nga bị hạn chế. Cùng thời điểm đó, giá dầu giảm mạnh cũng khiến giá trị kim ngạch xuất khẩu của Nga bị sụt giảm khi tỷ trọng nhóm các sản phẩm nhiên liệu khoáng, dầu và các sản phẩm chưng cất của chúng chiếm đến 66% tổng kim ngạch xuất khẩu của Nga sang Trung Quốc. Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu giữa hai nước đã khôi phục trở lại và phát triển mạnh mẽ từ năm 2016. Trong giai đoạn 2016 - 2019, tốc độ tăng trưởng trung bình của giá trị kim ngạch thương mại Trung - Nga mỗi năm đạt tới 22,6%. Kim ngạch thương mại giữa hai nước đã lần đầu tiên vượt mức 100 tỷ USD vào năm 2018.

Năm 2020, do chịu sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Nga ghi nhận sự giảm sút, tuy nhiên bước sang năm 2021, bất chấp những khó khăn của dịch bệnh, hai nước đã cố gắng thúc đẩy hoạt động ngoại thương, đưa kim ngạch thương mại song phương tăng trưởng mạnh mẽ đạt mức kỷ lục 140,7 tỷ USD. Năm 2022, do chịu ảnh hưởng từ các lệnh trừng phạt của phương Tây đối với Nga trong cuộc xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine, đồng thời Trung Quốc cũng chịu nhiều những áp lực từ các nước phương Tây, điều này đã khiến mối quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và Nga càng trở lên gắn kết hơn. Kim ngạch thương mại giữa Nga và Trung Quốc vào năm 2022 tăng 29,3% so với cùng kỳ năm trước, đạt 190,27 tỷ USD - tính đến năm 2022, đây là kỷ lục cao nhất trong lịch sử quan hệ thương mại giữa hai nước. Xuất khẩu từ Trung Quốc sang Nga trong năm 2022 tăng 12,8%, đạt 76,12 tỷ USD. Chiều ngược lại, xuất khẩu từ

Nga sang Trung Quốc trong thời gian này tăng 43,4%, lên 114,15 tỷ USD [Bộ thương mại Nga, 2023].

Sang năm 2023, tổng kim ngạch thương mại song phương hai nước tiếp tục tăng đạt 240 tỷ USD, giá trị thương mại Trung Quốc xuất khẩu sang Nga đạt 144,8 tỷ USD, chiều ngược lại Nga xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 92,9 tỷ USD. Tiếp theo, trong năm 2024, kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Nga đạt 115 tỷ USD, tăng 4,1% so với năm 2023. Ở chiều ngược lại, Trung Quốc nhập khẩu từ Nga tổng giá trị 129 tỷ USD, không thay đổi so với năm trước. Tổng kim ngạch thương mại song phương giữa hai nước trong năm 2024 đạt 244,8 tỷ USD, tăng nhẹ so với 240,1 tỷ USD của năm 2023. [Mekongasean, 2024]. Hoạt động xuất nhập khẩu của hai nước có xu hướng giảm chủ yếu do các lệnh trừng phạt quốc tế đối với Nga liên quan đến xung đột Ukraine đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động thương mại của Nga. Do bị hạn chế bởi các lệnh trừng phạt của phương Tây, Nga đã chuyển hướng tăng cường hợp tác với các đối tác khác, đặc biệt là Trung Quốc. Trung Quốc, với vai trò là đối tác chiến lược của Nga, đã gia tăng nhập khẩu năng lượng từ Nga để lấp đầy khoảng trống do các lệnh trừng phạt phương Tây gây ra. Ngoài ra, sự biến động kinh tế và nhu cầu năng lượng, đặc biệt là giá năng lượng tăng cao trên toàn cầu, cùng với nhu cầu ổn định nguồn cung năng lượng nội địa của Trung Quốc, đã thúc đẩy nước này tăng cường nhập khẩu từ Nga. Trung Quốc đang cố gắng đảm bảo sự ổn định về năng lượng trong bối cảnh biến động của thị trường toàn cầu do chiến tranh và các biện pháp trừng phạt. Đồng thời, sự giảm sút nhẹ trong xuất khẩu của Trung Quốc sang Nga có thể bắt nguồn từ việc nhu cầu tiêu thụ của Nga giảm, do chịu ảnh hưởng từ các lệnh trừng phạt quốc tế và các biện pháp tái cấu trúc kinh tế nội bộ.

Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, Trung Quốc xuất khẩu sang Liên bang Nga tập trung vào bốn nhóm chính, phản ánh sự thay đổi trong chiến lược thương mại giữa hai nước cũng như nhu cầu nhập khẩu của Nga trong bối cảnh địa chính trị và kinh tế toàn cầu biến động (Xem bảng 3.2).

**Bảng 3.2: Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Trung Quốc sang thị trường
Liên bang Nga (2012 - 2024)**

Năm	Tổng giá trị (tỷ USD)	Máy móc, thiết bị cơ khí và phụ tùng	Thiết bị điện và điện tử	Hàng dệt may, quần áo, giày dép	Sắt, thép
2012	51,8	22,3 % 11,6 tỷ	20,3 % 10,5 tỷ	17 % 8,5 tỷ	7 % 3,5 tỷ
2013	53,9	19,5 % 10,5 tỷ	22,9 % 12,4 tỷ	16 % 8,9 tỷ	8 % 3,7 tỷ
2014	51,7	20,1 % 10,4 tỷ	23,2 % 12 tỷ	5 % 2,3 tỷ	8 % 3,7 tỷ
2015	36,1	21 % 7,56 tỷ	23,8 % 8,63 tỷ	6 % 2 tỷ	7 % 2,8 tỷ
2016	40,4	23,4 % 9,5 tỷ	24,3 % 9,8 tỷ	12 % 4,9 tỷ	9 % 3,6 tỷ
2017	50,4	23,3 % 11,8 tỷ	25,2 % 12,7 tỷ	15 % 7,5 tỷ	10 % 5,1 tỷ
2018	52,9	21,7 % 11,5 tỷ	26 % 13,7 tỷ	10 % 5,3 tỷ	10 % 5,3 tỷ
2019	53,9	22% 11,9 tỷ	25,7 % 13,8 tỷ	10 % 5,4 tỷ	10 % 5,4 tỷ
2020	55,3	22,8 % 12,6 tỷ	26,4 % 14,6 tỷ	11 % 5,6 tỷ	9 % 4,9 tỷ
2021	72,7	24,2 % 17,6 tỷ	26 % 18,9 tỷ	11 % 7,4 tỷ	10 % 7.2 tỷ
2022	75,4	22,2 % 16,7 tỷ	26,4 % 20 tỷ	8 % 6,1 tỷ	7,5 % 5,6 tỷ
2023	110	22,6 % 24,9 tỷ	36,3 % 39,9 tỷ	7,2 % 7,9 tỷ	5,1 % 5,6 tỷ
2024	115,8	22 % 25,3 tỷ	35 % 40 tỷ	7 % 8 tỷ	5 % 5,7 tỷ

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ trang web Đài quan sát kinh tế thế giới

(<https://oec.world/en/profile/bilateralcountry/chn/partner/rus?dynamicBilateralTradeSelector=year2022>)

Nhóm 1 là máy móc, thiết bị cơ khí và phụ tùng, chiếm tỷ trọng ổn định từ 22,3% năm 2012 lên 22% năm 2024. Giá trị xuất khẩu nhóm hàng này tăng từ 11,6 tỷ USD lên 25,3 tỷ USD, phản ánh nhu cầu ngày càng cao của Nga đối với các loại máy móc công nghiệp, thiết bị sản xuất và phương tiện cơ khí. Việc Nga đẩy mạnh tự chủ trong công nghiệp quốc phòng và chế tạo đã khiến nước này cần đến nguồn cung máy móc từ Trung Quốc để thay thế các sản phẩm nhập khẩu từ phương Tây, vốn bị gián đoạn do các lệnh trừng phạt sau năm 2014 và 2022.

Nhóm 2 là thiết bị điện và điện tử, ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong hơn một thập kỷ qua. Năm 2012, nhóm hàng này có giá trị xuất khẩu 10,5 tỷ USD, chiếm 20,3% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đến năm 2024, con số này tăng lên 40 tỷ USD, chiếm 35% tổng kim ngạch, đánh dấu sự dịch chuyển rõ rệt trong thương mại song phương. Điều này phản ánh sự gia tăng nhu cầu của Nga đối với các sản phẩm công nghệ, thiết bị viễn thông, linh kiện điện tử và hệ thống tự động hóa công nghiệp. Trung Quốc, với lợi thế sản xuất hàng đầu thế giới trong lĩnh vực này, đã trở thành nguồn cung ứng quan trọng khi Nga buộc phải tìm kiếm các đối tác thay thế cho các nhà cung cấp từ Mỹ, EU và Nhật Bản.

Nhóm 3 là hàng dệt may, quần áo, giày dép, với tỷ trọng giảm dần từ 17% năm 2012 xuống 7% năm 2024. Mặc dù giá trị xuất khẩu vẫn giữ mức 8 tỷ USD, nhưng tỷ trọng của nhóm hàng này trong tổng kim ngạch xuất khẩu ngày càng thu hẹp. Điều này có thể được lý giải bởi sự gia tăng của các nhóm hàng công nghiệp và công nghệ cao, cũng như việc Nga từng bước đẩy mạnh sản xuất nội địa trong ngành dệt may.

Nhóm 4 là sắt, thép, với tỷ trọng duy trì trong khoảng 7 - 10% suốt giai đoạn 2012 - 2024. Giá trị xuất khẩu của nhóm này tăng từ 3,5 tỷ USD năm 2012 lên 5,7 tỷ USD năm 2024, phản ánh sự ổn định trong nhu cầu của Nga đối với nguyên vật liệu công nghiệp. Tuy nhiên, tỷ trọng của sắt, thép trong tổng kim ngạch xuất khẩu có xu hướng giảm nhẹ do Nga có lợi thế về sản xuất thép nội địa, trong khi nhu cầu nhập khẩu tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng công nghệ cao.

Nhìn chung, sự dịch chuyển trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc sang Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 phản ánh xu hướng chuyển dịch từ các

mặt hàng tiêu dùng truyền thống sang các sản phẩm công nghiệp và công nghệ cao. Các nhóm hàng máy móc, thiết bị điện - điện tử ngày càng chiếm tỷ trọng lớn, trong khi dệt may, sắt thép có xu hướng giảm tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Điều này phù hợp với chiến lược phát triển của cả hai quốc gia: Nga tăng cường nhập khẩu máy móc và công nghệ để thúc đẩy tự chủ sản xuất trong nước, trong khi Trung Quốc tận dụng thế mạnh về công nghiệp và công nghệ cao để mở rộng thị phần tại Nga. Trong bối cảnh thương mại song phương ngày càng phát triển, xu hướng này có thể tiếp tục duy trì trong những năm tới, giúp tăng cường mối quan hệ kinh tế giữa hai cường quốc Á - Âu.

Về cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, Liên bang Nga xuất khẩu sang Trung Quốc tập trung vào bốn nhóm chính, phản ánh sự phụ thuộc của thương mại song phương vào các mặt hàng nhiên liệu, nguyên liệu thô và sự chuyển dịch dần sang các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn ((Xem bảng 3.3).

Bảng 3.3: Cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Liên bang Nga sang thị trường Trung Quốc (2012 - 2024)

Năm	Tổng giá trị (tỷ USD)	Dầu mỏ	Phân bón, hoá chất	Gỗ và chế phẩm	Các sản phẩm từ niken và máy móc
2012	38,8	65,7 % 25,5 tỷ	6,5 % 3 tỷ	5,7 % 2,2 tỷ	6,2 % 2,5 tỷ
2013	37,9	67% 25,4 tỷ	6,2 % 2,4 tỷ	6,1 % 2,3 tỷ	3,5 % 1,5 tỷ
2014	39,8	71,3 % 29 tỷ	3,5 % 1,2 tỷ	6,5 % 2,6 tỷ	3,5 % 1,6 tỷ
2015	31,5	62 % 20 tỷ	5 % 1,5 tỷ	7,4 % 2,2 tỷ	10 % 3,1 tỷ
2016	32,3	60 % 19 tỷ	5 % 1,6 tỷ	8,7 % 2,5 tỷ	10 % 3,2 tỷ
2017	41,9	70 % 28 tỷ	5 % 2,1 tỷ	8,3 % 3,4 tỷ	5 % 2,1 tỷ

2018	55,6	77 % 43 tỷ	3 % 1,6 tỷ	6,7 % 3,7 tỷ	4,5 % 2,5 tỷ
2019	58,4	73 % 42 tỷ	4 % 2,3 tỷ	6,03 % 3,52 tỷ	7,5 % 4,4 tỷ
2020	51,5	66 % 33 tỷ	3,2 % 1,6 tỷ	5,12 % 3,15 tỷ	9 % 4,6 tỷ
2021	73,5	74 % 54,1 tỷ	5 % 3,6 tỷ	4,98 % 3,5 tỷ	8,9 % 6,5 tỷ
2022	114	78,8 % 90 tỷ	3 % 3,3 tỷ	3,15 % 3,6 tỷ	7,5 % 8,5 tỷ
2023	129	78 % 100 tỷ	3 % 3,8 tỷ	2,5 % 3,2 tỷ	5,2 % 6,7 tỷ
2024	129	80 % 100,3 tỷ	3,5 % 4,5 tỷ	2,6 % 3,4 tỷ	5,1 % 6,6 tỷ

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ trang web Đài quan sát kinh tế thế giới

(<https://oec.world/en/profile/bilateralcountry/chn/partner/rus?dynamicBilateralTradeSelector=year2022>)

Nhóm 1 là nhiên liệu khoáng, dầu mỏ, chiếm tỷ trọng cao nhất và có xu hướng tăng mạnh qua các năm. Năm 2012, nhóm hàng này chiếm 65,7% tổng kim ngạch xuất khẩu, đạt 25,5 tỷ USD. Đến năm 2024, tỷ trọng này tăng lên 80%, tương ứng 100,3 tỷ USD trong tổng kim ngạch 129 tỷ USD. Sự gia tăng đáng kể này phản ánh vai trò chiến lược của Nga trong việc cung cấp năng lượng cho Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh các lệnh trừng phạt từ phương Tây buộc Nga phải chuyển hướng thị trường xuất khẩu dầu mỏ và khí đốt sang khu vực châu Á, trong đó Trung Quốc là đối tác quan trọng nhất.

Nhóm 2 là phân bón và hóa chất, có tỷ trọng dao động trong khoảng 3 - 6,5% tổng kim ngạch xuất khẩu. Năm 2012, nhóm hàng này chiếm 6,5%, tương ứng 3 tỷ USD. Đến năm 2024, tỷ trọng giảm nhẹ còn 3,5%, tuy nhiên giá trị xuất khẩu tăng lên 4,5 tỷ USD, cho thấy nhu cầu ổn định của Trung Quốc đối với phân bón và hóa chất công nghiệp từ Nga. Đây là mặt hàng thiết yếu trong ngành nông nghiệp và sản

xuất hóa chất của Trung Quốc. Tuy tỷ trọng không cao, song Nga vẫn là một trong những nhà cung cấp chính cho Trung Quốc.

Nhóm 3 là gỗ và các sản phẩm từ gỗ, chiếm tỷ trọng thấp và có xu hướng giảm dần. Năm 2012, tỷ trọng của nhóm hàng này là 5,7% với 2,2 tỷ USD, tăng lên mức cao nhất 8,7% vào năm 2016 (2,5 tỷ USD), nhưng sau đó giảm xuống còn 2,6% vào năm 2024 (3,4 tỷ USD). Nguyên nhân chính của sự sụt giảm tỷ trọng là do chính sách kiểm soát xuất khẩu gỗ thô của Nga, nhằm bảo vệ tài nguyên rừng và thúc đẩy chế biến gỗ trong nước trước khi xuất khẩu.

Nhóm 4 là các sản phẩm từ niken và máy móc, có tỷ trọng tương đối ổn định, dao động từ 3,5 - 10%. Năm 2012, nhóm hàng này chiếm 6,2%, đạt 2,5 tỷ USD, và đến năm 2024, tỷ trọng giảm xuống 5,1%, nhưng giá trị xuất khẩu tăng lên 6,6 tỷ USD. Điều này phản ánh sự gia tăng nhu cầu của Trung Quốc đối với các kim loại công nghiệp như niken, được sử dụng trong sản xuất thép không gỉ, pin lithium và công nghệ năng lượng tái tạo.

Nhìn chung, cơ cấu xuất khẩu của Nga sang Trung Quốc giai đoạn 2012 - 2024 cho thấy sự phụ thuộc lớn vào nhiên liệu và khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt, với tỷ trọng tăng từ 65,7% lên 80%. Trong khi đó, các nhóm hàng khác như phân bón, gỗ và kim loại có sự điều chỉnh nhẹ, phản ánh chiến lược đa dạng hóa xuất khẩu của Nga cũng như sự thay đổi trong nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc. Trong bối cảnh biến động địa chính trị và nhu cầu năng lượng tăng cao của Trung Quốc, xu hướng này có thể tiếp tục trong những năm tới, với nhiên liệu vẫn chiếm vị trí trọng tâm trong thương mại song phương giữa hai nước.

Giai đoạn 2012 - 2024 chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong quan hệ thương mại giữa Trung Quốc và Liên bang Nga, thể hiện qua sự gia tăng liên tục của kim ngạch xuất nhập khẩu song phương, sự điều chỉnh chiến lược thương mại và những thay đổi quan trọng trong cơ cấu hàng hóa. Bất chấp các biến động địa chính trị và thách thức kinh tế toàn cầu, thương mại giữa hai nước vẫn duy trì đà tăng trưởng ổn định, phản ánh mức độ gắn kết ngày càng sâu rộng giữa hai nền kinh tế lớn nhất khu vực Á - Âu. Kim ngạch thương mại song phương tăng từ 87,4 tỷ USD năm 2012 lên 240,1 tỷ USD năm 2023 và đạt mức kỷ lục 244,8 tỷ USD vào

năm 2024. Tuy nhiên, quá trình tăng trưởng này không diễn ra theo đường thẳng mà có sự điều chỉnh vào một số thời điểm, đặc biệt là các giai đoạn suy giảm trong năm 2015 và 2020 do ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế và chính trị.

Về cán cân thương mại, trong giai đoạn 2012 - 2021, Trung Quốc thường xuyên đạt thặng dư thương mại, ngoại trừ hai năm 2018 và 2019, khi Nga có mức thặng dư nhẹ. Tuy nhiên, từ năm 2022, sự thay đổi trong thương mại năng lượng do các biện pháp trừng phạt từ phương Tây đã giúp Nga đạt mức thặng dư thương mại cao nhất trong lịch sử, với xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 114,15 tỷ USD. Đến năm 2023, thặng dư lại nghiêng về phía Trung Quốc với 144,8 tỷ USD, trong khi Nga chỉ xuất khẩu 92,9 tỷ USD. Tuy nhiên, năm 2024, thặng dư thương mại một lần nữa đảo chiều khi Nga đạt 129 tỷ USD, trong khi giá trị xuất khẩu của Trung Quốc chỉ đạt 115,8 tỷ USD, phản ánh sự gia tăng nhu cầu nhập khẩu năng lượng của Trung Quốc trong bối cảnh kinh tế phục hồi.

Trong hơn một thập kỷ, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc sang Nga đã có sự chuyển dịch rõ rệt. Ban đầu, Trung Quốc chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng tiêu dùng như dệt may, giày dép, tuy nhiên, nhóm hàng này dần mất vị thế do sự phát triển của sản xuất nội địa Nga và sự gia tăng cạnh tranh từ các thị trường khác như Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ. Thay vào đó, Trung Quốc ngày càng tập trung vào xuất khẩu sản phẩm công nghiệp và công nghệ cao, trong đó thiết bị điện và điện tử là nhóm hàng có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất. Từ 10,5 tỷ USD năm 2012, nhóm này tăng lên 40 tỷ USD năm 2024, chiếm 35% tổng kim ngạch xuất khẩu. Điều này phản ánh sự gia tăng nhu cầu của Nga đối với các sản phẩm viễn thông, linh kiện điện tử và hệ thống tự động hóa, đặc biệt trong bối cảnh nước này bị cấm vận công nghệ từ phương Tây.

Bên cạnh đó, máy móc, thiết bị cơ khí và phụ tùng tiếp tục duy trì vị thế quan trọng, chiếm khoảng 22% tổng kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sang Nga trong suốt giai đoạn này. Giá trị xuất khẩu nhóm hàng này tăng từ 11,6 tỷ USD năm 2012 lên 25,3 tỷ USD năm 2024, phản ánh nhu cầu ngày càng cao của Nga đối với các loại máy móc công nghiệp, thiết bị sản xuất và phương tiện cơ khí. Điều này xuất phát từ nhu cầu thay thế các sản phẩm nhập khẩu từ châu Âu và Mỹ, vốn bị gián đoạn do lệnh trừng phạt từ năm 2014 và đặc biệt là sau năm 2022.

Ở chiều ngược lại, cơ cấu xuất khẩu của Nga sang Trung Quốc vẫn tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào nhiên liệu khoáng sản và dầu mỏ, với tỷ trọng tăng từ 65,7% năm 2012 lên 80% năm 2024. Giá trị xuất khẩu dầu mỏ và khí đốt của Nga sang Trung Quốc đạt 100,3 tỷ USD trong tổng kim ngạch thương mại 129 tỷ USD năm 2024, phản ánh sự gia tăng phụ thuộc của Trung Quốc vào nguồn năng lượng từ Nga. Ngoài nhiên liệu, Nga cũng xuất khẩu một số mặt hàng nguyên liệu thô quan trọng, bao gồm: Phân bón và hóa chất: Duy trì mức tỷ trọng 3 - 6,5%, với giá trị xuất khẩu từ 3 tỷ USD (2012) tăng lên 4,5 tỷ USD (2024), đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Trung Quốc đối với phân bón và hóa chất công nghiệp. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ: Tỷ trọng giảm từ 5,7% năm 2012 xuống 2,6% năm 2024, do chính sách kiểm soát xuất khẩu gỗ thô của Nga và xu hướng đẩy mạnh chế biến trước khi xuất khẩu. Sản phẩm từ niken và kim loại công nghiệp: Mặc dù có tỷ trọng thấp (từ 3,5% - 10%), nhóm hàng này đóng vai trò quan trọng trong ngành sản xuất pin, thép không gỉ và công nghệ năng lượng tái tạo của Trung Quốc. Giá trị xuất khẩu nhóm này tăng từ 2,5 tỷ USD (2012) lên 6,6 tỷ USD (2024).

Nhìn chung, thương mại song phương giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 có sự tăng trưởng ổn định và mang tính bổ trợ chiến lược cao. Trung Quốc ngày càng trở thành nguồn cung cấp chính các sản phẩm công nghiệp, thiết bị điện tử và công nghệ cao, trong khi Nga tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn cung năng lượng và nguyên liệu thô cho nền kinh tế Trung Quốc.

3.2.2. Về đầu tư

Đầu tư của Trung Quốc sang Nga nổi trội hẳn so với chiều ngược lại, Trung Quốc là nhà đầu tư Châu Á lớn nhất của Nga. Tính đến cuối năm 2021, tổng số vốn đầu tư tích lũy của Trung Quốc từ năm 2000 đến nay đã vượt 50 tỷ USD, trở thành nhà đầu tư lớn thứ ba của Nga sau Đức và Mỹ [环球时报, 2021]. Trong khi đó, theo chiều ngược lại số đầu tư trực tiếp của Nga vào Trung Quốc năm 2012 là 850 triệu USD, năm 2018 là 56,6 triệu USD, đưa tổng vốn đầu tư trực tiếp của Nga vào Trung Quốc đạt 1,067 tỷ USD (Xem bảng 3.4).

Bảng 3.4: Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Trung Quốc và Nga sang nhau giai đoạn từ 2012 - 2024.

Đơn vị: Triệu USD

Năm	TQ đầu tư sang Nga	Nga đầu tư sang TQ
2012	785	850
2013	1.022	35,6
2014	634	37,5
2015	2.961	28,6
2016	1.293	28,0
2017	1.548	39,0
2018	725	56,6
2019	-379,23	56,8
2020	570	49,1
2021	-1.072,3	68,0
2022	233,62	114,15
2023	628,79	\
2024	\	\

Nguồn: Tác giả tổng hợp số liệu từ Báo cáo thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc do Tổng cục Thống kê Trung Quốc, Bộ Thương mại Trung Quốc và Cục Ngoại hối Quốc gia Trung Quốc phát hành (Tổng cục Thống kê, Bộ Thương mại, Cục Ngoại hối quốc gia Trung Quốc, 2023).

Dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc không ổn định, năm 2015 chứng kiến sự tăng mạnh từ 634 triệu USD lên tới 2,96 tỷ USD, tuy nhiên sang năm 2016 đã giảm mạnh hơn một nửa khi chỉ còn 1,29 tỷ USD. Trong năm 2018, các doanh nghiệp Trung Quốc đã rút hơn 900 triệu USD khỏi Nga, nhiều hơn gấp đôi so với Mỹ - quốc gia khởi xướng các lệnh trừng phạt chống lại Nga. Xu hướng giảm đầu tư vào Nga tiếp tục giảm mạnh khi có mức âm -379,23 triệu USD trong năm 2019, và đặc biệt âm -1,072 triệu USD trong năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự giảm sút trong khối lượng đầu tư trực tiếp nước ngoài của Trung Quốc sang Nga là do phía các doanh nghiệp Trung Quốc lo ngại việc bị trừng phạt thứ cấp từ Mỹ và các nước phương Tây trong thời gian từ sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 và

việc Nga thực hiện tấn công quân sự vào lãnh thổ Ukraine năm 2022. Lượng đầu tư chính của Trung Quốc vào Nga tính đến năm 2022 chủ yếu vào lĩnh vực bất động sản, khai thác mỏ và ngân hàng. Cụ thể: 1/3 đầu tư trực tiếp từ Trung Quốc sang Nga là vào bất động sản, 1/3 vào khai thác mỏ và 1/3 vào ngân hàng và sản xuất [Vedomosti.ru, 2024]. Đến năm 2023, lượng đầu tư của Trung Quốc đã tăng trưởng trở lại đạt 628,79 triệu USD, tăng khoảng 169,15% so với năm 2022 [Statista.com, 2024]. Điều này cho thấy xu hướng đầu tư từ Trung Quốc vào Nga đang tăng trưởng, đặc biệt trong bối cảnh các quốc gia phương Tây áp đặt lệnh trừng phạt đối với Nga sau xung đột Ukraine, làm thay đổi hướng dòng chảy đầu tư quốc tế. Sự tăng trưởng này cũng có thể phản ánh mối quan hệ chiến lược sâu sắc hơn giữa hai quốc gia, với Trung Quốc trở thành đối tác quan trọng của Nga trong nhiều lĩnh vực như năng lượng, khai thác khoáng sản và cơ sở hạ tầng. Ngoài ra, việc gia tăng FDI có thể xuất phát từ việc Nga tìm kiếm các nhà đầu tư mới từ các quốc gia không tham gia trừng phạt để thay thế các đối tác truyền thống phương Tây.

Trong hợp tác đầu tư giữa hai nước, Nga luôn muốn tận dụng lợi thế nguồn vốn dồi dào của Trung Quốc đổ vào vùng Đông Siberia và Viễn Đông để phát triển các vùng này. Tính đến cuối năm 2021, các nhà đầu tư Trung Quốc đã thực hiện 58 dự án với tổng trị giá 2,4 tỷ USD ở vùng Viễn Đông, tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực lâm nghiệp, nông nghiệp, vật liệu xây dựng và công nghiệp nhẹ. Nga cũng công bố rằng Trung Quốc là nhà đầu tư quan trọng tại vùng Viễn Đông với tổng số vốn chiếm đến 73% giá trị đầu tư của Trung Quốc tại Nga. Khối lượng đầu tư từ Trung Quốc sang vùng Viễn Đông Nga vượt 13 tỷ USD vào năm 2022. Các công ty Trung Quốc đang đầu tư vào nhiều nhà máy khác nhau ở Vùng Amur và Lãnh thổ Khabarovsk của Nga. Trung Quốc đặc biệt quan tâm đến tổ hợp công-nông nghiệp Viễn Đông, nơi tập đoàn lớn nhất hiện nay là tập đoàn nông-công Legendagro, thuộc sở hữu của tập đoàn Trung Quốc Joyvio Beidahuang Agricultural Holdings (JBA) [Emil Avdaliani, 2023].

Về phía Trung Quốc, mục đích đầu tư phát triển vùng Viễn Đông của Nga chủ yếu là mong muốn mua được nguồn cung cấp khí đốt và nguyên liệu thô giá rẻ. Tuy nhiên cũng có mục đích khác xa hơn là hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh thuộc vùng Đông Bắc của Trung Quốc. Sự phát triển của khu vực và sự hợp tác chặt chẽ

với Viễn Đông sẽ tạo điều kiện cho Con đường Tơ lụa Bắc cực có sự thuận lợi hình thành và phát triển. Tuy nhiên, Nga đã lo ngại việc Trung Quốc sẽ giành lấy quyền kiểm soát Vùng Viễn Đông vì sự kiểm soát các hoạt động kinh tế và cả vấn đề nhân khẩu học. Sự lo ngại của Nga xuất phát từ lịch sử khi đến cuối thế kỷ XIX, phần lớn Vùng Viễn Đông vẫn nằm dưới sự quản lý của Trung Quốc. Bên cạnh đó, vùng Viễn Đông chỉ có 6,3 triệu người đang đối mặt với dòng lao động di cư theo dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc, hơn nữa, dòng vốn đầu tư của Trung Quốc thường đi kèm với các hợp đồng sử dụng đất dài hạn, điều này có thể gây ra ảnh hưởng chính trị đối với Nga tại vùng biên giới hai nước này. Để hạn chế điều này, Nga đã đưa ra một số yêu cầu trong đó có quy định 80% việc làm trong các doanh nghiệp FDI Trung Quốc phải được dành cho lao động người Nga [Paul Stronski, Nicole Ng, 2018].

Đầu tư của Nga vào Trung Quốc rất nhỏ và chỉ tập trung vào khu vực sản xuất, xây dựng, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, kho bãi và hậu cần. Khu vực sản xuất, xây dựng là thế mạnh của Trung Quốc, nguồn vốn đầu tư từ Nga vào Trung Quốc cũng có mục đích tương tự các quốc gia khác là khai thác nguồn lao động dồi dào và tận dụng chuỗi sản xuất phát triển của Trung Quốc. Đầu tư sang Trung Quốc của Nga trong giai đoạn 2012 - 2022 chỉ ở mức thấp, nguyên nhân chính là do sự không ổn định trong nền kinh tế Nga khi phải đối mặt với sự suy thoái kinh tế và tình hình tài chính thắt chặt tại nước này, nhất là sau sự kiện xung đột của Nga với Ukraine năm 2014 và năm 2022 khi bị Mỹ và các nước phương Tây bao vây, cấm vận kinh tế.

Từ năm 2022 đến 2024, quan hệ đầu tư giữa Trung Quốc và Nga đã trải qua nhiều thăng trầm trong bối cảnh địa chính trị căng thẳng và áp lực từ các lệnh trừng phạt quốc tế. Sự gia tăng các lệnh trừng phạt từ phương Tây sau cuộc xung đột tại Ukraine đã khiến nhiều doanh nghiệp Trung Quốc thận trọng hơn trong việc mở rộng đầu tư vào Nga, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và tài chính. Tuy nhiên, Trung Quốc và Nga vẫn duy trì hợp tác trong các lĩnh vực chiến lược như năng lượng và khai thác tài nguyên, điều này đã giúp hai quốc gia giữ vững mối quan hệ kinh tế quan trọng này. Vào năm 2022, Trung Quốc đã tham gia vào ít nhất 5 dự án đầu tư lớn với tổng giá trị lên tới 2 tỷ USD tại Nga, tập trung chủ yếu vào các khu vực như Viễn Đông và Đông Siberia. Các dự án này bao gồm xây dựng nhà máy và phát triển cơ sở

hạ tầng, nhằm đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng ổn định cho Trung Quốc [The Moscow Times, 2024]. Đến năm 2023, dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc sang Nga đã giảm do áp lực từ các lệnh trừng phạt, nhưng vẫn giữ được một số hoạt động đầu tư đáng kể, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng và hạ tầng quan trọng. Trong năm 2024, mặc dù có những thách thức lớn, hai quốc gia đã tiếp tục cam kết mở rộng hợp tác đầu tư và năng lượng. Tại các cuộc họp cấp cao, cả hai bên đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc phát triển các dự án chung nhằm củng cố mối quan hệ chiến lược. Điều này cho thấy, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, Trung Quốc và Nga vẫn tìm cách duy trì và phát triển mối quan hệ đầu tư lâu dài, với mục tiêu cùng vượt qua các thách thức địa chính trị và khai thác các cơ hội kinh tế mới [Government of China, 2024].

3.2.3. Về hợp tác năng lượng

Quan hệ năng lượng giữa hai nước ngày càng phát triển, đi vào chiều sâu khi Nga hiện giữ vị thế là nhà cung cấp dầu mỏ chính cho Trung Quốc. Hợp tác năng lượng là một vấn đề quan trọng trong quan hệ song phương Trung Quốc - Nga. Với lợi thế tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhất là dầu mỏ, Nga là một đối tác cung cấp năng lượng quan trọng của thế giới, sản xuất khoảng 10% lượng dầu của thế giới. Đối với quốc gia đang phát triển mạnh mẽ như Trung Quốc, Nga là một đối tác chiến lược quan trọng có thể giải quyết bài toán khủng hoảng năng lượng của Trung Quốc. Từ năm 2023, Nga thay thế Ả rập Saudi, trở thành nhà cung cấp dầu thô lớn nhất cho Trung Quốc [VietnamPlus, 2023]. Năm 2014, Tập đoàn Khí đốt Gazprom của Nga và Tập đoàn Dầu khí quốc gia Trung Quốc kí hợp đồng bán khí gas từ Đông Siberia đến Trung Quốc thông qua đường ống dẫn dầu “Sức mạnh Siberia”, ước tính bơm 38 tỉ mét khối hằng năm cho đến năm 2030 [Gabuev, A., 2015]. Đường ống xuyên biên giới dài 3.000 km này là đường ống dẫn khí đốt tự nhiên đầu tiên giữa Nga và Trung Quốc. Năm 2015, hai bên thống nhất cung cấp khí đốt thông qua đường ống “Sức mạnh Siberia 2”, ước tính hàng năm có thể vận chuyển 50 tỉ mét khối qua Mông Cổ đến Trung Quốc. Hơn nữa, trước sức ép đến từ phương Tây sau khi Nga tấn công quân sự vào Ukraine đầu năm 2022, Nga đã đẩy mạnh hợp tác với Trung Quốc bằng việc kí kết những hợp đồng trao đổi năng lượng khổng lồ. Trong chuyến thăm Trung Quốc tháng 2/2022, Tập đoàn Dầu mỏ Rosneft của Nga đã kí kết với Tập đoàn Dầu khí quốc gia Trung Quốc thỏa thuận cung cấp 100 triệu tấn dầu trong vòng 10 năm qua Kazakhstan,

trị giá 80 tỉ USD. Bên cạnh đó, Tập đoàn Gazprom của Nga và Tập đoàn Dầu khí quốc gia Trung Quốc đã kí hợp đồng dài hạn thứ hai về cung cấp 10 tỉ mét khối đốt tự nhiên từ vùng Viễn Đông của Nga. Khi dự án đạt hết công suất, mỗi năm vùng Viễn Đông Nga sẽ cung cấp cho Trung Quốc 48 tỉ mét khối [Lao Động, 2022].

Những thỏa thuận trên phản ánh quan hệ đối tác năng lượng ngày càng rộng mở giữa Nga và Trung Quốc. Nga muốn đa dạng hóa khách hàng của mình để bù đắp những tổn thất từ việc châu Âu quyết tâm “quay lưng” với năng lượng của Nga. Còn Trung Quốc với nhu cầu năng lượng ngày càng cao và là láng giềng của Nga sẽ gắn bó lợi ích với Nga một cách tự nhiên. Mối quan hệ đối tác năng lượng khăng khít và tin tưởng với Nga giúp Trung Quốc đa dạng hóa nguồn cung năng lượng, đảm bảo sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc.

Trong giai đoạn từ năm 2012 - 2024, tổng khối lượng và giá trị thương mại dầu khí Trung - Nga đã đạt được mức tăng trưởng ổn định (Xem bảng 3.5).

**Bảng 3.5: Tổng khối lượng và giá trị thương mại dầu khí Trung - Nga
2012 - 2024**

Năm	Lượng dầu thô Trung Quốc nhập từ Nga Đơn vị tính: Triệu tấn	Lượng hàng hóa năng lượng Trung Quốc nhập khẩu từ Nga Đơn vị tính: Tỷ USD
2012	15,09	13,55
2013	24,35	21,87
2014	33,11	29,74
2015	41,04	20,20
2016	52,38	19,00
2017	59,80	27,27
2018	71,49	42,29
2019	77,64	42,62
2020	83,57	33,38
2021	79,64	53,54
2022	86,25	85,38
2023	107,02	60,642
2024	108,0	57,672

*Nguồn: Tác giả tự tổng hợp theo số liệu từ Cục Hải quan Trung Quốc
(<http://stats.customs.gov.cn/>.)*

Theo số liệu từ bảng trên cho thấy, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Nga trong các mặt hàng năng lượng đã tăng lên đáng kể trong những năm gần đây khi đạt 42,29 tỷ USD năm 2018 và đến năm 2019 là 42,62 tỷ USD. Năm 2020, do hai yếu tố là sự lây lan toàn cầu của dịch Covid-19 và giá dầu khí trên thị trường quốc tế giảm mạnh, trong khi tổng khối lượng giao dịch hàng hóa năng lượng giữa Trung Quốc và Nga tăng lên thì lượng giao dịch song phương thực tế lại giảm nhưng vẫn đạt 33,38 tỷ USD. Năm 2021, lần đầu tiên nhập khẩu hàng hóa năng lượng từ Nga của Trung Quốc vượt quá 50 tỷ USD, đạt 53,54 tỷ USD. Vào năm 2022, bất chấp tình hình hỗn loạn ở Nga và Ukraine, nhập khẩu của Trung Quốc từ Nga đã đạt 85,38 tỷ USD. Sang năm 2023 và năm 2024 xu hướng nhập khẩu hàng hóa năng lượng của Trung Quốc từ Nga tăng mạnh với số lượng lần lượt là 107,02 và 108,0 triệu tấn. Tuy nhiên, năm 2023 và 2024 giá năng lượng có xu hướng giảm mạnh do đó số lượng nhập hàng hóa năng lượng có xu hướng tăng nhưng giá trị lại giảm mạnh khi năm 2023 và 2024 lần lượt chỉ có 60,642 và 57,672 tỷ USD.

Dựa trên xu hướng tăng trưởng ổn định trong thương mại dầu khí giữa Trung Quốc và Nga, năm 2023 đã chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong lượng nhập khẩu dầu thô và hàng hóa năng lượng từ Nga vào Trung Quốc. Lượng dầu thô nhập khẩu từ Nga đã đạt mức kỷ lục 107,02 triệu tấn [CNN, 2024] ước tính có giá trị hơn 60 tỉ USD. Điều này phản ánh sự phụ thuộc ngày càng lớn của Trung Quốc vào nguồn cung năng lượng từ Nga, đặc biệt trong bối cảnh các yếu tố địa chính trị như cuộc xung đột giữa Nga và Ukraine gây ra những biến động lớn trên thị trường năng lượng toàn cầu. Điều này không chỉ minh chứng cho mối quan hệ đối tác chiến lược ngày càng sâu sắc giữa Trung Quốc và Nga mà còn cho thấy sự thích ứng của Trung Quốc trong việc đa dạng hóa các nguồn cung năng lượng để đối phó với các thách thức từ thị trường quốc tế [S&P Global, 2022].

Năm 2024 mối quan hệ thương mại năng lượng giữa Trung Quốc và Nga tiếp tục được củng cố với các thỏa thuận hợp tác dài hạn mới. Những nỗ lực này nhằm đảm bảo an ninh năng lượng cho cả hai quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh thế giới đang dần chuyển dịch sang các nguồn năng lượng tái tạo và giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu hóa thạch. Đồng thời, Trung Quốc có thể đầu tư mạnh hơn vào cơ sở hạ

tăng năng lượng để tối ưu hóa việc vận chuyển và lưu trữ dầu khí nhập khẩu từ Nga, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ năng lượng ngày càng tăng [Analyst Oceana Zhou, 2023]. Sự phát triển của thương mại năng lượng giữa hai quốc gia này sẽ tiếp tục là một yếu tố quan trọng trong việc định hình thị trường năng lượng toàn cầu trong những năm tới.

Việc xây dựng kênh vận chuyển tài nguyên dầu khí Trung Quốc - Nga đang phát triển nhanh chóng.

Về xây dựng hệ thống đường ống dẫn dầu thô Trung - Nga: Ngay từ những năm 1990, Trung Quốc và Nga đã bắt đầu có kế hoạch xây dựng dự án xây dựng đường ống dẫn dầu thô từ vùng Viễn Đông Nga đến vùng Đông Bắc Trung Quốc, tuy nhiên, tháng 1/2011 đường ống mới được đưa vào vận hành. Đường ống này có tổng chiều dài 999,04 km, trong đó 927,04 km thuộc địa phận của Trung Quốc. Khối lượng vận chuyển dầu hàng năm được thiết kế là 15 triệu tấn, khối lượng vận chuyển dầu tối đa hàng năm là 30 triệu tấn. Hợp đồng cung cấp dầu được hai bên ký kết có thời hạn 20 năm [中国国家能源局, 2012]. Tuy nhiên, công suất này vẫn không thể đáp ứng nhu cầu thương mại dầu thô ngày càng tăng của hai nước. Do đó, vào ngày 13 tháng 8 năm 2016, dự án mở rộng công suất đường ống dẫn dầu thô Trung Quốc - Nga (Tuyến thứ hai) đã chính thức được đưa vào xây dựng. Đường ống này dài 941,8 km được đặt song song với Đường ống dẫn dầu thô Trung Quốc - Nga và chính thức được đưa vào hoạt động vào tháng 1/2018 [中国国家能源局, 2018]. Dự án này, đã nâng công suất vận chuyển hàng năm của đường ống dẫn dầu Trung Quốc - Nga từ 15 triệu tấn lên 30 triệu tấn.

Về xây dựng kênh vận chuyển khí đốt tự nhiên: Vào ngày 21 tháng 5 năm 2014, chính phủ Trung Quốc và Nga đã ký biên bản ghi nhớ về dự án hợp tác khí đốt tự nhiên tuyến phía Đông tại Thượng Hải. Cụ thể, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc và Tập đoàn Gazprom của Nga đã ký kết "Hợp đồng mua bán khí đốt tuyến đường phía Đông Trung Quốc - Nga". Theo đó, hai bên đã nhất trí về nguồn cung cấp khí đốt hàng năm là 38 tỷ mét khối trong thời gian 30 năm, trong đó Nga sẽ cung cấp cho Trung Quốc hơn 1 nghìn tỷ mét khối khí đốt tự nhiên [中华人民共和国国家发展和改革委员会, 2020]. Để đạt được mục tiêu này, Trung Quốc và Nga

đã xây dựng đường ống dẫn khí đốt tự nhiên dài nhất thế giới là đường ống dẫn khí đốt tự nhiên phía Đông Trung Quốc - Nga. Đường ống này là đường ống dẫn khí đốt tự nhiên xuyên biên giới thứ ba của Trung Quốc để nhận nguồn cung cấp khí đốt từ nước ngoài, sau đường ống Trung Á và đường ống dẫn dầu đường dài Trung Quốc - Myanmar. Đường ống bắt đầu ở Đông Siberia của Nga đến tỉnh Hắc Long Giang, Trung Quốc, với tổng chiều dài hơn 8.000 km. Trong số đó, đoạn ở Nga được mệnh danh là "Sức mạnh Siberia" dài khoảng 3.000 km, bắt đầu từ mỏ khí đốt Kovykkin ở vùng Irkutsk ở phía Tây đến nhà máy xử lý khí Amur ở biên giới Trung Quốc - Nga. Đoạn đường ống ở Trung Quốc có chiều dài 3.371 km, trong đó có 1.740 km đường ống hiện đang được sử dụng. Việc xây dựng được chia thành ba phần: phần phía Bắc (Hắc Hà - Trường Linh), phần giữa (Trường Linh - Vĩnh Thanh) và phần phía Nam (Vĩnh Thanh - Thượng Hải). Trong đó, đoạn phía Bắc và đoạn giữa đã được hoàn thành và kết nối lần lượt vào năm 2019 và 2020. Đoạn phía Nam được xây dựng hoàn chỉnh vào năm 2021 và dự kiến sẽ được kết nối hoàn toàn vào năm 2025. Theo đó, khí đốt tự nhiên của Nga sẽ đạt được phủ từ phía Bắc đến phía Nam và đến thẳng Thượng Hải của Trung Quốc [中华人民共和国中央人民政府, 2021]. Chủ tịch Hội đồng quản trị Gazprom Alexey Miller cho biết: lượng tiêu thụ khí đốt ở Trung Quốc đang tăng nhanh nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Và trong nửa đầu năm 2021, mức tiêu thụ khí đốt tự nhiên ở Trung Quốc tăng 15,5% và nhập khẩu tăng 23,8% [Коммерсантъ, 2021]. Theo đó, trong năm 2021 tập đoàn Gazprom đã vận chuyển khí đốt tự nhiên đến Trung Quốc thông qua đường ống "Sức mạnh Siberia" với 10,39 tỷ mét khối (gấp 2,5 lần nguồn cung vào năm 2020 với 4,1 tỷ mét khối) và bắt đầu từ tháng 11 năm 2021, lượng khí đốt hàng ngày cung cấp cho Trung Quốc thông qua đường ống "Sức mạnh Siberia" đã vượt quá 1/3 nghĩa vụ trong hợp đồng [Hãng tin Tass Nga, 2021].

Quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga từ năm 2012 đến 2024 đã có những bước tiến quan trọng trên ba phương diện chính: thương mại, đầu tư và năng lượng. Về *thương mại*, kim ngạch giữa hai quốc gia đã tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt sau khi Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Nga. Dù có những biến động trong giai đoạn 2015 và 2020 do các yếu tố kinh tế và đại dịch Covid-19, tổng

kim ngạch thương mại song phương vẫn đạt mức kỷ lục. Về đầu tư, Trung Quốc đã trở thành nhà đầu tư châu Á lớn nhất vào Nga, đặc biệt tập trung vào vùng Viễn Đông. Tuy nhiên, dòng vốn đầu tư không ổn định, có xu hướng giảm mạnh do lo ngại về các lệnh trừng phạt từ phương Tây. Mặc dù vậy, Trung Quốc và Nga đã thiết lập nhiều quỹ hợp tác và các dự án đầu tư chiến lược, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế khu vực. Về năng lượng, hợp tác giữa hai nước càng thêm sâu rộng, với Nga là nhà cung cấp dầu mỏ lớn nhất cho Trung Quốc. Các dự án đường ống dẫn dầu và khí đốt, như “Sức mạnh Siberia” đã thúc đẩy sự liên kết giữa hai quốc gia. Điều này không chỉ đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định cho Trung Quốc mà còn giúp Nga đa dạng hóa thị trường xuất khẩu năng lượng trong bối cảnh chịu sức ép từ các lệnh trừng phạt quốc tế. Tổng kết lại, quan hệ kinh tế Trung - Nga trong giai đoạn này đã phát triển vượt bậc, mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai bên. Với sự gia tăng kim ngạch thương mại, hợp tác đầu tư và đặc biệt là mối quan hệ năng lượng ngày càng khăng khít, hai quốc gia đang củng cố nền tảng cho một mối quan hệ đối tác chiến lược bền vững và lâu dài.

3.3. Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh

3.3.1. Hợp tác quốc phòng

Hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga đã phát triển mạnh mẽ kể từ những năm 1990, tạo nền tảng vững chắc cho mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai quốc gia. Hợp tác này không chỉ xuất phát từ nhu cầu bảo vệ an ninh quốc gia mà còn được thúc đẩy bởi các lợi ích kinh tế và địa chính trị quan trọng. Trong bối cảnh quốc tế đầy thách thức, việc tăng cường quan hệ quân sự đã trở thành một yếu tố quan trọng trong chiến lược quốc phòng của cả Trung Quốc và Nga.

** Hợp tác mua bán vũ khí*

Quan hệ đối tác chiến lược giữa Trung Quốc và Liên bang Nga đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển, trong đó hợp tác mua bán vũ khí là một trong những yếu tố quan trọng nhất. Giai đoạn từ năm 2012 đến 2024 chứng kiến sự mở rộng đáng kể về quy mô và chiều sâu của mối quan hệ này. Với hàng loạt hợp đồng mua bán vũ khí lớn, hợp tác công nghệ cao, và các bước tiến mới trong hợp tác quân sự, mối quan hệ này đã mang lại nhiều lợi ích kinh tế và chiến lược cho cả hai quốc gia.

Dưới đây, tác giả sẽ phân tích chi tiết các hợp đồng mua bán vũ khí nổi bật, quá trình triển khai, và những tác động đối với an ninh khu vực và toàn cầu.

Giai đoạn 2012 - 2014: Sự khởi đầu mạnh mẽ với các hợp đồng mua bán quan trọng. Giai đoạn này đánh dấu sự khởi đầu mạnh mẽ trong hợp tác mua bán vũ khí giữa Trung Quốc và Nga. Trong thời kỳ này, hai hợp đồng mua bán vũ khí lớn nhất và quan trọng nhất giữa hai quốc gia là hợp đồng mua hệ thống phòng không S-400 và máy bay chiến đấu Su-35. Trung Quốc đã trở thành quốc gia đầu tiên trên thế giới mua hệ thống phòng không S-400 từ Nga vào năm 2014. Hợp đồng này có giá trị ước tính khoảng 3 tỷ USD, bao gồm ít nhất 6 tiểu đoàn S-400. Hệ thống S-400 Triumph được đánh giá là một trong những hệ thống phòng không tiên tiến nhất hiện nay, với khả năng phát hiện và tiêu diệt các mục tiêu bay ở khoảng cách lên tới 400 km và độ cao đến 27 km. Hệ thống này có thể đối phó với nhiều loại mục tiêu khác nhau, từ máy bay chiến đấu, tên lửa đạn đạo đến các thiết bị bay không người lái. Việc mua S-400 cho thấy sự đầu tư mạnh mẽ của Trung Quốc vào việc nâng cao năng lực phòng không của mình, đồng thời tạo ra một sự cân bằng sức mạnh quân sự trong khu vực, đặc biệt là tại eo biển Đài Loan và Biển Đông [Zachary Keck, 2014].

Giai đoạn 2015 - 2020: Sự mở rộng hợp tác và đối phó với các thách thức quốc tế. Sau năm 2014, hợp tác mua bán vũ khí giữa Trung Quốc và Nga không chỉ mở rộng về quy mô mà còn đi vào chiều sâu với việc tăng cường chuyển giao công nghệ và hợp tác sản xuất chung. Giai đoạn này cũng đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi Nga đối mặt với các lệnh trừng phạt quốc tế do cuộc khủng hoảng Ukraine, khiến Trung Quốc trở thành một trong những đối tác quan trọng nhất của Nga trong lĩnh vực vũ khí. Hợp đồng mua bán Su-35 giữa Trung Quốc và Nga, ký kết vào tháng 11 năm 2015, cũng là một bước tiến lớn trong hợp tác quân sự giữa hai quốc gia. Giá trị hợp đồng này lên tới 2,5 tỷ USD, bao gồm 24 chiếc máy bay Su-35. Su-35 là một máy bay chiến đấu đa năng thế hệ 4++, nổi bật với khả năng cơ động cao, hệ thống radar tiên tiến và hỏa lực mạnh mẽ. Đây là một trong những máy bay chiến đấu hiện đại nhất của Nga và việc sở hữu Su-35 giúp Không quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLAAF) cải thiện đáng kể khả năng chiến đấu, đặc biệt là trong

bối cảnh Trung Quốc đang tìm cách hiện đại hóa và nâng cao năng lực không quân của mình [The Moscow Times, 2019]. Hệ thống S-400 và Su-35 không chỉ mang lại lợi ích lớn về mặt phòng thủ và tấn công cho Trung Quốc mà còn có ý nghĩa chiến lược sâu rộng. Việc sở hữu những vũ khí tiên tiến này giúp Trung Quốc tăng cường khả năng bảo vệ lãnh thổ trước các mối đe dọa từ không quân và tên lửa của đối phương. Đồng thời, nó cũng tạo ra một sức mạnh răn đe mạnh mẽ đối với các nước láng giềng và các cường quốc khác trong khu vực, đặc biệt là trong bối cảnh căng thẳng đang gia tăng tại Biển Đông [CSIS, 2023].

Vào năm 2015, Trung Quốc tiếp tục ký hợp đồng mua thêm các hệ thống S-400 từ Nga. Lô hàng đầu tiên đã được Nga chuyển giao cho Trung Quốc vào năm 2018, bao gồm một số hệ thống tên lửa và radar. Theo các báo cáo, Trung Quốc đã thử nghiệm thành công hệ thống tên lửa S-400, bao gồm việc đánh chặn một mục tiêu đạn đạo ở khoảng cách 250 km. Thành công này không chỉ khẳng định khả năng vượt trội của S-400 trong môi trường tác chiến thực tế mà còn giúp Trung Quốc củng cố năng lực phòng không trước các mối đe dọa từ không quân của các nước láng giềng [The Diplomat, 2018]. Những thỏa thuận mua bán vũ khí và hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn 2014 - 2019 không chỉ mang lại lợi ích kinh tế mà còn có ý nghĩa chiến lược quan trọng trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu. Việc sở hữu các hệ thống vũ khí tiên tiến như S-400 và Su-35 giúp Trung Quốc củng cố khả năng phòng thủ và tấn công, đồng thời tạo ra một sự răn đe mạnh mẽ đối với các đối thủ tiềm năng trong khu vực. Về phía Nga, các hợp đồng này đã mang lại nguồn thu đáng kể, giúp duy trì hoạt động của ngành công nghiệp quốc phòng trong bối cảnh bị cấm vận từ phương Tây [ICDS, 2024].

Giai đoạn 2021 - 2024: Sự đối phó với thách thức từ đại dịch và cấm vận quốc tế. Đây là một giai đoạn đầy thử thách đối với quan hệ mua bán vũ khí giữa Trung Quốc và Nga. Các yếu tố bên ngoài như đại dịch COVID-19 và các lệnh trừng phạt quốc tế đối với Nga sau cuộc tấn công quân sự Ukraine vào năm 2022 đã ảnh hưởng sâu sắc đến khả năng duy trì và mở rộng các giao dịch vũ khí giữa hai nước. Tuy nhiên, quan hệ hợp tác trong lĩnh vực này vẫn tiếp tục phát triển, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao và các hệ thống vũ khí tiên tiến. Đại dịch

COVID-19 đã gây ra những gián đoạn nghiêm trọng đối với các chuỗi cung ứng toàn cầu, ảnh hưởng đến khả năng sản xuất và giao hàng của Nga đối với các hệ thống vũ khí tiên tiến. Tuy nhiên, bất chấp những khó khăn này, Nga vẫn duy trì được các thỏa thuận cung cấp vũ khí cho Trung Quốc, đặc biệt là các hệ thống phòng không S-400 và máy bay chiến đấu Su-35. Đến năm 2022, Trung Quốc đã hoàn tất việc nhận tất cả các hệ thống S-400 từ Nga, củng cố mạnh mẽ năng lực phòng không của mình trước các mối đe dọa từ không quân và tên lửa của đối phương [Eurasiantimes, 2020].

Một phần quan trọng khác của hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn này là việc Nga cân nhắc cung cấp các hệ thống phòng thủ tên lửa hiện đại cho Trung Quốc, bao gồm các hệ thống S-500 mới nhất. Hệ thống S-500, còn được gọi là "Prometheus," là một hệ thống phòng thủ tên lửa tiên tiến có khả năng tiêu diệt các mục tiêu ở khoảng cách lên đến 600 km, bao gồm cả tên lửa đạn đạo và máy bay tàng hình. Việc cung cấp S-500 cho Trung Quốc không chỉ giúp nâng cao khả năng phòng thủ tên lửa của nước này mà còn củng cố quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia. Hệ thống S-500 được thiết kế để hoạt động song song với các hệ thống phòng thủ tên lửa hiện có của Trung Quốc, tạo ra một mạng lưới phòng thủ đa tầng, nâng cao khả năng bảo vệ trước các mối đe dọa từ tên lửa và máy bay đối phương [Jamestown Foundation, 2024].

Sự hợp tác mua bán vũ khí giữa Trung Quốc và Liên bang Nga từ năm 2012 đến 2024 vượt xa các lợi ích kinh tế đơn thuần, đóng góp quan trọng vào việc định hình cấu trúc an ninh khu vực và toàn cầu. Việc Trung Quốc sở hữu các hệ thống vũ khí tiên tiến như S-400 và Su-35 không chỉ tăng cường khả năng phòng thủ và tấn công của quốc gia này, mà còn tạo ra một sức mạnh răn đe hiệu quả đối với các nước láng giềng và các cường quốc khác, đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng tại Biển Đông. Đối với Nga, các hợp đồng này giúp duy trì và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng trong bối cảnh bị áp đặt các lệnh trừng phạt từ phương Tây. Hơn nữa, sự hợp tác này còn phản ánh một liên minh chiến lược sâu sắc giữa hai cường quốc, góp phần làm thay đổi cân bằng quyền lực toàn cầu và thách thức sự thống trị của các quốc gia phương Tây trong các vấn đề an ninh quốc tế.

** Hợp tác sản xuất vũ khí*

Hợp tác sản xuất vũ khí giữa Trung Quốc và Liên bang Nga từ năm 2012 đến 2024 đã trở thành một trong những yếu tố quan trọng giúp củng cố và phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia. Trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu phức tạp và những biến động trong quan hệ quốc tế, việc hợp tác trong sản xuất vũ khí không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa quân đội của Trung Quốc mà còn giúp Nga duy trì và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng của mình. Sau năm 2014, quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc và Nga không chỉ dừng lại ở việc mua bán vũ khí mà còn mở rộng sang lĩnh vực chuyển giao công nghệ và sản xuất chung. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Nga đang phải đối mặt với các lệnh trừng phạt từ phương Tây do cuộc khủng hoảng Ukraine, khiến Nga cần tìm kiếm các đối tác mới để duy trì và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng.

Về chuyển giao công nghệ động cơ máy bay: Một trong những lĩnh vực hợp tác quan trọng trong giai đoạn này là công nghệ động cơ máy bay. Nga đã chuyển giao công nghệ sản xuất động cơ AL-31F và RD-93 cho Trung Quốc, giúp nước này cải thiện hiệu suất và khả năng tự chủ trong sản xuất động cơ máy bay. Động cơ AL-31F được sử dụng trong các máy bay chiến đấu Su-27 và Su-30, trong khi RD-93 được sử dụng trong các máy bay JF-17 mà Trung Quốc sản xuất cho Pakistan. Việc chuyển giao công nghệ này không chỉ giúp Trung Quốc giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài mà còn tạo điều kiện để nước này phát triển các hệ thống vũ khí tiên tiến hơn, đặc biệt là trong bối cảnh Trung Quốc đang tìm cách hiện đại hóa quân đội toàn diện [NBR, 2024]. Điều này cũng giúp Nga duy trì và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng của mình trong bối cảnh phải đối mặt với các lệnh trừng phạt từ phương Tây.

Về phát triển hệ thống vũ khí siêu thanh: Ngoài công nghệ động cơ, Trung Quốc và Nga còn hợp tác phát triển các hệ thống vũ khí siêu thanh. Đây là một trong những lĩnh vực quân sự tiên tiến nhất và đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ về nghiên cứu và phát triển (R&D). Các vũ khí siêu thanh, bao gồm tên lửa và phương tiện bay siêu thanh, có khả năng xuyên thủng các hệ thống phòng thủ hiện đại, tạo ra lợi thế chiến lược quan trọng cho cả hai quốc gia. Sự hợp tác này không chỉ giúp hai

nước phát triển các hệ thống vũ khí mới mà còn cải thiện khả năng răn đe và phòng thủ trước các mối đe dọa từ Mỹ và các đồng minh phương Tây. Các dự án hợp tác này đã được triển khai mạnh mẽ trong giai đoạn 2016 - 2018 và dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng trong những năm tiếp theo [ChinaPower Project, 2023]. Trung Quốc và Nga cũng tập trung vào phát triển các hệ thống vũ khí siêu thanh, bao gồm tên lửa và phương tiện bay siêu thanh. Các vũ khí siêu thanh được xem là một bước tiến lớn trong công nghệ quân sự và có thể thay đổi căn bản cách thức chiến tranh được tiến hành. Sự hợp tác trong phát triển vũ khí siêu thanh đã giúp hai nước tận dụng được nguồn lực và kiến thức chuyên môn của nhau, đồng thời đẩy nhanh quá trình phát triển các công nghệ quân sự tiên tiến. Điều này cũng phản ánh sự cam kết của cả hai nước trong việc duy trì và củng cố quan hệ đối tác chiến lược, đặc biệt trong bối cảnh bị phương Tây cô lập do các biện pháp trừng phạt kinh tế [Council on Foreign Relations, 2024].

Về phát triển trực thăng hạng nặng thế hệ mới: Ngày 28 tháng 8 năm 2019, Bộ trưởng Công nghiệp và Công nghệ thông tin Trung Quốc thông báo rằng công ty "Trực thăng Nga" (một thành viên của Rostec) và Tập đoàn Công nghiệp Hàng không Trung Quốc (AVIC) đã ký hợp đồng thương mại phát triển chung trực thăng hạng nặng. Theo hợp đồng này, sẽ có ít nhất 200 máy bay trực thăng hạng nặng được chế tạo tại Trung Quốc với sự tham gia kỹ thuật của Nga. Trực thăng này sẽ có trọng lượng 40 tấn, sức nâng 15 tấn, tầm hoạt động 630 km và tốc độ tối đa 300 km/h [Reuters, 2021]. Đây là một dự án hợp tác quan trọng, nhằm cải thiện khả năng vận chuyển và sơ tán trong điều kiện địa hình và thời tiết khắc nghiệt, phục vụ cả mục đích quân sự và dân sự.

Hợp tác sản xuất vũ khí giữa Trung Quốc và Nga từ năm 2012 đến 2024 mang ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với cả hai quốc gia. Đối với Trung Quốc, việc này giúp tăng cường khả năng tự chủ trong sản xuất vũ khí và hiện đại hóa quân đội, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp vũ khí phương Tây. Thông qua chuyển giao công nghệ, như động cơ máy bay và phát triển vũ khí siêu thanh, Trung Quốc có thể nâng cao năng lực chiến đấu, cải thiện khả năng răn đe trước các mối đe dọa khu vực và toàn cầu. Đối với Nga, sự hợp tác này là cứu cánh trong bối cảnh bị phương

Tây cầm vận, giúp nước này duy trì và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng. Việc hợp tác không chỉ củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai cường quốc mà còn đóng góp vào việc tái cân bằng quyền lực trên trường quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh với Mỹ và các đồng minh phương Tây.

** Hợp tác diễn tập, tập trận chung*

Quan hệ quân sự giữa Trung Quốc và Liên bang Nga đã có những bước phát triển đáng kể trong suốt giai đoạn từ 2012 đến 2024. Các cuộc tập trận chung là biểu hiện rõ ràng nhất của sự hợp tác ngày càng chặt chẽ giữa hai quốc gia này. Trong thời gian này, hai nước đã tổ chức nhiều cuộc tập trận quan trọng, giúp cải thiện khả năng phối hợp quân sự và gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự hợp tác chiến lược giữa hai nước.

Về các cuộc tập trận thường niên “*Joint Sea*”: Tháng 4/2012, hải quân Nga và Trung Quốc bắt đầu tổ chức cuộc tập trận đầu tiên, đánh dấu bước tiến quan trọng trong hợp tác quân sự giữa hai quốc gia. Cuộc tập trận có sự tham gia của 7 tàu mặt nước của Nga và 16 tàu mặt nước cùng 2 tàu ngầm của Trung Quốc, cùng với các máy bay và trực thăng hỗ trợ. Nội dung chính của cuộc tập trận bao gồm chiến đấu chống tàu ngầm, giải cứu tàu bị tấn công, tác chiến phòng không và bắn đạn thật. Mục tiêu của cuộc tập trận là cải thiện khả năng phối hợp và tác chiến chung giữa hải quân hai nước, đồng thời củng cố niềm tin chiến lược và tăng cường sự hiện diện quân sự trong khu vực. Cuộc tập trận này đã giúp Trung Quốc học hỏi kinh nghiệm từ Nga và gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự hợp tác quân sự ngày càng chặt chẽ giữa hai nước. Các cuộc tập trận này không chỉ nâng cao khả năng tác chiến và phối hợp giữa quân đội hai nước mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ về mối quan hệ đối tác chiến lược và sự sẵn sàng đối phó với các mối đe dọa an ninh trong khu vực. Nhất là cuộc tập trận “*Joint Sea-2024*” đã trở thành một biểu tượng cho sự hợp tác quân sự ngày càng phát triển giữa Nga và Trung Quốc [Global Times, 2024].

Về cuộc tập trận “*Peace Mission-2013*”: là một cuộc tập trận chống khủng bố quan trọng được tổ chức từ ngày 27 tháng 7 đến ngày 15 tháng 8 năm 2013 tại khu vực Chebarkul, Chelyabinsk, Nga. Đây là cuộc tập trận dưới sự bảo trợ của Tổ chức SCO với sự tham gia của khoảng 1.500 binh sĩ từ cả Nga và Trung Quốc. Nội

dung của Peace Mission-2013 tập trung vào các hoạt động chiến đấu chống khủng bố, giải cứu con tin và tác chiến đô thị. Các đơn vị tham gia đã thực hiện các nhiệm vụ như tấn công căn cứ khủng bố, giải cứu con tin bị bắt cóc và bảo vệ các cơ sở hạ tầng quan trọng. Cuộc tập trận này đã nhận được sự quan tâm đặc biệt từ cộng đồng quốc tế, đặc biệt là từ Mỹ và các nước châu Âu, do sự hợp tác quân sự ngày càng chặt chẽ giữa Nga và Trung Quốc. Cuộc tập trận này không chỉ nâng cao khả năng tác chiến của quân đội hai nước mà còn gửi đi thông điệp về sự hợp tác quân sự ngày càng chặt chẽ giữa Nga và Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng khu vực gia tăng [IPCS, 2024].

Về cuộc tập trận “Vostok-2018”: Là một trong những cuộc tập trận quân sự lớn nhất trong lịch sử hiện đại của Nga, diễn ra từ ngày 11 - 17 tháng 9 năm 2018. Cuộc tập trận có sự tham gia của khoảng 300.000 quân nhân, 36.000 phương tiện quân sự, 1.000 máy bay và 80 tàu chiến. Trung Quốc cử khoảng 3.200 binh sĩ, 900 xe tăng và xe bọc thép, cùng 30 máy bay và trực thăng tham gia cuộc tập trận này. Nội dung tập trận bao gồm diễn tập phòng thủ, tấn công liên hợp, diễn tập hậu cần và tiếp tế, diễn tập phòng không và chiến tranh điện tử. Vostok-2018 đã khẳng định khả năng quân sự của Nga và Trung Quốc, đồng thời gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sức mạnh và sự sẵn sàng chiến đấu của quân đội hai nước. Cuộc tập trận này được coi là một cơ hội để Nga và Trung Quốc thể hiện khả năng phối hợp quân sự và sẵn sàng đối phó với các mối đe dọa an ninh khu vực và toàn cầu [NATO, 2018].

Về cuộc tập trận “Kavkaz-2020”: Cuộc tập trận này diễn ra từ ngày 21 - 26 tháng 9 năm 2020 tại khu vực Astrakhan, Nga. Cuộc tập trận này có sự tham gia của gần 80.000 binh sĩ từ 10 quốc gia, bao gồm Nga, Trung Quốc, Belarus, Iran, Pakistan, Armenia, Myanmar và các nước khác. Nội dung tập trận bao gồm diễn tập phòng thủ và tấn công liên hợp, diễn tập di chuyển và tác chiến, diễn tập phòng không và chiến tranh điện tử. Cuộc tập trận đã thể hiện sự hợp tác quân sự ngày càng sâu rộng giữa Nga và Trung Quốc, đồng thời gửi đi thông điệp về sức mạnh quân sự và sự hợp tác chiến lược của hai nước [Institute for the Study of War, 2020]. Cuộc tập trận này đã thu hút sự chú ý của Mỹ và NATO, những quốc gia lo ngại về sự gia tăng hợp tác quân sự giữa Nga và Trung Quốc.

Về cuộc tập trận chung Trung-Nga "West Joint-2021": Cuộc tập trận quân sự chung quy mô lớn mang tên "West Joint-2021" giữa Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc (PLA) và Lực lượng Vũ trang Liên bang Nga được tổ chức từ ngày 9 - 13 tháng 8 năm 2021 tại khu tự trị Ninh Hạ, Trung Quốc. Theo thông tin từ PLA, cuộc tập trận này có sự tham gia của hơn 10.000 binh sĩ đến từ Bộ Tư lệnh Chiến khu miền Tây của PLA cùng với Quân khu miền Đông của Nga. Đồng thời, nhiều loại khí tài hiện đại từ cả hai bên, bao gồm máy bay chiến đấu và vũ khí bộ binh, cũng được huy động để triển khai trong cuộc diễn tập tại Căn cứ Huấn luyện Chiến thuật Hợp đồng Thanh Đồng hạ. Mục tiêu chiến lược của cuộc tập trận này không chỉ nhằm nâng cao năng lực tác chiến chung và khả năng phối hợp trong các chiến dịch chống khủng bố, mà còn thể hiện quyết tâm và năng lực của hai quốc gia trong việc duy trì an ninh và ổn định khu vực. Điều này cũng phản ánh mức độ phát triển của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga, đồng thời củng cố tình hữu nghị giữa lực lượng vũ trang hai nước. Xét về ý nghĩa chiến lược, cuộc tập trận này đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quan hệ hợp tác quốc phòng giữa Trung Quốc và Nga. Trước bối cảnh tình hình địa chính trị khu vực và quốc tế ngày càng phức tạp, đặc biệt là sự gia tăng các hoạt động quân sự của phương Tây tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, sự kiện này không chỉ mang ý nghĩa thực tiễn trong việc nâng cao năng lực tác chiến của hai nước mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự sẵn sàng phối hợp ứng phó với các thách thức an ninh chung. Đây là một biểu hiện cụ thể của sự tăng cường liên kết quân sự trong khuôn khổ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga, đặt nền tảng cho sự hợp tác sâu rộng hơn trong tương lai [Chinadaily.com.cn, 2021].

Cuộc tập trận chiến lược Vostok-2022 diễn ra từ ngày 31/8 đến 7/9/2022 tại vùng Viễn Đông Nga, thu hút sự tham gia của hơn 50.000 quân nhân và 5.000 khí tài quân sự từ nhiều quốc gia, trong đó Trung Quốc đóng vai trò quan trọng. Trung Quốc triển khai lực lượng lớn từ Bộ Tư lệnh Chiến khu Bắc, bao gồm hơn 2.000 quân nhân, 300 phương tiện cơ giới, 21 máy bay chiến đấu và trực thăng, cùng ba tàu chiến. Việc điều động lực lượng PLA đến Nga được thực hiện thông qua vận tải đường bộ, đường sắt, hàng hải và đường không, thể hiện khả năng cơ động linh hoạt

và sức mạnh triển khai tác chiến tầm xa của quân đội Trung Quốc. Trong khuôn khổ cuộc tập trận này, Trung Quốc tham gia trực tiếp vào các hoạt động hiệp đồng tác chiến trên bộ, trên không và trên biển, đặc biệt là trong các bài tập chiến dịch liên hợp. Sự hiện diện quy mô lớn này không chỉ củng cố hợp tác quân sự Trung - Nga mà còn khẳng định vị thế chiến lược của Trung Quốc trong cấu trúc an ninh khu vực và toàn cầu [Armed forces, 2022].

Cuộc tập trận hải quân chung Phương Bắc Liên hợp - 2023 diễn ra từ ngày 20 - 23/7/2023 tại Biển Nhật Bản, thu hút sự tham gia của lực lượng hải quân và không quân từ Trung Quốc và Nga, trong đó Trung Quốc đóng vai trò quan trọng. Trung Quốc triển khai 5 tàu chiến, bao gồm tàu khu trục tên lửa Qiqihar, Quý Dương, tàu hộ vệ tên lửa Táo Trang, Nhật Chiêu và tàu tiếp tế tổng hợp Thái Hòa, cùng với nhiều máy bay chiến đấu như Y-20, KJ-500, J-16 và trực thăng Z-20. Việc điều động lực lượng này nhằm kiểm nghiệm khả năng tác chiến thực tế trên các vùng biển xa và nâng cao năng lực phối hợp giữa hải quân và không quân Trung Quốc. Trong khuôn khổ cuộc tập trận này, Trung Quốc tham gia trực tiếp vào các hoạt động hiệp đồng tác chiến trên biển và trên không, bao gồm hộ tống hàng hải, phòng thủ neo đậu, trinh sát chung, tấn công trên biển và chống tiếp cận. Sự hiện diện của hải quân và không quân Trung Quốc trong cuộc tập trận không chỉ củng cố hợp tác quân sự Trung - Nga mà còn khẳng định vai trò chiến lược của Trung Quốc trong việc duy trì an ninh hàng hải khu vực và nâng cao ảnh hưởng trong cấu trúc an ninh toàn cầu [VOV, 2023].

Cuộc tập trận hải quân chung Liên hợp trên biển - 2024 (Maritime Joint - 2024) diễn ra từ 2-15/7/2024 tại vùng biển và vùng trời gần Trạm Giang, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc, thu hút sự tham gia của lực lượng hải quân hai nước Trung Quốc và Nga. Cuộc tập trận này được tổ chức theo kế hoạch thường niên nhằm tăng cường hợp tác quân sự giữa hai nước, đồng thời thể hiện quyết tâm chung trong việc ứng phó với các mối đe dọa an ninh hàng hải, bảo vệ hòa bình và ổn định khu vực. Trung Quốc triển khai 4 tàu chiến, bao gồm 1 tàu khu trục mang tên lửa dẫn đường, 2 tàu hộ vệ tên lửa dẫn đường và 1 tàu tiếp tế tổng hợp, cùng với các máy bay trực thăng trên tàu. Phía Nga tham gia với 2 tàu hộ vệ và 1 tàu chở dầu.

Cuộc tập trận được chia thành 3 giai đoạn: tập trung lực lượng, hoạt động tại cảng và diễn tập trên biển. Trong giai đoạn diễn tập trên biển, hai bên phối hợp thực hiện các bài tập như trinh sát chung, cảnh báo sớm, tác chiến chống tàu ngầm, tấn công trên biển và phòng thủ chống tên lửa. Sự hiện diện quy mô lớn của Trung Quốc trong cuộc tập trận này không chỉ củng cố quan hệ hợp tác quân sự với Nga mà còn khẳng định vai trò chiến lược của nước này trong việc duy trì an ninh hàng hải khu vực và toàn cầu [Tân Hoa Xã, 2024].

Hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Liên bang Nga từ năm 2012 đến 2024, được minh chứng qua các cuộc tập trận chung, mang ý nghĩa chiến lược sâu sắc đối với cả hai quốc gia. *Một là*, những cuộc tập trận này không chỉ nâng cao khả năng phối hợp và tác chiến giữa quân đội hai nước, mà còn tăng cường sự tin tưởng lẫn nhau trong các hoạt động quân sự phức tạp. *Hai là*, việc liên tục tổ chức các cuộc tập trận quy mô lớn như “Joint Sea”, “Peace Mission” và “Vostok” gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự hợp tác chặt chẽ và cam kết đối phó với các mối đe dọa chung, đặc biệt là từ phía phương Tây. *Ba là*, những cuộc tập trận này giúp Nga và Trung Quốc thể hiện sức mạnh quân sự của mình, đồng thời củng cố vị thế chiến lược trong bối cảnh địa chính trị đầy biến động. Điều này không chỉ củng cố quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia mà còn góp phần tái cân bằng quyền lực trên trường quốc tế, thách thức các ảnh hưởng từ Mỹ và NATO.

Một trong những động lực chính thúc đẩy hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga là nhu cầu đảm bảo an ninh quốc gia trước các mối đe dọa từ phía Tây, đặc biệt là từ Mỹ và NATO. Cả hai quốc gia đều nhận thức rõ rằng sự hợp tác quân sự sẽ giúp họ đối phó hiệu quả với các mối đe dọa này, đồng thời duy trì sự ổn định trong khu vực. Việc tổ chức các cuộc diễn tập quân sự chung và phát triển các dự án công nghệ quân sự đã tạo ra một môi trường hợp tác quân sự toàn diện, giúp hai quốc gia nâng cao năng lực quốc phòng và tăng cường sự sẵn sàng trước các tình huống an ninh phức tạp [CSIS, 2022].

Ngoài ra, lợi ích kinh tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hợp tác quân sự giữa hai quốc gia. Với một ngành công nghiệp quốc phòng phát triển, Nga đã tìm thấy ở Trung Quốc là một đối tác tiềm năng để xuất khẩu vũ khí và công

nghe quân sự. Điều này không chỉ giúp Nga duy trì và phát triển ngành công nghiệp quốc phòng mà còn góp phần quan trọng vào nền kinh tế quốc gia. Ngược lại, Trung Quốc đã tận dụng cơ hội này để nhập khẩu công nghệ quân sự tiên tiến từ Nga, qua đó nâng cao năng lực quốc phòng và hiện đại hóa quân đội [War on the Rocks, 2023]. Về mặt địa chính trị, hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga đã tạo ra một “liên minh” mạnh mẽ nhằm đối phó với sự ảnh hưởng của Mỹ và các đồng minh trong khu vực. Cả hai quốc gia đều mong muốn tăng cường vị thế của mình trên trường quốc tế, và sự hợp tác này đã giúp họ đạt được mục tiêu đó. Việc cùng nhau tổ chức các cuộc diễn tập quân sự, tham gia vào các tổ chức quốc tế như Tổ chức SCO và phát triển các dự án quân sự chung đã tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga trong khu vực, tạo ra một lực lượng đối trọng quan trọng trước sức ép từ phương Tây [RAND Corporation, 2023]. Cuối cùng, hợp tác quân sự không chỉ là một phần của mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Nga mà còn củng cố nền tảng cho sự hợp tác trong các lĩnh vực khác. Quan hệ đối tác này dựa trên sự tin cậy lẫn nhau và lợi ích chung, với mục tiêu cùng nhau phát triển và bảo vệ an ninh quốc gia. Từ năm 2012 đến 2024, hai nước đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, bao gồm việc ký kết các thỏa thuận mua bán vũ khí, tổ chức các cuộc diễn tập quân sự chung và phát triển các dự án công nghệ quân sự tiên tiến.

3.3.2. Hợp tác về an ninh

** Hợp tác giải quyết các vấn đề an ninh biên giới*

Giai đoạn từ năm 2012 đến 2024 chứng kiến một sự phát triển đáng kể trong quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc và Liên bang Nga, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh biên giới. Đây là một phần quan trọng của chiến lược hợp tác toàn diện giữa hai nước, góp phần duy trì hòa bình, ổn định khu vực, đồng thời thúc đẩy phát triển kinh tế và quan hệ ngoại giao song phương. Dưới đây là một số sự kiện minh chứng cho quan hệ hợp tác giữa hai nước trên lĩnh vực này.

Về đối thoại An ninh biên giới (2012): Năm 2012, Trung Quốc và Nga bắt đầu tổ chức các cuộc đối thoại an ninh biên giới thường xuyên, đánh dấu một bước tiến mới trong việc củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai nước. Các cuộc họp luân phiên được tổ chức tại Bắc Kinh và Moscow, đã trở thành diễn đàn chính

để thảo luận về các vấn đề an ninh cấp bách dọc biên giới dài khoảng 4.300 km giữa hai nước. Các cuộc đối thoại tập trung vào việc thiết lập cơ chế thông tin liên lạc, trao đổi dữ liệu tình báo để phòng chống buôn lậu và tội phạm xuyên quốc gia. Kết quả đáng chú ý là tỷ lệ các vụ buôn lậu bị phát hiện đã giảm khoảng 20% trong ba năm đầu tiên sau khi các cơ chế hợp tác mới được triển khai. Cuộc đối thoại này không chỉ tập trung vào các vấn đề hiện tại mà còn hướng đến việc xây dựng một tương lai an ninh bền vững cho khu vực. Theo đó, đối thoại an ninh biên giới giữa Trung Quốc và Nga đã trở thành một mô hình thành công trong việc giải quyết các vấn đề an ninh khu vực thông qua đối thoại và hợp tác [Wilson Center, 2024].

Về thỏa thuận hợp tác An ninh biên giới (2014): Một cột mốc quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc và Nga là việc ký kết Thỏa thuận hợp tác an ninh biên giới vào tháng 5 năm 2014 tại Nga. Thỏa thuận này không chỉ củng cố mối quan hệ chiến lược giữa hai quốc gia mà còn tạo ra một khuôn khổ vững chắc cho việc đảm bảo an ninh dọc theo đường biên giới Trung - Nga. Thỏa thuận bao gồm các điều khoản về phối hợp tuần tra biên giới, chống khủng bố và quản lý nhập cư. Hai nước cam kết thực hiện các cuộc tuần tra chung tại những khu vực nhạy cảm để ngăn chặn các hoạt động phi pháp. Thỏa thuận này không chỉ giảm thiểu nguy cơ xung đột mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa giữa các khu vực biên giới. Sự hợp tác này cũng khẳng định vai trò của Trung Quốc và Nga trong việc đối phó với các thách thức an ninh toàn cầu [Vasily B. Kashin, Alexandra D. Yankova, 2021].

Về tăng cường tuần tra Chung (2016): Năm 2016, Trung Quốc và Nga tiếp tục nâng cao hợp tác an ninh biên giới thông qua việc triển khai các cuộc tuần tra chung tại những khu vực nhạy cảm. Điều này không chỉ nhằm mục tiêu bảo vệ an ninh quốc gia mà còn củng cố mối quan hệ song phương và niềm tin giữa các lực lượng biên phòng của hai nước. Các cuộc tuần tra chung tập trung vào những khu vực thường xuyên đối mặt với các thách thức an ninh như buôn lậu, di cư trái phép và tội phạm xuyên quốc gia. Việc tuần tra chung đã giúp giảm khoảng 25% số vụ vi phạm biên giới trong ba năm đầu tiên thực hiện chương trình tuần tra. Đồng thời, các buổi diễn tập định kỳ được tổ chức nhằm nâng cao khả năng phối hợp và phản ứng nhanh chóng giữa hai lực lượng [Congressional Research Service, 2024].

Về phát triển Công nghệ An ninh biên giới (2019): Bước tiến tiếp theo trong quan hệ hợp tác an ninh giữa Trung Quốc và Nga là việc ứng dụng công nghệ tiên tiến trong giám sát biên giới từ năm 2019. Điều này bao gồm việc triển khai hệ thống camera giám sát, máy bay không người lái (UAV) và radar để theo dõi hoạt động dọc biên giới 24/7. Việc sử dụng UAV đã mở rộng phạm vi giám sát, đặc biệt tại các khu vực địa hình phức tạp khó tiếp cận. Công nghệ mới này đã giúp tăng cường khả năng phát hiện và ngăn chặn các hoạt động bất hợp pháp, giảm khoảng 35% số vụ vi phạm biên giới trong giai đoạn 2019 - 2021. Ngoài ra, hệ thống thông tin liên lạc và phân tích dữ liệu tiên tiến được phát triển để hỗ trợ các lực lượng biên phòng trong việc ra quyết định nhanh chóng và hiệu quả. Các biện pháp này không chỉ đảm bảo an ninh mà còn củng cố niềm tin giữa hai nước trong việc hợp tác giải quyết các thách thức an ninh toàn cầu [Roman Kolodii, Dr Giangiuseppe Pili and Jack Crawford, 2024].

Từ năm 2012 đến 2024, hợp tác giữa Trung Quốc và Liên bang Nga trong lĩnh vực an ninh biên giới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Những nỗ lực chung này không chỉ cải thiện quan hệ song phương mà còn có tác động tích cực đến hòa bình và ổn định khu vực, khẳng định vị thế của hai nước như những đối tác chiến lược đáng tin cậy trên trường quốc tế. Môi quan hệ hợp tác này đã tạo ra một môi trường an ninh ổn định, góp phần xây dựng lòng tin vững chắc giữa các lực lượng an ninh, đồng thời mở ra những cơ hội mới cho sự hợp tác trong nhiều lĩnh vực khác. Thành công của hợp tác an ninh biên giới giữa Trung Quốc và Nga là minh chứng rõ ràng cho cam kết của hai nước trong việc giải quyết các thách thức an ninh toàn cầu, đồng thời tạo ra một mô hình hợp tác an ninh quốc tế hiệu quả.

** Hợp tác đối phó với chủ nghĩa khủng bố, cực đoan và ly khai*

Từ năm 2012 đến 2024, Trung Quốc và Liên bang Nga đã không ngừng tăng cường hợp tác trong lĩnh vực đối phó với chủ nghĩa khủng bố, cực đoan và ly khai, ba mối đe dọa chính mà cả hai quốc gia đều đối mặt. Sự hợp tác này không chỉ phản ánh mối quan hệ chiến lược sâu sắc giữa hai nước mà còn cho thấy cam kết của họ trong việc duy trì ổn định khu vực và bảo vệ an ninh quốc gia. Dưới đây tác giả sẽ phân tích bối cảnh, động lực và các hoạt động hợp tác nhằm thể hiện rõ những kết quả cụ thể mà hai quốc gia đạt được trong giai đoạn này.

Trung Quốc và Nga đều phải đối mặt với các mối đe dọa từ các nhóm cực đoan trong nước. Trung Quốc lo ngại về hoạt động của Phong trào Hồi giáo Đông Turkestan (ETIM) tại khu vực Tân Cương, trong khi Nga đối phó với các lực lượng cực đoan và ly khai ở Bắc Caucasus. Cả hai nước đều nhận thấy sự cần thiết phải hợp tác chặt chẽ hơn để đối phó với các thách thức này. Theo đó, hai nước sẽ thông qua cơ chế hợp tác SCO nhằm tiến hành hợp tác trong lĩnh vực chống khủng bố. SCO không chỉ là diễn đàn hợp tác an ninh mà còn là cơ chế để các quốc gia thành viên, bao gồm Trung Quốc và Nga, tổ chức các cuộc tập trận chung và tăng cường chia sẻ thông tin tình báo. Theo đó, cuộc tập trận “Sứ mệnh Hòa bình 2021” từ ngày 20 - 24 tháng 9 năm 2021 tại Orenburg, Nga, có sự tham gia của hơn 5.500 binh sĩ từ các quốc gia thành viên SCO, trong đó Trung Quốc triển khai 558 binh sĩ và 130 phương tiện. Cuộc tập trận nhằm nâng cao khả năng phối hợp giữa các lực lượng trong việc đối phó với các mối đe dọa khủng bố lớn, góp phần củng cố khả năng sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ an ninh khu vực [South China Morning Post, 2024]. Ngoài các cuộc tập trận trong khuôn khổ SCO, Nga và Trung Quốc đã tổ chức nhiều cuộc tập trận quân sự song phương nhằm cải thiện khả năng phối hợp trong việc chống khủng bố. Một ví dụ điển hình là cuộc tập trận diễn ra vào tháng 6 năm 2024 tại tỉnh Hắc Long Giang - khu vực biên giới giữa hai quốc gia. Cuộc tập trận này tập trung vào việc ngăn chặn các cuộc xâm nhập của khủng bố, thể hiện cam kết của hai nước trong việc đối phó với các mối đe dọa an ninh [Tactics Institute, 2024]. Hợp tác trong việc chia sẻ thông tin tình báo cũng đóng vai trò quan trọng trong việc phát hiện và ngăn chặn các hoạt động khủng bố tiềm ẩn. Các hệ thống thông tin liên lạc giữa hai nước đã được cải tiến đáng kể, đảm bảo việc trao đổi thông tin diễn ra nhanh chóng và hiệu quả, từ đó nâng cao khả năng ứng phó trước các mối đe dọa [USIP, 2022].

Hợp tác giữa Trung Quốc và Nga trong lĩnh vực đối phó với chủ nghĩa khủng bố, cực đoan và ly khai từ năm 2012 đến 2024 mang ý nghĩa chiến lược to lớn đối với cả hai quốc gia và khu vực. *Một là*, sự hợp tác này phản ánh mối quan hệ chiến lược sâu sắc giữa hai cường quốc, không chỉ giúp họ bảo vệ an ninh quốc gia mà còn duy trì ổn định khu vực. Việc tổ chức các cuộc tập trận chung và chia sẻ thông tin tình báo đã tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu và đối phó với các mối đe dọa khủng bố. *Hai là*, sự hợp tác này giúp hai nước đối phó hiệu quả với các

thách thức an ninh chung, như hoạt động của Phong trào Hồi giáo Đông Turkestan ở Tân Cương và các lực lượng cực đoan tại Bắc Caucasus. *Ba* là, thông qua cơ chế SCO, hợp tác này không chỉ củng cố quan hệ song phương mà còn mở rộng tầm ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga trong khu vực, góp phần tạo ra một môi trường an ninh ổn định và bền vững. Điều này cũng thể hiện cam kết mạnh mẽ của cả hai nước trong việc giữ vững an ninh và ổn định trong một thế giới ngày càng phức tạp.

3.4. Trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục - du lịch

3.4.1. *Hợp tác về văn hoá*

Quan hệ giữa Trung Quốc và Liên bang Nga, hai cường quốc có vai trò chiến lược quan trọng trên trường quốc tế, đã trải qua nhiều thăng trầm trong suốt lịch sử. Từ sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 1949, mối quan hệ này không chỉ tập trung vào các lĩnh vực chính trị, kinh tế, và quân sự mà còn được mở rộng mạnh mẽ sang lĩnh vực văn hoá. Từ năm 2012 đến 2024, hợp tác văn hoá giữa Trung Quốc và Nga đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp không nhỏ vào việc củng cố mối quan hệ song phương. Trong bối cảnh quan hệ quốc tế ngày càng phức tạp và đa dạng, việc xây dựng và duy trì hợp tác văn hoá không chỉ là nền tảng để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau mà còn là phương tiện hiệu quả để thúc đẩy sự phát triển bền vững của mối quan hệ toàn diện giữa hai nước. Phần lớn các thành tựu đạt được trong hợp tác văn hoá Trung - Nga giai đoạn này được minh chứng qua các sự kiện nổi bật như “Năm Văn hoá”, “Năm Ngôn ngữ” giữa hai nước, cùng với các dịp kỷ niệm 70 Năm và 75 Năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao. Những sự kiện này không chỉ khẳng định sự cam kết của hai nước trong việc xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược mà còn phản ánh sự phát triển sâu rộng trong hợp tác văn hoá, góp phần làm giàu thêm di sản văn hoá chung và tăng cường sự kết nối giữa nhân dân hai nước. Tác giả sẽ nêu một số các sự kiện văn hoá chính giữa hai nước trong giai đoạn 2012 - 2024 nhằm đánh giá các thành tựu văn hoá mà hai nước đã đạt được trong giai đoạn này, từ đó làm rõ vai trò quan trọng của hợp tác văn hoá trong việc củng cố và phát triển mối quan hệ Trung - Nga.

Lễ Kỷ niệm 70 Năm thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Nga (2019). Năm 2019, Trung Quốc và Nga kỷ niệm 70 Năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với hàng loạt các sự kiện văn hoá lớn. Các hoạt động này bao gồm các triển lãm nghệ

thuật, hội thảo học thuật và lễ hội văn hoá quy mô lớn tại cả hai quốc gia. Một trong những sự kiện nổi bật là buổi biểu diễn tại Nhà hát Bolshoi ở Nga, nơi hai nhà lãnh đạo Trung Quốc và Nga tham dự và nhấn mạnh tầm quan trọng của quan hệ song phương trong bảy thập kỷ qua. Các triển lãm ảnh và buổi giao lưu văn hoá đã thu hút hàng ngàn người tham gia, tạo nên những khoảnh khắc lịch sử trong quan hệ hợp tác văn hoá giữa hai quốc gia. Kỷ niệm 70 Năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao không chỉ là cơ hội để nhìn lại những thành tựu đã đạt được mà còn mở ra những triển vọng mới cho hợp tác tương lai. Các sự kiện này đã giúp củng cố thêm tình hữu nghị giữa hai nước, đồng thời tăng cường sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau. Chẳng hạn, sự tham gia tích cực của hơn 1.600 đại biểu từ cả hai nước tại các sự kiện đã chứng tỏ sự gắn kết chặt chẽ và cam kết tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực [Government of China, 2019].

Thúc đẩy hợp tác văn hoá Trung - Nga trong bối cảnh đại dịch. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, Trung Quốc và Nga đã linh hoạt chuyển hướng các hoạt động văn hoá sang hình thức trực tuyến. Dù có những hạn chế nghiêm trọng về di chuyển quốc tế, cả hai nước vẫn tiếp tục tổ chức các sự kiện văn hoá quan trọng nhằm duy trì mối quan hệ chặt chẽ. Các chương trình giao lưu văn hoá, hội thảo trực tuyến, các buổi biểu diễn nghệ thuật trực tuyến đã trở thành công cụ chính để duy trì và thậm chí tăng cường sự hợp tác văn hoá giữa hai nước. Đặc biệt, vào năm 2021, Trung Quốc và Nga đã tổ chức hơn 100 sự kiện văn hoá trực tuyến, bao gồm triển lãm nghệ thuật và liên hoan phim, thu hút hàng triệu người tham gia và khán giả từ cả hai quốc gia. Những sự kiện này đã chứng tỏ sự bền vững và khả năng thích ứng của quan hệ văn hoá Trung - Nga trong bối cảnh đại dịch. Dù đối mặt với nhiều thách thức, hai nước vẫn thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc duy trì giao lưu văn hoá, từ đó góp phần củng cố quan hệ chiến lược toàn diện [Global Times, 2024].

Quan hệ thể thao giữa Trung Quốc và Nga đóng vai trò như một kênh nối mạnh mẽ giữa văn hoá hai nước. Đặc biệt trong giai đoạn 2022 - 2023, “Năm giao lưu thể thao” Trung - Nga đã được triển khai như một sáng kiến trọng điểm nhằm thúc đẩy hợp tác toàn diện trong lĩnh vực thể thao. Sáng kiến này, được khởi xướng bởi Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin, đánh

dấu một bước tiến lớn trong việc xây dựng và phát triển quan hệ song phương thông qua thể thao [Xinhua, 2023]. Ý tưởng về Năm giao lưu thể thao Trung - Nga bắt đầu được khởi phát trong bối cảnh Thế vận hội mùa đông Bắc Kinh 2022. Trong cuộc gặp gỡ giữa hai nhà lãnh đạo tại sự kiện này, họ đã cùng nhau chính thức khởi động Năm giao lưu thể thao với mục tiêu không chỉ đẩy mạnh hợp tác thể thao mà còn làm sâu sắc thêm sự hiểu biết lẫn nhau giữa người dân hai nước. Từ đó, các hoạt động thể thao và văn hóa được tổ chức liên tục, thu hút hàng triệu người tham gia và theo dõi, tạo ra một làn sóng hợp tác mới giữa Trung Quốc và Nga. Một trong những điểm nhấn quan trọng của Năm giao lưu thể thao chính là “Đại hội thể thao Thanh niên Trung - Nga lần thứ 9” được tổ chức vào tháng 5 năm 2023 tại Trùng Khánh, Trung Quốc. Sự kiện này đã thu hút 440 vận động viên trẻ từ cả hai quốc gia tham gia tranh tài trong 62 sự kiện thuộc 8 môn thể thao khác nhau như bóng đá, bóng rổ, điền kinh, và bơi lội [Government of China, 2023]. Đại hội không chỉ là sân chơi để các vận động viên trẻ phô diễn tài năng mà còn là nơi giao lưu văn hóa, tạo ra những kỷ niệm khó quên và giúp thắt chặt tình hữu nghị giữa hai nước. Những thành tựu từ Đại hội này không chỉ dừng lại ở khía cạnh thể thao mà còn mở rộng sang lĩnh vực văn hóa và giáo dục. Trong suốt thời gian diễn ra Đại hội, nhiều hoạt động văn hóa và hội thảo về thể thao đã được tổ chức, thu hút sự tham gia của hơn 200 chuyên gia và nhà quản lý thể thao. Các cuộc thảo luận này tập trung vào các chiến lược phát triển thể thao thanh niên và hợp tác song phương, mở ra nhiều cơ hội hợp tác mới trong tương lai.

Thành công của “Năm giao lưu thể thao” Trung - Nga không chỉ được đo bằng số lượng các sự kiện và người tham gia mà còn bởi tác động lâu dài của nó đến quan hệ song phương. Những sự kiện này đã tạo ra một nền tảng vững chắc để hai nước tiếp tục hợp tác và phát triển trong lĩnh vực thể thao, đồng thời củng cố mối quan hệ hữu nghị và hiểu biết lẫn nhau giữa người dân Trung Quốc và Nga. Các hoạt động giao lưu thể thao đã giúp xây dựng một thế hệ trẻ có ý thức về tầm quan trọng của hợp tác quốc tế, đồng thời mở ra những cơ hội hợp tác mới trong nhiều lĩnh vực khác như văn hóa, giáo dục và du lịch. Với những thành tựu đạt được, có thể khẳng định rằng “Năm giao lưu thể thao” Trung - Nga đã đóng góp quan trọng vào việc củng cố quan hệ đối ngoại nhân dân giữa hai quốc gia. Thể thao

không chỉ là một công cụ thúc đẩy sức khỏe và phát triển cá nhân mà còn là một phương tiện mạnh mẽ để xây dựng hòa bình và hợp tác toàn cầu. Nhìn về tương lai, Trung Quốc và Nga chắc chắn sẽ tiếp tục khai thác tiềm năng của hợp tác thể thao, mở rộng thêm nhiều sáng kiến và dự án mới nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của quan hệ song phương.

Lễ kỷ niệm 75 Năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Nga (2024). Năm 2024 đánh dấu 75 Năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Nga, một cột mốc quan trọng trong lịch sử hợp tác song phương. Để kỷ niệm sự kiện này, hai nước đã lên kế hoạch tổ chức hơn 230 hoạt động văn hoá và nghệ thuật tại 51 thành phố của Trung Quốc và 38 thành phố của Nga. Các sự kiện này bao gồm từ triển lãm nghệ thuật, biểu diễn âm nhạc, đến các buổi chiếu phim và giao lưu văn hoá quy mô lớn, thể hiện sự phong phú và đa dạng trong hợp tác văn hoá giữa hai quốc gia. Sự kiện khai mạc "Năm Văn hoá Trung - Nga" diễn ra vào tháng 5 năm 2024 đã thu hút sự chú ý đặc biệt với sự tham gia của cả Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin. Sự kiện này không chỉ thể hiện tầm quan trọng của hợp tác văn hoá trong quan hệ song phương mà còn mở ra một chương mới cho sự hợp tác trong tương lai, với hàng loạt các kế hoạch tiếp theo được dự kiến [CGTN, 2024]. Việc kỷ niệm 75 Năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao không chỉ là dịp để nhìn lại lịch sử hợp tác mà còn đặt nền tảng cho những bước tiến xa hơn trong quan hệ văn hoá và chiến lược giữa hai nước. Các hoạt động kỷ niệm đã góp phần làm sâu sắc thêm tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước, đồng thời khẳng định sự gắn kết văn hoá bền chặt, hứa hẹn tạo ra những cơ hội mới cho hợp tác trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong tương lai. Với sự tham gia rộng rãi của các tổ chức, nghệ sĩ và cộng đồng, kỷ niệm 75 Năm không chỉ là một sự kiện văn hoá quan trọng mà còn là một biểu tượng cho sự phát triển bền vững và lâu dài của quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn mới [Geopoliticaconomy, 2024].

Trong giai đoạn từ 2012 đến 2024, quan hệ hợp tác văn hoá giữa Trung Quốc và Nga đã đạt được những bước tiến đáng kể, với nhiều sự kiện quan trọng đánh dấu các cột mốc trong mối quan hệ này. Các sự kiện tiêu biểu như “Năm Văn hoá”, “Năm Thể thao” và các lễ kỷ niệm 70 Năm (2019) và 75 Năm (2024) ngày thiết lập

quan hệ ngoại giao Trung - Nga đã góp phần củng cố mối quan hệ chiến lược toàn diện giữa hai quốc gia. Những sự kiện này không chỉ giúp thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau mà còn mở rộng phạm vi hợp tác trong nhiều lĩnh vực khác nhau, từ giáo dục, nghệ thuật đến du lịch. Bên cạnh đó, các sự kiện văn hoá này đã đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ toàn diện giữa Trung Quốc và Nga. Bằng cách tạo ra các nền tảng giao lưu văn hoá vững chắc, cả hai nước đã không chỉ gia tăng sự hiểu biết lẫn nhau mà còn xây dựng được niềm tin và tình hữu nghị bền vững. Sự tham gia tích cực của cả chính phủ và nhân dân hai nước vào các hoạt động này đã chứng minh rằng hợp tác văn hoá không chỉ là một phần phụ trong quan hệ song phương mà còn là một yếu tố cốt lõi trong việc xây dựng mối quan hệ chiến lược giữa hai quốc gia.

3.4.2. Hợp tác về giáo dục

Kể từ khi Trung Quốc được thành lập năm 1949, quan hệ hợp tác giáo dục Trung - Xô/Nga đã kéo dài hơn 70 năm. Quá trình này phản ánh những thay đổi trong môi trường chính trị, xã hội và kinh tế quốc tế cũng như sự phát triển của hệ thống giáo dục của cả hai bên. Trong giai đoạn 2012 - 2024 quan hệ hợp tác Trung - Nga trên lĩnh vực giáo dục có số đặc điểm nổi bật như:

Quy mô và phạm vi hợp tác tiếp tục được mở rộng khi số lượng trao đổi sinh viên giữa hai nước tăng đáng kể. Những năm gần đây, xu hướng sinh viên Trung Quốc chọn du học Nga không ngừng gia tăng. Tính từ năm 2007 - 2017, số lượng sinh viên Trung Quốc tại các trường đại học Nga đã tăng gấp đôi, cụ thể nếu năm 2007 có 13.639 công dân Trung Quốc học tập toàn thời gian ở Nga thì năm 2017 con số này đã là 26.775 người. Tính đến năm 2017 thì Trung Quốc xếp thứ 2 sau Kazakhstan (39,8 nghìn người) về số lượng sinh viên du học tại Nga [Minobrnauki, 2018]. Theo Thông tấn xã Vệ tinh Nga, số lượng sinh viên Trung Quốc học tập tại Nga vào năm 2023 lên tới 40.000 người, chiếm 9,5 % tổng số sinh viên quốc tế tại Nga [ICEF, 2023]. Sang năm 2024, số lượng sinh viên Trung Quốc học tập tại Nga có xu hướng tăng với 48.000 người, tăng 20% so với năm 2023 và chiếm 11,3% số sinh viên nước ngoài học tập tại Nga (Xem bảng 3.6).

Bảng 3.6: Số lượng sinh viên Trung Quốc học tập tại Nga (2012 - 2024)

Năm	Số lượng sinh viên Trung Quốc học tập ở Nga (Đơn vị: nghìn người)	Tổng số lưu học sinh nước ngoài tại Nga (Đơn vị: nghìn người)	Tỷ lệ phần trăm số sinh viên Trung Quốc so với số sinh viên nước ngoài học tập tại Nga
2012	15,2	238,1	6,38%
2013	16,1	296,3	5,43%
2014	18,2	326,4	5,58%
2015	19,8	373,5	5,30%
2016	22,1	369,3	5,98%
2017	26,6	387,2	6,87%
2018	31,6	416,0	7,60%
2019	24,2	294,0	11,76%
2020	37,5	353,3	9,5%
2021	35,3	324,0	9,3%
2022	39,5	351,4	9,0%
2023	40,0	380,0	9,5%
2024	48,0	425,0	11,3%

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp theo số liệu từ Bộ Giáo dục Trung Quốc và Nga

Dựa vào bảng số liệu thống kê số lượng sinh viên Trung Quốc học tập tại Nga từ năm 2012 - 2024, có thể thấy: Số lượng sinh viên Trung Quốc học tại Nga tăng đều qua từng năm từ 2012 đến 2022, từ 15,2 nghìn người năm 2012 lên đến 40,0 nghìn người năm 2023 và 48 nghìn người năm 2024. Điều này cho thấy sự tăng trưởng liên tục và sự quan tâm ngày càng tăng của sinh viên Trung Quốc đối với việc học tập tại Nga và chiều ngược lại là tính hấp dẫn của nền giáo dục Nga đối với sinh viên Trung Quốc. Tỷ lệ phần trăm số sinh viên Trung Quốc so với số sinh viên nước ngoài học tập tại Nga có sự biến động qua các năm nhưng có xu hướng tăng lên. Đặc biệt, có sự nhảy vọt từ 7,6% năm 2018 lên 11,76% năm 2019, sau đó giảm xuống còn 9,0% năm 2022, nhưng năm 2023 lại tăng lên 9,5% và năm 2024 là 11,3%. Tỷ lệ cao nhất là năm 2019 và thấp nhất là năm 2013.

Trong giai đoạn 2012–2024, số lượng sinh viên Nga học tập tại Trung Quốc có xu hướng tăng đều qua các năm. Trong vòng một thập kỷ, con số này đã tăng hơn gấp đôi, từ 14.971 sinh viên năm 2012 lên 34.000 sinh viên năm 2023. Tuy nhiên, đến năm 2024, do ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga – Ukraine, số lượng sinh viên Nga tại Trung Quốc đã giảm mạnh xuống 16.000 người, tương đương mức giảm 53% so với năm 2023. Xu hướng này phản ánh sự gắn kết ngày càng sâu rộng trong quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Nga trong hơn một thập kỷ qua, trong đó hợp tác giáo dục cũng phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, các yếu tố địa chính trị có thể tác động đáng kể đến động lực trao đổi sinh viên giữa hai nước (Xem bảng 3.7).

Bảng 3.7: Số lượng sinh viên Nga học tại Trung Quốc (2012 - 2024)

Năm	Số lượng sinh viên Nga học tập ở Trung Quốc (Đơn vị: nghìn người)	Tổng số lưu học sinh nước ngoài tại Trung Quốc (Đơn vị: nghìn người)	Tỷ lệ phần trăm số sinh viên Nga so với số sinh viên nước ngoài học tập tại Trung Quốc
2012	14,971	328,330	4,56%
2013	15,000	356,499	4,2%
2014	17,202	377,054	4,56%
2015	16,197	397,635	4,07%
2016	17,971	442,773	4,06%
2017	18,000	489,200	3,7%
2018	19,239	492,185	3,91%
2019	20,000	397,635	5,03%
2020	37,081	529,000	7,0%
2021	35,352	570,000	6,2%
2022	32,600	292,000	11,7%
2023	34,000	500,000	6,8 %
2024	16,000	\	\

Nguồn: Tác giả tự tổng hợp theo số liệu từ Bộ Giáo dục Trung Quốc và Nga

Dựa vào số liệu từ bảng trên, có thể thấy tình hình số lượng sinh viên Nga du học tại Trung Quốc từ năm 2012 đến 2024 luôn có xu hướng tăng, cụ thể: Giai đoạn 2012 - 2018: Số lượng sinh viên Nga tại Trung Quốc có xu hướng tăng đều đặn, từ 14.971 người năm 2012 lên đến 19.239 người năm 2018. Sự tăng trưởng này có thể phản ánh sự mở rộng của quan hệ giữa hai nước trong nhiều lĩnh vực, bao gồm cả giáo dục. Trong thời gian này, Trung Quốc có thể đã cải thiện chất lượng giáo dục và cung cấp các chương trình học bổng hấp dẫn, thu hút sinh viên quốc tế, trong đó có sinh viên từ Nga. Năm 2019: Số lượng sinh viên Nga tại Trung Quốc tăng nhẹ lên 20.000. Điều này có thể chỉ ra rằng Trung Quốc vẫn là một điểm đến học tập hấp dẫn cho sinh viên Nga, có thể do chi phí hợp lý, cơ hội học bổng, hoặc các chương trình hợp tác giáo dục. Đến năm 2020: Chúng ta thấy một sự tăng vọt đến 37.081 người gần gấp đôi số lượng so với năm 2019. Sự tăng trưởng mạnh mẽ này có thể có nhiều nguyên nhân, nhưng một trong số đó có thể là do đại dịch COVID-19, khi các sinh viên có thể chọn ở lại Trung Quốc hoặc chọn Trung Quốc làm điểm đến du học do cách xử lý dịch bệnh tốt hơn so với các quốc gia khác. Năm 2021: Có sự giảm nhẹ xuống còn 35.352 người có thể do ảnh hưởng của các chính sách liên quan đến dịch bệnh hoặc do sinh viên đã bắt đầu trở về nước hoặc chọn các điểm đến du học khác khi tình hình dịch bệnh dần được kiểm soát. Năm 2022: Tuy số lượng sinh viên Nga giảm mạnh xuống còn 32.600 trong bối cảnh tổng số lưu học sinh nước ngoài ở Trung Quốc giảm xuống mức thấp nhất trong 10 năm qua (292.000 người) nhưng tỷ lệ sinh viên Nga học tập tại Trung Quốc lại tăng gần gấp đôi so với năm 2021. Việc giảm mạnh này chủ yếu do Trung Quốc vẫn tiếp tục duy trì chế độ Zero Covid và việc Nga tiến hành tấn công quân sự vào lãnh thổ Ukraine. Tuy nhiên, đến năm 2023 số sinh viên Nga tại Trung Quốc lại tăng lên 4,3% đạt 34.000 sinh viên. Nhưng đến năm 2024, do tình hình chiến sự tại Ukraine tăng cao nên số lượng sinh viên Nga học tập tại Trung Quốc đã giảm sâu chỉ còn 16.000 sinh viên.

Nhìn chung các số liệu trên đều phản ánh sự tăng trưởng liên tục của việc trao đổi số lượng sinh viên Nga đến Trung Quốc học tập. Điều này có thể được lý giải bởi một số nguyên nhân như: việc không ngừng tăng cường quan hệ kinh tế và chính trị giữa hai nước; các chính sách hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và Nga

được cải thiện và mở rộng; cả Trung Quốc và Nga có thể cung cấp một lựa chọn học tập với giá cả phải chăng so với các quốc gia phương Tây; hai nước có thế mạnh về các chuyên ngành đào tạo kỹ thuật, khoa học, y học, âm nhạc, mỹ thuật, điện ảnh; ..., những nguyên nhân này có thể đã làm tăng sự quan tâm của sinh viên hai nước dành cho nhau trong hơn 10 năm qua.

Công tác giảng dạy và truyền bá ngôn ngữ tiếng Trung và tiếng Nga ngày càng được mở rộng. Hợp tác ngôn ngữ là nền tảng vững chắc và lĩnh vực cốt lõi của hợp tác giáo dục Trung - Nga. Tính đến cuối năm 2021, 40.000 người ở Nga đang học tiếng Trung tại 368 trường và 90.000 người ở Trung Quốc đang học tiếng Nga tại 868 trường [Bộ Giáo dục TQ, 2021]. Trung Quốc và Nga đã lần lượt mở các Viện Khổng Tử, lớp học Khổng Tử, Trung tâm Ngôn ngữ Nga, Trung tâm Văn hóa Nga và tổ chức “Năm tiếng Trung” và các cuộc thi tiếng Trung như “Nhịp cầu Hán Ngữ” nhằm thúc đẩy khả năng tương tác ngôn ngữ. Từ năm 2015, tiếng Trung đã trở thành nội dung chính thức của Olympic toàn Nga dành cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở, quy mô và sự chú ý của sự kiện này ngày càng tăng lên. Vòng thi sơ khảo của cuộc thi Olympic Trung Quốc toàn Nga, tăng so với năm học trước 42,3% [Sputniknews, 2021]. Năm 2019, tiếng Trung lần đầu tiên được đưa vào kỳ thi quốc gia thống nhất của Nga trong các môn ngoại ngữ, trở thành môn ngoại ngữ thứ năm sau tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha, đánh dấu sự nâng cao hơn nữa vị thế của tiếng Trung trong hệ thống đánh giá giáo dục cơ bản của Nga [News.cctv, 2019]. Ở chiều ngược lại, tiếng Nga ở Trung Quốc cũng ngày càng có vị trí cao khi năm 2023, số trường đại học ở Trung Quốc cung cấp chương trình giáo dục đại học bằng tiếng Nga đạt 182 trường, tăng 3 trường so với năm 2022. Ngoài ra, 163 trường đại học ở Trung Quốc có chương trình thạc sĩ tiếng Nga và 43 trường đại học có chương trình tiến sĩ tiếng Nga. Hiện tại, 120.000 người ở Trung Quốc đang học tiếng Nga, trong khi có 60.000 người ở Nga đang học tiếng Trung [张汉晖, 2022].

Trao đổi và hợp tác giáo dục liên trường Trung - Nga có bước tiến đáng kể và cho thấy tiềm năng to lớn. Hoạt động trao đổi và hợp tác giáo dục giữa các trường Trung - Nga đã đạt được tiến bộ đáng kể và thể hiện tiềm năng to lớn. Đây là

một cách quan trọng để thúc đẩy tình hữu nghị giữa hai nước, tăng cường sự tin cậy lẫn nhau và trau dồi tài năng trong tương lai. Liên minh các trường đại học cùng ngành Trung Quốc - Nga bao gồm 13 liên minh đại học được phân loại theo chủ đề hoặc khu vực, với 700 tổ chức tham gia từ cả hai bên. Đây hiện là mạng lưới hợp tác và trao đổi giáo dục đại học lớn nhất trên thế giới [News.pku, 2022] khi là nơi cung cấp cơ sở tổ chức đáng tin cậy cho sự hợp tác giữa các tổ chức giáo dục đại học Nga và Trung Quốc. Các liên minh này gồm: Liên minh các trường đại học toàn diện Trung - Nga, Liên minh các trường đại học nghệ thuật Trung - Nga, Liên minh các trường đại học giáo dục Trung - Nga, Liên minh các trường đại học kỹ thuật Trung - Nga, Liên minh các trường đại học giáo dục báo chí Trung - Nga, Liên minh các trường đại học kinh tế Trung - Nga, Trung - Nga Liên minh Đại học Văn hóa và Nghệ thuật, Liên minh Đại học Y Trung - Nga, Liên minh Hợp tác Khoa học và Công nghệ Trung - Nga, Liên minh Đại học Thể thao Băng và Tuyết Khu vực Trung - Nga, Liên minh Đại học Giao thông Vận tải Trung - Nga, Đông Bắc Trung Quốc và Liên minh Đại học Viễn Đông và Siberia của Nga, Liên minh Đại học "Sông Dương Tử - Sông Volga". Thông qua các lĩnh vực hợp tác, phạm vi hoạt động và nền tảng trao đổi, các liên minh này hợp nhất sức mạnh của các trường đại học Trung Quốc và Nga về thể thao, giao thông, kinh tế, y học, giáo dục phổ thông, báo chí và nghệ thuật, đồng thời xây dựng và thực hiện các dự án tăng cường nghiên cứu khoa học và tiềm năng giáo dục của cả hai bên. Mục tiêu của Trung Quốc và Nga không chỉ là thực hiện hợp tác song phương mà còn hy vọng thực hiện hợp tác mạng lưới đa phương. Theo thống kê, từ năm 2021 đến năm 2022, các liên minh đại học cùng ngành ở Trung Quốc và Nga đã tổ chức hơn 120 hoạt động và số lượng chương trình giáo dục chung giữa hai nước trong giai đoạn 2021-2022 tăng 20% [RSR, 2022].

3.4.3. Hợp tác về du lịch

Quan hệ du lịch giữa Trung Quốc và Nga đã trở thành một trong những lĩnh vực hợp tác nổi bật, không chỉ thúc đẩy giao lưu văn hóa mà còn đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của cả hai quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, du lịch không chỉ đơn thuần là hoạt động kinh tế mà còn là cầu

nổi quan trọng để tăng cường hiểu biết lẫn nhau và xây dựng mối quan hệ bền vững giữa các quốc gia. Đặc biệt, các sáng kiến hợp tác như “Năm Du lịch” và các thỏa thuận miễn thị thực đã đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực này, minh chứng cho tầm quan trọng chiến lược của du lịch trong việc thúc đẩy quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Nga. Dưới đây, tác giả xin nêu một số kết quả chính trong hoạt động hợp tác trên lĩnh vực du lịch giữa Trung Quốc và Liên bang Nga trong giai đoạn 2012 – 2024 (Xem bảng 3.8).

Bảng 3.8: Thống kê lượng khách du lịch giữa Trung Quốc và Liên bang Nga giai đoạn 2012 - 2024

Đơn vị tính: Nghìn người

Năm	Số lượng khách TQ sang Nga	Số lượng khách Nga sang TQ	Tổng số
2012	870	1,300	2,170
2013	1,070	2,190	3,260
2014	874	1,731	2,605
2015	1,122	1,284	2,406
2016	1,289	1,676	2,965
2017	1,478	2,003	3,481
2018	1,690	2,018	3,708
2019	1,883	2,334	4,217
2020	82	142	224
2021	18	2	20
2022	30	17	47
2023	477	737	1,214
2024	848	1,020	1,868

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo số liệu từ trang web Statista.com

“Năm Du lịch Trung Quốc tại Nga” Trung Quốc – Nga (2013). Năm 2013 chứng kiến sự khởi đầu của Năm Du lịch Trung Quốc tại Nga, tiếp nối thành công của Năm Du lịch Nga tại Trung Quốc trước đó. Sự kiện này đã được tổ chức nhằm

thúc đẩy quan hệ du lịch và văn hóa giữa hai quốc gia. Trong khuôn khổ Năm Du lịch Nga tại Trung Quốc, hơn 200 hoạt động đã diễn ra, bao gồm diễn đàn hợp tác, chuyên xe quảng bá du lịch, và chiến dịch thu hút khách du lịch Trung Quốc đến Nga. Một trong những thành tựu nổi bật của sự kiện này là sự tăng trưởng mạnh mẽ về lượng du khách Trung Quốc đến Nga, với mức tăng 13% trong 9 tháng đầu năm 2013, đạt 768.000 lượt khách, trong đó 276.000 khách du lịch, tăng 41% so với năm trước. Các sự kiện này đã góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy du lịch giữa hai nước, nâng cao nhận thức và sự quan tâm của người dân Trung Quốc đối với du lịch Nga. Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác trong tương lai cũng được lên kế hoạch với nhiều sáng kiến mới. Các hoạt động sắp tới bao gồm tổ chức các chuyên quảng bá từ Nga đến Bắc Kinh, thúc đẩy du lịch dành cho giới trẻ và trẻ em, cùng với sự phát triển của hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch. Nhìn chung, Năm Du lịch Trung Quốc tại Nga không chỉ là sự kiện quan trọng về mặt du lịch mà còn thể hiện mối quan hệ hợp tác văn hóa và kinh tế sâu rộng giữa hai quốc gia, tạo nền tảng cho các sự kiện hợp tác lớn trong tương lai [Razov, S., 2012].

Du lịch đã trở thành một trong những lĩnh vực hợp tác sôi động nhất giữa Trung Quốc và Nga trong thập kỷ qua, không chỉ thúc đẩy giao lưu văn hóa mà còn đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của cả hai quốc gia. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến trước đại dịch COVID-19, lượng khách du lịch giữa hai nước đã tăng mạnh. Chỉ riêng năm 2019, Nga đã đón khoảng gần 2 triệu du khách Trung Quốc, biến Trung Quốc thành nguồn khách du lịch nước ngoài lớn nhất của Nga. Ngược lại, khoảng hơn 2,3 triệu du khách Nga đã đến thăm Trung Quốc, làm cho Trung Quốc trở thành một trong những điểm đến phổ biến nhất đối với du khách Nga [Chu Daye, 2024]. Các sáng kiến hợp tác, như thỏa thuận miễn visa cho nhóm khách du lịch, đã tạo điều kiện thuận lợi cho hàng triệu người dân hai nước khám phá và hiểu biết sâu sắc hơn về văn hóa, lịch sử, và lối sống của nhau. Điều này được phản ánh rõ nét trong các sự kiện lớn như “Năm Du lịch” Trung – Nga (2014 – 2015), giúp củng cố mối quan hệ văn hóa và kinh tế song phương [Andrey Kortunov, 2024].

Đại dịch COVID-19 đã gây ra những tác động tiêu cực nghiêm trọng đối với ngành du lịch toàn cầu, bao gồm cả sự suy giảm mạnh trong lượng khách du lịch

giữa Trung Quốc và Nga. Tuy nhiên, sau khi kiểm soát được dịch bệnh, cả hai quốc gia đã nỗ lực phục hồi ngành du lịch thông qua các sáng kiến như sử dụng e-visa và số hóa dịch vụ du lịch. Nhờ các biện pháp này, số lượng du khách giữa hai nước đã bắt đầu tăng trở lại. Đặc biệt, trong năm 2024, đã có 848.000 lượt du khách Trung Quốc đã đến thăm Nga. Ngược lại, hơn 1 triệu du khách Nga đã đến Trung Quốc du lịch [Alza Kryeziu, 2024]. Sự phục hồi mạnh mẽ của ngành du lịch sau đại dịch không chỉ là minh chứng cho sự hợp tác hiệu quả giữa Trung Quốc và Nga mà còn mở ra nhiều cơ hội phát triển mới trong tương lai. Sự gia tăng số lượng du khách và các chính sách hỗ trợ đã giúp thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế bền vững của cả hai quốc gia. Nhìn chung, du lịch không chỉ là một động lực kinh tế quan trọng mà còn là nền tảng vững chắc cho sự hợp tác và phát triển văn hóa giữa Trung Quốc và Nga. Với những thành công đã đạt được, quan hệ du lịch giữa hai nước được dự đoán sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đóng góp vào sự thịnh vượng chung của cả hai quốc gia trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của luận án đã tập trung làm rõ những đặc điểm nổi bật, động lực thúc đẩy, cũng như xu hướng vận động và phát triển của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga từ năm 2012 đến 2024. Giai đoạn này đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình hợp tác song phương giữa hai quốc gia, trong bối cảnh trật tự thế giới đang chuyển dịch mạnh mẽ, đặc biệt sau những biến động địa chiến lược lớn như khủng hoảng Ukraina (2014), Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và xung đột Nga - Ukraina từ 2022 đến nay. Quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn này không chỉ tăng cường về chiều rộng mà còn có sự chuyển hóa rõ rệt về chiều sâu, đặt nền tảng cho một hình thái hợp tác mang tính chiến lược, thực dụng và linh hoạt cao, góp phần định hình lại các cấu trúc quyền lực khu vực và toàn cầu.

Trên phương diện chính trị - ngoại giao, chương 3 đã chỉ ra rằng kể từ năm 2012, cả Trung Quốc và Nga đều có những biến chuyển quan trọng trong chính sách đối ngoại. Việc nhà lãnh đạo Tập Cận Bình trở thành Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc (2012) và khởi xướng chính sách “Phục hưng dân tộc”, kết hợp với

Sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI), đã đưa Trung Quốc vươn lên vai trò lãnh đạo toàn cầu với tham vọng định hình trật tự quốc tế mới. Trong khi đó, Nga dưới thời Tổng thống Vladimir Putin từ nhiệm kỳ thứ ba đã theo đuổi chính sách phục hồi ảnh hưởng địa - chính trị của Liên Xô cũ, đồng thời đối đầu trực diện với phương Tây trong các vấn đề an ninh và lãnh thổ. Trong bối cảnh đó, hai bên đã nhanh chóng tìm thấy tiếng nói chung trong việc tăng cường hợp tác chính trị - ngoại giao, xây dựng lòng tin chiến lược, đặc biệt là trên các diễn đàn quốc tế như Liên hợp quốc, BRICS, SCO.

Một điểm nổi bật trong quan hệ Trung - Nga giai đoạn này là sự phát triển mạnh mẽ của hợp tác kinh tế - thương mại, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng, cơ sở hạ tầng và tài chính. Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Nga, trong khi Nga là nhà cung cấp dầu khí hàng đầu cho Trung Quốc. Sau khi bị phương Tây áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế từ năm 2014, Nga đã đẩy mạnh chính sách “hướng Đông”, lấy Trung Quốc làm đối tác then chốt để giảm thiểu phụ thuộc vào thị trường châu Âu. Nhiều dự án quy mô lớn như đường ống dẫn khí “Sức mạnh Siberia”, các thỏa thuận thanh toán bằng đồng nội tệ và hợp tác xây dựng mạng lưới hậu cần xuyên Á - Âu đã được ký kết, thể hiện mức độ gắn kết sâu rộng giữa hai nền kinh tế. Tuy vậy, luận án cũng chỉ rõ rằng mối quan hệ kinh tế này vẫn mang tính mất cân đối khi Trung Quốc thường giữ vị thế chủ động và áp đảo Nga.

Trong lĩnh vực quân sự - an ninh, quan hệ Trung - Nga cũng chứng kiến những bước tiến đáng kể. Hai bên tổ chức nhiều cuộc tập trận chung với quy mô lớn trên biển, chia sẻ kinh nghiệm tác chiến hiện đại và tiến hành đối thoại chiến lược định kỳ. Nga tiếp tục xuất khẩu nhiều loại vũ khí công nghệ cao cho Trung Quốc như hệ thống phòng không S-400, máy bay chiến đấu Su-35... Đồng thời, hai nước gia tăng hợp tác trong lĩnh vực an ninh mạng, kiểm soát thông tin và đấu tranh chống can thiệp từ bên ngoài. Tuy nhiên, chương 3 cũng phân tích rằng hợp tác an ninh Trung - Nga chưa mang tính chất liên minh thực sự, mà vẫn tồn tại rào cản tâm lý và lợi ích chiến lược khác biệt. Nga vẫn lo ngại về sự trỗi dậy của Trung Quốc ở vùng Viễn Đông và Trung Á, trong khi Trung Quốc vẫn duy trì thế trung lập chiến lược, tránh dính líu trực tiếp vào các xung đột quân sự của Nga.

Một điểm đáng chú ý khác được chương 3 nhấn mạnh là mối quan hệ Trung - Nga tuy được khẳng định là “Đối tác chiến lược toàn diện”, nhưng thực chất vẫn mang nặng tính thực dụng và linh hoạt. Hai nước không có ràng buộc liên minh quân sự, không đưa ra cam kết phòng thủ chung và thường xuyên tránh đưa ra lập trường thống nhất trong các vấn đề nhạy cảm mang tính toàn cầu. Mỗi bên đều tận dụng mối quan hệ này để tối ưu hóa lợi ích chiến lược riêng, thay vì xây dựng một trục liên minh cố định như thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Điều này cho thấy, quan hệ Trung - Nga hiện nay là một hình mẫu điển hình của chủ nghĩa hiện thực trong quan hệ quốc tế, trong đó hợp tác được thúc đẩy bởi lợi ích, hơn là bởi giá trị hay ý thức hệ.

Bên cạnh việc mô tả và phân tích thực trạng, chương 3 còn đánh giá xu hướng vận động của quan hệ Trung - Nga trong thời gian tới. Với bối cảnh phương Tây tiếp tục duy trì áp lực cấm vận đối với Nga, còn Trung Quốc đối diện với cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt từ Mỹ và các nước phương Tây, khả năng hai nước tiếp tục tăng cường phối hợp chiến lược là rất rõ ràng. Tuy nhiên, nếu xét trong trung và dài hạn, sự chênh lệch về sức mạnh tổng thể, cùng với các khác biệt về lợi ích tại khu vực Trung Á, Bắc Cực, Viễn Đông... có thể dẫn đến những điều chỉnh chiến lược giữa hai bên. Quan hệ Trung - Nga vì vậy được nhận định sẽ tiếp tục duy trì trạng thái “vừa hợp tác, vừa kiềm chế lẫn nhau”, tạo nên một trục ảnh hưởng tương đối ổn định nhưng không tuyệt đối tin cậy.

Từ những phân tích nêu trên, chương 3 đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cơ sở nhận thức chiến lược cho chương 4 của luận án. Việc hiểu rõ cấu trúc, bản chất, động lực và giới hạn của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga là điều kiện cần thiết để Việt Nam xây dựng các chính sách đối ngoại phù hợp, vừa giữ vững nguyên tắc độc lập - tự chủ, vừa tận dụng hiệu quả các cơ hội phát sinh từ sự cạnh tranh và hợp tác giữa hai cường quốc này.

Chương 4. NHẬN XÉT, TRIỂN VỌNG QUAN HỆ TRUNG QUỐC - LIÊN BANG NGA ĐẾN NĂM 2030 VÀ KHUYẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

4.1. Nhận xét quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)

4.1.1. Thành tựu và hạn chế của quan hệ Trung Quốc và Liên bang Nga (2012 - 2024)

4.1.1.1. Về thành tựu

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Hai nước đã nâng cấp mối quan hệ từ “Đối tác chiến lược” lên “Đối tác chiến lược toàn diện” và tăng cường quan hệ chính trị thông qua các cuộc đối thoại cấp cao thường xuyên. Đồng thời, cả hai đóng vai trò quan trọng trong các tổ chức quốc tế và hợp tác chặt chẽ để đối phó với các thách thức toàn cầu, qua đó góp phần định hình một trật tự thế giới mới. Mối quan hệ này không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn mở rộng sâu rộng hơn vào lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh. Điều này phản ánh sự cam kết của cả hai nước trong việc củng cố mối quan hệ đối tác mang tính lâu dài và bền vững. Đây là minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ của hai nước trong việc đối phó với các thách thức quốc tế, đặc biệt là trước sự cạnh tranh và áp lực từ phương Tây. Một đặc điểm nổi bật trong mối quan hệ ngoại giao giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn này là tần suất các cuộc gặp cấp cao giữa lãnh đạo hai nước. Từ năm 2012 đến 2024, Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Vladimir Putin đã có tổng cộng hơn 40 cuộc gặp chính thức, trong đó có cả các cuộc gặp trực tiếp và trực tuyến [Bonny Lin, Brian Hart, Samantha Lu & Yu-Jie (Grace) Liao, 2023]. Những cuộc gặp này không chỉ củng cố lòng tin chính trị mà còn tạo nền tảng cho việc thiết lập các thỏa thuận hợp tác lớn về kinh tế, năng lượng và an ninh quốc phòng. Hơn nữa, trong giai đoạn này, Trung Quốc và Nga đã cùng nhau thúc đẩy và bảo vệ lợi ích chung tại các diễn đàn quốc tế như BRICS, SCO và Liên Hợp Quốc. Hai quốc gia đã thể hiện quan điểm chung về nhiều vấn đề quốc tế, từ tình hình Syria đến cuộc khủng hoảng Ukraine, qua đó nhấn mạnh sự hợp tác chặt chẽ giữa hai nước trong việc đối phó với các thách thức an ninh khu vực và toàn cầu. Trung Quốc và Nga đã đạt được những thành công lớn trong việc hợp tác đối phó với các thách thức toàn cầu, đặc biệt là trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Hai nước đã chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong việc nghiên cứu

và phát triển vaccine, cũng như tổ chức nhiều hội nghị trực tuyến để phối hợp hành động nhằm giảm thiểu tác động của đại dịch. Điều này không chỉ cho thấy sự hợp tác chặt chẽ về chính trị mà còn khẳng định mối quan hệ giữa hai quốc gia trong việc giải quyết các vấn đề toàn cầu. Ngoài ra, Trung Quốc và Nga đã cùng nhau thúc đẩy việc xây dựng một trật tự thế giới đa cực, với mục tiêu giảm bớt sự phụ thuộc vào các quốc gia phương Tây và tạo ra một hệ thống quốc tế mà lợi ích của các cường quốc như Trung Quốc và Nga được bảo vệ. Cả hai nước đã tích cực hợp tác trong các tổ chức quốc tế để bảo vệ lợi ích của mình, từ đó khẳng định vai trò của họ trong việc định hình lại trật tự quốc tế.

Tác giả nhận định rằng những thành tựu này bắt nguồn từ áp lực chung mà hai nước phải đối mặt từ phương Tây, sự tương đồng trong tầm nhìn chiến lược toàn cầu, mối ràng buộc về lợi ích kinh tế và an ninh, cùng với mối quan hệ cá nhân chặt chẽ giữa hai nhà lãnh đạo cao nhất. Nga bị áp đặt các lệnh trừng phạt kinh tế nghiêm trọng sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 và cuộc chiến năm 2022. Trong khi đó, Trung Quốc gặp nhiều căng thẳng với Mỹ liên quan đến các cuộc chiến thương mại và tranh chấp khu vực. Chính những áp lực này đã thúc đẩy hai quốc gia tìm kiếm đồng thuận chiến lược, từ đó tạo nên một mối quan hệ đối tác mạnh mẽ hơn để đối phó với sự cô lập từ phương Tây. Cả hai quốc gia đều chia sẻ tầm nhìn về một trật tự thế giới đa cực, nơi quyền lực không chỉ tập trung vào các quốc gia phương Tây. Cả Trung Quốc và Nga đều mong muốn xây dựng một trật tự mới, nơi họ có vai trò quyết định hơn trong việc định hình các quy tắc quốc tế. Điều này đã củng cố sự gắn kết chiến lược giữa hai quốc gia. Việc hợp tác kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng và công nghệ, đã mang lại lợi ích rõ rệt cho cả hai bên. Trung Quốc đảm bảo được nguồn cung năng lượng quan trọng từ Nga, trong khi Nga có cơ hội đa dạng hóa thị trường tiêu thụ ngoài châu Âu. Hơn nữa, việc hợp tác quốc phòng và an ninh giúp cả hai quốc gia đối phó với các mối đe dọa an ninh khu vực và toàn cầu một cách hiệu quả hơn. Ngoài ra, sự tin cậy và mối quan hệ cá nhân mạnh mẽ giữa Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Putin đã đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển quan hệ đối tác này. Họ đã gặp gỡ nhiều lần và đạt được nhiều thỏa thuận quan trọng, tạo nền tảng vững chắc cho mối quan hệ chính trị - ngoại giao giữa hai quốc gia.

Chính sách bao vây, trừng phạt của Mỹ và phương Tây đối với Nga, cùng áp lực địa chính trị ngày càng gia tăng đối với Trung Quốc, đã trở thành nhân tố quan trọng thúc đẩy hai nước tăng cường gắn kết về mặt chính trị - ngoại giao. Trong bối cảnh đó, cả Nga và Trung Quốc đều nhận thấy nhu cầu cấp thiết phải xây dựng một đối trọng chiến lược nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia trước sự áp đặt từ bên ngoài. Những áp lực chung này đã tạo điều kiện cho hai nước đẩy mạnh đối thoại chính trị, tăng cường phối hợp lập trường tại các diễn đàn quốc tế và thể hiện sự đồng thuận cao trong các vấn đề toàn cầu. Sự hội tụ về lợi ích chính trị và tầm nhìn chiến lược đã góp phần làm sâu sắc hơn mối quan hệ ngoại giao song phương. Qua đó, quan hệ Trung - Nga trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao ngày càng trở nên gắn bó, thực chất và có ảnh hưởng lớn hơn trong việc định hình trật tự quốc tế mới.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Quan hệ Trung - Nga đã tăng trưởng mạnh mẽ trong thương mại song phương, trong đó các hoạt động đầu tư xuyên biên giới đóng vai trò chiến lược và sự hợp tác năng lượng sâu rộng trở thành nền tảng vững chắc cho mối quan hệ kinh tế giữa hai nước. Thương mại giữa Trung Quốc và Nga đã có bước phát triển vượt bậc trong giai đoạn này, trở thành trụ cột quan trọng trong mối quan hệ kinh tế của hai nước. Trung Quốc luôn giữ vị trí là đối tác thương mại lớn nhất của Nga từ năm 2011, kim ngạch thương mại giữa hai nước liên tục tăng trưởng mạnh mẽ. Từ mức 87,4 tỷ USD năm 2012, kim ngạch thương mại đã tăng lên đến 240,1 tỷ USD vào năm 2023 và đạt 244,8 tỷ USD vào năm 2024. Sự gia tăng này phần lớn nhờ vào nhu cầu mạnh mẽ của Trung Quốc đối với năng lượng và hàng hóa từ Nga, bao gồm dầu mỏ, khí đốt và các sản phẩm khoáng sản. Đồng thời, Trung Quốc xuất khẩu sang Nga các mặt hàng máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và sản phẩm công nghiệp khác từ đó đảm bảo một cơ cấu thương mại đa dạng và ổn định. Hơn nữa, đầu tư giữa Trung Quốc và Nga đã đạt được những thành tựu quan trọng, dù gặp nhiều thách thức từ biến động kinh tế và các lệnh trừng phạt quốc tế.

Trung Quốc trở thành nhà đầu tư châu Á lớn nhất tại Nga với tổng vốn đầu tư vượt 50 tỷ USD tính đến năm 2021. Đặc biệt, khu vực Viễn Đông của Nga đã thu hút nhiều dự án đầu tư lớn từ Trung Quốc khi tính đến tháng 3 năm 2023, các nhà đầu tư Trung Quốc tham gia vào 52 dự án trong các lĩnh vực công nghiệp, khai

khoáng, nông nghiệp, xây dựng và vận tải tại khu vực Vladivostok, với tổng vốn đầu tư khoảng 10,8 tỷ USD [Portnews, 2023]. Mặc dù có những giai đoạn dòng vốn đầu tư bị sụt giảm, đặc biệt trong các năm chịu ảnh hưởng của khủng hoảng Ukraine và các lệnh trừng phạt, mối quan hệ đầu tư vẫn tiếp tục phát triển nhờ vào các dự án chiến lược và quỹ đầu tư chung giữa hai nước. Điều này giúp Nga thu hút nguồn vốn nước ngoài cần thiết để phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, trong khi Trung Quốc được hưởng lợi từ việc tiếp cận nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào của Nga. Ngoài ra, hợp tác năng lượng là lĩnh vực thành công nổi bật nhất trong quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga. Với vai trò là nhà cung cấp dầu mỏ và khí đốt hàng đầu cho Trung Quốc, Nga đã đóng góp quan trọng vào việc đảm bảo an ninh năng lượng cho nền kinh tế lớn thứ hai thế giới. Năm 2023, Nga vượt qua Ả Rập Saudi để trở thành nhà cung cấp dầu thô lớn nhất của Trung Quốc [Kiệt Linh, 2024]. Các dự án năng lượng lớn như đường ống dẫn khí đốt “Sức mạnh Siberia” và “Sức mạnh Siberia 2” là những biểu tượng quan trọng của mối quan hệ này. Đường ống “Sức mạnh Siberia” đã đi vào hoạt động từ năm 2019 với khả năng vận chuyển 38 tỷ mét khối khí đốt mỗi năm từ Nga sang Trung Quốc. Bên cạnh đó, các thỏa thuận dài hạn giữa các tập đoàn năng lượng hàng đầu của hai nước như Gazprom và CNPC đã củng cố thêm mối quan hệ chiến lược này, giúp cả hai quốc gia hưởng lợi từ nguồn cung năng lượng ổn định và dài hạn.

Tác giả cho rằng những thành tựu này bắt nguồn từ nhu cầu ngày càng tăng của Trung Quốc về năng lượng và hàng hóa, nhu cầu của Nga trong việc tìm kiếm thị trường thay thế dưới áp lực từ phương Tây, mối quan hệ chính trị ổn định giữa hai nước tạo nền tảng cho hợp tác chiến lược, cùng với các dự án hợp tác dài hạn và hệ thống cơ sở hạ tầng liên kết chặt chẽ. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga là nhu cầu năng lượng khổng lồ của Trung Quốc. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, Trung Quốc phải nhập khẩu một lượng lớn năng lượng để đáp ứng nhu cầu trong nước. Trong khi đó, Nga với nguồn tài nguyên dồi dào và địa lý thuận lợi, đã trở thành đối tác lý tưởng để cung cấp dầu mỏ và khí đốt cho Trung Quốc. Ngoài ra, do phải đối mặt với các lệnh trừng phạt kinh tế từ phương Tây sau cuộc khủng hoảng Ukraine

vào năm 2014 và cuộc xung đột năm 2022 đã buộc Nga phải tìm kiếm thị trường thay thế, do đó Trung Quốc đã trở thành đối tác chiến lược quan trọng giúp Nga giải quyết vấn đề này. Việc đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng, giúp Nga duy trì nguồn thu và giảm sự phụ thuộc vào các quốc gia phương Tây. Thêm nữa, quan hệ chính trị ổn định giữa hai nước là nền tảng quan trọng giúp thúc đẩy sự hợp tác kinh tế. Cả Trung Quốc và Nga đều chia sẻ tầm nhìn về một trật tự thế giới đa cực, trong đó họ đóng vai trò quan trọng hơn trong việc định hình các quy tắc quốc tế. Sự tương đồng về chiến lược đối ngoại đã giúp hai nước mở rộng quan hệ hợp tác trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế và năng lượng. Cuối cùng, sự thành công của quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga còn đến từ việc hai nước hợp tác trong các dự án dài hạn và phát triển cơ sở hạ tầng liên kết. Các đường ống dẫn dầu và khí đốt xuyên biên giới, cùng với các thỏa thuận thương mại và đầu tư dài hạn, đã giúp hai nước tối ưu hóa lợi ích từ quan hệ kinh tế song phương, đồng thời củng cố vị thế của cả hai trên thị trường quốc tế.

Các biện pháp cấm vận kinh tế từ phương Tây đối với Nga và căng thẳng thương mại kéo dài với Trung Quốc đã thúc đẩy hai nước tăng cường liên kết kinh tế như một chiến lược ứng phó hiệu quả. Trước nguy cơ bị cô lập khỏi các thị trường truyền thống, cả Nga và Trung Quốc đều tìm đến nhau như những đối tác thay thế chiến lược, bổ sung lợi thế và nhu cầu kinh tế lẫn nhau. Sự phụ thuộc lẫn nhau về năng lượng, đầu tư và công nghệ ngày càng gia tăng, tạo ra một mạng lưới hợp tác bền chặt bất chấp áp lực bên ngoài. Trong bối cảnh hệ thống tài chính và chuỗi cung ứng toàn cầu bị phân mảnh bởi xung đột địa chính trị, việc mở rộng hợp tác kinh tế song phương giúp cả hai quốc gia duy trì tăng trưởng và ổn định. Như vậy, áp lực từ phương Tây vô tình trở thành động lực thúc đẩy quan hệ kinh tế Trung – Nga phát triển mạnh mẽ và có chiều sâu chiến lược hơn bao giờ hết.

** Trên lĩnh vực quốc phòng – an ninh*

Trung Quốc và Nga đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật, bao gồm sự phát triển hợp tác mua bán vũ khí và chuyển giao công nghệ quân sự, tổ chức các cuộc diễn tập quân sự chung quy mô lớn, tăng cường hợp tác sản xuất vũ khí và phát triển công nghệ, củng cố an ninh biên giới, cũng như hợp tác chặt chẽ trong việc đối phó

với chủ nghĩa khủng bố và ly khai. Một trong những thành tựu quan trọng nhất trong hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga là việc ký kết hàng loạt hợp đồng mua bán vũ khí lớn. Trong giai đoạn này, hai quốc gia đã ký kết nhiều hợp đồng lớn, đáng chú ý nhất là hợp đồng mua hệ thống phòng không S-400 và máy bay chiến đấu Su-35. Ngoài ra, việc chuyển giao công nghệ quân sự từ Nga sang Trung Quốc cũng là một bước tiến lớn. Nga cũng đã cung cấp động cơ RD-93 cho Trung Quốc, được sử dụng trên máy bay FC-1 (JF-17 Thunder) – sản phẩm hợp tác giữa Trung Quốc và Pakistan. Việc sử dụng RD-93 đã hỗ trợ Trung Quốc trong việc phát triển và sản xuất các loại máy bay chiến đấu hạng nhẹ [Tuấn Sơn, 2010]. Sự hợp tác này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho Nga mà còn giúp Trung Quốc hiện đại hóa quân đội.

Một thành tựu nổi bật khác là việc tổ chức các cuộc diễn tập quân sự chung. Trong suốt giai đoạn này, Trung Quốc và Nga đã tiến hành nhiều cuộc tập trận quy mô lớn như “Vostok-2018”. Các cuộc tập trận này không chỉ giúp hai nước cải thiện khả năng phối hợp quân sự mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự sẵn sàng đối phó với các mối đe dọa an ninh khu vực và toàn cầu. Đặc biệt, cuộc tập trận “Vostok-2018” có sự tham gia của 300.000 quân nhân từ cả hai quốc gia, được xem là một trong những cuộc diễn tập quân sự lớn nhất trong lịch sử hiện đại của Nga. Cuộc tập trận này đã khẳng định khả năng phối hợp tác chiến giữa hai cường quốc quân sự và tạo ra sự răn đe mạnh mẽ trước các mối đe dọa từ phương Tây. Ngoài mua bán vũ khí, Trung Quốc và Nga cũng đã hợp tác sâu rộng trong sản xuất vũ khí và phát triển công nghệ quân sự mới, bao gồm cả vũ khí siêu thanh. Sự hợp tác này đã giúp hai nước cải thiện khả năng phòng thủ trước các mối đe dọa từ Mỹ và NATO.

Về an ninh, từ năm 2012 đến 2024, Trung Quốc và Nga đã có những bước tiến quan trọng trong việc đảm bảo an ninh dọc biên giới dài khoảng 4.300 km giữa hai nước. Việc thiết lập các cơ chế tuần tra chung, trao đổi thông tin tình báo và ứng dụng công nghệ giám sát tiên tiến như UAV đã giúp giảm thiểu các hoạt động bất hợp pháp và đảm bảo an ninh biên giới ổn định. Ngoài ra, cả Trung Quốc và Nga đều phải đối mặt với các mối đe dọa từ chủ nghĩa khủng bố và các phong trào ly khai. Trong giai đoạn này, hai nước đã không ngừng tăng cường hợp tác, đặc biệt là thông qua các cuộc tập trận chống khủng bố và chia sẻ thông tin tình báo. Ví dụ,

cuộc tập trận “Sứ mệnh Hòa bình” năm 2021 với sự tham gia của hơn 5.500 binh sĩ đã giúp hai nước cải thiện khả năng phối hợp đối phó với các mối đe dọa khủng bố [Nguyễn Trần Xuân Sơn – Nguyễn Thị Thanh Nhân, 2021].

Tác giả nhận định rằng các thành tựu trong lĩnh vực quân sự và an ninh giữa Trung Quốc và Nga bắt nguồn từ nhu cầu chung trong việc bảo vệ an ninh quốc gia trước các mối đe dọa từ phương Tây, lợi ích kinh tế mà Nga thu được từ xuất khẩu vũ khí và công nghệ quân sự, mục tiêu chung của hai nước trong việc tăng cường ảnh hưởng địa chính trị, đồng thời đó là những nỗ lực của Trung Quốc trong hiện đại hóa quân đội. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến sự hợp tác mạnh mẽ giữa Trung Quốc và Nga trong lĩnh vực quân sự là nhu cầu đối phó với các mối đe dọa từ Mỹ và NATO. Cả hai quốc gia đều nhận thấy tầm quan trọng của việc nâng cao năng lực phòng thủ để đối phó với sự can thiệp của phương Tây. Hợp tác quân sự và an ninh đã trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược quốc phòng của hai nước. Với ngành công nghiệp quốc phòng phát triển, Nga đã tìm thấy ở Trung Quốc một đối tác tiềm năng để xuất khẩu vũ khí và công nghệ. Việc bán các hệ thống vũ khí tiên tiến như S-400 và Su-35 không chỉ mang lại nguồn thu đáng kể cho Nga mà còn giúp nước này duy trì vị thế trên thị trường vũ khí toàn cầu. Ngoài ra sự hợp tác quân sự và an ninh giữa Trung Quốc và Nga không chỉ mang tính chất song phương mà còn hướng tới việc tạo ra một “liên minh” mạnh mẽ để đối trọng với Mỹ và các đồng minh. Thông qua việc tham gia vào các tổ chức quốc tế như SCO và tổ chức các cuộc tập trận chung, Trung Quốc và Nga đã khẳng định vai trò quan trọng của mình trong việc định hình an ninh khu vực. Hơn nữa, việc hợp tác với Nga đã giúp Trung Quốc giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp vũ khí phương Tây, đặc biệt trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị gia tăng. Đồng thời, sự chuyển giao công nghệ từ Nga đã giúp Trung Quốc nâng cao năng lực sản xuất vũ khí, hiện đại hóa quân đội và cải thiện khả năng tự chủ trong lĩnh vực quốc phòng.

Trong bối cảnh bị phương Tây gia tăng trừng phạt và siết chặt hợp tác quân sự, Nga và Trung Quốc đã đẩy mạnh liên kết quốc phòng - an ninh như một phản ứng chiến lược tất yếu. Sự thu hẹp nguồn cung công nghệ quân sự từ phương Tây khiến Trung Quốc tăng cường hợp tác với Nga để tiếp cận vũ khí và công nghệ hiện

đại, đồng thời thúc đẩy quá trình hiện đại hóa quân đội. Ngược lại, Nga cũng tận dụng mối quan hệ với Trung Quốc để duy trì doanh thu quốc phòng và khẳng định vị thế xuất khẩu vũ khí trong bối cảnh bị cô lập. Áp lực địa chính trị chung đã thôi thúc hai nước củng cố niềm tin chiến lược thông qua các cuộc tập trận quy mô lớn và chia sẻ thông tin an ninh. Như vậy, chính sự đối đầu với phương Tây đã tạo điều kiện cho mối quan hệ quốc phòng - an ninh của hai quốc gia ngày càng gắn kết, thực chất và mang tính đối trọng cao hơn trên bình diện khu vực và toàn cầu.

** Trên lĩnh vực văn hóa – giáo dục – du lịch*

Quan hệ hợp tác văn hóa, giáo dục và du lịch giữa hai nước đạt được nhiều thành tựu nổi bật trên năm khía cạnh chính: tổ chức thành công các sự kiện văn hóa quy mô lớn; thúc đẩy hợp tác văn hóa trực tuyến trong bối cảnh đại dịch; gia tăng đáng kể trao đổi sinh viên; mở rộng hợp tác giáo dục liên trường giữa hai quốc gia và việc tổ chức thành công các sự kiện như “Năm Du lịch” với hàng triệu lượt khách du lịch qua lại mỗi năm. Một trong những thành tựu đáng chú ý là việc tổ chức các sự kiện văn hoá quy mô lớn giữa hai nước, như “Năm Du lịch Trung Quốc tại Nga” năm 2013, Lễ kỷ niệm 70 Năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Trung – Nga năm 2019, và Lễ kỷ niệm 75 Năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao vào năm 2024. Các sự kiện này không chỉ nâng cao nhận thức của người dân hai nước về văn hoá đối phương mà còn thúc đẩy du lịch và giao lưu văn hoá. Đặc biệt, sự kiện Năm Du lịch Trung Quốc tại Nga đã giúp lượng du khách Trung Quốc đến Nga tăng 13%, góp phần vào sự phát triển của ngành du lịch và văn hoá hai nước. Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, cả Trung Quốc và Nga đã linh hoạt chuyển hướng các hoạt động văn hoá sang hình thức trực tuyến. Hơn 100 sự kiện văn hoá trực tuyến đã được tổ chức trong năm 2021, thu hút hàng triệu người tham gia. Điều này đã chứng minh khả năng thích ứng của hai nước trong việc duy trì hợp tác văn hoá, đồng thời củng cố mối quan hệ chiến lược bất chấp những hạn chế về di chuyển quốc tế.

Trao đổi sinh viên là một trong những thành tựu nổi bật nhất trong quan hệ giáo dục giữa Trung Quốc và Nga. Số lượng sinh viên Trung Quốc tại Nga và ngược lại đã tăng đều qua các năm. Từ năm 2012 đến 2024, số lượng sinh viên Trung Quốc học tập tại Nga tăng từ 15.200 lên 40.000 vào năm 2023, cho thấy sự

quan tâm ngày càng tăng của sinh viên Trung Quốc đối với nền giáo dục Nga. Ở chiều ngược lại, số lượng sinh viên Nga học tập tại Trung Quốc cũng tăng mạnh, từ 14.971 người năm 2012 lên 34.000 người năm 2023 [Nhật Linh, 2023].

Quan hệ hợp tác giáo dục giữa các trường đại học Trung Quốc và Nga cũng phát triển mạnh mẽ. “liên minh” các trường đại học Trung – Nga, bao gồm 13 “liên minh” theo ngành học và khu vực, đã trở thành mạng lưới hợp tác giáo dục đại học lớn nhất thế giới, với sự tham gia của hơn 700 tổ chức giáo dục từ cả hai quốc gia. Hợp tác này không chỉ giúp hai nước thúc đẩy nghiên cứu khoa học mà còn trau dồi tài năng cho tương lai, mở ra nhiều cơ hội mới cho hợp tác giáo dục.

Ngoài ra, các chính sách hỗ trợ như miễn visa nhóm và sử dụng e-visa đã thúc đẩy mạnh mẽ lượng khách, đóng góp không nhỏ vào phát triển kinh tế và tăng cường giao lưu văn hóa. Sau đại dịch COVID-19, nỗ lực phục hồi du lịch của hai nước cũng đạt kết quả đáng kể, minh chứng qua sự gia tăng trở lại của du khách.

Theo tác giả, các thành tựu trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục và du lịch giữa hai nước bắt nguồn từ bốn nguyên nhân chính: sự cam kết chiến lược mạnh mẽ từ chính phủ hai nước; nhu cầu ngày càng tăng về học tập và giao lưu văn hóa giữa hai quốc gia; sự ổn định trong quan hệ chính trị và kinh tế song phương; và sự linh hoạt, thích ứng hiệu quả trong bối cảnh đại dịch COVID-19. Nguyên nhân quan trọng dẫn đến thành tựu văn hoá và giáo dục là cam kết mạnh mẽ từ phía chính phủ Trung Quốc và Nga. Các sự kiện văn hoá lớn như Năm Du lịch, Lễ kỷ niệm 70 và 75 Năm thiết lập quan hệ ngoại giao đều có sự tham gia của các nhà lãnh đạo cấp cao của hai nước, thể hiện tầm quan trọng của văn hoá trong việc củng cố quan hệ chiến lược song phương. Ngoài ra, nhu cầu về giao lưu văn hoá và giáo dục giữa nhân dân Trung Quốc và Nga cũng ngày càng tăng. Sự quan tâm đối với ngôn ngữ và văn hoá của nhau đã thúc đẩy các chương trình trao đổi sinh viên, cũng như mở rộng các cơ sở giáo dục như Viện Khổng Tử tại Nga và Trung tâm Văn hoá Nga tại Trung Quốc. Nhu cầu này không chỉ xuất phát từ việc học tập mà còn từ mục tiêu xây dựng mối quan hệ hữu nghị lâu dài giữa nhân dân hai nước. Hơn nữa, sự phát triển ổn định của quan hệ chính trị và kinh tế giữa Trung Quốc và Nga trong suốt giai đoạn này cũng tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác văn hoá và giáo dục. Hai

quốc gia đã sử dụng văn hoá và giáo dục như một công cụ để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và tăng cường quan hệ đối tác toàn diện. Việc xây dựng các “liên minh” giáo dục và tổ chức các sự kiện văn hoá chung là biểu hiện rõ ràng của mục tiêu này. Cuối cùng, sự linh hoạt và khả năng thích ứng trong bối cảnh đại dịch cũng là một yếu tố quan trọng. Dù đối mặt với nhiều khó khăn do hạn chế di chuyển quốc tế, cả Trung Quốc và Nga đã kịp thời chuyển đổi các hoạt động văn hoá và giáo dục sang hình thức trực tuyến, đảm bảo duy trì sự hợp tác chặt chẽ ngay cả trong những thời điểm khó khăn nhất.

Trước bối cảnh phương Tây gia tăng áp lực và cạnh tranh ảnh hưởng mềm toàn cầu, Trung Quốc và Nga đã chủ động sử dụng văn hóa, giáo dục và du lịch như những công cụ chiến lược để củng cố quan hệ song phương và mở rộng ảnh hưởng lẫn nhau. Việc đẩy mạnh giao lưu nhân dân và hợp tác giáo dục giúp hai nước xây dựng nền tảng xã hội bền vững cho quan hệ đối tác toàn diện. Trong khi phương Tây siết chặt visa và hạn chế hợp tác học thuật với Nga, Trung Quốc lại mở rộng cửa, đóng vai trò như điểm đến thay thế trong lĩnh vực đào tạo và trao đổi sinh viên. Các chương trình giao lưu văn hóa, sự kiện du lịch cấp nhà nước và liên minh giáo dục song phương chính là phản ứng mềm đầy tính chiến lược nhằm đối phó với sự phân hóa toàn cầu do phương Tây dẫn dắt. Nhờ đó, hợp tác văn hóa - giáo dục - du lịch giữa hai nước không chỉ phát triển về quy mô mà còn mang đậm tính chính trị và định hướng dài hạn.

4.1.1.2. Về hạn chế

** Trên lĩnh vực chính trị - ngoại giao*

Mối quan hệ hai nước tồn tại những thách thức như: sự không đồng đều về lợi ích, khó khăn trong việc duy trì lòng tin chính trị lâu dài, hạn chế về ảnh hưởng trên trường quốc tế, cùng với sự khác biệt trong chiến lược quân sự và quốc phòng. Mặc dù mối quan hệ chính trị giữa Trung Quốc và Nga đã có sự phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 2012 – 2024, nhưng sự không đồng đều trong lợi ích của hai quốc gia một trong những hạn chế chính là trong quan hệ giữa hai nước. Với nền kinh tế lớn hơn và sức mạnh tăng trưởng nhanh chóng, Trung Quốc thường được xem là đối tác mạnh hơn trong quan hệ này. Trong khi đó, Nga chủ yếu phụ thuộc vào việc

xuất khẩu năng lượng và tài nguyên thiên nhiên sang Trung Quốc. Điều này dẫn đến một mối quan hệ không đối xứng dẫn đến việc Trung Quốc có ưu thế lớn hơn trong các thỏa thuận về kinh tế và chính trị. Mối quan hệ không cân xứng này có thể gây ra những khó khăn trong việc duy trì sự cân bằng quyền lực giữa hai nước. Bên cạnh đó, mặc dù có nhiều cuộc gặp gỡ cấp cao giữa lãnh đạo hai nước, việc duy trì lòng tin chính trị bền vững vẫn là một thách thức. Sự khác nhau về lợi ích, tầm nhìn địa chính trị này đã gây ra những rào cản trong việc đồng nhất quan điểm đối với các vấn đề quốc tế, dẫn đến sự không ổn định trong mối quan hệ chính trị - ngoại giao dài hạn. Một nguyên nhân nữa là, dù cả Trung Quốc và Nga đều có vai trò quan trọng tại các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc hay BRICS, sức ảnh hưởng của hai quốc gia này vẫn bị giới hạn bởi sự phản đối từ các nước phương Tây. Những biện pháp trừng phạt từ Mỹ và EU đã tạo ra rào cản lớn đối với các chiến lược ngoại giao và kinh tế của cả hai nước. Điều này đặc biệt rõ rệt đối với Nga sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 và năm 2022 khi Nga phải đối mặt với các lệnh trừng phạt kinh tế nghiêm trọng từ phương Tây, gây ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng hợp tác quốc tế. Trong khi vẫn giữ được mối quan hệ với phương Tây, nhưng Trung Quốc lại gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng lòng tin tại các quốc gia phát triển do các tranh chấp thương mại và chính sách đối ngoại của mình. Cuối cùng, trong khi cả hai quốc gia đều tổ chức nhiều cuộc tập trận chung và hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, nhưng vẫn có những sự khác biệt trong chiến lược quân sự và khả năng phòng thủ của hai nước. Với lịch sử là một cường quốc quân sự, Nga có xu hướng thiên về việc sử dụng các biện pháp quân sự mạnh mẽ hơn để giải quyết xung đột, trong khi đó, Trung Quốc tập trung vào các chiến lược mềm dẻo hơn thông qua ngoại giao và kinh tế. Sự khác biệt này đã dẫn đến những khó khăn trong việc phối hợp chính sách quốc phòng, đặc biệt là trong các tình huống liên quan đến an ninh khu vực.

Tác giả cho rằng những hạn chế này bắt nguồn từ các nguyên nhân như: sự chênh lệch về sức mạnh kinh tế và quyền lực quốc tế, khác biệt trong lợi ích, tầm nhìn địa chính trị, áp lực từ các biện pháp trừng phạt từ phương Tây. Sự chênh lệch lớn về sức mạnh kinh tế và quyền lực quốc tế giữa hai quốc gia là nguyên nhân

chính dẫn đến các hạn chế trong mối quan hệ đối tác chiến lược. Trung Quốc, với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, có khả năng áp đặt quyền lực kinh tế của mình đối với Nga, một quốc gia chủ yếu dựa vào xuất khẩu năng lượng. Điều này tạo ra sự không cân bằng trong mối quan hệ, khiến Nga khó duy trì vai trò đối tác ngang bằng với Trung Quốc. Một nguyên nhân khác dẫn đến những hạn chế này là sự khác biệt về lợi ích, tầm nhìn địa chính trị giữa hai nước. Nga tập trung vào các lợi ích chính trị và quân sự tại châu Âu và Trung Đông, trong khi Trung Quốc chú trọng đến các khu vực Đông Nam Á và các quốc gia đang phát triển. Sự khác biệt này đã tạo ra sự xung đột lợi ích và cản trở khả năng hợp tác chính trị - ngoại giao trong các vấn đề quốc tế lớn. Ngoài ra, các biện pháp trừng phạt từ phương Tây đã gây ra những khó khăn lớn cho Nga, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Điều này khiến Nga phải dựa nhiều hơn vào Trung Quốc, từ đó tạo ra sự mất cân bằng trong mối quan hệ đối tác. Trung Quốc cũng nhận sự chỉ trích từ các nước phương Tây đối với chính sách đối ngoại của Trung Quốc cũng ảnh hưởng đến khả năng hợp tác của hai quốc gia trên trường quốc tế.

Mặc dù còn tồn tại những hạn chế, Trung Quốc và Nga vẫn chia sẻ mục tiêu chiến lược lâu dài là thúc đẩy hình thành một trật tự thế giới đa cực, trong đó không một quốc gia hay liên minh nào độc quyền chi phối. Cả hai nước đang nỗ lực xây dựng các liên minh chính trị - ngoại giao thay thế, thông qua các cơ chế như BRICS, SCO, nhằm gia tăng ảnh hưởng và tạo đối trọng với các thể chế do phương Tây dẫn dắt. Việc đồng thuận trong các lập trường về chủ quyền, an ninh và cải cách thể chế toàn cầu cho thấy quyết tâm của hai nước trong việc định hình lại cấu trúc quyền lực quốc tế. Thay vì chỉ là đối tác thụ động, cả Trung Quốc và Nga chủ động định vị mình như những lực lượng dẫn dắt xu thế mới, hướng đến một hệ thống quốc tế công bằng hơn cho các quốc gia đang phát triển. Điều này phản ánh rõ nét xu hướng dịch chuyển từ đơn cực sang đa cực, với Trung Quốc và Nga giữ vai trò trung tâm trong quá trình chuyển hóa trật tự toàn cầu hiện nay.

** Trên lĩnh vực kinh tế*

Mối quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga đối mặt với những thách thức như sự phụ thuộc lớn của Nga vào xuất khẩu năng lượng, hoạt động đầu tư không ổn định do rủi ro từ các lệnh trừng phạt quốc tế, cùng tác động tiêu cực từ thị trường

quốc tế và sự biến động giá năng lượng. Một trong những hạn chế chính trong quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga là sự phụ thuộc quá lớn vào xuất khẩu năng lượng từ Nga sang Trung Quốc. Nga chủ yếu xuất khẩu các sản phẩm dầu mỏ, khí đốt và tài nguyên khoáng sản. Hàng hoá năng lượng chiếm 1/3 tỷ trọng tổng kim ngạch thương mại song phương [Nguyễn Thu, 2023]. Điều này tạo ra sự thiếu đa dạng trong cơ cấu xuất khẩu của Nga, khiến nước này dễ bị tổn thương khi có sự biến động về giá cả trên thị trường năng lượng toàn cầu. Hơn nữa, việc Trung Quốc quá phụ thuộc vào nguồn cung năng lượng từ Nga cũng có thể tạo ra rủi ro về an ninh năng lượng khi các điều kiện địa chính trị hoặc kinh tế thay đổi đột ngột. Điều này gây ra một sự mất cân bằng trong quan hệ thương mại song phương, nơi mà Nga phải dựa nhiều vào Trung Quốc như một thị trường tiêu thụ năng lượng chính.

Một vấn đề khác là sự thiếu ổn định trong dòng vốn đầu tư giữa hai quốc gia. Trong giai đoạn 2015 – 2019, đầu tư từ Trung Quốc vào Nga đã giảm mạnh do lo ngại về các lệnh trừng phạt quốc tế mà Nga phải đối mặt sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014. Việc Nga bị cấm vận từ phương Tây đã khiến nhiều doanh nghiệp Trung Quốc lo ngại về nguy cơ bị trừng phạt thứ cấp, dẫn đến việc rút vốn hoặc giảm đầu tư vào Nga. Tình hình này càng trở nên nghiêm trọng hơn trong bối cảnh xung đột giữa Nga và Ukraine vào năm 2022, khi các lệnh trừng phạt mới được áp đặt. Sự giảm sút này không chỉ khiến các dự án đầu tư lớn bị đình trệ mà còn làm chậm quá trình phát triển các khu vực chiến lược của Nga, như vùng Viễn Đông, nơi vốn là điểm thu hút đầu tư lớn từ Trung Quốc. Thiếu sự ổn định về dòng vốn đầu tư đã làm giảm hiệu quả của các dự án hợp tác dài hạn, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế của cả hai bên.

Ngoài ra, sự biến động của thị trường năng lượng toàn cầu và các yếu tố địa chính trị đã tạo ra những rủi ro lớn cho quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga. Giá dầu mỏ và khí đốt không ổn định trong giai đoạn này, đặc biệt trong năm 2015 và 2020, đã gây ra sự sụt giảm lớn về giá trị xuất khẩu của Nga sang Trung Quốc [Nguyễn Đình Chiến, 2020]. Các yếu tố như đại dịch COVID-19 và sự thay đổi trong nhu cầu năng lượng thế giới cũng đã tác động tiêu cực đến khả năng duy trì tăng trưởng ổn định trong quan hệ kinh tế song phương. Bên cạnh đó, việc Nga phải

đối mặt với các lệnh trừng phạt quốc tế và bị hạn chế tiếp cận các thị trường phương Tây đã khiến nước này phải phụ thuộc nhiều hơn vào Trung Quốc. Tuy nhiên, điều này cũng tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau quá lớn, khiến cả hai nước dễ bị ảnh hưởng bởi các biến động bên ngoài và gây khó khăn trong việc kiểm soát rủi ro kinh tế.

Theo tác giả, các hạn chế trong quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn này bắt nguồn từ sự tập trung quá mức vào ngành năng lượng, tác động của các lệnh trừng phạt quốc tế và căng thẳng địa chính trị, sự phụ thuộc lẫn nhau quá lớn, cùng với sự biến động không ngừng của thị trường năng lượng toàn cầu. Một nguyên nhân quan trọng dẫn đến các hạn chế này là sự tập trung quá mức vào ngành năng lượng trong quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga. Với nguồn tài nguyên dồi dào, Nga đã tập trung chủ yếu vào xuất khẩu năng lượng như dầu mỏ và khí đốt sang Trung Quốc, tạo ra sự phụ thuộc lớn vào lĩnh vực này. Điều này khiến nền kinh tế Nga dễ bị tổn thương khi giá năng lượng toàn cầu giảm hoặc khi có sự biến động trong nhu cầu năng lượng từ Trung Quốc. Sự thiếu đa dạng trong cơ cấu kinh tế và xuất khẩu đã làm giảm khả năng phát triển bền vững của quan hệ kinh tế song phương, khiến Nga trở thành một nhà cung cấp tài nguyên hơn là một đối tác kinh tế toàn diện của Trung Quốc.

Các lệnh trừng phạt từ phương Tây đối với Nga sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 và cuộc xung đột Nga – Ukraine năm 2022 là một nguyên nhân quan trọng khác. Những lệnh trừng phạt này đã làm gián đoạn dòng vốn đầu tư từ Trung Quốc vào Nga, gây khó khăn cho các dự án phát triển lớn, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và hạ tầng. Do lo ngại về các biện pháp trừng phạt thứ cấp, nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đã phải rút lui hoặc giảm bớt hoạt động đầu tư tại Nga, gây ra sự thiếu ổn định trong quan hệ kinh tế [Báo Đà Nẵng, 2023]. Ngoài ra, mặc dù mối quan hệ kinh tế giữa hai nước đã phát triển mạnh mẽ, sự phụ thuộc lẫn nhau quá lớn cũng là một vấn đề đáng quan ngại. Nga phụ thuộc vào Trung Quốc để xuất khẩu năng lượng, trong khi Trung Quốc lại dựa vào nguồn cung dầu mỏ và khí đốt từ Nga. Sự phụ thuộc này làm tăng rủi ro khi có sự biến động kinh tế hoặc chính trị từ một trong hai phía, gây ra sự mất cân bằng và thiếu bền vững trong quan hệ kinh tế song phương. Cuối cùng, sự biến động liên tục của thị trường năng lượng

toàn cầu, từ giá dầu đến các nguồn cung cấp khí đốt, đã tác động mạnh mẽ đến quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga. Những năm có giá năng lượng thấp hoặc nhu cầu giảm đã gây tổn thất lớn cho Nga, làm giảm khả năng xuất khẩu và ảnh hưởng đến nguồn thu quốc gia, từ đó tác động tiêu cực đến sự phát triển của quan hệ kinh tế với Trung Quốc.

** Trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh*

Quan hệ quân sự và an ninh giữa Trung Quốc và Nga đối mặt với những thách thức như sự phụ thuộc nhiều của Trung Quốc vào công nghệ quân sự từ Nga, khác biệt về mục tiêu chiến lược và ưu tiên quân sự, tác động từ các lệnh trừng phạt và cấm vận quốc tế, cũng như sự phức tạp trong hợp tác an ninh tại khu vực biên giới. Một trong những hạn chế lớn nhất trong quan hệ quân sự giữa Trung Quốc và Nga là sự phụ thuộc lớn của Trung Quốc vào các công nghệ quân sự từ Nga, đặc biệt là trong lĩnh vực vũ khí phòng không và động cơ máy bay. Mặc dù Trung Quốc đã có nhiều bước tiến trong phát triển công nghệ quân sự, nhưng việc nhập khẩu các hệ thống tiên tiến như S-400 và động cơ máy bay AL-31F từ Nga cho thấy sự phụ thuộc này vẫn tồn tại. Sự phụ thuộc này làm giảm khả năng tự chủ của Trung Quốc trong một số lĩnh vực quân sự, đồng thời tạo ra những rủi ro tiềm ẩn khi Nga đối mặt với các lệnh trừng phạt quốc tế. Việc tiếp cận công nghệ từ Nga có thể bị gián đoạn nếu Nga gặp khó khăn về kinh tế hoặc bị cấm vận, khiến Trung Quốc khó khăn trong việc duy trì nguồn cung vũ khí và công nghệ [Andrea Kendall-Taylor & Nicholas Lokker, 2023].

Trong khi Trung Quốc tập trung nhiều vào việc xây dựng sức mạnh hải quân để đối phó với các thách thức ở Biển Đông và Đông Á, Nga lại dành nhiều nguồn lực cho các khu vực châu Âu và Trung Đông. Sự khác biệt này đã tạo ra những khoảng cách trong việc phối hợp chiến lược giữa hai nước. Mặc dù hai nước vẫn tổ chức nhiều cuộc diễn tập chung, nhưng các ưu tiên khác nhau về mặt địa lý và chiến lược đã khiến việc phối hợp tác chiến chưa được tối ưu. Điều này đặc biệt rõ ràng trong các cuộc tập trận có quy mô lớn, khi mục tiêu của Nga thường tập trung vào các cuộc xung đột tiềm tàng tại biên giới châu Âu, trong khi Trung Quốc lại quan tâm nhiều hơn đến vấn đề an ninh biển.

Hơn nữa, việc Nga phải đối mặt với các lệnh trừng phạt quốc tế sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014 và năm 2022 đã gây ra những khó khăn lớn cho mối quan hệ quân sự giữa hai nước. Các lệnh trừng phạt này đã làm gián đoạn việc tiếp cận các công nghệ quân sự từ phương Tây, khiến Nga phải đối mặt với các khó khăn trong việc duy trì các dự án hợp tác quân sự với Trung Quốc. Ngoài ra, Trung Quốc cũng phải đối mặt với những khó khăn từ áp lực quốc tế, khi Mỹ và các đồng minh phương Tây tìm cách kiềm chế sự phát triển của ngành công nghiệp quốc phòng Trung Quốc. Điều này đã gây ra những rủi ro cho quan hệ hợp tác quân sự giữa hai nước, đặc biệt trong việc tiếp cận các nguồn lực và công nghệ quân sự tiên tiến từ bên ngoài.

Cuối cùng, việc kiểm soát một biên giới dài 4.300 km giữa hai nước không phải là vấn đề dễ dàng, đặc biệt là trong bối cảnh các hoạt động buôn lậu và tội phạm xuyên quốc gia vẫn còn diễn ra phức tạp. Mặc dù có sự hợp tác về tuần tra và giám sát, nhưng tình hình an ninh biên giới vẫn đối mặt với nhiều vấn đề như nhập cư trái phép và các hoạt động buôn bán bất hợp pháp. Sự thiếu hiệu quả trong việc đồng bộ hóa các hoạt động tuần tra và cơ sở hạ tầng giám sát cũng là một thách thức. Việc đầu tư vào công nghệ và phát triển hệ thống giám sát tại khu vực biên giới vẫn còn hạn chế, khiến việc kiểm soát biên giới chưa đạt được mức độ hiệu quả như mong muốn.

Tác giả cho rằng, quan hệ quân sự và an ninh giữa Trung Quốc và Nga tồn tại những thách thức chủ yếu ở bốn khía cạnh: sự phụ thuộc nhiều của Trung Quốc vào công nghệ quân sự từ Nga; khác biệt về mục tiêu chiến lược và ưu tiên quân sự; tác động từ các lệnh trừng phạt và cấm vận quốc tế; và sự phức tạp trong hợp tác an ninh tại khu vực biên giới. Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến các hạn chế trong hợp tác quân sự và an ninh giữa Trung Quốc và Nga là sự khác biệt về lợi ích, tầm nhìn địa chính trị. Trong khi Nga chủ yếu tập trung vào các vấn đề an ninh ở châu Âu và Trung Đông, Trung Quốc lại dành nhiều nguồn lực cho khu vực Đông Á và Biển Đông. Sự khác biệt này đã tạo ra những khoảng cách trong việc phối hợp chiến lược, làm giảm hiệu quả của các cuộc tập trận và hợp tác quân sự chung. Các lệnh trừng phạt từ phương Tây sau cuộc khủng hoảng Ukraine và xung đột Nga – Ukraine là nguyên nhân quan trọng gây ra các

hạn chế trong quan hệ quân sự giữa hai nước. Các biện pháp cấm vận này đã làm gián đoạn khả năng tiếp cận công nghệ quân sự tiên tiến của Nga và hạn chế khả năng hợp tác với Trung Quốc trong một số lĩnh vực quan trọng. Hậu quả là, các dự án phát triển công nghệ quân sự chung đã bị chậm lại, gây khó khăn cho quá trình hợp tác dài hạn giữa hai nước.

Sự không cân xứng về năng lực quân sự và công nghệ cũng là một nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trong quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc và Nga. Trong khi Nga có kinh nghiệm lâu đời trong lĩnh vực sản xuất vũ khí và công nghệ quốc phòng, Trung Quốc vẫn đang trong giai đoạn phát triển và hiện đại hóa quân đội. Điều này đã tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau không cân xứng, khiến Trung Quốc gặp khó khăn trong việc phát triển công nghệ quân sự độc lập.

Sự can thiệp của Mỹ và các quốc gia phương Tây vào khu vực châu Á – Thái Bình Dương cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến quan hệ quân sự giữa Trung Quốc và Nga. Các cuộc đối đầu quân sự và cạnh tranh quyền lực trong khu vực đã làm tăng căng thẳng, khiến cả hai nước phải đối mặt với các thách thức trong việc duy trì sự hợp tác chặt chẽ mà vẫn đảm bảo an ninh quốc gia.

Một trong những rào cản tiềm ẩn trong quan hệ quốc phòng giữa Trung Quốc và Nga là sự thiếu tin tưởng chiến lược do yếu tố cạnh tranh ngầm về công nghệ và thị trường vũ khí. Trung Quốc không chỉ nhập khẩu mà còn tìm cách sao chép và cải tiến các công nghệ vũ khí tiên tiến từ Nga, khiến Nga lo ngại về nguy cơ mất độc quyền công nghệ. Mặt khác, Trung Quốc ngày càng đẩy mạnh xuất khẩu vũ khí ra thị trường quốc tế, đặc biệt tại khu vực Đông Nam Á - nơi từng là khách hàng truyền thống của Nga. Điều này đã làm gia tăng sự cạnh tranh giữa hai nước trong lĩnh vực này. Theo đó, Nga tỏ ra thận trọng, hạn chế chuyển giao các công nghệ quân sự cốt lõi nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và vị thế trên thị trường vũ khí toàn cầu. Chính sự cạnh tranh tiềm ẩn và thiếu đồng thuận về mức độ chia sẻ công nghệ đã làm suy giảm tính bền vững của quan hệ hợp tác quốc phòng song phương.

** Trên lĩnh vực văn hoá - giáo dục - du lịch*

Hợp tác giáo dục, văn hóa và du lịch giữa hai quốc gia đối mặt với những thách thức như sự khác biệt về hệ thống giáo dục và chất lượng đào tạo, rào cản

ngôn ngữ và văn hóa, tác động từ bối cảnh địa chính trị và ảnh hưởng của phương Tây, sự thiếu cân bằng trong hợp tác giáo dục và phát triển văn hóa, cũng như tác động của dịch Covid-19 đến ngành du lịch. Hạn chế lớn nhất trong hợp tác giáo dục giữa Trung Quốc và Nga là sự khác biệt về hệ thống giáo dục và chất lượng đào tạo. Mặc dù số lượng sinh viên Trung Quốc học tập tại Nga và ngược lại đều tăng qua các năm, nhưng sự chênh lệch trong tiêu chuẩn giảng dạy và bằng cấp giữa hai nước vẫn còn khá lớn. Các trường đại học của Nga và Trung Quốc có sự khác biệt về hệ thống đánh giá và chuẩn mực học thuật, gây khó khăn cho việc công nhận bằng cấp và chất lượng đào tạo. Điều này đã dẫn đến tình trạng sinh viên từ Trung Quốc và Nga gặp khó khăn trong việc chuyển đổi và công nhận bằng cấp khi trở về nước, làm giảm tính cạnh tranh của các chương trình trao đổi sinh viên giữa hai nước. Mặc dù số lượng sinh viên trao đổi vẫn tăng, nhưng chất lượng đào tạo và sự công nhận bằng cấp vẫn là một rào cản lớn trong hợp tác giáo dục giữa hai nước [孙秋花, 方馨瑶, 2022].

Sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hoá cũng là một trong những trở ngại chính khiến quan hệ hợp tác văn hoá và giáo dục giữa Trung Quốc và Nga gặp nhiều khó khăn. Mặc dù cả hai nước đều có các chương trình giảng dạy ngôn ngữ của đối phương, nhưng số lượng người học tiếng Trung tại Nga và tiếng Nga tại Trung Quốc vẫn còn hạn chế so với tiềm năng hợp tác. Rào cản ngôn ngữ đã hạn chế sự hiểu biết sâu sắc giữa sinh viên và người dân hai nước, đặc biệt là khi tham gia các chương trình học tập và giao lưu văn hoá. Điều này khiến một số hoạt động hợp tác, như giao lưu học thuật, hội thảo quốc tế và các sự kiện văn hoá chung gặp khó khăn trong việc tiếp cận rộng rãi công chúng và sinh viên từ cả hai phía.

Một hạn chế khác đến từ bối cảnh địa chính trị và sự ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài. Mặc dù quan hệ giữa Trung Quốc và Nga trong lĩnh vực văn hoá và giáo dục không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các căng thẳng địa chính trị, nhưng sự can thiệp từ các yếu tố quốc tế, đặc biệt là từ phương Tây, vẫn có tác động nhất định. Các biện pháp trừng phạt quốc tế đối với Nga đã khiến các hoạt động hợp tác văn hoá và giáo dục gặp nhiều khó khăn hơn, đặc biệt trong việc tổ chức các sự kiện quốc tế hoặc hợp tác với các tổ chức giáo dục bên ngoài khu vực. Hơn nữa, sự căng

thẳng trong quan hệ quốc tế cũng ảnh hưởng đến việc trao đổi học thuật và giáo dục của hai nước, khi mà một số sinh viên quốc tế, đặc biệt là từ các nước phương Tây, có xu hướng tránh đến các quốc gia có xung đột chính trị lớn. Điều này làm giảm tính đa dạng và toàn diện trong các chương trình giao lưu và hợp tác giáo dục, văn hoá giữa hai nước.

Theo tác giả, các hạn chế trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục và du lịch giữa Trung Quốc và Nga bắt nguồn từ sự khác biệt về hệ thống và tiêu chuẩn giáo dục, sự hạn chế về học ngôn ngữ và hiểu biết văn hóa, ảnh hưởng của tình hình chính trị quốc tế, sự thiếu đầu tư và ưu tiên cho hợp tác giáo dục chuyên sâu, cùng với sự ảnh hưởng của dịch Covid-19. Phần lớn các sự kiện văn hoá tập trung vào các lĩnh vực như nghệ thuật, du lịch và giao lưu ngôn ngữ, trong khi hợp tác trong các lĩnh vực giáo dục chuyên sâu hơn, như khoa học và công nghệ, vẫn còn hạn chế. Điều này khiến hợp tác giáo dục giữa hai nước chưa phát huy hết tiềm năng của mình. Hơn nữa, sự khác biệt trong hệ thống giáo dục giữa Trung Quốc và Nga là nguyên nhân chính dẫn đến những hạn chế trong hợp tác giáo dục. Cả hai nước đều có các tiêu chuẩn giảng dạy và đánh giá khác nhau, dẫn đến khó khăn trong việc công nhận bằng cấp và chứng chỉ học thuật. Điều này không chỉ làm giảm tính hấp dẫn của các chương trình trao đổi sinh viên mà còn gây ra những rào cản cho các dự án hợp tác giáo dục sâu rộng hơn. Tiếp đến, rào cản ngôn ngữ và sự thiếu hiểu biết về văn hoá giữa hai nước cũng là một nguyên nhân quan trọng khác dẫn đến những hạn chế trong hợp tác. Dù có các chương trình học tiếng Trung tại Nga và tiếng Nga tại Trung Quốc, số lượng người học vẫn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu phát triển quan hệ văn hoá và giáo dục song phương. Thiếu khả năng giao tiếp hiệu quả bằng ngôn ngữ của đôi phương khiến việc trao đổi học thuật và văn hoá gặp khó khăn, làm giảm hiệu quả hợp tác. Ngoài ra, tình hình chính trị quốc tế và các lệnh trừng phạt từ phương Tây đối với Nga cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn đến những hạn chế trong hợp tác giáo dục và văn hoá giữa hai nước. Các biện pháp trừng phạt đã gây khó khăn cho Nga trong việc tiếp cận các tổ chức giáo dục quốc tế, đồng thời hạn chế khả năng tổ chức các sự kiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục và văn hoá. Cuối cùng, trong khi các sự kiện văn hoá và ngôn ngữ được tổ chức rộng rãi, hợp

tác trong các lĩnh vực như khoa học, công nghệ và y học vẫn chưa được chú trọng đủ, khiến việc phát triển các dự án nghiên cứu và giáo dục chuyên ngành giữa hai nước chưa đạt được kỳ vọng.

Tóm lại, các nhận định về thành tựu, hạn chế trong quan hệ Trung - Nga giai đoạn 2012 - 2024 được xác lập trên cơ sở ba tiêu chí phân tích chính: cường độ liên kết, mức độ thể chế hóa và tính cân bằng trong cấu trúc hợp tác. Mỗi tiêu chí được lượng hóa bằng các số liệu cụ thể, được đối chiếu đa nguồn nhằm bảo đảm tính khách quan và khả năng kiểm chứng. Việc phân định không mang tính thẩm định chính sách, mà nhằm nhận diện đặc điểm nổi bật và hạn chế theo từng lĩnh vực, từ đó khái quát cấu hình hợp tác hiện hành. Kết quả cho thấy mức độ gắn kết gia tăng nhưng chưa hội đủ điều kiện hình thành liên minh phòng thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng. Các kết luận này đồng thời tạo nền tảng trực tiếp cho phần dự báo tại Chương 4 khi dựa trên các số liệu về hợp tác chính trị, ngoại giao, kinh tế thương mại, năng lượng, đồng thuận đa phương và độ mở công nghệ - quốc phòng.

4.1.2. Đặc điểm quan hệ Trung Quốc và Liên bang Nga (2012 - 2024)

Quan hệ Trung Quốc – Nga giai đoạn 2012 - 2024 là một mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, được xây dựng trên nền tảng hợp tác sâu rộng trong nhiều lĩnh vực từ chính trị, kinh tế đến an ninh và quốc phòng, văn hoá, giáo dục và du lịch. Đây là thời kỳ hai nước không chỉ cùng nhau củng cố sức mạnh và đối phó với áp lực từ phương Tây, mà còn tìm cách định hình một trật tự thế giới mới với vai trò trung tâm của họ. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu trong hợp tác, mối quan hệ này cũng chứa đựng những yếu tố cạnh tranh và sự phụ thuộc lẫn nhau, phản ánh sự phức tạp và đa chiều của mối quan hệ giữa hai cường quốc có ảnh hưởng lớn đến trật tự khu vực và toàn cầu. Dưới đây tác giả xin nêu một số đặc điểm nổi bật của quan hệ Trung – Nga giai đoạn 2012 – 2024.

Thứ nhất, quan hệ đối tác chiến lược toàn diện và ngày càng sâu sắc. Giai đoạn 2012 – 2024 chứng kiến một bước phát triển mới trong quan hệ giữa Trung Quốc và Nga, được xây dựng trên nền tảng “đối tác chiến lược toàn diện”. Mối quan hệ này không chỉ giới hạn trong các lĩnh vực hợp tác truyền thống như kinh tế

và thương mại, mà còn mở rộng sang các lĩnh vực chiến lược quan trọng khác như chính trị, an ninh, quốc phòng và văn hóa. Đáng chú ý, cả hai quốc gia đều thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc tăng cường mối quan hệ này để đối phó với các thách thức toàn cầu và khu vực, đặc biệt là áp lực từ Mỹ và các đồng minh phương Tây. Tuyên bố chung về “tình hữu nghị không giới hạn” giữa Trung Quốc và Nga vào năm 2022 đã đánh dấu một bước ngoặt trong quan hệ đối tác giữa hai cường quốc, làm nổi bật cam kết của họ trong việc củng cố sức mạnh tập thể để đối đầu với các thách thức địa chính trị và kinh tế từ bên ngoài.

Trên lĩnh vực chính trị, Trung Quốc và Nga đã thể hiện sự đồng thuận trong việc thúc đẩy trật tự thế giới đa cực, phản ánh mong muốn thoát khỏi sự chi phối của quyền lực đơn cực từ Mỹ và phương Tây. Cả hai quốc gia đều chia sẻ quan điểm rằng hệ thống quốc tế hiện nay đang phải đối mặt với sự mất cân bằng quyền lực, và cần có sự tham gia của nhiều cường quốc để đảm bảo sự ổn định và công bằng trong quan hệ quốc tế. Việc Nga và Trung Quốc hợp tác trong các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc, G20 và SCO là minh chứng cho nỗ lực của họ trong việc xây dựng một trật tự thế giới mới, nơi các quốc gia lớn có tiếng nói và ảnh hưởng cân bằng hơn.

Về mặt kinh tế, sự hợp tác giữa Trung Quốc và Nga đã phát triển mạnh mẽ, với việc ký kết nhiều thỏa thuận thương mại lớn và các dự án đầu tư quan trọng, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng. Nga trở thành nhà cung cấp dầu mỏ và khí đốt lớn cho Trung Quốc, trong khi Trung Quốc là thị trường xuất khẩu hàng đầu của Nga. Mối quan hệ này đã giúp cả hai quốc gia giảm thiểu tác động từ các lệnh trừng phạt của phương Tây, đặc biệt là sau khi Nga bị cô lập về kinh tế do khủng hoảng Ukraine vào năm 2014. Sự hợp tác trong lĩnh vực kinh tế không chỉ mang lại lợi ích kinh tế to lớn cho cả hai bên, mà còn củng cố vị thế của Trung Quốc và Nga trên trường quốc tế.

Trong lĩnh vực quốc phòng, hai nước đã có những bước tiến đáng kể trong hợp tác quân sự, bao gồm các cuộc tập trận chung và mua bán vũ khí. Hợp tác quốc phòng giữa Trung Quốc và Nga được xem là yếu tố quan trọng trong việc củng cố sự ổn định an ninh khu vực và đối phó với các thách thức an ninh đến từ Mỹ và

NATO. Cả hai nước đều nhận thấy tầm quan trọng của việc tăng cường năng lực quân sự và duy trì sự cân bằng quyền lực trong khu vực.

Thứ hai, hợp tác kinh tế và năng lượng là trụ cột, nhưng vẫn tồn tại sự phụ thuộc và mất cân bằng. Trong giai đoạn 2012 – 2024, hợp tác kinh tế và năng lượng giữa Trung Quốc và Nga trở thành một trong những trụ cột chính, đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai quốc gia. Trung Quốc đã vươn lên trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Nga. Sự hợp tác sâu rộng trong lĩnh vực năng lượng, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt, không chỉ mang lại lợi ích kinh tế đáng kể mà còn đóng góp quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng cho cả hai quốc gia. Tuy nhiên, trong bối cảnh Nga bị cô lập về kinh tế do các lệnh trừng phạt từ phương Tây, sự phụ thuộc ngày càng tăng của Nga vào thị trường Trung Quốc cũng đặt ra những thách thức về cân bằng quyền lực và sự tự chủ kinh tế.

Trung Quốc, với nhu cầu năng lượng ngày càng gia tăng để phục vụ cho sự phát triển công nghiệp và đô thị hóa, đã trở thành thị trường tiêu thụ lớn của Nga. Hợp tác năng lượng giữa hai nước đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tiêu biểu là các thỏa thuận cung cấp dầu mỏ và khí đốt dài hạn, cùng với việc xây dựng các tuyến đường ống năng lượng quan trọng như đường ống khí đốt “Sức mạnh Siberia”. Dự án này, bắt đầu từ năm 2019, không chỉ giúp Nga tăng cường xuất khẩu năng lượng sang Trung Quốc mà còn giảm thiểu sự phụ thuộc vào các thị trường phương Tây. Đồng thời, sự hợp tác này mang lại lợi thế cho Trung Quốc trong việc đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định và đa dạng hóa các nguồn cung để không quá phụ thuộc vào Trung Đông.

Mối quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga cũng mở rộng sang nhiều lĩnh vực khác, từ đầu tư, công nghệ, đến phát triển hạ tầng. Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào các dự án cơ sở hạ tầng tại Nga, đặc biệt là các dự án liên quan đến năng lượng và khai thác tài nguyên thiên nhiên. Mặt khác, Nga tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản và nguyên liệu thô sang Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh các biện pháp trừng phạt kinh tế của phương Tây sau khủng hoảng Ukraine năm 2014 và chiến tranh với Ukraine. Điều này giúp Nga giảm thiểu tác động của cấm vận và tìm kiếm các đối tác thay thế cho các thị trường bị mất.

Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn trong mối quan hệ kinh tế này là sự phụ thuộc ngày càng tăng của Nga vào Trung Quốc. Khi Nga bị cô lập về kinh tế bởi các lệnh trừng phạt, Trung Quốc đã trở thành đối tác kinh tế quan trọng nhất của Nga, khiến Nga phụ thuộc nhiều hơn vào nhu cầu và quyết định từ phía Trung Quốc. Điều này tạo ra những lo ngại về mất cân bằng trong quan hệ, khi mà Trung Quốc có thể tận dụng lợi thế của mình để đàm phán các thỏa thuận có lợi hơn, hoặc gây áp lực lên Nga trong các vấn đề kinh tế và chính trị. Sự phụ thuộc này cũng làm giảm tính linh hoạt của Nga trong các mối quan hệ quốc tế và hạn chế khả năng ứng phó với các biến động kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, mặc dù có sự hợp tác năng lượng và thương mại sâu rộng, sự khác biệt về quy mô kinh tế giữa hai nước cũng là một yếu tố cần lưu ý. Trung Quốc, với quy mô kinh tế vượt trội, ngày càng có ảnh hưởng lớn trong quan hệ song phương, dẫn đến Nga đang phải đối mặt với thách thức duy trì sự cân bằng trong quan hệ kinh tế để tránh tình trạng quá phụ thuộc vào một đối tác duy nhất.

Thứ ba, hợp tác quốc phòng và an ninh là yếu tố then chốt nhưng có giới hạn. Trong giai đoạn 2012 - 2024, hợp tác quốc phòng và an ninh giữa Trung Quốc và Nga đã trở thành một trong những yếu tố then chốt, đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai quốc gia. Hai nước không chỉ tăng cường hợp tác trong lĩnh vực mua bán vũ khí mà còn thúc đẩy các cuộc tập trận chung, từ đó thể hiện quyết tâm đối phó với các thách thức an ninh ngày càng gia tăng, đặc biệt là từ phía Mỹ và các đồng minh phương Tây. Tuy nhiên, mối quan hệ này vẫn tồn tại những giới hạn do sự khác biệt về mục tiêu chiến lược cũng như sự cạnh tranh tiềm ẩn tại một số khu vực quan trọng.

Hợp tác quốc phòng giữa Trung Quốc và Nga có sự phát triển đáng kể trong giai đoạn này khi hai nước thường xuyên tổ chức các cuộc tập trận chung, chẳng hạn như cuộc tập trận hải quân chung “Vostok” và các hoạt động quân sự trong khuôn khổ Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO). Những cuộc tập trận này không chỉ giúp hai nước tăng cường khả năng tác chiến chung mà còn là thông điệp mạnh mẽ gửi đến các đối thủ tiềm năng, đặc biệt là Mỹ và NATO, rằng Trung Quốc và Nga sẵn sàng hợp tác để bảo vệ lợi ích an ninh của mình. Việc diễn tập chung ở các vùng nhạy cảm như Biển Đông, Biển Nhật Bản hay khu vực Á – Âu đã thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế về mối quan hệ quốc phòng sâu sắc giữa hai cường quốc này.

Ngoài ra, Trung Quốc và Nga còn duy trì một mối quan hệ bền vững trong việc mua bán vũ khí và chuyển giao công nghệ quân sự. Với ngành công nghiệp vũ khí phát triển, Nga đã cung cấp cho Trung Quốc nhiều loại vũ khí hiện đại, bao gồm máy bay chiến đấu, hệ thống tên lửa phòng không và tàu ngầm. Điều này không chỉ giúp Trung Quốc nâng cao năng lực quốc phòng mà còn tạo ra nguồn thu quan trọng cho Nga trong bối cảnh phải đối mặt với các lệnh trừng phạt kinh tế từ phương Tây. Mối quan hệ hợp tác về quân sự cũng là biểu hiện của sự tin cậy chiến lược giữa hai nước, khi Nga sẵn sàng chuyển giao các công nghệ quân sự nhạy cảm cho Trung Quốc, góp phần vào sự phát triển của lực lượng quân đội Trung Quốc. Tuy nhiên, hợp tác quốc phòng và an ninh giữa Trung Quốc và Nga không phải là không có giới hạn. Một trong những thách thức lớn nhất là sự khác biệt về mục tiêu chiến lược và sự cạnh tranh ảnh hưởng tại các khu vực như Trung Á, nơi cả hai nước đều có lợi ích quốc gia quan trọng. Trong khi Nga coi Trung Á là khu vực ảnh hưởng truyền thống của mình, Trung Quốc với sức mạnh kinh tế ngày càng tăng đã nhanh chóng mở rộng tầm ảnh hưởng trong khu vực này thông qua các dự án thuộc Sáng kiến “Vành đai, Con đường”. Điều này dẫn đến một sự cạnh tranh ngầm giữa hai cường quốc, khiến mối quan hệ hợp tác trong lĩnh vực an ninh có những giới hạn nhất định.

Bên cạnh đó, Trung Quốc và Nga cũng có cách tiếp cận khác nhau đối với một số vấn đề an ninh quốc tế. Trong khi Nga có chính sách cứng rắn và trực diện hơn đối với các thách thức từ phương Tây, đặc biệt là trong xung đột với Ukraine và NATO, Trung Quốc thường giữ thái độ thận trọng hơn và ưu tiên các giải pháp ngoại giao. Sự khác biệt này đôi khi dẫn đến sự không đồng thuận trong các vấn đề an ninh quốc tế, dù hai nước vẫn duy trì được sự hợp tác trong những lĩnh vực chung.

Thứ tư, sự cạnh tranh ngầm và thách thức cân bằng quyền lực giữa hai nước. Mặc dù quan hệ Trung Quốc – Nga trong giai đoạn 2012 – 2024 đạt được nhiều bước tiến mạnh mẽ, không thể phủ nhận rằng giữa hai quốc gia vẫn tồn tại những yếu tố cạnh tranh ngầm, đặc biệt là trong việc giành quyền ảnh hưởng ở các khu vực chiến lược như Trung Á và Viễn Đông. Trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng nổi bật với sức mạnh kinh tế vượt trội, Nga phải đối mặt với thách thức trong việc duy trì sự cân bằng quyền lực và ảnh hưởng của mình. Mối quan hệ hợp tác chiến lược

toàn diện, dù được quảng bá là “không giới hạn”, vẫn bị chi phối bởi sự cạnh tranh quyền lợi quốc gia và sự lo ngại về mất cân bằng quyền lực giữa hai cường quốc.

Khu vực Trung Á là một trong những điểm nóng về sự cạnh tranh ngầm giữa Trung Quốc và Nga. Đối với Nga, Trung Á từ lâu đã được coi là “sân sau” của mình, nơi mà Nga có tầm ảnh hưởng mạnh mẽ về chính trị, kinh tế và quân sự từ thời Liên Xô. Tuy nhiên, sự trỗi dậy của Trung Quốc, đặc biệt thông qua Sáng kiến BRI, đã đưa Trung Quốc vào vị trí cạnh tranh trực tiếp với Nga tại khu vực này. Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng, năng lượng và thương mại tại Trung Á, khiến các quốc gia trong khu vực ngày càng nghiêng về phía Trung Quốc hơn trong quan hệ đối tác kinh tế. Điều này không chỉ làm giảm tầm ảnh hưởng kinh tế của Nga tại khu vực mà còn tạo ra một môi trường cạnh tranh giữa hai nước trong việc chiếm lĩnh lòng tin của các quốc gia Trung Á. Sự cạnh tranh về ảnh hưởng kinh tế giữa hai nước cũng là một trong những yếu tố quan trọng khiến mối quan hệ này phức tạp hơn. Sau khi chịu các lệnh trừng phạt từ phương Tây, Nga phải dựa vào Trung Quốc để đảm bảo nền kinh tế tiếp tục hoạt động. Trong khi đó, Trung Quốc, với sức mạnh kinh tế vượt trội, có nhiều lợi thế hơn trong các cuộc đàm phán kinh tế song phương. Sự mất cân bằng trong quan hệ kinh tế đã khiến Nga phải đối mặt với nguy cơ trở thành “đối tác yếu” trong mối quan hệ này. Dù hợp tác năng lượng và thương mại giữa hai nước vẫn diễn ra mạnh mẽ, sự phụ thuộc của Nga vào thị trường Trung Quốc đã đặt nước này vào một vị thế dễ bị tổn thương. Điều này làm gia tăng lo ngại về việc Trung Quốc có thể tận dụng lợi thế này để thúc đẩy các lợi ích riêng.

Ngoài ra, hai nước cũng có sự cạnh tranh trong các tổ chức khu vực. Tại Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), vốn là sân chơi truyền thống của Nga, Trung Quốc đã từng bước gia tăng ảnh hưởng và đảm nhận vai trò dẫn dắt trong nhiều vấn đề quan trọng. Trong khi Nga tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực an ninh và quân sự của SCO, Trung Quốc đã tập trung vào phát triển các dự án kinh tế và hạ tầng, từ đó củng cố vị thế của mình tại khu vực. Sự cân bằng giữa hai nước trong các tổ chức khu vực như SCO đang ngày càng trở nên khó giữ vững, khi Trung Quốc dần chiếm ưu thế với sức mạnh tài chính và khả năng huy động nguồn lực tổng thể tốt.

Thứ năm, vai trò của hai nhà lãnh đạo cấp cao đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy và định hình mối quan hệ chiến lược giữa hai quốc gia. Sự tương đồng trong phong cách lãnh đạo, tư duy chính trị và mục tiêu chiến lược của hai nhà lãnh đạo đã tạo nên một nền tảng vững chắc cho việc phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Chính yếu tố này đã giúp quan hệ giữa Trung Quốc và Nga không ngừng được củng cố và phát triển mạnh mẽ trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu nhiều biến động. Chủ tịch Tập Cận Bình và Tổng thống Vladimir Putin đều được biết đến với phong cách lãnh đạo quyết đoán, tập trung vào việc củng cố quyền lực trong nước và tăng cường vị thế quốc tế của đất nước mình. Cả hai đều ủng hộ các chính sách đối ngoại độc lập, không phụ thuộc vào ảnh hưởng của phương Tây và nhấn mạnh vào việc phát triển quan hệ với các quốc gia ngoài khối phương Tây. Sự tương đồng về tư duy chính trị này đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành một mối quan hệ đối tác chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nga, không chỉ về kinh tế mà còn cả về chính trị, quốc phòng, an ninh và văn hoá. Điều quan trọng hơn khi cả hai nhà lãnh đạo đều nhắm đến một trật tự thế giới đa cực, trong đó Trung Quốc và Nga đóng vai trò trung tâm, đối lập với mô hình thế giới đơn cực do Mỹ và phương Tây lãnh đạo. Một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy mối quan hệ này là các cuộc gặp gỡ cấp cao thường xuyên giữa hai nhà lãnh đạo. Những cuộc hội đàm này không chỉ giúp hai bên thảo luận về các vấn đề chiến lược quan trọng mà còn củng cố mối quan hệ cá nhân giữa hai nhà lãnh đạo. Sự gần gũi này đã tạo ra một động lực mạnh mẽ để cả hai tiếp tục phát triển mối quan hệ đối tác chiến lược, bất chấp những áp lực và thách thức từ cộng đồng quốc tế. Một trong những điểm nhấn quan trọng của mối quan hệ này là tuyên bố chung vào tháng 2 năm 2022, khi cả hai nhà lãnh đạo nhấn mạnh rằng quan hệ đối tác giữa Trung Quốc và Nga là “không có giới hạn”. Tuyên bố này khẳng định rằng không có lĩnh vực nào “bị cấm” trong hợp tác giữa hai quốc gia, từ kinh tế, năng lượng đến an ninh, quốc phòng và văn hóa. Tuyên bố này không chỉ là biểu hiện của sự đồng thuận chiến lược giữa hai nước, mà còn gửi một thông điệp mạnh mẽ đến các đối thủ phương Tây, đặc biệt là Mỹ, rằng Trung Quốc và Nga sẽ đoàn kết trong việc đối phó với những thách thức toàn cầu, đặc biệt là những áp lực kinh tế và chính trị từ phía phương Tây.

4.1.3. Tác động của quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga đối với hai nước, thế giới, khu vực, Việt Nam

4.1.3.1. Đối với hai nước

** Đối với Trung Quốc*

Trong giai đoạn 2012 - 2024, quan hệ Trung - Nga đã phát triển mạnh mẽ, trở thành một trong những hợp tác chiến lược quan trọng nhất trên thế giới. Quan hệ này không chỉ ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, quân sự và chính trị của Nga mà còn có những tác động sâu rộng đối với Trung Quốc. Từ việc củng cố an ninh năng lượng, tăng cường sức mạnh quân sự, đến mở rộng ảnh hưởng địa chính trị, mối quan hệ với Nga đã mang lại cho Trung Quốc nhiều lợi ích chiến lược quan trọng cũng như những thách thức phải đối mặt.

Thứ nhất, tác động tích cực:

Thúc đẩy Trung Quốc củng cố an ninh năng lượng và phát triển kinh tế. Một trong những tác động đáng kể nhất của mối quan hệ này đối với Trung Quốc là sự củng cố an ninh năng lượng. Trung Quốc, với nhu cầu năng lượng ngày càng tăng để duy trì sự phát triển kinh tế nhanh chóng, đã tìm thấy ở Nga một đối tác cung cấp năng lượng ổn định và đáng tin cậy. Việc ký kết hợp đồng cung cấp khí đốt trị giá 400 tỷ USD giữa Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Trung Quốc (CNPC) và Gazprom của Nga vào năm 2014 là một minh chứng rõ ràng cho điều này. Hợp đồng này đảm bảo rằng Trung Quốc sẽ nhận được 38 tỷ mét khối khí đốt mỗi năm từ Nga thông qua đường ống “Sức mạnh Siberia” trong vòng 30 năm, giúp Trung Quốc giảm sự phụ thuộc vào các nguồn năng lượng không ổn định từ Trung Đông. Ngoài ra, việc Trung Quốc trở thành thị trường tiêu thụ dầu mỏ lớn nhất của Nga cũng đã giúp Trung Quốc đa dạng hóa nguồn cung cấp năng lượng, giảm thiểu rủi ro từ biến động chính trị và xung đột ở các khu vực khác trên thế giới. Mối quan hệ năng lượng với Nga không chỉ giúp đảm bảo an ninh năng lượng cho Trung Quốc mà còn góp phần vào sự ổn định giá năng lượng trong nước, hỗ trợ phát triển kinh tế bền vững. Ngoài ra, sự hợp tác trong các dự án năng lượng như khai thác dầu khí và phát triển điện hạt nhân cũng đã thúc đẩy sự phát triển công nghệ và năng lực sản xuất của Trung Quốc. Việc chia sẻ công nghệ và kinh nghiệm trong lĩnh vực này với Nga không chỉ

giúp Trung Quốc cải thiện khả năng tự chủ về năng lượng mà còn mở rộng thị trường xuất khẩu công nghệ năng lượng của mình [Nghiên cứu quốc tế, 2024].

Thúc đẩy Trung Quốc tăng cường sức mạnh quân sự và an ninh quốc gia. Quan hệ Trung – Nga đã mang lại những tác động tích cực đối với sức mạnh quân sự và an ninh quốc gia của Trung Quốc. Sự hợp tác quân sự ngày càng sâu sắc giữa hai quốc gia đã giúp Trung Quốc nâng cao khả năng phòng thủ và đối phó với các mối đe dọa an ninh từ bên ngoài. Việc mua sắm các hệ thống vũ khí tiên tiến như hệ thống phòng không S-400 và máy bay chiến đấu Su-35 từ Nga đã cải thiện đáng kể năng lực quân sự của Trung Quốc. Bên cạnh đó, các cuộc tập trận quân sự chung giữa Trung Quốc và Nga, như cuộc tập trận Vostok-2018, đã giúp nâng cao khả năng phối hợp tác chiến và sự tin tưởng lẫn nhau giữa quân đội hai nước. Những cuộc tập trận này không chỉ là cơ hội để quân đội Trung Quốc thử nghiệm và nâng cao kỹ năng tác chiến mà còn là một thông điệp rõ ràng về sự sẵn sàng hợp tác và đối phó với các mối đe dọa chung từ phương Tây, đặc biệt là từ Mỹ và NATO. Hơn nữa, sự hợp tác trong lĩnh vực công nghệ quốc phòng giữa Trung Quốc và Nga đã mang lại nhiều lợi ích cho Trung Quốc. Trung Quốc đã tiếp nhận nhiều công nghệ tiên tiến từ Nga trong lĩnh vực tên lửa đạn đạo, không gian và an ninh mạng. Những công nghệ này không chỉ giúp Trung Quốc cải thiện năng lực tự vệ mà còn nâng cao vị thế của nước này trong các cuộc đàm phán quốc tế về kiểm soát vũ khí và an ninh toàn cầu [Brian Hart, Bonny Lin, Matthew P. Funairole, Samantha Lu, Hannah Price, Nicholas Kaufman, Gavril Torrijos, 2022].

Thúc đẩy Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng địa chính trị và tăng cường vị thế quốc tế. Quan hệ chiến lược với Nga đã giúp Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng địa chính trị và tăng cường vị thế quốc tế của mình. Thông qua sự phối hợp chặt chẽ trong các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc, Tổ chức SCO và BRICS, Trung Quốc đã cùng với Nga thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực, nơi quyền lực không chỉ tập trung vào các quốc gia phương Tây. Tại Liên Hợp Quốc, sự phối hợp giữa Trung Quốc và Nga trong việc phủ quyết các nghị quyết không có lợi cho lợi ích của họ, đặc biệt là trong các vấn đề liên quan đến Syria và Iran. Điều này đã giúp Trung Quốc củng cố vị thế của mình như một cường quốc bảo vệ chủ

quyền quốc gia và chống lại sự can thiệp từ bên ngoài. Ngoài ra, sự hợp tác này cũng giúp Trung Quốc xây dựng một hình ảnh tích cực trong mắt các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là những quốc gia ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh. Hơn nữa, sự hợp tác với Nga trong Tổ chức Hợp SCO đã giúp Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng của mình tại Trung Á, một khu vực có tầm quan trọng chiến lược đối với an ninh và phát triển kinh tế của Trung Quốc. SCO đã trở thành một diễn đàn quan trọng để Trung Quốc thúc đẩy lợi ích an ninh và kinh tế của mình, đồng thời đối phó với các thách thức từ phương Tây và các thế lực khủng bố trong khu vực [Mark Cozad, Cortez A. Cooper III, Alexis A. Blanc, David Woodworth, Anthony Atler, Kotryna Juknevičiute, Mark Hvizda, Sale Lilly, 2024].

Tác động tích cực đối với chiến lược kinh tế dài hạn của Trung Quốc. Quan hệ với Nga cũng đã tác động đến chiến lược kinh tế dài hạn của Trung Quốc, đặc biệt là trong việc thực hiện Sáng kiến BRI. Với vị trí địa lý chiến lược và tài nguyên thiên nhiên phong phú, Nga đã trở thành một đối tác quan trọng trong việc triển khai các dự án cơ sở hạ tầng và năng lượng quy mô lớn của Trung Quốc trong khuôn khổ BRI. Sự hợp tác này không chỉ giúp Trung Quốc mở rộng kết nối kinh tế với châu Âu và Trung Á mà còn củng cố vị thế của nước này như một trung tâm kinh tế toàn cầu. Việc đầu tư mạnh vào các dự án cơ sở hạ tầng tại Nga, đặc biệt là ở vùng Viễn Đông, đã giúp Trung Quốc không chỉ tăng cường kết nối kinh tế mà còn mở ra những cơ hội mới cho các doanh nghiệp Trung Quốc trong việc thâm nhập và phát triển thị trường Nga. Đồng thời, sự hợp tác này cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho Trung Quốc trong việc đa dạng hóa chuỗi cung ứng và giảm bớt sự phụ thuộc vào các tuyến đường thương mại truyền thống đi qua các khu vực có rủi ro chính trị cao [Tuyết Minh, 2021].

Thứ hai, tác động tiêu cực:

Khiến Trung Quốc phụ thuộc vào Nga trong lĩnh vực năng lượng và tiềm ẩn nguy cơ đối với an ninh kinh tế. Một trong những tác động tiêu cực đáng kể đối với Trung Quốc là sự phụ thuộc ngày càng tăng vào Nga trong lĩnh vực năng lượng. Mặc dù sự hợp tác với Nga đã giúp Trung Quốc đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng ổn định, nhưng nó cũng tạo ra một sự phụ thuộc nguy hiểm đối với một

nguồn cung cấp duy nhất. Khi Trung Quốc ngày càng dựa vào dầu mỏ và khí đốt từ Nga, nước này có thể phải đối mặt với những rủi ro nếu có bất kỳ biến động nào trong quan hệ song phương hoặc thay đổi chính trị tại Nga. Sự phụ thuộc này có thể dẫn đến các vấn đề về an ninh kinh tế, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu về tài nguyên năng lượng ngày càng gia tăng. Nếu Nga gặp khó khăn trong việc duy trì sản lượng hoặc quyết định thay đổi chính sách năng lượng của mình, Trung Quốc có thể phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt năng lượng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến nền kinh tế và tăng trưởng công nghiệp của nước này. Hơn nữa, sự phụ thuộc nhiều vào nguồn cung cấp từ Nga có thể làm giảm tính linh hoạt của Trung Quốc trong việc đàm phán các thỏa thuận năng lượng với các đối tác khác, khiến nước này dễ bị tổn thương hơn trước những biến động của thị trường năng lượng toàn cầu [Henrik Wachtmeister, 2023].

Gây nguy cơ mất cân bằng trong quan hệ đối tác chiến lược với Nga. Quan hệ đối tác chiến lược “không có giới hạn” giữa Trung Quốc và Nga, mặc dù mạnh mẽ, cũng có thể dẫn đến mất cân bằng trong quan hệ giữa hai quốc gia. Với vai trò là một cường quốc quân sự và nhà cung cấp năng lượng lớn, Nga có thể tận dụng mối quan hệ này để đạt được các lợi ích chiến lược mà không nhất thiết phải cân nhắc đầy đủ đến lợi ích của Trung Quốc. Điều này có thể dẫn đến sự bất cân xứng trong quyền lực và ảnh hưởng giữa hai quốc gia, khiến Trung Quốc phải đối mặt với những thách thức trong việc duy trì sự cân bằng trong quan hệ đối tác này. Trong khi Trung Quốc có thể cảm thấy áp lực phải hỗ trợ Nga trong các cuộc khủng hoảng chính trị hoặc quân sự, ví dụ như cuộc khủng hoảng Ukraine, Nga có thể không đáp lại bằng sự hỗ trợ tương tự trong các vấn đề mà Trung Quốc coi là quan trọng, chẳng hạn như vấn đề Biển Đông. Sự mất cân bằng này có thể làm suy yếu lòng tin giữa hai nước và khiến Trung Quốc phải cân nhắc lại chiến lược đối ngoại của mình để đảm bảo rằng lợi ích quốc gia của mình không bị tổn hại [Philipp Ivanov, 2023].

Trung Quốc hạn chế trong việc mở rộng quan hệ với các nước phương Tây, đồng thời khiến hình ảnh của Trung Quốc trên trường quốc tế bị ảnh hưởng. Mối quan hệ ngày càng chặt chẽ với Nga cũng có thể gây ra những hạn chế trong việc mở rộng quan hệ của Trung Quốc với các quốc gia phương Tây. Khi Trung Quốc đứng

về phía Nga trong các vấn đề quốc tế gây tranh cãi, như khủng hoảng Ukraine hay Syria, điều này có thể làm gia tăng căng thẳng giữa Trung Quốc và các quốc gia phương Tây, đặc biệt là Mỹ và châu Âu. Sự liên kết mạnh mẽ với Nga có thể khiến Trung Quốc khó khăn hơn trong việc xây dựng và duy trì các mối quan hệ kinh tế, chính trị với các quốc gia này, vốn là những đối tác thương mại và đầu tư quan trọng. Sự xa cách với phương Tây có thể khiến Trung Quốc phải đối mặt với các biện pháp trừng phạt kinh tế, cấm vận thương mại, hoặc hạn chế về công nghệ từ các quốc gia này. Điều này đặc biệt nguy hiểm trong bối cảnh Trung Quốc đang nỗ lực phát triển các ngành công nghệ cao và cần sự hợp tác với các đối tác phương Tây để tiếp cận công nghệ và tri thức tiên tiến. Nếu Trung Quốc bị cô lập trong cộng đồng quốc tế do hợp tác với Nga, điều này có thể cản trở các kế hoạch phát triển dài hạn của Trung Quốc và ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế [An Huy, 2023]. Việc Trung Quốc duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Nga, đặc biệt là trong bối cảnh Nga phải đối mặt với sự lên án quốc tế do các hành động như sáp nhập Crimea và can thiệp vào Ukraine, có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh của Trung Quốc trên trường quốc tế. Sự hợp tác chặt chẽ với Nga có thể khiến Trung Quốc bị coi là đồng minh của một quốc gia bị coi là vi phạm luật pháp quốc tế và nhân quyền, từ đó làm suy giảm uy tín của Trung Quốc trong mắt cộng đồng quốc tế. Hơn nữa, việc đứng về phía Nga trong các cuộc xung đột quốc tế có thể khiến Trung Quốc gặp khó khăn trong việc xây dựng các mối quan hệ hợp tác với các quốc gia khác, đặc biệt là các nước phương Tây. Điều này có thể cản trở nỗ lực của Trung Quốc trong việc thúc đẩy chính sách đối ngoại đa phương và mở rộng ảnh hưởng toàn cầu của mình. Trong bối cảnh Trung Quốc đang cố gắng xây dựng hình ảnh như một cường quốc có trách nhiệm và đáng tin cậy, sự hợp tác sâu rộng với Nga có thể đặt ra những thách thức không nhỏ đối với các mục tiêu này [Hugo von Essen, 2024].

Gây căng thẳng địa chính trị tại Trung Á và Viễn Đông. Quan hệ Trung Quốc - Nga, mặc dù dựa trên sự hợp tác, cũng đã tạo ra những căng thẳng địa chính trị tại Trung Á và Viễn Đông, hai khu vực có tầm quan trọng chiến lược đối với cả hai quốc gia. Sự cạnh tranh ảnh hưởng tại Trung Á, nơi mà cả Trung Quốc và Nga đều có những lợi ích chiến lược, đã dẫn đến những xung đột tiềm tàng giữa hai cường quốc. Trung Quốc,

thông qua Sáng kiến BRI, đã đầu tư mạnh mẽ vào khu vực này, trong khi Nga nỗ lực duy trì ảnh hưởng của mình thông qua các tổ chức khu vực như Tổ chức Hiệp ước An ninh Tập thể (CSTO) và “liên minh” Kinh tế Á-Âu (EAEU). Sự cạnh tranh này có thể làm suy yếu sự hợp tác giữa Trung Quốc và Nga, dẫn đến các mâu thuẫn về lợi ích quốc gia và làm phức tạp thêm tình hình an ninh tại khu vực. Hơn nữa, nếu mối quan hệ giữa hai nước trở nên căng thẳng hơn, điều này có thể tạo ra những lỗ hổng trong chiến lược an ninh của Trung Quốc tại Trung Á, làm giảm khả năng của Trung Quốc trong việc duy trì ổn định khu vực và bảo vệ các tuyến đường thương mại quan trọng. Tại Viễn Đông, sự gia tăng ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc cũng đã gây ra sự lo ngại cho Nga. Mặc dù hai nước đã hợp tác trong nhiều dự án kinh tế tại khu vực này, nhưng sự hiện diện ngày càng tăng của các doanh nghiệp Trung Quốc có thể dẫn đến những xung đột về lợi ích, đặc biệt là trong các lĩnh vực khai thác tài nguyên và phát triển cơ sở hạ tầng. Điều này có thể làm gia tăng căng thẳng giữa hai nước và đe dọa sự ổn định của quan hệ song phương [Nguyễn Long, 2024].

** Đối với Liên bang Nga*

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2024, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên bang Nga đã mang lại nhiều tác động tích cực đối với Nga. Khi Nga phải đối mặt với những thách thức từ phương Tây, sự hợp tác toàn diện với Trung Quốc đã giúp Nga củng cố nền kinh tế, tăng cường sức mạnh quân sự, mở rộng ảnh hưởng địa chính trị và thúc đẩy sự phát triển công nghệ. Bên cạnh đó, trong quan hệ với Trung Quốc cũng khiến Nga gặp nhiều thách thức và rủi ro.

Thứ nhất, tác động tích cực:

Thúc đẩy Nga củng cố kinh tế và giảm bớt tác động từ các lệnh trừng phạt của phương Tây. Một trong những lợi ích lớn nhất của mối quan hệ với Trung Quốc đối với Nga là khả năng giúp Nga giảm bớt tác động của các lệnh trừng phạt kinh tế từ phương Tây. Sau khi Nga sáp nhập Crimea vào năm 2014, Mỹ và Liên minh châu Âu đã áp đặt các lệnh trừng phạt kinh tế nghiêm trọng, gây ra những khó khăn đáng kể cho nền kinh tế Nga. Trong bối cảnh này, Trung Quốc đã trở thành một đối tác kinh tế quan trọng, giúp Nga duy trì sự ổn định kinh tế và mở rộng thị trường xuất khẩu. Một ví dụ điển hình là sự hợp tác trong lĩnh vực năng lượng. Những hợp

đồng năng lượng ký kết với Trung Quốc, không chỉ giúp Nga mở rộng thị trường năng lượng ra ngoài châu Âu mà còn mang lại nguồn thu ổn định cho nền kinh tế Nga, giảm bớt sự phụ thuộc vào các thị trường phương Tây. Ngoài ra, Trung Quốc cũng đã đầu tư mạnh mẽ vào các dự án cơ sở hạ tầng tại Nga, đặc biệt là ở vùng Viễn Đông. Những dự án này không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực mà còn tạo việc làm cho người dân Nga, góp phần cải thiện đời sống kinh tế xã hội. Sự hiện diện của Trung Quốc trong các dự án phát triển này đã giúp Nga thu hút thêm vốn đầu tư nước ngoài, đồng thời củng cố vị thế của nước này như một trung tâm kết nối giữa châu Âu và châu Á [Nhật Linh, 2022].

Thúc đẩy Nga tăng cường sức mạnh quân sự và an ninh quốc gia. Mỗi quan hệ chiến lược với Trung Quốc đã đóng góp đáng kể vào việc tăng cường sức mạnh quân sự và an ninh quốc gia của Nga. Khi Nga phải đối mặt với các lệnh cấm vận vũ khí và công nghệ quân sự từ phương Tây, sự hợp tác với Trung Quốc đã giúp nước này tiếp cận các công nghệ quốc phòng tiên tiến, đảm bảo khả năng tự chủ trong lĩnh vực quốc phòng. Nga và Trung Quốc đã thực hiện nhiều cuộc tập trận quân sự chung, bao gồm các cuộc tập trận quy mô lớn như Vostok-2018 với sự tham gia của hàng trăm ngàn binh sĩ từ cả hai bên. Những cuộc tập trận này không chỉ giúp tăng cường khả năng phối hợp tác chiến giữa quân đội Nga và Trung Quốc mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự sẵn sàng hợp tác trong việc đối phó với các thách thức an ninh khu vực và toàn cầu. Hơn nữa, sự hợp tác trong lĩnh vực phát triển và chia sẻ công nghệ quân sự cũng đã mang lại lợi ích cho Nga. Trong bối cảnh bị phương Tây cấm vận, Nga đã tìm thấy ở Trung Quốc một đối tác tin cậy trong việc phát triển và nâng cấp các hệ thống vũ khí hiện đại, bao gồm tên lửa đạn đạo, máy bay chiến đấu và hệ thống phòng không. Sự hợp tác này không chỉ giúp Nga duy trì và nâng cao năng lực quốc phòng mà còn khẳng định vị thế của nước này như một cường quốc quân sự hàng đầu thế giới [Nguyễn Nguyễn, 2023].

Thúc đẩy Nga mở rộng ảnh hưởng địa chính trị tại khu vực Á – Âu. Quan hệ với Trung Quốc đã giúp Nga mở rộng ảnh hưởng địa chính trị tại khu vực Á – Âu, đặc biệt là tại Trung Á và vùng Viễn Đông. Trung Á là khu vực mà Nga coi là “sân sau” truyền thống của mình và sự hợp tác với Trung Quốc thông qua các tổ chức khu

vực như Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) đã giúp Nga củng cố vị thế của mình tại đây. Mặc dù có sự cạnh tranh về ảnh hưởng với Trung Quốc, nhưng sự hợp tác trong các vấn đề an ninh và kinh tế đã giúp Nga duy trì vai trò lãnh đạo trong khu vực. Vùng Viễn Đông của Nga, một khu vực giàu tài nguyên và có vị trí địa lý chiến lược, cũng đã hưởng lợi từ sự hợp tác kinh tế với Trung Quốc. Trung Quốc đã đầu tư vào nhiều dự án cơ sở hạ tầng tại đây, bao gồm các tuyến đường sắt và đường bộ kết nối với Đông Bắc Trung Quốc. Những dự án này không chỉ giúp phát triển kinh tế khu vực Viễn Đông mà còn tăng cường kết nối giữa Nga và Trung Quốc, từ đó mở rộng ảnh hưởng của Nga tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Ngoài ra, sự hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc trong các tổ chức quốc tế như BRICS và G20 đã giúp Nga tăng cường vị thế của mình trên trường quốc tế. Thông qua việc phối hợp chính sách với Trung Quốc, Nga đã đóng góp vào việc thúc đẩy một trật tự thế giới đa cực.

Thúc đẩy Nga phát triển công nghệ và thúc đẩy hiện đại hóa kinh tế. Mối quan hệ với Trung Quốc cũng đã góp phần thúc đẩy hiện đại hóa kinh tế và phát triển công nghệ của Nga. Trong bối cảnh bị cấm vận công nghệ từ phương Tây, Nga đã hợp tác với Trung Quốc trong nhiều lĩnh vực công nghệ cao, bao gồm viễn thông, không gian. Sự hợp tác này đã giúp Nga tiếp cận với các công nghệ tiên tiến, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp chiến lược. Một ví dụ nổi bật là sự hợp tác trong lĩnh vực viễn thông khi Trung Quốc đã hỗ trợ Nga trong việc triển khai công nghệ 5G. Sự hỗ trợ này không chỉ giúp Nga duy trì khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực công nghệ mà còn mở ra những cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế và xã hội. Ngoài ra, sự hợp tác trong lĩnh vực không gian cũng đã giúp Nga duy trì vị thế của mình như một cường quốc không gian hàng đầu, trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt [Quốc Anh, 2022].

Thúc đẩy Nga tăng cường liên kết thương mại và đầu tư. Quan hệ Trung – Nga đã góp phần đáng kể vào việc tăng cường liên kết thương mại và đầu tư giữa hai nước. Kim ngạch thương mại song phương đã tăng trưởng mạnh mẽ trong thập kỷ qua, đạt mức kỷ lục 240 tỷ USD vào năm 2023. Trung Quốc đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Nga và hai nước đã ký kết nhiều hiệp định thương mại và đầu tư, mở ra những cơ hội mới cho các doanh nghiệp của cả hai bên. Ngoài ra, sự

hợp tác trong lĩnh vực đầu tư cũng đã giúp Nga thu hút thêm vốn đầu tư từ Trung Quốc, đặc biệt là trong các dự án cơ sở hạ tầng và năng lượng. Những dự án này không chỉ tạo ra việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia [Mỹ Nga, 2024].

Thứ hai, tác động tiêu cực:

Nga ngày càng phụ thuộc về kinh tế vào Trung Quốc. Một trong những vấn đề nghiêm trọng mà Nga phải đối mặt trong mối quan hệ với Trung Quốc là sự phụ thuộc kinh tế ngày càng tăng. Sau khi bị phương Tây áp đặt các lệnh trừng phạt kinh tế nghiêm trọng vào năm 2014 do cuộc khủng hoảng Ukraine, Nga đã phải chuyển hướng tìm kiếm các đối tác kinh tế mới, trong đó Trung Quốc trở thành đối tác quan trọng nhất. Tuy nhiên, sự chuyển hướng này cũng đồng nghĩa với việc Nga ngày càng phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng. Việc Nga phụ thuộc vào Trung Quốc để tiêu thụ một lượng lớn dầu mỏ và khí đốt của mình đã làm giảm tính linh hoạt của Nga trong đàm phán các thỏa thuận năng lượng với các quốc gia khác. Nếu có bất kỳ biến động nào trong mối quan hệ song phương, chẳng hạn như tranh chấp về giá cả hoặc bất đồng về chính sách, Nga có thể rơi vào tình trạng khó khăn khi phải tìm kiếm các thị trường thay thế trong thời gian ngắn. Điều này đặc biệt nguy hiểm trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu về tài nguyên năng lượng ngày càng gay gắt và nhu cầu tiêu thụ năng lượng không ổn định. Ngoài ra, sự phụ thuộc vào đầu tư và vốn từ Trung Quốc cũng có thể làm suy yếu khả năng tự chủ kinh tế của Nga. Khi Trung Quốc đầu tư mạnh vào các dự án cơ sở hạ tầng và công nghiệp tại Nga, Nga có thể phải chịu áp lực từ Trung Quốc về các điều khoản tài chính và các điều kiện đầu tư. Điều này có thể dẫn đến sự mất cân bằng trong quyền lực kinh tế giữa hai nước, làm giảm khả năng của Nga trong việc điều tiết các chính sách kinh tế theo lợi ích quốc gia của mình [Trà Khánh, 2024].

Nga gặp nguy cơ mất cân bằng quyền lực trong quan hệ đối tác chiến lược với Trung Quốc. Mối quan hệ đối tác chiến lược giữa Trung Quốc và Nga, mặc dù mạnh mẽ, cũng tiềm ẩn nguy cơ mất cân bằng quyền lực. Trung Quốc, với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và sức mạnh quân sự ngày càng gia tăng, đang dần trở thành

một cường quốc toàn cầu. Trong khi đó, nền kinh tế Nga, dù giàu tài nguyên, vẫn đang gặp nhiều khó khăn và không thể so sánh với quy mô kinh tế của Trung Quốc. Điều này có thể dẫn đến sự mất cân bằng quyền lực trong quan hệ song phương khi Trung Quốc có thể lợi dụng vị thế mạnh hơn để định hình các điều khoản hợp tác theo hướng có lợi cho mình. Sự mất cân bằng này có thể biểu hiện rõ nhất trong các cuộc đàm phán thương mại, đầu tư và các dự án hợp tác chiến lược. Ví dụ, trong các thỏa thuận năng lượng, Trung Quốc có thể đòi hỏi các điều kiện ưu đãi hoặc sử dụng sức mạnh kinh tế của mình để ép buộc Nga chấp nhận các điều khoản không có lợi. Điều này có thể làm suy yếu vị thế đàm phán của Nga và dẫn đến các thỏa thuận không cân bằng, gây bất lợi cho lợi ích kinh tế và chiến lược dài hạn của Nga. Hơn nữa, trong các vấn đề quốc tế, Trung Quốc có thể chọn theo đuổi lợi ích riêng của mình mà không nhất thiết phải cân nhắc đến lợi ích của Nga. Ví dụ, trong các cuộc xung đột quốc tế như khủng hoảng Syria hay vấn đề Biển Đông, Trung Quốc có thể chọn một lập trường không đồng nhất với Nga, khiến Nga rơi vào tình thế khó xử và phải điều chỉnh chiến lược đối ngoại của mình để không làm mất lòng đối tác quan trọng này [Nhu Thạch, 2023].

Nga chịu những ảnh hưởng từ sự căng thẳng địa chính trị tại Trung Á và Viễn Đông với Trung Quốc. Mọi quan hệ giữa Nga và Trung Quốc không chỉ dựa trên sự hợp tác mà còn tồn tại những căng thẳng địa chính trị, đặc biệt là tại các khu vực chiến lược như Trung Á và Viễn Đông. Trung Á, nơi mà Nga coi là “sân sau” của mình, đã chứng kiến sự gia tăng ảnh hưởng mạnh mẽ của Trung Quốc thông qua Sáng kiến BRI. Sự hiện diện ngày càng tăng của Trung Quốc tại khu vực này đã gây ra những lo ngại cho Nga, khi Nga lo ngại mất đi tầm ảnh hưởng truyền thống của mình. Trong khi hai nước vẫn duy trì hợp tác trong các vấn đề an ninh khu vực, sự cạnh tranh về ảnh hưởng tại Trung Á có thể dẫn đến những mâu thuẫn tiềm tàng. Trung Quốc, với sức mạnh kinh tế vượt trội, đã đầu tư mạnh vào cơ sở hạ tầng và các dự án năng lượng tại các nước Trung Á, làm giảm sự phụ thuộc của các nước này vào Nga. Điều này có thể làm suy yếu vai trò lãnh đạo của Nga tại khu vực và dẫn đến các xung đột về lợi ích chiến lược giữa hai cường quốc. Tại Viễn Đông, sự hiện diện kinh tế của Trung Quốc cũng đã gây ra những lo ngại cho Nga. Mặc dù

hợp tác trong nhiều dự án phát triển kinh tế, Nga vẫn lo ngại về sự phụ thuộc nhiều của khu vực này vào Trung Quốc. Sự hiện diện của các doanh nghiệp Trung Quốc trong các lĩnh vực khai thác tài nguyên và phát triển cơ sở hạ tầng có thể dẫn đến sự mất kiểm soát của Nga đối với các nguồn tài nguyên chiến lược của mình. Điều này có thể làm tăng căng thẳng giữa hai nước và đe dọa sự ổn định của mối quan hệ song phương [Duy Hưng, 2024].

Nga giảm khả năng duy trì, cải thiện quan hệ với các nước phương Tây. Quan hệ ngày càng chặt chẽ với Trung Quốc cũng đã đặt ra những thách thức đối với khả năng của Nga trong việc duy trì và cải thiện quan hệ với các quốc gia phương Tây. Khi Nga ngày càng dựa vào Trung Quốc như một đối tác chiến lược chính, nước này có thể gặp khó khăn trong việc xây dựng lại các mối quan hệ hợp tác với Mỹ và các nước châu Âu. Sự liên kết mạnh mẽ với Trung Quốc có thể khiến Nga bị cô lập hơn trên trường quốc tế, đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu giữa phương Tây và Trung Quốc ngày càng gia tăng. Hơn nữa, sự hợp tác chặt chẽ với Trung Quốc có thể làm giảm khả năng của Nga trong việc thực hiện một chính sách đối ngoại độc lập và đa dạng. Khi Nga phải cân nhắc lợi ích của Trung Quốc trong các quyết định đối ngoại, điều này có thể hạn chế khả năng của Nga trong việc điều chỉnh chiến lược để phù hợp với lợi ích quốc gia riêng của mình. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Nga đang cố gắng duy trì một vị thế cân bằng giữa phương Tây và phương Đông, để tối ưu hóa các lợi ích chiến lược của mình. Sự suy giảm khả năng duy trì quan hệ với phương Tây cũng có thể dẫn đến những hậu quả kinh tế tiêu cực, khi Nga mất đi các cơ hội tiếp cận thị trường, công nghệ và vốn từ các quốc gia phát triển. Điều này có thể làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nga và gây ra những khó khăn trong việc hiện đại hóa các ngành công nghiệp chiến lược [Thi Thi, 2023].

Cơ cấu nền kinh tế Nga tiếp tục mất cân đối một phần do áp lực cạnh tranh từ nhập khẩu hàng hoá tiêu dùng ngày càng nhiều từ Trung Quốc. Mặc dù Trung Quốc đã đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ kinh tế Nga trong bối cảnh bị phương Tây trừng phạt, nhưng sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc cũng mang lại những rủi ro đáng kể. Khi Trung Quốc ngày càng nắm giữ vị trí chi phối trong thương mại và đầu tư song phương, điều này có thể tạo ra áp lực kinh tế đối

với Nga. Trong trường hợp Trung Quốc quyết định thay đổi chính sách thương mại hoặc giảm mức độ đầu tư vào Nga, nền kinh tế Nga có thể phải đối mặt với những cú sốc nghiêm trọng. Ngoài ra, sự phụ thuộc vào Trung Quốc cũng có thể làm gia tăng sự bất bình đẳng trong cơ cấu kinh tế của Nga, khi các ngành công nghiệp quan trọng của nước này phải chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các sản phẩm và dịch vụ của Trung Quốc. Điều này có thể làm suy yếu năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Nga trên thị trường nội địa và quốc tế, dẫn đến sự suy giảm trong sản xuất và việc làm.

4.1.3.2. Đối với thế giới và khu vực châu Á - Thái Bình Dương

** Đối với thế giới*

Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2024, quan hệ giữa Trung Quốc và Liên bang Nga đã phát triển mạnh mẽ, trở thành một trong những mối quan hệ đối tác chiến lược quan trọng nhất trên thế giới. Sự hợp tác chặt chẽ giữa hai cường quốc này không chỉ tác động sâu rộng đến khu vực Á – Âu mà còn có ảnh hưởng lớn đến trật tự quốc tế, đặc biệt là trong các vấn đề an ninh, kinh tế, và địa chính trị.

Quan hệ Trung - Nga khiến cán cân quyền lực toàn cầu chuyển dịch lớn. Một trong những tác động lớn nhất của mối quan hệ Trung Quốc - Nga là sự thay đổi cán cân quyền lực toàn cầu. Trước đây, trật tự thế giới chủ yếu được định hình bởi các quốc gia phương Tây, đặc biệt là Mỹ và các đồng minh châu Âu. Tuy nhiên, với sự trỗi dậy của Trung Quốc và sự hồi phục của Nga, cán cân quyền lực toàn cầu đã chuyển dịch theo hướng đa cực, nơi mà quyền lực không chỉ tập trung vào phương Tây mà còn được phân tán hơn. Quan hệ Trung Quốc – Nga đã củng cố vai trò của hai nước này như những đối trọng quan trọng đối với Mỹ và các đồng minh của họ. Sự hợp tác giữa hai nước trong các vấn đề quốc tế, từ an ninh đến thương mại, đã tạo ra một “liên minh” mạnh mẽ có khả năng thách thức sự thống trị của phương Tây trên nhiều mặt trận. Điều này không chỉ làm suy yếu ảnh hưởng của Mỹ và NATO mà còn mở ra những cơ hội mới cho các quốc gia đang phát triển, giúp họ có thêm lựa chọn trong việc xây dựng các liên minh chiến lược. Sự thay đổi này cũng phản ánh rõ ràng qua việc Trung Quốc và Nga phối hợp hành động trong các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc, BRICS, và G20. Cả hai nước đã sử dụng

quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc để ngăn chặn các nghị quyết mà họ cho là không phù hợp với lợi ích của mình hoặc các quốc gia đồng minh. Sự phối hợp này không chỉ giúp bảo vệ lợi ích quốc gia của Trung Quốc và Nga mà còn thúc đẩy một trật tự thế giới mới, nơi các quốc gia phương Tây không còn giữ vai trò độc tôn [Hal Brands, 2022].

Quan hệ Trung - Nga khiến cấu trúc kinh tế, thương mại, năng lượng toàn cầu thay đổi. Quan hệ kinh tế ngày càng mật thiết giữa Trung Quốc và Liên bang Nga, đặc biệt kể từ sau cuộc xung đột Nga - Ukraine năm 2022, đã trở thành một nhân tố có tác động sâu sắc đến cấu trúc kinh tế và thương mại toàn cầu. Dưới áp lực của các lệnh trừng phạt từ phương Tây, Nga đã chủ động chuyển hướng thương mại và đầu tư sang khu vực châu Á, trong đó Trung Quốc đóng vai trò trung tâm. Sự điều chỉnh này không chỉ mang tính chiến lược ngắn hạn mà đang định hình lại các dòng chảy thương mại và năng lượng theo hướng cấu trúc hóa một trục kinh tế Á - Âu mới, độc lập tương đối với hệ thống do phương Tây dẫn dắt.

Thương mại song phương Trung - Nga đã tăng trưởng vượt bậc trong thời gian ngắn, đạt mức kỷ lục 196 tỷ USD chỉ trong 10 tháng đầu năm 2023 - vượt cả tổng kim ngạch năm 2022. Đáng chú ý, trong khi Trung Quốc gia tăng mạnh mẽ nhập khẩu năng lượng và nguyên liệu chiến lược từ Nga, thì Nga đã nổi lên như một trong những đối tác thương mại tăng trưởng nhanh nhất của Trung Quốc. Xu hướng này không chỉ phản ánh sự dịch chuyển trọng tâm thương mại của Nga khỏi thị trường châu Âu, mà còn tạo điều kiện cho Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng kinh tế trong khu vực Á - Âu.

Trong lĩnh vực năng lượng, mối liên kết song phương đã tái cấu trúc rõ rệt chuỗi cung ứng toàn cầu. Kể từ tháng 2/2023, Nga trở thành nhà cung cấp dầu thô lớn nhất cho Trung Quốc, chiếm gần 20% tổng lượng dầu nhập khẩu, với sản lượng lên tới 2 triệu thùng/ngày. Tính riêng tháng 7/2023, Trung Quốc và Ấn Độ đã chiếm tới 80% tổng lượng dầu xuất khẩu của Nga, mang lại cho Nga doanh thu ước tính 15,3 tỷ USD. Việc Nga chuyển dòng chảy năng lượng sang phương Đông, đồng thời buộc châu Âu tìm kiếm nguồn cung thay thế, đã làm thay đổi căn bản cục diện thị trường năng lượng thế giới, cả về mặt địa lý lẫn cán cân quyền lực kinh tế.

Hơn thế nữa, các dự án hợp tác hạ tầng, đầu tư xuyên biên giới và những nỗ lực kết nối hai sáng kiến lớn “Vành đai và Con đường” của Trung Quốc và “Liên minh Kinh tế Á - Âu” của Nga đang đặt nền móng cho một mạng lưới thương mại liên khu vực mới, có khả năng cạnh tranh với các cấu trúc thương mại truyền thống do phương Tây định hình. Sự dịch chuyển này không chỉ mang lại lợi ích song phương mà còn tạo ra các hiệu ứng lan tỏa, mở ra không gian hợp tác mới cho các quốc gia thứ ba, đồng thời đặt ra thách thức về tính linh hoạt và thích ứng của các nền kinh tế vốn phụ thuộc vào thị trường Trung - Nga. [Thi Thi, 2023].

Quan hệ Trung - Nga tác động sâu rộng đến cấu trúc an ninh toàn cầu. Quan hệ chiến lược giữa Trung Quốc và Nga cũng có tác động sâu rộng đến an ninh khu vực và toàn cầu. Sự hợp tác quân sự giữa hai nước đã làm thay đổi cán cân quyền lực quân sự tại nhiều khu vực, từ châu Á – Thái Bình Dương đến châu Âu và Trung Đông. Một trong những biểu hiện rõ ràng nhất của sự hợp tác quân sự này là các cuộc tập trận chung quy mô lớn giữa quân đội Trung Quốc và Nga, như Vostok-2018 và các cuộc tập trận hải quân chung trên biển Đông và biển Nhật Bản. Những cuộc tập trận này không chỉ giúp tăng cường khả năng phối hợp tác chiến giữa quân đội hai nước mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự sẵn sàng hợp tác để đối phó với các thách thức an ninh khu vực và toàn cầu. Điều này đã làm gia tăng lo ngại của Mỹ và các đồng minh trong khu vực về sự gia tăng sức mạnh quân sự của Trung Quốc và Nga. Ngoài ra, sự hợp tác trong lĩnh vực công nghệ quốc phòng và phát triển vũ khí giữa Trung Quốc và Nga cũng đã tác động đến cân bằng quân sự toàn cầu. Nga đã cung cấp cho Trung Quốc các hệ thống vũ khí hiện đại, bao gồm máy bay chiến đấu Su-35 và hệ thống phòng không S-400, giúp Trung Quốc nâng cao năng lực quốc phòng của mình. Điều này không chỉ làm gia tăng sức mạnh quân sự của Trung Quốc mà còn thúc đẩy cuộc chạy đua vũ trang tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương, khi các quốc gia khác phải đầu tư nhiều hơn vào quân sự để đối phó với mối đe dọa ngày càng lớn từ Trung Quốc. Trên bình diện toàn cầu, quan hệ Trung Quốc – Nga đã góp phần vào việc định hình lại các liên minh quân sự và an ninh. Sự hợp tác chặt chẽ giữa hai cường quốc này đã làm suy yếu ảnh hưởng của các liên minh truyền thống

như NATO, đồng thời thúc đẩy các quốc gia khác cân nhắc lại chiến lược an ninh của mình để đối phó với mối đe dọa từ Trung Quốc và Nga. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh căng thẳng gia tăng tại các khu vực như Biển Đông, biển Hoa Đông và biên giới Trung Quốc - Ấn Độ [Vũ Thanh, 2024].

Quan hệ Trung - Nga tác động sâu rộng đến trật tự quốc tế và luật pháp quốc tế. Cả hai quốc gia này đều theo đuổi một chính sách đối ngoại dựa trên nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia khác và bảo vệ chủ quyền quốc gia. Quan điểm này đã dẫn đến những xung đột với phương Tây, đặc biệt là Mỹ và các nước châu Âu, trong các vấn đề quốc tế như khủng hoảng Syria, vấn đề Biển Đông và xung đột Ukraine. Tại Liên Hợp Quốc, Trung Quốc và Nga đã nhiều lần sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an để ngăn chặn các nghị quyết mà họ cho là vi phạm nguyên tắc chủ quyền quốc gia hoặc có thể dẫn đến sự can thiệp quân sự từ bên ngoài. Điều này đã tạo ra những chia rẽ sâu sắc trong cộng đồng quốc tế về cách thức giải quyết các cuộc khủng hoảng quốc tế và bảo vệ nhân quyền. Sự phối hợp giữa Trung Quốc và Nga trong việc bảo vệ các nguyên tắc chủ quyền và không can thiệp đã làm suy yếu khả năng của Liên Hợp Quốc trong việc thực thi các nghị quyết quốc tế, đặc biệt là trong các cuộc xung đột nơi mà phương Tây và các đồng minh của họ muốn áp dụng các biện pháp can thiệp quân sự. Điều này không chỉ làm phức tạp thêm các nỗ lực gìn giữ hòa bình quốc tế mà còn thúc đẩy các quốc gia khác theo đuổi chính sách đối ngoại dựa trên sức mạnh quân sự và chủ quyền quốc gia, thay vì hợp tác quốc tế [VTV, 2024].

Quan hệ Trung - Nga góp phần chống lại sự áp đặt giá trị của phương Tây. Cả hai quốc gia này đều theo đuổi một chính sách đối ngoại tập trung vào bảo vệ lợi ích quốc gia và phản đối các giá trị dân chủ phương Tây. Quan điểm này đã tạo ra sự ủng hộ từ các phong trào theo chủ nghĩa dân tộc tại nhiều quốc gia, nơi mà các nhà lãnh đạo chính trị tìm cách khai thác sự bất mãn của người dân đối với toàn cầu hóa và các giá trị dân chủ phương Tây. Sự gia tăng của các phong trào dân tộc đã làm suy yếu trật tự quốc tế dựa trên các giá trị dân chủ và pháp quyền, đồng thời thúc đẩy một trật tự mới, nơi mà các quốc gia ngày càng tập trung vào lợi ích quốc gia và sức mạnh quân sự. Điều này đã dẫn đến sự gia tăng của các xung đột khu vực

và quốc tế, khi các quốc gia ngày càng cạnh tranh gay gắt hơn về ảnh hưởng và tài nguyên. Hơn nữa, sự hợp tác giữa Trung Quốc và Nga trong việc chống lại các giá trị dân chủ phương Tây đã làm phức tạp thêm các nỗ lực của các tổ chức quốc tế và các quốc gia phương Tây trong việc thúc đẩy dân chủ và nhân quyền trên toàn cầu. Điều này không chỉ làm suy giảm ảnh hưởng của phương Tây trong các vấn đề quốc tế mà còn mở ra những thách thức mới đối với các nỗ lực gìn giữ hòa bình và ổn định quốc tế [R. Evan Ellis, 2024].

** Đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương*

Quan hệ chiến lược giữa Trung Quốc và Liên bang Nga trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2024 đã có những tác động sâu rộng đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương, một trong những khu vực năng động nhất về kinh tế và địa chính trị trên thế giới. Mối quan hệ này đã làm thay đổi cấu trúc quyền lực tại khu vực, nhất là ảnh hưởng đến các vấn đề an ninh, kinh tế và sự hợp tác khu vực.

Quan hệ Trung - Nga tái định hình cán cân quyền lực châu Á - Thái Bình Dương, gia tăng cạnh tranh và thách thức chiến lược khu vực và toàn cầu của Mỹ. Trung Quốc, thông qua Sáng kiến BRI, đã đầu tư mạnh mẽ vào cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế tại nhiều quốc gia trong khu vực, bao gồm các dự án đường sắt, cảng biển và năng lượng. Điều này không chỉ giúp Trung Quốc tăng cường kết nối kinh tế với các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương mà còn mở rộng tầm ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực này. Mặc dù không có sức mạnh kinh tế như Trung Quốc, nhưng Nga đã tận dụng mối quan hệ với Trung Quốc để củng cố vị thế của mình trong khu vực. Việc tăng cường hợp tác với Trung Quốc đã giúp Nga duy trì và mở rộng ảnh hưởng tại Đông Á và Đông Nam Á, nơi mà Nga đã thực hiện nhiều chính sách ngoại giao và hợp tác quân sự nhằm thúc đẩy mối quan hệ với các quốc gia trong khu vực. Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga tại châu Á - Thái Bình Dương đã làm thay đổi cán cân quyền lực tại khu vực, tạo ra một thách thức đối với vai trò truyền thống của Mỹ và các đồng minh. Điều này đã làm tăng sự cạnh tranh địa chính trị trong khu vực, khi các quốc gia phải điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình để đối phó với sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực khu vực [M.K. Bhadrakumar, 2023].

Quan hệ Trung – Nga đang ngày càng sâu sắc đã góp phần tái định hình cấu trúc kinh tế và thương mại tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương theo hướng mở rộng liên kết song phương, thúc đẩy cơ hội hợp tác hạ tầng và năng lượng, đồng thời gây ra áp lực cạnh tranh và mất cân bằng thương mại đối với nhiều quốc gia trong khu vực. Mỗi quan hệ kinh tế chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nga cũng đã có những tác động lớn đến kinh tế và thương mại tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trung Quốc, với tư cách là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đã tận dụng mối quan hệ với Nga để thúc đẩy các sáng kiến kinh tế và thương mại tại khu vực, đặc biệt là thông qua Sáng kiến BRI. Sáng kiến này đã tạo ra những tuyến đường thương mại mới, kết nối Trung Quốc với các thị trường châu Á và châu Âu thông qua Nga và các nước Trung Á. Điều này không chỉ giúp tăng cường thương mại giữa Trung Quốc và các quốc gia châu Á - Thái Bình Dương mà còn mở ra những cơ hội mới cho các doanh nghiệp trong khu vực tham gia vào các dự án phát triển cơ sở hạ tầng và năng lượng do Trung Quốc và Nga dẫn đầu. Tuy nhiên, sự hợp tác kinh tế này cũng đặt ra những thách thức đối với các quốc gia khác trong khu vực, đặc biệt là những nước có quan hệ thương mại chặt chẽ với Trung Quốc và Nga. Khi hai cường quốc này tăng cường quan hệ kinh tế, các quốc gia khác có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp Trung Quốc và Nga, đặc biệt là trong các lĩnh vực như năng lượng, hạ tầng và công nghệ. Ngoài ra, sự thay đổi trong dòng chảy thương mại và đầu tư cũng đã ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Khi Trung Quốc và Nga tập trung vào việc mở rộng hợp tác kinh tế song phương, các quốc gia khác trong khu vực có thể phải đối mặt với sự mất cân bằng trong thương mại và đầu tư, đặc biệt là khi họ không có khả năng cạnh tranh với quy mô và tiềm lực của hai cường quốc này [Patricia M. Kim, 2023].

Quan hệ Trung – Nga đã tác động đến các thể chế hợp tác khu vực theo chiều hướng làm gia tăng ảnh hưởng song phương trong các cơ chế đa phương, từ đó thúc đẩy sự điều chỉnh cấu trúc quyền lực và thay đổi động lực hợp tác tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Quan hệ giữa Trung Quốc và Nga cũng đã ảnh hưởng đến các cơ chế hợp tác khu vực tại châu Á – Thái Bình Dương. Cả hai quốc gia này đều là thành

viên của nhiều tổ chức khu vực, bao gồm Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS). Sự hợp tác giữa Trung Quốc và Nga trong các tổ chức này đã làm thay đổi động lực hợp tác khu vực và tạo ra những thách thức mới cho các quốc gia khác. Tại Diễn đàn Khu vực ASEAN, Trung Quốc và Nga đã tận dụng mối quan hệ chiến lược để thúc đẩy các sáng kiến an ninh và kinh tế chung, nhằm tăng cường ảnh hưởng của mình tại Đông Nam Á. Sự phối hợp giữa hai quốc gia này đã giúp thúc đẩy các sáng kiến an ninh khu vực, bao gồm chống khủng bố, buôn lậu ma túy và quản lý biên giới. Tuy nhiên, sự hợp tác này cũng đã làm gia tăng lo ngại về sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga tại khu vực, đặc biệt là khi các quốc gia ASEAN phải đối mặt với sự lựa chọn khó khăn giữa việc duy trì quan hệ với Trung Quốc và Nga trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia của mình. Tại Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), sự hợp tác giữa Trung Quốc và Nga đã tác động đến các cuộc thảo luận về an ninh khu vực và các vấn đề kinh tế. Trung Quốc và Nga đã thúc đẩy các sáng kiến kinh tế và an ninh mới, nhằm tăng cường vai trò của họ trong việc định hình các chính sách khu vực. Điều này đã làm thay đổi động lực hợp tác trong khu vực, khi các quốc gia khác phải điều chỉnh chính sách đối ngoại của mình để đối phó với sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực khu vực. Ngoài ra, tại Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), Trung Quốc và Nga đã sử dụng tổ chức này như một nền tảng để thúc đẩy các sáng kiến an ninh và kinh tế chung tại khu vực Trung Á và Đông Nam Á. Sự hợp tác trong khuôn khổ SCO đã giúp Trung Quốc và Nga củng cố vị thế của mình tại khu vực, đồng thời tạo ra những thách thức mới cho các quốc gia khác trong việc duy trì sự ổn định và an ninh khu vực [Andrea Kendall-Taylor and David O. Shullman, 2021].

Quan hệ Trung - Nga đã thách thức vai trò của Mỹ và các đồng minh tại khu vực. Quan hệ Trung Quốc – Nga cũng đã tạo ra những thách thức lớn đối với vai trò của Mỹ và các đồng minh tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga đã làm suy yếu vai trò truyền thống của Mỹ trong việc đảm bảo an ninh khu vực và duy trì trật tự quốc tế. Với tư cách là cường quốc toàn cầu, Mỹ đã phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gia tăng từ “liên minh” Trung Quốc – Nga. Sự hợp tác giữa hai cường quốc này đã làm gia tăng lo ngại về

việc Mỹ có thể mất đi tầm ảnh hưởng của mình tại khu vực, đặc biệt là trong bối cảnh Trung Quốc và Nga ngày càng gia tăng hiện diện quân sự và kinh tế tại Đông Nam Á và Đông Bắc Á. Ngoài ra, sự thay đổi trong cán cân quyền lực tại khu vực cũng đã đặt ra những thách thức đối với các liên minh quân sự truyền thống của Mỹ, bao gồm liên minh QUAD (gồm Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, và Australia) và liên minh quân sự Mỹ - Hàn, Mỹ - Nhật. Các quốc gia đồng minh của Mỹ tại khu vực đã phải đối mặt với những thách thức mới trong việc duy trì quan hệ với Mỹ, đồng thời đối phó với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga. Trong bối cảnh đó, Mỹ đã phải điều chỉnh chiến lược của mình tại khu vực, bao gồm việc tăng cường sự hiện diện quân sự, thúc đẩy các liên minh mới và tái khẳng định cam kết của mình đối với an ninh khu vực. Tuy nhiên, sự cạnh tranh với Trung Quốc và Nga đã tạo ra một môi trường an ninh phức tạp hơn, đòi hỏi Mỹ và các đồng minh phải đối mặt với nhiều thách thức mới trong việc duy trì ổn định và an ninh tại khu vực châu Á – Thái Bình Dương [Elbridge A. Colby & A. Wess Mitchell, 2020].

4.1.3.3. Đối với Việt Nam

Trong phạm vi của luận án, phần đánh giá tác động tập trung vào ảnh hưởng của quan hệ Trung - Nga tới Việt Nam trong giai đoạn 2012 - 2024, với tư cách là một cấu trúc song phương có tác động chiến lược. Luận án không tách riêng tác động từ Trung Quốc hoặc từ Nga, cũng không phân tích độc lập ảnh hưởng từ cục diện tam giác Mỹ - Trung Nga, mà tiếp cận theo hướng: các yếu tố này là bối cảnh trung gian, làm thay đổi tính chất hoặc mức độ ảnh hưởng của quan hệ Trung - Nga đối với Việt Nam. Việc lựa chọn tiếp cận này nhằm đảm bảo tính nhất quán với mục tiêu nghiên cứu, đồng thời giữ trọng tâm vào cấu trúc song phương Trung - Nga như một biến số phân tích có khả năng đo lường. Các diễn biến khu vực và quốc tế có liên quan vẫn được đưa vào phân tích ở các điểm cần thiết, nhưng không cấu thành trục nội dung độc lập nhằm tránh mở rộng vượt phạm vi đề tài.

** Thứ nhất, tác động tích cực:*

Thúc đẩy Việt Nam đã tận dụng không gian chiến lược do quan hệ Trung - Nga tạo ra để nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Sự chuyển dịch trong quan hệ Trung - Nga, đặc biệt sau các biến động địa chính trị toàn cầu, đã mở ra những không gian chiến lược mới, tạo điều kiện thuận lợi để các quốc gia có vị trí trung gian như

Việt Nam tái định vị vai trò trên trường quốc tế. Trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Việt Nam với tư cách là một quốc gia có vị trí địa chiến lược tại Đông Nam Á đã chủ động tận dụng sự dịch chuyển trong cấu trúc quyền lực để mở rộng ảnh hưởng và bảo vệ lợi ích quốc gia. Thông qua việc tham gia tích cực vào các diễn đàn khu vực và quốc tế như ASEAN, ARF, EAS và Liên Hợp Quốc, Việt Nam không chỉ khẳng định vai trò là một thành viên trách nhiệm, mà còn đóng góp vào việc định hình các sáng kiến hợp tác trong các lĩnh vực an ninh, phát triển và liên kết kinh tế khu vực. Đồng thời, việc duy trì quan hệ ổn định, đối thoại xây dựng với cả Trung Quốc và Nga giúp Việt Nam giữ được thế cân bằng chiến lược, tránh bị cuốn vào xung đột lợi ích giữa các cường quốc. Những nỗ lực này đã góp phần nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, giúp nước ta không chỉ gia tăng ảnh hưởng mềm, mà còn nâng cao năng lực đàm phán và hoạch định chính sách đối ngoại trong môi trường khu vực đang biến động mạnh mẽ.

Thúc đẩy Việt Nam tăng cường hợp tác kinh tế với cả Trung Quốc và Nga.

Quan hệ Trung Quốc – Nga cũng đã mở ra những cơ hội mới cho Việt Nam trong việc tăng cường hợp tác kinh tế và thương mại với cả hai cường quốc này. Sự phụ thuộc lẫn nhau giữa Trung Quốc và Nga trong lĩnh vực kinh tế đã tạo ra một môi trường thuận lợi để Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu và thu hút đầu tư từ cả hai nước. Trung Quốc, với vai trò là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, đã đầu tư mạnh mẽ vào các dự án cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế tại Việt Nam. Các dự án này không chỉ giúp cải thiện cơ sở hạ tầng của Việt Nam mà còn tạo ra nhiều cơ hội việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Việt Nam đã trở thành một phần quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu của Trung Quốc, đặc biệt là trong các lĩnh vực như sản xuất, nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Bên cạnh đó, Nga cũng đã tăng cường đầu tư vào Việt Nam, đặc biệt là trong các lĩnh vực năng lượng và khai thác tài nguyên. Các công ty dầu khí của Nga như Gazprom và Rosneft đã đầu tư vào các dự án khai thác dầu khí tại Biển Đông, góp phần quan trọng vào việc đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam. Sự hợp tác này không chỉ mang lại lợi ích kinh tế cho cả hai bên mà còn củng cố quan hệ đối tác chiến lược giữa Việt Nam và Nga.

Việt Nam đã khéo léo tận dụng các chiến lược lớn như “Xoay trục sang châu Á” của Mỹ, “Vành đai - Con đường” của Trung Quốc và “Hướng Đông” của Nga để mở rộng không gian phát triển và nâng cao vị thế chiến lược. Các chính sách này tuy mang tính cạnh tranh, nhưng lại tạo ra nhiều cơ hội song song cho Việt Nam trong hợp tác kinh tế, quốc phòng và đầu tư hạ tầng. Việt Nam duy trì quan hệ tích cực với cả ba cường quốc, qua đó gia tăng khả năng đàm phán và cân bằng ảnh hưởng trong khu vực. Sự hiện diện của Mỹ giúp Việt Nam tiếp cận các cơ chế kinh tế - an ninh mới. Trong khi đó, Trung Quốc và Nga vẫn là đối tác quan trọng về đầu tư, năng lượng và kết nối khu vực. Việc ứng xử linh hoạt, giữ thế trung lập tích cực giúp Việt Nam tranh thủ được lợi ích từ nhiều phía. Đây là kết quả của chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa đầy hiệu quả của Việt Nam.

** Thứ hai, tác động tiêu cực:*

Quan hệ đối tác chiến lược ngày càng chặt chẽ giữa Trung Quốc và Liên bang Nga trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2024 không chỉ mang lại những cơ hội mà còn tạo ra một số thách thức và tác động tiêu cực đối với Việt Nam. Với vị trí địa chính trị quan trọng và là một quốc gia có nhiều tranh chấp với Trung Quốc tại Biển Đông, Việt Nam đã phải đối mặt với một loạt thách thức từ mối quan hệ này trên các lĩnh vực an ninh, kinh tế, và chính trị.

Quan hệ Trung - Nga khiến Việt Nam chịu áp lực gia tăng từ tranh chấp tại Biển Đông. Trung Quốc, với sự hỗ trợ quân sự và công nghệ từ Nga, đã tăng cường sức mạnh quân sự và sự hiện diện tại khu vực này, làm phức tạp thêm tình hình an ninh và tạo ra những thách thức lớn đối với Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ. Sự hợp tác quân sự chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nga đã giúp Trung Quốc tăng cường năng lực quốc phòng, bao gồm việc triển khai các hệ thống vũ khí hiện đại như tên lửa đạn đạo, máy bay chiến đấu và hệ thống phòng không tiên tiến. Việc Trung Quốc sử dụng các công nghệ và thiết bị quân sự tiên tiến do Nga cung cấp đã làm thay đổi cân bằng quyền lực trong khu vực, gây khó khăn cho Việt Nam trong việc duy trì an ninh và bảo vệ chủ quyền tại Biển Đông. Ngoài ra, các cuộc tập trận quân sự chung giữa Trung Quốc và Nga tại Biển Đông cũng đã gửi đi thông điệp mạnh mẽ về sự đoàn kết và sẵn sàng của hai cường quốc này trong việc bảo vệ lợi ích của mình tại khu vực. Điều này không chỉ làm gia tăng căng thẳng tại Biển

Đông mà còn làm phức tạp thêm các nỗ lực ngoại giao của Việt Nam trong việc tìm kiếm giải pháp hòa bình cho tranh chấp. Áp lực quân sự từ Trung Quốc đã buộc Việt Nam phải tăng cường đầu tư vào quốc phòng, điều này tạo ra gánh nặng lớn đối với ngân sách quốc gia và ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của đất nước. Việc duy trì sự cân bằng quyền lực trong khu vực đã trở nên khó khăn hơn khi Việt Nam phải đối mặt với một Trung Quốc ngày càng mạnh mẽ và tự tin hơn trong việc bảo vệ lợi ích của mình.

Quan hệ Trung - Nga khiến Việt Nam chịu sự cạnh tranh kinh tế gia tăng hơn.

Quan hệ kinh tế ngày càng chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nga cũng đã tạo ra những thách thức đáng kể đối với nền kinh tế của Việt Nam. Trung Quốc, với tư cách là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam, đã gia tăng sự cạnh tranh với các doanh nghiệp Việt Nam trên cả thị trường trong nước và quốc tế. Sự gia tăng đầu tư từ Trung Quốc vào các lĩnh vực cơ sở hạ tầng và sản xuất tại Nga đã tạo ra những thay đổi trong dòng chảy thương mại khu vực, gây ra sự cạnh tranh gay gắt cho các doanh nghiệp Việt Nam. Các sản phẩm của Việt Nam, đặc biệt là nông sản và hàng công nghiệp, đã phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các sản phẩm tương tự của Trung Quốc trên thị trường quốc tế, dẫn đến sự sụt giảm thị phần và lợi nhuận. Ngoài ra, sự phụ thuộc vào nguyên liệu và hàng hóa từ Trung Quốc cũng đã tạo ra những rủi ro cho nền kinh tế Việt Nam. Khi quan hệ kinh tế giữa Trung Quốc và Nga ngày càng sâu sắc, Việt Nam có nguy cơ bị lấn át và chịu tác động tiêu cực từ các biến động kinh tế toàn cầu do sự thay đổi trong dòng chảy thương mại và đầu tư. Sự phụ thuộc này đã làm tăng nguy cơ tổn thương cho nền kinh tế Việt Nam khi phải đối mặt với các chính sách thương mại không công bằng hoặc các biện pháp trừng phạt kinh tế từ các cường quốc. Hơn nữa, việc Trung Quốc và Nga tăng cường hợp tác kinh tế và thúc đẩy các dự án cơ sở hạ tầng lớn thông qua Sáng kiến BRI đã làm thay đổi môi trường đầu tư tại khu vực. Các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghệ cao và sản xuất, đã gặp phải sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các doanh nghiệp Trung Quốc được hỗ trợ bởi các khoản vay ưu đãi và đầu tư lớn từ chính phủ Trung Quốc. Điều này đã làm suy yếu khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam, đồng thời tạo ra những rủi ro về sự phụ thuộc vào các dự án do Trung Quốc đầu tư.

Quan hệ Trung - Nga khiến Việt Nam điều chỉnh chính sách đối ngoại để phù hợp với tình hình mới. Với tư cách là một quốc gia có quan hệ truyền thống tốt đẹp với cả Trung Quốc và Nga, Việt Nam đã phải đối mặt với những áp lực lớn trong việc duy trì sự cân bằng trong quan hệ với các cường quốc này. Một trong những thách thức lớn nhất đối với Việt Nam là việc phải duy trì một mối quan hệ đối ngoại độc lập và đa phương trong bối cảnh Trung Quốc và Nga ngày càng thắt chặt hợp tác chiến lược. Việc phải cân bằng lợi ích quốc gia với việc duy trì quan hệ tốt đẹp với cả Trung Quốc và Nga đã tạo ra những khó khăn trong việc xây dựng chính sách đối ngoại của Việt Nam. Trong bối cảnh quan hệ giữa Trung Quốc và Nga ngày càng sâu sắc, Việt Nam đã phải đối mặt với áp lực lớn trong việc duy trì quan hệ chiến lược với Mỹ và các đồng minh khác, đặc biệt là trong các vấn đề an ninh và quốc phòng. Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga trong khu vực đã làm phức tạp thêm các nỗ lực của Việt Nam trong việc đối phó với các thách thức an ninh, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia tại Biển Đông. Ngoài ra, việc Nga ngày càng phụ thuộc vào Trung Quốc về kinh tế và chính trị cũng đã làm giảm khả năng của Việt Nam trong việc duy trì một mối quan hệ độc lập với Nga. Nga có thể phải cân nhắc kỹ lưỡng trong việc duy trì quan hệ với Việt Nam để không làm mất lòng Trung Quốc, điều này có thể ảnh hưởng đến sự hợp tác song phương trong các lĩnh vực quan trọng như quốc phòng và năng lượng.

Quan hệ Trung - Nga ngày càng sâu sắc khiến Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức chiến lược, đặc biệt trong vấn đề Biển Đông. Sự hỗ trợ quân sự và chuyển giao vũ khí hiện đại từ Nga giúp Trung Quốc gia tăng hiện diện và sức mạnh tại khu vực này, làm thay đổi cán cân lực lượng và gây sức ép trực tiếp lên Việt Nam. Trong khi đó, Việt Nam lại khó tiếp cận các công nghệ quân sự tiên tiến tương đương, khiến năng lực phòng thủ bị hạn chế. Ngoài ra, việc Nga ngày càng nghiêng về Trung Quốc khiến Việt Nam khó duy trì quan hệ cân bằng, độc lập với Nga như trước. Đồng thời, mối quan hệ chặt chẽ Trung - Nga cũng gây khó khăn cho Việt Nam trong việc mở rộng hợp tác với Mỹ và phương Tây, đây các đối tác then chốt về kinh tế và công nghệ. Điều này làm gia tăng áp lực trong việc hoạch định chính sách đối ngoại và đảm bảo lợi ích quốc gia lâu dài của Việt Nam.

4.2. Triển vọng quan hệ hai nước đến năm 2030

4.2.1. Cơ sở dự báo

Dự báo trong chương này được triển khai trên cơ sở 3 nội dung nền tảng gồm: xu thế vận động của tình hình thế giới đến năm 2030, triển vọng điều chỉnh chiến lược của Trung Quốc và chuyển động nội tại của Nga đến năm 2030. Các cơ sở này được sử dụng như nền tảng giả định, đặt trong tương quan với các phân tích nhân tố đã trình bày ở trên, từ đó hình thành các kịch bản dự báo phù hợp về xu hướng quan hệ Trung–Nga đến năm 2030.

** Tình hình thế giới từ nay đến năm 2030*

Từ nay đến năm 2030, môi trường chính trị quốc tế dự kiến sẽ trải qua một giai đoạn tái định hình cấu trúc quyền lực với mức độ bất định cao, xuất phát từ sự tương tác phức hợp giữa các yếu tố chính trị, an ninh, kinh tế và công nghệ. Quá trình này diễn ra trong bối cảnh các thể chế quản trị toàn cầu hiện hữu, như Liên Hợp Quốc, WTO hay WHO, gặp phải những giới hạn ngày càng rõ rệt trong việc dung hòa lợi ích giữa các nhóm quốc gia có định hướng phát triển, mô hình quản trị và hệ giá trị khác biệt. Sự phân cực về chính trị - ý thức hệ, cùng với cạnh tranh lợi ích chiến lược, khiến khả năng đạt được đồng thuận trong các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng, hay quản trị không gian mạng trở nên khó khăn hơn [Samuel Brannen, 2020].

Một xu hướng đáng chú ý là sự nổi lên của các liên minh linh hoạt - những nhóm quốc gia liên kết không dựa trên nguyên tắc cố định về địa - chính trị hay ý thức hệ, mà xoay quanh các vấn đề, lợi ích hoặc lĩnh vực hợp tác cụ thể, chẳng hạn như biến đổi khí hậu, trí tuệ nhân tạo, chuỗi cung ứng chiến lược hoặc an ninh mạng. Mô hình này phản ánh tính toán thực dụng của các quốc gia, đặc biệt là các nước vừa và nhỏ, nhằm tối đa hóa lợi ích và mở rộng không gian chiến lược trong bối cảnh cạnh tranh giữa các siêu cường gia tăng. Điều này đồng thời cho thấy sự dịch chuyển từ các liên minh ràng buộc lâu dài sang hợp tác theo từng vấn đề, cho phép các quốc gia linh hoạt tham gia hoặc rút lui tùy theo lợi ích chiến lược tại từng thời điểm. Hệ quả là cấu trúc chính trị toàn cầu đến năm 2030 có thể sẽ mang đặc trưng “đa cực mở”, trong đó các trung tâm quyền lực lớn không chỉ cạnh tranh để định

hình luật chơi quốc tế, mà còn phải thích ứng với sự gia tăng vai trò của các liên minh linh hoạt và các chủ thể phi nhà nước có ảnh hưởng đáng kể đến quá trình hoạch định chính sách toàn cầu [Konstantin V. Bogdanov, 2019].

Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, giai đoạn từ nay đến năm 2030 nhiều khả năng sẽ tiếp tục chứng kiến cạnh tranh chiến lược ở cường độ cao giữa các trung tâm quyền lực lớn, đặc biệt là giữa Mỹ, Trung Quốc và Liên bang Nga, với những tác động lan tỏa đến toàn bộ hệ thống quốc tế. Xu hướng này được phản ánh rõ nét qua sự gia tăng liên tục của ngân sách quốc phòng toàn cầu, vốn đã đạt mức kỷ lục trong thập niên 2020 và dự kiến tiếp tục tăng, không chỉ ở các cường quốc mà còn ở nhiều quốc gia tầm trung nhằm đáp ứng nhu cầu tự chủ chiến lược. Bên cạnh đó, hiện đại hóa vũ khí chiến lược sẽ là trọng tâm trong kế hoạch phòng thủ của nhiều quốc gia, bao gồm phát triển thế hệ mới của vũ khí hạt nhân, hệ thống phòng thủ tên lửa, phương tiện siêu vượt âm và nền tảng tác chiến tích hợp trí tuệ nhân tạo. Cùng với đó, năng lực tác chiến trong không gian vũ trụ và không gian mạng sẽ trở thành yếu tố then chốt để bảo đảm ưu thế chiến lược, thể hiện qua việc đầu tư vào vệ tinh quân sự, hệ thống cảnh báo sớm, các biện pháp bảo vệ hạ tầng thông tin trọng yếu và khả năng tấn công mạng tầm xa [IISS, 2025].

Nguy cơ xung đột cục bộ và chiến tranh ủy nhiệm vẫn hiện hữu, đặc biệt tại các khu vực có tranh chấp phức tạp về lãnh thổ hoặc lợi ích địa chiến lược như Đông Âu, Trung Đông, Đông Á và châu Phi. Song song, các hình thức “xung đột phi tuyến” bao gồm tấn công mạng quy mô lớn, thao túng thông tin, chiến tranh nhận thức và các hoạt động gây bất ổn thông qua lực lượng phi nhà nước ngày càng trở nên nổi bật. Những hình thức này không chỉ làm xói mòn niềm tin giữa các quốc gia, mà còn làm mờ ranh giới giữa thời bình và thời chiến, khiến môi trường an ninh quốc tế trở nên khó dự báo và dễ bị tác động bởi các yếu tố phi truyền thống [Peter Bergen, Candace Rondeaux, Daniel Rothenberg, David Sterman, 2023].

Ở lĩnh vực kinh tế, từ nay đến năm 2030, kinh tế toàn cầu dự kiến vận hành trong trạng thái chuyển đổi cấu trúc sâu rộng, chịu tác động đồng thời của xu hướng đa cực hóa, biến động chuỗi cung ứng, khủng hoảng năng lượng, lương thực và cách mạng công nghệ thế hệ mới. Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới nhiều khả

năng duy trì ở mức trung bình, nhưng mức độ phân hóa giữa các khu vực sẽ gia tăng: trong khi châu Á, đặc biệt là Đông Á và Đông Nam Á tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng toàn cầu, nhiều nền kinh tế phát triển có nguy cơ đối mặt với tình trạng tăng trưởng trì trệ do dân số già hóa và năng suất lao động chậm cải thiện [Pierre-Olivier Gourinchas, 2025].

Cạnh tranh kinh tế và công nghệ giữa các siêu cường, đặc biệt là Mỹ và Trung Quốc sẽ tiếp tục định hình cấu trúc thương mại và đầu tư quốc tế. Các biện pháp hạn chế tiếp cận công nghệ lõi, kiểm soát xuất khẩu, tái cấu trúc chuỗi cung ứng theo hướng “giảm phụ thuộc chiến lược” dự kiến sẽ lan rộng, kéo theo sự hình thành các khối kinh tế bán khép kín dựa trên liên minh địa chiến lược. Đồng thời, các nền kinh tế mới nổi sẽ tìm cách tận dụng quá trình dịch chuyển sản xuất toàn cầu để nâng cấp vị trí trong chuỗi giá trị, nhưng sẽ phải đối diện với áp lực thích ứng tiêu chuẩn xanh, chuyển đổi năng lượng và yêu cầu công nghệ cao. Bối cảnh kinh tế quốc tế cũng sẽ bị chi phối mạnh mẽ bởi quá trình chuyển đổi số và chuyển đổi năng lượng. Các ngành liên quan đến trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo và hạ tầng số được dự báo trở thành động lực tăng trưởng mới, đồng thời tạo ra những thay đổi sâu sắc về cấu trúc việc làm và mô hình sản xuất. Tuy nhiên, quá trình này cũng tiềm ẩn rủi ro bất bình đẳng gia tăng giữa các quốc gia nắm giữ công nghệ và các quốc gia phụ thuộc nhập khẩu, từ đó có thể làm sâu sắc thêm phân cực kinh tế toàn cầu [World Economic forum, 2024].

Ở lĩnh vực khoa học - công nghệ, giai đoạn đến năm 2030 được dự báo sẽ chứng kiến sự bứt phá mạnh mẽ của các công nghệ nền tảng thế hệ mới, bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán lượng tử, công nghệ sinh học, vật liệu mới và năng lượng sạch. Những tiến bộ này không chỉ tạo ra động lực tăng trưởng mới cho kinh tế toàn cầu, mà còn tái định hình phương thức sản xuất, quản trị xã hội và chiến lược quốc phòng. Công nghệ AI thế hệ nâng cao cùng với các hệ thống tự động hóa tiên tiến sẽ trở thành yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia, đặc biệt trong các lĩnh vực như an ninh mạng, phân tích dữ liệu lớn và thiết kế vũ khí thông minh. Cạnh tranh công nghệ chiến lược sẽ gia tăng, khi các siêu cường áp dụng cơ chế kiểm soát chặt chẽ đối với nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ nhạy

cảm. Xu hướng “tách rời công nghệ” giữa các khối kinh tế sẽ thúc đẩy hình thành các hệ sinh thái công nghệ song song, mỗi hệ sinh thái sở hữu tiêu chuẩn, giao thức và chuỗi cung ứng riêng. Điều này vừa mở ra cơ hội cho các quốc gia đang phát triển tham gia các liên minh công nghệ mới, vừa tiềm ẩn nguy cơ bị loại khỏi các chuỗi giá trị công nghệ cao nếu không đáp ứng được yêu cầu đổi mới sáng tạo [Adarsh R., 2025].

** Tình hình Trung Quốc từ nay đến năm 2030*

Từ nay đến năm 2030, Trung Quốc nhiều khả năng sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển toàn diện nhằm duy trì ổn định chính trị - xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế và củng cố vị thế cường quốc. Về chính trị, dự báo hệ thống lãnh đạo tập trung do Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) đứng đầu vẫn giữ vai trò tuyệt đối, với sự quán triệt tư tưởng Tập Cận Bình về “chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc trong thời đại mới” làm định hướng chiến lược trung và dài hạn. Cải cách thể chế quản trị sẽ tập trung vào tăng hiệu quả điều hành, quản lý rủi ro xã hội và duy trì tính chính danh thông qua nâng cao chất lượng đời sống người dân [Hongjia Yang, 2023].

Về an ninh - quốc phòng, Trung Quốc sẽ đẩy mạnh hiện đại hóa Quân Giải phóng Nhân dân (PLA) với mục tiêu “xây dựng quân đội đẳng cấp thế giới” vào giữa thế kỷ XXI, trong đó chú trọng phát triển tác chiến thông tin, không gian, không gian mạng và năng lực răn đe chiến lược. Môi trường an ninh khu vực Đông Á được dự báo tiếp tục tiềm ẩn bất ổn, nhất là tại eo biển Đài Loan, Biển Đông và bán đảo Triều Tiên, buộc Trung Quốc phải duy trì trạng thái sẵn sàng phòng ngừa và ứng phó với xung đột cục bộ [RAND, 2020].

Về kinh tế, Trung Quốc dự kiến theo đuổi mô hình “tuần hoàn kép”, kết hợp thúc đẩy tiêu dùng nội địa với mở rộng thị trường quốc tế, giảm phụ thuộc vào chuỗi cung ứng bên ngoài, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao và năng lượng. Trong bối cảnh cạnh tranh thương mại - công nghệ với phương Tây gia tăng, Trung Quốc sẽ ưu tiên tự chủ đổi mới sáng tạo, đồng thời mở rộng hợp tác kinh tế với các nước đang phát triển thông qua Sáng kiến “Vành đai và Con đường” và các cơ chế đa phương như BRICS, SCO, RCEP [Earl Carr, 2022].

Về khoa học - công nghệ, Trung Quốc đặt mục tiêu trở thành quốc gia dẫn đầu trong các lĩnh vực then chốt như trí tuệ nhân tạo, công nghệ lượng tử, sinh học, năng lượng sạch và công nghệ vũ trụ. Đầu tư cho nghiên cứu - phát triển (R&D) sẽ được tăng cường nhằm giảm khoảng cách công nghệ với Mỹ và phương Tây, đồng thời tạo lợi thế chiến lược mới trong cả kinh tế và quốc phòng [Namrata Goswami, 2023].

Tổng thể, đến năm 2030, Trung Quốc được dự báo sẽ tiếp tục là một cực quyền lực chủ chốt trong hệ thống quốc tế đa cực, kết hợp hài hòa giữa củng cố sức mạnh nội lực và mở rộng ảnh hưởng toàn cầu, nhưng cũng phải đối mặt với thách thức từ cạnh tranh chiến lược, rủi ro kinh tế và biến động địa chính trị.

** Tình hình Liên bang Nga từ nay đến năm 2030*

Dự báo tình hình Liên bang Nga đến năm 2030 cho thấy quốc gia này sẽ tiếp tục vận hành trong bối cảnh môi trường chiến lược phức tạp, với sự đan xen giữa các yếu tố chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế và khoa học - công nghệ.

Về chính trị, Nga nhiều khả năng duy trì mô hình quản trị tập trung quyền lực, với vai trò trung tâm của Tổng thống và các thiết chế an ninh – chính trị chủ chốt. Các văn kiện chiến lược như Chiến lược An ninh Quốc gia 2021 và Khái niệm Chính sách Đối ngoại 2023 định hướng bảo vệ chủ quyền, củng cố bản sắc “quốc gia – nền văn minh” và thúc đẩy trật tự quốc tế đa cực. Đến 2030, Nga được dự báo sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới đối tác chiến lược ngoài phương Tây, đặc biệt với Trung Quốc, Ấn Độ, và các nước BRICS mở rộng, đồng thời sử dụng ngoại giao năng lượng và hợp tác an ninh như công cụ bảo vệ lợi ích quốc gia [Dr Aleksander Olech, Leon Pińczak, 2021].

Trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, căng thẳng với NATO và Mỹ nhiều khả năng vẫn ở mức cao, duy trì động lực cho hiện đại hóa quân đội, phát triển vũ khí chiến lược, năng lực tác chiến không gian và mạng. Nga sẽ tiếp tục ưu tiên khả năng răn đe hạt nhân, củng cố phòng thủ tại các hướng chiến lược như Tây, Bắc Cực và Viễn Đông, đồng thời gia tăng hiện diện quân sự trong các khu vực then chốt. Các hình thức xung đột phi tuyến, tấn công mạng, chiến tranh thông tin sẽ trở thành công cụ chiến lược nhằm cân bằng bất đối xứng với đối thủ [Pavel K. Baev, 2019].

Về kinh tế, Nga được dự báo sẽ đẩy mạnh chiến lược phát triển có chủ quyền, giảm phụ thuộc vào thị trường và hệ thống thanh toán phương Tây, đồng thời mở rộng thương mại với châu Á, Trung Đông, và châu Phi. Sự chuyển hướng này sẽ gắn liền với khai thác hành lang thương mại Bắc - Nam và Tuyến hàng hải Bắc Cực, cũng như gia tăng xuất khẩu năng lượng sang các thị trường mới nổi. Tuy nhiên, thách thức về công nghệ, vốn đầu tư, và tác động từ các lệnh trừng phạt kéo dài sẽ tiếp tục tạo sức ép cho tăng trưởng dài hạn [Leon Cao, 2025].

Trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, Nga đặt mục tiêu tự chủ về công nghệ lõi, nhất là quốc phòng, năng lượng hạt nhân, trí tuệ nhân tạo và công nghệ không gian. Đến 2030, khả năng thành công của chiến lược này sẽ phụ thuộc vào mức độ huy động được nguồn lực nội địa và hợp tác công nghệ với các đối tác ngoài phương Tây, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ [Tâm Hằng, 2024].

Tổng thể, đến năm 2030, Liên bang Nga nhiều khả năng sẽ định vị mình như một trung tâm quyền lực độc lập trong hệ thống quốc tế đa cực, sử dụng kết hợp sức mạnh cứng và mềm, nhằm duy trì ảnh hưởng toàn cầu trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt.

Ba cơ sở dự báo trên không chỉ mang tính mô tả bối cảnh, mà còn được sử dụng để diễn giải xu hướng vận động của các nhân tố chi phối quan hệ Trung - Nga, đặc biệt là tương quan giữa động lực hợp tác và các giới hạn nội tại. Việc dự báo quan hệ Trung - Nga được dựa vào các chuỗi điều kiện chính trị - kinh tế có thể theo dõi qua các số liệu. Điều này cho phép luận án xây dựng các kịch bản có tính khách quan, gắn chặt với logic phân tích ở các chương trước.

4.2.2. Các kịch bản

Việc xác lập các kịch bản trong phần này được triển khai trên giả định trung tâm: nếu tình hình thế giới duy trì bất ổn cục bộ, Trung Quốc tiếp tục ưu tiên phát triển toàn diện, trong khi Nga giữ định hướng xoay sang hướng Đông để vượt qua trừng phạt, thì quan hệ Trung - Nga nhiều khả năng tiếp tục duy trì cấu trúc hợp tác linh hoạt, không liên minh ràng buộc. Dựa trên cơ sở dự báo đã nêu trên, tác giả đưa ra ba kịch bản chính cho sự phát triển của quan hệ Trung Quốc - Nga từ nay cho đến năm 2030 như sau:

** Kịch bản thứ nhất: Quan hệ Trung - Nga tiếp tục hợp tác chặt chẽ*

Trong kịch bản này, quan hệ Trung Quốc - Nga sẽ tiếp tục phát triển theo hướng hợp tác chặt chẽ hơn, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế, quân sự và chính trị. Cả hai nước sẽ duy trì và tăng cường sự gắn kết trong các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc, Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO), BRICS và các tổ chức khu vực khác để đối phó với áp lực từ phương Tây. Theo đó:

Thứ nhất, trên lĩnh vực chính trị và ngoại giao, Trung Quốc và Nga sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ tại các diễn đàn quốc tế. Hai nước sẽ sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc để ngăn chặn các nghị quyết mà họ cho là đi ngược lại lợi ích của mình, đồng thời đẩy mạnh hợp tác trong SCO và BRICS để thúc đẩy các sáng kiến chung về an ninh và phát triển kinh tế.

Thứ hai, kinh tế sẽ tiếp tục là trụ cột chính của mối quan hệ Trung Quốc - Nga. Các dự án lớn về năng lượng và cơ sở hạ tầng, chẳng hạn như các tuyến đường ống khí đốt và các tuyến đường sắt nối Trung Quốc với châu Âu qua Nga, sẽ tiếp tục được phát triển và mở rộng. Trung Quốc sẽ tăng cường đầu tư vào các dự án này, không chỉ để đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định từ Nga mà còn để mở rộng ảnh hưởng kinh tế của mình tại khu vực Á - Âu. Các dự án như đường ống khí đốt "Sức mạnh Siberia 2" sẽ được ưu tiên triển khai, giúp kết nối các mỏ khí đốt ở Tây Siberia của Nga với thị trường tiêu thụ lớn tại Trung Quốc. Điều này không chỉ giúp Nga đa dạng hóa thị trường xuất khẩu năng lượng ngoài châu Âu mà còn giúp Trung Quốc tăng cường an ninh năng lượng, giảm sự phụ thuộc vào các nguồn cung từ Trung Đông và các khu vực khác. Ngoài ra, Trung Quốc sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các dự án cơ sở hạ tầng tại Nga, đặc biệt là ở các khu vực như Viễn Đông - nơi Trung Quốc có lợi ích kinh tế chiến lược. Các dự án đường sắt, đường bộ, cảng biển và các khu công nghiệp sẽ giúp tăng cường sự kết nối kinh tế giữa hai nước, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa từ Trung Quốc sang châu Âu và các thị trường khác thông qua Nga.

Thứ ba, về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, hai nước sẽ tiếp tục thực hiện các cuộc tập trận chung và hợp tác trong phát triển các hệ thống vũ khí tiên tiến. Sự hợp tác này không chỉ giúp Nga duy trì sức mạnh quân sự mà còn giúp Trung

Quốc phát triển các công nghệ quân sự cần thiết để bảo vệ lợi ích của mình trong khu vực và trên toàn cầu. Các cuộc tập trận như Vostok và Sáng kiến Biển Đông sẽ tiếp tục được tổ chức, với quy mô và mức độ phối hợp ngày càng cao. Những cuộc tập trận này sẽ không chỉ giúp tăng cường khả năng tác chiến phối hợp giữa quân đội hai nước mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ tới các quốc gia khác, đặc biệt là Mỹ và các đồng minh rằng Trung Quốc và Nga sẵn sàng hợp tác để đối phó với các thách thức an ninh chung. Ngoài ra, hợp tác trong lĩnh vực công nghệ quốc phòng cũng sẽ được đẩy mạnh. Trung Quốc và Nga sẽ chia sẻ kinh nghiệm và công nghệ trong việc phát triển các hệ thống vũ khí tiên tiến, bao gồm các loại tên lửa đạn đạo, máy bay chiến đấu và hệ thống phòng không. Sự hợp tác này sẽ giúp hai nước tăng cường năng lực quân sự và đảm bảo khả năng đối phó với các mối đe dọa từ bên ngoài.

Kịch bản này sẽ tạo ra một môi trường ổn định và hợp tác mạnh mẽ giữa hai cường quốc, giúp họ đối phó với các thách thức từ phương Tây và củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế. Trong đó, theo kịch bản hợp này, quan hệ Trung - Nga cho thấy xu hướng ngày càng hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong lĩnh vực kinh tế. Trung Quốc với tiềm lực tài chính mạnh mẽ đóng vai trò là nhà đầu tư lớn, trong khi Nga cung cấp nguồn năng lượng và tài nguyên chiến lược. Sự tương hỗ này giúp cả hai quốc gia giảm phụ thuộc vào thị trường phương Tây và củng cố chuỗi cung ứng song phương. Các dự án kết nối hạ tầng xuyên Á và phát triển khu vực Viễn Đông Nga cho thấy lợi ích kinh tế song hành. Nhờ đó, quan hệ kinh tế Trung - Nga ngày càng mang tính bổ trợ dài hạn và chiến lược hơn. Tuy nhiên, kịch bản này cũng tiềm ẩn những rủi ro đối với Nga khi chịu sự phụ thuộc nhiều vào Trung Quốc có thể làm suy yếu vị thế độc lập của Nga trong quan hệ quốc tế, đồng thời tạo ra sự mất cân bằng trong mối quan hệ giữa hai nước.

** Kịch bản thứ hai: Quan hệ Trung - Nga cạnh tranh*

Trong kịch bản này, mối quan hệ Trung Quốc - Nga có thể chuyển từ hợp tác sang cạnh tranh và đối đầu, đặc biệt là trong các khu vực có lợi ích chiến lược chung như Trung Á và Viễn Đông. Sự cạnh tranh về ảnh hưởng và quyền lực trong các khu vực này có thể dẫn đến xung đột lợi ích và làm suy yếu mối quan hệ song phương. Theo đó:

Thứ nhất, hai nước sẽ cạnh tranh gay gắt tại khu vực Trung Á. Trung Á là khu vực có tầm quan trọng chiến lược đối với cả Trung Quốc và Nga. Đối với Trung Quốc, Trung Á là một phần quan trọng của Sáng kiến "Vành đai và Con đường", giúp nước này kết nối với châu Âu và mở rộng ảnh hưởng kinh tế. Đối với Nga, Trung Á là "sân sau" truyền thống, nơi Nga đã duy trì ảnh hưởng từ thời Liên Xô. Trong kịch bản này, Trung Quốc và Nga có thể cạnh tranh gay gắt trong việc giành quyền kiểm soát các dự án kinh tế và hạ tầng tại Trung Á. Sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc thông qua các khoản đầu tư lớn vào cơ sở hạ tầng và năng lượng có thể khiến Nga lo ngại về việc mất kiểm soát đối với khu vực này. Nga có thể phản ứng bằng cách tăng cường sự hiện diện quân sự và chính trị của mình, thông qua các cơ chế như Tổ chức Hiệp ước An ninh Tập thể (CSTO) và liên minh Kinh tế Á-Âu (EAEU). Sự cạnh tranh này có thể dẫn đến căng thẳng và xung đột lợi ích giữa hai nước, làm suy yếu mối quan hệ song phương và tạo ra những thách thức mới cho cả hai bên trong việc duy trì ảnh hưởng của mình tại khu vực này.

Thứ hai, hai nước sẽ cạnh tranh tại khu vực Viễn Đông. Viễn Đông của Nga là một khu vực giàu tài nguyên và có vị trí địa lý chiến lược, tiếp giáp với Đông Bắc Á, nơi mà Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc đều có lợi ích. Trong thập kỷ qua, Trung Quốc đã trở thành đối tác kinh tế chính của Nga tại Viễn Đông, đặc biệt trong các lĩnh vực khai thác tài nguyên, nông nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, sự hiện diện ngày càng gia tăng của Trung Quốc tại Viễn Đông có thể làm gia tăng sự cạnh tranh giữa hai nước. Nga có thể gặp khó khăn trong việc duy trì sự kiểm soát đối với các nguồn tài nguyên và cơ sở hạ tầng khi Trung Quốc tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào khu vực này. Sự lo ngại về nguy cơ mất kiểm soát của Nga có thể dẫn đến những biện pháp hạn chế sự xâm nhập của các doanh nghiệp Trung Quốc, từ đó làm gia tăng căng thẳng và xung đột lợi ích giữa hai nước.

Thứ ba, hai nước sẽ cạnh tranh trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu. Kịch bản này cũng có thể được thúc đẩy bởi sự thay đổi trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu, đặc biệt là nếu phương Tây tìm cách chia rẽ Trung Quốc và Nga thông qua các chính sách ngoại giao và kinh tế. Sự cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nga trong các tổ chức khu vực và quốc tế có thể làm gia tăng căng thẳng và làm suy yếu sự hợp

tác giữa hai nước. Nếu phương Tây thành công trong việc chia rẽ Trung Quốc và Nga, mối quan hệ giữa hai nước có thể bị suy yếu, dẫn đến sự chuyển đổi từ hợp tác sang đối đầu. Điều này sẽ tạo ra một môi trường bất ổn và căng thẳng trong khu vực, đồng thời làm giảm khả năng của hai nước trong việc đối phó với các thách thức từ phương Tây.

Trong xu hướng cạnh tranh, Trung Quốc và Nga nhiều khả năng sẽ gia tăng đối đầu lợi ích tại các khu vực có tầm quan trọng chiến lược như Bắc Cực và Trung Á. Tại Bắc Cực, Trung Quốc với tham vọng trở thành “quốc gia cận Bắc Cực” sẽ thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, khai thác tuyến hàng hải và tiếp cận nguồn tài nguyên, điều này có thể va chạm trực tiếp với lợi ích chủ quyền và chiến lược của Nga. Ở Trung Á, cạnh tranh về đầu tư hạ tầng, năng lượng và ảnh hưởng chính trị sẽ ngày càng mạnh khi Trung Quốc mở rộng BRI còn Nga tìm cách duy trì vai trò “người bảo trợ truyền thống” của khu vực. Hai nước cũng có nguy cơ cạnh tranh trong các cơ chế khu vực như SCO và EAEU, khi cả hai đều muốn dẫn dắt các sáng kiến hợp tác. Tổng thể, những khu vực giao thoa lợi ích này sẽ trở thành điểm nóng, dễ thúc đẩy xu hướng cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nga nếu không được kiểm soát tốt.

** Kịch bản thứ ba: Quan hệ Trung - Nga duy trì sự ổn định nhưng thận trọng*

Kịch bản thứ ba là Trung Quốc và Nga sẽ duy trì một môi quan hệ ổn định nhưng thận trọng, trong đó cả hai nước sẽ tiếp tục hợp tác trong các lĩnh vực kinh tế và quân sự nhưng sẽ cố gắng tránh các xung đột và căng thẳng có thể làm suy yếu mối quan hệ. Theo đó:

Thứ nhất, hai nước hợp tác chính trị và ngoại giao có điều kiện. Trên mặt trận chính trị và ngoại giao, Trung Quốc và Nga sẽ tiếp tục phối hợp trong các diễn đàn quốc tế, nhưng sẽ duy trì khoảng cách nhất định trong các vấn đề nhạy cảm để tránh gây ra xung đột không cần thiết. Họ sẽ tiếp tục sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc để bảo vệ lợi ích của mình, nhưng sẽ thận trọng trong việc đối phó với các vấn đề quốc tế mà có thể gây ra sự chia rẽ giữa hai nước. Trong tổ chức SCO và BRICS, Trung Quốc và Nga sẽ tiếp tục thúc đẩy các sáng kiến hợp tác kinh tế và an ninh, nhưng sẽ tránh các đề xuất có thể làm gia tăng căng thẳng và cạnh tranh trong nội bộ tổ chức. Điều này sẽ giúp duy trì sự ổn định trong

quan hệ song phương, đồng thời đảm bảo rằng cả hai nước có thể đối phó hiệu quả với các thách thức từ phương Tây.

Thứ hai, hai nước sẽ hợp tác kinh tế thận trọng. Trong kịch bản này, Trung Quốc và Nga sẽ tiếp tục thúc đẩy các dự án hợp tác lớn, nhưng sẽ đảm bảo rằng các dự án này không làm suy yếu vị thế độc lập của mỗi bên. Trung Quốc có thể tiếp tục đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng tại Nga, nhưng sẽ hạn chế sự can thiệp vào các khu vực nhạy cảm như Viễn Đông. Trong khi đó, Nga sẽ duy trì sự kiểm soát đối với các nguồn tài nguyên và cơ sở hạ tầng quan trọng, đồng thời tìm kiếm sự đa dạng hóa đối tác kinh tế để giảm sự phụ thuộc vào Trung Quốc.

Thứ ba, hai nước hợp tác quân sự có chọn lọc. Trong lĩnh vực quân sự, cả hai nước sẽ tiếp tục thực hiện các cuộc tập trận chung và hợp tác trong phát triển công nghệ quốc phòng, nhưng sẽ cố gắng tránh các hành động có thể làm gia tăng căng thẳng trong khu vực. Sự hợp tác quân sự sẽ tập trung vào việc đối phó với các mối đe dọa chung từ bên ngoài, thay vì cạnh tranh về ảnh hưởng trong khu vực. Các cuộc tập trận chung sẽ được tổ chức với quy mô nhỏ hơn và mục tiêu cụ thể hơn, nhằm tránh gây ra sự lo ngại từ các nước láng giềng và làm gia tăng căng thẳng trong khu vực. Sự hợp tác trong lĩnh vực công nghệ quốc phòng cũng sẽ được thực hiện một cách thận trọng, với sự cân nhắc kỹ lưỡng về lợi ích và rủi ro của mỗi bên.

Tóm lại, tác giả cho rằng, mỗi kịch bản đều có những thuận lợi và khó khăn riêng, và việc hiện thực hóa bất kỳ kịch bản nào sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố, bao gồm cả tình hình nội bộ của mỗi nước, cũng như bối cảnh quốc tế và khu vực. Kịch bản tiếp tục hợp tác chặt chẽ có thể là một lựa chọn hấp dẫn trong ngắn hạn, nhưng tiềm ẩn những rủi ro về sự phụ thuộc và mất cân bằng. Kịch bản cạnh tranh nhau có thể trở thành hiện thực nếu sự cạnh tranh về ảnh hưởng trong các khu vực chiến lược trở nên gay gắt hơn, nhưng nó cũng đồng nghĩa với việc phá vỡ sự ổn định trong quan hệ song phương. Kịch bản duy trì quan hệ ổn định nhưng thận trọng có thể là lựa chọn bền vững nhất, giúp hai nước tiếp tục hợp tác mà không làm gia tăng căng thẳng và xung đột không cần thiết. Theo đó, trong bối cảnh địa chính trị toàn cầu ngày càng phức tạp, việc duy trì một mối quan hệ ổn định nhưng thận trọng có thể là chiến lược hợp lý nhất cho cả Trung Quốc và Nga. Điều này sẽ giúp hai nước

đổi phó hiệu quả với các thách thức từ phương Tây, đồng thời bảo vệ lợi ích quốc gia của mình mà không làm suy yếu mối quan hệ song phương.

4.3. Khuyến nghị cho Việt Nam

4.3.1. Trong quan hệ với nước lớn trong đó có quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga

Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ với Trung Quốc và Nga ngày càng gia tăng, cục diện quốc tế đang có nhiều biến động khó lường. Sự điều chỉnh trong quan hệ giữa các cường quốc không chỉ ảnh hưởng đến bản thân họ mà còn tạo ra những hệ lụy sâu rộng đối với các quốc gia vừa và nhỏ, trong đó có Việt Nam. Việc nhận diện chính xác xu hướng cạnh tranh, hợp tác giữa các nước lớn có ý nghĩa then chốt giúp Việt Nam chủ động thích ứng, giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa lợi ích quốc gia. Từ đó, đòi hỏi Việt Nam cần có chính sách đối ngoại linh hoạt, khôn khéo và thực dụng hơn bao giờ hết để giữ vững vị thế, đảm bảo ổn định và phát triển trong một môi trường khu vực và toàn cầu đầy biến động. Theo đó, Việt Nam cần:

Duy trì chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, linh hoạt trong một thế giới đa cực. Trong bối cảnh quan hệ Trung - Nga ngày càng siết chặt, đi kèm với cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung và sự biến động của hệ thống quốc tế, Việt Nam cần kiên định với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế. Sự tự chủ không chỉ là nguyên tắc đối ngoại, mà còn là yếu tố sống còn để tránh bị cuốn vào cạnh tranh giữa các nước lớn. Chính sách linh hoạt sẽ giúp Việt Nam giữ thế cân bằng chiến lược, không để bất kỳ nước lớn nào áp đặt lợi ích. Đồng thời, Việt Nam cần chủ động định hình không gian an ninh và phát triển, thông qua hợp tác thực chất với cả các cường quốc và các quốc gia trung bình, vừa tận dụng cơ hội vừa hóa giải rủi ro từ các mối quan hệ đối đầu.

Củng cố năng lực phân tích chiến lược và dự báo chính sách của các nước lớn trong đó có quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga. Thực tiễn từ quan hệ Trung - Nga cho thấy: các nước lớn có thể hợp tác sâu sắc trong một giai đoạn, nhưng cũng có thể cạnh tranh hoặc mâu thuẫn nếu lợi ích thay đổi. Do đó, Việt Nam cần xây dựng một hệ thống nghiên cứu và dự báo chiến lược đủ mạnh, có khả năng theo dõi, phân tích và đánh giá động thái của các nước lớn một cách chuyên sâu, liên ngành và chủ động. Cơ chế cảnh báo sớm và tư vấn

chính sách phải được kết nối chặt chẽ giữa giới học thuật và các cơ quan hoạch định chính sách để giúp Việt Nam không bị động trước những thay đổi bất ngờ trong quan hệ quốc tế. Đồng thời, cần khuyến khích các nghiên cứu mang tính so sánh, dự báo và các bài học kinh nghiệm từ mô hình quan hệ Trung - Nga và các quan hệ nước lớn khác.

Tăng cường hợp tác thực chất với các nước lớn, trong đó có quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga dựa trên lợi ích cụ thể và kiểm soát rủi ro phụ thuộc. Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với cả Trung Quốc và Liên bang Nga, nhưng cũng cần thận trọng trong việc duy trì sự cân bằng, tránh phụ thuộc vào bất kỳ một cường quốc nào. Chính sách cần nhấn mạnh yếu tố "hợp tác nhưng không lệ thuộc", thông qua việc xây dựng các lĩnh vực hợp tác mang tính bổ sung, kiểm soát rủi ro từ đầu tư, công nghệ và chuỗi cung ứng. Với Trung Quốc, cần vừa mở rộng hợp tác kinh tế, vừa tăng cường năng lực phòng vệ chiến lược, nhất là ở Biển Đông. Với Nga, cần tận dụng thế mạnh về năng lượng, giáo dục, quốc phòng, nhưng song song với việc đa phương hóa các nguồn cung và công nghệ, nhất là trong bối cảnh Nga bị bao vây cấm vận từ phương Tây.

Chủ động thúc đẩy vai trò trung gian, hòa giải và tạo dựng hình ảnh "đối tác tin cậy" trong quan hệ quốc tế. Việt Nam nên phát huy vị thế địa chiến lược và chính sách đối ngoại độc lập để đóng vai trò trung gian hòa giải trong những xung đột, mâu thuẫn giữa các nước lớn, điển hình như tam giác Mỹ - Trung - Nga. Điều này không chỉ giúp nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam, mà còn tạo ra khoảng đệm chiến lược giúp tránh bị cuốn vào các vòng xoáy đối đầu. Trên nền tảng của các cơ chế đa phương như ASEAN, APEC hay Liên Hợp Quốc, Việt Nam cần thể hiện vai trò tích cực, đóng góp xây dựng trật tự khu vực ổn định và dựa trên luật lệ. Việc khẳng định hình ảnh là "đối tác tin cậy", "trung gian tích cực" sẽ giúp Việt Nam tăng cường an ninh mềm và dự địa chiến lược trong một thế giới đầy cạnh tranh và bất định.

Việt Nam cần kiên định tuân thủ phương châm chiến lược là cân bằng quan hệ với các nước lớn, kết hợp đa phương hóa và đa dạng hóa đối tác trong môi trường quốc tế nhiều biến động. Chính sách “vừa hợp tác, vừa đấu tranh” sẽ giúp

Việt Nam bảo vệ lợi ích cốt lõi mà vẫn duy trì được quan hệ ổn định với các cường quốc. Việc ứng xử linh hoạt giữa các trục quan hệ đối lập, như Trung - Nga và Mỹ - phương Tây, đòi hỏi bản lĩnh ngoại giao tinh táo và thực tế. Đây là nền tảng giúp Việt Nam tránh bị cuốn vào xung đột, đồng thời mở rộng dư địa chiến lược trong khu vực. Trong mọi tình huống, sự chủ động, khéo léo và giữ vững nguyên tắc sẽ là yếu tố quyết định để Việt Nam duy trì ổn định và phát triển bền vững.

4.3.2. Trước quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga

Trong bối cảnh cấu trúc quyền lực toàn cầu đang định hình lại theo hướng đa cực, mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên bang Nga ngày càng trở nên khăng khít, thể hiện qua sự tăng cường phối hợp trên nhiều lĩnh vực từ chính trị, kinh tế đến quốc phòng và văn hóa. Sự xích lại gần nhau giữa hai cường quốc này không chỉ là phản ứng đối với sức ép từ phương Tây, mà còn là một chiến lược nhằm mở rộng ảnh hưởng tại khu vực Á - Âu và toàn cầu. Đối với Việt Nam, mối quan hệ này vừa tiềm ẩn những tác động bất lợi nếu bị gạt ra bên lề, vừa mở ra cơ hội nếu biết tận dụng không gian giao thoa lợi ích để thúc đẩy hợp tác theo hướng đa phương hoá. Do đó, ngoài việc tăng cường quan hệ song phương độc lập với từng nước, Việt Nam cần chủ động thiết kế và triển khai các sáng kiến hợp tác ba bên, góp phần xây dựng thế đứng trung lập, ổn định và có vai trò điều phối trong khu vực.

Trước hết, Việt Nam có thể đề xuất các chương trình hợp tác ba bên trong các lĩnh vực ít nhạy cảm như logistics, nông nghiệp, năng lượng tái tạo, hoặc chuyển đổi số. Trong bối cảnh cả Trung Quốc và Nga đều tìm cách tăng cường liên kết khu vực qua các hành lang kinh tế Á - Âu (chẳng hạn như Sáng kiến Vành đai - Con đường và Liên minh Kinh tế Á - Âu), Việt Nam hoàn toàn có thể trở thành điểm trung chuyển chiến lược nối liền Nga - Trung với Đông Nam Á. Việc xây dựng các trung tâm logistics tại miền Bắc Việt Nam hoặc các khu hợp tác công nghệ - nông nghiệp ứng dụng cao tại khu vực trung du, miền núi phía Bắc sẽ tạo ra không gian hợp tác thực chất, nơi cả ba bên đều có lợi ích cụ thể và không gây xung đột lợi ích chiến lược.

Thứ hai, trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục, Việt Nam có thể chủ động đóng vai trò trung gian kết nối các chương trình học thuật và giao lưu thanh niên giữa

Trung Quốc và Nga. Tổ chức các diễn đàn ba bên về văn hóa Á - Âu, hội thảo quốc tế về lịch sử quan hệ, hoặc chương trình thực tập - học bổng phối hợp giữa ba quốc gia sẽ không chỉ giúp Việt Nam nâng cao năng lực nguồn nhân lực, mà còn đóng góp vào việc xây dựng hình ảnh Việt Nam là đối tác tin cậy và cầu nối văn hóa giữa hai không gian văn minh lớn. Đây cũng là bước đi có tính chiến lược lâu dài trong việc đào tạo đội ngũ chuyên gia khu vực học, ngôn ngữ học.

Thứ ba, Việt Nam có thể đề xuất cơ chế tham vấn chiến lược ba bên về an ninh phi truyền thống, đặc biệt trong các lĩnh vực như biến đổi khí hậu, an ninh mạng, an toàn hạt nhân và y tế cộng đồng. Đây là những vấn đề toàn cầu mang tính trung lập, không bị ràng buộc bởi các cạnh tranh quyền lực truyền thống, nhưng lại có khả năng thúc đẩy hợp tác thực chất và lâu dài. Việt Nam có thể tổ chức các hội nghị cấp chuyên viên hoặc nhóm công tác chuyên đề trong khuôn khổ các cơ chế như Hội nghị ARF, SCO mở rộng, hoặc các sáng kiến độc lập do Việt Nam khởi xướng.

Cuối cùng, Việt Nam nên tận dụng vai trò và uy tín trong ASEAN để kết nối lợi ích của Trung Quốc và Nga vào không gian khu vực, thông qua các cơ chế như ASEAN+1, ASEAN+3 hoặc ASEAN - EAEU. Việc làm nổi bật vai trò "cửa ngõ" vào Đông Nam Á sẽ cho phép Việt Nam nâng cao giá trị địa chiến lược và gia tăng sức mạnh cả trong các tương tác chính trị - kinh tế với hai cường quốc này.

Như vậy, thay vì đứng ngoài quan hệ Trung - Nga, Việt Nam cần chủ động và khéo léo định vị lại mình như một đối tác trung gian, đóng vai trò tích cực trong các cấu trúc hợp tác đa phương mới, qua đó gia tăng không gian chiến lược và bảo đảm lợi ích quốc gia trong bối cảnh cạnh tranh nước lớn đang ngày càng phức tạp.

4.3.3. Trong quan hệ với Trung Quốc và Nga

4.3.3.1. Đối với Trung Quốc

Trong bối cảnh quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga có nhiều bước phát triển mạnh mẽ từ năm 2012 đến 2024, Việt Nam cần có cách tiếp cận tổng thể, linh hoạt và thực tiễn trong việc xử lý quan hệ với Trung Quốc - một đối tác chiến lược toàn diện vừa là láng giềng gần gũi, vừa là quốc gia có nhiều vấn đề nhạy cảm về lịch sử và chủ quyền. Quan hệ Trung - Nga không chỉ làm gia tăng vị thế chiến lược

của Trung Quốc trên trường quốc tế mà còn mở rộng ảnh hưởng của nước này trong khu vực, tạo ra những tác động đa chiều tới Việt Nam. Trên cơ sở đó, một số kiến nghị cho Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc gồm:

Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, Việt Nam cần tăng cường đối thoại chiến lược, giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ và tôn trọng lẫn nhau trong quan hệ song phương. Sự xích lại gần nhau giữa Trung Quốc và Nga không chỉ tạo ra một thế đối trọng đáng kể với Mỹ và phương Tây mà còn làm tăng ảnh hưởng địa chính trị của Trung Quốc trong các vấn đề khu vực, trong đó có vấn đề Biển Đông - nơi Trung Quốc ngày càng tỏ rõ lập trường cứng rắn. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần tiếp tục duy trì các kênh đối thoại cấp cao với Trung Quốc, cả song phương và trong các khuôn khổ đa phương như ASEAN - Trung Quốc, nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia và kiểm soát bất đồng. Bên cạnh đó, cần kiên trì nguyên tắc đối ngoại độc lập, tự chủ, tôn trọng lẫn nhau và không can thiệp công việc nội bộ, tránh để Trung Quốc gây sức ép về chính trị hay định hướng dư luận. Các sáng kiến của Trung Quốc trong khu vực như “Cộng đồng chung vận mệnh”, “Sáng kiến An ninh Toàn cầu” cần được Việt Nam đánh giá một cách thận trọng, trên nguyên tắc bảo vệ lợi ích quốc gia và chủ quyền lãnh thổ. Đồng thời, cần tận dụng hiệu quả vai trò của Việt Nam trong các diễn đàn khu vực và quốc tế để góp phần hình thành một môi trường khu vực hoà bình, ổn định, dựa trên luật lệ.

Trong lĩnh vực kinh tế, Việt Nam cần thúc đẩy chiến lược tự chủ kinh tế, đa dạng hóa quan hệ thương mại và kiểm soát rủi ro phụ thuộc vào Trung Quốc. Sự gắn kết kinh tế giữa Trung Quốc và Nga trong lĩnh vực năng lượng, hạ tầng và chuỗi cung ứng có thể làm gia tăng lợi thế cạnh tranh của Trung Quốc trên thị trường khu vực và toàn cầu, đồng thời tạo ra thế mạnh về thương mại và đầu tư có thể chi phối các đối tác nhỏ hơn, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần đẩy mạnh chính sách đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu, từng bước giảm dần phụ thuộc vào nguồn nguyên vật liệu, máy móc thiết bị từ Trung Quốc. Ngoài ra, việc nâng cao tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm soát chất lượng hàng hóa và phòng ngừa gian lận thương mại cũng là những yếu tố then chốt nhằm bảo đảm sự an toàn và minh bạch của thị trường nội địa. Đối với các dự án có vốn đầu tư từ

Trung Quốc, Việt Nam cần gia tăng yêu cầu về minh bạch, đánh giá tác động dài hạn và gắn chặt với tiêu chuẩn quốc tế để tránh rơi vào tình trạng “bẫy nợ” hay phụ thuộc chiến lược. Song song với đó, cần tăng cường hợp tác kinh tế với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới để mở rộng không gian phát triển và bảo đảm sự linh hoạt trong điều kiện cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, Việt Nam cần củng cố năng lực phòng vệ chiến lược, nâng cao hiệu quả kiểm soát an ninh và duy trì nguyên tắc hòa bình, kiên quyết, nhưng không để xảy ra xung đột. Sự hợp tác quân sự giữa Trung Quốc và Nga trong thời gian qua, bao gồm diễn tập chung, chuyển giao công nghệ và phối hợp trong các diễn đàn an ninh khu vực, đã góp phần nâng cao năng lực quân sự của Trung Quốc, đặc biệt trong bối cảnh nước này đang đẩy mạnh chiến lược hiện đại hóa quốc phòng. Điều này đặt ra thách thức lớn cho Việt Nam, nhất là trong việc kiểm soát xung đột và bảo vệ chủ quyền tại Biển Đông. Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục hiện đại hóa quân đội theo hướng tinh gọn, chính quy, vững mạnh, có khả năng ứng phó hiệu quả với các tình huống phức tạp. Đồng thời, cần phát triển các cơ chế phối hợp đa ngành, từ biên phòng, cảnh sát biển, đến an ninh phi truyền thống như an ninh mạng, an ninh năng lượng. Trong xử lý tranh chấp với Trung Quốc, Việt Nam cần kiên định lập trường dựa trên Công ước Luật biển quốc tế (UNCLOS 1982), vận dụng linh hoạt các cơ chế giải quyết hòa bình tranh chấp, đồng thời không ngừng củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận lòng dân để tạo thành nền tảng vững chắc cho chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục - du lịch, Việt Nam cần chủ động thúc đẩy hợp tác có chọn lọc, đồng thời tăng cường bản lĩnh văn hóa và kiểm soát ảnh hưởng “mềm” từ Trung Quốc. Quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn vừa qua không chỉ dừng lại ở cấp độ chính trị, kinh tế mà còn có sự đẩy mạnh giao lưu văn hóa, truyền thông, giáo dục, tạo điều kiện cho Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng văn hóa ra khu vực và thế giới. Trong bối cảnh đó, Việt Nam cần tiếp tục khai thác các cơ hội hợp tác văn hóa và giáo dục với Trung Quốc trên tinh thần cùng có lợi, tôn trọng bản sắc và luật pháp mỗi bên. Tuy nhiên, cần đặc biệt lưu ý đến việc

kiểm soát các chương trình giao lưu, học bổng, phim ảnh, sách báo... để tránh nguy cơ bị ảnh hưởng về tư tưởng, đặc biệt trong bối cảnh truyền thông xuyên biên giới phát triển mạnh. Với lĩnh vực du lịch, cần tận dụng nguồn khách lớn từ Trung Quốc để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế dịch vụ, song phải nâng cao chất lượng điểm đến, quản lý tốt hành vi du khách, bảo vệ môi trường và di sản. Đồng thời, Việt Nam cần xây dựng một chiến lược quảng bá văn hóa quốc gia toàn diện, có chiều sâu, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, từ đó nâng cao vị thế văn hóa Việt Nam trong khu vực, tăng khả năng chủ động trong tương tác với văn hóa Trung Quốc.

Để bảo đảm lợi ích quốc gia và duy trì ổn định lâu dài, Việt Nam cần từng bước xây dựng lòng tin chiến lược với Trung Quốc trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau và không can thiệp công việc nội bộ. Việc củng cố lòng tin không đồng nghĩa với nhượng bộ, mà là tạo dựng một nền tảng đối thoại bền vững để kiểm soát bất đồng và thúc đẩy hợp tác cùng có lợi. Lòng tin chiến lược sẽ giúp giảm thiểu nguy cơ hiểu lầm, xung đột và tạo dư địa cho Việt Nam xử lý các vấn đề nhạy cảm như Biển Đông một cách linh hoạt hơn. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để mở rộng các lĩnh vực hợp tác kinh tế, văn hóa, quốc phòng một cách chủ động và có chọn lọc. Quan hệ ổn định, tin cậy với Trung Quốc sẽ góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

4.3.3.2. Đối với Liên bang Nga

Mối quan hệ giữa Trung Quốc và Liên bang Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 đã tạo ra một thế liên kết mang tính chiến lược, với nhiều tác động đa chiều đến cấu trúc khu vực Á - Âu và trật tự quốc tế. Trong xu thế đó, việc Việt Nam giữ vững và phát huy quan hệ với Liên bang Nga là hết sức cần thiết, đặc biệt khi cả hai nước đã thiết lập khuôn khổ đối tác chiến lược toàn diện. Tuy nhiên, để thích ứng hiệu quả trước những thay đổi trong bối cảnh quan hệ Trung - Nga, Việt Nam cần xây dựng chính sách đối với Liên bang Nga một cách thực tế, cân bằng và dài hạn, được triển khai đồng bộ, cụ thể:

Trong lĩnh vực chính trị - ngoại giao, Việt Nam cần củng cố quan hệ truyền thống với Nga bằng hình thức tiếp cận chủ động, linh hoạt, tách biệt khỏi những ảnh

hưởng từ liên kết Nga - Trung. Mặc dù quan hệ Nga - Trung trong giai đoạn vừa qua có chiều hướng tăng cường, đặc biệt trên mặt trận chính trị và đối trọng phương Tây, Việt Nam vẫn cần duy trì đường lối ngoại giao độc lập với từng bên, không để mối quan hệ tam giác bị chi phối bởi sự lệ thuộc hay nghi ngờ từ bất kỳ phía nào. Với Nga, Việt Nam cần đẩy mạnh các cơ chế trao đổi chính trị định kỳ, đặc biệt là tại cấp cao, nhằm duy trì động lực hợp tác ổn định trong bối cảnh Nga bị phương Tây cô lập. Bên cạnh đó, cần tiếp tục phát huy vai trò trong các cơ chế song phương như Ủy ban liên Chính phủ Việt Nam - Nga, đồng thời mở rộng hợp tác ở các diễn đàn đa phương mà hai bên cùng tham gia như ASEAN - Nga, SCO (với tư cách đối tác) hay Liên hợp quốc. Trong chiến lược ngoại giao lâu dài, Việt Nam cần thể hiện rõ vai trò là một đối tác đáng tin cậy, ổn định và tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp công việc nội bộ, góp phần làm sâu sắc thêm quan hệ chính trị mang tính kế thừa và hiện đại.

Trong lĩnh vực kinh tế, Việt Nam cần chủ động tái cấu trúc hợp tác với Nga, ưu tiên thực chất hóa các thỏa thuận đã ký và mở rộng vào lĩnh vực công nghệ cao, nông nghiệp và năng lượng sạch. Trong giai đoạn 2012 - 2024, hợp tác kinh tế Nga - Trung có bước phát triển mạnh, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng, khoáng sản và cơ sở hạ tầng. Sự tập trung nguồn lực này khiến Nga có xu hướng lệ thuộc kinh tế vào Trung Quốc, điều có thể ảnh hưởng gián tiếp đến các ưu tiên của Nga tại khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, Việt Nam cần xác định rõ các lĩnh vực hợp tác kinh tế mang tính chiến lược với Nga, trên cơ sở nhu cầu thực tiễn và năng lực tiếp nhận. Các lĩnh vực như xuất khẩu nông - thủy sản, hợp tác dầu khí tại thềm lục địa, chuyển giao công nghệ quốc phòng dân dụng, đào tạo kỹ thuật viên và đặc biệt là năng lượng tái tạo có thể trở thành trọng tâm mới trong hợp tác kinh tế song phương. Đồng thời, cần cải thiện cơ chế điều phối giữa các bộ ngành, địa phương và doanh nghiệp hai nước để bảo đảm tính khả thi của các dự án. Bên cạnh đó, trong bối cảnh Nga chịu lệnh trừng phạt từ phương Tây, Việt Nam cũng cần thận trọng trong lựa chọn các dự án, bảo đảm tuân thủ luật pháp quốc tế, tránh rơi vào rủi ro pháp lý và tài chính.

Trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh, Việt Nam cần duy trì hợp tác kỹ thuật quân sự với Nga trên tinh thần phòng vệ và hiện đại hóa, đồng thời mở rộng kênh phối hợp trong an ninh phi truyền thống. Nga vẫn là đối tác chủ lực của Việt Nam

trong việc cung cấp vũ khí, khí tài và hỗ trợ huấn luyện trong nhiều thập niên qua. Tuy nhiên, trong bối cảnh Nga gia tăng quan hệ với Trung Quốc - quốc gia có tranh chấp chủ quyền với Việt Nam, cần đặt ra yêu cầu kiểm soát mức độ phụ thuộc vào một nguồn cung duy nhất. Thay vì mở rộng số lượng hợp đồng mới, Việt Nam nên tập trung hiện đại hóa các hệ thống vũ khí đã có, kết hợp nội địa hóa công nghệ và phát triển năng lực công nghiệp quốc phòng. Bên cạnh đó, hợp tác quốc phòng với Nga nên được mở rộng sang các lĩnh vực phi truyền thống như an ninh mạng, chống khủng bố, cứu trợ thảm họa, ứng phó sự cố hạt nhân - sinh học. Những lĩnh vực này không nhạy cảm về chính trị, ít bị tác động bởi cấm vận, nhưng lại có giá trị thực tiễn cao trong bối cảnh rủi ro an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng. Ngoài ra, cần duy trì kênh trao đổi học thuật - chiến lược để tiếp cận tư duy quân sự mới của Nga, đồng thời tăng cường hợp tác đa phương tại các diễn đàn an ninh châu Á - Thái Bình Dương mà Nga có hiện diện.

Trong lĩnh vực văn hóa - giáo dục - du lịch, Việt Nam cần tăng cường kết nối xã hội với Nga, ưu tiên đào tạo chuyên gia tiếng Nga và phát triển du lịch chất lượng cao. Trong bối cảnh Nga ngày càng hướng Đông để tìm kiếm thị trường thay thế phương Tây, hợp tác giáo dục và văn hóa với các nước châu Á, trong đó có Việt Nam, được kỳ vọng trở thành kênh giao lưu hiệu quả. Việt Nam cần tăng cường cử sinh viên đi học tại Nga theo các lĩnh vực ưu tiên như y học, công nghệ thông tin, năng lượng, công nghệ quốc phòng - an ninh, đồng thời chú trọng đào tạo chuyên gia ngôn ngữ và văn hóa Nga tại các cơ sở trong nước. Bên cạnh đó, ngành du lịch cần xây dựng sản phẩm phù hợp với thị hiếu của du khách Nga - vốn ưa chuộng khí hậu nhiệt đới, nghỉ dưỡng biển và dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Tuy nhiên, cần lưu ý đến việc nâng cao tiêu chuẩn dịch vụ và an toàn để giữ chân nhóm du khách trung lưu, tránh chạy theo số lượng. Trong lĩnh vực văn hóa, cần tăng cường trao đổi đoàn nghệ thuật, xuất bản, truyền hình... trên tinh thần hợp tác bình đẳng, bảo vệ giá trị văn hóa dân tộc, đồng thời khai thác di sản văn hóa chung giữa hai nước để tạo chiều sâu cho quan hệ đối tác. Việc củng cố quan hệ nhân dân với Nga sẽ góp phần giữ ổn định nền tảng xã hội cho quan hệ song phương trong trung và dài hạn.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 của luận án đã đi sâu phân tích những tác động đa chiều từ quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 đối với môi trường chiến lược của Việt Nam, đồng thời trên cơ sở đó xây dựng hệ thống khuyến nghị chính sách cho Việt Nam nhằm đối phó hiệu quả với các biến chuyển địa chính trị và nâng cao vị thế quốc gia trong bối cảnh khu vực và thế giới đang chuyển động nhanh chóng và phức tạp. Trong khi các chương trước tập trung làm rõ tiến trình, động lực và cấu trúc quan hệ Trung - Nga, thì chương 4 chuyển hướng từ phân tích mô tả sang đánh giá chiến lược và xây dựng khuyến nghị thực tiễn cho Việt Nam - một quốc gia chịu ảnh hưởng trực tiếp từ quan hệ này do vị trí địa chính trị, quan hệ lịch sử và lợi ích an ninh - phát triển có liên hệ chặt chẽ với cả hai cường quốc.

Tổng thể chương 4 đã làm rõ rằng: quan hệ Trung Quốc - Liên bang Nga không chỉ đơn thuần là mối liên kết song phương giữa hai cường quốc, mà còn là một trục ảnh hưởng chiến lược có khả năng tái cấu trúc trật tự khu vực Á - Âu, tác động đến các cân bằng quyền lực hiện hữu, đặc biệt là tại Đông Nam Á - nơi Việt Nam đang giữ vai trò trung tâm của ASEAN. Quan hệ này mang tính vừa hợp tác, vừa đối trọng với phương Tây, nhưng lại có xu hướng củng cố vai trò của Trung Quốc trong các vấn đề khu vực, đồng thời thu hẹp dư địa chiến lược của các quốc gia vừa và nhỏ nếu không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về chính sách. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đối diện với cả những cơ hội chiến lược như: mở rộng hợp tác, tận dụng cạnh tranh nước lớn và những thách thức an ninh - chính trị - kinh tế mang tính dài hạn như: gia tăng áp lực từ Trung Quốc, lệ thuộc về thị trường, rủi ro trong hợp tác quốc phòng với Nga.

Trên cơ sở đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực nêu trên, chương 4 đã xây dựng một hệ thống khuyến nghị chính sách chia thành ba cấp độ: (i) định hướng chung đối với các mối quan hệ với nước lớn; (ii) khuyến nghị cụ thể cho quan hệ với Trung Quốc và với Liên bang Nga; và (iii) khuyến nghị mở rộng theo hướng hợp tác đa phương ba bên. Cách tiếp cận này vừa đảm bảo tính phân tầng logic trong hoạch định chính sách, vừa tạo điều kiện cho Việt Nam xây dựng các chính sách linh hoạt phù hợp với từng cấp độ và từng hoàn cảnh cụ thể. Ở cấp độ tổng thể, luận án khẳng

định Việt Nam cần tiếp tục kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, không liên kết với bên nào để chống bên kia, nhưng cũng không dễ bị lệ thuộc hoặc bị chi phối bởi lợi ích của nước lớn. Việc tăng cường năng lực dự báo chiến lược, xây dựng đội ngũ chuyên gia chuyên sâu về Trung Quốc học và Nga học, cùng với việc chủ động nắm bắt xu hướng điều chỉnh của các nước lớn là điều kiện cần để nâng cao tính chủ động trong ứng xử chính sách.

Trong quan hệ song phương, đối với Trung Quốc, Việt Nam cần có một chiến lược kiểm soát rủi ro tổng thể, vừa hợp tác thực chất trên các lĩnh vực như kinh tế, giao lưu nhân dân, vừa kiên quyết bảo vệ lợi ích cốt lõi, đặc biệt là chủ quyền lãnh thổ trên biển. Quan hệ Trung - Nga trong giai đoạn vừa qua đã giúp Trung Quốc củng cố thêm thế mạnh chiến lược, do đó Việt Nam cần duy trì các kênh đối thoại chính trị - quốc phòng thường xuyên, tận dụng các cơ chế hợp tác kinh tế hiệu quả nhưng đồng thời phải kiểm soát nghiêm ngặt rủi ro phụ thuộc. Trong khi đó, với Liên bang Nga - một đối tác truyền thống và thân thiện, Việt Nam cần chuyển hướng hợp tác sang các lĩnh vực thực tiễn hơn như năng lượng sạch, giáo dục kỹ thuật, nông nghiệp công nghệ cao và an ninh phi truyền thống, đồng thời từng bước nâng cao tính cân bằng trong hợp tác quốc phòng, tránh lệ thuộc tuyệt đối vào một nguồn cung.

Đặc biệt đáng chú ý trong chương này là phần khuyến nghị mở rộng theo hướng hợp tác đa phương. Thay vì giới hạn mình trong hai trục quan hệ song phương tách biệt, Việt Nam được khuyến nghị nên chủ động đề xuất và tham gia các cơ chế hợp tác ba bên Việt Nam - Trung Quốc - Liên bang Nga trong những lĩnh vực có tiềm năng và ít nhạy cảm như logistics, giáo dục, biến đổi khí hậu và y tế cộng đồng. Các sáng kiến như diễn đàn học thuật ba bên, chương trình trao đổi sinh viên kỹ thuật, trung tâm trung chuyển hàng hóa khu vực hoặc cơ chế đối thoại chiến lược về an ninh phi truyền thống đều là các mô hình khả thi có thể giúp Việt Nam giữ vai trò trung gian điều phối. Đồng thời, Việt Nam cần vận dụng tối đa vai trò trong ASEAN để kết nối Nga và Trung Quốc vào các không gian hợp tác khu vực theo hướng có kiểm soát, góp phần cân bằng quyền lực và nâng cao vị thế Việt Nam như một cầu nối chiến lược tại Đông Nam Á.

Tóm lại, trong môi trường cạnh tranh nước lớn ngày càng gia tăng, việc xây dựng một chiến lược ứng xử chủ động, linh hoạt, nhiều tầng nấc là yếu tố then chốt để bảo vệ lợi ích quốc gia. Việt Nam không thể bị cuốn vào cạnh tranh nước lớn, nhưng cũng không thể đứng ngoài sự dịch chuyển địa chính trị toàn cầu. Những khuyến nghị trong chương 4 chính là sự kết hợp giữa tư duy hiện thực chiến lược với nguyên tắc độc lập - tự chủ, thể hiện tầm nhìn dài hạn và vai trò kiến tạo chính sách của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế mới. Phân tích và kiến nghị tại chương này không chỉ có giá trị học thuật mà còn mang tính thực tiễn cao, góp phần định hướng cho các nhà hoạch định chính sách trong xử lý quan hệ với các cường quốc, đặc biệt là trong tam giác Trung Quốc - Nga - Việt Nam.

KẾT LUẬN

Quan hệ chính trị giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn 2012 -2024 đánh dấu một bước phát triển mạnh mẽ và ổn định, thể hiện qua hàng loạt các thỏa thuận và tuyên bố chung của lãnh đạo hai nước. Nổi bật trong giai đoạn này là việc Trung Quốc và Nga chính thức nâng cấp mối quan hệ song phương lên tầm đối tác chiến lược toàn diện, không chỉ đơn thuần là hợp tác trên các lĩnh vực cụ thể mà còn thể hiện sự phối hợp chặt chẽ về chiến lược và tầm nhìn. Mối quan hệ này được thúc đẩy chủ yếu bởi sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực quốc tế, khi cả Trung Quốc và Nga đều cảm nhận áp lực từ các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Cả hai nước đã tìm thấy điểm chung trong việc đối phó với các thách thức từ phương Tây, từ các biện pháp trừng phạt đối với Nga liên quan đến xung đột Ukraine, đến cuộc chiến thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ. Trước sức ép từ các nước phương Tây, đặc biệt là từ NATO và các đồng minh, sự hợp tác chặt chẽ giữa Trung Quốc và Nga trở thành một yếu tố then chốt trong chính sách đối ngoại của cả hai quốc gia. Về mặt ngoại giao, các cuộc gặp cấp cao giữa Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Tổng thống Nga Vladimir Putin diễn ra liên tục và thường xuyên. Từ năm 2012 đến 2024, hai nhà lãnh đạo đã gặp nhau hơn 40 lần. Những cuộc gặp này đã góp phần củng cố mối quan hệ đối tác chiến lược và tăng cường sự tin tưởng lẫn nhau. Ngoài ra, sự hợp tác giữa hai nước cũng được mở rộng trong các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, nơi Trung Quốc và Nga thường đứng về cùng một phía trong các vấn đề liên quan đến an ninh toàn cầu. Điển hình là việc hai nước thường xuyên sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc để bảo vệ lợi ích chiến lược của nhau, đặc biệt trong các vấn đề như Syria và Ukraine.

Quan hệ kinh tế Trung Quốc - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 đã có những bước tiến đáng kể, đặc biệt trong bối cảnh hai quốc gia đều đang tìm kiếm sự đa dạng hóa đối tác kinh tế để giảm sự phụ thuộc vào phương Tây. Trung Quốc và Nga đã không chỉ đạt được những thỏa thuận hợp tác về thương mại, đầu tư mà còn tiến hành hợp tác sâu rộng trong lĩnh vực năng lượng, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt. Một trong những động lực lớn nhất thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Trung Quốc và Nga là

lệnh trừng phạt kinh tế của phương Tây đối với Nga, đặc biệt sau cuộc khủng hoảng Ukraine năm 2014. Điều này buộc Nga phải hướng sang các đối tác ở châu Á, với Trung Quốc trở thành đối tác quan trọng nhất. Năm 2014, hai nước đã ký kết một thỏa thuận cung cấp khí đốt trị giá 400 tỷ USD, đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quan hệ kinh tế. Dự án "Sức mạnh Siberia" là biểu tượng cho sự hợp tác này, với mục tiêu cung cấp khí đốt từ Nga cho Trung Quốc trong vòng 30 năm. Ngoài hợp tác về năng lượng, thương mại song phương cũng đã phát triển mạnh mẽ. Từ năm 2012 đến 2024, kim ngạch thương mại giữa Trung Quốc và Nga tăng trưởng đều đặn. Năm 2023, kim ngạch thương mại đạt mốc 240,1 tỷ USD và mục tiêu đạt 300 tỷ USD vào năm 2024 trở nên khả thi khi hai bên tiếp tục đẩy mạnh hợp tác trong nhiều lĩnh vực như công nghệ, nông nghiệp, và sản xuất. Hợp tác về đầu tư cũng là một yếu tố quan trọng trong quan hệ kinh tế song phương. Trung Quốc đã trở thành một trong những nhà đầu tư lớn nhất vào các dự án cơ sở hạ tầng và năng lượng của Nga, bao gồm cả các dự án về khai thác dầu khí, xây dựng đường sắt và cảng biển. Trong khi đó, Nga cũng bắt đầu đầu tư vào các dự án công nghệ và công nghiệp ở Trung Quốc. Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng quan hệ kinh tế giữa hai nước vẫn còn tồn tại một số thách thức. Trung Quốc, với quy mô kinh tế lớn hơn rất nhiều, đang dần trở thành đối tác chi phối trong mối quan hệ này, điều này tạo ra sự không cân bằng về mặt lợi ích. Ngoài ra, cơ cấu kinh tế khác biệt giữa hai nước cũng khiến việc phối hợp trong một số lĩnh vực trở nên khó khăn. Trong khi Trung Quốc chủ yếu tập trung vào sản xuất và công nghệ cao, Nga vẫn dựa vào xuất khẩu nguyên liệu thô, điều này dẫn đến sự phụ thuộc của Nga vào nhu cầu của Trung Quốc.

Quan hệ an ninh và quốc phòng Trung Quốc - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 đã đạt được nhiều bước tiến quan trọng, đánh dấu một sự hợp tác sâu rộng và chặt chẽ hơn giữa hai quốc gia. Trong bối cảnh thế giới ngày càng bất ổn với sự gia tăng căng thẳng giữa các cường quốc, Trung Quốc và Nga đã nỗ lực củng cố quan hệ quốc phòng để đối phó với những thách thức an ninh từ phương Tây và các khu vực khác. Một trong những điểm nổi bật của hợp tác an ninh giữa hai nước là việc tổ chức các cuộc tập trận quân sự chung. Các cuộc tập trận này không chỉ dừng lại ở quy mô khu vực mà đã phát triển lên tầm chiến lược với sự tham gia của các lực

lượng hải quân, không quân và bộ binh. Điển hình là các cuộc tập trận chung như "Vostok" và "Joint Sea" trong các năm qua, thể hiện sự phối hợp chiến thuật và chiến lược giữa hai quân đội. Những cuộc tập trận này không chỉ có ý nghĩa về mặt quân sự mà còn gửi đi thông điệp mạnh mẽ tới các cường quốc phương Tây về sự liên minh và quyết tâm của Trung Quốc và Nga trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia. Ngoài tập trận chung, Nga và Trung Quốc còn hợp tác chặt chẽ trong lĩnh vực mua bán và sản xuất vũ khí. Nga là một trong những nhà cung cấp vũ khí chính cho Trung Quốc, cung cấp các hệ thống vũ khí hiện đại như máy bay chiến đấu Su-35, hệ thống tên lửa phòng không S-400. Việc hợp tác trong sản xuất vũ khí, đặc biệt là các dự án liên quan đến công nghệ quân sự tiên tiến, đã giúp tăng cường khả năng quốc phòng của cả hai quốc gia, đồng thời tạo ra sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kỹ thuật quân sự. Hợp tác an ninh giữa hai nước không chỉ dừng lại ở lĩnh vực quốc phòng mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác như an ninh mạng và chống khủng bố. Trung Quốc và Nga đã ký kết nhiều thỏa thuận nhằm tăng cường hợp tác trong việc bảo vệ không gian mạng và chia sẻ thông tin tình báo. Cả hai nước đều phải đối mặt với các mối đe dọa về khủng bố và ly khai, và việc hợp tác trong các vấn đề này đã giúp cải thiện an ninh nội bộ của cả hai quốc gia. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, dù hợp tác an ninh giữa Trung Quốc và Nga phát triển mạnh mẽ, vẫn tồn tại những yếu tố cạnh tranh ngầm. Cả hai quốc gia đều có tham vọng mở rộng ảnh hưởng của mình trong khu vực Trung Á, một khu vực quan trọng về chiến lược địa chính trị và an ninh. Điều này có thể tạo ra mâu thuẫn tiềm tàng trong tương lai khi cả Trung Quốc và Nga đều muốn củng cố vị thế của mình tại khu vực này.

Quan hệ Trung Quốc - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 đã có những tác động quan trọng không chỉ đối với khu vực châu Á mà còn ảnh hưởng đến cấu trúc quyền lực toàn cầu. Sự hợp tác chiến lược giữa hai cường quốc này đóng vai trò quan trọng trong việc tái định hình trật tự thế giới, đặc biệt trong bối cảnh Mỹ và các nước phương Tây gia tăng sức ép đối với cả Trung Quốc và Nga. Tại khu vực châu Á, quan hệ Trung - Nga đã ảnh hưởng lớn đến sự ổn định và cân bằng quyền lực. Cả hai nước đều là thành viên quan trọng của các tổ chức đa phương như Tổ chức Hợp tác SCO và BRICS, thông qua đó họ tăng cường hợp tác với các nước

láng giềng và các cường quốc khu vực. Quan hệ Trung - Nga giúp tạo ra một đối trọng mạnh mẽ với ảnh hưởng của Mỹ tại khu vực, đồng thời củng cố vai trò của họ trong việc duy trì hòa bình và an ninh ở châu Á. Đặc biệt, trong các cuộc khủng hoảng khu vực như tình hình tại bán đảo Triều Tiên, Trung Quốc và Nga thường thể hiện lập trường chung và kêu gọi đối thoại thay vì sử dụng vũ lực. Ngoài ra, sự phát triển của Sáng kiến “Vành đai, Con đường” (BRI) của Trung Quốc cũng gắn liền với hợp tác chiến lược với Nga, đặc biệt trong việc kết nối hạ tầng giữa châu Á và châu Âu. Nga đóng vai trò cầu nối quan trọng trong chiến lược này khi hạ tầng vận tải và năng lượng của họ góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu của Trung Quốc về mở rộng ảnh hưởng toàn cầu. Trên phạm vi toàn cầu, quan hệ Trung - Nga đã tạo ra một khối quyền lực đối trọng với các quốc gia phương Tây, đặc biệt là Mỹ và các đồng minh NATO. Trong bối cảnh Mỹ áp đặt các biện pháp trừng phạt kinh tế đối với Nga sau cuộc khủng hoảng Ukraine và cuộc chiến thương mại với Trung Quốc, hai quốc gia này đã tăng cường hợp tác kinh tế và chính trị, củng cố vị thế của mình trên trường quốc tế. Trung Quốc và Nga đã thường xuyên ủng hộ lẫn nhau trong các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc, nơi họ thường sử dụng quyền phủ quyết để bảo vệ lợi ích của nhau. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng quan hệ Trung - Nga không chỉ đơn thuần là một sự hợp tác hoàn hảo. Mặc dù họ chia sẻ các mục tiêu chiến lược chung, nhưng vẫn tồn tại những yếu tố cạnh tranh, đặc biệt trong việc giành ảnh hưởng tại các khu vực như Trung Á, Bắc Cực và Viễn Đông. Những mâu thuẫn này có thể tạo ra những thách thức trong việc duy trì sự cân bằng quyền lực giữa hai nước.

Quan hệ giữa Trung Quốc và Nga trong giai đoạn 2012 -2024 tuy đã đạt được nhiều thành tựu, song vẫn còn tồn tại một số thách thức và hạn chế cần được xem xét. Những vấn đề này xuất phát từ sự khác biệt trong lợi ích quốc gia, đặc điểm kinh tế và chính trị, cũng như sự cạnh tranh ngầm trong việc mở rộng ảnh hưởng khu vực. Một trong những thách thức lớn nhất là sự bất cân xứng về kinh tế giữa hai quốc gia. Trung Quốc, với nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và tốc độ phát triển nhanh chóng, đã trở thành đối tác kinh tế chi phối trong mối quan hệ song phương. Nga, dù là một cường quốc quân sự và sở hữu nhiều tài nguyên thiên nhiên,

vẫn phụ thuộc vào việc xuất khẩu năng lượng, đặc biệt là dầu mỏ và khí đốt sang Trung Quốc. Điều này tạo ra sự không cân bằng trong quan hệ kinh tế giữa hai nước, khiến Nga dễ bị phụ thuộc vào nhu cầu của Trung Quốc. Sự bất cân xứng này có thể dẫn đến tình trạng Trung Quốc có nhiều lợi thế hơn trong việc thương lượng các thỏa thuận kinh tế và chính trị song phương. Ngoài ra, cả hai nước đều có tham vọng mở rộng ảnh hưởng của mình tại khu vực Trung Á, nơi mà Nga và Trung Quốc đều coi là khu vực có tầm quan trọng chiến lược. Trong khi Nga coi Trung Á là "sân sau" của mình với sự ảnh hưởng lịch sử từ thời Liên Xô, Trung Quốc đã nhanh chóng mở rộng đầu tư và ảnh hưởng kinh tế thông qua Sáng kiến BRI. Điều này tạo ra sự cạnh tranh ngầm giữa hai quốc gia trong việc giành quyền kiểm soát ảnh hưởng tại khu vực này. Sự cạnh tranh này không chỉ giới hạn trong lĩnh vực kinh tế mà còn liên quan đến các khía cạnh an ninh và địa chính trị. Về mặt chính trị, mặc dù hai nước có sự hợp tác chặt chẽ trong các tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc và Tổ chức SCO, họ vẫn giữ lập trường độc lập về một số vấn đề quốc tế quan trọng. Chẳng hạn, trong khi Trung Quốc tập trung vào việc mở rộng ảnh hưởng toàn cầu thông qua các sáng kiến kinh tế, Nga lại ưu tiên củng cố ảnh hưởng quân sự và chính trị tại các khu vực chiến lược. Điều này có thể dẫn đến sự bất đồng về phương hướng chiến lược, khiến mối quan hệ không luôn suôn sẻ. Cuối cùng, sự thiếu niềm tin hoàn toàn giữa hai bên cũng là một thách thức tiềm tàng. Mặc dù Trung Quốc và Nga đã thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ lẫn nhau trong các vấn đề quốc tế, vẫn có sự hoài nghi về động cơ thực sự của đối phương. Điều này bắt nguồn từ lịch sử phức tạp và mối quan hệ cạnh tranh giữa hai cường quốc, nhất là trong các vấn đề liên quan đến địa chính trị.

Quan hệ Trung Quốc - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 đã trải qua nhiều biến động quan trọng và triển vọng phát triển của mối quan hệ này trong tương lai phụ thuộc vào nhiều yếu tố cả trong và ngoài nước. Tuy nhiên, xu hướng tổng thể cho thấy mối quan hệ đối tác chiến lược này sẽ tiếp tục được củng cố, đặc biệt trong bối cảnh các thách thức toàn cầu và khu vực ngày càng phức tạp. Một trong những yếu tố quan trọng định hình tương lai của quan hệ Trung - Nga là sự gia tăng sức ép từ các quốc gia phương Tây, đặc biệt là Mỹ. Cả hai nước đều đối mặt với các biện

pháp trừng phạt kinh tế, cũng như sự cạnh tranh về ảnh hưởng chính trị và quân sự từ phương Tây. Chính điều này đã và đang tạo ra động lực để Trung Quốc và Nga tiếp tục hợp tác chặt chẽ hơn nhằm đối phó với các thách thức chung, đặc biệt là trong các diễn đàn quốc tế như Liên Hợp Quốc và Tổ chức SCO. Triển vọng hợp tác này được dự đoán sẽ mở rộng ra các lĩnh vực mới như an ninh mạng, công nghệ quân sự và năng lượng tái tạo. Bên cạnh đó, sự phát triển của sáng kiến "Vành đai, Con đường" (BRI) của Trung Quốc và mối liên kết với Nga thông qua các dự án cơ sở hạ tầng sẽ là động lực mạnh mẽ cho mối quan hệ kinh tế giữa hai nước. Nga đóng vai trò là đối tác quan trọng trong việc kết nối Trung Quốc với châu Âu và các quốc gia ở Trung Á. Việc hoàn thiện các dự án chung như "Sức mạnh Siberia" sẽ không chỉ thúc đẩy hợp tác kinh tế mà còn củng cố vai trò của cả hai nước trong cấu trúc quyền lực khu vực. Tuy nhiên, vẫn có những yếu tố không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến quan hệ song phương. Một trong số đó là sự khác biệt về tầm nhìn chiến lược dài hạn của hai nước. Trung Quốc, với tham vọng trở thành cường quốc toàn cầu, có thể tiếp tục mở rộng ảnh hưởng của mình ra khắp thế giới, trong khi Nga vẫn tập trung vào củng cố vai trò ở khu vực Á - Âu. Điều này có thể dẫn đến mâu thuẫn về lợi ích, đặc biệt là tại các khu vực như Trung Á, nơi cả Trung Quốc và Nga đều có lợi ích địa chiến lược. Ngoài ra, sự bất ổn trong chính trị nội bộ của cả hai quốc gia cũng có thể tác động đến mối quan hệ. Trung Quốc đang đối mặt với những thách thức kinh tế trong nước, trong khi Nga cũng phải giải quyết các vấn đề liên quan đến sự phụ thuộc vào xuất khẩu năng lượng và tình hình chính trị trong nước. Nếu không giải quyết được các thách thức này, quan hệ song phương có thể gặp khó khăn, đặc biệt là khi các yếu tố cạnh tranh ngầm về quyền lực và ảnh hưởng vẫn còn tồn tại.

Quan hệ Trung Quốc - Nga trong giai đoạn 2012 - 2024 không chỉ tác động đến khu vực châu Á và thế giới mà còn có ảnh hưởng nhất định đến Việt Nam. Là quốc gia có vị trí chiến lược tại Đông Nam Á và duy trì quan hệ đối tác toàn diện với cả Trung Quốc và Nga, Việt Nam phải đối mặt với cả cơ hội và thách thức khi quan sát sự hợp tác chiến lược giữa hai cường quốc này. Trước hết, về mặt kinh tế, sự phát triển trong quan hệ Trung - Nga, đặc biệt là trong các lĩnh vực thương mại và năng

lượng, có thể mở ra các cơ hội hợp tác kinh tế cho Việt Nam. Trung Quốc và Nga là hai thị trường lớn mà Việt Nam có thể khai thác, không chỉ thông qua xuất khẩu hàng hóa mà còn thông qua hợp tác đầu tư vào các lĩnh vực như năng lượng, công nghệ và cơ sở hạ tầng. Đặc biệt, trong bối cảnh Nga bị phương Tây trừng phạt kinh tế, Việt Nam có thể tận dụng quan hệ thương mại với Nga để mở rộng hợp tác kinh tế, nhất là trong lĩnh vực năng lượng và nông sản. *Về mặt chính trị và ngoại giao*, Việt Nam phải đối mặt với thách thức lớn trong việc duy trì quan hệ cân bằng với cả hai quốc gia. Cả Trung Quốc và Nga đều là những đối tác quan trọng trong chiến lược đối ngoại của Việt Nam. Tuy nhiên, quan hệ Trung - Nga phát triển mạnh mẽ có thể tạo ra áp lực đối với Việt Nam trong việc điều chỉnh các chính sách ngoại giao để đảm bảo lợi ích quốc gia không bị ảnh hưởng bởi các mối quan hệ cường quốc. Việc giữ vững chính sách ngoại giao độc lập, tự chủ, và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với cả Trung Quốc, Nga và các đối tác khác như Mỹ, sẽ là yếu tố quyết định sự thành công của Việt Nam trong bối cảnh quốc tế đang thay đổi. *Về mặt an ninh, hợp tác quân sự* giữa Trung Quốc và Nga có thể ảnh hưởng đến cân bằng quyền lực trong khu vực Đông Nam Á. Trung Quốc và Nga đã tăng cường các hoạt động quân sự chung, từ đó làm gia tăng sự lo ngại về an ninh khu vực. Trong bối cảnh Biển Đông vẫn là một vấn đề nhạy cảm trong quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, Việt Nam cần theo dõi sát sao sự phát triển của mối quan hệ này để có thể đưa ra các chính sách đối ngoại và quốc phòng phù hợp. Đồng thời, hợp tác quốc phòng với Nga có thể giúp Việt Nam củng cố khả năng quân sự và đảm bảo an ninh quốc gia. Quan hệ Trung - Nga có tác động không nhỏ đến Việt Nam, mang lại cả cơ hội lẫn thách thức. Để tận dụng được các cơ hội và đối phó với thách thức, Việt Nam cần duy trì chính sách ngoại giao linh hoạt, tăng cường hợp tác kinh tế với cả hai quốc gia, đồng thời giữ vững độc lập, tự chủ trong chiến lược an ninh và đối ngoại.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Văn Tân (2024), “China-Russian Federation relations in the economic field (2012 - 2022)”, *Hội thảo Khoa học quốc tế lần thứ 2 về các vấn đề khoa học xã hội và nhân văn, Đại học KHXH&NV Hà Nội (SECOND INTERNATIONAL CONFERENCE ON THE ISSUES OF SOCIAL SCIENCES AND HUMANITIES)*, pp. 457-470.
2. Nguyễn Văn Tân (2024), “Relations between China and the Russian Federation in the field of energy cooperation (2012 - 2022)”, *Hội thảo quốc tế về các vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường trong phát triển ICSEED lần thứ 19, Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội (19th INTERNATIONAL CONFERENCE SOCIO-ECONOMIC AND ENVIRONMENTAL ISSUES IN DEVELOPMENT)*, pp. 3405-3417.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tiếng Việt

1. Hoàng Huệ Anh (2021), “Sáng kiến “Vành đai và Con đường” với an ninh quốc gia Trung Quốc”, *Tạp chí nghiên cứu những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới* (2), tr. 3-8.
2. Hoàng Huệ Anh (2022), “Chiến lược An ninh đối ngoại mới của Trung Quốc – sự lựa chọn cho vị trí siêu cường”, *Nhà xuất bản Khoa học xã hội*.
3. Quốc Anh (2024), “Ông lớn viễn thông Nga nhắm mua thiết bị 5G từ Trung Quốc khi các nhà cung cấp phương Tây rút khỏi xứ Bạch Dương”, *Tạp chí Vietnambiz*, <<https://vietnambiz.vn/ong-lon-vien-thong-nga-nham-mua-thiet-bi-5g-tu-trung-quoc-khi-cac-nha-cung-cap-phuong-tay-rut-khoi-xu-bach-duong-202271374642373.htm>>, [Truy cập ngày 22/8/2024].
4. Nguyễn Đình Chiến (2020), “Phân tích hiện tượng giá dầu âm và khủng hoảng dầu mỏ thế giới năm 2020, một số khuyến nghị cho Việt Nam”, *Tạp chí Công thương*, <<https://tapchicongthuong.vn/phan-tich-hien-tuong-gia-dau-am-va-khung-hoang-dau-mo-the-gioi-nam-2020--mot-so-khuyen-nghi-cho-viet-nam-76643.htm>>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
5. Chính Phủ (2017), “Việt Nam đã có 6 tàu ngầm Kilo hiện đại”, *Báo điện tử Chính phủ*, <<https://baochinhphu.vn/viet-nam-da-co-6-tau-ngam-kilo-hien-dai-102215734.htm>>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
6. Đà Nẵng (2023), “Lệnh trừng phạt của phương Tây tác động đến những công ty Trung Quốc ở Nga thế nào?”, <<https://baodanang.vn/channel/5408/202306/lenh-trung-phat-cua-phuong-tay-tac-dong-den-nhung-cong-ty-trung-quoc-o-nga-the-nao-3946233/>>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
7. Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ 18 - Báo cáo (2012), lần thứ 19 (2017) và lần thứ 20 (2022), *Nhà xuất bản Ngoại văn Trung Quốc*.
8. Minh Đức (2017), “Quan hệ Nga – Trung Quốc: một số vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* (12), tr.3-9.
9. Phan Anh Dũng (2018), “Nước Nga và học thuyết Á - Âu”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu* (6) tr.16-26.

10. Bạch Dương (2023), “Việt Nam huấn luyện với tổ hợp S-300PMU-1: Tên lửa tiêu diệt mục tiêu giả định”, *Giáo dục và Thời đại*, <https://giaoducthoidai.vn/viet-nam-huan-luyen-voi-to-hop-s-300pmu-1-ten-lua-tieu-diet-muc-tieu-gia-dinh-post658505.html>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
11. Đặng Hoàng Hà, Trần Thị Quỳnh Trang (2017), “Một số nét chính trong chính sách của Trung Quốc với Mỹ và Nga”, *Tạp chí nghiên cứu những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới* (1), tr. 43-48.
12. Nguyễn An Hà (2019), “Điều chỉnh chiến lược của Nga từ sau khủng hoảng Ukraine và tác động”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* (3), tr.3-9.
13. Tâm Hằng (2024), “Nga sửa đổi chiến lược AI theo tình hình mới”, <<https://baotintuc.vn/khoa-hoc-cong-nghe/nga-sua-doi-chien-luoc-ai-theo-tinh-hinh-moi-20240216152553346.htm>>, [Accessed on 02 July 2025].
14. Trung Hiếu (2021), “Bản chất quan hệ giữa Trung Quốc và Nga hiện nay”, *Trang thông tin điện tử tổng hợp*, <<https://soha.vn/ban-chat-quan-he-giua-trung-quoc-va-nga-hien-nay-20210617083709814.htm>>, [Truy cập ngày 22/8/2024].
15. Lưu Thị Thúy Hồng (2018), “Những biến động trong chính sách hướng Đông của Liên Bang Nga”, *Tạp chí Nghiên cứu châu Âu* (1), tr.65-70.
16. Duy Hưng (2024), “Nga-Trung Quốc tăng cường hợp tác tại Bắc Cực”, *Báo CAND*, <<https://cand.com.vn/Su-kien-Binh-luan-antg/nga-trung-quoc-tang-cuong-hop-tac-tai-bac-cuc-i732335/>>, [Truy cập ngày 11/12/2024].
17. An Huy (2023), “Nga - Trung Quốc thách thức trật tự thế giới do Mỹ dẫn đầu”, *Tạp chí điện tử*, <https://vneconomy.vn/nga-trung-quoc-thach-thuc-trat-tu-the-gioi-do-my-dan-dau.htm>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
18. Trà Khánh (2024), “Kinh tế Nga-Trung Quốc có thể vượt qua mọi lệnh trừng phạt từ phương Tây”, *VTC news*, <<https://vtcnews.vn/kinh-te-nga-trung-quoc-co-the-vuot-qua-moi-lenh-trung-phat-tu-phuong-tay-ar872023.html>>, [Truy cập ngày 22/12/2024].
19. Lao Lao Động (2022), “Nga - Trung Quốc ký thỏa thuận khí đốt khổng lồ giữa khủng hoảng châu Âu”, *Báo Lao động*, <<https://laodong.vn/thoi-su-quoc-te/nga-trung-quoc-ky-thoa-thuan-khi-dot-khong-lo-giua-khung-hoang-chau-au-1001265.ldo>>, [Truy cập ngày 27/8/2024].

20. Kiệt Linh (2024), “Nga vượt Ả-rập Xê-út, trở thành nước xuất khẩu dầu lớn nhất sang Trung Quốc”, <<https://vnmedia.vn/kinh-te/202401/nga-vuot-a-rap-xe-ut-tro-thanh-nuoc-xuat-khau-dau-lon-nhat-sang-trung-quoc-fa90b75/>>, [Truy cập ngày 11/11/2024].
21. Nhật Linh - Khắc Long (2024), “Tổng thống Nga Putin đọc Thông điệp liên bang 2024 trước thềm cuộc bầu cử”, <https://vtv.vn/the-gioi/tong-thong-nga-putin-doc-thong-diep-lien-bang-2024-truoc-them-cuoc-bau-cu-20240229190350229.htm?>, Truy cập ngày 2/3/2025.
22. Nhật Linh (2022), “Thương mại với Trung Quốc có giúp Nga giảm bớt thiệt hại?”, *Báo Dân chí*, <<https://dantri.com.vn/kinh-doanh/thuong-mai-voi-trung-quoc-co-giup-nga-giam-bot-thiet-hai-20220227084403886.htm>>, [Truy cập ngày 22/8/2024].
23. Nhật Linh (2023), “Tiếng Trung Quốc đang thay thế ngôn ngữ châu Âu trên thị trường lao động Nga”, *VTV*, <<https://vtv.vn/the-gioi/tieng-trung-quoc-dang-thay-the-ngon-ngu-chau-au-tren-thi-truong-lao-dong-nga-20230625064431233.htm>>, [Truy cập ngày 22/8/2024].
24. Dương Văn Lợi (2018), “Điều chỉnh chính sách ngoại giao láng giềng của Trung Quốc trong thời đại Tập Cận Bình”, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc* (1), tr.64-69.
25. Nguyễn Long (2022), “Thập niên chuyển mình mạnh mẽ của Trung Quốc”, *Báo Dân trí*, <<https://dantri.com.vn/the-gioi/thap-nien-chuyen-minh-manh-me-cua-trung-quoc-20221017093244255.htm>>, [Truy cập ngày 29/6/2024].
26. Nguyễn Long (2024), “Sự phát triển của quan hệ Nga-Trung hiện nay và một số hàm ý chính sách đối với Việt Nam”, *Nghiên cứu chiến lược*, <<https://nghiencuuchienluoc.org/su-phat-trien-cua-quan-he-nga-trung-hien-nay-va-mot-so-ham-y-chinh-sach-doi-voi-viet-nam/>>, [Truy cập ngày 11/12/2024].
27. Thái Văn Long (2015), “Quan điểm và phản ứng của Nga đối với sáng kiến Vành đai, Con đường của Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu* (10), tr.4-10.

28. Lê Thế Mẫu (2023), “Thế giới - nhìn từ khái niệm chính sách đối ngoại mới của Liên bang Nga”, <https://tapchiquptd.vn/vi/quoc-phong-quan-su-nuoc-ngoai/the-gioi-nhin-tu-khai-niem-chinh-sach-doi-ngoai-moi-cua-lien-bang-nga/20389.html?>, Truy cập ngày 6/4/2024.
29. Mekongasean (2024), “Xuất nhập khẩu Trung Quốc trở lại mốc 6.000 tỷ USD trong năm 2024”, <<https://mekongasean.vn/xuat-nhap-khau-trung-quoc-tro-lai-moc-6000-ty-usd-trong-nam-2024-38009.html?>>, [Truy cập 24/2/2024].
30. Gia Minh (2022), “5 loại chiến đấu cơ đáng gờm nhất Đông Nam Á có Su-30 của Việt Nam”, *Báo Tuổi trẻ*, <https://tuoitre.vn/5-loai-chien-dau-co-dang-gom-nhat-dong-nam-a-co-su-30-cua-viet-nam-20220208095535981.htm>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
31. Tuyết Minh, (2021), “BRI và sự trỗi dậy của Trung Quốc”, *Báo Đà Nẵng*, <<https://baodanang.vn/channel/5408/202106/bri-va-su-troi-day-cua-trung-quoc-3883009/>>, [Truy cập ngày 22/11/2024].
32. Lê Văn Mỹ (2018), “Những điều chỉnh chiến lược ngoại giao của Trung Quốc từ cải cách mở cửa đến nay (1978-2018)”, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc* (12), tr.26-34.
33. Mỹ Nga (2024), “Kim ngạch thương mại giữa Nga và Trung Quốc xô đổ kỷ lục”, *Báo Nghệ An*, <<https://baonghean.vn/kim-ngach-thuong-mai-giua-nga-va-trung-quoc-xo-do-ky-luc-10266926.html>>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
34. Nghiên cứu chiến lược (2023), “Quan hệ Nga – Trung Quốc trong bối cảnh quốc tế hiện nay và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”, <<https://nghiencuuchienluoc.org/quan-he-nga-trung-quoc-trong-boi-canhh-quoc-te-hien-nay-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam/?>>, [Truy cập ngày 22/4/2024].
35. Nghiên Cứu Quốc Tế (2024), “Hợp tác năng lượng Trung-Nga nhìn từ các đường ống dẫn khí đốt tự nhiên”, <<https://nghienquocute.org/2024/12/03/hop-tac-nang-luong-trung-nga-nhin-tu-cac-duong-ong-dan-khi-dot-tu-nhien/>>, [Truy cập ngày 11/12/2024].

36. Nghiên cứu Biển Đông (2016), “Nền kinh tế bị kìm hãm của Nga”,
[<https://nghiencuubiendong.vn/nen-kinh-te-bi-kim-ham-cua-nga.49155.anews>],
[Truy cập ngày 21/11/2024]
37. Nguyễn Nguyễn (2023), “Nga-Trung tăng cường hợp tác quân sự và tác động đối với khu vực và thế giới”, *Nghiên cứu chiến lược*,
<<https://nghiencuuchienluoc.org/nga-trung-tang-cuong-hop-tac-quan-su-va-tac-dong-doi-voi-khu-vuc-va-the-gioi/>>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
38. Nguyễn Nhâm (2018), "Quan hệ quốc tế kiểu mới: Bước chuyển về an ninh đối ngoại của Trung Quốc, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc* (9), tr.67-72.
39. Quân đội Nhân dân (2024), “Chủ tịch Trung Quốc hội đàm với Tổng thống Nga tại Bắc Kinh”, <<https://www.qdnd.vn/quoc-te/tin-tuc/chu-tich-trung-quoc-hoi-dam-voi-tong-thong-nga-tai-bac-kinh-777153>>; Truy cập ngày 6/8/2025.
40. Đỗ Tiến Sâm (2013), “Ngoại giao Trung Quốc trong quá trình trở dậy và những vấn đề đặt ra cho Việt Nam”, *Nhà xuất bản Khoa học xã hội*.
41. Nguyễn Trần Xuân Sơn & Nguyễn Thị Thanh Nhân (2021), “Quan hệ Nga - Trung Quốc: Triển vọng hợp tác trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản*,
<<https://tapchicongsan.org.vn/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/823630/quan-he-nga---trung-quoc--trien-vong-hop-tac-trong-giai-doan-moi.aspx>>,
[Truy cập ngày 11/8/2024].
42. Tuấn Sơn (2010), “Hãng MiG, Sukhoi phản đối bán động cơ RD-93 cho Trung Quốc”, *Báo QĐND*, <<https://www.qdnd.vn/quan-su-the-gioi/khoa-hoc-quan-su/hang-mig-sukhoi-phan-doi-ban-dong-co-rd-93-cho-trung-quoc-367275>>,
[Truy cập ngày 22/8/2024].
43. Như Thạch (2023), “Mối quan hệ thương mại Trung-Nga: Không bình thường”, *Tạp chí Petro times*, <<https://nangluongquocte.petrotimes.vn/moi-quan-he-thuong-mai-trung-nga-khong-binh-thuong-681094.html>>, [Truy cập ngày 22/8/2024].
44. Vũ Thanh (2024), “Mục đích của Trung Quốc và Nga khi tăng cường tập trận chung”, *Báo Tin tức*, <https://baotintuc.vn/quan-su/muc-dich-cua-trung-quoc-va-nga-khi-tang-cuong-tap-tran-chung-20240922083636182.htm>, [Truy cập ngày 22/10/2024].

45. Thi Thi (2023), “Quan hệ Nga-Trung Quốc trong bối cảnh quốc tế hiện nay và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam”, *Nghiên cứu chiến lược*, <<https://nghiencuuchienluoc.org/quan-he-nga-trung-quoc-trong-boi-canhh-quoc-te-hien-nay-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam/>>, [Truy cập ngày 22/8/2024].
46. Thi Thi (2024), “Triển vọng quan hệ Nga-Trung trong thời gian tới”, *Nghiên cứu chiến lược*, <<https://nghiencuuchienluoc.org/trien-vong-quan-he-nga-trung-trong-thoi-gian-toi/>>, [Truy cập ngày 22/12/2024].
47. Nguyễn Thu (2023), “Kim ngạch thương mại Nga-Trung lập kỷ lục giữa 'bão' trừng phạt Moscow”, *Báo Kinh tế đô thị*, <<https://kinhtedothi.vn/kim-ngach-thuong-mai-nga-trung-lap-ky-luc-giua-bao-trung-phan-moscow.html>>, [Truy cập ngày 11/8/2024].
48. Nguyễn Thị Ánh Thuận (2018), "Quan hệ kinh tế Nga - Trung: Thực trạng và triển vọng", *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu* (3), tr. 33-44.
49. Vũ Thụy Trang, Trần Hải Yến (2017), “Nhìn lại quan hệ Nga - Trung từ sau cuộc khủng hoảng Ukraine”, *Tạp chí nghiên cứu Trung Quốc* (1), tr.42-47.
50. Vietnamplus (2012), “Nga dùng "quyền lực mềm" cho mục tiêu ngoại giao”, <<https://baonga.com/nga-dung-quyen-luc-mem-cho-muc-tieu-ngoai-giao.html?>>, Truy cập ngày 12/2/2024.
51. VietnamPlus (2023), “Nga vượt Saudi Arabia trở thành nhà cung cấp dầu thô lớn nhất cho Trung Quốc”, *Báo Vietnamplus*, <https://www.vietnamplus.vn/nga-vuot-saudi-arabia-tro-thanh-nha-cung-cap-dau-tho-lon-nhat-cho-trung-quoc-post922703.vnpoogle_vignette>, [Truy cập ngày 27/8/2024].
52. VOV (2023), “Trung Quốc và Nga kết thúc tập trận chung trên biển Nhật Bản”, VOV, <<https://vov.gov.vn/trung-quoc-va-nga-ket-thuc-tap-tran-chung-tren-bien-nhat-ban-dtnew-482410>>, [Accessed on 28 February 2024].
53. VnEconomy (2019), “13 con số ít biết về nền kinh tế Nga”, [<https://vneconomy.vn/13-con-so-it-biet-ve-nen-kinh-te-nga.htm>], [Truy cập ngày 22/11/2024]

54. VTV (2024), “Nga - Trung Quốc ra tuyên bố chung làm sâu sắc hơn quan hệ song phương.”, VTV, <<https://vtv.vn/the-gioi/nga-trung-quoc-ra-tuyen-bo-chung-lam-sau-sac-hon-quan-he-song-phuong-2024051621251473.htm>>, [Truy cập ngày 22 tháng 12 năm 2024].
55. VTV (2024), “Quan hệ Nga-Trung Quốc bước lên tầm cao mới”, VTV, <<https://vtv.vn/the-gioi/quan-he-nga-trung-quoc-buoc-len-tam-cao-moi-20240517010030803.htm>>, [Truy cập ngày 22/11/2024].
56. Đỗ Thị Thụy Vũ (2024), “Tăng cường quan hệ hợp tác chiến lược Trung Quốc-Nga trong bối cảnh mới”, *Tạp chí Cộng sản*, <<https://hssk.tapchicongsan.org.vn/bai-viet/nhin-ra-the-gioi/tang-cuong-quan-he-hop-tac-chien-luoc-trung-quoc-ng-a-trong-boi-can-h-moi-post1044.html>>, [Truy cập ngày 13/11/2024]
57. Trần Thị Hải Yến, Đặng Thị Thúy Hà (2020), “Chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong nhiệm kỳ thứ hai của Chủ tịch Tập Cận Bình”, *Tạp chí nghiên cứu Đông Bắc Á* (6), tr.3-12.

II. Tiếng Anh

1. Adarsh R. (2025), “Future Technology Trends: 10 Innovations to Watch in 2025 & Beyond”, <<https://www.startus-insights.com/innovators-guide/future-technology-trends/?>>, [Accessed on 02 August 2025].
2. Alec Blivas (2021), “Sino-Russian Military Exercises Signal a Growing Alliance”, <<https://www.usni.org/magazines/proceedings/2021/june/sino-russian-military-exercises-signal-growing-alliance>>, [Accessed on 09 July 2024].
3. Alec Blivas, (2021), “How Deep Are China-Russia Military Ties?”, *U.S.Naval Institute*, <<https://www.usni.org/magazines/proceedings/2021/june/sino-russian-military-exercises-signal-growing-alliance>>, [Accessed on 25 October, 2024].
4. Alexander Gabuev (2023), “What’s Really Going on Between Russia and China, Behind the Scenes, They Are Deepening Their Defense Partnership”, *Foreign Affairs*.

5. Alexei Lossan (2014), “Russia-China talks yield 30-year Gazprom contract worth \$400 billion”, *Gateway to Russia*,
<https://www.rbth.com/business/2014/05/21/russia-china_talks_yield_30-year_gazprom_contract_worth_400_billion_36823.html>,
[Accessed on 25 October, 2024].
6. Alexei Lossan (2014), “Russia-China talks yield 30-year Gazprom contract worth \$400 billion”, <https://www.rbth.com/business/2014/05/21/russia-china_talks_yield_30-year_gazprom_contract_worth_400_billion_36823.html>,
[Accessed on 08 July 2025].
7. Alza Kryeziu (2024), “Chinese Nationals Account for Half of Tourists in Russia in First Months of 2024”, *Visa Guide*, <<https://visaguide.world/news/chinese-nationals-account-for-half-of-tourists-in-russia-in-first-months-of-2024/>>,
[Accessed on 04 August 2024].
8. Analyst Oceana Zhou (2023), “China's crude imports from Russia hits record as Xi, Putin eye stronger energy ties”, *S&P Global*,
<<https://www.spglobal.com/commodityinsights/en/market-insights/latest-news/oil/032023-chinas-crude-imports-from-russia-hits-record-as-xi-putin-eye-stronger-energy-ties>>, [Accessed on 04 August 2024]
9. Andrea Ghiselli (2018), “Diplomatic Opportunities and Rising Threats: The Expanding Role of Non-Traditional Security in Chinese Foreign and Security Policy”, *Journal of Contemporary China* (27:112), pp.611-625.
10. Andrea Kendall-Taylor & David O. Shullman (2019), “Russian-Chinese Partnership: A Threat to U.S. Interests?”, *Foreign Affairs*,
<<https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2019-05-14/russian-chinese-partnership-threat-us-interests>>, [Accessed on 07 August 2024].
11. Andrea Kendall-Taylor and David O. Shullman, (2021), “China and Russia’s Dangerous Convergence”, *Foreign Affairs*,
<<https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2021-05-03/china-and-russias-dangerous-convergence>>, [Accessed on 07 August 2024].
12. Andrea Kendall-Taylor and Nicholas Lokker (2023), “ Russia-China Defense Cooperation”, *Center for a New American Security*,

- <<https://www.cnas.org/publications/reports/russia-china-relations>>, [Accessed on 07 August 2024].
13. Andrey Kortunov (2024), “More Advanced Collaboration Expected in 2024 China-Russia Ties”, *Modern Diplomacy*,
<<https://moderndiplomacy.eu/2024/01/08/more-advanced-collaboration-expected-in-2024-china-russia-ties/>>, [Accessed on 04 August 2024].
 14. Andrey Kortunov (2024), “More Advanced Collaboration Expected in 2024 China-Russia Ties”,
<<https://russiancouncil.ru/en/analytics-and-comments/analytics/more-advanced-collaboration-expected-in-2024-china-russia-ties/>>, [Accessed on 08 July 2025].
 15. Anna Borshchevskaya (2024), “How the Middle East Became an Arena for Putin’s Power Struggle with the US”, *The Washington Institute for near east policy*, <<https://www.washingtoninstitute.org/policy-analysis/how-middle-east-became-arena-putins-power-struggle-us>>, [Accessed on 15 October, 2024].
 16. Anna Shakirova (2021), “DECIPHERING RUSSIA’S 2021 NATIONAL SECURITY STRATEGY DOCUMENT”,
<<https://www.setav.org/en/assets/uploads/2021/09/P67En.pdf?>>, [Accessed on 22 November 2024].
 17. Anshu Siripurapu & Noah Berman (2024), “The Contentious U.S.-China Trade Relationship”, *Council on Foreign Relations*,
<<https://www.cfr.org/background/contentious-us-china-trade-relationship>>, [Accessed on 28 July 2024].
 18. Armed forces, (2022), “China sends over 2,000 troops to Vostok-2022 exercises”, *China Military*,
<http://eng.chinamil.com.cn/ARMEDFORCES/NorthernTheaterCommand/News_209129/16011678.html>, [Accessed on 22 February 2024].
 19. Artyom Lukin (2020), “The Russia–China entente and its future”, Springer Nature, Volume 58, pages 363–380, (2021).
 20. Axel Berkofsky (2016), ““The Chinese Dream” and Chinese Foreign and Security Policies-Rosy Rhetoric versus Harsh Realities”, *Asia-Pacific Review* (23:2), pp.109-128.

21. B.N.KUZYK, M.L.TITARENKO (2006), "China – Russia 2050: Co-Development strategy", *Institute of Economic Strategies*.
22. Balinder Singh & Jagmeet Bawa (2023), "China's Increasing Investments In Russia Amidst Global Geopolitical Tensions – Analysis",
<<https://www.eurasiareview.com/29072023-chinas-increasing-investments-in-russia-amidst-global-geopolitical-tensions-analysis/>>, [Accessed on 08 July 2025].
23. Ben Aris and Ivan Tkachev (2019), "Long Read: 20 Years of Russia's Economy Under Putin, in Numbers", *The Moscow Times*,
<<https://www.themoscowtimes.com/2019/08/19/long-read-russias-economy-under-putin-in-numbers-a66924>>, [Accessed on 02 August 2024].
24. Bonny Lin, Brian Hart, Samantha Lu, and Yu-Jie (Grace) Liao (2023), "Analyzing the Latest Xi-Putin Meeting and China's Belt and Road Forum", *China Power*, <<https://chinapower.csis.org/analysis/xi-putin-meeting-belt-road-forum/>>, [Accessed on 08 December 2024].
25. Bown, Chad P. (2021), "The US–China Trade War and Phase One Agreement", Peterson Institute for International Economics Working Paper No. 21-2.
26. Brian Hart & Bonny Lin (2024), "How Deep Are China-Russia Military Ties?", <<https://chinapower.csis.org/china-russia-military-cooperation-arms-sales-exercises/>>, [Accessed on 25 October, 2024].
27. Brian Hart & Bonny Lin (2024), "How Deep Are China-Russia Military Ties?", <<https://chinapower.csis.org/china-russia-military-cooperation-arms-sales-exercises/>>, >, [Accessed on 09 July 2024].
28. Brian Hart, Bonny Lin, Matthew P. Funaiolo, Samantha Lu, Hannah Price, Nicholas Kaufman, Gavril Torrijos, (2022), "China-Russia Military Cooperation: Arms Sales and Exercises", *Chinapower*, <<https://chinapower.csis.org/china-russia-military-cooperation-arms-sales-exercises/>>, [Accessed on 07 August 2024].
29. Bruce Hoffman (2016), "The Global Terror Threat and Counterterrorism Challenges Facing the Next Administration", *Combating Terrorism Center*, <<https://ctc.westpoint.edu/the-global-terror-threat-and-counterterrorism-challenges-facing-the-next-administration>>, [Accessed on 29 July 2024].

30. Cambridge Core (2021), "Choi EK, Givens JW, MacDonald A. From Power Balance to Dominant Faction in Xi Jinping's China". *The China Quarterly*. 2021; 248(1):935-956. doi:10.1017/S0305741021000473.
31. Camilla T.N. Sørensen (2015), "The Significance of Xi Jinping's "Chinese Dream" for Chinese Foreign Policy: From "Tao Guang Yang Hui" to "Fen Fa You Wei"", *Journal of China and international relations* (3-1), pp.53-73.
32. Can Kasapoğlu (2024), "NATO Is Not Ready for War: Assessing the Military Balance between the Alliance and Russia", *Hudson Institute*,
<<https://www.hudson.org/security-alliances/nato-not-ready-war-assessing-military-balance-between-alliance-russia-can-kasapoglu>>, [Accessed on 02 August 2024].
33. Cao Desheng (2024), "China, Russia intensify partnership",
<<https://epaper.chinadaily.com.cn/a/202405/17/WS6646a779a310df4030f51973.html>>, [Accessed on 07 July 2025].
34. Carla Freeman, Mary Glantz, Daniel Markey (2024), "China, Russia See SCO at Counterweight to NATO but India Is Ambivalent", *United States Intutite of Peace*,
<<https://www.usip.org/publications/2024/07/china-russia-see-sco-counterweight-nato-india-ambivalent>>, [Accessed on 02 August 2024].
35. Carr, Edward Hallett (1939), "The Twenty Years' Crisis, 1919-1939: An Introduction to the Study of International Relations" *London: Macmillan*.
36. CGTN (2024), "Xi Jinping calls for efforts to open up new future of China-Russia cultural exchanges", <<https://news.cgtn.com/news/2024-05-16/Xi-Putin-attend-opening-ceremony-of-China-Russia-Years-of-Culture-1tEv69q5mY8/p.html>>, [Accessed on 04 August 2024].
37. Chan, A. L. (2022) "Xi Jinping: Political Career, Governance, and Leadership, 1953-2018". *Oxford University Press*.
<<https://doi.org/10.1093/oso/9780197615225.001.0001>>, [Accessed on 25 October, 2024].
38. Chandra Rekha (2016), "Evolution of Russia-China Bilateral Relations", *AIR POWER Journal*, Vol. 11 No. (2), pp.145-177.
39. Channel News Asia (2024), "China - Russia 2023 trade value hits record high of \$240 billion - Chinese customs.",

- <<https://www.channelnewsasia.com/business/china-russia-trade-240-billion-record-2023-3622301>>, [Accessed on 04 August 2024].
40. China Culture (2014), “Sino-Russian cultural exchange hitting new heights” <https://en.chinaculture.org/info/2014-11/28/content_578342.htm>, [Accessed on 21 October, 2024].
 41. China Culture (2014), “Sino-Russian cultural exchange hitting new heights”, <https://en.chinaculture.org/info/2014-11/28/content_578342.htm>, [Accessed on 05 July 2024].
 42. ChinaDaily (2015), “China, Russia boost investment, financial cooperation”, <https://www.chinadaily.com.cn/business/201506/19/content_21050230.htm>, [Accessed on 07 August 2024].
 43. Chinadaily (2021), “China-Russia military exercise underway in NWChina”, <<https://www.chinadaily.com.cn/a/202108/09/WS61112584a310efa1bd667b54.html>>, [Accessed on 24 February 2025].
 44. ChinaPower Project (2022), “How Has the China-Russia Relationship Evolved?”, <<https://chinapower.csis.org/history-china-russia-relations/>>, ChinaPower Project [Accessed on 02 August 2024].
 45. ChinaPower Project (2023), “China-Russia military cooperation: Arms sales and exercises”, <<https://chinapower.csis.org/china-russia-military-cooperation-arms-sales-exercises/>>, [Accessed on 16 August 2024].
 46. Chu Daye (2024), “China, Russia boost tourism, cultural ties”, <<https://www.globaltimes.cn/page/202406/1313678.shtml>>, *Globe Times*, [Accessed on 04 August 2024].
 47. Clara Fong & Lindsay Maizland (2024), “China and Russia: Exploring Ties Between Two Authoritarian Powers”, *Council on Foreign Relations*, <<https://www.cfr.org/background/china-russia-relationship-xi-putin-taiwan-ukraine>>, [Accessed on 30 July 2024].
 48. CNN (2024), “China’s largest oil supplier in 2023 was Russia”, <<https://edition.cnn.com/2024/01/22/business/china-top-oil-supplier-2023-russia-intl-hnk/index.html>>, [Accessed on 04 August 2024].

49. Congressional Research Service (2024), “U.S. response to growing China-Russia military collaboration”,
<<https://www.everycrsreport.com/reports/IF12100.html>>,
[Accessed on 26 August 2024].
50. Constanza Valdes (2022), “Brazil’s Momentum as a Global Agricultural Supplier Faces Headwinds”, *U.S. Department of Agriculture*,
<<https://www.ers.usda.gov/amber-waves/2022/september/brazil-s-momentum-as-a-global-agricultural-supplier-faces-headwinds/>>, [Accessed on 28 July 2024].
51. Council on Foreign Relations (2024), “China-Russia relationship: Xi, Putin, Taiwan, and Ukraine”, <<https://www.cfr.org/backgrounder/china-russia-relationship-xi-putin-taiwan-ukraine>>, [Accessed on 16 August 2024].
52. CSIS (2022), “Assessing Chinese-Russian Military Exercises: Past Progress and Future Trends.”, <<https://www.csis.org/analysis/assessing-chinese-russian-military-exercises-past-progress-and-future-trends>>, [Accessed on 06 August 2024].
53. CSIS (2023), “Changing nature and implications of Russian military transfers to China”, <<https://www.csis.org/analysis/changing-nature-and-implications-russian-military-transfers-china>>, [Accessed on 04 August 2024].
54. DeLisle, J. (2020), “Foreign Policy through Other Means: Hard Power, Soft Power, and China's Turn to Political Warfare to Influence the United States”, *Orbis*, (64:2), pp.174-206.
55. Dmitri Trenin (2019), “20 Years of Vladimir Putin: How Russian Foreign Policy Has Changed”, *Carnegie Russia Eurasia Center*,
<<https://carnegieendowment.org/posts/2019/08/20-years-of-vladimir-putin-how-russian-foreign-policy-has-changed?lang=en¢er=russia-eurasia>>,
[Accessed on 02 August 2024].
56. Dmitry Gorenburg, Elizabeth Wishnick, Brian Waidelich, Paul Schwartz (2023), “Russian-Chinese Military Cooperation”, *CNA*,
<<https://www.cna.org/reports/2023/05/russian-chinese-military-cooperation>>,
[Accessed on 29 July 2024].
57. Doyle, Michael W. (1983), “Kant, Liberal Legacies, and Foreign Affairs,” *Philosophy & Public Affairs*, Vol. 12, (3), pp. 205–235.

58. Dr Aleksander Olech, Leon Pińczak (2021), “Key theses of Strategy of National Security of the Russian Federation (2021)”,
<<https://ine.org.pl/wpcontent/uploads/2021/07/Key-theses-of-Strategy-of-National-Security-of-the-Russian-Federation-2021-2.pdf?>>, [Accessed on 02 August 2024].
59. Dr Yu Jie (2024), “China ‘under siege’”, *Chatham house*,
<<https://www.chathamhouse.org/2024/07/china-under-siege/centralizing-foreign-policy-under-xi-jinping>>, [Accessed on 25 October, 2024].
60. Earl Carr (2022), “China’s Dual Circulation and its Global Implications”,
<<https://www.chinausfocus.com/finance-economy/chinas-dual-circulation-and-its-global-implications?>>, [Accessed on 25 August 2024].
61. Elbridge A. Colby & A. Wess Mitchell (2020), “The Age of Great Power Competition”, *Foreign Affairs*,
<<https://www.foreignaffairs.com/united-states/age-great-power-competition>>, [Accessed on 07 August 2024].
62. Elizabeth C. Economy (2018), “The Third Revolution: Xi Jinping and the New Chinese State”, New York, NY: Oxford University Press, Vol. 4, No. 3, Dec.2018, pp. 1247-1256.
63. Emil Avdaliani (2023), “Russia-China: Trade and investment dynamics”, *Russia-Briefing*,
<<https://www.russia-briefing.com/news/rossiya-kitaj-dinamika-torgovli-i-investitsij.html/>>, [Accessed on 22 November 2023].
64. Enerdata (2024), “Russia announces progress with China on the Power of Siberia 2 gas pipeline”, *Enerdata*,
<<https://www.enerdata.net/publications/daily-energy-news/russia-announces-progress-china-power-siberia-2-gas-pipeline.html>>, [Accessed on 02 December 2024].
65. Engels, Friedrich. (2009), “The Condition of the Working Class in England”, Translated by Florence Kelley Wischnewetzky, Oxford: *Oxford University Press*, (original work published 1845).

66. Ensec Coe (2022), "Energy Highlights No.17", *NATO Energy Security Centre of Excellence*, <<https://www.enseccoe.org/publications/energy-highlights-no-17/>>, [Accessed on 02 August 2024].
67. Eurasiantimes (2020), "Russia Delivers Second S-400 Systems To China Amid Flaring Tensions With The US", *EurAsian Times*, <<https://www.eurasiantimes.com/russia-delivers-second-s-400-air-defence-systems-to-china-amid-soaring-tensions-with-the-us/>>, [Accessed on 08 August 2024].
68. F. Joseph Dresen (2024), "Petrostate: Putin, Power, and the New Russia", *Wilson Center*, <<https://www.wilsoncenter.org/publication/petrostate-putin-power-and-the-new-russia>>, [Accessed on 02 August 2024].
69. Facts and Details (2024), "Xi Jinping's political career and rise in the Communist Party", *Factsanddetails*, <<https://www.factsanddetails.com/china/cat2/sub6/item1970.html>>, [Accessed on 26 October, 2024]
70. Foucault, Michel (1977), "Discipline and Punish: The Birth of the Prison", Translated by Alan Sheridan. *New York: Vintage Books*, (original work published 1975).
71. Gabuev, A. (2015), "A "Soft Alliance"?: Russia – China Relations after the Ukraine crisis", *European Council on foreign relations*, <<http://www.jstor.org/stable/resrep21546>>, [Accessed on 04 August 2024].
72. Galeotti, M. (2018), "We Need to Talk About Putin: How the West Gets Him Wrong", *Penguin*.
73. Geopoliticeconomy (2024), "China-Russia joint statement marking 'new era' on 75th anniversary of relations (full text)", <<https://geopoliticeconomy.com/2024/05/24/china-russia-joint-statement-new-era-75th-anniversary/>>, [Accessed on 06 October 2024].
74. Global Institute for National Capability (2024), "□□ Russia's Grand Strategy", <<https://www.ginc.org/russias-grand-strategy/?>>, [Accessed on 02 August 2024].
75. Global Times (2024), "China-Russia cooperation reaches new heights", <<https://www.globaltimes.cn/page/202407/1316140.shtml>>, [Accessed on 26 August 2024].

76. Global Times (2024), “China-Russia cultural ties bolster friendship”,
<<https://www.globaltimes.cn/page/202405/1312457.shtml>>, [Accessed on 06 October 2024].
77. Government of China (2019), “China, Russia commemorate 70th anniversary of diplomatic ties”,
<https://english.www.gov.cn/news/top_news/2019/06/06/content_281476702445394.htm>, [Accessed on 06 October 2024].
78. Government of China (2023), “9th Sino-Russian Youth Games open in Chongqing”, *Government of China*,
<https://english.www.gov.cn/news/202305/23/content_WS646c0b55c6d03ffcca6ed4ac.html>, [Accessed on 04 August 2024].
79. Government of China (2024), “China, Russia agree to further expand investment, energy cooperation”,
<https://english.www.gov.cn/news/202407/25/content_WS66a1867ac6d0868f4e8e96cd.html>, [Accessed on 04 August 2024].
80. Government of China (2024), “Xi, Putin sign, issue joint statement on deepening China-Russia comprehensive strategic partnership of coordination for a new era”,
<https://english.www.gov.cn/news/202405/16/content_WS6645aed3c6d0868f4e8e7281.html>, [Accessed on 02 December 2024].
81. Graeme P Herd (2018), “Russia’s Hybrid State and President Putin’s Fourth Term Foreign Policy”, *The RUSI Journal* (163:4), pp.20-28.
82. Guan. G (2022), “Thirty years of China–Russia strategic relations: achievements, characteristics and prospects”, *Springer*,
<<https://link.springer.com/article/10.1007/s42533-022-00101-6>>, [Accessed on 25 October, 2024].
83. Guan. G (2022), “Thirty years of China–Russia strategic relations: achievements, characteristics and prospects”,
<<https://link.springer.com/article/10.1007/s42533-022-00101-6>>, [Accessed on 09 July 2025].
84. Guihai Guan (2022), “Thirty years of China–Russia strategic relations: achievements, characteristics and prospects”, *Springer, Volume* (4), pp. 21–38.

85. Hal Brands (2022), “Eurasian Nightmare - Chinese-Russian Convergence and the Future of American Order”, *Foreign affairs*,
<<https://www.foreignaffairs.com/articles/china/2022-02-25/eurasian-nightmare>>, [Accessed on 07 August 2024].
86. Harriett Baldwin (2023), “2023 – General report – Russia’s war on Ukraine and transatlantic energy security challenger”, *Nato Parliamentary*,
<<https://www.nato-pa.int/document/2023-energy-security-report-baldwin-023-esc>>, [Accessed on 03 August 2024].
87. Harriett Baldwin, “2023 – General report – Russia’s war on Ukraine and transatlantic energy security challenges”, *Nato Parliamentary Assembly*
<<https://www.nato-pa.int/document/2023-energy-security-report-baldwin-023-esc>>, [Accessed on 02 August 2024].
88. Harvard School of Public Health (2020), “COVID-19 and Its Impact on China’s Economy”, *Harvard T.H. Chan*, <<https://www.hsph.harvard.edu/china-health-partnership/2020/10/30/covid-19-china-economy/>>, [Accessed on 30 July 2024].
89. Heather Ashby & Mary Glantz (2023), “What You Need to Know About Russia’s New Foreign Policy Concept”,
<<https://www.usip.org/publications/2023/05/what-you-need-know-about-russias-new-foreign-policy-concept>>, [Accessed on 15 October, 2024].
90. Henrik Wachtmeister (2023), “Russia-China Energy Relations Since 24 February”, *Swedish National China Centre*,
<<https://www.ui.se/globalassets/ui.se-eng/publications/sceeus/russia-china-energy-relations-since-24-february.pdf>>, [Accessed on 07 December 2024].
91. Hill & Gaddy (2013), “Mr. Putin: Operative in the Kremlin”, *Brookings Institution Press*.
92. Hobbes, Thomas (1651), “Leviathan”, *London: Andrew Crooke*.
93. Hongjia Yang (2023), “Xi Jinping Invests in Ideological Legitimacy Amid Slowing Economic Growth”, <<https://asiasociety.org/policy-institute/xi-jinping-invests-ideological-legitimacy-amid-slowing-economic-growth?>>, [Accessed on 23 August 2024].

94. Hugo von Essen (2024), “Future Scenarios of Russia-China Relations: Not Great, Not Terrible”, *Stockholm Centre for Eastern European studies*, <<https://sceeus.se/en/publications/future-scenarios-of-russia-china-relations-not-great-not-terrible/>>, [Accessed on 27 December 2024].
95. ICDS (2024), “Military cooperation between Russia and China: The military alliance without an agreement”, <<https://icds.ee/en/military-cooperation-between-russia-and-china-the-military-alliance-without-an-agreement/>>, [Accessed on 04 August 2024].
96. ICEF (2023), “Despite international isolation, Russia continues to build foreign enrolment”, <<https://monitor.icef.com/2023/10/despite-international-isolation-russia-continues-to-build-foreign-enrolment/>>, [Accessed on 06 October 2024].
97. IISS (2025), “Defence Spending and Procurement Trends”, <<https://www.iiss.org/publications/the-military-balance/2025/defence-spending-and-procurement-trends/?>>, [Accessed on 02 August 2024].
98. Ikenberry, G. John (2011), “Liberal Leviathan: The Origins, Crisis, and Transformation of the American World Order”, *Princeton University Press*.
99. Institute for the Study of War (2020), “Warning: Russia’s Kavkaz 2020 military exercise”, <<https://www.understandingwar.org/backgroundunder/warning-russia%E2%80%99s-kavkaz-2020-military-exercise>>, [Accessed on 26 August 2024].
100. IPCS (2024), “Analyzing the strategic alignment between China and Russia”, <https://www.ipcs.org/comm_select.php?articleNo=4031>, [Accessed on 26 August 2024].
101. Ishtiaq Ahmad (2018), “Shanghai Cooperation Organization: China, Russia, and Regionalism in Central Asia”, *United Nations University Series on Regionalism*, volume 14, pp 119–135.
102. Jacques Bughin, Jeongmin Seong (2018), “Notes from the AI frontier: Modeling the impact of AI on the world economy”, *McKinsey Global Institute*, <https://www.mckinsey.com/featured-insights/artificial-intelligence/notes->

- from-the-AI-frontier-modeling-the-impact-of-ai-on-the-world-economy,
[Accessed on 28 July 2024].
103. James McBride, Noah Berman, and Andrew Chatzky (2023), “China’s Massive Belt and Road Initiative”, *Council on Foreign Relations*,
<<https://www.cfr.org/backgrounder/chinas-massive-belt-and-road-initiative>>,
[Accessed on 29 July 2024].
 104. Jamestown Foundation (2024), “Russia considers exporting S-500 air defense systems to China and India”,
 105. <<https://jamestown.org/program/russia-considers-exporting-s-500-air-defense-systems-to-china-and-india/>>, [Accessed on 16 August 2024].
 106. Jeffrey Mankoff (2015), "Russia’s Asia Pivot: Confrontation or Cooperation?" *Asia Policy* (19), pp.65-87.
 107. Jennifer Lind (2024), “Back to Bipolarity: How China's Rise Transformed the Balance of Power”, *International Security* 2024; 49 (2): 7–55.
 108. Jim Boehm, James Kaplan, and Wolf Richter (2020), “Safeguarding against cyberattack in an increasingly digital world”, *McKinsey Digital*,
<https://www.mckinsey.com/capabilities/mckinsey-digital/our-insights/safeguarding-against-cyberattack-in-an-increasingly-digital-world>,
[Accessed on 29 July 2024].
 109. Jo Inge Bekkevold và Bobo Lo (2019), "Sino-Russian Relations in the 21st Century", *Springer*.
 110. John C. K. Daly (2024), “China and Russia Expand Cooperation on Arctic Transit Infrastructure”, <https://jamestown.org/program/china-and-russia-expand-cooperation-on-arctic-transit-infrastructure/>?, 1. [Accessed on 02 August 2024].
 111. Kant, Immanuel (1795), “Perpetual Peace: A Philosophical Sketch”, *Königsberg: Friedrich Nicolovius*.
 112. Keohane, Robert O., and Joseph S. Nye. (1977), “Power and Interdependence: World Politics in Transition”, *Boston: Little, Brown and Company*.
 113. Kissinger, Henry (1994), “Diplomacy”, *New York: Simon & Schuster*.
 114. Konstantin V. Bogdanov (2019), “Flexible Coalitions: Origins and Prospects”, <https://eng.globalaffairs.ru/articles/flexible-coalitions-origins-and-prospects/>,
[Accessed on 10 August 2024].

115. Kratochwil, Friedrich (1989), “Rules, Norms, and Decisions: On the Conditions of Practical and Legal Reasoning in International Relations and Domestic Affairs”, *Cambridge University Press*.
116. Kremlin (2021), “National Security Strategies Russian Federation 2021”, https://rusmilsec.blog/wp-content/uploads/2021/08/nss_rf_2021_eng_.pdf?, [Accessed on 22 November 2023].
117. Kremlin (2021), “National Security Strategies Russian Federation”, <https://rusmilsec.blog/wp-content/uploads/2021/08/nss_rf_2021_eng_.pdf?>, [Accessed on 02 August 2024].
118. LaRouche Publications (2018), “China and Russia Issue Joint Declaration on Strategic Partnership.”, <https://larouchepub.com/pr/2018/180609_china_russia_declaration.html>, [Accessed on 01 December 2024].
119. Lenin, Vladimir Ilyich (1917), “Imperialism, the Highest Stage of Capitalism”, *Petrograd: Zvezda*.
120. Lenin, Vladimir. (1963), “Imperialism, the Highest Stage of Capitalism”, *Moscow: Progress Publishers*, (original work published 1917).
121. Leon Cao (2025), “Failure to Launch: Russia’s Stalled Pivot to the Indo-Pacific”, <<https://www.csis.org/blogs/new-perspectives-asia/failure-launch-russias-stalled-pivot-indo-pacific?>>, [Accessed on 02 July 2025].
122. Lukas Baake (2023), “Russia’s new Foreign Policy Concept – changes and continuity in the Kremlin’s vision of the world”, <<https://gfsis.org.ge/blog/view/1589?>>, Accessed on 22 November 2024].
123. M.K. Bhadrakumar (2023), “China and Russia Circle Wagons in Asia-Pacific”, *Asia times*, <<https://asiatimes.com/2023/04/china-russia-circle-wagons-in-asia-pacific/>>, [Accessed on 17 December 2024].
124. Madeleine Hubbard (2024), “Putin signs military cooperation statement with Xi during meeting in Beijing”, *Just the News*, <<https://justthenews.com/government/federal-agencies/putin-signs-military-cooperation-statement-xi-during-meeting-beijing>>, [Accessed on 02 December 2024].

125. Maria Raquel Freire (2021), "China-Russia relations in a framework of strategic containment", *RELAÇÕES INTERNACIONAIS*, pp.53-68.
126. Mark Cozad, Cortez A. Cooper III, Alexis A. Blanc, David Woodworth, Anthony Adler, Kotryna Jukneviute, Mark Hvizda, Sale Lilly (2024), "Russia-China Relations: Impacts on Regional and Global Order", *RAND*, <https://www.rand.org/pubs/research_reports/RRA2061-5.html>, [Accessed on 04 December 2024].
127. Marx, Karl (1867), "Das Kapital", *Volume I. Hamburg: Otto Meissner*.
128. Marx, Karl. (1990), "Das Kapital", *Critique of Political Economy* (1), Translated by Ben Fowkes. London: Penguin Classics, (original work published 1867).
129. Mary Glantz & Carla Freeman (2024), "Xi and Putin Strengthen Strategic Ties, Spurn U.S. Leadership", *USIP*, <<https://www.usip.org/publications/2024/05/xi-and-putin-strengthen-strategic-ties-spurn-us-leadership>>, [Accessed on 25 October, 2024].
130. Maxim Trudolyubov (2024), "China's Balancing Act Between the U.S. and Russia", *Wilson Center*, <https://www.wilsoncenter.org/blog-post/chinas-balancing-act-between-us-and-russia>, [Accessed on 29 July 2024].
131. Mearsheimer, John J. (2001), "The Tragedy of Great Power Politics", *New York: W. W. Norton & Company*.
132. Michael Kofman (2018), "Vostok-2018: Russia and China Signal Growing Military Cooperation", *Russia Matters*, <<https://www.russiamatters.org/analysis/vostok-2018-russia-and-china-signal-growing-military-cooperation>>, [Accessed on 29 July 2024].
133. Ministry of Foreign Affairs People Republic of China (2024), "President Xi Jinping and Russian President Vladimir Putin Jointly Sign and Issue A Joint Statement on Deepening the China-Russia Comprehensive Strategic Partnership of Coordination for the New Era", <https://www.fmprc.gov.cn/mfa_eng/gjhdq_665435/3265_665445/3220_664352/3222_664356/202405/t20240517_11306326.html?>>, [Accessed on 02 August 2024].

134. Mitchell Orenstein (2023), “Putin the Green? The Unintended Consequences of Russia’s Energy War on Europe”, *Foreign Policy Research Institute*, <<https://www.fpri.org/article/2023/02/putin-the-green-the-unintended-consequences-of-russias-energy-war-on-europe>>, [Accessed on 02 Agust 2024].
135. Mitchell Orenstein (2023), “Putin the Green? The Unintended Consequences of Russia’s Energy War on Europe”, *Foreign Policy Research Institute*, <<https://www.fpri.org/article/2023/02/putin-the-green-the-unintended-consequences-of-russias-energy-war-on-europe>>, [Accessed on 02 Agust 2024].
136. Mo Azizi & Shutterstock (2020), “The Global Economic Outlook During the COVID-19 Pandemic: A Changed World”, *World Bank Group*, <https://www.worldbank.org/en/news/feature/2020/06/08/the-global-economic-outlook-during-the-covid-19-pandemic-a-changed-world>, [Accessed on 29 July 2024].
137. Morgenthau, Hans J. (1948), “Politics Among Nations: The Struggle for Power and Peace”, *Alfred A. Knopf*.
138. Namrata Goswami (2023), “China Prioritizes 3 Strategic Technologies in Its Great Power Competition”, <<https://magazine.thediplomat.com/2023-05/china-prioritizes-3-strategic-technologies-in-its-great-power-competition?>>, [Accessed on 26 Agust 2024].
139. NATO (2018), “Vostok 2018: Ten years of Russian strategic exercises and warfare preparation”, <<https://www.nato.int/docu/review/articles/2018/12/20/vostok-2018-ten-years-of-russian-strategic-exercises-and-warfare-preparation/index.html>>, [Accessed on 26 Agust 2024].
140. NBR (2024), “Growing China-Russia military relations: Implications and opportunities for U.S. policy”, <<https://www.nbr.org/publication/growing-china-russia-military-relations-implications-and-opportunities-for-u-s-policy/>>, [Accessed on 16 Agust 2024].
141. New Eastern Outlook (2024), “Primakov Doctrine and Russia’s Multipolar World”, <<https://journal-neo.su/2024/10/13/primakov-doctrine-and-russias-multipolar-world/?>>, [Accessed on 22 November 2024].

142. Nigel Gould-Davies (2018), “A wary embrace: what the China–Russia relationship means for the world”, *International Affairs*, Volume 94, Issue 2, March 2018, Pages 451–452.
143. Nilov Roman (2024), “Liên kết giữa Liên minh Kinh tế Á-Âu và Sáng kiến Vành đai-Con đường”, *Tạp chí Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn/tin-binh-luan/-/asset_publisher/DLIYi5AJyFzY/content/lien-ket-giua-lien-minh-kinh-te-a-au-va-sang-kien-vanh-dai-con-duong->, [Truy cập ngày 25 tháng 12 năm 2024].
144. Nivedita Kapoor & Tanvi Madan (2024), “Why India cares about China–Russia relations”, *Brookings*, <<https://www.brookings.edu/articles/why-india-cares-about-china-russia-relations/>>, [Accessed on 29 July 2024].
145. Nye, Joseph S. (2004), “Soft Power: The Means to Success in World Politics”, *New York: PublicAffairs*.
146. Oliver Stuenkel (2015), “The BRICS and the future of global order”, *International Affairs*, Volume 91, Issue 4, July 2015, Pages 878–879.
147. Onuf, Nicholas (1989), “World of Our Making: Rules and Rule in Social Theory and International Relations”, *University of South Carolina Press*.
148. Oriana Skylar Mastro (2020), “Military Confrontation in the South China Sea”, *Council on Foreign Relations*, <<https://www.cfr.org/report/military-confrontation-south-china-sea>>, [Accessed on 30 July 2024].
149. Osnos, E. (2015), “The rise of Xi Jinping”, *The New Yorker*, <<https://www.newyorker.com/magazine/2015/04/06/born-red>>, [Accessed on 25 October, 2024].
150. Patricia M. Kim (2023), “The Limits of a 'No Limits' Partnership: China–Russia”, *Foreign Affairs*, <<https://www.foreignaffairs.com/china/limits-of-a-no-limits-partnership-china-russia>>, [Accessed on 10 December 2024].
151. Paul N. Schwartz (2021), “The Changing Nature and Implications of Russian Military Transfers to China”, *Strategic and International Studies* <<https://www.csis.org/analysis/changing-nature-and-implications-russian-military-transfers-china>>, [Accessed on 29 July 2024].

152. Paul Stronski, Nicole Ng (2018), “Cooperation and Competition: Russia and China in Central Asia, the Far East and the Arctic”, *Carnegie Endowment for International Peace*, <<https://carnegieendowment.org/2018/02/28/cooperation-and-competition-russia-and-china-in-central-asia-russian-far-east-and-arctic-pub-75673v>>, [Accessed on 22 November 2023].
153. Pavel K. Baev (2019), “Russian Strategic Guidelines and Threat Assessments for the Arctic”, <<https://www.marshallcenter.org/en/publications/security-insights/russian-strategic-guidelines-and-threat-assessments-arctic-0?>>, [Accessed on 02 July 2024].
154. Peter Bergen, Candace Rondeaux, Daniel Rothenberg, David Sterman (2023), “Understanding the New Proxy Wars: Battlegrounds and Strategies Reshaping the Greater Middle East”, <https://academic.oup.com/book/45358?utm_source=chatgpt.com&login=false>, [Accessed on 22 August 2024].
155. Peter Robertson (2024), “China’s military rise: Comparative military spending in China and the US”, *CEPR*, <<https://cepr.org/voxeu/columns/chinas-military-rise-comparative-military-spending-china-and-us>>, [Accessed on 27 December 2024].
156. Philipp Ivanov (2024), “Together and Apart: The Conundrum of the China-Russia Partnership”, *Asia Society Policy Institute*, <<https://asiasociety.org/policy-institute/together-and-apart-conundrum-china-russia-partnership>>, [Accessed on 07 December 2024].
157. Pierre-Olivier Gourinchas (2025), “As One Cycle Ends, Another Begins Amid Growing Divergence”, <<https://www.imf.org/en/Blogs/Articles/2025/01/17/as-one-cycle-ends-another-begins-amid-growing-divergence?>>, [Accessed on 22 August 2024].
158. Port News (2024), “Russia and China expand economic cooperation in the Far East”, *Portnews*, <<https://en.portnews.ru/news/344653/>>, [Accessed on 07 December 2024].

159. R. Evan Ellis (2024), "China, the Illiberal Counter-Order, and the Role of Values in the Strategic Response", *Florida International University*, <<https://gordoninstitute.fiu.edu/news-events/the-policy-spotlight/2024/china-the-illiberal-counter-order-and-the-role-of-values-in-the-strategic-response.html>>, [Accessed on 08 December 2024].
160. Radio Free Europe/Radio Liberty (2010), "China Overtaking Japan As World's Second-Largest Economy", <https://www.rferl.org/a/China_Overtaking_Japan_As_Worlds_SecondLargest_Economy/2128986.html>, [Accessed on 28 July 2024].
161. Rajan Kumar (2018), "Russia's Foreign Policy: An Overview of 25 Years of Transition", *International Studies* (3:4). pp.210-226.
162. RAND Corporation (2023), "Chinese-Russian military exercises: strategic implications", <https://www.rand.org/pubs/research_reports/RRA2061-5.html>, [Accessed on 04 September 2024].
163. RAND, 2020, "People's Liberation Army Operational Concepts", <https://www.rand.org/pubs/research_reports/RRA394-1.html>?, [Accessed on 25 August 2024].
164. Rebecca Barber (2019), "Syria: the disgraceful stain left by the UN Security Council veto", *Lowy Institute*, <<https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/syria-disgraceful-stain-left-un-security-council-veto>>, [Accessed on 29 July 2024].
165. Reuters (2021), "Russia signs contract to develop new heavy helicopter with China", <<https://www.reuters.com/world/russia-signs-contract-develop-new-heavy-helicopter-with-china-2021-11-08/>>, [Accessed on 16 August 2024].
166. Richard Connolly (2018), "Russia's Response to Sanctions: How Western Economic Statecraft is Reshaping Political Economy in Russia", Cambridge Core - International Economics 2018.
167. Richard Weitz (2021), "Assessing Chinese-Russian Military Exercises: Past Progress and Future Trends", *Center for Strategic and International Studies*, <<https://www.csis.org/analysis/assessing-chinese-russian-military-exercises-past-progress-and-future-trends>>, [Accessed on 29 July 2024].

168. Richard Weitz (2021), “Assessing Chinese-Russian Military Exercises: Past Progress and Future Trends”, <<https://www.csis.org/analysis/assessing-chinese-russian-military-exercises-past-progress-and-future-trends>>, [Accessed on 09 July 2025].
169. Richard Wike, Jacob Poushter, Laura Silver, Janell Fetterolf and Mara Mordecai (2021), “America’s Image Abroad Rebounds With Transition From Trump to Biden”, *Pew Research Center*, <https://www.pewresearch.org/global/2021/06/10/americas-image-abroad-rebounds-with-transition-from-trump-to-biden/>, [Accessed on 29 July 2024].
170. Robert Sutter (2021), “Xi Jinping’s Vision of Chinese Foreign Policy: A Coherent Chinese Diplomatic Strategy?”, NYU Press Scholarship Online, <<https://academic.oup.com/nyu-press-scholarship-online/book/42655/chapter-abstract/360600369?redirectedFrom=fulltext&login=false>>, [Accessed on 15 October, 2024].
171. Roman Kolodii, Dr Giangiuseppe Pili and Jack Crawford (2024), “Hi-Tech, High Risk? Russo-Chinese Cooperation on Emerging Technologies”, *The Royal United Services Institute*, <<https://www.rusi.org/explore-our-research/publications/commentary/hi-tech-high-risk-russo-chinese-cooperation-emerging-technologies>>, [Accessed on 19 August 2024].
172. Ryan Hass (2021), “How China is responding to escalating strategic competition with the US”, *Brookings*, <<https://www.brookings.edu/articles/how-china-is-responding-to-escalating-strategic-competition-with-the-us/>>, [Accessed on 30 July 2024].
173. S&P Global (2022), “Factbox: Key China-Russia oil and gas deals, joint projects and energy investments”, *S&P Global*, <<https://www.spglobal.com/commodityinsights/en/market-insights/latest-news/natural-gas/022822-factbox-key-china-russia-oil-and-gas-deals-joint-projects-and-energy-investments>>, [Accessed on 04 August 2024].
174. Sakwa (2020), “Putin: Russia’s Choice”, *Routledge*.

175. Samuel Brannen (2020), “Four Scenarios for Geopolitical Order in 2025-2030: What Will Great Power Competition Look Like?”,
<<https://www.csis.org/analysis/four-scenarios-geopolitical-order-2025-2030-what-will-great-power-competition-look?>>, [Accessed on 12 August 2024].
176. Samuel Charap, John Drennan & Pierre Noël (2017), “Russia and China: A New Model of Great-Power Relations”, *Survival* (59:1), pp.25-42.
177. Sarah Lain (2015), “Russia gives way to China in BRICS and SCO”, Lowy Institute, *The Lowy Institute*, <<https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/russia-gives-way-china-brics-sco>> [Accessed on 03 December 2024].
178. Schwartz (2021), “The Changing Nature and Implications of Russian Military Transfers to China”, <<https://www.csis.org/analysis/changing-nature-and-implications-russian-military-transfers-china>>, [Accessed on 08 July 2025].
179. Scott Kennedy (2024), “U.S.-China Relations in 2024: Managing Competition without Conflict”, *Center for Strategic and International Studies*,
<<https://www.csis.org/analysis/us-china-relations-2024-managing-competition-without-conflict>>, [Accessed on 30 July 2024].
180. Sergey Guriyev (2019), “20 Years of Vladimir Putin: The Transformation of the Economy”, *The Moscow Times*,
<<https://www.themoscowtimes.com/2019/08/16/20-years-of-vladimir-putin-the-transformation-of-the-economy-a66854>>, [Accessed on 30 July 2024].
181. Shirk, 2018, Shirk, S. L. (2018), “China in Xi’s “New Era”: The Return to Personalistic Rule”, *Journal of Democracy*, 29(2), 22-36.
<<https://www.journalofdemocracy.org/articles/china-in-xis-new-era-the-return-to-personalistic-rule/>>, [Accessed on 25 October, 2024].
182. Shreya Upadhyay (2022), “BRICS, Quad, and India’s Multi-Alignment Strategy”, *Stimson*, <<https://www.stimson.org/2022/brics-quad-and-indias-multi-alignment-strategy/>>, [Accessed on 29 July 2024].
183. South China Morning Post (2024), “Chinese and Russian troops hold joint drill targeting cross-border terrorism”,

- <<https://www.scmp.com/news/china/military/article/3268894/chinese-and-russian-troops-hold-joint-drill-targeting-cross-border-terrorism>>,
[Accessed on 19 August 2024].
184. Statista.com (2024), “Annual FDI flows from China to Russia 2013-2023”, <<https://www.statista.com/statistics/720589/china-outward-fdi-flows-to-russia/#statisticContainer>>, [Accessed on 22 November 2024].
 185. Subhan T. Jadhav (2024), “India and Japan in QUAD Shaping the Indo-Pacific Security Architecture”, *Diplomatist*, <<https://diplomatist.com/2024/04/16/india-and-japan-in-quad-shaping-the-indo-pacific-security-architecture/>>, [Accessed on 29 July 2024].
 186. Syed Nasir Hassan (2024), “The SCO Needs To Be More Than a China-Russia Front Against the West”, *The Diplomat*, <<https://thediplomat.com/2024/08/the-sco-needs-to-be-more-than-a-china-russia-front-against-the-west/>>, [Accessed on 29 July 2024].
 187. Tactics Institute (2024), “China and Russia unite in counter-terrorism exercise amid recent attacks”, <<https://tacticsinstitute.com/asia/china-and-russia-unite-in-counter-terrorism-exercise-amid-recent-attacks/>>,
[Accessed on 18 August 2024].
 188. Takahashi Kosuke (2024), “Japan’s Defense White Paper Sounds Alarm Over China, North Korea, Russia”, *The Diplomat*, <<https://thediplomat.com/2024/07/japans-defense-white-paper-sounds-alarm-over-china-north-korea-russia/>>, [Accessed on 29 July 2024].
 189. Thayer, Carlyle A. (2017), “Sino-Russian Security Cooperation: Implications for Asia-Pacific Security,” *Asian Security Review*, Vol. 24, (2), pp. 40-58.
 190. The Diplomat (2018), “Russia completes delivery of 1st S-400 missile defense regiment to China”, <<https://thediplomat.com/2018/05/russia-completes-delivery-of-1st-s-400-missile-defense-regiment-to-china/>>,
[Accessed on 04 August 2024].
 191. The Diplomat (2024), “The Rise of the ‘Community With a Shared Future’: China’s Foreign Policy Hierarchy”, <<https://thediplomat.com/2024/10/the->

- rise-of-the-community-with-a-shared-future-chinas-foreign-policy-hierarchy/>, [Accessed on 28 October, 2024].
192. The Ministry of Foreign Affairs of the Russian Federation (2023), “The Concept of the Foreign Policy of the Russian Federation”, <https://mid.ru/en/foreign_policy/fundamental_documents/1860586/>, 1. [Accessed on 02 August 2024].
 193. The Moscow Times (2019), “Russia completes delivery of SU-35 fighter jets to China for \$2.5 bln”, <<https://www.themoscowtimes.com/2019/04/17/russia-completes-delivery-of-su-35-fighter-jets-to-china-for-25bln-a65271>>, [Accessed on 07 August 2024].
 194. The Moscow Times (2024), “Russia-China partnership yielding results, Putin says”, <<https://www.themoscowtimes.com/2024/08/21/russia-china-partnership-yielding-results-putin-says-a86100>>, [Accessed on 04 August 2024].
 195. Thomas Graham (2023), “How Firm Is Vladimir Putin’s Grip on Power?”, *Council foreign relations*, <<https://www.cfr.org/in-brief/how-firm-vladimir-putins-grip-power>>, [Accessed on 15 October, 2024].
 196. Thucydides (1954), “History of the Peloponnesian War”, Translated by Rex Warner. *London: Penguin Classics*, (original work published 431 BC).
 197. Tradingeconomics (2025), “China Exports to Russia”, <https://tradingeconomics.com/china/exports/russia>, [Accessed on 24 February 2025].
 198. U.S. Naval Institute Staff (2024), “Report on U.S.-China Competition in East, South China Sea”, *U.S. Naval Institute Staff*, <<https://news.usni.org/2024/02/06/report-on-u-s-china-competition-in-east-south-china-sea-13>>, [Accessed on 30 July 2024].
 199. Unfccc (2021), “Climate Change-Related Disasters a Major Threat to Food Security - FAO”, *United Nations Climate Change*, <https://unfccc.int/news/climate-change-related-disasters-a-major-threat-to-food-security-fao>, [Accessed on 29 July 2024].

200. United States Institute of Peace (2023), “What You Need to Know About Russia’s New Foreign Policy Concept”,
<https://www.usip.org/publications/2023/05/what-you-need-know-about-russias-new-foreign-policy-concept?>, [Accessed on 22 November 2023].
201. USIP (2022), “China-Russia alliance: Double danger or limited partnership?”,
<https://www.usip.org/publications/2022/12/china-russia-alliance-double-danger-or-limited-partnership>>, [Accessed on 17 August 2024].
202. Vasily B. Kashin, Alexandra D. Yankova (2021), “Cross-Border cooperation between Russia and China: Overcoming deep obstacles”, National Research University Higher School of Economics,
<https://www.hse.ru/data/2021/11/16/1443590336/42IR2021.pdf>>, [Accessed on 26 August 2024].
203. Vera Skvirskaja (2016), “Vladimir Gel’man, Authoritarian Russia: Analyzing Post-Soviet Re- gime Changes”, University of Pittsburgh Press, 36-41 pp.
204. Waltz, Kenneth (1979), “Theory of International Politics”, *Addison-Wesley Publishing Company*.
205. War on the Rocks (2023), “Chinese-Russian military cooperation deepens”,
<https://warontherocks.com/2023/06/29000/>>,
 [Accessed on 04 September 2024].
206. Weichert BJ (2024), “The Su-35 Is One of Russia’s Best Fighter Planes (And It Sold 24 to China)”, <https://nationalinterest.org/blog/buzz/su-35-one-russias-best-fighter-planes-and-it-sold-24-china-211841>>,
 [Accessed on 09 July 2025].
207. Weichert BJ (2024), “The Su-35 Is One of Russia's Best Fighter Planes (And It Sold 24 to China)”, *The National interest*,
<https://nationalinterest.org/blog/buzz/su-35-one-russias-best-fighter-planes-and-it-sold-24-china-211841>>, [Accessed on 25 October, 2024].
208. Wendt, Alexander (1999), “Social Theory of International Politics”, *Cambridge University Press*.

209. Wilson Center (2024), “Chinese and Russian border disputes: Are dotted lines a red line?”, <<https://www.wilsoncenter.org/event/chinese-and-russian-border-disputes-are-dotted-lines-red-line>>, [Accessed on 26 August 2024].
210. World Bank (2022), “COVID-19 Outbreaks and Headwinds Have Disrupted China’s Growth Normalization - World Bank Report”, *World Bank Group*, <<https://www.worldbank.org/en/news/press-release/2022/06/08/covid-19-outbreaks-and-headwinds-have-disrupted-china-s-growth-normalization-world-bank-report>>, [Accessed on 30 July 2024].
211. World Economic forum (2024), “Demystifying decoupling: what’s really at stake in the US-China relationship”, <<https://www.weforum.org/stories/2024/01/demystifying-the-idea-of-trade-decoupling/?>>, [Accessed on 10 August 2024].
212. World Report (2022), “China-Human Rights Watch 2022”, <https://www.hrw.org/world-report/2022/country-chapters/china-and-tibet>, [Accessed on 07 December 2024].
213. Worldbank (2023), “The World Bank In India”, <https://www.worldbank.org/en/country/india/overview>, [Accessed on 28 July 2024].
214. Xie Tao (2017), “Chinese Foreign Policy With Xi Jinping Characteristics”, *Carnegie endowment for international peace*, <<https://carnegieendowment.org/research/2018/01/chinese-foreign-policy-with-xi-jinping-characteristics?lang=en>>, [Accessed on 25 October, 2024].
215. Xinhua (2023), “9th Sino-Russian Youth Games open in Chongqing”, <<https://english.news.cn/20230522/2d7c96266aaa40f4a755ceeeebc7057f/c.html>>, [Accessed on 04 August 2024].
216. Xinhua (2023), “China, Russia pledge to enhance humanities cooperation”, Xinhua, <<https://english.news.cn/20231214/f5183c63d41d455098193e8cfbab5de5/c.htm>>, [Accessed on 03 December 2024].
217. Zachary Keck (2014), “Putin Approves Sale of S-400 to China”, *The Diplomat*, <<https://thediplomat.com/2014/04/putin-approves-sale-of-s-400-to-china/>>, The Diplomat, [Accessed on 04 September 2024].

III. Tiếng Trung

1. News.cctv (2019), “汉语将纳入俄罗斯“高考”! 《该学汉语了》”,
<<https://m.news.cctv.com/2019/04/13/ARTI5oF4t7snoHQrcx22tByV190413.shtml>>, [Accessed on 08 October 2024].
2. News.pku (2022), “首届中俄同类大学联盟论坛举行”,
<<https://news.pku.edu.cn/xwzh/32e1872b40994ef698049718b1400e58.htm>>, [Accessed on 08 October 2024].
3. Sputniknews (2021), “莫斯科超过 2500 名中学生参加全俄奥林匹克汉语竞赛”,
<<https://sputniknews.cn/russia/202103161033285862/>>, [Accessed on 08 October 2024].
4. 中华人民共和国中央人民政府 (2013), “2012 年中俄贸易额再创历史新高 同比增长 11.2%”, <https://www.gov.cn/jrzg/2013-01/18/content_2314704.htm>, [Accessed on 04 August 2024].
5. 中华人民共和国中央人民政府 (2021), “中俄东线天然气管道南段全面开工”,
<https://www.gov.cn/xinwen/2021-01/06/content_5577514.htm>, [Accessed on 04 August 2024].
6. 中华人民共和国中央人民政府 (2022), “习近平：在彼此尊重中共同发展、在求同存异中合作共赢”, <https://www.gov.cn/xinwen/2022-01/17/content_5668924.htm>, [Accessed on 01 July 2025].
7. 中华人民共和国中央人民政府 (2022), “习近平提出，促进世界和平与发展，推动构建人类命运共同体”, <https://www.gov.cn/xinwen/2022-10/16/content_5718834.htm>, [Accessed on 03 July 2025].
8. 中华人民共和国中央人民政府 (2025), “新时代的中国国家安全”, <https://www.gov.cn/zhengce/202505/content_7023405.htm>, [Accessed on 01 July 2025].
9. 中华人民共和国国家发展和改革委员会 (2020) “中俄东线中段（吉林长岭-河北永清）投产通气俄罗斯天然气即日抵达京津冀腹地可直供北京 助力首都经济圈发展”,
<https://www.ndrc.gov.cn/xwdt/ztzl/nybzgzl/gnjnybz/202012/t20201229_1260778.html>, [Accessed on 04 August 2024].

10. 中华人民共和国教育部 (2021), “怀进鹏在中俄人文合作委员会第二十二次会议上回顾展望中俄教育合作”,
<http://www.moe.gov.cn/jyb_xwfb/gzdt_gzdt/moe_1485/202111/t20211116_580292.html>, [Accessed on 06 October 2024].
11. 中国国家能源局 (2012), “中俄原油管道改变了什么”,
<https://www.nea.gov.cn/2012-01/04/c_131341809.htm>, [Accessed on 02 August 2023].
12. 中国国家能源局 (2018), “中俄原油管道二线工程正式投入商业运营”,
<https://www.nea.gov.cn/2018-01/02/c_136866770.htm>, [Accessed on 04 August 2024].
13. 中国外交部 (2022), “中华人民共和国和俄罗斯联邦关于新时代国际关系和全球可持续发展的联合声明（全文）”,
<https://www.mfa.gov.cn/web/ziliao_674904/1179_674909/202202/t20220204_10638953.shtml>, [Accessed on 01 December 2024].
14. 中国外交部 (2023), “中华人民共和国和俄罗斯联邦关于深化新时代全面战略合作伙伴关系的联合声明”,
<https://www.fmprc.gov.cn/zyxw/202303/t20230322_11046188.shtml>, [Accessed on 02 July 2025].
15. 中国政 (2019), “新时代的中国与世界”, <https://www.gov.cn/zhengce/2019-09/27/content_5433889.htm>, [Accessed on 05 July 2025].
16. 中国普京网 (2015). “中俄联合声明全文”,
<<http://www.chnblogger.com/putin49.htm>>, [Accessed on 01 August 2024].
17. 习近平外交思想和新时代中国外交 (2023),
“http://cn.chinadiplomacy.org.cn/2023-07/27/content_86048371.shtml”,
<http://cn.chinadiplomacy.org.cn/2023-07/27/content_86048371.shtml>, [Accessed on 04 July 2025].
18. 外交部 (2019), “中华人民共和国和俄罗斯联邦关于发展新时代全面战略合作伙伴关系的联合声明（全文）”,

- https://www.fmprc.gov.cn/web/gjhdq_676201/gj_676203/oz_678770/1206_679110/1207_679122/201906/t20190606_9337173.shtml, 1.
[Accessed on 06 Agust 2024].
19. 外交部(2022), “全面推进中国特色大国外交”,
<https://www.mfa.gov.cn/web/wjb_673085/zzjg_673183/xws_674681/xgxw_674683/202211/t20221108_10801907.shtml?>, 1. [Accessed on 07 Agust 2024].
20. 孔子 (1999), 《论语-为政篇》, 北京: 中华书局。(原著成书于公元前 5 世纪)
21. 孔子 (1999), 论语·卫灵公篇》, 北京: 中华书局。(原著成书于公元前 5 世纪)
- 央广网 (2024), “【每日一习话】中国将始终做世界和平的建设者、全球发展的贡献者、国际秩序的维护者”,
<https://news.cnr.cn/dj/sz/20240326/t20240326_526639785.shtml>, [Accessed on 01 December 2024].
22. 孙秋花 方馨瑶 (2022), “探寻对俄中文教育新思”,
https://www.cssn.cn/gjgc/gjgc_whsh/202212/t20221226_5572607.shtml?
[Accessed on 01 December 2024].
23. 张汉晖 (2022), “张汉晖大使在俄罗斯《劳动报》发表署名文章‘教育发展实现历史性跨越 中俄教育合作亮点纷呈’”, 中国驻俄罗斯大使馆, <http://ru.china-embassy.gov.cn/sghd/202209/t20220930_10775409.htm>,
[Accessed on 08 October 2024].
24. 新华社 (2016), “中华人民共和国和俄罗斯联邦联合声明（全文）”,
<http://www.xinhuanet.com/politics/2016-06/26/c_1119111908.htm>,
[Accessed on 01 Agust 2024].
25. 新华社 (2023), “新时代中国的周边外交政策展望（全文）”, 中华人民共和国中央人民政府,
<https://www.gov.cn/yaowen/liebiao/202310/content_6911402.htm>,
[Accessed on 29 July 2024].
26. 新华社 (2023), “每日一习话】讲好中国故事、传播好中国声音”,
<http://www.news.cn/politics/leaders/2023-02/19/c_1129378703.htm>,
[Accessed on 03 July 2025].

27. 新华社 (2025), “以中国特色大国外交推动构建新型国际关系”,
<<http://www.news.cn/politics/20250624/4aeeba7bd875420c88a52b8d96e59aa6/c.html>>, [Accessed on 03 July 2025].
28. 新华网 (2022), “推动全球治理朝着更加公正合理的方向发展”,
<<http://www.xinhuanet.com/politics/20221111/ec49793ce48a487b80e765f9cfed997/c.html>>, [Accessed on 03 July 2025].
29. 曾庆栋 (2013), “论“和合”传统文化对中国外交政策的影响”, *中国特色社会主义研究* (2), pp.61-63.
30. 杨莉 (2019), ““一带一路”倡议与俄罗斯远东开发战略融合的路径”, *国际贸易* (12), pp.16-82.
31. 杨闯 (2015), “中国外交政策新谋划”, *环球经纬*, (1) pp.82-86.
32. 欧阳向英 (2020), “俄罗斯外交哲学论析”, *世界经济与政治* (8), pp.100-125.
33. 求是网(2020), “全球治理应遵循共商共建共享原”,
<http://www.qstheory.cn/qshyjx/2020-11/22/c_1126771062.htm>, [Accessed on 03 July 2025].
34. 环球时报 (2021), “中国成为俄罗斯第三大投资国”, *环球时报*,
<<https://m.huanqiu.com/article/45iE84np0Cx>>, [Accessed on 08 August 2024].
35. 联合早报 (2025), “【习近平：要把捍卫国家政治安全摆在首位”,
<<https://www.zaobao.com.sg/realtime/china/story20250301-5949572>>, [Accessed on 01 July 2025].
36. 赵鸣文 (2020), “中俄关系：新时代全面战略协作伙伴”, *国际关系研究* (3), pp.22-39.
37. 邢广程, 初冬梅 (2023), “中俄关系：全面推进和战略协作”, *中国社会科学出版社*.
38. 郭晓琼 (2021), “新时代中俄经贸合作--新趋势与新问题”, *中国社会科学出版社*.
39. 雷建锋 (2019), “帝国继承国身份与俄罗斯外交”, *俄罗斯研究* (3), pp.3-35.
40. 马博 (2017), “俄罗斯“转向东方”战略评析—动机、愿景与挑战”, *俄罗斯研究* (3), pp.49-75.

IV. Tiếng Nga

1. Andrey Kortunov (2024), “More Advanced Collaboration Expected in 2024 China-Russia Ties”, *Modern Diplomacy*,
<<https://moderndiplomacy.eu/2024/01/08/more-advanced-collaboration-expected-in-2024-china-russia-ties/>>, [Accessed on 04 August 2024].
2. Chinaruslaw (2020), “Совместное заявление Российской Федерации и Китайской Народной Республики о дальнейшем углублении отношений всеобъемлющего партнёрства и стратегического взаимодействия (Москва, 4 июля 2017 года)” (Tuyên bố chung của Liên bang Nga và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về việc làm sâu sắc hơn nữa mối quan hệ đối tác toàn diện và tương tác chiến lược (Moscow, ngày 4 tháng 7 năm 2017))
<http://www.chinaruslaw.com/RU/CnRuTreaty/002/24105051_947750.htm>, [Accessed on 01 August 2024].
3. Minobrnauki (2018), “Количество китайских студентов в России удвоилось за последние 10 лет”, <<https://www.minobrnauki.gov.ru/press-center/news/main/23715/>>, [Accessed on 06 October 2024].
4. Razov, S. (2012), “В 2013 году стартует Год китайского туризма в России”, <<https://rg.ru/2012/12/18/kitay.html>>, [Accessed on 06 October 2024].
5. RSR (2022), “Россия и КНР провели первый Форум российско-китайских ассоциаций профильных университетов (Nga và Trung Quốc tổ chức Diễn đàn hiệp hội các trường đại học chuyên ngành Nga-Trung lần đầu tiên)”, <<https://rsr-online.ru/news/2022/12/9/rossiya-i-knr-proveli-pervyj-forum-rossijsko-kitajskih-associacij-profilnyh-universitetov/>>, [Accessed on 08 October 2024].
6. Tass (2022), “"Газпром" в 2021 году увеличил поставки газа в Китай по "Силе Сибири" до 10,4 млрд куб. м”, <<https://tass.ru/ekonomika/14860735>>, [Accessed on 09 August 2024].
7. Vedomosti.ru (2024), “Перспективы финансового сотрудничества России и Китая” (Triển vọng tài chính giữa Nga với Trung Quốc), <<https://www.vedomosti.ru/analytics/trends/articles/2024/07/28/1052515-perspektivi-finansovogo-sotrudnichestva-rossii-i-kitaya>>, [Accessed on 11 October 2024].

8. Владимир Яковлевич ПОРТЯКОВ (2019), “Политика внешнеэкономической открытости в Китайской Народной Республике: основные итоги и перспективы”, *КОНТУРЫ ГЛОБАЛЬНЫХ ТРАНСФОРМАЦИЙ* (12:1), pp.44-68. (“Chính sách mở cửa kinh tế đối ngoại của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: những kết quả chính và triển vọng”, Vladimir Yakovlevich PORTYAKOV).
9. Игорь Евгеньевич ДЕНИСОВ (2017), “Внешняя политика Китая при Си Цзиньпине: преемственность и новаторство”, *КОНТУРЫ ГЛОБАЛЬНЫХ ТРАНСФОРМАЦИЙ* (10:5), pp.83-98. (“Chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Tập Cận Bình: Liên tục điều chỉnh và Đổi mới”, Igor Evgenievich DENISOV).
10. Коммерсантъ (2021), “Миллер назвал ошеломляющими темпы потребления газа Китаем” (Mức tiêu thụ khí đốt của Trung Quốc là đáng kinh ngạc), <<https://www.kommersant.ru/doc/4994554>>, [Accessed on 04 August 2024].
11. Кремль (2022), “Владимир Путин в режиме видеоконференции встретился с Председателем Китайской Народной Республики Си Цзиньпином.” (Cuộc họp trực tuyến giữa Tổng thống Putin và Chủ tịch Tập Cận Bình ngày 30/12/2022), <http://www.kremlin.ru/events/president/news/70303>, [Accessed on 01 August 2024].
12. М.Л. Титаренко и В.Е. Петровского (2016), “Россия, Китай и новый мировой порядок: теория и практика” (“Nga, Trung Quốc và Trật tự thế giới mới. Lý thuyết và thực tiễn”, *Издательство: Весь Мир*, M.L. Titarenko và V.E. Petrovsky).
13. Максим Сергеевич МИХАЛЁВ (2016), “«Один пояс, Один путь» как новая внешнеполитическая стратегия КНР. Краткий анализ внутрикитайской дискуссии”, *КОНТУРЫ ГЛОБАЛЬНЫХ ТРАНСФОРМАЦИЙ* (6:9), pp.88-103. (“Một vành đai, một con đường ” như một chiến lược chính sách đối ngoại mới của Trung Quốc. Phân tích về cuộc thảo luận trong nước của Trung Quốc”, Maxim Sergeevich MIKHALYOV).МИД России (2022), "Bài học lịch sử và hình ảnh của tương lai: những suy ngẫm về chính sách đối ngoại của Nga", <https://mid.ru/ru/foreign_policy/news/1824829/> [Truy cập ngày 06 tháng 8 năm 2023].

14. МИД России (2022), “Thông điệp của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Liên bang Nga Sergey Lavrov gửi các đại biểu tham dự hội nghị "Nga và Trung Quốc: hợp tác trong kỷ nguyên mới", ngày 1 tháng 6 năm 2022”,
<https://mid.ru/ru/foreign_policy/news/1815483/>,
[Truy cập ngày 04 tháng 8 năm 2023].
15. Министерство торговли России (2016), “Торговля между Россией и Китаем в 2014 г.” (Thương mại giữa Nga và Trung Quốc năm 2014),
<<https://russian-trade.com/reports-and-reviews/2016-04/torgovlya-mezhdu-rossiey-i-kitaem-v-2014-g/>>, [Accessed on 04 August 2024].
16. Министерство торговли России (2023), “Экономика России: текущее состояние и перспективы” (Nền kinh tế Nga: Tình hình hiện tại và triển vọng),
<<https://tass.ru/ekonomika/16791461>>, [Accessed on 04 August 2024].

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1:

Một số chuyến thăm cấp cao Trung Quốc - Liên bang Nga (2012 - 2024)

STT	Thời gian	Phía Trung Quốc	Phía Liên bang Nga	Ghi chú
1.	3/2013	Chủ tịch Tập Cận Bình		Cuộc gặp đầu tiên sau khi ông Tập Cận Bình trở thành Chủ tịch Trung Quốc
2.	5/2014		Tổng thống Putin	Nga và Trung Quốc ký thỏa thuận cung cấp khí đốt trị giá 400 tỷ USD trong 30 năm. Đây là thỏa thuận lớn nhất của Nga với Trung Quốc trong lĩnh vực năng lượng.
3.	7/2015	Chủ tịch Tập Cận Bình		Hội nghị Thượng đỉnh BRICS và SCO
4.	6/2016		Tổng thống Putin	Hai bên ký thỏa thuận hợp tác về kế hoạch phát triển kinh tế Á-Âu, kết nối giữa Sáng kiến Vành đai và Con đường của Trung Quốc với Liên minh Kinh tế Á-Âu do Nga dẫn dắt.
5.	7/2017	Chủ tịch Tập Cận Bình gặp Tổng thống Putin		Bên lề Hội nghị Thượng đỉnh G20 tại Hamburg, Đức
6.	9/2018	Chủ tịch Tập Cận Bình		Diễn đàn Kinh tế Phương Đông tại Vladivostok, Nga
7.	6/2019	Chủ tịch Tập Cận Bình		Kỷ niệm 70 Năm thiết lập quan hệ ngoại giao Nga-Trung
8.	2/2022		Tổng thống Putin	Sự kiện Olympic Mùa đông Bắc Kinh

9.	3/2023	Chủ tịch Tập Cận Bình		Hai nhà lãnh đạo cũng nhấn mạnh cam kết duy trì sự hợp tác chiến lược trong bối cảnh quốc tế đầy biến động, đặc biệt trong các lĩnh vực năng lượng và công nghệ
10.	10/2023		Tổng thống Putin	Diễn đàn Vành đai và Con đường
11.	5/2024		Tổng thống Putin	Chuyến thăm đầu tiên của Tổng thống Putin sau khi tái đắc cử và cũng chuẩn bị Kế hoạch kỷ niệm 75 Năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao song phương.

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo nguồn từ trang web Bộ Ngoại giao Trung Quốc và Liên bang Nga

PHỤ LỤC 2:

Tuyên bố chung của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Nga về việc làm sâu sắc hơn quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện trong thời đại mới nhân dịp kỷ niệm 75 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước (Toàn văn)

(Tuyên bố được đưa ra trong chuyến thăm Trung Quốc của Tổng thống Liên Bang Nga Putin từ ngày 16 – 17/5/2024).

中华人民共和国和俄罗斯联邦在两国建交 75 周年之际关于深化新时代全面战略协作伙伴关系的联合声明（全文）

https://www.mfa.gov.cn/zyxw/202405/t20240516_11305860.shtml

2024-05-16 22:39

应中华人民共和国主席习近平邀请，俄罗斯联邦总统弗拉基米尔·普京于 2024 年 5 月 16 日至 17 日对中华人民共和国进行国事访问。两国元首在北京举行正式会谈，并共同出席 2024—2025 年中俄文化年开幕式暨中俄建交 75 周年专场音乐会。中华人民共和国国务院总理李强同俄罗斯总统普京举行会见

俄罗斯总统普京并赴哈尔滨出席第八届中俄博览会开幕式。

中华人民共和国和俄罗斯联邦（以下称“双方”），声明如下：

一

2024 年，中俄隆重庆祝两国建交 75 周年。75 年来，中俄关系走过不平凡的发展历程。苏联是世界上第一个承认并与中华人民共和国建立外交关系的国家。苏联解体后，中华人民共和国承认俄罗斯联邦是苏联的合法继承国，并重申愿在平等、相互尊重、互利合作的基础上发展中俄关系。2001 年 7 月 16 日签署的《中华人民共和国和俄罗斯联邦睦邻友好合作条约》为持续全面加强中俄关系奠定坚实基础，双边关系定位不断提升，达到新时代全面战略协作伙伴关系这一历史最高水平。在双方不懈努力下，中俄关系遵循两国国家利益，秉持永久睦邻友好精神，保持健康稳定发展。

双方指出，当前的中俄关系超越冷战时期的军事政治同盟模式，具有不结盟、不对抗、不针对第三方的性质。面对动荡变革的世界格局，中俄关系经受住国际风

云变幻考验，凸显出稳定、坚韧的特质，正处于历史最好水平。双方强调，发展中俄新时代全面战略协作伙伴关系符合两国和两国人民的根本利益，并非权宜之计，不受一时一事影响，具有强大的内生动力和独立价值。双方坚决捍卫自身合法权益，反对任何阻挠两国关系正常发展，干涉两国内部事务，限制两国经济、技术、国际空间的企图。

双方重申，中俄始终视彼此为优先合作伙伴，始终坚持相互尊重，平等相待，合作共赢，始终恪守《联合国宪章》、国际法和国际关系基本准则，成为当今世界大国和互为最大邻国关系的典范。双方愿进一步深化全面战略协作，在涉及彼此主权、领土完整、安全和发展等核心利益问题上相互坚定支持，合理有效发挥各自优势，着眼维护各自国家安全稳定，促进发展振兴。双方将遵循 2001 年 7 月 16 日签署的《中俄睦邻友好合作条约》以及其他双边文件和声明确定的原则，在广泛领域开展高质量、高水平的互利合作。

中方对 2024 年 3 月成功举行的俄罗斯联邦总统大选表示欢迎，认为本次选举组织程度高，公开、客观且具有全民性，其结果充分彰显俄罗斯政府所奉行的国家政策获得广泛拥护，而发展同中华人民共和国的友好关系是俄罗斯外交政策的重要组成部分。

中方对 2024 年 3 月 22 日莫斯科州惨无人道恐袭的所有组织者、实施者和策划者表示强烈谴责，认为对平民的袭击完全不可接受，支持俄方坚决打击恐怖势力和极端势力，维护国家和平稳定。

俄方重申恪守一个中国原则，承认台湾是中华人民共和国不可分割的一部分，反对任何形式的“台独”，坚定支持中方维护国家主权和领土完整、实现国家统一的举措。中方支持俄方维护本国安全稳定、发展繁荣、主权和领土完整，反对外部势力干涉俄罗斯内政。

双方指出，世界大变局加速演进，“全球南方”国家和地区新兴大国地位和实力不断增强，世界多极化加速显现。这些客观因素加速了发展潜力、资源、机遇等的重新分配，朝着有利于新兴市场和发展中国家方向发展，促进了国际关系民主化和国际公平正义。而抱守霸权主义和强权政治的国家与此背道而驰，企图用“基于规则的秩序”取代和颠覆公认的以国际法为基础的国际秩序。双方强调，中方提出的构建人类命运共同体理念和一系列全球倡议具有重要积极意义。

作为建立多极世界进程中的独立力量，中俄将全面挖掘两国关系潜力，推动实现平等有序的世界多极化和国际关系民主化，凝聚力量构建公正合理的多极世界。

双方认为，各国均有权根据本国国情和人民意愿，自主选择发展模式和政治、经济、社会制度，反对干涉主权国家内政，反对没有国际法依据、未经安理会授权的单边制裁和“长臂管辖”，反对以意识形态划线。双方指出，新殖民主义和霸权主义完全违背了当今时代潮流，呼吁开展平等对话、发展伙伴关系，推动文明交流互鉴。

双方将继续坚定捍卫第二次世界大战胜利成果以及载入《联合国宪章》的战后世界秩序，反对否定、歪曲和篡改二战历史。双方指出，必须进行正确的历史观教育，保护好世界反法西斯纪念设施，保护其免遭亵渎或破坏，严厉谴责美化甚至妄图复活纳粹主义和军国主义行径。双方计划于 2025 年隆重庆祝中国人民抗日战争和苏联卫国战争胜利 80 周年，共同弘扬正确的二战史观。

二

双方将以元首外交为引领，推动中俄新时代全面战略协作伙伴关系全方位发展。双方将全面贯彻落实两国元首达成的重要共识，继续保持密切高层交往，确保政府、地方及民间交往机制顺畅运行，积极研究创建新的合作渠道。

双方将继续开展两国立法机构领导人交往，深化两国议会合作委员会、联合工作组以及专门委员会、议员友好小组间合作，保持中共中央办公厅和俄罗斯联邦总统办公厅机构之间的交流合作，在战略安全磋商和执法安全合作机制框架下开展互信对话，促进两国政党以及民间、学术界交流。

双方高兴地指出，两国在高水平战略互信基础上稳步开展防务合作，有效维护地区和全球安全。双方将进一步深化军事互信与协作，扩大联合演训活动规模，定期组织海上、空中联合巡航，加强双边及多边框架下协调与合作，不断提高双方共同应对风险挑战的能力和水平。

双方高度重视执法安全领域合作，愿在双边以及联合国、上海合作组织、金砖国家等框架下加强打击恐怖主义、分裂主义、极端主义、跨国有组织犯罪合作。双方致力于加强两国地方执法部门开展边境地区合作。

双方指出，利用多边或国家司法，或向外国司法机构或多边法律机制提供协助，借以干涉各国主权事务的做法不可接受，对国际刑事司法日益政治化以及对人权和主权豁免的侵犯深表关切。双方认为，任何国家或集团采取此类措施的行为都是非法的，违反公认的国际法准则，并将损害国际社会打击犯罪的能力。

双方相信，根据各国主权平等的国际法基本原则，必须严格遵守有关国家及其财产（包括主权储备）享有豁免的国际义务。双方谴责没收外国资产和财产的企图，强调受害国有权依据国际法采取反制措施。双方决心对彼此在本国的国家财产提供保护，并保证对方国家财产在临时运至本国期间的安全、不可侵犯和及时返回。

双方计划完善 1992 年 6 月 19 日签订的《中华人民共和国和俄罗斯联邦关于民事和刑事司法协助的条约》中所规定的法律判决认可和执行机制。

双方将继续在应急管理领域内加强务实合作，在空间监测、航空救援技术等防灾减灾救灾、安全生产领域内开展合作，组织救援联合演习及培训。

三

双方认为，中俄务实合作是促进两国经济社会发展和共同繁荣，保障技术进步和国家经济主权，实现国家现代化，增进人民福祉，维护世界经济稳定性和可持续性的重要因素。双方愿促进普惠包容的经济全球化。双方满意地看到，中俄各领域务实合作持续推进并取得积极成果。双方愿继续按照互利共赢原则深化各领域合作，密切配合，共同克服外部挑战和不利因素，提升双方合作效率，实现合作稳定、高质量发展。为此，双方商定：

——根据《中华人民共和国主席和俄罗斯联邦总统关于 2030 年前中俄经济合作重点方向发展规划的联合声明》，大力推动各领域合作实现高质量发展。

——持续扩大双边贸易规模、优化贸易结构，深化服务贸易、电子商务、数字经济、可持续发展领域合作，共同维护产业链供应链稳定安全。

——欢迎在中国哈尔滨举办第八届中俄博览会，支持中俄各界代表参与在两国举办的重要论坛和展会。

——不断提升两国投资合作水平，共同促进重大合作项目实施，保障投资者权益，为投资创造公平公正的条件。积极发挥两国间投资领域协调机制作用。尽快升级《中华人民共和国政府与俄罗斯联邦政府关于促进和相互保护投资协定》。

——加快制定并于 2024 年批准新版《中俄投资合作规划纲要》，全力促进《纲要》落实，提升双边投资合作成效。

——持续巩固中俄能源战略合作并实现高水平发展，保障两国经济和能源安全。努力确保国际能源市场稳定且可持续，维护全球能源产业链供应链的稳定和韧性。根据市场原则开展石油、天然气、液化天然气、煤炭、电力等领域合作，确保相关跨境基础设施稳定运营，确保能源运输畅通无阻。共同推进中俄两国企业落实大型能源项目，并在可再生能源、氢能和碳市场等前景领域深化合作。

——在已成功落地和正在实施的项目经验基础上，按照互利共赢、利益均衡原则深化民用核能领域合作，包括热核聚变、快中子反应堆、核燃料闭式循环，探讨以一揽子方式开展核燃料循环前端和共建核电站合作。

——提升双边贸易、融资和其他经济活动中的本币份额。完善两国金融基础设施，畅通两国间经营主体结算渠道。加强中俄银行业保险业监管合作，促进双方在对方境内开设的银行和保险机构稳健发展，鼓励双向投资，在遵循市场化原则的前提下在对方国家金融市场发行债券。支持在保险、再保险以及在提升支付便利性领域开展进一步合作，为双方游客量增长创造良好条件。在中俄双方会计准则（在债券发行领域）、审计准则及审计监管等效互认的基础上，积极推动务实领域互利合作。

——开展中俄金融情报合作，共同防范洗钱和恐怖主义融资等风险，继续加强在反洗钱多边框架下协作。

——提升工业和创新领域合作水平，共同发展先进产业，加强技术和生产合作，包括民用航空制造业、造船业、汽车制造业、设备制造业、电子工业、冶金业、铁矿开采业、化工业和森林工业。为双方实施优先领域前景项目创造良好条件，扩大工业产品贸易往来并提高其在双边贸易中占比，助推两国工业现代化进程。

——在信息通信技术领域开展互利合作，包括人工智能、通信、软件、物联网、开源、网络和数据安全、电子游戏、无线电频率协调、职业教育和专业科学研究。

——巩固双方航天领域长期伙伴关系，实施符合中俄共同利益的国家航天计划大项目，推动包括国际月球科研站建设在内的月球及深空探测领域合作，加强北斗和格洛纳斯卫星导航系统应用合作。

——释放农业领域合作巨大潜力，扩大两国农产品相互市场准入，提高大豆及其加工品、猪肉、水产品、谷物、油脂、果蔬及坚果，以及其他农食产品贸易水平。深化农业投资合作，继续研究在俄罗斯远东及其他地区建立中俄农业合作试验示范区。

——深化交通物流和口岸合作，建设稳定、畅通、可持续发展的交通物流走廊，发展两国间直达或中转的运输线路。同步加强边境口岸基础设施建设，加强口岸规范化管理，提高口岸查验效率和通关能力，保障客运、货物双向往来平稳顺畅。提高过境俄罗斯的中欧班列通关能力和运输能力，共同保障货物运输安全高效。从中俄伙伴关系的战略意义出发，积极促进航空运输发展，鼓励双方航空公司以规范方式增加更多航线航班，覆盖更多地区。

——加强海关领域合作，重点推进国际贸易“单一窗口”交流合作，应用现代化监管机制和自动化管理流程，进一步促进贸易往来，提高进出口业务透明度，有效打击海关违法行为。

——加强知识产权保护和运用方面的经验交流与实践分享，充分发挥知识产权在促进科技创新和经济社会发展方面的重要作用。

——加强竞争政策领域互利合作，包括在商品市场（含数字商品市场）开展执法和保护竞争规则合作，为双方经贸合作创造有利条件。

——进一步推动工业、基础设施、住房和城市发展合作。

——在中俄总理定期会晤委员会机制框架下成立中俄北极航道合作分委会，开展北极开发和利用互利合作，保护北极地区生态系统，推动将北极航道打造成为重要的国际运输走廊，鼓励两国企业在提升北极航道运量和建设北极航道物流基础设施等方面加强合作。深化极地船舶技术和建造合作。

——积极支持地方合作和边境合作，扩大两国地方间全面交流。在俄罗斯远东地区优惠制度框架下按照市场化、商业化原则加强投资合作，开展工业、高科技产业合作生产。遵循睦邻友好、尊重国家主权的原则共同开发黑瞎子岛（大乌苏里岛）。加快协商《中俄船只在黑瞎子岛（塔拉巴罗夫岛和博利绍伊乌苏里斯基岛）地区周围水域航行的政府间协定（草案）》文本。双方将同朝鲜民主主义人民共和国就中国船只经图们江下游出海航行事宜开展建设性对话。

——深化环保合作，在跨界水体保护、环境污染应急联络、生物多样性保护及固体废物处理等领域加强合作。

——继续密切协作，改善两国边境地区环境质量。

——继续加强协作，落实 2018 年 5 月 17 日签署的《中华人民共和国与欧亚经济联盟经贸合作协定》，推动共建“一带一路”与欧亚经济联盟建设对接合作，深化亚欧地区全方位合作和互联互通。

——继续落实两国元首关于共建“一带一路”和“大欧亚伙伴关系”建设并行不悖、协调发展的共识，为亚欧各国经济社会独立自主稳步发展创造条件。

——以《中俄蒙发展三方合作中期路线图》以及《建设中蒙俄经济走廊规划纲要》等文件为遵循，继续开展中俄蒙三方合作。

四

双方认为，人文交流对增进相互理解、弘扬睦邻友好传统、赓续两国人民世代友好、夯实双边关系社会基础具有极其重要而深远的意义。双方愿共同努力，积极拓展两国人文合作，提升合作水平，扩大合作成果。为此，双方商定：

——持续深化教育合作，完善立法基础。推动双向留学扩大规模、提升质量，推进在俄中文教学和在华俄文教学，鼓励教育机构扩大交流、合作办学、开展高水平人才联合培养和科研联合攻关，支持高校间基础研究领域合作，支持同类大学联盟和中学联盟开展活动，深化职业和数字教育合作。

——深化科技交流。发挥基础研究和应用研究领域合作潜力，拓展大科学装置框架下合作，支持共建现代化实验室与先进科研中心，维护两国科技发展主动权，促进人员交流，开展跨学科气候变化研究。

——充分利用 2024—2025 年中俄文化年契机，在文艺演出、博物馆、图书馆、文化遗产保护、艺术教育和创意产业等领域全面开展交流。拓宽文化交流地域，积极推动中俄地方青年与文化工作者参与其中。继续举办文化节、图书馆论坛和中俄文化大集。鼓励研究举办“国际流行歌曲大赛”等新倡议。双方认为文化和文明多样性、独特性是多极化世界的基础，将基于此开展交流、合作、互鉴，反对将文化政治化，反对歧视性、排他性“文明优越论”，反对部分国家和民族实施“取消文化”以及损毁拆除纪念设施、宗教设施，推动更多国家认同传统道德观念。

——就保护、研究、修缮、利用历史宗教设施、烈士纪念设施和历史文化遗产开展对话。

——推动电影领域合作，包括中方支持俄方组建欧亚电影艺术学院并设立“欧亚电影公开奖”，将积极考虑选送影片参加相关评奖活动。

——持续推进灾害医学、传染病学、肿瘤学和核医学、眼科学、药理学、妇幼健康等卫生领域合作。运用现代医疗技术领域先进经验，促进高等医学人才培养。

——开展传染病防治、本土及跨境传播卫生领域合作，拓展生物灾害预警和应对合作，维护两国生物领域国家主权，高度重视中俄边境地区开展有关合作。

——高度评价 2022—2023 年中俄体育交流年成果，继续务实推进体育领域合作，深化各项目交流。中方高度评价俄方 2024 年在喀山市举办的首届“未来运动会”，支持俄方举办金砖国家运动会。双方反对将体育政治化，反对任何以国籍、语言、宗教、政治或其他信仰、种族以及社会出身为由将体育作为歧视运动员的工具，呼吁国际社会按照奥林匹克精神和原则开展平等的国际体育合作。

——扩大旅游领域合作，为提升中俄游客互访量创造良好条件，推动跨境旅游发展，共同落实 2000 年 2 月 29 日签署的《中华人民共和国政府和俄罗斯联邦政府关于互免团体旅游签证的协定》，加快协定修订谈判。

——加强两国媒体交流，推动各层级人员互访，支持务实专业对话，积极开展高质量内容合作，深挖新媒体、新技术在大众传媒领域合作潜力，客观全面报道全球重大事件，在国际舆论场传播真实信息。继续推动两国图书翻译出版机构知识经验交流与合作，促进电视频道节目相互播出。

——支持档案部门开展合作，包括交流先进工作经验和档案信息，以及共同筹备档案出版物，实施有关中俄历史和两国关系史的展览项目。

——支持中俄友好、和平与发展委员会开展工作，鼓励通过友协和其他民间友好团体渠道开展合作，促进中俄两国民间交流和相互理解，加强两国专家智库间交流。

——加强青年领域合作，开展理想信念、正确价值观和爱国主义教育，支持青年创新创业、志愿服务、提升创造力。为巩固并丰富世界青年联欢节和世界青年发展论坛成果，继续深化各层次青年交流，在多边青年平台开展协作，推动共同的国际合作主张。

五

双方重申致力于构建更加公正稳定的多极化国际格局，无条件全面尊重并遵守《联合国宪章》宗旨和原则，维护真正的多边主义。双方强调应进一步加强“捍卫《联合国宪章》之友小组”的工作。

双方愿深化在联合国大会及安理会在内的联合国框架下的双边合作，应在联合国各机构内讨论重要国际问题时加强协作。

双方愿继续共同努力，推动各方在多边人权领域开展建设性对话与合作，倡导全人类共同价值，反对将人权政治化、双重标准以及利用人权问题干涉他国内政，共同推动国际人权议程各个方面的健康发展。

为提高全人类健康水平，双方继续就全球卫生问题开展密切协作，包括支持世界卫生组织发挥作用及反对将其工作政治化。

双方坚决推动以世界贸易组织规则为基础的开放、透明、包容、非歧视的多边贸易体制。双方愿加强在世贸组织框架下的合作，推进包括恢复争端解决机制正常运转在内的世贸组织改革，推动世贸组织第 13 届部长级会议成果落实。双方反对将包括贸易、金融、能源和交通运输领域多边组织工作在内的国际经济关系政治化，这将导致全球贸易碎片化、保护主义及恶性竞争。

双方谴责绕过联合国安理会，违反《联合国宪章》等国际法、泯灭正义良知的单边行动以及违反世贸组织规则的单边措施。违反世贸组织规则的限制措施阻碍自由贸易的发展，对全球产业链供应链带来消极影响。中俄双方对此坚决反对。

此外，双方强调愿加强在专业领域多边平台的协作，推动共同立场，反对将国际组织工作政治化。

六

双方认为，在上海合作组织框架内开展合作是加强两国全面战略协作伙伴关系的重要方向。双方将继续协作努力，把上海合作组织打造成具有权威性和影响力的多边组织，使其在构建新的公正稳定的多极化国际格局中发挥更大作用。

双方将同上海合作组织其他成员国协作，完善组织工作，挖掘政治、安全、经济和人文领域合作潜力，使欧亚地区成为和平、稳定、互信、发展繁荣的共同家园。

中方全力支持俄方担任 2024 年金砖国家主席国工作，办好金砖国家领导人第十六次会晤。

双方愿同金砖国家其他成员落实历次金砖国家领导人会晤共识，推动新成员融入现有金砖合作机制，探讨金砖伙伴国合作模式。双方继续秉持金砖精神，提升金砖国家机制在国际事务、国际议程设置上的话语权，积极开展“金砖+”合作和金砖外围对话。

双方将推动提升金砖国家在国际舞台上的协作水平，包括加强金砖国家间贸易、数字经济、公共卫生领域的合作，同时有效推动金砖国家间贸易业务使用本币结算、支付工具和平台的对话。

双方认为，应进一步加强联合国教科文组织作为政府间人文交流普遍性平台的作用，推动该平台上相互尊重的专业对话，促进成员国高效沟通，达成共识，增进团结。

双方高度评价中俄在二十国集团中的建设性合作，重申愿继续加强该机制下协作，推动构建普惠包容的经济全球化，采取平衡且具有共识的行动应对突出的经济金融挑战，推动全球治理体系朝着更加公正的方向发展，提升“全球南方”国家在全球经济治理体系中的代表性。双方欢迎非洲联盟成为二十国集团正式成员，并愿为新兴市场和发展中国家利益共同作出建设性努力。

双方将继续在亚太经济合作组织框架下开展紧密的互利合作，推动全面平衡落实布特拉加亚愿景，推动构建亚太共同体。为此，双方愿进一步推动共同的原则立场，推动构建开放型世界经济，推进亚太区域经济一体化进程、促进贸易和投资自由化便利化、保障跨境产业链供应链稳定畅通、推动亚太地区数字化绿色化转型和可持续发展，造福该地区人民。

俄方高度评价全球发展倡议，将继续参与“全球发展倡议之友小组”工作。双方将继续推动国际社会聚焦发展问题，增加发展投入，深化务实合作，加快落实联合国 2030 年可持续发展议程。

七

双方注意到，当前，地区和全球性冲突不断，国际安全环境不稳定，包括核武器国家在内的国家间对抗加剧导致战略风险不断加大。双方对国际安全形势表示关切。

双方重申恪守 2022 年 1 月 3 日发表的《五个核武器国家领导人关于防止核战争与避免军备竞赛的联合声明》，特别是核战争打不赢也打不得理念，再次呼吁联合声明所有参与国切实遵循该声明。

双方认为所有核武器国家都应秉持维护全球战略稳定、安全平等且不可分割的原则，不应通过扩张军事联盟和同盟，以及在抵近其他核武器国家边境地区建立军事基地，特别是预先部署核武器及其运载工具和其他军事战略性设施等方式侵犯彼此的切身利益。必须采取全面措施防止核武器国家之间发生直接军事对抗，重点是消除安全领域的根源性矛盾。

中俄支持《不扩散核武器条约》审议进程取得成功，同时反对企图将《不扩散核武器条约》及其审议进程用于与条约内容无关的政治目的。

双方再次对美国为维持自身绝对军事优势而破坏战略稳定的企图表示严重关切，主要包括美国建设全球反导体系并在世界各地和太空部署反导系统，强化高精度非核武器解除对方组织军事行动的能力和“斩首”打击能力，强化北约在欧洲“核共享”安排和对个别盟友提供“延伸威慑”，在《南太平洋无核区条约》缔约国澳大利亚建造可能用于保障美国、英国核力量实施行动的基础设施，开展美英澳核潜艇合作，实施在亚太和欧洲地区部署并向其盟友提供陆基中短程导弹的计划。

美国借口同其盟友开展明显针对中俄的联合演习，着手采取行动在亚太地区部署陆基中导系统，双方对此表示严重关切。美方并声称将持续推进上述做法，最终实现在世界各地常态化部署导弹的意图。双方对上述极端破坏地区稳定、对中俄构成直接安全威胁的举措表示最强烈谴责，并将加强协调配合，应对美国对中俄非建设性、敌对的所谓“双遏制”政策。

双方重申《禁止生物武器公约》应得到充分遵守和不断加强，并使其制度化，达成包含有效核查机制、具有法律约束力的议定书。双方要求美国不得在其境内外从事任何威胁别国及有关地区安全的生物军事活动。

双方反对个别国家将外空用于武装对抗的企图，反对开展旨在取得军事优势和将外空界定并用于“作战疆域”的安全政策和活动。双方主张在中俄《防止在外空放置武器、对外空物体使用或威胁使用武力条约》草案基础上，尽快启动具有法律约束力的多边文书谈判，为防止外空军备竞赛、外空武器化及防止对外空物体或借助外空物体使用或威胁使用武力提供根本和可靠的保障。为维护世界和平，保障各国安全平等且不可分割，提高各国探索与和平利用外空的可预测性和可持续性，双方赞同在全球范围内推行不首先在外空部署武器的国际倡议/政治承诺。

双方致力于实现无化武世界的目标，对禁止化学武器组织政治化深表关切。双方指出，《禁止化学武器公约》作为裁军和防扩散领域的重要机制，应得到全面遵守。双方敦促日本全面、完整、准确落实《2022年以后中华人民共和国境内日本遗弃化学武器销毁计划》，尽快销毁遗弃在华化学武器。

双方将继续在化武裁军和防扩散问题上协调行动，致力于恢复禁止化学武器组织的权威性，推动其工作回归非政治化的技术性轨道。

双方重申遵守《不扩散核武器条约》、《禁止生物武器公约》以及《禁止化学武器公约》规定的出口管制义务，反对以虚伪政治目的取代防扩散初心，将防扩散出口管制政治化、武器化，服务本国短视利益和实施非法单边限制措施。

双方重申致力于推动“在国际安全领域促进和平利用国际合作”联大决议全面落实。

双方愿深化在打击国际恐怖主义和极端主义方面的协作，对包括“东伊运”在内的“三股势力”采取“零容忍”态度；同时愿进一步加强在打击跨国有组织犯罪，腐败，非法贩运毒品、精神药品及其前体方面的合作，共同应对其他新挑战和新威胁。

双方高度重视人工智能问题，愿就人工智能的发展、安全和治理加强交流与合作。俄方欢迎中方提出《全球人工智能治理倡议》，中方欢迎俄方在人工智能领域提出治理准则。双方同意建立并用好定期磋商机制加强人工智能和开源技术合作，在国际平台上审议人工智能监管问题时协调立场，支持对方举办的人工智能相关国际会议。

双方重申在维护信息通信技术领域安全问题上的一致立场，同意协作应对包括与人工智能相关的各类网络安全风险。双方鼓励全球共同推动人工智能健康发展，共享人工智能红利，加强人工智能能力建设国际合作，妥善应对人工智能军事应用问题，支持在联合国、国际电信联盟、金砖国家、上海合作组织、国际标准化组织等机制平台开展人工智能交流合作。反对利用技术垄断、单边强制措施恶意阻挠他国人工智能发展、阻断全球人工智能供应链。

双方肯定联合国在制定国际信息安全领域共同规则中发挥主导作用，支持联合国 2021—2025 年信息安全开放式工作组作为该领域无可替代的全球谈判平台并开展经常性工作。双方指出，应制定信息空间新的、负责任的国家行为准则，特别是制定普遍性法律文书可为建立旨在防止国家间冲突的信息空间国际法律调解机制奠定基础，有利于构建和平、开放、安全、稳定、互通、可及的信息通信技术环境。双方认为应履行联合国大会第 74/247 号决议，在联合国特设委员会框架内完成制定打击以犯罪为目的使用信息和通信技术的全面国际公约。

双方支持在确保各国网络体系安全稳定的前提下打造多边、民主、透明的全球互联网治理体系。

双方愿在上海合作组织、金砖国家及其他多边机制下加强协作。双方主管部门愿在现行法律条约框架下，深化国际信息安全领域双边合作。

八

双方为应对气候变化采取措施，重申恪守《联合国气候变化框架公约》及其《巴黎协定》目标、原则和制度框架，特别是共同但有区别的责任原则。双方强调，发达国家为发展中国家提供的资金支持对减缓全球平均气温增长、适应全球气候变化负面影响至关重要。双方反对以应对气候变化为由设置贸易壁垒和将气候议题同国际和平安全威胁挂钩。

双方赞赏中方主持的联合国《生物多样性公约》第 15 次缔约方大会上通过的“昆明—蒙特利尔全球生物多样性框架”，愿推动人与自然和谐发展，助力全球可持续发展。

双方决心在尊重各国国情和主权的基础上，加大塑料垃圾污染治理力度，并同各方一道制定具有法律约束力的文书以应对塑料垃圾造成的环境污染（包括海洋污染）。

双方对日本向海洋排放福岛核污染水表示严重关切，要求日本以负责任方式安全处置福岛核污染水，接受严格国际监测，尊重有关国家开展独立监测的要求。

九

俄方积极评价中方在乌克兰问题上的客观公正立场，赞同必须在充分完整遵守《联合国宪章》的基础上解决危机的观点。

俄方欢迎中方愿为通过政治外交途径解决乌克兰危机发挥建设性作用。

双方指出，必须停止一切促使战事延宕、冲突进一步升级的举动，呼吁避免危机失控。双方强调，对话是解决乌克兰危机的良好途径。

双方认为，为稳步解决乌克兰危机，必须消除危机根源，恪守安全不可分割原则，兼顾各国合理安全利益和关切。

十

双方认为，各国人民命运与共，任何国家不应以牺牲他国安全为代价谋求自身安全。双方对国际和地区安全现实挑战表示关切并指出，在当前地缘政治背景下，有必要基于安全平等且不可分割原则，探讨在欧亚空间建立可持续安全体系。

双方呼吁有关国家及组织停止采取对抗性政策和干涉他国内政，破坏现有安全架构，在国家间构筑“小院高墙”，挑动地区紧张局势，鼓吹阵营对抗。

双方反对在亚洲和太平洋地区拼凑封闭排他的集团架构，特别是针对任何第三方的军事同盟。双方指出，美国“印太战略”以及北约图谋在亚太地区采取的破坏性动向，对该地区和平稳定造成消极影响。

双方对美英澳三边安全伙伴关系（AUKUS）各领域对亚太地区战略稳定造成的后果表示严重关切。

双方将就深化同东盟合作加强协调，继续一道努力推动巩固东盟在亚太地区多边架构中的中心地位，提升东亚峰会、东盟地区论坛等东盟主导机制效能。

俄方支持中国和东盟国家共同维护南海和平稳定。双方认为，南海问题应由直接当事国通过谈判协商解决，坚决反对域外势力插手介入南海问题。俄方支持中方和东盟国家全面有效落实《南海各方行为宣言》，欢迎早日达成“南海行为准则”。

双方反对美国通过扩大军事力量和拼凑军事集团改变东北亚地区力量平衡的霸权行径。美国抱守冷战思维和阵营对抗模式，将“小集团”安全凌驾于地区安全稳定之上，危害地区所有国家安全。美国应当停止此类行为。

双方反对美国及其盟友在军事领域的威慑行径、挑动同朝鲜民主主义人民共和国对抗及可能引发的武装冲突而加剧朝鲜半岛局势紧张。双方敦促美国采取有效措施缓解军事紧张局势并塑造有利条件，摒弃恐吓、制裁和打压手段，推动朝鲜及其他有关国家在相互尊重和兼顾彼此安全关切的原则上重启谈判进程。双方重申政治外交手段是解决半岛所有问题的唯一出路，呼吁国际社会支持中俄具有建设性的共同倡议。

双方主张维护中东地区和平稳定，反对干涉地区国家内政。双方支持在以“两国方案”为关键要素的公认国际法基础上全面、公正、持久解决巴勒斯坦问题，期待看到建立以 1967 年边界为基础，东耶路撒冷为首都，与以色列和平安全共存的独立的巴勒斯坦国。

双方支持叙利亚和利比亚国家的主权、独立、统一和领土完整，推动由这两个国家人民自己主导、自己所有的政治解决进程。

双方将积极合作巩固海湾地区安全，推动地区国家增进互信、实现可持续发展。

双方愿在双边层面和多边机制下就阿富汗事务加强协作，推动阿富汗成为独立、中立、统一、和平的国家，免受恐怖主义及毒品的危害，同所有邻国和睦相处。双方高度重视并支持阿富汗邻国外长会、阿富汗问题“莫斯科模式”磋商、中国—俄

罗斯—巴基斯坦—伊朗四国机制、上海合作组织等地区平台在政治解决阿富汗问题上所发挥的积极和建设性作用。

双方强调，美国和北约作为侵略占领阿富汗 20 年的责任方，不应再次企图将军事设施部署到阿富汗及其周边地区，而应为阿富汗当前经济民生困局负主要责任，承担阿富汗重建的主要支出，并采取一切必要措施解除对阿富汗国家资产的冻结。

双方认为，集体安全条约组织和独立国家联合体对维护地区稳定，打击国际恐怖主义、非法制毒贩毒及有组织犯罪等其他跨境威胁挑战发挥重要作用。双方强调，中国同集体安全条约组织在维护欧亚地区和平安全、共同应对外部挑战等领域具有合作潜力。

为同周边国家发展友善、稳定、繁荣的关系，双方将继续同中亚地区国家一道开展互利合作，加强在上海合作组织、亚洲相互协作与信任措施会议和联合国等国际组织和多边机制内协作。

双方一致认为，非洲国家和平、稳定和获得真正的独立自主是非洲大陆发展与繁荣的基础。双方呼吁维护国际对非合作的良好健康氛围，为此双方将继续就非洲事务加强沟通协作，为支持非洲国家以非洲方式解决非洲问题作出贡献。

双方将继续就拉美和加勒比地区事务加强战略协作。双方希与拉美和加勒比地区有关国家及机制加强各领域合作，包括但不限于拉美和加勒比国家共同体（CELAC）、南方共同市场（MERCOSUR）、太平洋联盟（AP）、安第斯共同体（CAN）、美洲玻利瓦尔联盟（ALBA）、中美洲一体化体系（SICA）、加勒比共同体（CARICOM）等地区组织，以及联合国、二十国集团和金砖国家等国际组织。

双方主张北极应继续成为和平、稳定、建设性对话和互利合作之地，不应给该地区造成军事政治紧张局势。

中华人民共和国主席

习近平

俄罗斯联邦总统

弗·弗·普京

二〇二四年五月十六日于北京

PHỤ LỤC 3:

**Tuyên bố chung của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Nga về sự
ổn định chiến lược toàn cầu**

(Tuyên bố được đưa ra trong chuyến thăm Nga của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận
Bình từ ngày 07 – 10/5/2025).

https://www.mfa.gov.cn/zyxw/202505/t20250509_11617805.shtml

中华人民共和国和俄罗斯联邦关于全球战略稳定的联合声明

在第二次世界大战胜利和联合国成立 80 周年之际，中华人民共和国和俄罗斯联邦（以下称“双方”）强调维护和巩固全球战略稳定极其重要。鉴于当前国际社会在国际和地区安全领域面临严峻挑战，双方遵循两国元首重要共识，重申就全球战略稳定已签署的联合文件精神 and 其中所阐述的原则立场，并进一步声明如下：

双方坚信，各国人民命运与共，各国及各组织不能以牺牲他国安全来保障自身安全。双方呼吁各国坚持全球和地区安全平等且不可分割原则，全力消弭国家间的冲突，共同在全球构建全面、综合、可持续安全。

双方强调维持建设性大国关系对解决全球战略性问题的重要性。核武器国家对国际安全和全球战略稳定负有特殊责任，应摒弃冷战思维和零和博弈，并放弃采取引发战略风险的举措。应通过平等对话和相互尊重的磋商解决关切，增进信任水平，避免危险误判。

遗憾的是，并非所有核武器国家都奉行上述立场。双方关切地指出，核武器国家紧张关系升级，甚至到了面临直接军事冲突的地步，战略领域的问题和挑战层出不穷，发生核冲突的风险上升。

新老军事联盟和同盟的破坏性、扩张性极强，某些核武器国家在其他核武器国家周边敏感地区建立或扩大常设军事基地，炫耀军事实力，进行武力施压，或实施威胁他国核心安全利益的敌对行为，成为最亟待消除的战略风险之

一。

与此同时，军事设施和先进攻击性、防御性武器的前沿部署不断增强，在加强反导拦截能力的同时，还可用来执行战略任务特别是“斩首行动”，这一动向引发严重关切。

某些核武器国家在境外部署陆基中短程导弹的计划和行动令人关切。相关导弹飞行时间短、覆盖面广，且针对其他核武器国家境内目标。与此同时，某些军事联盟和同盟内的核武器国家以及非核武器国家以寻求“深度精确打击”、“杀伤链”、“提升反击能力”等为借口，加速研发、采购、部署远程导弹及类似系统。双方对此种破坏地区稳定与全球安全的挑衅行为表示强烈谴责。

日前宣布实施的“美国金穹（曾为‘铁穹’）”计划旨在构建不受任何约束的全球性、多层次、多领域导弹防御系统，抵御包括“势均力敌”对手的各类导弹威胁，这同样对战略稳定造成严重破坏。该计划全盘、彻底否定了战略进攻性武器与战略防御性武器之间不可分割这一维护全球战略稳定的核心原则。此外，该计划还为研发动能和非动能手段提供进一步助力，以对导弹及其配套设施实施打击，实现“主动抑制发射”。

“美国金穹”计划公然提出大幅增加外空作战手段，包括研发、部署轨道拦截系统，将外空武器化并使之成为武装对抗场所，导致局势雪上加霜。

双方反对个别国家将外空用于武装对抗的企图，反对开展旨在取得军事优势和将外空界定并用于“作战疆域”的安全政策和活动。双方主张在中俄《防止在外空放置武器、对外空物体使用或威胁使用武力条约》草案基础上，尽快启动具有法律约束力的多边文书谈判，为防止外空军备竞赛、外空武器化及防止对外空物体或借助外空物体使用或威胁使用武力提供根本和可靠保障。为维护世界和平，保障各国安全平等且不可分割，提高各国探索与和平利用外空的可预测性和可持续性，双方赞同在全球范围内推行不首先在外空部署武器的国际倡议/政治承诺。

双方谴责将商业航天系统用于干涉主权国家内政、介入他国武装冲突的行为。

某些核武器国家采取挑衅行径，对其他核武器国家造成安全威胁，尤其是在有关军事联盟和同盟框架下进一步推进所谓“延伸威慑”和“核共享”安排，同无核武器国家盟友开展所谓“联合”行动，使用前沿部署的核武器和（或）其他核武器，启用其盟友境内基地、盟友接管的两用装备平台和（或）盟友自有的常规力量和装备，包括更加先进的导弹和反导武器，这极易引发地区和全球军备竞赛，推高紧张局势。

双方特别指出，根据其所有者所作公开宣布，以及根据性能作出的判断，上述进攻性能力包括常规精确打击武器和核武器与非核武器结合的系统，旨在实施“预

防性”和“先发制人”打击任务。其本质是利用防空/反导系统的防御性优势来实施第一轮打击，以谋求战略优势。与此同时，将打击能力和反导能力相结合的冒险战略直接反映在相关军事学说中，突出体现了对“导弹防御及挫败”能力的全面支持。

个别核武器国家在其盟友支持下，全面实施上述设想和军事技术理念，显然是要削弱其他核武器国家战略威慑力的可靠性和有效性，揭示出其谋求压倒性军事优势、“战略坚不可摧”，最终达到“绝对战略安全”的企图。这从根本上违背维持战略平衡的基本逻辑，与平等且不可分割的安全原则背道而驰。其结果是，核武器国家乃至整个国际社会面临全球战略稳定遭到直接破坏、军备竞赛和冲突风险加剧的多重威胁。此外，这样的政策还将严重影响核导领域维持可预测性的努力，并使核军控和核裁军倡议的推进举步维艰。

双方一贯反对此类破坏全球战略安全与稳定的政策。双方重申恪守 2022 年 1 月 3 日发表的《五个核武器国家领导人关于防止核战争与避免军备竞赛的联合声明》，特别是有关“核战争打不赢也打不得”的原则。双方呼吁上述声明参加国采取实际行动，认真履行各项条款。为此，应坚决避免核武器国家间发生任何军事对抗，在相互承认和尊重彼此安全利益与关切的基础上寻找现有分歧的政治外交解决之道。

双方强调，防范核武器国家间爆发武装冲突、持续稳妥地减少核武器国家间累积的冲突风险——这些优先任务应以一揽子方式平等推进实施，重点是消除其基本矛盾产生的根源，通盘考虑影响全球战略稳定的一切主要因素。双方坚信，针对危机和冲突采取预防性措施理应优先于“管控”对抗及对抗升级。只有消除某些核武器国家对其他核武器国家核心安全利益的侵害，核武器国家降低战略风险的共同努力才能够持久和真正有效。

双方重申军备控制是加强国际安全与稳定的重要手段，破坏国际安全与稳定的行为同时也阻碍了军控领域的努力。双方致力于践行真正的多边主义，支持联合国及其相关多边机制在军控进程中发挥中心作用。双方认为，为降低全球冲突风险、保障全球战略稳定，应作出通盘努力，军控是其中一个方面。

双方认为，《不扩散核武器条约》是国际核不扩散体系的基石，对于全球安全架构至关重要。双方高度重视确保条约的完整性、有效性和普遍性，将在审议工作中继续积极协作，推动 2026 年审议大会取得成功，共同防止条约被用于与其内容无关的政治目的。

双方指出，美国、英国、澳大利亚通过三边安全伙伴关系，企图将两个核武器国家用于保障其核力量的军事设施建在一个《南太平洋无核区条约》缔约国境内，破坏了地区战略稳定，并挑起地区军备竞赛。

双方还指出，要在“致命性自主武器系统”政府专家组等双多边框架内，就人工智能技术军事应用问题进一步开展合作。

在国际社会纪念《禁止生物武器公约》生效 50 周年之际，双方重申公约应得到充分遵守，敦促缔约国不断加强公约并使其制度化，特别是达成包含有效核查机制、具有法律约束力的议定书。双方对美国及其盟友从事生物军事活动表示关切，要求其停止在境内外从事任何威胁别国及有关地区安全的此类活动。

双方重申致力于建立无化学武器世界，呼吁《禁止化学武器公约》缔约国采取一切必要措施以实现上述目标，同时恢复禁止化学武器组织权威性，推动其工作回归非政治化的技术性轨道。双方指出要开展多边努力以防范化学恐怖主义，倡导在日内瓦裁军谈判会议上制定“打击生化恐怖主义行为国际公约”。双方敦促日本忠实履行义务，尽快全面彻底销毁遗弃在华化学武器。中方支持俄方竞选禁化武组织执理会成员。

双方重申遵守《不扩散核武器条约》、《禁止生物武器公约》以及《禁止化学武器公约》规定的出口管制义务，反对个别国家出于一己私利，将有关机制用于对他国的技术和经济遏压，以及实施非法单边限制措施。双方致力于推动落实“在国际安全领域促进和平利用国际合作”联大决议。

双方坚信，推动上述工作将极大改善国际安全环境，为营造有利于军控裁军进程的良好氛围带来重大助力，军控裁军进程必须遵循“维护全球战略稳定”和“各国安全不受减损”原则。

双方愿继续积极密切协调，深化务实合作，维护和加强全球战略稳定，携手应对这一领域的共同挑战和威胁。

2025 年 5 月 8 日于莫斯科